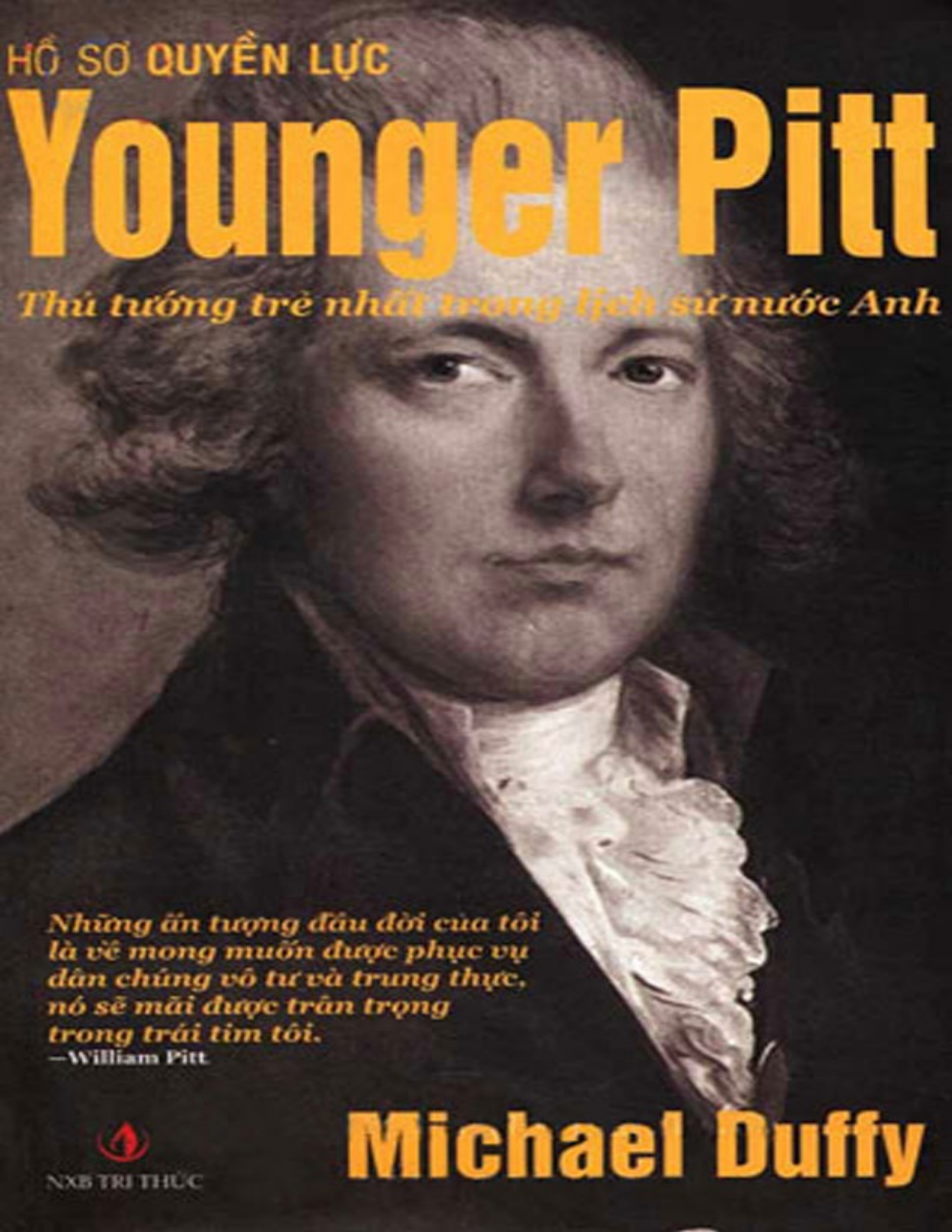


HỒ SƠ QUYỀN LỰC

Younger Pitt

Thủ tướng trẻ nhất trong lịch sử nước Anh



*Những ấn tượng đầu đời của tôi
là về mong muốn được phục vụ
dân chúng vô tư và trung thực,
nó sẽ mãi được trân trọng
trong trái tim tôi.*

—William Pitt

Michael Duffy



NXB TRI THỨC

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Lời mở đầu

CHƯƠNG 1. Con đường đến với quyền lực

CHƯƠNG 2. Pitt và Vua Anh

CHƯƠNG 3. Thủ tướng Pitt

CHƯƠNG 4. “Tham vọng cuộc đời tôi”: Pitt và công việc chính phủ

CHƯƠNG 5. Pitt và Viện Bình dân

CHƯƠNG 6. “Ấn tượng và tình cảm của dân chúng đối với phe của Pitt”: Pitt và nhân dân

CHƯƠNG 7. Pitt và các cường quốc châu Âu

CHƯƠNG 8. Pitt mất dần quyền lực

BẢNG NIÊN ĐẠI

LỜI GIỚI THIỆU

(cho bản tiếng Việt)

Hai thập niên cuối thế kỷ XVIII là giai đoạn diễn ra những biến động mạnh mẽ trong lịch sử thế giới như Cách mạng Pháp, Cách mạng Hoa Kỳ, các cuộc chiến tranh của Napoleon trên toàn châu Âu... Giai đoạn này cũng xuất hiện những chính khách, những nhân vật lịch sử tầm cỡ mà như Tallerand, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp thời đó từng nói ba chính khách vĩ đại nhất thế giới cuối thế kỷ XVIII là Hoàng đế Napoleon của Pháp, Alexander Hamilton -Bộ trưởng Tài chính đầu tiên của Hoa Kỳ và William Pitt - Thủ tướng Anh trong giai đoạn này.

William Pitt (William Pitt the Younger) là vị Thủ tướng Anh trẻ nhất - lên nắm quyền khi mới 24 tuổi (năm 1783) và cũng là Thủ tướng Anh cầm quyền lâu nhất - tổng cộng 19 năm, cho đến khi qua đời năm 1806 (chỉ ngắt quãng từ năm 1801-1804). Ông được gọi là William Pitt trẻ để phân biệt với William Pitt già, cha của ông, người cũng từng là Thủ tướng Anh.

Trong đời sống chính trị nước Anh, con đường đến với quyền lực nhanh chóng của William Pitt là duy nhất và có lẽ vẫn mãi là trường hợp vô song trên thế giới. William Pitt không giành quyền lực nhờ uy thế và địa vị của cha, mà nhờ tài năng và trí tuệ phi thường của chính mình. Một câu chuyện kể lại rằng năm 1780, trong lần gặp Edward Gibbon – một học giả nổi tiếng, tác giả cuốn *Sự suy tàn và sụp đổ của Đế chế La Mã*, tại một bữa tiệc, Pitt đã tham gia một cuộc tranh luận cực kỳ xuất sắc về chính trị với Gibbon. Chính sự uyên thâm, trí tuệ sắc sảo của chàng trai 21 tuổi này đã khiến nhà sử học cảm thấy bị dồn đến chân tường, chỉ còn cách đứng lên xin lỗi và rời bàn tiệc: “Tôi không nghi ngờ gì về sự khôn ngoan và sắc sảo của quý ngài trẻ tuổi này, nhưng tôi hoàn toàn không quen với phong cách tranh luận của anh ta, vì thế xin hãy thứ lỗi cho tôi”. Cần biết khi đó, Gibbon đã là một sử gia lớn 54 tuổi và vô cùng uyên thâm thì sẽ hiểu trí tuệ và tài năng của Pitt vĩ đại tới mức nào.

Những thành tựu phi thường mà Pitt đã đạt được trong cuộc đời ngắn ngủi của mình luôn là những bài học quý giá cho lịch sử. Vì vậy, tiếp nối từ sách *Hồ sơ Quyền lực*, với sự hợp tác của Trung tâm Hợp tác Trí tuệ Việt Nam (VICC), Công ty Sách Alpha lựa chọn dịch và xuất bản *Younger Pitt*. Thông qua cuốn sách, chúng tôi mong muốn cung cấp cho độc giả những thông tin cần thiết để nhìn nhận rõ hơn lịch sử nước Anh và tài năng, tư duy và cách hành động... của một chính khách phi thường như Pitt.

Xin trân trọng giới thiệu với độc giả và mong nhận được những ý kiến đóng góp!

Tháng 1 năm 2009

NGUYỄN CẢNH BÌNH

Lời mở đầu

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

"Lòng yêu nước đích thực trong thời bình... chính là chấp hành nghiêm pháp luật và giám sát hiến pháp; nỗ lực theo cách thức ôn hòa, vừa phải để điều chỉnh những vấn nạn và tham nhũng...; ủng hộ mạnh mẽ bất cứ ai, bất cứ đảng phái nào, hoặc các mối liên hệ với bất kể chính quyền nào được thiết lập về những điểm mà xét theo khía cạnh nào đó họ có thể đúng, cần phản đối kiên quyết, nhưng bình tĩnh về những điểm mà xét theo khía cạnh nào đó họ có thể sai; nhưng trên hết, điều cốt lõi là trong thời bình phải bảo đảm cho những nguy cơ bất ngờ của chiến tranh, tăng thu nhập nhưng không tạo gánh nặng cho thương mại, thanh toán các khoản nợ chung và phát triển nghệ thuật, khoa học, nông nghiệp, sản xuất và dân số trên khắp vương quốc.

Quả thật, chỉ khi đất nước lâm nguy,... lòng yêu nước mới trở nên sục sôi, giục giã, làm náo động cả thế giới."

Tiểu luận về chủ nghĩa yêu nước và về phẩm chất, tư cách đạo đức của những kẻ giả danh yêu nước nổi tiếng gần đây (1768)

Từ trước đến nay, các công trình nghiên cứu Younger Pitt thường chia sự nghiệp chính trị của ông thành hai phần không đồng đều: những năm hòa bình và cải cách, sau đó là những năm chiến tranh và trấn áp. Tôi cố gắng tránh lối mòn này, bởi tôi nghiêng về ý kiến của “nhà viết tiểu sử chính thức” của Pitt, George Pretyman Tomline, rằng “chính quyền của Pitt là một thể nhất quán, trong đó tất cả các bộ phận hình thành trên cùng một nguyên tắc và hỗ trợ nhau mạnh mẽ”. Các sử gia tranh cãi về nguyên tắc đặc biệt đã thúc đẩy Pitt, nhưng với tôi, dường như cuộc đời và lời nói của ông vẫn âm vang những tình cảm thể hiện trong đoạn trích nêu trên, đại diện cho một người yêu nước lý tưởng hồi giữa thế kỷ XVIII.

Tôi chọn phương thức viết theo chủ đề hơn là theo trình tự thời gian, vì đó là cách tốt nhất để diễn đạt các phạm vi quyền lực mà Pitt thể hiện, cũng như tính liên tục giữa các phần được phân chia theo cách thông thường trong sự nghiệp của ông. Nó cũng biểu thị phạm vi hoạt động rộng lớn của ông, trên nhiều lĩnh vực hơn, với thời gian lâu hơn rất nhiều so với bất cứ bậc tiền bối tài giỏi nào ở thế kỷ XVIII. Ông không những là Thủ tướng trẻ nhất của nước Anh từ trước đến nay, mà việc ông nắm giữ quyền lực cũng thật phi thường. Trong sự nghiệp chính trị 25 năm, có tới 20 năm ông có mặt trong Nội các (và cả chừng ấy năm, chỉ trừ tám tháng, ông là người đứng đầu chính phủ). Năm 1801, một đồng sự trong Nội các, người luôn ngưỡng mộ ông đã tuyên bố: “Pitt và Nội các không thể tách rời”. Sự nghiệp của William Pitt con rõ ràng là cả một tập Hồ sơ quyền lực!

CHƯƠNG 1. Con đường đến với quyền lực

CON TRAI BÁ TƯỚC CHATHAM VĨ ĐẠI

Trong đời sống chính trị và chính quyền Anh, con đường đến với quyền lực nhanh chóng của William Pitt là duy nhất và có thể mãi sau này sẽ vẫn là trường hợp vô song. Ngày 28/5/1780, William Pitt bước sang tuổi 21. Bảy tháng sau, ông được bầu làm nghị sĩ; sau hai năm hai tháng, ông được đề bạt làm Bộ trưởng Tài chính Anh và là thành viên Nội các Anh; chỉ sau ba năm bảy tháng, ông đắc cử chức Thủ tướng Anh và trở thành người lãnh đạo chính phủ.

Một điều khiến ta ít ngạc nhiên nhất về sự thăng tiến nhanh chóng đến không ngờ này chính là cuộc tuyển cử của ông vào Viện Bình dân ở độ tuổi còn rất trẻ. Hệ thống tuyển cử chưa được cải cách của thế kỷ XVIII đã mang lại cho những người trẻ tuổi nhiều cơ hội. Một phần sáu số thành viên Viện Bình dân ở độ tuổi dưới 30, một vài người cũng trẻ như Pitt. Cửa vào Viện Bình dân luôn rộng mở cho những người trẻ tuổi tìm được người bảo trợ có ảnh hưởng lớn trong Nghị viện, hoặc thông qua mối quan hệ chính trị, quan hệ gia đình, hoặc có người cha nổi tiếng. William Pitt rơi vào trường hợp cuối cùng. Ông là con trai thứ hai của Bá tước Chatham vĩ đại (William Pitt cha) – một ngôi sao chính trị siêu phàm và sáng chói giữa thế kỷ XVIII. Khả năng lãnh đạo của Chatham đã giúp dân tộc Anh giành được chiến thắng lừng lẫy nhất trong cuộc Chiến tranh Bảy năm¹. William Pitt sinh năm 1759, năm mà sự nổi tiếng của người cha đã đạt đến đỉnh điểm.

Tuy nhiên, William Pitt lại phát triển khi danh tiếng của người cha đã giảm sút. Chatham là một người yêu nước, ông đã hành động vì lợi ích của dân tộc, không gây bè cánh hay thù oán đảng phái, ghét mọi hình thức tham nhũng và đầu cơ của đời sống chính trị lúc bấy giờ. Ông chống lại sự thống trị theo kiểu quý tộc của Viện Bình dân hay tước vị, bổng lộc và địa vị “ngồi mát ăn bát vàng” mà các chính phủ từng đề nghị để giành được đa số phiếu ủng hộ. Năm 1768, Chatham đã bị công kích trên một số ấn phẩm, như bài viết giấu tên *Bàn về chủ nghĩa yêu nước*, trong đó lên án ông là “kẻ mạo danh yêu nước”. Ông bị cho là đã để tính tự phụ của mình vượt lên cả tình yêu đất nước khi từ chức vào năm 1761, sau khi những đồng sự trong Nội các không thông qua kế hoạch của ông về cuộc chiến tranh với Tây Ban Nha và từ chối ủng hộ các kế hoạch sau này của cuộc chiến.

Uy tín “một hạ nghị sĩ vĩ đại” của Chatham đã bị lung lay bởi sau khi từ chức, Chatham đã chấp nhận khoản tiền trợ cấp hàng năm 3.000 bảng và một danh vị quý tộc cho vợ mình; hơn thế nữa, ông đã trở thành Bá tước Chatham và là Thủ tướng Anh trong những năm 1766-1768. Nhiệm kỳ thủ tướng của Chatham, một sự trải nghiệm về lý tưởng yêu nước của một bộ không đảng phái ủng hộ nguyên tắc “biện pháp chứ không phải con người” đã bị đứt ngang giữa lúc sự tố cáo lẫn nhau và tranh giành quyền lực xảy ra trong Nội các, cuối cùng bệnh tật đã loại ông ra khỏi cuộc chiến đó. Việc sau này Chatham ủng hộ cải tổ Nghị viện và những người không theo đảng phái đã giúp ông lấy lại uy tín (mặc dù nó cũng khiến ông phải chia tay với nhiều chính trị gia nổi tiếng khác). Tuy vậy, Chatham không được lòng công chúng bởi chính sách ngoại giao theo kiểu đế quốc – thế mạnh lớn nhất của ông. Ông hối thúc cuộc chiến với một quốc gia rất nhạy cảm bằng việc chiếm đóng quần đảo Falkland của Tây Ban Nha vào năm 1770, tiến tới hòa bình và sự hòa giải vô ích với Mỹ trong khoảng thời gian từ 1774

đến 1778, năm ông mất.

William Pitt và cha có mối quan hệ rất sâu sắc. William Grenville, người anh họ của William Pitt, nhớ lại, Pitt “thường trò chuyện với Bá tước Chatham rất triu mến và không bao giờ có khoảng cách giữa hai cha con”. Mối quan hệ này đã giúp Pitt bước vào đời sống chính trị ngay từ rất sớm. Chatham không chỉ huấn luyện con trai khả năng diễn thuyết trước công chúng từ khi còn nhỏ, mà còn nhắc nhở đạo làm con phải giữ gìn truyền thống yêu nước, tiếp nối truyền thống gia đình của một hạ nghị sĩ vĩ đại và lấy lại uy tín của người cha đã khuất. William Pitt sẽ đưa ra trước Viện Bình dân Anh ngọn đuốc học thuyết yêu nước mà cha ông theo đuổi, dầu có cả những bài học về lỗi lầm của người cha mà ông không thể nào quên. Song, đó cũng là một quyết định mạo hiểm, bởi ông bắt đầu sự nghiệp chính trị từ cơ sở tài chính không vững chắc. Chatham chết khi đang nợ nần chồng chất. Pitt phải sống dựa vào khoản trợ cấp 600 bảng mỗi năm của người anh trai và không thể trông mong gì hơn, vì tài sản của cha ông đã bị các chủ nợ lấy đi hết. Phải có một khoản thu nhập cá nhân độc lập thì ông mới có thể theo học các khóa dành cho giới thượng lưu. Trong những năm 1779-1780, ông đã theo học ở trường Lincoln's Inn. Hè năm 1780-1781, ông là luật sư tập sự nghiên cứu các vấn đề của phương Tây. Tuy nhiên, khoản thu nhập từ công việc này vẫn chưa ổn định. Do các nghị sĩ Anh không được trả lương và học thuyết yêu nước của ông là không màng đến danh lợi hoặc bổng lộc nên ông thật sự cần đến một chức vụ được chính phủ trả lương để có thể duy trì sự nghiệp chính trị hiệu quả.

Những năm đầu tiên trong sự nghiệp, dịp may hiếm có đã đến với Pitt, chỉ còn phụ thuộc vào khả năng ông khai thác nó như thế nào. Cuộc chiến tranh giành độc lập của người Mỹ (1775-1783) ngày càng trở nên tồi tệ, Pháp và Tây Ban Nha tham chiến để chống lại Anh. Tư tưởng phản đối mối bất hòa với Mỹ của Chatham nay được nhiều người ủng hộ hơn. Việc Bộ của North² chỉ đạo cuộc chiến sai hướng khiến mọi người thấy rõ hướng chỉ đạo mạnh mẽ và hiệu quả mà Chatham đã áp dụng trong cuộc chiến tranh trước. Trong khi đó, sự quản lý lỏng lẻo của các bộ lại được đổ lỗi cho tệ tham nhũng và sự ảnh hưởng quá mức của Vua Anh, những điều mà trước đó Chatham luôn công kích. Cơ hội chứng minh danh tiếng của người cha đã trong tầm tay, đồng thời cơ hội để Pitt gia nhập diễn đàn phù hợp cũng đã đến chỉ sau vài tháng, khi Nghị viện Anh bị giải tán và cuộc tổng tuyển cử được ấn định vào tháng 9/1780.

Tuy nhiên, để chứng minh cho danh tiếng và những nguyên tắc đạo đức của cha, Pitt đã gặp không ít trở ngại. Xét theo góc độ duy tâm, ông cần phải trong sáng hơn cha. Ông không thể chuyển sang bất kỳ một đảng nào hoặc liên hệ nhờ một sự giúp đỡ nào. Cũng như cha, Pitt tuyên bố mình là “một đảng viên Đảng Whig³ độc lập”. Điều này có nghĩa là ông không tham gia đảng phái, nhưng cam kết duy trì một hiến pháp cân bằng và pha trộn do những thành viên Đảng Whig lập nên trong cuộc Cách mạng Vinh quang⁴ năm 1688, một hiến pháp mà Pitt tin rằng nó có nguy cơ bị George III và chính phủ của ngài xâm phạm. Pitt thể hiện sự độc lập của mình đến nỗi ông từ chối tất cả những lời đề nghị ủng hộ của các thành phố, thị trấn, ngay cả khi đó là của những người thân, như Bá tước Temple và Thomas Pitt, mặc dù cha của Pitt đã vào Nghị viện bằng con đường này. Thay vào đó, ông tranh thủ sự ủng hộ của các cử tri độc lập, mở rộng và chuyển hướng sang trường Đại học Cambridge, nơi ông đã học vào năm 1773, khi mới 14 tuổi. Ông nhận bằng thạc sĩ tại trường này năm 1776 mà không cần phải thi cử (vì ông nằm trong danh sách con của khanh tướng). Lúc này, mẹ ông đánh giá ông đã “hoàn thiện ở Đại học Cambridge, sau các buổi rèn luyện trí óc và thể lực, phải thú nhận rằng tôi đã nghĩ nó thật hoàn hảo”. Trong suốt ba năm học cao hơn kết hợp với môn cưỡi ngựa ở trường Cambridge, tinh thần vui vẻ, tính hài hước và khả năng đối đáp nhanh nhạy khi tiếp xúc với những người quen đã giúp Pitt cuốn

hút được đồng đảng bạn bè và những người có khả năng ủng hộ ông sau này. Ông đã miêu tả vị trí của mình trong trường đại học là “đáng khao khát nhất, không phải chịu một phí tổn nào, hoàn toàn tự do và xét về mọi khía cạnh là quá vinh dự”. Ông bắt đầu chuẩn bị cho một kế hoạch cá nhân trước khi rời trường Cambridge năm 1779, nhưng chính phủ đã quyết định bầu cử sớm ngoài dự kiến, quá trình vận động bầu cử của ông chưa đủ mạnh nên ông nằm cuối danh sách bầu cử.

Hoàn cảnh bắt buộc Pitt phải chấp nhận những lời gợi ý thiện chí của một người bạn học cũ ở trường Cambridge, Công tước Rutland. Mọi quan hệ của Rutland với người có ảnh hưởng lớn tại thành phố phía bắc bấy giờ – ngài Lowther – đã giúp Pitt quay trở về Appleby ở Westmorland. Ở đây, Pitt cảm thấy được thỏa mãn nhu cầu độc lập của mình. Pitt nói với mẹ về Lowther: “Am hiểu những nguyên tắc của cha, ông ấy cho rằng mình cũng sẽ tán thành những nguyên tắc của con”. Lowther không đưa ra một thời hạn cụ thể, nhưng hy vọng Pitt sẽ từ bỏ vị trí mà nó có thể khiến những nguyên tắc đạo đức của họ trở nên đối lập.

Cuộc bầu cử diễn ra sớm đột xuất khiến tất cả những người chống đối chính phủ không kịp chuẩn bị. Tình trạng tiến triển tạm thời của cuộc chiến và ảnh hưởng của Bộ Tài chính đã tạo cơ hội cho Bộ của North bảo toàn được đa số phiếu. Thành viên mới của Appleby, cũng như cha ông, bị xếp vào phe đối lập. Khoảng một tháng sau khi giành được ghế nghị sĩ, ngày 26/2/1781, với tư cách nghị sĩ tại Nghị viện, ông đã có bài diễn thuyết đầu tiên ủng hộ dự luật của phe đối lập là chuyển số tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh sang phục vụ các dịch vụ công. Cơ hội đến với ông thật bất ngờ, nhưng ông đã sẵn sàng đón nhận nhờ những bài giảng của cha, những buổi trực tiếp nghe diễn thuyết và thảo luận của cha (tình bạn thân thiết của ông với William Wilberforce cũng nảy nở từ khi họ thường xuyên đi nghe các buổi diễn thuyết, trước khi cùng trúng cử vào Viện Bình dân Anh). Pitt ứng khẩu rất bình tĩnh và quả quyết trước những quan điểm của những người diễn thuyết trong buổi hội thảo. Ngay cả North cũng hào phóng tuyên bố đây là bài diễn thuyết hay nhất của một thanh niên mà ông ta từng nghe. Uy tín của cha Pitt cũng khiến mọi người sẵn sàng đón nghe những gì ông nói, và tất nhiên là sẽ không tránh khỏi sự so sánh giữa Pitt và cha. Edmund Burke khẳng định Pitt “không phải là mảnh vỡ của tòa nhà cũ, chính Pitt là tòa nhà cũ đó”. Cũng có thể sự nổi tiếng của cha đã giúp ông có được sự ủng hộ như vậy. George Selwyn, người được nghe bài diễn thuyết thứ ba của Pitt tại Viện Bình dân vào ngày 12/6, đã đánh giá: “Tất cả những gì tôi có thể nói đó là cậu ấy thật hiểu biết, một chàng trai trẻ đầy hứa hẹn”.

Tiếng tăm của cha càng thúc đẩy sự nghiệp của ông. Tuy nhiên, tự bản thân ông phải có khả năng để tận dụng triệt để sự khởi đầu thuận lợi này, và sau bài diễn thuyết đầu tiên tại Nghị viện vào mùa thu, ngay cả Selwyn cũng phải thừa nhận “bài diễn thuyết hôm nay của Pitt đã gây được tiếng vang lớn”. Sau bài diễn thuyết tiếp theo của Pitt, một người rất có kinh nghiệm như Horace Walpole cũng phải ghi nhận: “William Pitt đã đề cập đến lời tuyên bố suông của North mà cậu đã ghi vào biên bản. Cậu ấy đã thể hiện cho họ thấy khả năng tư duy logic đáng ngạc nhiên nhất. Với tất cả những gì đã thể hiện, không ai có thể nghi ngờ cậu ấy sẽ trở thành một người tài giỏi thậm chí còn hơn cả Charles Fox”. Nhân dịp năm mới năm 1782, một thánh giả khác đã viết về Pitt: “Ông ta là một người tuyệt vời trên mọi phương diện, cả công việc bình thường cũng như sự thăng tiến liên tục và nhanh chóng: Tôi đã nghe ông ta diễn thuyết ba lần và lần diễn thuyết sau hấp dẫn hơn lần trước”.

Mặc dù chịu sự công kích từ Pitt, một tài năng đầy hứa hẹn của phe đối lập (Pitt tham gia phe này để cùng góp tiếng nói với Charles Fox, Burke, Sheridan và những người khác), nhưng North đã tổ

chức phiên họp vào mùa xuân năm 1781 với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Henry Dundas, một người chủ trương ủng hộ Scotland. Sự phát triển của Pitt hẳn sẽ không suôn sẻ nếu hoàn cảnh không thay đổi theo chiều hướng có lợi cho ông. Việc quân đội Anh đầu hàng thê thảm trong cuộc chiến tại Yorktown đã làm sụp đổ cuộc chiến tranh ở Mỹ và đánh mất niềm tin trong Bộ. Tháng 3/1782, mất đa số phiếu ủng hộ, North từ chức.

Sự tan rã của một chính phủ được thiết lập trong nhiều năm của North đã làm thay đổi giới chính trị, nhiều nhóm chính trị tan vỡ. Trong hoàn cảnh này, không chỉ khả năng diễn thuyết giúp Pitt tìm kiếm được sự ủng hộ của nhiều người, mà tài trí và những buổi yến tiệc, đặc biệt là với những người cùng độ tuổi trong Nghị viện, đã biến ông thành nhân vật quan trọng trong Gootree, câu lạc bộ của các thành viên trẻ tuổi. Họ hầu hết là những bạn học cũ của Pitt ở Cambridge, trong số đó có John Jeffreys Pratt và Euston, con trai của Bá tước Camden đáng kính và Công tước Grafton, những người ủng hộ nổi tiếng trước đây của cha ông. Ông cũng biết Edward Eliot và Henry Bankes hồi còn ở trường Cambridge. Wilberforce cũng học ở Cambridge, nhưng chỉ đến khi gặp nhau ở London, họ mới kết bạn với nhau. Richard Pepper Arden cũng là người từng đi chung cầu thang gác với Pitt khi ông đang theo học ở trường Lincoln's Inn. Giám đốc ngân hàng Robert Smith cũng bắt đầu liên lạc với Pitt khi ông được vào Nghị viện. Hai người quen khác ở trường Cambridge là William Lowther và Công tước Rutland (người kiểm soát sáu ghế trong Viện Bình dân) cũng nằm trong số những người ủng hộ thân cận của Pitt. Một số người lớn tuổi hơn Pitt – Arden lớn hơn mười lăm tuổi, Smith hơn bảy tuổi, Rutland hơn năm tuổi, Bankes hơn ba, Euston và Eliot hơn một tuổi – tất cả đều đánh giá cao nhân cách của Pitt, cho rằng Pitt có khả năng giành được cảm tình và sự ủng hộ rộng rãi.

Tại thời điểm này, Pitt ảnh hưởng đến họ nhiều hơn là các lá phiếu chắc chắn của họ dành cho ông, nhưng có điểm đáng chú ý: Tháng 3/1782, Selwyn đã viết: “Pitt sẽ không bị lệ thuộc; ông sẽ không chịu như vậy trong xã hội của chính mình. Ông sẽ là người lãnh đạo nhiều thanh niên trẻ, và đó sẽ là một quân đoàn tách biệt khỏi quân đoàn của Charley (Fox); do vậy sẽ có một người khác ở vị trí đứng đầu này, người mà không ai có thể vượt qua”. Mười ngày trước, Dundas có kế hoạch yểm trợ cho Bộ của North, trong đó gồm cả kế hoạch giới thiệu Pitt với cương vị là Thủ quỹ của Hải quân Anh, với một ghế ở Bộ Tài chính, Hải quân và Thương mại, cùng với một số bạn bè của Pitt. Pitt đã thu hút được sự ủng hộ của nhiều người.

Tuy nhiên, việc thiếu kinh nghiệm đã khiến Pitt trở thành một người liều lĩnh. Khi chính phủ mới được thành lập, Pitt đã bất ngờ tuyên bố không bao giờ chấp nhận sự phụ thuộc. Ngày 8/3, ông cũng tuyên bố như vậy trước Viện Bình dân. Horace Walpole đã coi điều Pitt làm là sự bất cân khó tha thứ:

Đó là lời phát biểu quá ngạo mạn của một đứa trẻ không có lấy một chút kinh nghiệm, thậm chí là của một kẻ có vị trí thấp nhất trong bất kỳ một văn phòng nào, người mà chỉ nhờ những bài diễn thuyết, trên thực tế là rất hay nhưng không chứng minh được năng lực làm việc đã vội tự phụ đòi đứng ở vị trí lãnh đạo. Điều đó chứng minh anh ta chỉ là một đứa trẻ, một con người kiêu căng và đầy tham vọng. Khi bình tĩnh lại, anh ta sẽ nhận thấy đó là hành động điên rồ và muốn cắt bỏ cái lưỡi vì đã thốt ra những điều đó.

Sự việc đó đã đẩy Pitt vào thế không thể đòi hỏi quyền lực và phải phụ thuộc vào lòng tốt của một chính trị gia cấp cao mà Pitt có mối liên hệ mật thiết nhất – Bá tước Shelburne, người được thừa hưởng khả năng lãnh đạo của những người theo Chatham trước đây. Shelburne giới thiệu Pitt với Bá tước Rockingham – một nhà lãnh đạo của nhóm đối lập lớn nhất, được giao phó nhiệm vụ thành lập

chính phủ mới. Rockingham có ý định bổ nhiệm Pitt làm Phó giám đốc Bộ Tài chính Ireland với mức lương 5.000 bảng mỗi năm, nhưng Pitt đã từ chối vì e ngại việc nhận chức đó sẽ đi ngược lại những tuyên bố của ông trước công chúng, sợ rằng hình ảnh của một người yêu nước sẽ bị hoen ố. Shelburne đã có một số đề nghị ưu tiên để ấn định một vị trí trong Nội các cho Pitt, nhưng chính phủ mới được thành lập mà vẫn không có Pitt.

Một lần nữa, con đường chính trị của Pitt bị dừng lại, ông nhanh chóng tìm cách củng cố hình ảnh của mình trước mắt dân chúng. Chi phí và cách quản lý sai lầm cuộc chiến tranh với Mỹ đã kích thích yêu cầu phải cải tổ Nghị viện trở thành đại diện tốt hơn cho quan điểm của giai cấp tư sản trong nước. Xuất phát từ tầng lớp cấp tiến ở London, nó đã lan sang tầng lớp quý tộc nhỏ ở các hạt. Năm 1779, Đức cha Christopher Wyvill thành lập Hiệp hội Yorkshire – nhóm gây áp lực ngoài Nghị viện cho chiến dịch đòi cải tổ, các hạt khác cũng noi gương thành lập hiệp hội. Cha của Pitt là người kiên định mục tiêu cải tổ Nghị viện, và tháng 10/1780, Pitt được bầu vào ủy ban của Hiệp hội Kent⁵ do Mahon, anh rể ông, làm chủ tịch.

Phong trào đòi cải tổ đã gặp thất bại vì North chiến thắng trong cuộc bầu cử, nhưng mọi người vẫn hy vọng nó sẽ được phục hồi khi chính quyền của ông ta sụp đổ. Tháng 4/1782, Wyvill và Pitt, những người có tư tưởng cải cách, đã gặp nhau tại nhà của Công tước Richmond ở London và đi đến thống nhất rằng Pitt sẽ chuyển đến Viện Bình dân với một chân trong Ủy ban Đặc biệt để lưu ý đến tình trạng phản kháng. Pitt đã đưa ra đề nghị cải tổ lần đầu tiên vào ngày 7/5 trong một bài phát biểu kéo dài một tiếng rưỡi, ông đề xuất việc sửa đổi các nguyên tắc và giảm bớt những thiếu sót. Mặc dù đề nghị này bị phản đối với tỷ lệ phiếu 161 141, Pitt vẫn thành công trong việc củng cố hình ảnh của mình như một phát ngôn viên uy tín trong Viện Bình dân về vấn đề cải tổ Nghị viện và có mối liên hệ trực tiếp với những người cùng tư tưởng cải cách bên ngoài Viện. Mười hai ngày sau, một cuộc họp cấp cao đã đi đến thống nhất bắt đầu chiến dịch trưng cầu dân ý toàn quốc, tạo điều kiện cho Pitt tiếp tục vấn đề này trong phiên họp tiếp theo.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH ANH TRONG NỘI CÁC CỦA SHELBURNE

Pitt đã thăng tiến rất nhanh trước khi vận may đến với ông. Chính phủ mới bị chia rẽ thành hai bè phái tranh giành quyền lực, giữa Shelburne và Fox. Việc Pitt không có mặt trong chính phủ lúc này lại là điều kiện để ông tránh khỏi sự chia rẽ bè phái. Ông tự do ứng cử khi Rockingham đột ngột từ trần vào tháng 7, Fox và những người cùng phe từ chức sau khi Vua Anh chuyển giao cho Shelburne quyền lãnh đạo Nội các. Nội các cần bổ nhiệm các vị trí còn trống, và cần tìm một người có thể đứng cầm đầu với Fox trong Viện Bình dân, việc Pitt tuyên bố muốn đứng ở vị trí lãnh đạo hồi tháng 3 lúc này đã mang lại kết quả. Có quan điểm cho rằng sau khi thôi kiếm sống trong ngành luật sư, chắc chắn Pitt sẽ không từ chối vị trí Bộ trưởng Tài chính Anh trong Nội các mà Shelburne đề nghị. Trong số bạn bè của ông, Arden trở thành cố vấn pháp luật của chính phủ, Eliot và Pratt được giao giữ các vị trí ở Bộ Tài chính và các ban trong Bộ Hải quân.

Điều đáng nói là Pitt giữ chức bộ trưởng của một bộ yếu trong một Nội các không được vững chắc. Pitt vẫn chưa đủ khả năng đòi một vị trí đặc biệt và những gì ông có được đều là do may mắn mà người khác mang lại. Ban đầu, Vua Anh và Shelburne định bổ nhiệm ông làm Bộ trưởng Nội vụ, nhưng

cuối cùng Thomas Townshend, người có nhiều kinh nghiệm và diễn thuyết rất thuyết phục, đã giành được vị trí đó và có quyền lãnh đạo chính phủ trong Viện Bình dân. Townshend và ít nhất hai người khác đã rời Bộ Tài chính, do Bộ không đủ người nên Pitt nhận vị trí Bộ trưởng. Đây không phải là một bộ nắm quyền, Shelburne với tư cách là Thủ tướng Anh có ý định nắm giữ tất cả mọi vấn đề liên quan đến tài chính. Cả Pitt và Shelburne đều cần phải thử thách. Bá tước Mornington, một người bạn sau này và là người đi theo Pitt, đã lộ rõ sự lo lắng khi nghe những lời đồn đại đầu tiên về Bộ mới: “Chao ôi, William Pitt là Bộ trưởng! Ngài Shelburne là Thủ tướng! Tôi chắc chắn Pitt không có đủ khả năng đảm nhiệm công việc đó, còn Shelburne, theo tôi, khó có thể trông mong ở ông ta”.

Sự bổ nhiệm chính quyền đầu tiên của Pitt là trực tiếp vào văn phòng Nội các, nhưng 9 tháng sau ông mới chính thức được nhận quyền, và chỉ đến khi hai phiên họp Nghị viện kéo dài mới khiến khoảng thời gian Pitt chờ lên nắm quyền được rút ngắn. Shelburne không mấy uy tín. Nhưng với bản tính thông minh, lanh lợi, cộng thêm sự tư vấn của các cố vấn riêng tài năng, ông đã khéo léo dần tăng uy tín của mình. Tuy nhiên, dù ông đã chiếm được cảm tình của Vua Anh, nhưng đây lại là thời điểm mà uy tín của Vua Anh bị giảm sút bởi cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ⁶ do ngài ủng hộ đã thất bại. Người ta tính rằng ở Viện Bình dân, số người ủng hộ Shelburne và Vua Anh có thể tập trung ở 140 phiếu, Fox được 90 phiếu và North – người đã mất chức – chiếm 120 phiếu, số phiếu ủng hộ những người còn lại không được thống kê chắc chắn. Bởi vậy, phần lớn phụ thuộc vào việc Shelburne lôi kéo mọi người ủng hộ rộng rãi chính sách của ông. Tuy nhiên, ông vẫn phải đối mặt với tình thế phải giải quyết những vấn đề mà sẽ gây bất lợi cho hòa bình với Mỹ và các đối tác châu Âu, có thể chính phủ sẽ phải chịu những điều gièm pha. Bằng sự khéo léo của mình, Shelburne đã giúp dân tộc thoát khỏi chiến tranh, nhưng sự nhượng bộ của ông cuối cùng lại khiến Nội các tan vỡ, tạo điều kiện cho các thành phần chống đối tập hợp chống lại ông trong Viện Bình dân.

Sau khi Nghị viện tái tổ chức phiên họp vào tháng 12/1782 để thảo luận vấn đề hòa bình, Pitt bắt đầu tăng cường vai trò nắm quyền thật sự cho chính mình. Mọi ưu thế về quyền bổ nhiệm trong Bộ Tài chính nằm trong tay Shelburne, Pitt phải phụ thuộc vào việc liệu Thủ tướng có cho ông nghỉ việc hay không. Chẳng hạn, khi sắp xếp lại các vị trí trong Bộ, có năm vị trí còn khuyết, Shelburne đã giành quyền sắp xếp hai vị trí Bộ trưởng Tài chính cho Orde và Rose, còn lại là của Pitt. Vị Bộ trưởng Tài chính trẻ tuổi làm việc đầy nhiệt huyết, nhưng Shelburne dường như chỉ làm việc trực tiếp với các nhân viên ngân khố dày dặn kinh nghiệm, các cố vấn riêng và vị trí Bộ trưởng Tài chính. Pitt nằm trong kế hoạch cải tổ chính quyền trong Bộ Tài chính của Shelburne, được giao trọng trách đưa hai dự luật ra trước Viện Bình dân, một về việc cải cách thuế hải quan và một về điều chỉnh các văn phòng công cộng. Tuy nhiên, có ít nhất hai dấu hiệu cho thấy Pitt không nằm trong danh sách những người mà Shelburne tin tưởng khi bàn về các công việc của Bộ Tài chính. Thứ nhất, giữa hai người ít khi có sự hòa hợp, đặc biệt khi Shelburne đang giữ một ghế trong Quốc hội ở Bowood mùa thu năm 1782. Dấu hiệu thứ hai là cuộc điều trần của George Rose, Bộ trưởng Tài chính. Mặc dù Rose đã gặp Pitt ở Bộ Tài chính và một vài lần trong bữa tối tại nhà Shelburne, nhưng Rose không thấy thân thiện với vị Bộ trưởng Tài chính cho tới sau khi họ thôi cầm quyền.

Mặc dù Pitt có mặt trong tất cả các cuộc họp của Nội các, nhưng vai trò của ông rất hạn chế. Shelburne luôn điều hành trực tiếp các cuộc đàm phán về các điều luật thông qua cuộc gặp riêng với các đặc phái viên nước ngoài, gửi những đại diện cá nhân, đặc phái viên của Anh hoặc sử dụng hai vị Bộ trưởng. Trong các báo cáo về những cuộc thảo luận trong Nội các, Pitt gần như là ẩn danh. Một số người như Richmond và Keppel mạnh mẽ bày tỏ quan điểm của họ và than phiền về việc thiếu sự bàn

bạc thích hợp trong Nội các. Trong thời gian ngắn, Shelburne nắm giữ quyền điều hành đất nước, quyền lực nằm cả trong tay Thủ tướng và những gì mà Pitt rút ra là có rất ít dấu hiệu cho thấy Shelburne thiết lập mối quan hệ thân mật với Pitt. Hai năm sau, Shelburne cử một đặc phái viên tới để bàn về việc Pitt đề nghị ông được nâng lên tầng lớp quý tộc, vị nguyên Thủ tướng ghi nhận: “Tôi biết sự lãnh lẻo trong thế giới mà anh sẽ bước vào, nó đòi hỏi tất cả sự hăng hái nhiệt tình của anh để làm tan đi bầu không khí đó”.

Chỉ đến khi quyền lực của Shelburne bị đe dọa ở Viện Bình dân thì vai trò của Pitt mới có ưu thế và có ảnh hưởng hơn. Vốn quý nhất của Pitt đối với bất kỳ chính phủ nào vẫn là khả năng diễn thuyết. Ông nhanh chóng tiếp cận với nhiều nhà chức trách có thể lực như Tướng Conway và Thomas Townshend. Tuy nhiên, Pitt vẫn không tránh được những sai lầm đáng tiếc. Trong các buổi thảo luận về đàm phán hòa bình ngày 6/12, Pitt đã mắc sai lầm và tiếp tục mắc sai lầm khi thách thức rằng kết quả của các cuộc đàm phán hòa bình cao hơn với Pháp, hòa bình với Mỹ là vô điều kiện. Khẳng định này mâu thuẫn với những gì Shelburne trình với Vua Anh. Vua Anh đã khiển trách sự thiếu kinh nghiệm của Pitt: “Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, chàng thanh niên còn quá trẻ đó đã lỡ lời”. Một sơ suất khác mà Pitt đã mắc phải gây ra không ít tai tiếng. Ngày 17/2/1783, trong cuộc thảo luận về hiệp ước hòa bình, Pitt đã phản ứng lại những chỉ trích của Sheridan bằng một tuyên bố mỉa mai rằng cuộc tấn công bất ngờ còn tốt hơn là phân chia theo từng giai đoạn.

Tuy nhiên, những kỹ năng tranh luận của Pitt là sự ủng hộ tin cậy và không thể thiếu được đối với Shelburne trong Viện Bình dân. Pitt có ảnh hưởng rất lớn khi Thủ tướng Shelburne phải củng cố Bộ của mình đang có chiều hướng lung lay. Khi Richmond từ chức và Carlisle hết nhiệm kỳ, Shelburne đã dành cả hai vị trí này cho những người bạn của Pitt – Rutland, người đã từ bỏ Nội các của đảng khác và Công tước Grafton – mà không cần phải tham khảo ý kiến. Quyết định này chủ yếu là để tìm kiếm một sự ủng hộ an toàn nhằm hòa giải với North hoặc với Fox. Pitt kiên quyết không ngồi vào bất cứ ghế nào trong Nội các của North. Do vậy, mặc dù đã thăm dò ý kiến để nhận được sự ủng hộ của North (đương nhiên là không có Pitt), Thủ tướng Shelburne vẫn không thể đề nghị một chức vụ cao hơn cho North. Trong số những người từng là phe đối lập, Pitt được phép lựa chọn hướng hòa giải với Fox, nhưng Fox đã từ chối tham gia bất kỳ phiên họp nào khi Shelburne vẫn đương chức, Pitt cũng không thể từ bỏ Thủ tướng Shelburne, do đó cuộc thương lượng này không đi đến hồi kết. Sau đó, Fox và North đã xích lại gần nhau hơn, điều này nằm ngoài dự kiến của mọi người. Những thành phần từng được coi là chống đối đã liên kết với nhau để chống lại những đề nghị của Thủ tướng trong các cuộc đàm phán liên tiếp vào các ngày 17 và 21/2, khiến Shelburne phải tuyên bố từ chức sau đó ba ngày.

Đối với Pitt, bài diễn thuyết trong hai cuộc đàm phán cuối cùng này có ý nghĩa quan trọng nhất trong cuộc đời, đánh dấu những kỳ vọng của ông trong việc lãnh đạo chính phủ. Ông hiểu rằng Bộ của Shelburne sẽ bị lên án và ông phải giải thoát chính mình khỏi sự sụp đổ đó. Ông phải chứng tỏ quyền lực của mình mà không cần phụ thuộc vào Shelburne. Lần thử thách cuối cùng này, ông phải thực hiện điều mình muốn song không thể hiện mình không trung thành với Thủ tướng đã bị thất thế. Pitt đã khéo léo giải quyết tất cả các vấn đề của mình bằng việc trình bày một bài diễn thuyết về chủ nghĩa yêu nước kéo dài 2 tiếng 45 phút. Một người phe đối lập đã mô tả ông như “một cột nhà cao nhất mà cha ông chưa bao giờ trèo lên được”.

Ông cho rằng có thể đạt được hòa bình sau khi North đã lãnh đạo cuộc chiến thật tồi tệ. Ông lên tiếng chỉ trích phe đối lập đã tấn công Bộ mà không quan tâm đến lợi ích quốc gia, chỉ đơn giản nhằm

hạ bộ Shelburne. Tính tự tư tự lợi của những người thuộc phe đối lập đã bộc lộ thông qua việc liên kết gượng ép hai nhóm North và Fox, mà nguyên tắc của hai nhóm này hoàn toàn đối lập nhau: “Nếu cuộc hôn nhân có nhiều điều gở này không được cử hành theo nghi thức, tôi biết chỉ có cách ngăn cản việc đăng ký giá thú, và vì sự an toàn của công chúng, tôi cấm họ thông báo hôn nhân ở nhà thờ”. Ông ca ngợi Shelburne – nạn nhân của các nhóm chống đối – đã đóng một vai trò trung thực và đáng tôn kính trong những hoàn cảnh khó khăn.

Từ việc kiên quyết bảo vệ hòa bình và bảo vệ phẩm chất của Shelburne, Pitt chuyển sang tuyên bố các nguyên tắc cá nhân của mình và của các tổ chức chính trị riêng lẻ. Tên của Chatham được nhắc đến nhiều hơn, ông đã được minh oan:

Tại thời điểm này, tôi đang sống lại những giây phút sôi nổi thời thơ ấu với câu chuyện về những chiến thắng của nước Anh. Tôi đã được một thầy giáo đáng kính dạy rằng thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh thật sự khác xa với hiện nay. Ông đã kêu gọi hòa bình cho các dân tộc. Và cao hơn tất cả là lợi ích chung, là kỷ nguyên đáng tự hào của nước Anh.

Tự gắn mình với người thầy thông thái bậc nhất còn hơn cả Shelburne hay bất kỳ một đối thủ nào khác, trước khi kết thúc bài diễn thuyết, một lần nữa Pitt nhấn mạnh:

Những ấn tượng đầu đời của tôi là mong muốn được phục vụ dân chúng vô tư và trung thực, nó sẽ mãi được trân trọng trong trái tim tôi: Tôi sẽ áp ụ nó hơn cả những di sản vĩ đại nhất. Tôi mang theo những nguyên tắc này khi bước chân vào Nghị viện và cương vị đảm nhiệm.

Những di sản và nguyên tắc của dòng họ Chatham chính là tấm lòng yêu nước: “Tôi khao khát dốc hết sức lực phục vụ cho lợi ích của đất nước; đó là mối quan tâm duy nhất để làm phần việc chính trực và trung thực”; không có gì phải phàn nàn về cách ứng xử hết sức trang trọng này của ông, “một cách ứng xử có một chút gì đó toát lên tham vọng mưu lợi”. Ông tuyên bố ý định ứng cử trong tương lai bằng việc thừa nhận tham vọng của mình, theo đuổi một địa vị cao và có tầm ảnh hưởng bất chấp dư luận nhưng được khéo léo gắn với chủ nghĩa yêu nước. Khi ông rời chức vị, ông sẽ không phải sử dụng đến phe đối lập với những người kế vị ông nhằm cố gắng củng cố quyền lực, nhưng vì họ có ảnh hưởng lớn đến sự thịnh vượng của một cộng đồng rộng lớn, nên ông hứa sẽ kiên trì ủng hộ họ “trong mọi trường hợp mà tôi có thể hỗ trợ họ trung thực và tận tâm”.

Khi kêu gọi mọi người hiểu về sự liêm chính và kiên định trong phẩm chất chính trị, ông hùng hồn tuyên bố:

Các người có thể lấy đi lương bổng và những đặc quyền đặc lợi mà cương vị đảm nhiệm đem lại cho tôi, nhưng không thể và sẽ không bao giờ tước bỏ được sự quan tâm thường xuyên và nồng nàn của tôi đối với sự thịnh vượng của Anh quốc. Mối quan tâm đó tạo nên vinh dự, hạnh phúc và niềm tự hào trong cuộc sống của tôi, và tôi tin tưởng rằng chỉ có cái chết mới có thể khiến tôi từ bỏ nó. Và nhờ có sự an ủi này, dẫu có mất đi chức vị hay cơ hội, dù không hề xem thường,

nhưng tôi hy vọng tôi sẽ sớm quên được sự mất mát đó.

Đó chính là tinh thần được đúc rút từ lời trích dẫn bằng tiếng Latinh của Horace: “Tôi cầu nguyện vận may đến trong khi nó vẫn đang tồn tại. Nếu vận may vỗ cánh bay đi, tôi không nhận món quà của nó... và sẽ trung thực sống cảnh bần hàn không của hồi môn”.

Rõ ràng câu nói này đã được truyền bá vào “ngóc ngách từng nhà và đi vào quảng đại dân chúng”, vì vậy nó có thể bị gạt bỏ vì bị cho là những lời biện hộ yêu nước mà Viện Bình dân đã nghe quá nhiều từ các chính trị gia thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, nó có sức thuyết phục không chỉ ở chủ nghĩa lý tưởng của tuổi trẻ, mà chính từ nhận thức sâu sắc rằng đức tính liêm chính và kiên định là sự bảo đảm chắc chắn duy nhất đối với sự nghiệp chính trị của một người không có cơ may, phải đi tìm con đường riêng như một thành viên Đảng Whig độc lập. Đối với những độc giả của Pitt, “cuộc sống trung thực bần hàn không có của hồi môn” của Pitt rõ ràng là sự thật. Trong thời gian làm việc ở Bộ Tài chính, tiền ông kiếm được chỉ đủ để có được một kỳ nghỉ kéo dài hai tháng ở Pháp vào mùa thu năm 1783, nhưng ông không dự phòng cho khoảng thời gian rời khỏi Bộ Tài chính, mà dự định trở lại kiếm sống bằng nghề luật sư. Bài phát biểu của Pitt không bảo vệ Bộ của Shelburne, nhưng nó đã bảo vệ được bước tiến trong sự nghiệp của Pitt. Thomas Pelham, một người thuộc phe đối lập nghe ông diễn thuyết trong buổi hôm đó, đã ghi nhận: “Thậm chí kẻ thù của anh ta hay những phần tử chống đối đều phải cùng nhất trí rằng đó là bài diễn thuyết hay nhất mà họ đã được nghe trong Nghị viện”.

Những thành công ban đầu của Pitt đã sớm bộc lộ. Hai ngày sau, Shelburne đề cập đến ý tưởng rằng Pitt sẽ kế nhiệm Henry Dundas, người quản lý chính trị sắc sảo của ông ở Scotland, ông này từng hăng hái khẳng định năng lực của Pitt:

Đứng trên cương vị một người phản đối, tôi thấy tuổi trẻ của anh ta là một điểm có lợi để tiến cử. Ở anh ta có một đặc điểm chính trị hiếm có rất đáng quan tâm, một người sẽ khiến những người bất đồng về tính cách, mối quan hệ, nghề nghiệp, sự cạnh tranh hay có ác cảm không còn phản đối anh ta nữa.

Shelburne đã gửi đề nghị lên Vua Anh, người từng gặp Pitt.

Đây là đề nghị đầu tiên trong ba đề nghị về vị trí lãnh đạo cho Pitt mà Vua Anh đã khước từ trước khi chấp nhận đề nghị lần thứ tư vào tháng 12. Việc Vua Anh từ chối thể hiện rõ sự cân nhắc thận trọng trong việc kiểm soát tham vọng của Pitt. Pitt đã đặt ra mục đích phải giành được chức vị cao trong bài diễn thuyết ngày 21/2. Pitt khẳng định với Vua Anh là sẽ chấp nhận nếu có sự công nhận của đại đa số thành viên trong Nghị viện. Đồng sự cũ của cha Pitt, Bá tước Camden, cảnh báo rằng Pitt còn phải phụ thuộc nhiều vào quyết định của Triều đình. Pitt nói với Dundas rằng mình sẽ phó mặc cho North và bạn bè định đoạt, sẽ không tiếp tục phản đối và “với danh dự tình cảm cá nhân tôi, tôi không thể thành lập một chính quyền mà chỉ hy vọng chính quyền đó sẽ được North ủng hộ hoặc thậm chí sẽ không bị North phản đối...”. Ác cảm thường trực của Pitt đối với North trái ngược hẳn với tất cả những khẳng định của Pitt về nguyên tắc “biện pháp chứ không phải con người”, đi ngược lại nguyên tắc đặt lợi ích quốc gia lên trên thù oán cá nhân. Nhưng ông cho rằng North phải có trách nhiệm về sự lạm dụng ảnh hưởng của Vua Anh để mua chuộc Nghị viện, về sự đối đầu với các thuộc địa đã đẩy cha

ông tới chỗ chết, người đã bị kiệt quệ trong cuộc chiến, và là nguyên nhân dẫn tới việc bại trận dưới tay nước Mỹ.

Trên thực tế, việc Vua Anh khước từ bổ nhiệm Pitt lại củng cố vị trí của Pitt chứ không hề làm vị trí này yếu đi, bởi nó đã bộc lộ rõ sự thiếu vắng những người thay thế có khả năng bảo vệ Vua Anh không phải đầu hàng lần thứ hai với Charles Fox, người mà ngài có mối hận thù còn sâu sắc hơn cả mối thù của Pitt đối với North. Trong khi các bầy tôi trung thành của Vua Anh như Bá tước Gower có thể đứng về phía North, thì rất cần một người lãnh đạo có khả năng đối mặt với Fox trong Viện Bình dân. Nhưng nhiệt tình của Townshend lại nhanh chóng tiêu tan khi vị này được nhận tước vị Thị trưởng Sydney, Dundas lại không giữ địa vị xã hội được lâu nữa. Những người anh em họ của Pitt trong gia đình Grenville được chú ý, nhưng William Grenville đã nói rằng người anh họ Jame của mình không có sức khỏe, không đủ nghị lực để đảm nhận nhiệm vụ đó, còn bản thân ông “không đủ tài giỏi để chèo lái con tàu trên biển cả đầy giông bão, không dám đương đầu với trận cuồng phong như thế này”. North gần như đã bị đứng riêng rẽ, nhưng cũng không thể phụng sự nếu không có Fox. Gower gợi ý cất nhắc Thomas, người anh họ khác của Pitt, hoặc bất cứ ai khác trong gia đình Thomas, nhưng Thomas Pitt tuyên bố “không đủ tài để đảm đương nhiệm vụ này”, còn những thành viên gia đình Thomas cũng không có gì nổi trội; trong khi liên minh Fox-North luôn gây áp lực bằng việc không đồng ý khoản chi phí hành chính hàng năm của Nghị viện và từ chối thông qua dự luật chống nổi dậy đối với lực lượng vũ trang. Vua Anh buộc phải mở các cuộc đàm phán với Portland – lãnh đạo liên minh North-Fox. Tuy nhiên, ngày 20/3, Portland cho thấy rõ sự bất đồng giữa các bên về việc phân bổ chức vị, George III hối hả quay trở lại tìm Pitt.

Pitt chỉ chấp nhận chính phủ nếu liên minh North Fox bị chia rẽ, bởi như vậy, ông được xem là nhân vật đáng kính vì đã tìm cách bảo vệ đất nước tránh khỏi tình trạng vô chính phủ. Với những hy vọng mong manh này, Vua Anh đã cắt đứt đàm phán với Portland. Tuy nhiên, Pitt đã không chấp nhận cho tới khi ông thấy vị trí của mình trong cuộc thảo luận ngày 24/3. Nhưng nếu ông hy vọng được thấy liên minh North-Fox bị chia rẽ và cần ông đứng ra lãnh đạo thì ông đã thất vọng. Liên minh này đã tập hợp lại để chống lại các lực lượng chống đối và những người không thuộc đảng phái nào phải chịu im lặng. Thiếu sự ủng hộ của họ, Pitt đã cả quyết với Hầu tước Carmarthen: “Portland nên nghĩ rằng trách nhiệm mà ông ta phải thực hiện với Vua Anh mâu thuẫn với nhiệm vụ của ông trước dân chúng, cũng như nó sẽ gây bất lợi cho danh tiếng và quan điểm trong tương lai của ông ta, khi ông ta phải đảm đương nhiệm vụ quá nặng nề là lãnh đạo chính phủ”. Horace Walpole nghĩ là Pitt đã suy xét sáng suốt. Tuy nhiên, điều đáng hãnh diện là ở độ tuổi đó, Pitt đã mong muốn giành được quyền lãnh đạo đất nước, nhưng dù cho Pitt có được đưa lên vị trí lãnh đạo một đảng thì trước sau gì, ông cũng sẽ thất bại do không có được khoản chi phí hành chính của phần đông các lực lượng chống đối. Hành động từ chối lần thứ hai này mang tính quyết định. Shelburne cuối cùng đã phải ra đi vào ngày 26/3 và Pitt cũng từ chức vào ngày 31, sau khi Vua Anh chấp nhận thất bại và đồng ý một chính phủ liên minh.

NHỮNG KẺ ĐỒNG MUỖ VỚI THURLOW VÀ TEMPLE

Đối với Shelburne, việc từ chức đã đánh dấu chấm hết cho sự nghiệp chính trị, nhưng Pitt lại nổi lên với uy tín ngày càng được củng cố. Những người ủng hộ Shelburne trước đây đã quay sang ủng hộ Pitt. Dundas giờ đây gia nhập phe với Pitt, trong khi Hầu tước Carmarthen viết cho Pitt: “Tôi rất tự hào vì nhân cách của tôi đã được nhân cách của anh điều chỉnh”. Đó là điều mọi người thừa nhận, như Thomas Pitt đã khẳng định với Vua Anh vào ngày 28/3:

Thật là điều phi thường, một thanh niên ở độ tuổi 23 đã thu hút được sự chú ý và mong đợi của cả Vương quốc Anh trong khi anh ta đang rất hạnh phúc vì những ý tưởng tốt đẹp của mình. Anh ta chính là người mà chúng ta cần tìm để lãnh đạo đất nước. Thời cơ đã đến. Anh ta có bạn bè và những mối quan hệ mà chắc chắn sẽ đứng ra ủng hộ anh ta.

Trước đó một năm, Pitt đã phát huy khả năng khi ngồi ở ghế Viện Bình dân Anh. Ông càng củng cố uy tín của mình khi đẩy nhanh các biện pháp cải tổ hành chính trong toàn Viện Bình dân mà ông và Shelburne đã cùng chuẩn bị (Pitt và Shelburne bị thất bại ở Viện Quý tộc). Ngày 7/5, ông đưa ra đề nghị cải tổ Nghị viện, trong đó đề xuất bổ sung 100 nghị sĩ cho các hạt và thủ đô London để cân bằng lực lượng. Trong lần đề xuất cải tổ này, Pitt đã thất bại thảm hại với tỷ lệ phiếu 149-293, nhưng tên tuổi của ông đã để lại dấu ấn trong lòng dân chúng. Ông đã nêu bật những nét khác biệt so với liên minh giữa Fox và North – người trước đây chống cải cách.

Pitt thể hiện rõ nét mối quan tâm củng cố uy tín của mình khi ông phúc đáp đề nghị xa hơn của George III. Vua Anh đã bị thất bại nặng nề. Ngài từ chối ban tước vị cho Liên minh và nổi cơn thịnh nộ khi họ đề nghị thanh toán tài chính cho đứa con trai chơi bời phóng đảng của ngài, Thái tử xứ Wales, người đã bước sang tuổi trưởng thành (và cũng là bạn của Fox). Vua Anh trút oán hận lên anh họ của Pitt, Temple, người mới trở về từ vị trí Quan đại diện nhà vua ở Ireland, dưới thời Shelburne làm Thủ tướng. Ngày 19/7, Pitt đích thân được tiếp kiến Huân tước Thurlow, cựu Đại pháp quan và là bạn của Vua Anh. Thurlow quan tâm liệu Pitt có thể gia nhập một chính phủ “trên nền tảng hệ thống chính trị cũ của Triều đình”. Pitt trả lời mà “không quan tâm đến cơ hội có thể mở rộng tầm ảnh hưởng”, mặc dù “phương thức” như vậy vẫn thường được các bộ trưởng sử dụng. Pitt nói với Thurlow rằng ông và Temple sẵn sàng hành động bất kỳ khi nào họ có thể lập nên “một hệ thống cố định, phù hợp với những nguyên tắc của họ và lập trường của dân chúng”, rằng ông ủng hộ việc cải tổ Nghị viện. Pitt hy vọng sẽ có một lời đề nghị từ phía Vua Anh khi thời cơ đã chín muồi, nhưng hy vọng sẽ “giải quyết công việc phù hợp và đáng được trân trọng nhất”.

Điều mà Pitt không hề nghi ngờ là làm thế nào mà các vấn đề lại được giải quyết nhanh chóng. Gác lại mưu tính sẽ tiếp quản chính phủ, Pitt đi nghỉ ở Brighton và sau đó du ngoạn ở Pháp trong hai tháng – lần duy nhất ông rời nước Anh. Ông trở về Anh để tham dự cuộc họp Nghị viện ngày 11/11, nhưng ngay cả sau cuộc họp đó, mọi người cũng không thể đoán biết điều gì sẽ xảy ra. Thurlow khuyên người bạn Gower rằng “dân chúng hiện đang thất vọng và rất vô vọng khi nhìn về tương lai”, không nên vội vàng vào Nghị viện. Hai ngày sau, Pitt nhận được lời đề nghị của Fox tham gia Liên minh. Ông lập tức từ chối. Có lẽ mọi người đều muốn biết tại sao ông lại không gia nhập Liên minh. Nguyên nhân chính là ngày 18/11, Fox đã đưa Dự luật Ấn Độ ra trước Viện Bình dân.

Cần phải làm một điều gì đó đối với Ấn Độ, nơi mà Công ty Đông Ấn⁷ – một công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính – có sức thu hút người dân còn mạnh hơn cả các công ty của Anh. Đây là vấn đề nhạy cảm vì lĩnh vực bảo trợ lớn đầy tiềm năng đang bị đe dọa và các quyết định lại phải trì hoãn trong suốt cuộc khủng hoảng tranh chấp của Mỹ. Hiện tại, Liên minh phải thử sức thật sự để giải quyết vấn đề này, nhưng cách giải quyết lại là tước quyền quản lý và bảo trợ khỏi tay Công ty Đông Ấn để chuyển sang các đại diện được Nghị viện bổ nhiệm dưới quyền kiểm soát bốn năm của Liên minh, đảm bảo Liên minh có một nguồn bảo trợ lớn trong kỳ bầu cử tiếp theo.

Những trăn trở về chính phủ và hiến pháp liên quan đến vấn đề này luôn thôi thúc Pitt. Ông hỏi ha

kêu gọi những người ủng hộ mình đến Nghị viện càng nhanh càng tốt:

Dự luật mà Fox đã áp dụng liên quan đến Ấn Độ dù sao đi nữa vẫn mang tính quyết định để ủng hộ hoặc chống lại Liên minh. Tôi nghĩ rằng dự luật đó hoàn toàn không phù hợp với hiến pháp và quá táo bạo, bất chấp mọi hiến chương và thỏa thuận, lấy đi sự bảo trợ và ảnh hưởng rộng lớn từ Công ty Đông Ấn để chuyển sang tay Charles Fox.

Fox đã cố kiềm chế tính hay gây gổ khi đưa ra đề nghị đẩy nhanh việc thông qua dự luật, tin tưởng truyền thống đến muộn trong các phiên họp vốn không tùy thuộc vào các bộ trưởng của Vua Anh. Ngày 27/11, Pitt cố gắng tìm cách trì hoãn tiến trình thông qua dự luật. Ông đưa ra những khó khăn tài chính và kêu gọi huy động tài chính để kéo dài thời gian sao cho những người phản đối dự luật chậm nhất cũng có thể tới được London. Đó là một mảnh khoe nhỏ chứng tỏ Pitt là một người có lập trường vững hơn và thắng phiếu Fox.

Thoạt đầu tưởng như không gì có thể ngăn chặn được việc Viện Bình dân thông qua nhanh Dự luật Ấn Độ. Tuy nhiên, những người phản đối có một đồng minh rất nặng ký ở thành phố London. Công ty Đông Ấn đã thành lập một ủy ban bảo vệ và Pitt thường xuyên tiếp xúc gần gũi với hai người đứng đầu ủy ban này là George Johnstone và Richard Atkinson. Ngày 26/11, cuộc họp Ủy ban Viện Bình dân của thành phố cũng đã biểu quyết chống dự luật bởi nó vừa vi phạm các đặc quyền của công ty kinh doanh xuất phát từ các phường hội cổ của đô thị London, vừa bị lên án là đã làm rớt giá cổ phiếu của Ấn Độ, đe dọa sự ổn định tài chính. Tuy nhiên, thông tin này lại không được truyền bá rộng rãi ra ngoài London, điều đó thể hiện qua việc các nghị sĩ trong cả nước đã phải miễn cưỡng đến Nghị viện trước dịp năm mới. Nghị viện thật sự trở thành nơi diễn ra cuộc chiến lớn. Ngày 25/11, nhiều người phản đối Liên minh cuối cùng cũng tập hợp lại khi những người ủng hộ Vua Anh là Thurlow và Công tước Chandos dùng bữa tối cùng với các đồng minh của Pitt là Công tước Richmond và Bá tước Temple. Pitt đáng ra cũng có mặt ở đó nhưng ông bị giữ lại ở Viện Bình dân. Họ càng được tiếp thêm sức mạnh khi Dundas đến vào ngày 27. Dundas không chỉ có một kế hoạch cải tổ Công ty Đông Ấn mà còn được tiếp xúc với đồng sự cũ John Robinson, một nhà quản lý chính trị của North và là người kiến tạo trong Nghị viện hiện thời, cựu Bộ trưởng Tài chính. Robinson cũng rất lo lắng trước việc Liên minh sẽ buộc Vua Anh phải công nhận dự luật. Sáng sớm ngày 30/11, Dundas rời nhà Robinson để tham dự các cuộc họp cùng ngày ở London. Cũng có thể trong các cuộc họp này, quyết định nhờ Vua Anh can thiệp để chống dự luật đã được đưa ra. Ngày hôm sau, Thurlow đệ trình George III một bản ghi nhớ chung đề cập đến vấn đề này, do chính ông và Temple soạn thảo.

Trong một thời gian rất dài, những người viết tiểu sử về Pitt không thừa nhận rằng chính Pitt cũng biết kế hoạch này, bởi tính đúng đắn của thông tin này chưa được xác minh. Năm 1969, trong tác phẩm *The Fox-North Coalition* (Liên minh Fox North), John Cannon đã đưa ra những chứng cứ chứng tỏ Pitt là người chủ mưu. Còn Paul Kelly lại phản đối khi tranh luận: “Pitt đã tự đưa ra những quyết định ảnh hưởng đến chức vụ được bổ nhiệm của ông, cho phép ông đẩy những khởi xướng của người khác và các sự kiện khác”. Tuy nhiên, khẳng định này lại không phù hợp. Những sự kiện đầu năm đó rất hiếm khi cho thấy Pitt cho phép mình đi theo những người khác. Pitt thật sự cần thiết để thành lập nên bất kỳ một bộ thay thế nào sau khi Dự luật Ấn Độ không được thông qua. Hồi đầu tháng 3, John Robinson đã thừa nhận rằng “không có Pitt thì không thể làm được điều gì”, đồng thời, do Pitt thắng thừng từ chối hai đề nghị trực tiếp và tránh né đề nghị thứ ba thông qua Thurlow nên ý kiến của ông

khó có thể được đưa ra đề công nhận. George III chấp nhận điều này bằng việc cử một người làm trung gian tới kiểm tra cùng với Pitt trước khi đồng ý kế hoạch của Thurlow và Temple. Một điều khó có thể tưởng tượng nổi là hai người đã tiếp kiến Vua Anh mà không cần sự hỗ trợ của Pitt. Với vai trò mấu chốt, Pitt là nhân vật công khai khởi xướng mà không cần phải đề phòng Liên minh. Những người đứng ở cương vị như Pitt cũng là những người trung gian đương nhiên bởi các mối liên hệ của họ: Thurlow với Vua Anh; Dundas với Robinson.

Mặc dù Fox rất khéo léo đưa Dự luật Ấn Độ ra trước Viện Bình dân, nhưng hiện Pitt lại được đặt ở cương vị dàn xếp thành công vấn đề này tốt hơn bất kỳ thời điểm nào trước đây. Pitt đưa ra quyết định là cương quyết phản đối Liên minh. Quyết định này đã nhận được sự ủng hộ bên ngoài khi ngày 3/11, Ủy ban Viện Bình dân của thành phố London chỉ thị cho các nghị sĩ thành phố biểu quyết chống lại Dự luật Ấn Độ. Hai bức tranh biếm họa chua cay của James Sayers ngày 25/11 và ngày 5/12 (trong đó Fox được miêu tả như một “Carlo Khan” – bạo chúa phương Đông) đã gây ra sự căm phẫn đến mức chính Fox phải thừa nhận rằng ông thật sự bị suy sụp. Dự báo chi tiết của Robinson về tình trạng của Viện Bình dân trong khoảng thời gian từ ngày 6 đến ngày 9/12 đã cho thấy khả năng ủng hộ một chính phủ chống Liên minh sẽ có tỷ lệ là 253/305 ở Nghị viện hiện tại và 369/189 sau cuộc bầu cử, Dundas có khả năng sẽ tiến cử số lượng nghị sĩ có triển vọng nhiều hơn những dự đoán của Robinson. Ngày mùng 6, Pitt đã nói với Rutland: “Vua Anh sẽ làm tất cả để hợp tác và phối hợp nếu cuộc khủng hoảng lên tới đỉnh điểm, tôi nghĩ rằng nó sẽ lên tới đỉnh điểm”.

Tuy nhiên, sau thất bại nhục nhã hồi tháng 3, George III muốn biết chắc chắn về sự sẵn sàng hành động của Pitt trước khi ngài đưa ra quyết định. Thay mặt Vua Anh, Bá tước Clarendon đã gặp Pitt vào ngày 9 và ngày 11/12. Giữa hai cuộc gặp này, ngày 10, Pitt đã bàn bạc với Temple, Richmond, Thurlow và Gower về những việc nên làm. Mọi người khuyên Pitt nên sử dụng uy tín của Vua Anh để tập hợp lực lượng chống lại Dự luật Ấn Độ trước Viện Quý tộc, nơi dự luật sẽ được đọc lần đầu tiên vào ngày 9. Sự lựa chọn này sẽ tạo đà cho những thử nghiệm về sức chống đối ban đầu, nhưng thất bại của nó có thể khiến Bộ phải chia rẽ hoặc tự giải tán mà không cần có sự can thiệp sâu của Vua Anh. Hơn thế nữa, lựa chọn này cũng sẽ ngăn cản được vấn đề đã trở thành cuộc chiến hiến pháp trực tiếp giữa Vua Anh và Nghị viện. Nó cũng được coi là rất quan trọng để những kiến nghị của Công ty Đông Ấn và thành phố London phải được giải quyết trước khi biểu quyết nhằm gây ảnh hưởng đối với Viện Quý tộc, để các tập đoàn quan trọng cũng như các cá nhân hiểu và tỏ ý phản nộ trước dự luật này, đảm bảo lý do chắc chắn và hợp lý nhằm giải tán Liên minh. Tất cả những điều này là do Vua Anh quyết định. Ngài đã ủy quyền cho Temple nói với các nghị sĩ rằng ai biểu quyết cho Dự luật Ấn Độ sẽ “không những không phải là bạn của Vua Anh mà còn được xem là kẻ thù của ngài”. Các nghị sĩ tiếp nhận lời cảnh báo. Ngày 15/12, họ hoãn phiên họp thông qua dự luật lần thứ hai và ngày 17, họ thống nhất không thông qua dự luật với tỷ lệ phiếu 95/76.

BỘ TRƯỞNG CỦA VUA ANH

Nếu diễn biến các sự kiện diễn ra theo đúng kế hoạch thì đây là cơ hội thuận lợi để bác bỏ Dự luật Ấn Độ. Pitt lao vào cuộc chiến vì sự nghiệp chính trị của mình, giữa lúc cuộc khủng hoảng hiến pháp đang ở giai đoạn trầm trọng nhất. Trong những ngày này, mọi hy vọng về sự chuyển giao quyền lực nhanh chóng và suôn sẻ đã bị tiêu tan khi Liên minh cùng tập hợp chống lại mạnh mẽ.

Pitt từng hy vọng Liên minh sẽ giải tán sau thất bại của Dự luật Ấn Độ, tạo điều kiện thuận lợi để

ông có thể thu hút được những thành viên có năng lực của liên minh chống đối cũ chống lại North nhằm duy trì một chính phủ theo đường lối của Đảng Whig tự do. Ông không muốn làm lãnh đạo bù nhìn của Hoàng gia, nơi luôn duy trì chính phủ “trên nền tảng nền chính trị cũ của triều đình”. Đây chắc chắn là động cơ khiến ông đi tìm những nhân vật có thanh thế của Đảng Whig, như Grafton (người mà ông đã tiếp cận thông qua một nhân vật trung gian vào ngày 14/12) và Camden, để nhận vào Bộ mới. Gần một năm sau, ông vẫn tiếp tục tìm những người theo Đảng Whig và bổ nhiệm họ vào Nội các mang hình thái của Đảng Whig, bởi chính sự tham gia của họ sẽ làm nên cục diện đó.

Những hy vọng về khả năng Pitt có thể lợi dụng các sự kiện đã giải thích tại sao không có một sự chuẩn bị nhân sự nào hay không có một kế hoạch nào được vạch ra cho tương lai khi Bộ của Liên minh bị giải tán, lý giải việc Pitt quá lúng túng khi không thể khai thác các sự kiện theo cách của mình. Điều này chính là vì Liên minh đã không bị giải tán. Trong ngày Dự luật Ấn Độ bị bác bỏ ở Viện Quý tộc, Liên minh cũng bảo đảm được tỷ lệ phiếu ủng hộ là 2/1 ở Viện Bình dân cho cuộc vận động đấu tranh chống lại việc sử dụng uy tín của Vua Anh và chống lại những người có ý định sử dụng uy tín này ở Viện Quý tộc. Ngày 18, khi lãnh đạo của Liên minh vẫn chưa từ chức, Vua Anh đã sốt sáng phái sứ giả đến chỗ Portland, Fox và North ngay trong đêm khuya để yêu cầu họ giao nộp lại con dấu. Ngày hôm sau, Pitt được bổ nhiệm làm Thủ tướng Anh, đồng thời Temple được bổ nhiệm làm Ngoại trưởng và Gower là Chủ tịch ủy ban Viện Quý tộc.

Pitt nghĩ rằng sau khi tác giả của Dự luật Ấn Độ bị sa thải, những người kế nhiệm họ phải lựa chọn hoặc từ chức hoặc bỏ trốn khỏi Liên minh. Tuy nhiên, sự việc lại không như mong muốn, bởi chỉ trong vài ngày, 55 bộ trưởng và lãnh đạo các ban ngành lần lượt từ chức để thể hiện sự trung thành với nhà lãnh đạo của họ. Ngày 21, Pitt đề nghị thương lượng lần cuối với Fox thông qua Bá tước Spencer, người bạn cũ cùng học với Pitt tại trường Cambridge nay đang ủng hộ Fox, nhưng Fox đã từ chối. Pitt tuyên bố ông sẵn sàng làm những gì có thể để đảm bảo một cuộc hòa giải, nhưng ông sẽ không ngồi cùng Nội các với North hoặc chấp nhận Dự luật Ấn Độ trong phạm vi đề nghị. Fox đã tham khảo ý kiến một số người bạn, nhưng tuyên bố rằng việc ngồi cùng Nội các với North sẽ không bao giờ xảy ra.

Kelly đã chỉ trích Pitt ngờ nghệch lạc quan khi hy vọng tất cả sẽ diễn ra tốt đẹp, nhưng Pitt có lý do hợp lý cho những hy vọng của ông. Ấn tượng về sự hợp tác trước đây vẫn còn in đậm trong ông, rất nhiều người thuộc phe đối lập của North đều từng có chung quan điểm mong muốn cải tổ hoặc có các mối liên hệ cá nhân, như Spencer hoặc Tom – anh trai của Temple, người có mối quan hệ với cả hai phe. Mọi nỗ lực được cả hai phe thực hiện nhằm khôi phục mối quan hệ hợp tác: Pitt thực hiện vào tháng 2 (và sự trở ngại sau đó – Shelburne bị cách chức) và Fox thực hiện vào tháng 11. Chỉ sau ngày 21/12, sự chia rẽ vĩnh viễn mới thật sự hình thành.

Pitt sẽ gặp nguy hiểm nếu mối bất hòa giữa ông với đồng sự thuộc phe đối lập trước đây không được cải thiện, bởi Fox vẫn có trong tay vũ khí lợi hại để phá hoại những nỗ lực thành lập một chính phủ mới. Dự luật thuế đất đai đã được chính phủ thông qua ngày 5/1 nhằm thu một khoản tiền lớn nhưng Liên minh cầm quyền bắt đầu nghi ngờ về các cuộc vận động bí mật chống lại Dự luật Ấn Độ. Họ trì hoãn thông qua dự luật này để đề phòng, và phải đợi sau phiên họp thứ ba của Viện Bình dân, vấn đề này mới được thảo luận tại Viện Quý tộc. Chính phủ chưa đưa ra được quyết định gì thì một cuộc tấn công khác lại nhằm vào các bộ trưởng mới. Con đường duy nhất để các bộ trưởng thoát thân – giải tán Nghị viện – đã bị chặn lại. Không còn thời gian để tổ chức một cuộc tổng tuyển cử, phải cố

găng bảo toàn được đa số phiếu thông qua Dự luật thuế đất đai mới trước khi chuẩn bị các khoản tiền phải chi cho nó.

Bị vây chặt, Pitt buộc phải nhượng bộ để chờ thời cơ. Để Dự luật thuế đất đai được thông qua, ông đã phải cam kết sẽ không giải tán Nghị viện – một vấn đề được cho là thứ vũ khí lợi hại nhất của ông. Pitt cũng phải chứng kiến sự thiệt thòi của anh họ, Bá tước Temple, người mà trong vài tháng gần đây đã trở thành đồng minh chính trị thân cận nhất của Pitt. Là một người lãnh trách nhiệm truyền tải thông điệp của Vua Anh đến các nghị sĩ, Temple trở thành trung tâm của sự công kích, và nếu Nghị viện bị giải tán, Temple sẽ là một món nợ chính trị. Hoặc do sợ hãi, hoặc do phải chịu áp lực rời xa Pitt, hoặc cả hai, Temple đã từ chức vào ngày 21. Ngày 22, Viện Bình dân thông báo về việc này, Fox đã cho phép Dự luật thuế đất đai thông qua và đồng ý ngừng họp đến ngày 12/1. Fox đã chứng tỏ được sức mạnh của Liên minh, đạt được hai thành công lớn lao, tạo đà cho cuộc chiến tiếp với Pitt vào mùa thu, khi khoản chi phí hành chính hàng năm và Dự luật Chống nổi loạn (Mutiny Bill) được đưa ra biểu quyết nếu trước đó Bộ vẫn không bị sụp đổ.

Những thất bại này đã giáng xuống Pitt một đòn nặng nề. Thầy phụ đạo của ông ở trường Cambridge và cũng là một người bạn, George Pretyman, đã cho rằng việc Temple từ chức là một sự kiện chính trị duy nhất khiến Pitt có một đêm mất ngủ. Tuy vậy, sáng sớm hôm sau, Pitt kiên quyết “không từ bỏ chức vụ đã đảm nhiệm, phải có được vị thế quyền lực cao nhất, mặc dù còn rất nghi ngờ về kết quả”. Bộ được tái thiết lập tập trung vào bốn vị trí: Pitt, Richmond, Thurlow và Gower. Thurlow vẫn là người đứng đầu Viện Quý tộc, Rutland trở thành Bộ trưởng Không bộ cao cấp của Anh, Bá tước Howe là Bộ trưởng Hải quân, Sydney và Carmarthen là Bộ trưởng Nội vụ và Bộ trưởng Ngoại giao, cả hai vị trí này, theo Robinson “lúc này là lúc đưa ra lý do để sắp xếp lại”. Cảm tưởng mọi vấn đề trở nên trầm trọng thêm và Robinson đã thẳng thừng nói rằng bạn bè thân cận của Pitt (và cả Pitt nữa) đều thừa nhận việc Temple từ chức như là một sự giảm bớt gánh nặng, cắt bỏ những gì đang cuốn chặt quanh cổ Pitt. Tuy nhiên, Pitt vẫn thận trọng. Trong báo cáo về việc thành lập Nội các mới gửi Temple, Pitt còn bổ sung: “Không biết Bộ có thể tồn tại được bao lâu nữa.”

Mọi người hầu như không hy vọng Bộ mới sẽ tồn tại được đến sau kỳ nghỉ lễ Giáng sinh. Bà Crewe, phát ngôn viên chính trị, gọi “đó là chính quyền theo kiểu bánh patê trong dịp lễ Giáng sinh”, nhưng khoảng ngừng họp Nghị viện đã giúp Vua Anh và các bộ trưởng của ngài có đủ thời gian để duy trì các ban ngành và tăng cường nỗ lực để tập trung sự ủng hộ. Bản thân Vua Anh cũng phải gắng sức. Ngài xem cuộc chiến này là thời điểm quyết định đối với ngài vàng của mình. Những nỗ lực tuyên bố thành lập Bộ “trên cục diện của Đảng Whig” bị thất bại do sự phản đối của Fox, Grafton, Camden và những người khác, thậm chí cả Richmond – người ban đầu từ chối ghế trong Nội các, Pitt buộc phải can thiệp vào một số vấn đề, trước hết là cuộc vận động hàng lang của Tử tước Sackville – người cùng với George Germain, từng là Ngoại trưởng chịu trách nhiệm chỉ huy cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ thảm khốc. Tuy vậy, Pitt không đồng ý bổ nhiệm những người bạn của Vua Anh có liên quan mật thiết nhất với “nền chính trị cũ theo kiểu Triều đình” như Robinson và Charles Jenkinson, cũng như không đưa vào Bộ một người tiền nhiệm không mấy được ưa chuộng, đó là Shelburne.

Trong thời gian tái họp Nghị viện, hầu hết các vị trí trong chính phủ đã được lấp đầy bởi những “người bạn trẻ” của Pitt, vì những người vốn theo Shelburne và những người khác thuộc phe đối lập với North không tham gia phe của Fox, North hay đứng về phía Vua Anh. Một số người cho rằng dường như không có nền tảng vững chắc cho một chính phủ thành công. William Eden, một người

thuộc phe đối lập, bình luận: “Mọi người, kể cả già lẫn trẻ đều đang ở trong tình trạng tuyệt vọng”. Benjamin Keene, người từng tuyên bố không bao giờ làm bạn với Liên minh, viết: “Hiện tại, Bộ không có khả năng tồn tại lâu dài nên khó có thể trông mong sự ủng hộ của những người không có quan hệ họ hàng gì như tôi”. Việc thiếu niềm tin vào khả năng tồn tại của Bộ đã ảnh hưởng lớn đến giới quý tộc. Ngày 29/12, Camelford là người uy tín duy nhất tuyên bố ủng hộ Thomas Pitt. Sự thất bại của Pitt trong việc phải cam kết không giải tán Nghị viện trong tháng 12 hóa ra lại là một may mắn, bởi Bộ cần phải chứng tỏ mình rất nhiều trước khi có thể vượt qua được sự phản đối của những người không theo đảng phái nào về chi phí của một cuộc bầu cử sớm; đồng thời cần thu hút sự ủng hộ của các chủ sản nghiệp trong thành phố – những người hy vọng nhận được sự bảo trợ của một Bộ tồn tại lâu dài. Không như dự đoán của Robinson, một cuộc bầu cử sớm có thể sẽ không chiếm được đại đa số phiếu ủng hộ chính phủ như bình thường.

Hơn tất cả, Pitt vẫn phải chứng tỏ mình. Liệu Liên minh còn lan truyền câu: “Billy còn quá trẻ để có thể lãnh đạo chúng tôi”? Trong việc thành lập một Bộ mới, mối lo ngại về những phản ứng tương tự như vậy có thể gây ra tiếng xấu khi kết hợp tên của Pitt với những chính trị gia lão luyện: Gower và Temple vào ngày 19, Gower, Thurlow và Richmond vào ngày 23/12. Thật ra Dundas từng có ý nghĩ rằng Gower sẽ là người đứng đầu Bộ. Tuy nhiên, Pitt dự định sẽ lãnh đạo và vào ngày 18, Dundas giải thích với Orde về việc loại bỏ Shelburne: “Chàng trai trẻ tuổi này (Pitt) sẽ không để mọi người nghi ngờ về một bộ trưởng có năng lực”. Nhưng liệu Pitt có đảm nhiệm được trọng trách đó không? Robinson coi Pitt “là một người tinh tế, tài trí và hăng say, được vây quanh bởi những cậu bé, những nhà lý thuyết và những người thành kiến”. Liệu Pitt có thể vượt lên sự nhiệt tình của tuổi trẻ và chủ nghĩa lý tưởng của những người phục tùng ông? Theo Benjamin Vaughan, một người có khả năng ủng hộ Pitt, những gì mà Pitt thể hiện đã cho thấy “tham vọng quyền lực trong công việc” – trong việc giải quyết vấn đề hòa bình và Dự luật Ấn Độ tại Viện Bình dân – và Pitt cũng muốn làm nguội bầu không khí căng thẳng ở đây. Những ấn tượng không tốt về “cậu bé nóng nảy” đã không còn. Pitt phải thể hiện khả năng tồn tại nếu ông duy trì được niềm tin trong dân chúng.

Trong suốt thời gian ngừng họp của Nghị viện, Pitt và các đồng sự quyết định rằng chiến lược tốt nhất để tồn tại là đấu tranh bằng lý lẽ, đưa ra Dự luật Ấn Độ do chính họ soạn thảo, chứ không đơn thuần là phòng thủ trước những đòn tấn công không thể tránh được của phe Fox. Dundas từng rất quan tâm đến Ấn Độ và đã có một kế hoạch được soạn thảo sẵn để thay thế cho dự luật của phe Fox, điều đáng nói là dự luật này ủng hộ Công ty Đông Ấn. Do tất cả mọi người đều nhận thấy cần phải làm một điều gì đó cho Ấn Độ, nên đây chính là lý do thuyết phục nhất để thu hút sự ủng hộ tối đa. Sau tất cả những vận động hành lang nghị viện trong thời gian ngừng họp của Nghị viện, ngày 12/1/1784, Pitt bước vào Viện Bình dân với niềm tin giành được đa số phiếu ủng hộ.

Tuy nhiên, sự lạc quan của Pitt đã nhanh chóng tiêu tan bởi ông không thể có mặt vào thời điểm bắt đầu vấn đề. Ông phải kiểm chế mình vì còn có việc bầu lại chức vụ đã được bổ nhiệm. Do đó, Fox đã giành được quyền phát biểu ý kiến khi Pitt được chấp nhận là một thành viên mới trong cuộc tái bầu cử. Fox bảo vệ thành công tuyên bố của mình và thắng thế trong cuộc chiến tuyệt vọng cho sáng kiến mà ông ta đang theo đuổi. Cuộc thảo luận đầu tiên đã nghiêng về lập trường của Fox, Pitt phải bảo vệ mình trước những cáo buộc là đã sử dụng một thế lực ngầm. Pitt kiên quyết phản đối, ông tin tưởng uy tín cá nhân là sự liêm chính mà ông đã gìn giữ từ lâu.

Ông (Pitt) tuyên bố, ông đường hoàng bước vào phòng họp kín của Vua Anh, ... rằng ông không

hề biết đến một thế lực ngầm nào và sự liên chính sẽ là vật bảo hộ giúp ông tránh được nguy hiểm, nhưng Viện Bình dân vẫn kiên quyết, bất kể khi nào ông bị phát hiện ra một điều gì đó, ông sẽ không thể ngồi ở cương vị hiện tại thêm một phút nào nữa.

Sự tự bảo vệ đó không trung thực, cũng không hoàn toàn giả dối, nhưng rõ ràng nó còn rất xa với sự thật. Trên thực tế, Pitt đã không trực tiếp đi lên cầu thang sau của Hoàng gia, mà chính sứ thần của Vua Anh đã đến gặp ông. Người ta đã bác bỏ giả thiết có một thế lực ngầm ủng hộ ông khi viện dẫn ý nghĩa thực của từ “thế lực ngầm” như trong bài viết nổi tiếng của Burke năm 1770 – *Thoughts on the Causes of the Present Discontents* (Một vài suy nghĩ về nguyên nhân của những điểm bất bình hiện nay). Theo tác giả, một Nội các hai mặt đã tồn tại hợp lệ, với những cố vấn bí mật luôn đề xuất mong muốn của họ với các bộ trưởng chính thức. Điều đó không đúng trong trường hợp cố vấn là những người cũng có đầy đủ trách nhiệm của các bộ trưởng: Một lần nữa, Pitt khẳng định, ông “không bao giờ hạ mình để làm công cụ của bất kỳ nhà cố vấn bí mật nào”.

Uy tín của Pitt đã giúp ông tránh được sự chỉ trích cá nhân, nhưng đa số phiếu (54/39) đã ủng hộ cho điều khoản bổ sung lên án việc ông sử dụng bất hợp pháp tên tuổi của Vua Anh để gạt đi những trở ngại trong quá trình giải tán Nghị viện, lập nên một chính quyền chiếm được niềm tin của Viện Bình dân và công chúng. Không đạt được số phiếu ủng hộ như mong đợi, Pitt mất hết hăng hái. Ngày hôm sau, trong bữa tối ở Nội các, ông “thậm chí còn nói xa xôi rằng sẽ vứt bỏ tất cả”. Ông được các đồng sự khuyến khích tiếp tục công việc, trong số đó có Richmond – người tình nguyện tham gia Nội các, và Vua Anh – người đã gửi một bức thư bày tỏ sự ủng hộ Pitt mạnh mẽ. Pitt vẫn chuẩn bị sẵn một Dự luật Ấn Độ của riêng mình và hy vọng một lần nữa đưa ra trong phiên họp giới thiệu dự luật vào ngày 16. Ngày hôm đó thật sự là một cơ hội tốt cho nhà lãnh đạo trẻ. Liên minh đã quá tập trung chỉ trích đặc quyền của Vua Anh trong việc lựa chọn các bộ trưởng, trong khi cuộc thảo luận về cải tổ Nghị viện của York đã đem lại cho Pitt cơ hội gợi nhắc mọi người về niềm tin sẽ cải tổ Nghị viện, điều này đối lập với những lời kết tội của phe đối lập rằng Pitt đã sử dụng thế lực ngầm. Cùng ngày hôm đó, thành phố London nhất trí chúc mừng Vua Anh vì đã giải tán được Bộ của Liên minh.

Hy vọng vừa nhen nhóm lại chưa được bao lâu đã bị dập tắt vào ngày 23/1, khi Liên minh đánh bại phiên họp thông qua đề cương của Dự luật Ấn Độ mà Pitt đưa ra. Đối với Pitt, đây không hẳn là một thất bại lớn bởi ông chỉ thua tám phiếu, nhưng nó đã phá vỡ cơ hội giành số phiếu ủng hộ tốt nhất cho ông. Trong hai giờ tiếp theo, Pitt ngồi im lặng, trong khi mọi người tới tập yêu cầu ông phải đảm bảo chắc chắn là sẽ không giải tán Nghị viện. Trong cuộc thảo luận ngày hôm sau, Pitt chỉ hứa hẹn sẽ không giải tán Nghị viện trước khi Viện Bình dân họp phiên tiếp theo vào thứ hai, ngày 26. Có thể chính Pitt cũng không biết phải làm gì, và kỳ nghỉ cuối tuần của ông chìm ngập trong những cuộc thảo luận đau đầu. Vua Anh hối thúc giải tán Nghị viện. Trong cuộc họp Nội các kéo dài 5 giờ vào buổi sáng và 6 giờ vào buổi tối chủ nhật, các cuộc tranh luận vẫn không đi đến hồi kết. Pitt, một người luôn quan tâm đến uy tín về sự liên chính, cũng cảm thấy buộc phải cam kết không giải tán Nghị viện trong tuyên bố của ông vào ngày 22/12. Nhưng điều quan trọng là ông cảm thấy không còn thời gian để tổ chức một cuộc tổng tuyển cử và ra mắt một Nghị viện mới trước ngày 25/3, khi Dự luật Chống nổi loạn – một dự luật được xem là rất cần cho tính kỷ luật của lực lượng vũ trang – hết hiệu lực. Vua Anh xem đây là sự thất bại và triệu tập cuộc họp toàn Nội các vào sáng hôm sau nhằm hô hào hành động và cảnh báo rằng ngài thà đầu hàng Fox còn hơn “phải rời xa Anh quốc mãi mãi!”

Mánh khóe kéo dài thời gian lại được sử dụng để hình thành kế hoạch thu hút đa số phiếu ủng hộ.

Cơ hội luôn rộng mở nhờ áp lực của nhóm nghị sĩ không theo đảng phái vận động hành lang, những người từng gặp gỡ nhau tại St Alban's Tavern để giải quyết cuộc khủng hoảng bằng cách liên kết các đảng đối lập. Pitt bày tỏ mong muốn đàm phán, nhưng phản đối những lời kêu gọi ông từ chức, điều này giúp ông kéo dài thời gian thêm hai tuần. Trong thời gian đó, danh sách các nhà bảo trợ luôn thay đổi, ngày 31/1, thêm ba khanh tướng tuyên bố ủng hộ. Ngày 4/2, các nghị sĩ được lôi kéo vào cuộc với một bản kiến nghị lên án các hành động của Viện Bình dân là bất hợp pháp. Công chúng đều biết đến phẩm chất không vụ lợi của Pitt khi ông từ chối công việc nhàn nhả – làm thư ký cho Pells, với mức lương 3.000 bảng/năm, một vị trí vẫn còn khuyết trong ngày 11/1. Ông đã trao nó cho một người thuộc phe Shelburne, Đại tá Barré. Để vận động các hiệp hội ở các hạt noi gương thành phố London ủng hộ Vua Anh và các bộ trưởng của ngài, nỗ lực phải được nhân đôi.

Lời kêu gọi gửi đến dân chúng đã nhận được sự hưởng ứng rộng rãi không ngờ, tiếp thêm sức mạnh để Pitt duy trì trong cuộc khủng hoảng. Giữa tháng 1, sự ủng hộ Vua Anh và các bộ trưởng của ngài chỉ là một dòng chảy nhỏ lăn tăn, đến tháng 2 đã trở thành một luồng chảy mạnh và dần dâng thành một trận lụt vào tháng 3 với sự có mặt của 200 người (gấp 5 lần so với các phong trào ủng hộ khác trong 30 năm qua). Fox trả đũa bằng cách tổ chức một cuộc gặp các cử tri tại khu vực bầu cử của ông ta ở Westminster vào ngày 5/2, nhưng những việc tiếp theo vào ngày 14 đã bị những người ủng hộ các bộ trưởng chặn lại, cuối cùng Westminster đã gửi hai thỉnh nguyện thư của những người trung thành với 8.000 chữ ký.

Đối với Pitt, sự ủng hộ từ bên ngoài như vậy là rất cần thiết khi cuộc đình chiến tạm thời ở Viện Bình dân kết thúc vào giữa tháng 2. Các cuộc đàm phán liên kết bất ngờ dừng lại do Liên minh yêu cầu Pitt phải từ chức và Bá tước Portland được tiếp kiến Vua Anh trước khi bất kỳ một Bộ hợp nhất nào được thành lập trên cơ sở bình đẳng và công bằng. Ngày 14/1, Fox kêu gọi thành lập một Bộ đáp ứng được niềm tin của cả Viện Bình dân và công chúng. Đến giờ, Pitt có thể chỉ ra rằng niềm tin của Viện Bình dân và công chúng là không giống nhau. Ngày 20/2, Pitt đã coi Fox là “thủ lĩnh của đại đa số thành viên trong Viện Quý tộc chống lại tiếng nói của người dân”.

Điểm mà Pitt dễ bị tấn công nhất vẫn là ông cần phải thông qua khoản chi phí hành chính của Nghị viện và Dự luật Chống nổi loạn trước Viện Quý tộc mặc dù rất nhiều người phản đối. Ngày 23/12, ông thật sự lo lắng khi hỏi những người ủng hộ thân cận nhất của mình rằng phải làm gì nếu Liên minh cản trở dự luật cung cấp khoản chi phí tài chính. Mahon cho rằng họ sẽ không mạo hiểm mà quá, nhưng việc công chúng ngày càng ủng hộ Vua Anh và các bộ trưởng của ngài đã khích lệ Pitt mạo hiểm để biến điểm yếu của mình thành điểm mạnh. Ngày 10 và 18/2, Liên minh trì hoãn thông qua Dự thảo Ngân sách quân nhu cho đến khi Vua Anh tuyên bố trước Viện Bình dân cách chức các bộ trưởng của ngài. Pitt lập tức lên án Liên minh về việc cản trở cung cấp các khoản chi phí tài chính và ngày 19, Pitt “cảnh báo Viện Quý tộc hãy thận trọng trước sự nhầm lẫn có thể khiến dân tộc bị nhấn chìm nếu các khoản chi phí tài chính không được thông qua”. Khi Fox thỏa hiệp vô điều kiện để làm dịu những người không theo đảng phái, cho phép thảo luận về dự thảo ngân sách tài chính mà không cần biểu quyết, Pitt lóe lên những tia hy vọng sẽ giành được chiến thắng. Vẫn phải chịu thất bại trong các vấn đề hiến pháp (đa số phiếu đã chống lại ông vào ngày 16/2) và chịu áp lực liên tục từ những người không theo đảng phái về việc thành lập một liên hiệp, ông buộc phải có những cuộc hòa đàm sau đó với Liên minh vào ngày 15 và 26/2. Nhưng sáng sớm ngày 17, Pitt nghĩ rằng “đúng hơn là đối thủ phải chùn bước trước việc trì hoãn khoản chi phí tài chính, trong khi những người không theo đảng phái vẫn đấu tranh không mệt mỏi cho một liên hiệp nhưng không mang lại kết quả”. Số phiếu ủng hộ

Fox trong việc đề nghị hoãn phiên điều trần về dự thảo ngân sách sang ngày 20 đã giảm xuống 1. Mặc dù hai ngày sau đó, số người ủng hộ các vấn đề hiến pháp đã tăng lên 20 và 21, cuối cùng, Fox vẫn cho phép thông qua Dự thảo Ngân sách quân nhu để tránh sự cáo buộc của Pitt về việc ngừng cung cấp khoản chi phí tài chính cho Nghị viện.

Fox vẫn đe dọa sẽ giữ nguyên Dự thảo Ngân sách quân nhu và Dự luật Chống nổi loạn của mình, nhưng giờ đây chính ông ta lại gặp khó khăn. Tháng 3/1782 và tháng 12/1783, việc Nghị viện trì hoãn chi phí tài chính đã đủ để ông giành chiến thắng, nhưng bây giờ, Vua Anh và Pitt chắc chắn sẽ kiên quyết chống. Với những nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ bên ngoài, Fox phải làm việc rất vất vả để duy trì số người ủng hộ. Ngày 26/2, Fox cảnh báo những người ủng hộ mình rằng có thể cuối cùng họ phải từ chối khoản chi phí tài chính và thông qua Dự luật Chống nổi loạn trong một thời hạn nhất định. Ngày hôm sau, bản kiến nghị trì hoãn thêm dự luật của họ chỉ được bảy phiếu biểu quyết.

Vấn đề được đẩy nhanh đến đỉnh điểm. Những năm sau này, Wilberforce vẫn có thể hồi tưởng rất chính xác “chúng tôi đã lo lắng như thế nào khi chứng kiến các sự kiện sau mỗi ngày thành công, tính toán từng phiếu bầu, với hy vọng tha thiết rằng Pitt có thể chiến thắng trong cuộc chiến chống lại Liên minh”. Ngày 1/3, ngay cả khi trước đây số phiếu ủng hộ chắc chắn của Fox về các vấn đề hiến pháp đã tụt xuống 12 và hiện tại ông ta đang bị đẩy đến bước đường cùng thì Fox vẫn khẳng định Viện Bình dân có quyền cố vấn cho Vua Anh trong việc sử dụng đặc quyền của mình để cách chức các bộ trưởng. Ngày 4/3, Hoàng gia phản ứng rất kiên quyết: Vua Anh hiểu rằng không cần phải thực hiện bước tiếp theo để đáp ứng được những mong muốn của Viện Quý tộc. Phản ứng trì hoãn xem xét Dự luật Chống nổi loạn của Fox trong ngày hôm sau chỉ nhận được 9 phiếu biểu quyết, sau đó phe đối lập đột nhiên bị tan rã. Ngày 7/3, cuộc biểu tình ủng hộ Fox của công chúng ở Westminster đã bị áp đảo bởi cuộc biểu tình chống lại Fox do những người ủng hộ Pitt tổ chức. Ngày 8/3, việc Fox đề nghị Viện Bình dân nên phản đối quyết định cuối cùng của Vua Anh chỉ được duy nhất một phiếu biểu quyết nhất trí. Ngày 9/3, cuộc họp của Liên minh đã quyết định họ không thể chống đối Dự luật Chống nổi loạn, cho phép một dự luật đầy đủ được thông qua ủy ban vô điều kiện, điều này cho thấy họ sẽ không phản đối việc thông qua Dự luật Chi phí tài chính của Nghị viện sau đó. Ngày hôm sau, Pitt viết cho Rutland: “Tôi đang viết với tâm trạng hết sức hồi hộp, thậm chí cả với niềm tin chiến thắng, bởi tôi nghĩ địa vị xã hội hiện tại của chúng ta là hơn hẳn ông ta”. Khi Dự thảo Ngân sách quân nhu và Dự luật Chống nổi loạn vừa được thông qua và việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử của chính phủ tương đối hoàn tất, Vua Anh đã giải tán Nghị viện vào ngày 25/3, với niềm tin rằng ngài có thể bảo đảm số phiếu ủng hộ mang tính quyết định cho vị bộ trưởng trẻ của mình.

Trong các cuộc tranh luận gay gắt của Viện Bình dân diễn ra từ ngày 12/1/1784, Pitt luôn phải đối mặt với hơn 50 người phản đối nhưng chỉ hai tháng sau, ông đã lật ngược tình thế, trở thành người đứng đầu trong chính phủ của Vua Anh, bất luận tuổi còn rất trẻ. Mặc dù đã được Dundas và bạn bè thân cận hậu thuẫn vững chắc, nhưng trách nhiệm của một vị lãnh đạo luôn đè nặng lên vai ông, không một thành viên Nội các nào ở Viện Bình dân có thể cùng chia sẻ. Không những phải đối phó với những lời công kích liên tục của các đảng phái, Pitt còn chịu cả đòn tấn công thể xác khi xe ngựa của ông bị đám đông ủng hộ Fox phá hỏng khi ông đang trên đường trở về từ lễ trao giải thưởng Freedom của thành phố London ngày 28/2. Trong quá trình xử lý những vụ việc này, Pitt đã trở thành một nhân vật tầm cỡ. Nghị sĩ John Acland, người đã lăng mạ Pitt là “thanh niên mới lớn” hồi tháng 11, chỉ trong vài tuần đã trở thành người ủng hộ trung thành của ông. Luôn ý thức phải tuyệt giao với “cậu bé nóng tính”, Pitt đã làm việc vất vả để tạo ấn tượng là một người có quyền thế biết cư xử đúng mực. Ngày 2/2, ông

phát biểu trước Viện Bình dân rằng “trong suốt các buổi thảo luận được tổ chức bất thường, ông phải gắng sức để tránh vi phạm nghi thức của buổi thảo luận, và ông đã kiềm chế, cố giữ bình tĩnh để hiểu bản chất vấn đề”.

Rõ ràng, trong thời điểm hiện tại, khi quốc thể bị làm nhục và khủng hoảng liên tiếp xảy ra, danh tiếng của Chatham là một khối sức mạnh đối với Pitt, nhưng chính việc Pitt quan tâm đến danh tiếng và uy tín kể từ khi bước chân vào Nghị viện nay lại có lợi cho ông. Trong biên bản cuộc họp Nghị viện tháng 7/1783, Horace Walpole ghi nhận về Pitt:

Với sự chuyên tâm không một phút nghỉ ngơi, anh không hề đơn giản và cử xử rất có chừng mực, thậm chí anh không ngừng quan tâm đến sức khỏe của mình... Không một khuynh hướng của vị thành niên nào có thể làm chệch hướng những nghiên cứu của anh, cũng không có gì đáng phải chê trách về nhân cách của anh. Fox dường như phải từ bỏ ước mong của mình trong tiếc nuối; Pitt đang thể hiện sự cần cù và đức hạnh trên những nấc thang tham vọng của mình.

Sự cần cù và đức hạnh giờ đã mang lại kết quả cho Pitt, đặc biệt giúp ông lên án bản chất của Liên minh Fox-North và bảo vệ mình trước những lời cáo buộc của phe chống đối. Ngày 12/1, ông khẳng định: “Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình lại bị buộc tội làm công cụ và kẻ tiếp tay cho một thể lực ngầm nào đó. Sự đổ tội lạ lùng này chỉ làm cho nó trở nên đáng khinh bỉ hơn”.

Tuy nhiên, uy tín của Pitt và người cha cùng với dũng khí và tham vọng của ông cũng chỉ giúp ích cho ông được phần nào nếu không có hai đồng minh cần thiết: Vua Anh và dân chúng. Đối với George III, vấn đề đã trở thành một cuộc chiến quyết tử, hay đúng hơn là cuộc chiến chống thoái vị và “ngăn chặn tư tưởng bè phái hòng phá hủy một hệ thống tổ chức xã hội hoàn thiện nhất của loài người – Hiến pháp Anh”. Trong khi đó, Fox yêu cầu Viện Bình dân phải có quyền định đoạt sự lựa chọn của các bộ trưởng. Vua Anh bảo vệ đặc quyền của Hoàng gia, vận động hành lang ủng hộ và tạo ấn tượng về nghị quyết của mình đối với các bộ trưởng. Tuy nhiên, sự ủng hộ của Vua Anh cũng không thể bảo vệ được Shelburne, nó thật sự cần được tiếp thêm sức mạnh của dư luận.

Những dấu hiệu chứng tỏ Viện Bình dân đánh mất niềm tin của dân chúng đã xuất hiện trong cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ cũng như yêu cầu cải tổ Nghị viện. Ở một góc độ nào đó, mối quan tâm của Vua Anh đối với quyền lực đã dịu bớt nhờ việc cải tổ kinh tế và các biện pháp chống tham nhũng của Bộ Rockingham. Luôn mong chờ nền chính trị được khôi phục ổn định tạo cơ sở phục hồi đất nước sau cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ tàn khốc, dân chúng không có tâm trạng chú ý đến cuộc khủng hoảng hiến pháp mà Viện Bình dân luôn tăng các yêu sách nhằm chống lại quyền lực của Vua Anh. Phong trào chống Dự luật Ấn Độ do Liên minh soạn thảo đã thành công ngoài sức tưởng tượng. Ở Ludlow, John Scott nghe nói đến bảy ủy viên hội đồng của Liên minh được miêu tả như “bảy nhân viên hội đồng của đại tư bản”; ở Westminster, Fox được đón chào với những tiếng la ó: “Phản đối kẻ độc tài! Bảo chúa chống lại Ấn Độ! Kẻ cướp quyền! Kẻ phản bội!” Chưa thể biết chính xác có phải việc dân chúng tin tưởng đức tính liêm chính của vị bộ trưởng mới đã cổ vũ họ tập trung biểu tình để bảo vệ quyền lực của nhà Vua Anh hay không nhưng chắc chắn một điều, nó chính là yếu tố dẫn đến việc Wyvil và Hiệp hội Yorkshire đứng lên chống lại Liên minh, và chắc chắn không có phản ứng tương tự khi Shelburne là người bảo vệ Vua Anh. Nhưng hiện tại Liên minh cũng đưa ra những yêu sách cao hơn rất nhiều so với một năm về trước, đồng thời có rất nhiều cáo buộc rằng Fox đang đóng vai trò của Cromwell.

Thỉnh nguyện thư của những người trung thành từ mọi miền đất nước đã giúp Pitt bước vào vai trò mà ông hằng khao khát – vai trò của một nhà chính trị yêu nước, được nhân dân ủng hộ, cổ vũ, tán thành một hiến pháp cân bằng và pha trộn nhằm chống lại sự tấn công của tư tưởng bè phái. Ngày 20/2/1784, Pitt tự tin phát biểu trước Viện Bình dân: “Hoàn cảnh thời đại đòi hỏi phải có tôi và tôi muốn nói thêm rằng cả nước gọi tên tôi, rằng tôi sẽ bảo vệ được thành trì này; và bởi vậy tôi quyết tâm sẽ bảo vệ được nó”.

Thành tựu cuối cùng của việc động viên toàn dân yêu nước đã đạt được trong cuộc tổng tuyển cử sau này, khi mà quy mô và bản chất của chiến thắng mà chính phủ đạt được đã vượt quá sự mong đợi. Tháng 12, trong khi tính toán để đạt được đa số phiếu ủng hộ bằng phương pháp truyền thống của chính phủ, John Robinson bổ sung: “Tôi rất tiếc phải nói rằng nó đòi hỏi tốn nhiều tiền”. Trong sự kiện này (của Pitt), Bộ Tài chính đã chi 32.000 bảng cho cuộc bầu cử, so với 62.000 bảng mà Robinson đã chi trong năm 1780 và 50.000 bảng năm 1774. Những tính toán ban đầu của Robinson dựa vào sự đào ngũ khỏi Liên minh và sự thương lượng với các nhà bảo trợ của các thành phố lân cận, nhưng tinh thần của đảng xung quanh vấn đề chính trị quan trọng đã khiến nó trở thành một cuộc chiến không giống với các cuộc bầu cử thông thường. Trên thực tế, những chia rẽ đầu tiên trong Viện Quý tộc mới đã đem lại cho Pitt số phiếu ủng hộ là 147/168. Phần lớn những thành công của Pitt là nhờ cuộc nổi dậy của dân chúng chống lại Liên minh ở nhiều khu vực bầu cử mở rộng. Các tỉnh và thành phố đã công bố kết quả bầu cử là 90 phiếu ủng hộ Pitt, trong khi đó Liên minh chỉ đạt 53, với ba người khác chưa biết chính xác. Ban đầu Robinson hy vọng những vị trí có uy tín ở hạt sẽ phân chia theo tỷ lệ 40-40, nhưng thực tế là tỷ lệ 48 phiếu nghiêng về Pitt, 29 phiếu thuộc Liên minh, còn ba người khác chưa biết chính xác. Năm 1780, thủ đô London chỉ bầu duy nhất một thành viên cho chính phủ, 11 thành viên cho phe chống đối, nhưng năm 1784 đã bầu 9 thành viên cho chính phủ.

Việc dân chúng phản ứng như vậy kết thúc chuỗi các sự kiện bất ngờ và khó có thể dự đoán, liên quan đến việc bổ nhiệm Pitt trước sinh nhật lần thứ 25 của ông. Mỗi khi sự nghiệp đang tiến triển có chiều hướng bế tắc, ông lại được tiếp sức từ những yếu tố tạo bước phát triển mới: Yorktown, cái chết của Rockingham, Dự luật Ấn Độ, việc khơi dậy quan điểm trung thành của dân chúng và cả sự rời bỏ cương vị lãnh đạo nhanh chóng đến mức ngạc nhiên của các nhà lãnh đạo chính trị lão luyện: Rockingham chết, North và Shelburne không được tín nhiệm, đồng thời, trong số những người kế vị tiềm tàng, Fox lại mắc vào cuộc chiến cá nhân với Vua Anh, còn những người khác như Townshend, Thomas Pitt và Grenville lại mất hết dũng khí trong cuộc khủng hoảng chính trị đang leo thang. Trong tình trạng bấp bênh này, chỉ có Pitt mới ngẩng cao đầu, thể hiện được dũng khí và khả năng khai thác vận may. Trong những năm sau này, Wilberforce nhận xét: “Tinh thần lạc quan đã giúp Pitt luôn tin tưởng rằng trong sự tình cờ chắc chắn sẽ có một điều gì đó đáng để hy vọng”. Auckland lại đề cập đến “quan điểm của Pitt rằng tất cả mọi thứ đều đến đúng lúc”. Hiểu được sự chuyển hướng gây ấn tượng sâu sắc khi khai thác vận may trong suốt những năm tháng đầu tiên đầy đau buồn của Pitt trong sự nghiệp chính trị, ta dễ dàng nhận thấy ông đã phát triển khuynh hướng lạc quan của mình như thế nào.

CHƯƠNG 2. Pitt và Vua Anh

Nhiệm kỳ đầu tiên của Pitt kéo dài 17 năm 3 tháng (từ 19/12/1783 đến 14/3/1801) và trở thành nhiệm kỳ hoạt động dài thứ hai trong thế kỷ XVIII, sau nhiệm kỳ của Robert Walpole (1721-1742). Pitt là vị Thủ tướng Anh thứ 9 được Vua Anh bổ nhiệm trong vòng 23 năm đầu tiên ngài trị vì. Cha Pitt đảm nhận chức Thủ tướng năm 1766 khi còn là Bộ trưởng Không bộ cao cấp, song ông cũng chỉ giữ cương vị này được hai năm. Di sản của Chatham để lại cho Pitt giúp ông nổi tiếng khắp đất nước, nhưng nó cũng cản trở mối quan hệ của ông với Vua Anh, người luôn có ác cảm với hành vi mang tính độc đoán của cha ông. Một Nội các ứng biến vội vàng khó có thể đảm bảo cơ sở vững chắc cho một chính quyền lâu dài, và một phần trong nhiệm kỳ với cương vị là Bộ trưởng Tài chính, Pitt chưa có kinh nghiệm lãnh đạo – Vương quốc Anh “đã phải tin vào sự chăm lo của một cậu bé đang học phổ thông”, đó là câu châm biếm của phe đối lập trong tác phẩm *The Rolliad* năm 1785.

LIÊN MINH CỦA CÁC PHE ĐỐI LẬP

Để tồn tại, Pitt cần phải thiết lập một mối quan hệ công việc tin cậy với George III. Chiến thắng gần đây của Pitt cho thấy đời sống của một Bộ thế kỷ XVIII nhìn chung phụ thuộc vào sự lựa chọn bầy tôi trung thành của Vua Anh hơn là quyền ưu tiên của Viện Bình dân. Vua Anh luôn biết ơn Pitt vì đã cứu ngài khỏi bàn tay thù địch của Fox và Pitt cũng không ngừng nuôi tham vọng lãnh đạo đất nước, nhưng sự bắt tay hòa thuận của hai người gặp nhiều trở ngại. Pitt trưởng thành cùng với lòng căm phẫn triều đình và quyền lực của nó, những thứ mà truyền thống gia đình Chatham lưu giữ và được coi là nguyên nhân phá hủy sự nghiệp chói lọi của người cha. Trong đám tang của cha, Pitt cảm thấy như bị sỉ nhục: “Triều đình không thể hiện sự tôn trọng chúng tôi với vẻ nghiêm trang, cũng không để cho đám tang được long trọng như đáng ra phải có”.

Không lâu trước khi lên nắm quyền, Pitt đã từ chối tham gia bất kỳ chính phủ nào được xây dựng trên nền tảng “hệ thống chính trị cũ của triều đình”. Ông còn tiên đoán “một phần trong Hiến pháp của chúng ta sẽ bị xóa bỏ là sự đặc quyền của Vua Anh”. John Robinson nhận thấy Pitt và Temple khi được bổ nhiệm chức vị đã “thể hiện vụng về *Tôi nhất định ở một hướng nhất định*, họ không cương quyết, không thuyết phục lương tri của mọi người hoặc tình cảm của những người tài trí, những người hay gây phiền nhiễu hoặc đàn áp, nhưng đã bất ngờ đề xuất những điều không dễ gì đạt được mà không cần đề xuất hay gợi ý một cái gì đó có lợi”. Trong các vị trí bổ nhiệm ban đầu, Pitt đã loại tất cả những người thân cận với Vua Anh trong Viện Bình dân vốn đã mang tiếng xấu. Thay vào đó, ông luôn tìm kiếm một bộ trên “lập trường rõ ràng của những người theo Đảng Whig”. Thậm chí, mãi đến cuối năm 1790, “ông do dự không nói, nếu có bất kỳ nghi ngờ gì về một trong ba nhánh của Hiến pháp, thì chắc chắn nghi ngờ đó là quyền hành pháp”. Nghịch lý là, một người đàn ông bảo vệ quyền lực của Vua Anh trước sự liên kết chính trị của các đảng phái trong những năm 1783 1784 nay lại chính là người tỏ ra nghi ngờ sự thi hành quyền lực của ngài.

Những thành kiến như vậy chắc chắn sẽ khiến mối quan hệ giữa Pitt với George III trở nên lạnh nhạt và thận trọng. Khi bổ nhiệm Pitt làm Bộ trưởng, George đã có kinh nghiệm 23 năm lãnh đạo chính phủ và là vị vua trị vì trong khoảng thời gian dài chỉ kém một năm so với tuổi đời của Pitt. Đằng sau ngài là cả một nhóm bầy tôi và bạn bè trung thành có kinh nghiệm tầm cỡ ở cả Bộ và Nghị viện. Vua

Anh và những người ủng hộ ngài chắc chắn sẽ quan tâm đến hành trang chính trị mà Pitt mang theo mình: Thurlow lo lắng cảnh báo ngài về cam kết của Pitt trong vấn đề cải tổ Nghị viện tại cuộc họp tháng 7/1783; trong khi đó, tháng 12, Robinson lại đặt vấn đề “liệu khi mọi thứ đã được sắp đặt và Pitt đã tìm thấy chỗ đứng vững chắc, tinh thần của cha Pitt có tỏa sáng?” Vua Anh thật sự bị “tổn thương” khi Pitt từ chối bảo vệ ngài vào tháng 3/1783, hãn ngài sẽ không bao giờ quên mình đã phải quy phục Liên minh nhục nhã như thế nào. Đầu năm 1789, khi đang trong tình trạng mê sảng vì bệnh tật, “Vua Anh đã lăng mạ Pitt rất nhiều... và gọi ông là đứa trẻ ranh, ngài nói ngài muốn Pitt tiến bước đến gần chính quyền của Shelburne, nhưng ngài sợ”. Giữa Pitt và George III có những quan điểm khác nhau trong chính sách – về cải tổ Nghị viện, sự buộc tội Warren Hasting, bãi bỏ việc buôn bán nô lệ hay chính sách ngoại giao – nhưng điều khác nhau cơ bản lại là tính khí của mỗi người. Vua Anh tự hào rằng “quan điểm của ta được hình thành trên nguyên tắc chứ không phải dựa trên sự kiện, do đó nó không thể thay đổi”, trong khi đó vị Bộ trưởng của ngài lại tin tưởng rằng “sẽ là không sáng suốt nếu thiết lập những luật lệ hoặc nguyên tắc chung trong chính phủ hoặc trong chính sách”.

May thay, trong mối quan hệ cần thiết này, Pitt nhận thấy rằng biết tự kiềm chế là một nguyên tắc dễ dàng hơn nguyên tắc của cha ông hay của đối thủ Fox. Ông không tự ném mình vào mối thù truyền kiếp cá nhân với Vua Anh như cha ông đã làm với George II hay như Fox với George III. Theo Nathaniel Wraxall, bạn bè đã cảnh báo Pitt về khuynh hướng này, nhưng ông phớt lờ. Thái độ không đúng mực của Fox là một trong những cơ sở chính khiến George tiếp tục ủng hộ Pitt, thay mới lực lượng khi Fox tỏ rõ thái độ bệnh vực nguyên nhân của Cách mạng Pháp¹ trong năm 1792-1793. Do vậy, một cách đối phó xuất hiện giữa Vua Anh và Pitt, cả hai đều phải học cách tự kiềm chế. Vua Anh không muốn lặp lại lời kêu gọi toàn Nội các hồi tháng 1/1784, lập lại trường hợp tương tự như ở Bộ của North năm 1779 và năm 1781, khi ngài cảm thấy các bộ trưởng của mình cần phải được tiếp thêm nghị lực. Thành công của Pitt trong việc chấm dứt cuộc khủng hoảng đã xóa đi mối nghi ngờ kéo dài của Vua Anh về cách giải quyết của ông. Khi các cuộc tấn công của Liên minh thất bại vào tháng 3/1784, Vua Anh đã nói với Bộ trưởng của mình: “Ta rất hài lòng vì khi một người sử dụng sự khôn ngoan và tính chính trực của mình trong Viện Bình dân để tạo nên một sự thay đổi lớn như thế này, và anh ta có thể hài lòng rằng khi ủng hộ ta, anh ta đã bảo vệ Hiến pháp, một hệ thống tổ chức xã hội hoàn thiện nhất của loài người”.

Sau đó, Vua Anh đã cho phép Pitt chỉ đạo các vấn đề cải tổ mà trước đây ngài không nhất trí, với điều kiện Pitt phải cam kết rằng các tiến trình cải tổ đó hoàn toàn là hành động cá nhân, không được tìm kiếm sự ủng hộ của chính phủ. Thỏa hiệp này cũng đã được Pitt chấp thuận khi ông thừa nhận trước Viện Bình dân tháng 1/1784 về khả năng khó có thể cải tổ Nghị viện, nhưng tuyên bố cá nhân ông sẽ tiếp tục ủng hộ nó. Điều này rất có lợi cho Vua Anh bởi mọi việc sẽ được duy trì với những người cầm đầu “nguội hơn” so với những nhân vật cấp tiến ở London. Tuy nhiên, Vua Anh đã hoảng sợ và bị tổn thương khi tháng 1/1785, Christopher Wyvill tuyên bố Pitt quyết tâm đưa vấn đề cải tổ trong phiên họp tiếp theo “với tư cách một công dân và với tư cách một Bộ trưởng”.

Trên thực tế, Pitt cố gắng vượt qua những cản trở của Vua Anh với nỗi ám ảnh rằng những nỗ lực với tư cách là một công dân của ông thất bại chắc chắn sẽ gây tổn hại đến khả năng hành động với tư cách Bộ trưởng. Khi thông báo cho Vua Anh về những đề nghị của mình, Pitt nhấn mạnh sự điều hòa giữa con người công dân và con người Bộ trưởng trong ông và cảnh báo rằng nếu những người ủng hộ Vua Anh bỏ phiếu phản đối vấn đề cải tổ thì việc đó có thể sẽ “làm giảm hoặc làm mất hoàn toàn niềm tin trong dân chúng, như vậy sẽ ngăn cản mọi nỗ lực phục vụ trong tương lai của Vua Anh, nó quá bất

lợi và phù phiếm”.

Tuy nhiên, Vua Anh là một chính trị gia dạn dày kinh nghiệm. Sau khi tham khảo ý kiến Sydney, nhân vật phản đối cải tổ Nghị viện trong Nội các, về phản ứng có thể của Pitt, ngài đã hối thúc rằng biện pháp cải tổ nên đề là một vấn đề hoàn toàn mở. Tin tưởng tính đúng đắn của việc cải tổ, Pitt đưa những suy nghĩ của mình ra trước Viện Quý tộc và “không quan tâm đến những tình cảm cá nhân dành cho ông”. George III ngồi im lặng, nhưng ngài cảnh báo Pitt không được dùng địa vị của mình để áp đặt bất kỳ ai biểu quyết ủng hộ cải tổ: “do tính chất trọng đại của sự việc, ta đã nghĩ rất nhiều về những người tham gia ủng hộ hoặc phản đối mà không cân nhắc kỹ càng, và về những người vì phép lịch sự với một ai đó mà phải đưa ra những ý kiến biểu quyết trái với quan điểm của mình”. Trên thực tế, ác cảm của Vua Anh đối với việc cải tổ Nghị viện khó mà đoán biết được, bởi ngài im lặng, không đưa ra một ý kiến trái ngược nào. Mặc dù Pitt đã nỗ lực để bịt miệng cận thần của Vua Anh, nhưng cuối cùng họ đều biểu quyết với đa số phiếu chống lại Pitt. Vua Anh đã an ủi vị Bộ trưởng của mình bằng cách phát biểu ca ngợi “sự thể hiện ưu việt của Pitt”.

Việc Pitt chấp nhận thất bại khiến Vua Anh càng thêm tự tin rằng hiến pháp hiện tại đang an toàn trong tay ngài. Sự thỏa mãn của ngài càng tăng lên khi Pitt phản đối bãi bỏ các Đạo luật về Hội và Đạo luật Thử nghiệm năm 1787, 1789 và 1790 cũng như khi Pitt phản đối cải tổ Nghị viện những năm 1790. George III tin rằng Pitt sẽ làm cho “tất cả những người yêu mến trật tự hoàn hảo và hiến pháp tuyệt vời của chúng ta” yêu mến. Ngài chấp nhận sự ủng hộ của Pitt về việc mở rộng các quyền công dân cho tín đồ Công giáo ở Anh năm 1791 và ở Ireland năm 1792, đồng thời miễn cưỡng chiều theo các bộ trưởng của ngài về việc cho phép những tín đồ Công giáo Ireland đủ điều kiện được tham gia bầu cử năm 1793. Vua Anh đã vạch ra cách thức tiến hành khi quan đại diện nhà vua ở quận mới được bổ nhiệm, Bá tước Fitzwilliam, phản đối việc bãi bỏ các Đạo luật Thử nghiệm ở Ireland năm 1795, thể hiện mạnh mẽ trong một bản ghi nhớ dài gửi Thủ tướng. Tuy nhiên, theo Pitt, đề nghị đó quá nguy hiểm, nói đúng hơn là không đúng lúc, do vậy, một thỏa thuận rộng rãi vẫn được duy trì cho đến khi đề nghị này lại được đưa ra và gây nên những hậu quả tai hại năm 1801. Bộ của Pitt là một bộ đặc biệt, vừa đưa ra vừa bãi bỏ các vấn đề hiến pháp, do vậy, việc kiểm chế các vấn đề này lâu như vậy có ý nghĩa rất quan trọng trong thời gian ông tại vị.

Khi các mối quan tâm về Hiến pháp lắng xuống, Vua Anh toàn tâm toàn ý cho việc cố vấn, hỗ trợ và khích lệ vị Bộ trưởng của mình trong Viện Bình dân, nhanh chóng giải tỏa và chia sẻ với những thất bại ban đầu của Pitt. Hai người hoàn toàn nhất trí về chính sách khôi phục chung cần thiết sau cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ: vấn đề hòa bình, củng cố tài chính quốc gia và mở rộng thương mại. George III thể hiện sự “bằng lòng vô hạn” trước những nỗ lực của Pitt nhằm tăng thuế trong năm 1784 và 1785, ngài cũng rất hài lòng với Quỹ chìm (quỹ dùng để trả nợ) và Hiệp định Thương mại với Pháp năm 1786, đồng thời hoan nghênh những bước đi táo bạo của Pitt trong việc cải cách hải quan – năm 1786 chuyển đánh thuế rượu từ thuế nhập khẩu sang thuế đánh vào một số mặt hàng được sản xuất, bán hoặc dùng trong nội địa và năm 1787 đưa thuế vào một quỹ đơn, từ quỹ đó phí tổn quốc gia sẽ được chi trả theo diện ưu tiên. Vua Anh coi đây là “một biện pháp quan trọng” đến nỗi đích thân ngài đến Nghị viện để trao bản phê chuẩn của Hoàng gia.

Tài chính quốc gia không phải là vấn đề thu hút được sự chú ý của Vua Anh, cũng không khiến ngài phải hiểu đủ để tạo một cuộc xung đột giữa ngài và Bộ trưởng của mình. Tuy nhiên, chính sách ngoại giao, sự bảo trợ quốc gia và các vấn đề của Hoàng gia lại được ngài chú ý quan tâm. Ngài luôn

tránh những bất đồng với Pitt trên các vấn đề này để hy vọng có được mối quan hệ hòa hợp với Bộ trưởng.

ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO

Chính sách ngoại giao là vấn đề đặc biệt khó giải quyết bởi George III cũng là cử tri của Hanover và từ đó ngài luôn ở vị trí theo đuổi chính sách riêng biệt của Đức. Pitt sớm phát hiện ra điều này vào năm 1785, khi George III tới Hanover với tư cách là thành viên sáng lập Liên minh các quốc gia Đức do Phổ lãnh đạo nhằm phản đối kế hoạch Áo chuyển giao các tỉnh của Hà Lan cho Bavaria, mặc dù việc làm này của ngài đã ảnh hưởng đến những nỗ lực của Anh nhằm thiết lập đồng minh với Áo và Nga – đồng minh của Áo. Trong bất cứ trường hợp nào, Vua Anh cũng luôn cứng nhắc cho rằng nước Anh nên tránh vướng mắc vào khó khăn của châu Âu cho đến khi phục hồi đất nước sau cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ. Một nhiệm vụ lớn đặt ra với Pitt và Ngoại trưởng Carmarthen là phải thuyết phục Vua Anh nắm bắt cơ hội tranh giành ảnh hưởng của Pháp đối với Hà Lan trong những năm 1786-1787.

Do trước đó Pitt đã chia sẻ những quan điểm tiêu cực của Vua Anh nên ngài thường đáp lại những quan điểm của Pitt nhiều hơn là với Ngoại trưởng; ngài cũng bị chi phối quá nhiều từ đặc phái viên của ngài ở Hà Lan (cũng là người trước đây ủng hộ Liên minh), James Harris. Một lần nữa, Pitt cần đảm bảo về tài chính đề đối phó với sự phản đối của Hoàng gia đối với biên bản Nội các của Carmarthen về khoản cho những người ủng hộ Thái tử của hạt Orange, một người thân Anh, vay 70.000 bảng tháng 5/1787. Khi cuộc khủng hoảng nổ ra vào tháng 9 (xem Chương 7), chính Pitt là người thuyết phục Vua Anh đồng ý tổng động viên toàn nước Anh ủng hộ sự can thiệp của nước Phổ nhằm khôi phục quyền lực cho Orange. Pitt đã gửi phái viên của mình, Grenville, tới Hà Lan và cung cấp các báo cáo của mình cho Vua Anh để ngài xóa bỏ nghi ngờ về Harris. Với tài ứng biến, Pitt đã lôi cuốn Vua Anh, thuyết phục ngài rằng “nguyên tắc mà Đức vua đồng ý đưa ra sẽ là nguyên tắc duy nhất được chấp thuận đúng đắn”. Thành công trong cuộc khủng hoảng với Hà Lan đã khiến Vua Anh mong muốn được nghe đề nghị của các bộ trưởng về chính sách ngoại giao nhiều hơn, nhưng sáng kiến bây giờ lại đều xuất phát từ Vua Anh rồi truyền xuống các bộ trưởng, sự tán thành của ngài có thể sẽ không bao giờ được đưa ra như vẫn thực hiện khi ngài gặp khó khăn trong chính sách Baltic năm 1788.

Các vấn đề của phe đối lập lại nổi lên khi Vua Anh nhiệt tình ủng hộ cuộc chiến tranh Cách mạng Pháp năm 1793. Đây trở thành điểm bất đồng thường xuyên xảy ra giữa Vua Anh và các bộ trưởng của ngài, trong đó bao gồm cả những vấn đề về quân sự và chính sách ngoại giao. Việc Vua Anh ủng hộ các chiến dịch của con trai yêu, Công tước York, ở Flanders làm cho các bộ trưởng bối rối. Trong một những bức thư dài gửi Vua Anh, Pitt giải thích những cố gắng nhằm hạ tầm quan trọng của York xuống ngang hàng với các vị chỉ huy khác. Cuối cùng (tháng 11/1794, sau khi đã giải quyết những bất đồng với các đồng minh theo Đảng Whig của Portland, đảm bảo được chỗ đứng của mình trong Nghị viện), Pitt rất kiên quyết, nhưng không kém phần khéo léo, đề nghị bãi miễn chức vụ của York. Vua Anh “thật sự đau lòng” nhưng phải miễn cưỡng tán thành. Ba tháng sau, Pitt lập tức làm dịu lòng tự ái của Hoàng gia bằng cách bổ nhiệm York làm Tư lệnh quân đội. Các bộ trưởng đều có mối quan hệ tốt với York, người đã chứng tỏ được năng lực của một nhà quản lý, nhưng ngay cả York và các bộ trưởng cũng không thể thuyết phục Vua Anh cho phép họ sử dụng “lực lượng cảnh vệ” của ngài để tăng cường sức mạnh của đội viễn chinh miền Tây Ấn Độ năm 1795.

Năm 1795, Hà Lan bị Pháp chiếm đóng, nước Phổ ký kết hòa ước riêng, bất đồng giữa chính

sách của bộ trưởng và lợi ích cử tri của Vua Anh lại xảy ra. Hanover nằm trong số những tổ chức kêu gọi hòa giải chung với Đức, và vào mùa thu, toàn bộ cử tri tuyên bố thái độ trung lập. Trong khi đó, Pitt và Ngoại trưởng Grenville đang nỗ lực để giành được sự ủng hộ của dân chúng và các đồng minh nước ngoài đang dao động. Họ đưa ra viễn cảnh của các cuộc đàm phán hòa bình chung với Pháp và tiếp thêm sức mạnh cho nỗ lực chiến tranh của hai thế lực quân sự Đức. Nước Phổ bị lôi kéo quay trở lại cuộc chiến với một đề nghị cái giá nhận được là các bang nhỏ hơn của Đức, trong khi đó lại cho phép Áo chuyển giao Hà Lan cho Bavaria. George III quyết liệt chống lại những đề nghị này. Tháng 1/1796, Vua Anh gửi một bức thư tới các bộ trưởng của các bộ quan trọng để phản đối đàm phán hòa bình. Hy vọng bảo toàn được sự ủng hộ của dân chúng đã bị tiêu tan khi Vua Anh nhận được sự đáp lại: “Chúng tôi không quá ngây thơ để có thể bị lôi kéo chỉ bằng một chút tán thưởng hoặc một vài câu lãng mạn phòng ngừa. Tính chính trực là mục tiêu quan trọng của chúng tôi”. Năm 1785, Vua Anh gạt bỏ lời giải thích của Grenville với nhận xét chua cay: “Ta thường hành động dựa trên những nguyên tắc đơn giản. Hệ thống chính trị của Italia là những lối mòn quá phức tạp để ta có thể hiểu”.

Cuối cùng Vua Anh phải chịu thua, đó chính là lý do khiến những lời đáp lại của ngài nhưc nhối đến vậy. Thất bại của ngài trong năm 1796 là thất bại về chính sách ngoại giao lớn nhất trước các bộ trưởng trong thời gian ngài trị vì. Bằng cách nào mà Pitt có thể làm theo ý mình? Một phần, tuổi tác và khối lượng thông tin nhận được quá lớn đã khiến Vua Anh không chú ý vào các vấn đề ngoại giao. Ngài thú nhận với Grenville vào tháng 4 rằng “khi trách nhiệm quá nặng nề, ta nhận thấy tâm trí ta chẳng thể nhớ được nội dung nào..., ngay cả phương thức xúc tiến thư từ trao đổi với dân chúng cũng rườm rà và lộn xộn hơn so với 30 năm trước”. Bởi vậy, Vua Anh trở nên quá yếu để có thể chống chọi được vị Ngoại trưởng nổi tiếng cả về trang bị thông tin tốt lẫn sự ngoan cố trong quan điểm, người quá thân cận với Pitt. Vua Anh thấy mình bị Pitt và Grenville tấn công tới tấp, dồn dập đưa ra những tranh luận trước các quyết định then chốt, thông thường là bằng thư từ, nhưng cũng có khi ngài phá tiền lệ, trực tiếp mời họ đến hội kiến ở Windsor vào cuối tháng 7.

Bên cạnh kiên thức và sự kiên trì của Grenville, vũ khí chính của Pitt vẫn là bản tính ngoan cố, các đồng sự trung thành và sự vận dụng sắc sảo những kinh nghiệm mà ông tích lũy được về cách xử trí trước những thành kiến của Vua Anh. Năm 1792, Pitt cách chức Thurlow, một nhân vật ủng hộ trung thành nhất của Vua Anh trong Nội các và là Chủ tịch Nghị viện. Năm 1794, ông hợp nhất Đảng Whig của Portland vào Nội các của Liên minh vừa được khôi phục (cuối cùng Nội các cũng đứng trên “lập trường của những người theo Đảng Whig” như Pitt đã mong muốn từ lâu). Những việc làm này đã củng cố vị trí của Pitt, giúp ông đối diện với Vua Anh trong việc thống nhất Nội các mà ngài chắc chắn sẽ phải miễn cưỡng chấp nhận. Một lần nữa, trong mỗi bất đồng quan điểm những năm 1795-1797, Vua Anh được thông báo Nội các đã thông qua các đề nghị.

Tháng 1/1796, Vua Anh quá mệt mỏi khi phải tiếp tục làm việc với những quan điểm ủng hộ chiến tranh của Dundas mà không đem lại kết quả gì. Windham, vị Bộ trưởng căm ghét các cuộc đàm phán hòa bình nhất, cũng thích bị ghi văng mặt hơn bị ghi là người bất đồng chính kiến trong biên bản cuộc họp Nội các. Thậm chí, tháng 6/1797, Grenville đã bất đồng quan điểm với một số chính sách của Pitt, song hy vọng của Vua Anh đã tiêu tan khi vị Ngoại trưởng này tuy bất đồng nhưng vẫn trung thành giám sát các cuộc đàm phán do Pitt chỉ đạo.

Chỉ cần các bộ trưởng kiên quyết, đoàn kết và trước mắt không bị một chính phủ khác thay thế thì Vua Anh hoàn toàn không có khả năng chống cự. Đây không phải là vũ khí mà Pitt hay bất cứ vị thủ

tướng nào muốn sử dụng thường xuyên, bởi mối quan hệ hòa hợp với Vua Anh là rất cần thiết để mọi công việc của chính phủ được thông qua suôn sẻ. Những người tiền nhiệm là Walpole và North đã đánh mất niềm tin của dân chúng vì cuộc chiến không thành công, vì vậy Pitt buộc phải đối diện với Vua Anh để tự bảo vệ mình. Tuy nhiên, ông cũng biết cần phải thận trọng để giảm thiểu sự bức tức của Vua Anh, tránh việc ngài ban bố tối hậu thư. Pitt rất lịch sự, tôn kính ngài nhưng cũng hết sức kiên quyết. Bất kể khi nào Vua Anh không đồng ý với biên bản của Nội các, Pitt đều hỏi liệu ngài có muốn vấn đề được thảo luận lại theo ý kiến của ngài không. Những cuộc nói chuyện cá nhân diễn ra hết sức thận trọng. Khi Malmesbury, một nhà đàm phán của Anh, đến diện kiến Vua Anh trước khi lên đường sang Pháp vào tháng 10/1796, trước khi bước vào phòng họp kín của Hoàng gia, ông đã nghe lỏm được một cuộc nói chuyện kín, trong đó Pitt nói với người anh họ về ông: “Tôi đã cho anh ta một bài học trước khi tới đây!”

Pitt đã sớm rút ra kết luận là những cuộc gặp gỡ riêng không phải là cách để xoay chuyển Vua Anh. Công việc giữa Vua Anh và Bộ trưởng được giải quyết ngay trong phòng họp kín của Hoàng gia. Tính nhút nhát vốn có của Pitt khi đối diện với những người mà ông cảm thấy khó có thể thiết lập mối quan hệ hòa hợp, đặc biệt người đó lại là Vua Anh, đã khiến ông phải dùng đến cách nói quá nghi thức. Đây không phải là cách nói là thuyết phục trong phòng họp kín, nơi mà ông chỉ có thể bày tỏ quan điểm khi Vua Anh tạm ngừng câu chuyện của ngài, điều này khiến ông cảm thấy bối rối bởi “Vua Anh sẽ hăm hờ nói, liên tục nói, không chấp nhận dừng, cũng không trả lời và thường xuyên nói đến những vấn đề theo ý thích của ngài mà hoàn toàn không gắn với vấn đề cần bàn”. Phương cách tốt nhất Pitt tìm được để vượt qua rào cản này là thận trọng viết tất cả vào một bức thư, như Grenville có lần giải thích với ông: “Tất cả mọi quan điểm có thể được thể hiện mạnh mẽ bằng việc tập hợp và gắn kết với nhau sao cho cách nói ngẫu hứng của Vua Anh không thể phát huy được”. Bằng cách này, Pitt đã khôn khéo chuyển thành kiến của Vua Anh thành những điều có lợi. Khi thuyết phục Vua Anh áp dụng chính sách hòa bình trước sự thay đổi của Grenville năm 1797, Pitt đã cầu khẩn khiến ngài nguôi giận: “Ông ấy biết Đức vua sẽ cảm thấy nguyên tắc đàm phán khi đã được đặt ra sẽ không được phép đi chệch”. Đây là thất bại cuối cùng và duy nhất của các cuộc đàm phán này, tuy nhiên nó lại tiếp tục sự thống nhất trong chính sách ngoại giao giữa Vua Anh và Bộ trưởng của ngài, nhưng cuộc chiến kéo dài là tác nhân khiến những bất đồng giữa hai người tiếp tục xảy ra.

QUYỀN BỔ NHIỆM VÀ ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ

Quyền bổ nhiệm là một chất bảo dưỡng cần thiết cho hệ thống chính trị thế kỷ XVIII và được Vua Anh quan tâm chặt chẽ. Trong vấn đề này, cách đối xử sòng sạo của Vua Anh đối với thủ tướng gần đây của ngài, George Grenville (bác của Pitt, cha của Grenville), đã khiến George Grenville phải mất chức. Pitt có lần tuyên bố rằng “sự sắp đặt” khiến ông “dễ nổi cáu”, nhưng ông nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của nó đối với bất kỳ một bộ nào. Cuối năm 1788, khi Vua Anh mất khả năng lãnh đạo, Pitt đã phòng thủ bằng cách lấy đi quyền được bổ nhiệm của phe đối lập nếu họ nhậm chức dưới thời nhiếp chính.

Dự luật Chế độ nhiếp chính của Pitt có nhiều hạn chế, và tất nhiên, ông đã chọn một hoàng thân nhiếp chính chưa lập gia đình chứ không phải là một hội đồng nhiếp chính như đề nghị của Chủ tịch Nghị viện Thurlow, vì nó sẽ giúp ông biện hộ tốt hơn cho những hạn chế đó. Nữ hoàng (là người mà ông có thể trông cậy) sẽ tiếp tục chăm sóc Vua Anh đang bị bệnh, quản lý cận thần của ngài và có quyền bổ nhiệm những cận thần này. Hoàng thân nhiếp chính có thể không được thừa kế của cải của

Vua Anh, không được kế thừa chức vị, không được trợ cấp cho các khanh tướng ngoại trừ anh em ruột đã đến tuổi. Hoàng thân nhiếp chính chỉ được ban các chức vị theo ý muốn của Hoàng gia (nghĩa là sau này những chức vị đó có thể được thu hồi), ngoại trừ ban cho những người mà luật pháp quy định.

Quyền được bổ nhiệm là quyền lực và để lãnh đạo hiệu quả, một bộ trưởng phải là người thi hành quyền đó. Năm 1805, Pitt đã phản ứng trước việc Vua Anh phản đối ông bổ nhiệm Tổng Giám mục Canterbury². Ông cho rằng ông và dân chúng không thể hiểu nổi, rằng “quyết định của Vua Anh không tôn trọng ông, không dành cho ông niềm tin mà những người tiền nhiệm của ông được hưởng” và thiếu niềm tin đó, ông không thể quản lý hiệu quả công việc của Vua Anh. Rõ ràng, Pitt đã cố kiềm chế từ chính yêu cầu của bản thân. Vua Anh rất biết ơn vì sự cứu giúp của Pitt năm 1784, ngài đã sốt sắng để lại một khoản tiền lớn cho Bộ trưởng của ngài phòng khi ngài qua đời, và đã hai lần ngài thể hiện sự tiếc nuối khi Pitt đề nghị chức kiểm phiếu ở Bộ Tài chính (chức ngồi mát ăn bát vàng) cho người khác chứ không phải cho bản thân. Năm 1790, ước muốn trao cho Pitt huy hiệu cấp tước Ga-tơ (cấp tước cao nhất trong hàng hiệp sĩ ở Anh) sau thắng lợi lớn trong Khủng hoảng Nootka³ đã không thành. (Liệu có phải Pitt muốn Vua Anh rút lại sự xem thường của ngài đối với cha Pitt, và giờ đây Pitt yêu cầu phải trao lại huy hiệu đó cho chủ gia đình, anh trai của Pitt, Bá tước Chatham để thay thế?). Cuối cùng, năm 1792, Vua Anh tuyên bố ngài chấp nhận ủng hộ vị Quản lý Cụm cảng Cinque và Pitt, cả hai người đều phải chịu áp lực về mặt tài chính và rất cần sự ủng hộ rộng rãi của Hoàng gia trong một năm đầy khó khăn này. Thông thường, Pitt thích chờ đợi sự ban thưởng của Vua Anh và sự ủng hộ rộng rãi của Hoàng gia đối với bạn bè và người thân của ông. Trong bức thư đề nghị Tom Steele được nhận chức nhân viên thu nợ cho Vua Anh ở Bộ Tài chính, ông viết: “Ngài Pitt sẽ là người được nhận sự ban thưởng cá nhân lớn nhất”, và “chính ngài Pitt sẽ cảm thấy đây là sự ủng hộ và sự chiều ý lớn nhất mà Vua Anh dành cho mình” khi Vua Anh đồng ý trao cấp bậc quý tộc Anh cho bạn của Pitt là Mornington – cả hai người đều được chào đón ân cần năm 1797, thời điểm mà sự nổi tiếng của Pitt đã dần bị giảm sút.

Nói chung, Vua Anh buộc phải làm thế, mặc dù ngài đã đặt ra mức hạn chế tối đa cho việc đáp ứng những đòi hỏi cá nhân từ phía Pitt. Năm 1784 và 1789, Vua Anh đã không chấp thuận đề nghị của Pitt về việc ban địa vị Công tước cho người anh họ là Bá tước Temple, mà chỉ đồng ý phong tước hầu vùng Buckingham. Trong khi năm 1785, George III sẵn sàng chấp thuận những yêu cầu của Pitt trong việc đảm bảo một cuộc sống giàu có cho thư ký riêng và thầy giáo cũ – Tiến sĩ George Pretyman, thì năm 1787 ngài lại tỏ ra khó tính hơn khi Pitt tuyên bố ông “có thể không đòi hỏi Vua Anh những thứ mà cá nhân ông hết sức quan tâm” và bổ nhiệm Pretyman thay cho anh trai của Thurlow làm Giám mục Lincoln và Trưởng tu viện St Paul’s. Vua Anh muốn trợ cấp cho Pretyman (1.500 bảng mỗi năm), nhưng lại cho rằng việc trợ cấp thêm cho anh trai của Thurlow (1.800 bảng mỗi năm) là quá nhiều. Pitt thấy mình chịu ơn Pretyman và cảm thấy cần phải thể hiện thiện chí đối với Hoàng gia như đối thủ của ông – Thurlow – đã làm. Ông thỉnh cầu Vua Anh cho tới khi ngài miễn cưỡng chấp nhận: “Thần không thể dễ lý trí buộc mình phải ép buộc Đức vua... mặc dù, thần tin chắc chắn nhiều người quan tâm sẽ nghĩ rằng điều đó là không thể”. Tuy nhiên, Pitt đã quá lạm dụng ơn huệ của Vua Anh khi ông cố gắng bổ nhiệm Pretyman làm Tổng Giám mục Canterbury năm 1805. Việc Vua Anh từ chối đề nghị của Pitt đã gây nên phản ứng. Tương tự, khi Vua Anh muốn phê chuẩn thăng chức cho luật sư tin cậy của Pitt, Pepper Arden, làm Bộ trưởng Tư pháp và Chánh án Tòa thượng thẩm, thì năm 1799, ngài ủng hộ bổ nhiệm John Scott chứ không phải Arden làm Chủ tịch Tối cao Pháp viện Anh.

Điều mà Pitt lo ngại nhất khi bắt đầu đảm đương chức vụ chính là Vua Anh sẽ được xem là người

có quyền quyết định bổ nhiệm các chức vụ và vị trí quyền cao chức trọng. Pitt buộc phải chấp nhận để những người được Vua Anh tin tưởng, như Thurlow và Howe, vào Nội các nhưng mãi đến những năm 1786-1787, ông mới đồng ý nhận những cố vấn cũ của Vua Anh là Jenkinson và Robinson. Tháng 6/1784, Thomas Orde nhận thấy một số biểu hiện ngờ vực ở Pitt. Bất kỳ một vấn đề bổ nhiệm nào trong chính phủ có liên quan đến Vua Anh hoặc một lời nói nào về sự tiến cử của Hoàng gia đều khiến Pitt biến sắc. Tuy nhiên, Pitt không thể loại bỏ được lợi ích của Vua Anh trong các vấn đề bổ nhiệm nhân sự. Năm 1788, Grenville đã giải thích về một trong những điểm bất đồng của Buckingham, khi ông này còn là Quan đại diện nhà vua ở quận, với Vua Anh về quyền bổ nhiệm ở Ireland:

Tôi tin rằng đối với một bộ trưởng chuyên quyền nhất từng lãnh đạo đất nước cũng chưa bao giờ cảm thấy ông ta có quyền loại bỏ tất cả sự can thiệp cá nhân của Vua Anh trong việc bổ nhiệm các chức vụ. Tôi tin chắc đó không phải là chính sách mà bất kỳ bộ nào mong muốn; và ít nhất cũng không phải là chính sách của chính phủ hiện tại,... những hạn chế được nhìn thấy dễ dàng khi sự tiến cử của Vua Anh luôn là những nỗ lực ủng hộ cá nhân và khi ngài dùng quyền lực can thiệp một cách có hệ thống với bề tôi của mình.

Vua Anh không bao giờ can thiệp quá sâu vào Bộ của Pitt. Khi các vấn đề chính trị cần được bàn thảo, ngài thường chiều theo ý của Pitt, ngoại trừ với những người mà ngài đã có mối ác cảm sâu sắc, đặc biệt là với Fox và Buckingham – người mà ngài cho rằng đã trốn chạy hồi tháng 12/1783. Năm 1784, Vua Anh đồng ý bổ nhiệm con rể của Bá tước Gower làm cố vấn pháp luật của chính phủ để thiết lập mối quan hệ với Gower, mặc dù ngài nghĩ vị trí này sẽ phù hợp hơn với Scott, người được Thurlow bảo trợ. Tuy nhiên, năm 1799, khi bổ nhiệm Scott làm Chủ tịch Pháp viện, Vua Anh đã rút ra một điều là không nên từ chối yêu cầu của Chủ tịch Viện Quý tộc Thurlow. Vua Anh chiều theo mong muốn của Pitt là thuyết phục Loughborough trở về từ hàng ngũ phe Chống đối năm 1792, nhưng vị trí Chủ tịch Viện Quý tộc lại được lựa chọn theo ý muốn cá nhân của ngài. George III từng chiều theo các khanh tướng để củng cố North trong cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ, và bây giờ ngài thực hiện điều đó rộng rãi hơn để củng cố Pitt, đồng thời cảm thấy thỏa mãn khi bổ nhiệm một số nhân vật theo ý muốn – Carleton năm 1786, Joseph Yorke năm 1789, Edgcumbe năm 1790 và John Rushout, người mà Pitt đã quên lời hứa và được ngài lưu ý, năm 1797. Năm 1790, Vua Anh phải miễn cưỡng chấp nhận danh sách bổ nhiệm nhiều chưa từng có, mặc dù ngài lo ngại Viện Quý tộc sẽ trở nên quá đông và gây rất nhiều phiền phức (nó sẽ đe dọa đến sự cai quản các khanh tướng của Viện Quý tộc), đồng thời ngài không chấp nhận ban địa vị Công tước cho bất cứ ai, trừ các thái tử.

Nhà thờ, nơi mà luật lệ và lực lượng vũ trang của Vua Anh mạnh hơn, là nơi ngài thể hiện các dấu hiệu đầu cơ chính trị của mình đặc biệt thận trọng. George III đã rất lo lắng bởi Pitt chuyển hướng vận động sang trường Đại học Cambridge khi ông tranh cử một ghế trong Nghị viện năm 1784 và nhận thấy rằng vị Bộ trưởng của mình sẽ phải chịu áp lực từ phía các đại biểu tăng lữ trong Nghị viện về quyền bổ nhiệm giám mục. Chính Pitt cũng sớm tiêu tan hy vọng khi nói: “Sự đề bạt trong giáo hội là tai họa lớn nhất mà tôi phải chịu”. Đối với Pitt (và cả những người tiền nhiệm), sự đề bạt đó phải thỏa mãn cả yêu cầu của những người ủng hộ và nhu cầu thiết thực của các giáo hội. Người ta thường trình lên Vua Anh tên tuổi của các nhà bảo trợ chứ không phải ưu điểm của người được bảo trợ.

Trong khi đó, năm 1797, Vua Anh đã nói với Pitt: “Ta thiết nghĩ quyền bổ nhiệm giám mục và thẩm phán là một sự tín nhiệm cao nhất, do vậy cần quan tâm đặc biệt tới việc bổ nhiệm giám mục

trong tôn giáo cũng như thâm phán trong lĩnh vực tư pháp”. Vua Anh đã gạt bỏ quyền bổ nhiệm của Pitt đối với các giáo hội khi ngài thực hiện những cam kết ban đầu, trong đó nêu rõ Vua Anh sẽ là người thẩm tra phẩm chất của Tổng Giám mục và nghiên cứu chức Giám mục của Chichester do Richmond tiến cử, và đôi khi ngài chỉ đạo Pitt nên chọn ai – chẳng hạn Hiệu trưởng trường Đại học Cambridge làm Giám mục Hereford, “một người đáng kính” với danh tiếng là Trưởng tu viện Windsor (Vua Anh gợi ý, Pitt chấp nhận chức Giám mục Carlisle). Pitt muốn bổ nhiệm chức giám mục cho William Paley, người có những bài viết được nhiều người mến mộ, nhưng Vua Anh cho rằng “triết lý đạo đức” của Paley quá tự do và ngài đã không đồng ý. Đối với việc bổ nhiệm trong quân đội, Vua Anh còn kiên quyết hơn. Pitt chỉ can thiệp để tránh những đòn tấn công chính trị khi Vua Anh lật đổ những người dưới quyền, ví như khi Vua Anh thăng chức cho quan hầu của mình để chống lại cháu của Buckingham giai đoạn những năm 1788-1789 (trong vụ này, sự kiên trì của Pitt cuối cùng đã tạo cơ hội thuận lợi cho người này, nhưng không lâu sau Buckingham bị mất chức quan đại diện nhà vua ở Ireland); hoặc khi Dundas quá hăng hái thành lập tiểu đoàn bộ binh số 52 mà không có lực lượng dân quân Staffordshire năm 1799, Vua Anh nhất quyết yêu cầu phải giải tán ngay tiểu đoàn này, kết quả là Gower phải xin thôi chức Quan đại diện nhà vua ở quận và suýt nữa chính Dundas cũng phải từ chức.

Để tránh xung đột, Pitt thường nhất trí với Vua Anh khi bổ nhiệm các vị trí trong quân đội. Tuy nhiên, giữa Vua Anh và Pitt thường xuyên có những cuộc giành giật gay gắt các vị trí ngồi mát ăn bát vàng, quyền cao chức trọng và cả trong Giáo hội. Ngay khi có tin khuyết một vị trí nào đó, mỗi người đều nhanh chóng đề xuất ngay tên một người mà họ đã có sẵn trong đầu để ngăn chặn người kia đưa ra bất kỳ lời hứa nào với những người khác cũng như tránh một dòng người đang chờ vào vị trí đó. Trong khi đó, sự trung thành của Pitt đối với dòng họ trước kỳ vọng của người anh họ Buckingham cũng khiến Hoàng gia mất hết kiên nhẫn. Điển hình nhất là năm 1794, Pitt đã lặp lại sơ suất như người bác từng làm khiến Vua Anh bị xúc phạm. Vua Anh muốn trao cấp tước Ga-tơ cho Howe, đô đốc yêu quý của ngài, vì chiến thắng của lực lượng Hải quân trong “Ngày 1/6 Huy hoàng”⁴, nhưng Pitt cương quyết cho rằng cấp tước đó phải được trao cho Portland vì ông này đã dàn xếp thành công liên minh với một bộ phận phe Chống đối. Vua Anh phản đối, nhưng Pitt nhấn mạnh Howe có thể chấp nhận một sự đề bạt khác trong hàng ngũ quý tộc.

Pitt đã khiến Howe phải từ bỏ cấp tước Ga-tơ để nhường cho Portland (Howe từ chối địa vị tước hầu ngay sau khi Portland được đề bạt). Ngay cả trong trường hợp này, Pitt vẫn giữ được thể diện cho Vua Anh và cuối cùng, năm 1797, Howe cũng được nhận cấp tước Ga-tơ. Pitt nhận thức rõ ràng rằng ông không thể làm Vua Anh mất mặt trước dân chúng, ông cũng biết khi nào cần lấn tới, khi nào cần rút lui để duy trì mối quan hệ hòa hợp với ngài.

NHỮNG SỰ VỤ TRONG NỘI BỘ HOÀNG GIA

Cuối cùng, vấn đề tế nhị nhất mà Pitt phải giải quyết là những sự vụ trong nội bộ Hoàng gia. Ở thời điểm mà những chi phí của chính quyền dân sự và quy mô của Hoàng gia không ngừng tăng khiến khoản tiền Nghị viện cấp cho Vua Anh không đủ, Pitt phải làm hài lòng cả Vua Anh – người cần ông trang trải các khoản nợ, và cả những người không theo đảng phái ở Nghị viện – những người luôn kêu ca về sự hoang phí của Hoàng gia. Hơn nữa, thành viên vô độ nhất của Hoàng gia lại là Thái tử Wales, người từng từ bỏ Vua Anh để đứng về phe Fox. Pitt cần phải lôi kéo Thái tử, bởi các vị trí trong Hoàng gia và những lời hứa bổ nhiệm khi Thái tử trở thành vua sẽ là sự ủng hộ hữu ích và là công cụ đối với phe đối lập, đồng thời là tác nhân làm giảm quyền lực Bộ trưởng của một vị vua sinh năm

Nhiệm vụ đầu tiên của Pitt là thiết lập lại tài chính của Vua Anh bằng cách trang trải hết các khoản nợ mà ngài còn khất trong khoản tiền Nghị viện cấp. Pitt đã làm được điều đó nhờ khoản tiền trợ cấp của Nghị viện là 60.000 bảng năm 1784 và 210.000 bảng năm 1786, mặc dù Vua Anh phần nộ trước đề nghị của Pitt là ngài phải công khai các khoản chi tiêu của Hoàng gia trong tương lai để được Viện Bình dân thông qua các khoản đã chi trước đó. Tuy nhiên, năm 1785, do Thái tử Wales từ chối lời gợi ý rằng tất cả các khoản nợ của Thái tử sẽ được trả dễ dàng nếu Thái tử từ bỏ phe đối lập, cộng thêm việc Vua Anh từ chối sự hỗ trợ và không tuyên bố nguyên nhân của những khoản nợ, ngài cũng không cam kết tích cực thanh toán nợ và không mắc nợ thêm nữa nên nợ nần của Thái tử tiếp tục tăng, đến năm 1787 đã lên tới 370.000 bảng. Vấn đề này cần được giải quyết để tránh dẫn đến việc mọi người đánh mất niềm tin vào chế độ quân chủ. Sử dụng Henry Dundas để bắt đầu các cuộc thương lượng đầu tiên với Thái tử (cả Dundas và Thái tử đều là hội viên Hội Tam điểm⁵), Pitt dàn xếp: cấp số tiền để hoàn thành cung điện mới của Thái tử ở Carlton House trong một lần và cấp thêm 10.000 bảng mỗi năm từ khoản tiền Viện Quý tộc cấp cho vua Anh để Thái tử thiết lập một “quỹ chìm” ngoài thu nhập của mình nhằm trang trải các khoản nợ. Đây thật sự là cơn ác mộng chính trị đối với Pitt, bởi ông phải đảm bảo sự nhất trí của cả Vua Anh và Thái tử – những người vốn đã không mấy hòa hợp cũng như của Viện Bình dân – vốn đã thù địch với Vua Anh. Do đó, Pitt cần phải hết sức kiềm chế và phát huy tối đa khả năng của mình để tránh bàn về cuộc hôn nhân vụng trộm của Thái tử với người đàn bà góa tên là Fitzherbert, trái với Đạo luật Hòa giải và Đạo luật Hôn nhân của Hoàng gia. Trước việc Pitt đàm phán thành công vụ việc này và kiềm chế được tính xa hoa của Thái tử, Vua Anh đã phải thốt lên: “Pitt khiến ta không có ấn tượng nào khác ngoài sự đồng ý”.

Tuy nhiên, Pitt đã không lôi kéo được Thái tử, điểm yếu của Pitt càng bộc lộ rõ ràng vào mùa thu năm 1788 khi Vua Anh mắc chứng bệnh rối loạn chuyển hóa porphirin di truyền. Triệu chứng dễ thấy nhất của căn bệnh này là người bệnh nói liên thiên, mê sảng khiến người ta lầm tưởng là bệnh điên. Một chế độ nhiếp chính có thể lại bắt đầu. Nếu trở thành quan nhiếp chính, chắc chắn Thái tử Wales sẽ loại Pitt để ủng hộ những người thuộc phe đối lập. Chỗ dựa của Pitt là Vua Anh không còn vững chắc nữa. Trong cuộc chiến vì sự nghiệp chính trị của mình, Pitt đã được bảo toàn nhờ bốn yếu tố. Thứ nhất, Nghị viện căm ghét sự xa hoa lãng phí và phẩm chất không xứng đáng của Thái tử. Thứ hai, bác sĩ Willis đã đem lại cho Pitt một chẩn đoán may mắn: bệnh của Vua Anh có thể được chữa khỏi. Thứ ba, Pitt hội tụ khả năng của một nghị sĩ dày dạn trong việc khai thác những yếu tố trên để kéo dài thời gian và thiết lập được những giới hạn đối với một chế độ nhiếp chính. Cuối cùng, thể tạng sức khỏe của Vua Anh đủ mạnh để vượt qua được kiểu chữa trị sai lầm đối với một căn bệnh cũng bị chẩn đoán nhầm, ngài có thể cùng Pitt giữ vững được chức vị trong tháng 2/1789.

Tuy nhiên, việc khắc phục thành công cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính vẫn đẩy Pitt vào thế phải đối mặt với những vấn đề tài chính cơ bản của Hoàng gia. Khoản tiền Nghị viện cấp cho Vua Anh không đủ vì chính phủ ngày càng gia tăng các khoản chi phí và Thái tử không thể kiềm chế nổi sự trác táng của mình. Giờ lại nảy sinh những vấn đề phức tạp hơn: thứ nhất, Nghị viện đã cấp thêm tiền, không dễ dàng gì thuyết phục họ cấp thêm nữa; thứ hai, những năm 1790 là thời điểm tiến hành cuộc cách mạng ngoài nước và yêu cầu cải cách triệt để và đánh thuế chiến tranh cao đang được thực hiện trong nước. Việc đề nghị cấp thêm tiền cho Hoàng gia có thể sẽ kích động những thành phần cấp tiến yêu cầu Nghị viện phải kiểm soát chặt chẽ hơn những khoản chi tiêu của Hoàng gia.

Tình trạng khó xử của Pitt bộc lộ rõ vào năm 1794 khi cuối cùng món nợ không ngừng tăng lên của Thái tử Wales đã buộc Thái tử phải hòa giải với Vua Anh bằng cách đồng ý kết hôn để duy trì dòng dõi Hoàng gia. Xét ở góc độ chính trị, đây có vẻ như là một chiến thắng đối với Pitt, nhưng sau đó Nghị viện đã để Pitt tự dàn xếp vấn đề tài chính cần thiết. Pitt phản nản rằng điều này có thể gây nguy hiểm cho quyền lực của ông ở Nghị viện, nơi mà “ông có thể bị mất niềm tin nếu đồng ý trang trải những món nợ” và đối với cả quyền lực Hoàng gia của ông, nơi mà “Thái tử sẽ tức giận nếu ông không đồng ý trang trải nợ nần cho Thái tử ngay”. Mùa thu năm 1795, khi Pitt thăm dò ý kiến ở Viện Bình dân, ông đã gặp phải sự phản đối và gần như thất bại, buộc phải giải quyết một khoản tiền ít hơn với những điều kiện nhất định, điều này khiến Vua Anh tức giận bởi ngài đã thất hứa với Thái tử.

Trong vòng một năm, Vua Anh tiếp tục phản nản nhiều hơn về việc lập Dự thảo Nghị viện chậm chạp, nghĩa là Thái tử không được những người cho vay bảo vệ như mong muốn; đồng thời Thái tử tan vỡ ảo tưởng, ly thân với vợ và một lần nữa lại từ bỏ Vua Anh và các vị bộ trưởng.

Để thoát khỏi những vấn đề phức tạp hơn, Pitt tránh đề nghị thanh toán các khoản nợ trong khoản tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh, do đó, ông phải mất một năm giải quyết những công việc còn dang dở. Năm 1798, Pitt đệ trình các bản kê khai tài chính về khoản tiền Nghị viện cấp cho Vua Anh trong ba năm trước để Tiểu ban Tài chính Viện Bình dân không can thiệp vào, điều này có thể ảnh hưởng đến việc Pitt ép Vua Anh phải đóng góp 1/3 quỹ riêng của ngài cho chiến tranh. Tương tự, để tránh phải chi thêm vào khoản tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh, Pitt đã dùng tiền trợ cấp chung của Nghị viện để trả cho các chi phí quản lý chiến tranh và bất ổn dân sự phát sinh. Đến năm 1799, khoản tiền này đảm bảo cho những chi phí của chính phủ dân sự nhiều hơn là khoản tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh. Pitt cũng sắp xếp vị trí cho những đứa trẻ của Hoàng gia khi chúng đến tuổi. Do vậy, đến năm 1802, 4/5 số tiền trợ cấp cho những người này là trợ cấp trực tiếp của Nghị viện.

Không biết chủ tâm hay không, nhưng việc làm này đã giảm bớt sự lãng phí của Vua Anh bằng cách chi tiêu dần khoản tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh. Trong khi đó, Vua Anh cần phải độc lập về tài chính để quản lý chính phủ dân sự mà không có sự can thiệp của Nghị viện, tạo khả năng cho Nghị viện giành được quyền kiểm soát một phần đáng kể tài chính của chính phủ và tài chính của Hoàng gia mà trước đây ngài quản lý. Năm 1800, Vua Anh đã đề nghị một khoản thu nhập riêng để đảm bảo cho hoàng tộc khi ngài thừa nhận quyền sở hữu tài sản cá nhân của ngài khác với sở hữu tài sản của vua. Pitt chấp nhận Đạo luật Sở hữu tài sản cá nhân của Vua Anh, nhưng yêu cầu các khoản thu nhập cá nhân chung của vua đều phải chịu thuế như những thần dân khác. Pitt là vị bộ trưởng đầu tiên dám thu thuế của Vua Anh! Những nghi ngờ vốn ăn sâu trong dòng máu Chatham trước đó đã khiến ông kém thận trọng trong việc gìn giữ những đặc quyền đặc lợi và quyền lực của Vua Anh, ông tin tưởng chắc chắn việc Vua Anh trở thành tấm gương yêu nước trong cuộc chiến sẽ có vai trò rất quan trọng. Tuy vậy, những gì mà Pitt đạt được trong nền chính trị đã gia tăng thêm thanh thế và lòng mến mộ mà dân chúng dành cho Vua Anh và thiết lập lại công đức của ngài đến một chừng mực khiến vị Thủ tướng phải tiếc nuối sau năm 1801.

Bộ trưởng Pitt và Vua Anh đã thiết lập được mối quan hệ công việc đủ mạnh trong suốt 17 năm, nhưng mối quan hệ này chưa bao giờ là thân thiết. Họ chưa bao giờ phá bỏ sự đề phòng lẫn nhau, do vậy, mối quan hệ này luôn mang tính hình thức và xa cách, mặc dù năm 1798 Vua Anh đã ân cần nhắc nhở vị Thủ tướng đang đau ốm phải quan tâm chăm sóc sức khỏe. Lần duy nhất ngài gọi “Pitt yêu quý” là trong bức thư đáp lại đơn từ chức của Pitt năm 1801. Pitt cũng như cha mình, khi còn đương quyền

luôn coi Vua Anh là một thể chế hơn là một con người. Cận thần Robert Greville tỏ ra rất ngạc nhiên là làm thế nào mà trong suốt cuộc khủng hoảng dưới chế độ nhiếp chính, Pitt lại có thể kiềm chế không hỏi các bác sĩ, Nữ hoàng cũng như những người chăm sóc Vua Anh về sức khỏe của ngài. Thực tế, Pitt thích giải quyết những vấn đề rắc rối với Vua Anh thông qua thư từ, và Vua Anh cũng thấy việc ngài thể hiện những quan điểm mạnh mẽ của mình thông qua các bản ghi nhớ chung gửi Bộ trưởng Pitt là tốt hơn. Không thể khẳng định là có một tình cảm thật sự giữa họ. Năm 1797, Westmorland, một người bạn lâu năm của Pitt và là viên chức trong Hoàng gia, tuyên bố rằng ông không dám chắc Pitt có thể gặp Vua Anh để tâm sự riêng được mười lần. Pitt không có cùng mối quan tâm về nghệ thuật và nông nghiệp với Vua Anh.

Là một người độc thân, Pitt không có một gia đình để Vua Anh có thể thể hiện sự quan tâm như ngài đã làm với North và với người kế nhiệm Pitt là Addington. Pitt cũng không thẳng thắn tâm sự để có được tình bằng hữu với Vua Anh. Năm 1804, trong một so sánh hầu như không úp mở giữa Addington và Pitt, Vua Anh đã nói với Pitt rằng ngài chỉ coi trọng những người coi ngài là một người bình thường chứ không phải là một vị vua hay vì một lợi ích nào đó mà không hề có tình bằng hữu. Khi mối quan hệ công việc này bắt đầu đổ vỡ vào năm 1800 và đầu năm 1801, họ vẫn giữ thái độ tôn trọng nhau nhưng không hề có chút tình cảm nào.

CHƯƠNG 3. Thủ tướng Pitt

MỘT BỘ TRƯỞNG CÓ THỂ LỰC TRONG NỘI CÁC LIÊN MINH

Năm 1803, trong một tuyên bố được coi như định nghĩa đầu tiên về cương vị Thủ tướng, Pitt khẳng định:

Hiện nay, điều hết sức cần thiết trong việc quản lý các vấn đề của đất nước là cần có một bộ trưởng thật sự, được công khai thừa nhận, có quyền lực trong Nội các và chiếm được niềm tin của Vua Anh. Đảm bảo được điều đó thì có thể sẽ không có sự cạnh tranh và phân chia quyền lực. Quyền lực phải tập trung vào Bộ trưởng thứ nhất¹ và vị bộ trưởng đó phải là người nắm quyền về tài chính... Nếu không may có một quan điểm khác biệt hoàn toàn, mà không thể nhượng bộ hoặc hòa giải, thì phải tôn trọng ý kiến của vị bộ trưởng đó để các thành viên khác của chính phủ hành động thống nhất.

Trong bốn sự kiện của tháng 2/1784, tháng 3/1791, tháng 8/1792 và tháng 3/1803 (thời điểm lời tuyên bố ở trên đưa ra), Pitt đều từ chối những gợi ý ông phụng sự ngang hàng với đối thủ, dưới danh nghĩa một thủ tướng bù nhìn. Năm 1804, Bá tước Richmond viết: “Tôi sợ tham vọng của ông sẽ không bao giờ cho phép ông tham gia ngang hàng và đặt mình ngang hàng với bất kỳ ai. Ông hoặc trở thành Hoàng đế hoặc là vô danh tiểu tốt”. Pitt phải nỗ lực tìm kiếm một vị trí xuất sắc, bởi vị trí đó không dễ dàng được chấp nhận.

Nhiều người coi Bộ trong những năm 1783-1801 là một bộ hợp nhất. Vua Anh đã mời Richmond, Gower, Thurlow và Pitt thành lập nên bộ này. Một đặc phái viên có kinh nghiệm tin rằng Pitt, Thurlow và Shelburne sẽ chi phối những vấn đề trong nước (gồm cả Shelburne vì Pitt từng là học trò của Shelburne và có hai bộ trưởng theo phe Shelburne). Shelburne nhanh chóng bị loại khỏi danh sách những người có ảnh hưởng đến các vấn đề của dân tộc và nhận địa vị tước hầu, còn Pitt lại gặp nhiều khó khăn hơn trong việc khẳng định uy quyền tối cao của mình tại Nội các. Ít nhất trong hai trường hợp gần đây, các đồng sự đã thắng phiếu trong những vấn đề mà ông rất tâm huyết: vấn đề cải tổ Nghị viện vào tháng 3/1784 và những đề xuất về Ireland của ông tháng 7/1785.

Trong khi những đối thủ của Liên minh Fox-North nhận thấy họ không thể thành lập chính phủ nếu thiếu Pitt thì vẫn chưa có một sự xác định rõ ràng phạm vi quyền hạn của ông trước các đồng sự. Trên thực tế, khi Thurlow giữ chức Chủ tịch Viện Quý tộc, Pitt vẫn là một Bộ trưởng có thể lực chứ chưa hẳn là Thủ tướng, bởi Chủ tịch Viện Quý tộc Thurlow được Vua Anh tin tưởng tuyệt đối. Bá tước Richmond cho rằng Vua Anh thiên vị Thurlow “nhiều và có tính quyết định” đến nỗi “không một bộ nào mà bộ trưởng không cùng phe với Thurlow lại có thể chiếm được niềm tin của Vua Anh”, và những người ủng hộ Pitt sợ rằng nếu Thurlow “có thể hành động mà không cần Pitt thì ông ta cũng

không ngần ngại gì mà không bán rẻ Pitt”. Ngay cả Grenville, đồng minh của Pitt, cũng phải thừa nhận Thurlow uyên thâm, sắc sảo, có tài chỉ huy và có vốn kiến thức sâu rộng được thể hiện qua tài hùng biện sôi nổi và gây ấn tượng mạnh mẽ. Wraxall và đặc phái viên vùng Sardinian xác nhận ưu thế vượt trội của Thurlow trước Viện Quý tộc. Năm 1789, Vua Anh mong muốn Thurlow và Pitt hòa thuận bởi “cả hai người đều cần thiết đối với ngài, một người cần ở Viện Quý tộc, còn một người ở Viện Bình dân”.

Thurlow cũng có một số thành kiến giống Vua Anh đối với việc cải tổ mà Pitt đưa ra. Giữa Thurlow và Pitt có những điểm đối nghịch nhau: Pitt thận trọng và lạnh lùng trong phần lớn các mối quan hệ cá nhân nhưng sôi nổi, nhiệt tình và kiên trì xúc tiến công việc vốn đã chiếm hết tâm huyết của ông, trong khi đó, Thurlow cởi mở, nhạy cảm khi tiếp xúc với mọi người nhưng lại chậm chạp và khó khăn trong công việc. Pitt và bạn bè của ông đồng ý với North rằng “trong Nội các, Thurlow không phản đối, không đề nghị và không quyết định điều gì”. Thậm chí Vua Anh đã phản ứng trước những lời phàn nàn của Pitt rằng “vị Chủ tịch Nghị viện đó (Thurlow) khá nổi tiếng vì thích trì hoãn”. Thay vì xử sự khoan dung với Thurlow như lời thuyết phục của Vua Anh, Pitt đã bỏ qua Thurlow mỗi khi có thể trong những vấn đề liên quan công việc, khiến vị Chủ tịch Nghị viện phải phàn nàn rằng ông ít được tham khảo ý kiến. Lỗi là ở cả hai người. Nếu Pitt coi thường sự chậm trễ và phớt lờ những quan điểm phản đối cải tổ của Thurlow thì Thurlow lại có thái độ khinh thị cải tổ mà vị Thủ tướng tự cho mình là “liêm chính” dung thứ cho sự lợi dụng chức vụ của các cố vấn riêng, thậm chí còn hợp pháp hóa một số điều về quyền bổ nhiệm và quyết định cấp lương hưu. Sau một thời gian hợp tác, mối quan hệ giữa hai người ngày càng tồi tệ và trở thành thù địch từ năm 1788.

Pitt có thể hy vọng sự ủng hộ hiếm hoi từ những người còn lại trong Nội các để chống lại vị Chủ tịch Viện Quý tộc uy quyền và gây nhiều trở ngại như Thurlow. Bộ trưởng Hải quân Howe thì coi vị trí của mình hoàn toàn là vì công việc và tránh đưa ra các quan điểm chính trị. Khi Howe từ chức vào năm 1788, Grenville khẳng định rằng Bộ của Howe chưa bao giờ liên kết với các bộ khác trong chính quyền “dù ở cấp độ nhỏ nhất”. Bá tước Gower, Chủ tịch Viện Cơ mật, lại là bạn cũ của Thurlow. Các quan chức hành pháp quan trọng của chính phủ, hai ngoại trưởng là Sydney và Carmarthen cũng được Grenville miêu tả là “không đảm đương được nhiệm vụ bình thường nhất ở cương vị của họ”. Mặc dù họ là những kẻ tình nguyện bắt đầu vào tháng 12/1783, nhưng Pitt vẫn cảm thấy phải chịu ơn họ vì họ đã kìm nén những quan điểm bất đồng với Pitt. Sydney cũng có cùng tư tưởng thù địch như Thurlow đối với việc cải tổ Nghị viện và bãi bỏ buôn bán nô lệ, nhưng là cha vợ của anh trai Pitt, Sydney phải thận trọng trong cách cư xử. Pitt đặc biệt thất vọng đối với Bá tước Richmond, một nhà quản lý năng lực và có kinh nghiệm cả về quân sự lẫn ngoại giao. Sau khi Rutland đến Ireland vào tháng 3/1784, Richmond là thành viên duy nhất trong Nội các nhất trí hoàn toàn những quan điểm cải tổ của Pitt. Trong năm năm đầu tiên của Bộ, Pitt thân với Richmond hơn bất kỳ thành viên nào trong Nội các. Ông thường xuyên hỏi ý kiến Richmond. Nhưng thật đáng tiếc, Richmond lại tự bộc lộ mình là người không đáng tin cậy. Grenville cho rằng ý kiến của Richmond “đồng bóng và hão huyền, thường dao động với những ấn tượng nhất thời”, thể hiện bộc trực.

Do vậy, Pitt phải sớm thực hiện mọi nỗ lực để kiến tạo một chính quyền mới có hiệu lực hơn, một chính quyền hy vọng dựa vào những người theo Đảng Whig nhiều hơn nhằm đối phó với sự ảnh hưởng quá mức của Hoàng gia, đồng thời quan tâm chặt chẽ tới tài nguyên đất, một yếu tố rất quan trọng giúp dân chúng chấp nhận một Nội các của thế kỷ XVIII. Pitt đã không thành công khi thuyết phục Richmond thay Sydney làm Bộ trưởng Nội vụ, sau này Richmond chuyển sang làm Bộ trưởng Không bộ cao cấp

(vị trí mà Rutland đã xin thôi). Sau đó, Pitt cố lôi kéo Grafton vào Nội các thay vị trí của Sydney, và khi Grafton từ chối Bộ Nội vụ, Pitt đã cố gắng chuyển ông sang Bộ Ngoại giao, nhưng lại thấy Carmarthen không muốn rời chức vị khi mà những sáng kiến về chính sách ngoại giao của ông ta chưa được thực hiện. Thành công duy nhất của Pitt là đưa Chủ tịch Viện Quý tộc dưới thời cha ông, ngài Camden, lên làm Viện trưởng Viện Cơ mật vào cuối năm 1784, Gower chuyển sang làm Bộ trưởng không bộ cao cấp (Camden đã được phong Bá tước, còn Gower được đưa phong làm Hầu tước Stafford năm 1786). Không thể phủ nhận Camden là một người theo Đảng Whig và là người bạn trung thành của gia đình Chatham, nhưng tuổi tác và sức khỏe ốm yếu đã ảnh hưởng đến uy tín của ông cũng như sự ủng hộ mạnh mẽ của ông đối với Pitt.

Do vậy, Pitt đành phải giữ nguyên một Nội các yếu kém và thiếu quyết đoán. Năm 1784, Richmond than vãn: “Nội các luôn thiếu thông tin đáng tin cậy, và... ở một số ban ngành, hành động còn lè mề”. Năm 1785, từ Ireland, Rutland đã viết thư bày tỏ tán thành quan điểm với Richmond: “Tôi đã làm việc trong Nội các của anh một thời gian đủ để quen với sự cãi lộn và cố chấp từ một vài đồng sự của anh” – điều này thường được nói đến sau các cuộc họp Nội các, nơi “có quá nhiều cãi lộn và những điểm bất đồng không có hồi kết về những chuyện lặt vặt, không có vấn đề gì được quyết định trước khi mọi người có mặt ở Nghị viện”. Bản tường trình khá quan trọng về cuộc họp Nội các bàn về chính sách ngoại giao được tổ chức vào tháng 5/1787 cho thấy Pitt còn lâu mới có thể chiếm ưu thế hơn. Trên thực tế, Thurlow và Richmond là những người trình bày chính. Trong những năm đầu tiên này, chính phủ là sự thống nhất của các bộ ngành độc lập.

Giữa những năm 1780, Pitt đã phải vật lộn trong Viện Bình dân một vài lần nhằm bảo vệ phương sách của các bộ trưởng khác về những vấn đề mà ông không thể kiểm soát. Về Dự luật Cảnh sát London năm 1785 của Bộ Nội vụ, một dự luật vốn gây nhiều tranh cãi, “ông tuyên bố không hiểu sâu sắc về vấn đề này, do vậy không thể phán xét là điều khoản được đưa ra sẽ áp dụng tới mức nào”. Chương trình củng cố các căn cứ hải quân của Richmond gây nhiều tranh cãi năm 1786, sự đề bạt trong lực lượng hải quân của Howe năm 1787 là một số trường hợp khiến Pitt khó xử. Những điều này cũng bộc lộ sự thối nát ở các bộ ngành: Bộ Hải quân phản đối chương trình củng cố các căn cứ và Howe cho phép các thành viên của Bộ này cùng người thân của họ bỏ phiếu phản đối dự án của Richmond; để trả đũa, ngay sau đó các thành viên của Bộ Quân nhu bỏ phiếu chống lại sự điều chỉnh trong Bộ Hải quân, đồng thời phản đối việc đề bạt chức vụ của Howe.

Tháng 10/1785, một cựu Bộ trưởng Tài chính than vãn rằng ông có ấn tượng ngày càng mạnh mẽ về việc “Pitt muốn được ủng hộ và trợ giúp, và nhiều vị trí quan trọng của chính phủ không được bổ nhiệm cho những người vì công việc, chu đáo hoặc có khả năng tương xứng với vị trí đó”. Hơn nữa, việc Pitt xử trí thiếu tự tin trước những người nằm ngoài danh sách bạn bè thân thiết đã cản trở cơ hội chiến thắng của ông. Sau này Carmarthen nhớ lại:

Pitt thường có cách xử sự khiêm nhã khác thường, mặc dù mong muốn thể hiện phép lịch sự và sự quan tâm, nhưng ông thường thể hiện với sự vụng về ngay thật...

Những nỗ lực cải tổ của Pitt càng làm tăng bất đồng trong Nội các. Khi Thurlow và Sydney ngăn chặn Dự luật Cải tổ bầu cử ở các hạt tại Viện Quý tộc năm 1785, Pitt gây áp lực buộc Sydney phải cho phép thông qua dự luật này vào năm sau trong khi Chủ tịch Viện Quý tộc vắng mặt vì bị ốm, việc làm

này đã khiêu khích sự bất bình cũng như tức giận trong một số người. Năm 1786, Pitt tham gia phe đối lập để lên án Warren Hastings, cựu Thống đốc bang Ấn Độ, một người chuyên quyền nhưng có năng lực, từng ủng hộ Thurlow (và cả Vua Anh). Năm 1788, khi Thurlow và Sydney cản trở dự luật của Dolben nhằm cải thiện các điều kiện của việc buôn bán nô lệ, Pitt đã rút ngắn chuyến thăm Cambridge và vội vã trở về London, ông xác định nếu bị Viện Quý tộc phản đối, từ Viện Bình dân, một lần nữa ông sẽ gửi dự luật này lên Viện Quý tộc. Ông nói với Grenville: “Nếu vẫn thất bại, những người phản đối dự luật và tôi sẽ không thể tiếp tục cùng là thành viên của một chính phủ, và tôi có ý định tuyên bố rõ ràng tại Nội các trước khi cuộc họp Nội các bắt đầu vào ngày mai”. Các đồng sự của Pitt lại một lần nữa từ chối bản dự thảo luật, nhưng họ bức tức thoái lui khi Pitt tiếp tục gửi từ Viện Bình dân bản dự thảo đã được chỉnh sửa.

THOÁT KHỎI SỰ KIỂM CHẾ CỦA NỘI CÁC

Để giải quyết những vấn đề cơ bản trong Nội các, Pitt đã hướng sang một nhóm nhỏ gồm người thân và các chuyên gia để tham khảo ý kiến và xin tư vấn. Khả năng của những người này, thông tin và điều kiện xúc tiến công việc mà họ cung cấp cho Pitt chắc chắn sẽ củng cố vị trí của ông. Tuy nhiên, nó cũng làm tăng thêm những khó khăn trong Nội các, bởi các bộ trưởng phần nộ và cảm thấy họ nằm ngoài “vòng bí mật”, và bởi Pitt và những cố vấn của ông bắt đầu can thiệp vào lĩnh vực mà họ đảm trách.

Thành viên đầu tiên của vòng nội bộ này là Henry Dundas. Những kỹ năng chính trị của Dundas trong Viện Bình dân rất cần thiết đối với Pitt, người mà Dundas luôn ủng hộ trong các cuộc thảo luận. Trong suốt các phiên họp Nghị viện, Dundas là người duy nhất hàng ngày có thể gặp Pitt. Dundas đã nhanh chóng chiếm được niềm tin của Pitt bằng chính khả năng và kinh nghiệm làm việc của mình. Một người bạn Scotland, ngài John Sinclair, đã viết về Dundas như sau: “Tôi chưa bao giờ gặp một người nào có thể thực hiện một khối lượng công việc lớn trong một thời gian ngắn hoặc sự phán xét của người đó lại có tính quyết định trong những trường hợp đặc biệt khẩn cấp như Dundas”. Thậm chí người bạn khó tính của Pitt, Wilberforce, cũng phải thừa nhận Dundas là “một con người tuyệt vời của công việc... Sự cần cù của anh ta làm tôi cảm thấy xấu hổ!”

Mối quan tâm đặc biệt của Dundas về Ấn Độ đã sớm giúp ông có tầm ảnh hưởng lớn đối với Ban Kiểm soát Ấn Độ mới, mà nhà lãnh đạo trên danh nghĩa của ban này muốn trao lại quyền quản lý cho Dundas. Dundas không chỉ giúp ích cho Pitt trong việc giải quyết các vấn đề ở Viện Bình dân, các vấn đề về Scotland và Ấn Độ, mà nếu có một việc không mấy hay ho buộc phải làm, Dundas cũng không nề hà. Ông là “dấu ấn” chính trị của Pitt. Pitt dường như bị những khả năng tiềm tàng của con người tham công tiếc việc và hiểu biết rộng rãi này cuốn hút. Cả Pitt và Dundas đều nghiện rượu, cùng yêu thích vùng thôn quê và họ thường tận hưởng thú vui này ở biệt thự Wimbledon của Dundas. Chẳng bao lâu, các bộ trưởng đều thể hiện sự ghen ghét đối với sức ảnh hưởng của Dundas. Tháng 11/1784, trong chuyến thăm London, Bộ trưởng Ireland phát hiện ra “những dấu vết của lòng ghen tỵ liên quan tới Dundas, người luôn bị cho là đã chiếm cảm tình của Bộ trưởng Pitt và tùy ý chỉ đạo ông”. Thậm chí năm 1789, một người trung thành như Camden cũng phàn nàn là Pitt đã bị ảnh hưởng quá mức từ Dundas. Bá tước Bute, Bộ trưởng Scotland, cũng nhận định rằng việc nâng cao phẩm giá của Dundas là một vấn đề nhạy cảm, đặc biệt khi ông đã lợi dụng tầm ảnh hưởng của mình để thăng chức cho một người bạn người Scotland, và một số người cảm thấy Dundas không đủ địa vị xã hội để đứng vào hàng ngũ Nội các. Mối liên kết thân mật giữa Dundas và Pitt càng thể hiện rõ nét khi Pitt bổ nhiệm Dundas

làm Bộ trưởng Nội vụ tháng 6/1791. Dấu tranh để Dundas phụ trách chỉ đạo cuộc chiến tranh năm 1794, Pitt nhấn mạnh: “Đó là nhờ khả năng giải quyết công việc trôi chảy của Dundas, và tất cả mọi hành động của Dundas đều hợp ý tôi”.

Charles Jenkinson là “con người của công việc” thứ hai của Pitt, một người mà đáng ra Pitt phải tránh, bởi Jenkinson có tiếng là một cận thần tinh quái của Vua Anh, người đã phục vụ hầu như trong tất cả các bộ kể từ năm 1762. Tuy nhiên, vị Thủ tướng trẻ Pitt sớm nhận thấy mình cần sự tinh thông của Jenkinson trong vấn đề thương mại và tài chính. Được bổ nhiệm vào Ủy ban Thương mại năm 1784, Jenkinson đã gây được ảnh hưởng lớn và có những đóng góp quan trọng đối với các đề xuất thương mại ở Ireland của Pitt cũng như những đàm phán thương mại với Pháp và một số nước khác. Tháng 7/1786, Jenkinson tự cho mình là người “chiếm được phần lớn niềm tin của Pitt, bởi ngài Pitt mang tất cả các vấn đề có thể tới Hội đồng Ủy ban và họp mỗi tuần hai lần dưới sự chủ trì của tôi”. Pitt đã bổ nhiệm Jenkinson làm Chủ tịch Ủy ban Thương mại năm 1786, phong cho ông là Huân tước Hawkesbury và địa vị ngồi mát ăn bát vàng là Đại pháp quan, Công tước xứ Lancaster. Pitt đã giải thích với mẹ: “Con nghĩ điều này có vẻ có gì đây không bình thường trong thời điểm hiện nay và liên quan tới quan điểm của những người đi trước, nhưng anh ta đã đạt được tước vị đó chính đáng và giành được nó trong quyền kiểm soát của con”. Tuy nhiên, giữa họ chỉ có mối quan hệ công việc, bởi Hawkesbury – một kẻ quan liêu đến lạnh lùng, không bao giờ trở thành người nằm trong nhóm thành viên thân mật của Pitt.

Mặc dù ông ta không còn hoạt động như một cố vấn và một người cung cấp tin tức cho Vua Anh, Pitt vẫn hết sức cảnh giác. Năm 1789, Hawkesbury phàn nàn: “Ngài Pitt vẫn tiếp tục đắc thắng và không chia sẻ với Công tước Leeds (Carmarthen) hoặc tôi hay bất cứ ai có quan hệ với tôi”. Mãi đến năm 1791, Pitt mới đề Hawkesbury ngồi vào ghế Nội các, phong cho ông chức Bá tước Liverpool năm 1796, nhưng Pitt vẫn rất thận trọng, ông bổ nhiệm những người thân với mình (Grenville, sau đó là Ryder) làm Phó Chủ tịch Ủy ban Thương mại. Do vậy, thế lực của Liverpool gần như chỉ về thương mại, và những người nhiệt tình theo chính sách để mặc tư nhân kinh doanh như Grenville cũng thấy Liverpool như một cánh tay kiềm chế Thủ tướng. Ông chịu trách nhiệm đối với việc soạn lại Dự luật Hàng hải vào năm 1786, tăng cường bảo vệ cho các tàu thuyền của Anh, trong khi đó, trong suốt cuộc khủng hoảng lương thực năm 1800, Grenville phản đối ý kiến của Pitt về kiểm soát thị trường: “Sự thật là chúng ta đã hình thành những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, tôi không tin nhiều vào tính đúng đắn của lý thuyết kinh tế chính trị của Adam Smith như anh cho đến khi Huân tước Liverpool quyền rũ được anh khỏi tay chúng tôi để vào mê cung của hệ thống cũ”.

Cuối năm 1783, Robinson đã mô tả những người tùy tùng của Pitt là “những cậu bé, những nhà lý thuyết và những người thành kiến”. Điều này cho thấy sự yếu kém của Pitt trên con đường tiến tới quyền lực. Kinh nghiệm trong công việc chưa nhiều, Pitt lại thiếu những cố vấn riêng có kinh nghiệm đáng tin cậy dẫn dắt và ủng hộ. Người anh họ Temple và anh rể Mahon của Pitt đã sớm bộc lộ sự không kiên định và thất thường, do vậy, ông buộc phải chuyển hướng sang những người như Dundas và Jenkinson đến từ Bộ của North cho tới khi những thành viên thân cận của Pitt có đủ kinh nghiệm và chứng minh được năng lực làm việc của họ. Người đầu tiên làm được điều đó, đạt được tầm ảnh hưởng mà chỉ Dundas mới sánh được, chính là anh trai của Temple, William Grenville. Mối quan hệ họ hàng đã giúp Grenville gia nhập đội ngũ những người nắm quyền năm 1784, nhưng ông chỉ được bổ nhiệm đến làm ở Ban Kiểm soát Ấn Độ và Ủy ban Thương mại. Pitt sớm nhận thấy giá trị của Grenville và giới thiệu ông với Rutland để làm Bộ trưởng ở Ireland năm 1785, bởi “xét về tính cách

và khuynh hướng thì Grenville có những điểm trái ngược với em trai mình, sự nhạy cảm và những thói quen trong công việc của ông ta rất phù hợp với vị trí đó”. Tuy nhiên, Pitt nhanh chóng nhận thấy ông có thể dùng những khả năng của người anh họ, bổ nhiệm Grenville làm Chủ tịch Ủy ban Viện Bình dân phụ trách việc kiểm tra tài chính công để chuẩn bị cho Quỹ chìm và làm việc bên cạnh ông để chỉ đạo các cuộc đàm phán thương mại với Pháp những năm 1785-1786.

Về sau, khi có công việc khó khăn cần phải thực hiện, Pitt hoàn toàn trông cậy vào Grenville. Pitt đã cử Grenville tới Hà Lan và Pháp với tư cách là đặc phái viên riêng của mình trong suốt cuộc khủng hoảng Hà Lan năm 1787, bổ nhiệm ông làm phát ngôn viên của Viện Bình dân khi người giữ chức vụ này bị chết trong thời gian Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, cử ông lãnh đạo các nghị sĩ để chế ngự Thurlow năm 1790. Sự chuyên tâm của Grenville với công việc, sự thấu hiểu từng chi tiết và tính quyết đoán của ông là tài sản lớn đối với Pitt, mặc dù ngài Thủ tướng cũng nhận thấy đó là con dao hai lưỡi. Cũng giống như Pitt, Grenville say mê đọc các tác phẩm kinh điển, yêu phong cảnh miền quê và thích đọc thuyết kinh tế hiện đại (họ cùng đọc Adam Smith và được Dundas giới thiệu với nhiều người uy tín trong cộng đồng người Hindu). Dundas và Grenville trở thành những người bạn và đồng sự thân cận nhất của Pitt. Mặc dù có những điểm khác nhau về vấn đề cải tổ Nghị viện và về Hastings, Grenville vẫn có cùng ác cảm sâu sắc như Pitt đối với việc buôn bán nô lệ. Nỗi kinh sợ của Buckingham về chi phí tái bầu cử ở các tỉnh của Pitt và mong muốn trấn an nhẹ nhàng Sydney của Pitt đã ngăn cản ông bổ nhiệm Grenville làm Bộ trưởng Nội vụ trước tháng 6/1789. Khi Grenville chuyển sang Bộ Ngoại giao năm 1791, một vị Thứ trưởng đã mô tả hai người như “hai người bạn... đến nỗi mối quan hệ của họ không thể tách rời được, giữa họ được gắn kết bởi tình cảm”, còn nhà ngoại giao Auckland ghi nhận “những gì được viết về Pitt cũng là những gì có thể viết về Grenville”.

Tiếp tục duy trì mối quan hệ liên minh bên ngoài Nội các mãi đến cuối những năm 1780, Dundas và Grenville trên thực tế là “những kẻ đâm thuê chém mướn” cho Pitt. Pitt đã mở rộng ảnh hưởng của mình sang các lĩnh vực quản lý ngoài Bộ Tài chính. Quyền bổ nhiệm ở Scotland và Ấn Độ cũng được chuyển từ Sydney sang Dundas. Việc kiểm soát của Bộ trưởng Nội vụ cũng bị Pitt qua mặt khi ông trao đổi thư từ trực tiếp với Quan đại diện nhà vua ở quận và là bạn của Pitt, ngài Rutland. Sau khi Rutland chết năm 1787, Grenville lại tiếp tục trao đổi thư từ với người kế nhiệm Rutland, ngài Buckingham. Năm 1786, Orde nhận thấy Sydney “ít được hỏi ý kiến và ít được coi trọng trong Bộ của ông ta, và tôi có lý do để tin tưởng Sydney rất căm phẫn vì sự qua mặt này”.

Trong năm đó, cả Sydney và Carmarthen đều chờ xin thôi việc do cách đối xử lỗ mẫn của Pitt, nhưng Bộ trưởng đầu tiên trong Nội các từ chức lại là Howe – sau khi Pitt thiết lập mối quan hệ hợp tác thân mật với Trưởng ban quản lý lực lượng Hải quân, Charles Middleton. Pitt ép Howe để Middleton thay vào vị trí của Howe, khác với tiền lệ, Middleton được bổ nhiệm làm đô đốc năm 1787. Howe giận sôi lên vì bị mất mặt trong lực lượng hải quân suốt gần một năm trước khi ra đi vào tháng 7/1788. Ngay sau đó, Pitt giành được cơ hội mở rộng quyền kiểm soát chính quyền bằng cách tiến cử anh trai mình là Bá tước Chatham với Vua Anh. Wilberforce đã nói: “Tôi cảm thấy sự sắp xếp này có thể gây ác cảm đối với một số người, nhưng tôi rất hài lòng vì những phản đối đó không đáng gì so với cái lợi là thiết lập được một sự phối hợp hoàn hảo với một bộ quan trọng và loại bỏ được sự hiện hữu của lợi ích cá nhân”.

Pitt mở rộng hơn nữa tầm ảnh hưởng của mình trong Nội các, khi một năm sau đó Grenville thay Sydney và hai năm sau, Dundas được bổ sung vào Nội các. Sự nắm giữ quyền lực này đã khiến các bộ

trường nằm ngoài vòng thân mật của Pitt phần nộ. Richmond giận dữ khi việc trao cấp bậc quý tộc và quyền lãnh đạo Viện Quý tộc cho Grenville tháng 7/1790 lại không tham khảo ý kiến của ông, đồng thời cảnh báo: “Nước Anh sẽ không thỏa mãn đứng nhìn ngài (Pitt) để hai người anh của mình lãnh đạo lưỡng viện cũng như cách ngài điều hành đất nước”. Thật vô lý khi “những đồng sự của ngài trong Nội các không bao giờ biết trước việc gì cho tới khi nó đã được thực hiện xong, những việc mà trước đây những người có mối quan hệ chính trị cũng như bạn bè thường chú ý quan tâm thông báo trước với tôi”. Richmond còn lên án Pitt: “Khuynh hướng của ngài không mang lại hiệu quả gì, ngài quá thờ ơ trong việc nuôi dưỡng tình bạn với những người có gắn bó mật thiết với ngài nhất, khiến ngài bộc lộ những phán xét của mình theo quan điểm của một phạm vi hẹp những người mà ngài cho là thân thiết với mình”.

Từ đó, Richmond ngày càng vắng mặt nhiều hơn trong các cuộc họp Nội các. Thurlow cầu nhàu rằng mong muốn có được niềm tin giữa các thành viên có cùng cách quản lý “không chỉ gây khó chịu cho nhiều cá nhân mà còn tổn hại đến lợi ích chung của chính phủ”. Tương tự như vậy, Carmarthen (từ năm 1789 là Công tước Leeds) cảm thấy trong thời gian đó, Pitt đã không thật sự tin ông, bởi Pitt ngày càng can thiệp sâu vào công việc của ông. Và khi Pitt rút tới hậu thư mà ông gửi cho Nga, Leeds đã từ chức vào tháng 4/1791.

GIỮ VỮNG ĐƯỢC CHỨC THỦ TƯỚNG: PITT ĐỐI MẶT VỚI THURLOW

Giữa những năm 1788-1791, Pitt đã rất cố gắng để giành được quyền kiểm soát Nội các, nhưng chừng nào Thurlow còn đương chức thì những nỗ lực của Pitt vẫn chưa mang lại hiệu quả. Được Vua Anh và những luật sư giỏi nhất lúc bấy giờ, đặc biệt là Lloyd Kenyon (Chánh án Tòa thượng thẩm, năm 1784) và John Scott (cố vấn pháp luật của chính phủ, năm 1788) hậu thuẫn, Pitt được đánh giá là người hoàn hảo. Thật ra vấn đề khó khăn lớn đối với Pitt là không có ai thay thế Thurlow, trừ một luật sư nổi tiếng của phe đối lập là Loughborough. Ưu thế của Thurlow ở Viện Quý tộc, với quan điểm pháp luật quan trọng về các dự luật và các hiệp ước quốc tế, cũng như nhu cầu cần phê chuẩn trong các vấn đề bổ nhiệm đã đem lại cho Thurlow nhiều cơ hội cản trở Pitt. Mãi đến năm 1792, vấn đề lớn nhất của Pitt ở trong nước không phải là việc Vua Anh đang nỗ lực áp dụng những chính sách của ngài như lúc đầu Pitt lo sợ, mà là Thurlow vẫn đương chức trong Bộ, Vua Anh đã hạn chế được khả năng của Pitt để thực hiện những chính sách của ngài.

Từ năm 1788, Thurlow và Pitt bắt đầu khẩu chiến. Mối bất hòa bắt nguồn từ những khiêu khích có thể nhận thấy ở cả hai phía. Pitt tức giận bởi Thurlow đã lãnh đạo phe chống đối trong Viện Quý tộc chống lại Dự luật Cấm buôn bán nô lệ của Dolben. Thurlow lại giận sôi lên vì Pitt đã có hai quyết định bổ nhiệm đơn phương xâm phạm tới quyền hạn của mình. Khi Kenyon trở thành người cầm đầu Pháp viện Anh, Pitt đã giành được cơ hội bổ nhiệm bạn mình là Pepper Arden làm Chánh án Tòa thượng thẩm. Trước đó, Thurlow đã không bằng lòng về việc thăng chức cho Arden và bây giờ lại trì hoãn sự bổ nhiệm này. Pitt đã lường trước điều này, ông hùng hổ nói với Arden: “Tôi có thể sẽ bất đồng với ông ta về vấn đề này và về tất cả các vấn đề khác nữa”. Pitt buộc phải thể hiện quan điểm của mình trong một cuộc phỏng vấn mà “mặc dù không được hoàn toàn như ý” nhưng ít nhất nó cũng đã gỡ bỏ được những rào cản. Tuy nhiên, cú đau thật sự của Thurlow trong cuộc chạy đua này lại là Pitt đã tiến cử thành công Bộ trưởng Tài chính, George Rose, vào vị trí Thư ký Viện Quý tộc. Rose

muôn bổ sung vào bộ sưu tập các chức vị của mình và cũng muốn có được quyền thừa kế hợp pháp cho con trai. Thurlow nghĩ rằng vị trí đó phải là một người năng động, và mặc dù không ngăn cản được Pitt bổ nhiệm cho người phụ tá Rose ở Bộ Tài chính, Thurlow vẫn không thông qua quyền thừa kế cho ông này.

Kết quả của mối bất hòa này đã sớm được thể hiện qua cách quản lý độc lập của Thurlow trong suốt thời kỳ Khủng hoảng chế độ nhiếp chính. Vị trí Chủ tịch Viện Quý tộc cho phép ông ta trực tiếp gặp gỡ với Thái tử Wales, và có thể, ông ta cũng gây ảnh hưởng đáng kể đằng sau những đòi hỏi của Thái tử đối với chế độ nhiếp chính đang nắm quyền nhằm củng cố vị trí. Pitt hiểu rằng Thurlow đang bắt tay với phe đối lập và theo Wilberforce, ngay thời điểm mà Thurlow phát biểu trước Viện Quý tộc, Pitt cũng không biết là ông nên ủng hộ hay phản đối. Tuy nhiên, phe đối lập lại chọn lựa người của họ là Chủ tịch Viện Quý tộc và lời tuyên bố nổi tiếng của Thurlow: “Tôi mà quên Vua Anh thì Thượng đế sẽ quên tôi” đã bảo vệ được cả dự luật của Pitt và củng cố uy tín của Thurlow trước công chúng.

Khi Vua Anh phục hồi sức khỏe, ngài thể hiện mong muốn Pitt và Thurlow có một mối quan hệ hòa hợp, nhưng một cuộc xung đột mới lại bùng nổ vào năm 1789 khi Pitt sa thải Francis Hargrave, luật sư của Bộ Tài chính và cũng là bạn của Thurlow, do cuốn sách mà ông này viết không thừa nhận các điều khoản trong Dự luật Nhiếp chính. Thurlow trả đũa bằng cách nghi ngờ tính hợp lệ của khoản tiền trợ cấp mà Pitt dự định ban cho Auckland. Lại một lần nữa, Vua Anh phải đứng ra hòa giải. Ngài cử Kenyon, người mà cả Pitt và Thurlow đều tin tưởng, giải quyết vấn đề liên quan đến tiền trợ cấp (Kenyon đã khẳng định ý kiến của Thurlow đúng). Xung đột giữa hai người tạm thời được giải quyết, mặc dù theo Camden, nó chỉ là một sự ngừng bắn không thành thật, chứ chưa phải là hòa bình bởi cả hai người đều nghi ngờ lẫn nhau. Điều đó được chứng minh khi Thurlow cản trở việc thông qua Dự luật Thuế thuốc lá do Pitt đưa ra trước Viện Quý tộc. Nhiều người cho rằng Chủ tịch Viện Quý tộc thường xuyên mời các vị thẩm phán đến dùng bữa tối để thuyết phục họ đứng về phía mình, và tháng 10-11/1790, sự thù địch giữa hai người lại tiếp tục khi Dundas thắng Thurlow trong vấn đề bổ nhiệm ở Scotland. Thurlow dọa sẽ đình chỉ tất cả các mối quan hệ hợp tác trong Viện Quý tộc. Vua Anh kêu gọi hai người bớt căng thẳng, Dundas đến gặp Thurlow để xóa tan bầu không khí đó nhưng ông này vẫn cảnh báo chừng nào vấn đề của Rose còn thì không thể có sự thân mật giữa Thurlow và Pitt.

Được tiếp thêm sức mạnh nhờ kết quả của cuộc tổng tuyển cử và thắng lợi trong chính sách ngoại giao với Tây Ban Nha năm 1790, Pitt ép các vấn đề phải đi đến hồi kết. Grenville được cử đến đảm nhiệm cương vị lãnh đạo Viện Quý tộc để đối phó với những ảnh hưởng chi phối của Thurlow. Công tước Grafton một lần nữa được mời tham gia Nội các để củng cố thêm lực lượng của những người theo Đảng Whig. Pitt nghiên cứu phát triển các mối quan hệ với phe đối lập, bảo vệ quyền của Viện Bình dân nhằm tiếp tục bồi nhọ Hastings, làm dịu phát ngôn viên của họ là Burke. Tháng 3/1791, Grenville thăm dò ý kiến Tom, anh trai của Fox, về khả năng những người theo Đảng Whig tham gia chính phủ với ba vị trí trong Nội các (những vị trí đó sẽ là Leeds, Stafford và Camden). Ý định này gần như là chắc chắn bảo toàn vị trí mạnh nhất có thể, từ đó đi đến cuộc quyết đấu cuối cùng để hòa giải với Chủ tịch Viện Quý tộc Thurlow. Tuy nhiên, ý định táo bạo này bị thất bại do phe đối lập một mực đòi Pitt phải từ bỏ cương vị lãnh đạo Bộ Tài chính; hơn thế nữa, họ phản đối kịch liệt vấn đề Vũ khí Nga do Pitt khởi xướng mà Grafton cũng tham gia và lần này, phe đối lập tìm thấy cơ hội có thể lật đổ Bộ.

Do vậy, việc cải tổ nhân sự trong Nội các hiện thời bị hạn chế hơn. Pitt củng cố vị trí bằng cách

đưa thêm hai cố vấn của mình là Dundas và Hawkesbury vào Nội các (sau này họ cũng trở thành những người thân cận với Thurlow). Lúc đó, Thurlow tin rằng Pitt có ý định đẩy mình ra nếu tìm được người kế nhiệm và lại tiếp tục phản nài không được tham khảo ý kiến, đồng thời cáo buộc Pitt triệu tập các cuộc họp Nội các trong những thời điểm mà Tòa đại pháp đang họp. Thurlow cũng chỉ mới biết Grenville được chuyển sang làm Ngoại trưởng thông qua thư phúc đáp của các đặc phái viên ngoại giao đối với thông tư của chính phủ. Những nỗ lực hòa giải của Grenville gặp phải thất bại thảm hại khi Thurlow phát hiện giấy kết hôn của Công tước York với Công chúa nước Phổ được cấp mà không tham khảo ý kiến ông (tất cả mọi người đều nghĩ Vua Anh đã thông báo điều này cho Thurlow biết). Ở Viện Quý tộc, Thurlow cản trở những dự luật do Pitt đưa ra nhằm giảm bớt những hạn chế đối với Công giáo Anh và để Ban bồi thẩm, chứ không phải các quan tòa, quyết định các vấn đề mang tính phi báng, lăng mạ Grenville vì đã đưa ra “những lý do ngu xuẩn nhất để tiếp tục những dự luật ngớ ngẩn nhất”. Đến cuối năm 1791, Grenville từ bỏ hy vọng kiểm chế Thurlow và để sự việc diễn ra tự nhiên.

Tuy nhiên, Pitt và anh họ của mình không đứng ở vị trí có thể chiếm được sự thiên vị thật sự của Vua Anh. Dự luật Vũ khí Nga thất bại khiến Pitt do dự khi đưa ra những vấn đề tế nhị và Grenville bị chỉ trích là đã nhận một địa vị ngồi mát ăn bát vàng ở thời điểm đó (Thurlow cũng không thừa nhận tính hợp lệ của việc Pitt ban địa vị đó cho Grenville để đảm bảo cuộc sống). Pitt vẫn không có sự thay thế thỏa mãn cho chức Chủ tịch Viện Quý tộc. Do vậy, Pitt ra sức tranh thủ sự ủng hộ của một bộ phận những người thuộc phe đối lập, trong đó có Loughborough – một người có ảnh hưởng lớn – khi ông bất đồng với Fox về cuộc Cách mạng Pháp và những yêu cầu về cải tổ trong nước ngày càng gia tăng. Pitt từ chối việc hủy bỏ bằng chứng về các cuộc tiếp xúc của phe đối lập với Hoàng hậu Nga khi cuộc thảo luận về khủng hoảng ở Nga được nối lại vào tháng 4/1792. Ngày 1/5, Pitt ủy nhiệm Auckland mời đồng sự cũ là Loughborough cùng phối hợp hành động để giải quyết những bất ổn trong nước. Thurlow đã đoán trước được ý đồ này vào tháng 5. Cản trở thành công Dự luật Bãi bỏ buôn bán nô lệ mà Pitt đã trình bày trong một bài diễn văn ấn tượng trước Viện Quý tộc, Thurlow lại tấn công các điều khoản trong Quỹ chìm của Dự luật Nợ quốc gia mà Pitt rất tâm đắc và vận động đủ số người ủng hộ để bỏ phiếu bất tín nhiệm Pitt. Nhưng lần này, Thurlow đã đi quá xa. Ông ta đã tấn công trực tiếp vào cách giải quyết trong Bộ của Pitt. Bây giờ Pitt đã có đủ lý lẽ buộc Vua Anh phải chấp nhận vấn đề và phớt lờ lời đề nghị khẩn thiết của Hoàng gia mong muốn Pitt và Thurlow hòa hợp. Pitt một mực khẳng định hoặc ông hoặc Thurlow phải ra đi. Bị dồn vào thế bí, Vua Anh rất tuyệt vọng, nhưng cuối cùng cũng phải nhượng bộ. Điều này khiến “ngài phải ớn lạnh”, tuy nhiên “chính sự sắc sảo của Thurlow giúp ông ta nhận thức rằng dù ta có ủng hộ ông ta mạnh mẽ đến đâu đi nữa thì ta cũng không thể cách chức Pitt”. Thurlow ngạc nhiên vì Vua Anh để mình ra đi dễ dàng đến thế, nhưng ông ta vẫn nói thêm: “Cũng như bất kỳ người nào khác, Pitt đã hành động đối với tôi giống như những gì mà đáng ra tôi phải làm đối với ông ta nếu tôi có thể”.

Rutland, bạn của Pitt, từng cảnh báo chỉ có ba điều có thể hạ bệ được Pitt, đó là: cái chết của Vua Anh, cuộc chiến tranh thất bại hoặc mối bất hòa với Thurlow. Pitt đã hành động rất nhanh để ngăn ngừa hậu quả tai hại này. Ông xem xét những người quan trọng theo phe của Thurlow như Kenyon và Scott để biện minh cho mục đích cuối cùng của mình. Thurlow được Vua Anh làm nguôi lòng bằng việc trao quyền thừa kế tước vị quý tộc cho các cháu nội. Ông ta hào hiệp khuyên những người bạn của mình kiên định giữ vững vị trí cho đến khi chức Chủ tịch Viện Quý tộc có ứng cử viên. Điều này vẫn là điểm yếu nhất của Pitt và là điểm mạnh nhất của Thurlow. Dundas hối thúc bạn mình là Scott và đồng sự cũ là Loughborough đoàn kết hiệp đồng, đề nghị bốn vị trí trong Nội các (Chủ tịch Viện Quý

tộc, Bộ trưởng Nội vụ, Chủ tịch Viện Cơ mật, Bộ trưởng Không bộ cao cấp), hai hoặc ba ủy viên hội đồng cơ mật và quan đại diện nhà vua ở Ireland, và cuối cùng cũng can thiệp vào quyền đối với Ấn Độ.

Tuy nhiên, Fox vẫn có thể đưa ra mối nghi ngờ của phe đối lập rằng Pitt sẽ không bao giờ chấp nhận ông ta trong Nội các ở vị trí ngang hàng cần thiết để thỏa mãn danh dự và niềm tự hào của lực lượng chống đối. Thậm chí, ông ta còn đưa ra phương án thành lập một chính quyền mới thay thế mà ở đó Pitt có thể bị loại ra khỏi hàng ngũ lãnh đạo. Trên thực tế, vì quá lo lắng đến việc đạt được mục đích của mình, Pitt đã vượt quá xa sự cho phép của Vua Anh. Khi Pitt và Dundas gặp Loughborough vào giữa tháng 6/1792, Pitt phải thừa nhận đường lối của ông không theo lệnh của Vua Anh, mặc dù ông phải bảo đảm được cả Vua Anh và Hoàng hậu tán thành. Khi buộc phải chấp nhận cả Fox, Pitt thú nhận ông từng nghĩ sự chia rẽ trong phe đối lập sẽ không còn nữa. Ông không đưa ra một sự phản đối nào, nhưng sợ rằng việc Vua Anh có thái độ thù địch với đường lối chỉ đạo ủng hộ Pháp của Fox sẽ ngăn cản ông nhanh chóng đạt được vị trí trong Bộ Ngoại giao. Đáng ra Pitt phải hiểu rằng vị trí đó còn quá xa vời. Khi Pitt và Fox gặp lại nhau, Pitt tự bào chữa bằng cách khẳng định sự thù địch trong hàng ghế các bộ trưởng đã ngăn cản Fox có mặt khi đó. Điều này đã chấm dứt hiệu quả các cuộc thảo luận, mặc dù vào tháng 7, Pitt lại cố gắng nói lại chúng với một đề nghị phong tặng huy hiệu cấp tước Ga-tơ cho lãnh đạo của phe đối lập, Công tước Portland.

Tuy nhiên, phe đối lập lại tinh quái hơn Pitt tưởng. Họ trực tiếp đề đạt với Vua Anh thông qua cựu Ngoại trưởng, Công tước Leeds, người có thể lãnh đạo chính phủ liên minh trên cơ sở bình đẳng giữa Pitt (người sẽ từ chức ở Bộ Tài chính để chuyển sang Bộ Ngoại giao) và chính họ. Vua Anh vô cùng sững sốt khi biết những gì đang xảy ra sau lưng ngài, và Pitt (vừa được Vua Anh giao cho chức Quản lý Cụm cảng Cinque) thật sự bối rối và buộc phải từ chối rằng bất kỳ “một sự sắp xếp mới nào, hoặc là thay đổi hoặc là liên minh, cũng đều nằm trong dự định”. Trong tháng 10, Vua Anh trút hết giận dữ vào Dundas bằng cách từ chối bổ nhiệm ông làm Thống đốc Charterhouse với lý do là không đủ địa vị xã hội, nhưng vai trò của Dundas trong việc hồi thúc các cuộc đàm phán thì ai cũng biết. Hoàng gia từ chối dứt khoát đã khiến Pitt phải chấp nhận thất bại và thú nhận với người đồng sự rằng “thật bất khả kháng, hoặc anh hoặc tôi ở vào hoàn cảnh của chúng ta đều cảm thấy bất bình”. Dundas đã hạ thấp mình khi viết một bức thư thuyết phục Vua Anh dịu lại. Tình trạng bất ổn này chỉ được giải quyết khi xảy ra cuộc khủng hoảng trong nước và ngoài nước vào tháng 11, mà sau này là cuộc Cách mạng Pháp, khiến Vua Anh rất cần đến sự hỗ trợ của Pitt. Nó cũng khiến Loughborough có lý do rời bỏ phe đối lập và trở thành Chủ tịch Viện Quý tộc mà Vua Anh miễn cưỡng phải chấp nhận vào tháng 1/1793. Chỉ sau đó, Pitt mới có thể đảm bảo chắc chắn thắng lợi của mình trước Thurlow.

LIÊN MINH VÀ CHÍNH SÁCH NGĂN CHẶN CỦA ĐẢNG WHIG DO PORTLAND LÃNH ĐẠO

Những vấn đề trong Nội các của Thủ tướng vẫn còn nan giải. Cuộc chiến tranh bùng nổ vào tháng 2/1793 đã bộc lộ nhiều yếu kém của Nội các. Pitt đã đưa ngài Amherst, một cựu chiến binh, vào Nội các với vị trí Tổng tư lệnh quân đội, chức vụ mà Amherst đã giữ trong suốt cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ. Tuy nhiên, kinh nghiệm và tầm nhìn của Amherst cũng mất dần theo tuổi tác, điều này được chứng minh trong cách quản lý của ông. Dundas vẫn chỉ đạo quân sự cho cuộc chiến với sự tư vấn của Pitt, nhưng Richmond về cơ bản không nhất trí với chiến lược của hai người. Richmond dưới thời Ordinance và

Chatham ở Bộ Hải quân từng bị nhiều người chỉ trích vì thất bại trong đợt tấn công Dunkirk vào tháng 9, và sau đó khi Richmond gây khó khăn cho việc chuẩn bị cho cuộc viễn chinh miền Tây Ấn Độ, Pitt nhận thấy cần phải đưa ông ta vào hàng ngũ của mình với lời cảnh báo sắt đá rằng “khi mà lòng chân thành và những báo cáo là quá cần thiết trong mối giao hữu giữa các bộ trong chính phủ, thì các ban ngành phục vụ của Vua Anh, trong đó có cả Ban Quân nhu, sẽ không còn tiếp tục kiếm lợi như hiện nay”. Pitt giờ đã có ưu thế trong Bộ và rất ít khi phải chịu sức ép của các bộ khác về những vấn đề trong chính phủ.

Tuy nhiên, về cơ bản, Nội các của Pitt thật sự cần phải bổ sung. Stafford và Camden đã có tuổi, và đến tháng 4/1794, Camden mất. Vòng nội bộ của Pitt (gồm những vị trí có quyền lực cao trong Nội các) thiếu địa vị xã hội để tự duy trì Bộ. Richmond đặt vấn đề liệu đất nước có thể duy trì một chính phủ gồm toàn những thế hệ trẻ tuổi như vậy được bao lâu, ông cho rằng một người có “địa vị xã hội cao sang, giàu có và nhân cách hơn” sẽ lãnh đạo Nghị viện. Trong khi đó, năm 1792, Chesterfield, một người ủng hộ chính phủ, lo sợ “chúng ta sẽ không thể tiếp tục lãnh đạo tốt nếu không có thêm một vài hecta đất bổ sung”. Chỉ có Richmond, người thường xuyên vắng mặt trong Nội các và Stafford đã cao tuổi là có nhiều đất. Carmarthen cũng có nhiều đất, nhưng đã từ chức năm 1791. Camden và Chatham thì có một diện tích đất rất nhỏ, Hawkesbury thậm chí còn có ít hơn. Pitt, Grenville và Dundas vẫn là những thành viên trẻ tuổi so với thế hệ trước. Pitt dành dụm đủ tiền mua một ngôi biệt thự ở vùng nông thôn Kent năm 1785, nhưng ông còn rất nhiều khó khăn về tài chính và phần nào giảm được gánh nặng khi ông chấp nhận làm Quản lý Cụm cảng Cinque. Việc Grenville bằng mọi giá bảo vệ các phương thức duy trì địa vị quý tộc mới của mình và cố cưới con gái của Camelford làm vợ đã khiến ông cảm thấy ngượng với Pitt vì cố tìm một địa vị ngôi mát ăn bát vàng mãi cho tới khi ông ta nhận được một vị trí béo bở là kiểm toán viên của Bộ Tài chính năm 1794. Vua Anh cũng nghi ngờ về địa vị xã hội của Dundas khi ông này còn là Thống đốc của Charterhouse. Dân chúng hy vọng chính phủ sẽ gồm những nhân vật mà họ đặt trọn niềm tin.

Những mối lo ngại này cũng như mong muốn thành lập một chính phủ đoàn kết yêu nước để tiếp tục cuộc chiến đã khiến Pitt nỗ lực kêu gọi sự hợp tác của các cá nhân thuộc phe đối lập năm 1793 và năm 1794 tái thiết lập các cuộc đàm phán để thành lập một liên minh với cánh bảo thủ thuộc phe đối lập của Portland, cánh này hiện cắt đứt quan hệ hoàn toàn với Fox. Thời gian này, Pitt không sử dụng những người trung gian mà đàm phán trực tiếp với Portland. Cuộc gặp gỡ giữa hai người đàn ông cùng có bản tính dè dặt này vào tháng 5/1794 được coi như một thành công. Họ đã tìm được quan điểm chung là cần phải xóa bỏ tư tưởng Gia-cô-banh (thời Cách mạng Pháp 1789). Do vậy, để có được điểm chung này, Pitt phải đề nghị 3 vị trí trong Nội các, vị trí quan đại diện nhà vua ở Ireland và hứa sẽ lấp đầy 5 chỗ còn khuyết trong Nội các ngay lập tức, chuyển vị trí quan đại diện nhà vua ở Ireland ngay khi có thể. Pitt cũng phải hy sinh ước muốn của bản thân là bổ nhiệm Hawkesbury làm Chủ tịch Viện Cơ mật và về cơ bản chấp nhận ý muốn của phe Portland – coi việc khôi phục chế độ quân chủ Pháp là mục đích của cuộc chiến. Tuy nhiên, Pitt vẫn bảo đảm ông, Dundas và Grenville duy trì việc kiểm soát hầu hết các vị trí hoạt động cơ bản của nhà nước, đặc biệt là việc quản lý cuộc chiến. Ông đã đề nghị chức Bộ trưởng Ngoại giao cho Portland để chia trách nhiệm lãnh đạo Bộ Nội vụ cho Bộ trưởng Nội vụ phụ trách các vấn đề trong nước và Ireland (mục đích cuối cùng là làm hài lòng Portland và những người theo phe ông ta) và Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách chiến tranh (Dundas). Ban đầu Dundas từ chối nhận vị trí mà ông cho là thừa vì Pitt với tư cách là Bộ trưởng Tài chính cũng là Bộ trưởng Chiến tranh. Pitt đã ra sức thuyết phục Dundas chấp nhận, cuối cùng Vua Anh phải yêu cầu Dundas chấp nhận vị trí này và đích thân ngài gửi thư tới Wimbledon, mặc dù điều này trái với

những mong muốn của ngài. Cuối cùng Dundas đã đồng ý.

Ngày 11/7/1794, các vị trí đã được sắp xếp. Portland làm Bộ trưởng Nội vụ; Bá tước Fitzwilliam làm Chủ tịch Viện Cơ mật, hứa hẹn sẽ là quan đại diện nhà vua ở Ireland; Bá tước Spencer làm Bộ trưởng Không bộ cao cấp; William Windham làm Bộ trưởng Chiến tranh; Bá tước Mansfield làm Bộ trưởng Không bộ, cùng rất nhiều tước vị cao cho những người theo họ. Cuối cùng, Pitt cũng thiết lập được một Bộ “mang cục diện của Đảng Whig” như ông hằng mong muốn. Những người ủng hộ Pitt đều muốn biết liệu ông có ban phát quá nhiều địa vị khi ông còn nắm quyền và họ có quyền hy vọng một địa vị cho mình hay không. Hiện có sáu thành viên của phe đối lập trước đây có mặt trong Nội các mới, bao gồm cả Loughborough. Khi Addington hỏi liệu Pitt có sợ bị người khác thắng phiếu trong chính Nội các của mình không, Pitt đáp lại rằng “ông không bao giờ phải nghĩ đến điều đó, vì ông đặt nhiều niềm tin vào những đồng sự mới cũng như tin tưởng bản thân”.

Sự lạc quan của Pitt đã sớm được kiểm chứng. Những người theo Đảng Whig của Portland đã lấy chính phủ Ireland là điều kiện cần thiết cho sự liên minh giữa họ với Pitt. Họ lập kế hoạch về những thay đổi chủ yếu trong giới quan chức nhằm làm suy yếu tầm ảnh hưởng của phe đảng đang điều hành Ireland theo ý Pitt. Quan đại diện nhà vua ở Ireland theo đề xuất của họ, ông Fitzwilliam, thường nghi ngờ Pitt là người có cách cư xử hai mặt. Ông ta không thể kiên nhẫn thêm nữa khi đến cuối năm đó (1794) đã kín đáo theo dõi Pitt và phát hiện vị trí quan đại diện nhà vua ở Ireland của ông đã có Westmorland thay thế. Đến tháng 10, những đồng minh mới của Pitt bất ngờ đưa ra một tối hậu thư đe dọa sẽ từ chức tập thể nếu Fitzwilliam không được bổ nhiệm ngay lập tức.

Dundas hối thúc Pitt không nên chùn bước, hãy quan tâm đến các sự kiện hồi tháng 7 và “cố gắng mềm mỏng khi ngài lo lắng về một vấn đề nào đó”, nhưng Pitt nhận thấy nhất thiết phải đưa ra thách thức. Trong khi sẵn sàng lấp đầy các vị trí bằng người của mình, ông khẳng định Fitzwilliam không thể được bổ nhiệm trước khi tìm được một người khác thích hợp thay thế Westmorland, rằng công việc ở Ireland vẫn phải chịu sự phê chuẩn của toàn Nội các, không nên có một hệ thống mới ở Ireland và không có sự đại bại của những người ủng hộ ông ở đó. Thực tế, chẳng có bên nào muốn bất hòa xảy ra, do vậy, một sự thỏa hiệp đã được sắp xếp trong các cuộc đàm phán giữa Pitt và Fitzwilliam ngày 11/11, điển hình nhất là cuộc gặp ngày 15 giữa Pitt và Grenville với Fitzwilliam, Portland, Spencer và Windham. Một vị trí ở tòa án được sắp xếp cho Westmorland, tạo điều kiện để Fitzwilliam nhậm chức Quan đại diện nhà vua. Đáp lại, Fitzwilliam từ bỏ ý định cách chức Đại pháp quan của Ireland như mọi người đồn đại và đồng ý rằng bất kỳ sự thay đổi nhân sự nào đều phải được thực hiện từng bước một. Họ cũng nhất trí không áp dụng thêm bất kỳ biện pháp nào giải phóng Công giáo mà chính phủ đề xuất.

Tinh thần hợp tác này khiến Pitt có nguy cơ phải hy sinh thêm ba vị bộ trưởng của mình để quản lý cuộc chiến tốt hơn. Những đồng minh mới của ông ngầm ngầm thể hiện sự bất bình với cách quản lý của Chatham ở Bộ Hải quân và sự vắng mặt của Richmond ở Nội các, bởi những người này thường được Pitt coi là cùng ông chia sẻ trách nhiệm. Tháng 12, chính Pitt đã cứng rắn hơn khi yêu cầu anh trai mình trao đổi vị trí với Bộ trưởng Không bộ cao cấp – Bá tước Spencer và đề nghị Vua Anh thuyết phục Chatham chấp nhận. Pitt lảng tránh đề nghị của Richmond rằng để Chatham tiếp tục vị trí đó. Khi chuyên gia quân sự Cornwallis được thuyết phục thay thế, ông đề nghị Chatham từ chức vào cuối tháng 1/1795. Cùng thời điểm đó, Amherst bị buộc phải từ chức, nhường vị trí Tổng tư lệnh cho York, một người bên ngoài Nội các.

Tuy nhiên, ngay cả khi Pitt đã hoàn tất việc cải tổ nhân sự thì cuộc khủng hoảng vẫn nổ ra ở Ireland. Fitzwilliam nhanh chóng nhận thức được tính nghiêm trọng của tình hình Ireland. Được các đồng minh ở đó thuyết phục rằng sẽ không thể thực hiện được điều gì nếu không có những thay đổi lớn, ông đã đột ngột cách chức năm quan chức lãnh đạo, gồm cả một lãnh đạo ngành hải quan có ảnh hưởng lớn là Beresford. Fitzwilliam cũng bổ nhiệm một đồng minh của mình trực tiếp làm trợ lý tư pháp thứ nhất của Bộ trưởng Tư pháp, bất chấp thỏa thuận của ngày 15/11 (là phải thay đổi nhân sự từng bước một).

Bận bịu với các vấn đề thay đổi Nội các, Pitt phản ứng rất chậm trước sự sụp đổ bất ngờ của Hà Lan khi chịu đòn tấn công của Pháp và chậm mở các phiên họp Nghị viện mới. Chính Grenville là người phản ứng trước vào ngày 28/1 bằng việc nhắc nhở Fitzwilliam nhớ lại những lời hứa trước đây của ông ta. Grenville cũng thể hiện mối quan tâm với Portland. Ngày hôm sau, Vua Anh đã bày tỏ với Pitt về mối quan tâm của ngài trước việc thay đổi hệ thống và mối quan tâm này nhanh chóng chuyển sang lo sợ khi quan đại diện nhà vua đề nghị cho phép thông qua Dự luật Giải phóng Công giáo tư nhân trước Nghị viện Ireland. Bản ghi nhớ chung khá dài của Hoàng gia tuyên bố sự giải phóng Công giáo là:

... nằm ngoài sự quyết định của bất kỳ bộ trưởng Nội các nào. Không vị bộ trưởng nào đưa ra ý kiến ủng hộ biện pháp đó. Nó có thể sẽ rất nguy hiểm, cũng không thể có sự phối hợp trước với các nhà lãnh đạo của mọi tầng lớp, không ai có thể khuyến khích quan đại diện nhà vua ở Ireland làm điều này.

Vua Anh chấp nhận việc thay đổi chính quyền mới ở Ireland còn hơn nhìn thấy nó sụp đổ. Câu trả lời của Pitt cho thấy những công việc trước mắt khiến ông lo là với những gì đang xảy ra ở Ireland, ông ngại nỉ để được đệ trình với Vua Anh về “những gì có thể nảy ra trong đầu ông về vấn đề này còn thâu đáo hơn những gì ông có thể nói ra được lúc này”. Mãi tới ngày 9/2, Pitt mới nói với Fitzwilliam rằng những thay đổi về nhân sự của ông ta là không thể chấp nhận được, bởi nó đã vượt quá xa những thỏa thuận ban đầu. Fitzwilliam phản ứng lại bằng một bức thư khẳng định không thể làm khác được. Ông ta yêu cầu được nói riêng với Pitt về ý định sa thải Beresford, đồng thời đề nghị Pitt chấp nhận rằng chính phủ có thể buộc phải chấp nhận Dự luật Giải phóng Công giáo do yêu cầu của đông đảo dân chúng. Fitzwilliam cũng tuyên bố là không thể ngừng những gì mà theo ông ta là đang tiến triển tốt đẹp.

May thay, Pitt đã thoát khỏi cuộc khủng hoảng với Vua Anh hay mối bất hòa với các đồng minh mới nhờ những hành động của Portland, vị lãnh đạo của các đồng minh mới này. Portland nhận thấy Fitzwilliam đã đi quá xa và quá nhanh. Ngày 21/2, trước Nội các, ông đề nghị thả hời Fitzwilliam. Thật bất ngờ, cuộc khủng hoảng lại gắn kết những đồng minh mới vào Bộ. Thay vì hành động như một nhóm ủng hộ cho đồng sự của mình (Pitt) như hồi tháng 10 thì trong Nội các, những người này lại ủng hộ Portland chống lại Fitzwilliam. Fitzwilliam phản ứng giận dữ, cho rằng họ phản bội và coi Pitt là kẻ mách khoe, lôi kéo mọi người về phe mình. Pitt cố gắng làm vơi bớt sự đau lòng của Portland do mối bất hòa này bằng việc cho phép Fitzwilliam tiếp tục giữ một ghế trong Nội các, nhưng ông ta đã từ chối. Fitzwilliam là người căm thù Pitt nhất và cũng là người nhiệt tâm nhất ủng hộ các thành viên của phe đối lập trước đây tiếp tục hợp nhất thành một đảng, do vậy, sự rút lui của ông ta khỏi Nội các lại là điều kiện thuận lợi để phát triển mối quan hệ thân mật trong liên minh mới.

Những tình tiết xung quanh sự kiện Fitzwilliam đã thể hiện cả điểm mạnh và điểm yếu trong phương thức lãnh đạo của Pitt. Những gì mà Fitzwilliam tin là ông ta đã tuân thủ theo thỏa thuận hồi tháng 11 cho thấy mối nguy hiểm của phương pháp tiến hành công việc của Pitt. Fitzwilliam đã ghi chép sơ bộ cuộc gặp ngày 15/11, sau đó ông ta cho Pitt xem, Grenville cũng khản trương làm thành một bản ghi chép tóm tắt dễ hiểu phục vụ các đồng sự vào tháng 3 năm sau, nhưng Pitt lại thiếu các văn bản đó. Fitzwilliam tin rằng ông được phép thăng tiến (không cần phải xin ý kiến), trong khi đó những người ở London cảm thấy cần phải có sự tham khảo ý kiến. Pitt có thể nhận ra là họ không đề cập đến Bereford. Những lời lẽ mà Pitt khẳng định về giải phóng Công giáo có vẻ như đúng, mặc dù chắc chắn ông đã suy nghĩ rất nhiều, bởi ông đồng ý với Portland là hoãn xem xét vấn đề này đến khi kết thúc chiến tranh. Pitt còn có điều đáng lưu tâm khác là ông không thể đoán biết được cuộc khủng hoảng sẽ xảy ra, cả trong tháng 10 hay tháng 1 năm sau, nhưng ông đã có Grenville – một người ủng hộ trung thành – làm thay việc đó. Hơn nữa, Pitt cũng rất may mắn bởi các sự kiện xảy ra lại quá thuận lợi cho ông và những liên minh mới của ông đã tự tách khỏi Fitzwilliam.

Giữa những năm 1788-1795, thành phần Nội các đã thay đổi hoàn toàn. Thurlow bị mất chức năm 1792, Pitt có được ưu thế vượt trội nhưng vẫn chưa có cơ sở lâu bền. Để đảm bảo ưu thế vững chắc, Pitt sẵn lòng mất đi ưu thế độc quyền bằng việc liên minh với những người theo Đảng Whig của Portland. Đây là việc làm liều lĩnh “được ăn cả ngã về không”, tuy nhiên nguy cơ đó đã lắng xuống bởi tính hấp tấp của Fitzwilliam đã phá vỡ mối đoàn kết của họ. Sau đó, chỉ có một lần họ liên kết với nhau vào tháng 7 năm sau để thuyết phục Pitt chuẩn bị một việc tiếp theo có quy mô lớn đối với sự đổ bộ thành công của những người theo chế độ quân chủ Pháp ở Quiberon, Pháp. Những đồng minh mới của Pitt không thể hành động như một nhóm hợp nhất gây áp lực trong Nội các. Chiến dịch Quiberon thất bại thảm hại khiến Windham kiên định lập trường của những người theo chế độ quân chủ nồng nhiệt mà họ đã gây áp lực với Pitt trong suốt các cuộc đàm phán để thành lập liên minh năm 1794.

Thủ tướng Pitt có khả năng thuyết phục những người khác về sự cần thiết phải đàm phán với Cộng hòa Pháp. Thậm chí ông còn có khả năng phục hồi chính phủ Ireland khi không ai muốn kế nghiệp Fitzwilliam và làm lễ nhậm chức cho người bạn cũ là Pratt, bây giờ là Bá tước Camden II. Khi Mansfield chết năm 1796, Pitt đã tranh thủ cơ hội để hòa giải với anh trai mình, thăng chức ông làm Viện trưởng Viện Cơ mật. Pitt đã đề trống chức Bộ trưởng Không bộ cao cấp mà Chatham giữ trước đây cho những dự định tương lai, và cuối cùng, ông bổ nhiệm Westmorland vào vị trí đó năm 1798. Người cuối cùng được bổ sung vào Nội các là Camden, trong khi Cornwallis thay thế Camden làm Quan đại diện nhà vua ở Ireland tháng 6/1798. Tại thời điểm đó, các thành viên của phe đối lập trước đây bị rút lại còn bốn người (gồm cả Loughborough) trong Nội các 12 thành viên.

ĐỈNH ĐIỂM CỦA CHẾ ĐỘ THỦ TƯỚNG PITT

Kết quả sắp xếp nhân sự này đã giúp Pitt, người được Grenville và Dundas ủng hộ, kiểm soát Nội các và quản lý chính sách chiến tranh vững chắc hơn. Trong hoàn cảnh này, sự thân mật từng làm rối tung sự xung quanh câu chuyện của Fitzwilliam nay lại có lợi hơn đối với Pitt. Ban lãnh đạo có ba người trong nội bộ đã nhóm họp trước khi họp Nội các nhằm đưa ra một quan điểm chung, bởi theo như Grenville tuyên bố: “Trước khi chúng ta họp đầy đủ Nội các, thì tốt hơn hết là bộ ba nên bàn bạc thống nhất mọi vấn đề”. Nhờ giải quyết trước những thắc mắc và hành động như một mặt trận thống nhất, họ có khả năng khai thác những điểm chặt chẽ trong thủ tục của Nội các. Năm 1799, Windham than phiền vô ích rằng các cuộc họp Nội các được triệu tập mà không thông báo trước về

các vấn đề cần bàn thảo, không có những ghi chép chính thức mà các bộ trưởng có thể tham khảo và có quá nhiều vấn đề được thảo luận nằm ngoài chính sách chung, do vậy ông không biết khi nào cần phải đưa ra ý kiến phản đối. Những quyết định thật sự đều do Pitt và người của ông (không nằm trong Nội các) đưa ra. Khi các bộ trưởng khác kích động những đồng sự của họ nghi ngờ về kết quả Chatham thực thi chính sách chiến lược tháng 3/1800, một cuộc họp bộ ba khác được tổ chức vào 11 giờ ngày hôm sau – trước khi Nội các họp vào buổi trưa – nhưng không có sự thay đổi nào cho đến khi Dundas thay đổi hướng giải quyết 10 ngày sau đó vì một số nguyên nhân khác. Chỉ khi bất đồng xảy ra trong nhóm bộ ba này thì những người còn lại trong Nội các mới có một vai trò đáng kể trong việc giải quyết chính sách.

Những vấn đề lớn trong Nội các diễn ra thường xuất phát từ bất đồng giữa ban lãnh đạo bộ ba, đặc biệt khi Pitt bất đồng với người anh họ cứng đầu về vấn đề chính sách ngoại giao. Tháng 2/1795, Grenville không đồng ý với việc Pitt mong muốn ký kết hiệp ước trợ cấp mới với nước Phổ nhằm giành lại Hà Lan, vì nó sẽ gây nguy hiểm cho những nỗ lực tạo ra Đồng minh ba nước Anh, Áo và Nga. Khi cuộc họp bộ ba không đi đến thống nhất, Pitt đã đưa đề nghị của mình ra trước Nội các. Grenville xin từ chức ngay tại thời điểm mà Pitt đang theo đuổi mong ước của mình. “Những gì tôi có thể nói công bằng là với ý kiến mà cậu đã quyết định về vấn đề này, tôi nghĩ rằng nó đáng phải thế”. Pitt thật “khổ sở” vì điều này, ngày 1/3, tại Nội các, ông đã dành hàng giờ thuyết phục Grenville thay đổi ý kiến và kiên trì đề nghị Grenville tránh “nổi danh” ở thời điểm nhạy cảm này, cố gắng trì hoãn khuynh hướng chính trị mới của mình tới gần cuối phiên họp Nghị viện. Cũng trong thời gian này, Pitt lại được Hoàng gia ủng hộ. Ông lợi dụng mối quan tâm của Vua Anh về vấn đề Hanover để củng cố số phiếu ủng hộ trong Nội các. Ngày mùng 8, Pitt đã được Hoàng gia phê chuẩn thời điểm mà ông sẽ đưa ra trước Nội các. Tuy nhiên, những nguồn tin không chắc chắn từ lục địa châu Âu đã trì hoãn quyết định thêm một tháng nữa. Sau đó, được Vua Anh nhiệt tình hồi thúc, ngoại trừ Grenville, toàn bộ Nội các đã chấp nhận đề nghị của Pitt. Grenville phản đối tới cùng, những ý kiến phản đối của ông được ghi trong biên bản họp Nội các. Tất nhiên, cách thức không bình thường này (rõ ràng đây là lần đầu tiên ý kiến phản đối được ghi trong biên bản) được Pitt nghĩ ra để tránh việc từ chức của Grenville, bởi điều này sẽ không được đề cập thêm nữa, nhưng sẽ được đưa ra bất kỳ lúc nào nếu người Phổ dàn hòa trước khi có những chỉ thị do Dundas ký.

Mùa xuân năm 1797, bất đồng thứ hai giữa hai người anh em họ này lại càng nghiêm trọng hơn, khiến mối quan hệ bạn bè của họ gần như tan vỡ. Nhận thấy cần thiết phải tiến tới hòa bình, Pitt giải quyết bằng cách đàm phán trực tiếp với Pháp, trong khi đó Grenville lại cho rằng hòa bình kiểu đó sẽ khiến quốc thể bị nhục và phải nhượng lại đất đai, Anh quốc sẽ mất an toàn và danh dự. Trong ba tuần của tháng 5, Grenville luôn cố ngăn cản Pitt đưa quan điểm bất đồng giữa hai người ra trước Nội các để tìm kiếm một nghị quyết, nhưng trong suốt hai cuộc họp đầy bão tố ngày 31/5 và ngày 1/6, các đồng sự đã ủng hộ Pitt về việc tiến tới thương lượng với Pháp. Phía Pháp đáp lại là muốn được đàm phán mà không có sự tham gia của các đồng minh của Anh. Điều này đã khiến Grenville yêu cầu là phải có một sự đáp trả “kiêu căng” hơn. Ngày 14/6, Nội các chứng kiến “những tranh chấp quyết liệt”, sau đó Pitt đã hành động nhân lúc Ngoại trưởng vắng mặt và tham khảo ý kiến Thứ trưởng Canning về việc sửa đổi bản dự thảo của Grenville. Sáng hôm sau, Nội các tiếp tục họp và còn “quyết liệt hơn”. Mọi việc khó có thể nghiêng về phía Pitt (vì tất cả những người theo Đảng Whig của Portland ủng hộ Grenville) nếu Liverpool cuối cùng không quay sang ủng hộ Pitt, giúp Pitt đạt được tỷ lệ phiếu ủng hộ là 6-4. Trước khi cuộc thảo luận tiếp tục vào buổi tối, Pitt đã nghĩ ra phương án lựa chọn. Hoặc Grenville phải tán thành với những gì trước đó ông ta đã phản đối hoặc là gây nguy hại cho Bộ bằng

việc từ chức ngay ở thời điểm nguy hiểm. Grenville đã đoán biết được cuộc thảo luận sẽ đi theo hướng nào, nhưng khác với người có cùng tư tưởng phản đối như ông là Windham, ông không vắng mặt mà bằng mọi giá đấu tranh trong cuộc họp Nội các kéo dài đến nửa đêm. Canning ghi nhận: “Thật kịch liệt! Grenville gần như là đình công”. Nhưng Pitt vẫn rất cứng rắn và lại một biên bản cuộc họp Nội các nữa được gửi tới Vua Anh ghi lại ý kiến phản đối của Grenville. Một lần nữa, Pitt phải dựa vào sự phê chuẩn của Vua Anh để đảm bảo giành được chiến thắng, và nhờ bức thư giải bày rất thông minh, ông đã được Vua Anh đồng ý. Khi nhận được câu trả lời tiếp theo từ phía Pháp, cách phúc đáp do Grenville đề nghị không bị Pitt phản đối trước Nội các vào ngày 24. “Thật kịch liệt!” – Canning lại một lần nữa khẳng định. Thực tế Grenville đã quát tháo trước cuộc họp. Pitt vẫn giữ vững lập trường, đưa ra những lý lẽ của riêng mình và trước cuộc họp Nội các ngày hôm sau, Pitt đã nói với Grenville rằng hoặc là ông ta ngừng phản đối hoặc là phải từ chức. Grenville chấp nhận và đề nghị ông phải có những bảo đảm về một vị trí ở nơi khác. Canning rất hoan hỉ khi Pitt “đã ráng sức, và bây giờ ông thật sự là một người có tài thao lược”.

Sự tài ba của Pitt đã được thể hiện một vài lần trong các cuộc đàm phán sau đó, nhưng giờ đây Pitt hiểu được rằng mong muốn của ông còn mạnh hơn của người anh họ. Pitt nói với Malmesbury, đặc phái viên của mình: “Những khó khăn còn chông chênh, tôi vẫn có thể nghĩ tôi luôn vượt qua những khó khăn đó nhờ sự kết hợp hài hòa giữa tính quyết đoán và sự bình tĩnh”. Pitt luôn trao đổi riêng với Malmesbury trước khi đàm phán và duy trì trao đổi thư từ liên tục với ông này. Canning được giao nhiệm vụ theo dõi những gì Grenville viết và bảo đảm cung cấp thông tin tốt nhất về mọi khía cạnh của cuộc đàm phán cho Pitt, nhưng điều đó cũng chẳng mang lại ích lợi gì khi cuộc đảo chính ở Paris nổ ra vào tháng 9 đã khiến Pháp cắt đứt các cuộc đàm phán và Malmesbury phải về nước. Đàm phán thất bại ít nhất cũng tạo điều kiện cho Pitt và Grenville nối lại mối quan hệ bạn hữu thân thiết như trước đây.

Đối với Pitt, Nội các chưa bao giờ là công cụ hiệu quả của chính phủ. Nó là nơi thể hiện sự ủng hộ chính trị xung quanh ông, và về thành phần Nội các, ông cố gắng tuyên bố giá trị của những người theo Đảng Whig chiếm ưu thế trong Bộ của ông. Ông nhận thấy sự nhất trí của Nội các là vũ khí hữu dụng để tác động tới Vua Anh. Ngoài trừ thời gian đầu khi Pitt không thể tránh việc thu nhận một người ủng hộ Vua Anh, và một lần khi ông chấp nhận người do Portland tiến cử vào một vị trí quan trọng năm 1794, còn Pitt bảo đảm rằng ảnh hưởng chi phối của ông là sự giới thiệu duy nhất vào các vị trí cần được bổ nhiệm trong Bộ. Có một số thay đổi ông đã thảo luận với Grenville (như việc người kế vị Howe năm 1788 và Sydney năm 1789) hoặc thảo luận với Dundas (như việc thay Spencer vào vị trí của Chatham năm 1794). Grenville cũng tham gia một số cuộc thương lượng với phe đối lập năm 1791 và Dundas tham gia năm 1792, nhưng một mình Pitt đã tiến hành thành công cuộc đàm phán cuối cùng năm 1794.

Thông thường, các đồng sự trong Nội các chỉ biết sẽ có thành viên mới khi họ nhận được thông báo. Ngay cả Dundas cũng phải thừa nhận ông không hay biết trước về việc bổ nhiệm Westmorland năm 1798. Người duy nhất được Pitt tham khảo ý kiến trước là Vua Anh, và một vài lần Pitt cần sự hỗ trợ của ngài để thuyết phục các bộ trưởng bất đắc dĩ phải rời chức vụ, như trường hợp của Dundas, Mansfield và Chatham năm 1796. Bên cạnh việc quan tâm đến địa vị xã hội và quyền lực chính trị, Pitt còn tìm kiếm một số người có kinh nghiệm quân sự (như Richmond, Amherst, Cornwallis) làm chuyên gia cố vấn cho mình. Ông thường đứng ở tư cách hội viên để kính cẩn đối xử lại với những bề tôi trung thành phải rời khỏi chức vị cao (Westmorland và Camden, cả hai người này đều được bồi

thường xứng đáng vì những hy sinh của họ ở Ireland). Tuy nhiên, trong khi sự thiếu tin tưởng các đồng sự trong Bộ những năm 1780 khiến Pitt phải gài người tin cậy (như Grenville, Dundas, Hawkesbury) vào các vị trí có thể lực của nhà nước thì Pitt vẫn để họ nằm ngoài Nội các, dự định để các vị trí còn trống trong Nội các như Bộ trưởng Không bộ cao cấp (từ tháng 3 đến tháng 11/1784, từ tháng 9/1796 đến tháng 2/1798) dùng cho những sắp xếp chính trị trong tương lai. Pitt ấn định việc thay đổi các vị trí trong Nội các khi kết thúc phiên họp Nghị viện. Chỉ có Howe và Leeds ra đi để phản đối lựa chọn của Pitt, nhưng Pitt cố gắng trì hoãn sự ra đi của Howe cho đến kỳ nghỉ của Nghị viện để tránh “bị đề ý”.

Pitt vẫn có những hạn chế nhất định trong việc nâng ưu thế của mình trong Nội các. Chừng nào ông thiếu những mối tiếp xúc riêng trong các bộ thì ông vẫn thiếu thông tin và không đủ sức mạnh. Pitt không hề hay biết về những gì đã được thông qua ở văn phòng của Portland. Đối với các vấn đề chính trị bên trong các bộ, Pitt hoặc các đồng minh của ông là Dundas và Grenville có thể gợi ý hoặc thi thoảng còn lôi kéo họ, nhưng Pitt không thể ra lệnh cho Bộ trưởng Nội các làm bất kỳ điều gì. Chỉ có quyết định của toàn bộ Nội các mới có thể thực hiện được điều đó.

Pitt thật sự gặp khó khăn khi ông bắt buộc phải ép các bộ trưởng không cần thiết từ chức. Sydney, Carmarthen và Richmond được phép tiếp tục phục vụ lâu hơn nhiệm kỳ của họ, riêng Richmond thậm chí còn không tham gia Nội các trong vài năm. Pitt cũng không thể bỏ rơi Dundas và Grenville khi cả hai người bị mất chức vào năm 1800. Các bộ trưởng từ chối hợp tác với chính sách cải tổ nhân sự theo đề án của Pitt được phép ở lại vị trí cũ của họ: Carmarthen năm 1784; Liverpool đã không từ bỏ địa vị Công tước Lancaster năm 1796; Windham từ chối giữ chức Thống đốc Sở Đúc tiền Hoàng gia năm 1799 và Thủ quỹ của Hải quân Anh² năm 1800. Pitt để họ tiếp tục giữ những cương vị cũ vì ông không muốn có sự đối đầu không đáng có. Pitt đã phớt lờ lời thỉnh cầu lập đi lập lại của Richmond năm 1795 và trì hoãn đến sáu tuần, và cuối cùng thông báo sa thải Richmond qua thư. Nhưng ở một khía cạnh nào đó, điều này cũng cho thấy vai trò của Pitt trong Nội các ít được kính trọng. Đối với Pitt, sự ủng hộ của Nội các là rất cần thiết và ông phải đấu tranh không mệt mỏi khi có sự đe dọa nổi lên trong Nội các. Tuy nhiên, Pitt thường coi những đe dọa đó là phản động và không mang tính tiên phong thực hiện, ông thích áp dụng quyền lực thật sự của mình bên ngoài các cuộc họp của Nội các.

CHƯƠNG 4. “Tham vọng cuộc đời tôi”: Pitt và công việc chính phủ

NIỀM ĐAM MÊ CHỦ ĐẠO

Khi từ chức năm 1801, Pitt nuối tiếc vì “đã để mất chức vị, tham vọng của cả cuộc đời tôi, và cảm xúc trong trái tim tôi vẫn tiếp tục tràn đầy”. Giống như cha, Pitt coi đó là số phận lãnh đạo đất nước của ông. “Sự gắn bó đặc biệt với quyền lực và địa vị của Pitt” sau này đã được Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Burges ghi nhận và bổ sung rằng “tham vọng vinh quang và quyền lực là những nguyên tắc chủ đạo của Pitt”. Nghị sĩ Wraxall cũng đã nói đến “tham vọng nắm giữ quyền lực của Pitt”. Bạn bè đều công nhận điều đó. Pretyman nhấn mạnh: “Nếu Pitt khao khát vinh quang, thì đó là vinh quang được phục vụ đất nước với lòng trung thành, nhiệt huyết và không vụ lợi; nếu Pitt mong mỏi quyền lực, thì đó là vì quyền lực sẽ mở ra một lĩnh vực rộng lớn hơn đối với những nỗ lực và sự chuyên cần của ông. Tham vọng của ông khi là ưu điểm, khi là thiếu sót, khi là hạnh phúc, cũng có khi là tai họa, tùy thuộc vào động cơ mà nó được thực hiện, đối tượng mà nó hướng tới cũng như cách thức thực thi để thỏa mãn tham vọng đó”. Wilberforce cảm thấy “rất thú vị khi nói chuyện với Pitt về những kế hoạch mà ông đã lập ra để phục vụ lợi ích của dân chúng; hoặc chứng kiến niềm vui thích của Pitt khi áp ủ những hy vọng mang lại lợi ích cho đất nước”. Đây là “những tiếng lòng” điều khiển hướng hành động của Pitt và phân biệt ông với các chính trị gia hàng đầu bấy giờ. Fox, đối thủ của ông, đã nghĩ “theo mọi quan điểm, đây là một nghề ưa thích trong hoạt động chính trị” và thú nhận năm 1804 rằng “quyền lực hiện giờ là một mục tiêu vô hình đối với ông”, trong khi đó Grenville khẳng định “khái niệm về sự phục vụ không giới hạn trong tình huống như của tôi không hề phù hợp với tâm trạng của tôi”. Khi nhiều mong muốn giằng xé tâm trạng thì mong muốn lãnh đạo luôn thắng thế trong con người Pitt. Ngoại trừ sự nản lòng khi lần đầu gặp thất bại tháng 1/1784, Pitt chưa bao giờ có ý niệm bỏ cuộc cho đến khi ông bất ngờ phải ra đi vào tháng 2/1801. Những ý nghĩ được kích động bởi điều sỉ nhục từ tình hình Ochakov trong năm 1791 đã nhanh chóng qua mau với lời biện minh là nó có thể ảnh hưởng đến quan điểm của Vua Anh, trong khi đó kế hoạch định thực hiện đầu tháng 6/1797 giao cho Addington chỉ được vạch ra để thuyết phục Pháp tiến tới những đàm phán hòa bình, và Pitt sẽ quay trở lại khi hòa bình được ký kết, nhưng kế hoạch đó đã nhanh chóng tan vỡ khi Pháp thể hiện mong muốn đàm phán với Pitt với tư cách là Thủ tướng.

Bước lên nắm quyền với kinh nghiệm quản lý chưa đầy 9 tháng và được bầu nhờ khả năng lãnh đạo Viện Bình dân, Pitt nhanh chóng chiếm được niềm tin của mọi người bởi ông là “con người vì công việc” đầy nhiệt huyết, điều này cũng là phần thưởng lớn cho chính phủ của Vua Anh. John Ehrman coi đặc điểm nổi trội của Pitt là tính hệ thống. Ông có thể tiếp cận các vấn đề, thận trọng tìm kiếm các sự kiện thực tế trước khi lập kế hoạch. Việc ông sử dụng những thông tin và biện pháp có tính hệ thống được coi là công cụ mang tính quyết định để đưa tinh thần hiện đại hóa và chuyên nghiệp hóa vào quy trình của chính phủ. Phong cách này đã thể hiện năng lực của ông. Ông có khả năng lĩnh hội thông tin thật phi thường. Theo Dundas thì “trí nhớ của Pitt tuyệt vời đến nỗi ông có thể nhận rõ bản chất của mọi thứ”, sự thấu hiểu vấn đề nhanh chóng đến mức “tường tận” và “tốt bậc” của Pitt được nhiều người từng làm việc với ông ghi nhận. Có dịp làm việc với Pitt khi kê khai khoản tiền phải

trả của Thái tử Wales, Cholmondeley đã trầm trồ “thật khó tưởng tượng về khả năng tính toán rõ ràng và nhanh chóng của Pitt. Chỉ trong vài phút, ông đã tính toán và giải quyết xong tất cả các mục khiến tôi phải thán phục về khả năng của ông”. Douglas, thành viên Ủy ban Tài chính của chính phủ, khẳng định Pitt “có tài năng đặc biệt trong việc biến đổi văn bản mang tính thể thức như các báo cáo, các điều khoản luật... sang dạng ngắn gọn, tao nhã, chính xác và có chất lượng nhất”. Khả năng thẩm thấu các chi tiết được kết hợp với “trí nhớ phi thường” “chặt chẽ đến nỗi Pitt không bao giờ quên những điều đã được học”. Rõ ràng ông đã khai thác thế mạnh này. Douglas cho rằng cách thức mà Pitt nghe những lời đề nghị có vẻ “khó khăn và không mấy vô tư”, nhưng “những nghi ngờ và sự quan sát của ông thật sự là của một người tài giỏi đáng tin cậy”. Khả năng nắm bắt các chi tiết được thể hiện trong lời giải thích rõ ràng về các vấn đề quản lý và tài chính phức tạp tạo nên ấn tượng mạnh mẽ về ông. Đầu năm 1785, quý bà Gower miêu tả “những người thông minh nhạy cảm” đã ngạc nhiên như thế nào khi nghe Pitt thể hiện “một vốn kiến thức quá hoàn thiện về thương mại, tài chính và chính phủ đến nỗi người ta có cảm tưởng đang được nghe một người có vốn kinh nghiệm 50 năm về những vấn đề này”.

Theo Wilberforce, tất cả những nhân vật nổi tiếng hoặc lãnh đạo của các cơ quan đều phải thừa nhận “Pitt là người... đơn giản nhất và dễ tính nhất mà họ từng trao đổi công việc”. Các bộ trưởng của Pitt cũng khẳng định tính tình nhã nhặn của ông. Pretyman ghi nhận “ông luôn bình thản, thoải mái trước những khiêu khích nặng nề, và tự kiềm chế tới mức mà tôi chưa thấy ở một người nào khác”; trong khi đó, Dacres Adams khẳng định “tất cả những lần tôi mắc khuyết điểm, chưa bao giờ Pitt có lời nói gay gắt hoặc cái nhìn khinh miệt, tất cả những gì tôi nhận được là lòng tốt và sự khoan dung”. John Fordyce là một viên chức có ấn tượng rất mạnh về “sự quan tâm trọn vẹn và khách quan mà Pitt dành cho mình”, còn Dudley Ryder đã mô tả “tài năng đặc biệt của Pitt là khiến mọi người có thể sẵn lòng đưa ra ý kiến của họ khi trò chuyện với ông, ông đã mở rộng tầm nhìn và phát triển nhận thức của họ”. Công việc đối với Pitt thật sự là một hoạt động xã hội. Ông ghét cay ghét đắng việc trao đổi qua thư từ và thích bàn trực tiếp các vấn đề với những người liên quan, tìm kiếm lời khuyên, thông tin và phổ biến những ý kiến của mình. Chẳng hạn năm 1784, Chánh án Tòa thượng thẩm được yêu cầu bàn luận 15 phút về bộ máy tư pháp của Ấn Độ. Hay năm 1788, khó xử trước một điều khoản trong cuộc đàm phán với Hà Lan, Pitt đã triệu tập Grenville với lý do “tôi không muốn tin vào quan điểm của chính mình, nó gần như là tất cả những gì mà tôi phải tin về vấn đề này trong thời điểm hiện nay. Do vậy, tôi rất sẵn lòng bàn luận vấn đề này với anh về tất cả những gì có thể”. Pitt thích làm việc càng dân dã càng tốt. Sau này, Dundas nhớ lại: “Khi giải quyết công việc của nhà nước hay lập kế hoạch... chúng tôi không bao giờ quay trở về Bộ để bàn bạc. Tất cả những vấn đề này được chúng tôi thảo luận và giải quyết hoặc là khi trên đường chạy bộ buổi sáng hoặc là khi đi dạo buổi tối ở Wimbledon. Chúng tôi đã quen với việc đi dạo buổi tối bắt đầu từ 8 giờ, cũng có khi là 10 giờ hoặc thậm chí là 11 giờ vào mùa hè”.

Khi Pitt đang trong thời kỳ huy hoàng nhất, một ngày của ông ở London bắt đầu rất sớm bằng việc đọc hoặc viết. Ông thường dùng bữa sáng lúc 9 giờ, thỉnh thoảng với những người quen mà ông cần bàn thảo công việc. Đôi lúc, theo như lời người phục vụ, ông mải mê công việc đến nỗi quên cả bữa sáng và tất nhiên ra khỏi nhà lúc 12 giờ mà không ăn gì. Khoảng giữa buổi, ông thường chạy bộ ở công viên, phần lớn thời gian còn lại ông dành cho các buổi phỏng vấn ở các ủy ban cho đến tận bữa tối lúc 5 giờ. Đây là lúc ông muốn nghỉ ngơi sau một ngày làm việc căng thẳng. Pitt ít khi ăn tối một mình, ông thường ngồi với một số người mà ông quý mến và kính trọng, “chăm chú lắng nghe những câu chuyện của họ cho tới giờ làm việc buổi tối”. Vị khách thường xuyên của Pitt là Pepper Arden, người đóng vai trò là chú hề thường gây cười trong thời gian Pitt rảnh rỗi. Pitt hưởng ứng nhiệt tình lời mời ăn tối

cùng bạn bè. Trước khi áp lực của cuộc chiến tranh cuốn hút sự chú ý của ông, ông thường tới dự những cuộc hội họp thân mật vào buổi tối do phu nhân Công tước Gordon tổ chức. Tuy nhiên, công việc lại bắt đầu vào khoảng 9 giờ tối, sau khi ông đã quay trở về phòng, tắm mát thoải mái và tiếp tục làm việc đến khuya. Thông thường, các bộ trưởng và những người có vai trò tích cực trong công việc ở các vị trí xã hội khác nhau cũng tham dự cùng ông. Bức thư mà Pitt và Grenville viết ở phố Downing lúc 11 giờ đêm ngày thứ bảy năm 1786 đã giải thích cho Jenkinson rằng họ đang cùng xem xét tỉ mỉ bản dự thảo và hướng dẫn thực hiện Hiệp ước Thương mại với Pháp, đồng thời cần sự có mặt của Jenkinson trong thành phố càng sớm càng tốt vào ngày chủ nhật để bàn thảo về những nghi ngờ phát sinh.

Khi cần nghỉ ngơi hoặc phải ẩn dật để tập trung tâm trí vào các vấn đề đặc biệt, ban đầu Pitt thuê một ngôi biệt thự gần Putney và sau này, nếu không thể đi đâu xa, ông thường xuyên lui tới nhà của Dundas ở Wimbledon Common và đôi lần đến nhà Eliot ở Battersea Rise. Mùa thu năm 1785, Pitt đã mua căn nhà Holwood, cách thành phố London khoảng 240 km, không xa ngôi nhà cũ của gia đình Chatham ở Hayes, Kent. Pretymen viết: “Pitt thường trở về Holwood mỗi khi có cơ hội, thường có một hoặc hai người bạn về cùng, một số người ở văn phòng cũng cùng ông đến đó, công việc và nghỉ ngơi có thể đan xen nhau”. Ở đó, sau bữa sáng một ngày tháng 4/1790, Wilberforce cùng Pitt và Grenville “với dụng cụ tĩa cây trên tay, cắt tĩa những lối đi mới từ một cây to cho đến những cây khác, đến hết những bụi cây trong bãi trồng cây của khuôn viên nhà Holwood“. Đây là một ngôi nhà nhỏ nằm trên nền đất rộng khoảng 200 ha, nhưng Pitt đã thể hiện nhiệt tình của mình với nhiều đường nét kiến trúc và trồng cây, đồng thời mở rộng ngôi nhà để có đủ phòng cho bốn hoặc năm người bạn và mua thêm gấp đôi đất, quay mặt nhà ra đường và thiết kế các khu đất theo sở thích. Khu nhà này cách nhà của Auckland ở Beckenham khoảng 8 km. Sự gần gũi đó đã giúp Auckland trở thành cố vấn tài chính giá trị sau khi ông trở về từ Hà Lan năm 1793. Auckland được mời đến bất kỳ khi nào thích hợp hoặc tới giải quyết công việc buổi tối, thảo luận về thuế đầu năm 1796. Sự gần gũi của gia đình Auckland suýt nữa đã giúp Pitt lấy được vợ năm 1797. Khi được bổ nhiệm làm Quản lý Cụm cảng Cinque, Pitt được ban dinh thự Warden, nơi ông có thể mời bạn bè cùng tận hưởng bầu không khí vùng biển. Cũng chính tại dinh thự Warden, tháng 9/1793, Pitt đã có dịp nghỉ ngơi gần mười ngày để tận hưởng không khí và tập thể dục với Dundas. Tháng 10/1795, ông đến Walmer “trong một tuần hoặc mười ngày”, hy vọng sẽ trở về với tài khoản chuẩn bị được mở trước lễ Giáng sinh.

Mùa thu năm 1797, Pitt phát triển luật tài chính cơ bản. Ông quyết định tiến hành thay đổi cơ bản trong phương pháp tài trợ cho chiến tranh của mình – gồm cả hướng thay đổi hiệu quả đối với thuế thu nhập theo từng mức độ trong danh mục thuế sở hữu đất đai. Giữa tháng 9, Pitt hội ý kín với Bộ trưởng Tài chính George Rose ở khuôn viên nhà Holwood để bắt đầu lập kế hoạch. Mặc dù được gọi về London do đàm phán hòa bình của Lille thất bại, nhưng Pitt đã thực hiện được những bước tiến đáng kể trước khi hết tháng để mời Auckland tới dùng bữa tối ở Holwood nhằm đưa ra và thảo luận những nguyên tắc chung, đồng thời yêu cầu phát ngôn viên Addington đến trong vài ngày để “thông báo với tất cả mọi người những gì sẽ được nói ra”. Ngày 11/10, tại dinh thự Walmer, Pitt đã soạn dự án thật kỹ lưỡng trong hai trang giấy để gửi cho những người bạn thân như Addington và các chuyên gia tài chính như Liverpool xem xét. Ngày 25/10, ông gửi đề án tài chính đến tận năm 1801 tới các đồng sự như Grenville, chỉ ra cách đề án của mình sẽ được thực thi như thế nào nhằm giảm các khoản nợ quốc gia ngày càng lớn. Sau đó, ông cũng mở rộng việc thăm dò ý kiến tới cấp dưới trẻ tuổi là Canning để khẳng định lý lẽ của mình trước khi đệ trình đề nghị tới Viện Bình dân ngày 24/11. Pitt không giữ riêng kế hoạch cho mình. Ông hăm hở tìm kiếm sự phản hồi. Ông luôn tham khảo ý kiến của các chuyên gia.

Ông lôi cuốn những môn đệ trẻ tuổi bằng chính cách thức mà ông chuẩn bị thảo luận những ý tưởng và nghi ngờ của mình với họ.

Wilberforce ghi nhận “nét đặc biệt trong tính cách của Pitt là ông thường có khả năng tập trung mọi suy nghĩ, sự chú ý và thời gian để bận rộn với một mục tiêu hoặc kế hoạch cụ thể mà sau đó ông sẽ nghĩ ra và mong muốn được đưa vào thực tế”. Khi phát triển kế hoạch Quỹ chìm tháng 9/1785, Pitt viết: “Tôi đam mê với dự án mà nó sẽ giúp giảm món nợ”. Nét tính cách mà nhiều người khâm phục chính là cách ông say mê một vấn đề nào đó, phát triển ý nghĩ của mình thông qua thảo luận với các chuyên gia và bạn bè, và khi đã nhìn thấy kết quả phía trước, ông nhiệt tình kéo nhiều người khác cùng vào cuộc. Wilberforce nhớ lại Pitt “thường đầy ắp những kế hoạch và trình bày chi tiết chúng cho người bạn có chuyên môn nghe với sự sôi nổi và khả năng bột phát của ông trong trường hợp đó”. Sự nhiệt tình của Pitt và niềm lạc quan không thể kìm được trong ông, những cái mà Dundas gọi là “sự háo hức hoặc tin tưởng thuộc về tâm tính”, đã khiến Pitt tiến sâu vào các lĩnh vực quản lý, thương mại, chế tạo hơn các vị thủ tướng khác, vào các lĩnh vực mà Wilberforce chán ghét và mô tả là “những vấn đề có chất lượng tầm thường và thấp kém như đánh thuế thuốc lá, rượu...”. Burges viết: “Tài năng, sự nhanh trí, sự bình tĩnh và cả tính chuyên cần đã hội tụ trong con người Pitt đủ để ông trở thành một Thủ tướng với đúng nghĩa”.

CHỈ ĐẠO PHỤC HỒI NỀN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC

Mặc dù khi mới bước lên nắm quyền Pitt còn thiếu kinh nghiệm, song ông đã nhận thức được đầy đủ những vấn đề quản lý mà mình phải đối mặt. Ngay lập tức ông soạn thảo một Dự luật Ấn Độ thay cho dự luật của Fox-North. Ông đã sử dụng những đề nghị mà Dundas đưa ra năm trước nhằm củng cố hướng chỉ đạo tập trung của Ban Giám đốc Công ty Đông Ấn, chống lại phiên tòa về chủ sở hữu và hướng chỉ đạo tập trung của Toàn quyền và chế độ chính phủ do Thủ tướng điều hành để chống lại các ủy ban. Bây giờ Pitt cũng đưa công ty ra Ủy ban Kiểm soát do Vua Anh chỉ định, phụ trách các vấn đề của chính quyền quân sự và dân sự cũng như doanh thu của các vùng lãnh thổ Đông Ấn. Trong giai đoạn sự nghiệp này, Pitt thích tìm một phương sách mau chóng hơn là một giải pháp mang tính tổng thể. Trong khi dự luật đang được ban hành, Pitt sẵn sàng chấp nhận những sửa đổi của công ty vào tháng 1 và của phe đối lập vào tháng 7/1784. Bản thân ông cũng tự sửa đổi dự luật trong năm 1786 nhằm củng cố quyền lực của Toàn quyền do Vua Anh chỉ định và cố gắng đưa dự luật đi xa hơn năm 1788, làm cho mọi người hiểu rõ hơn quyền của Ủy ban Kiểm soát nhằm chỉ dẫn việc thanh toán những chi phí mà công ty phải chịu để bảo đảm an ninh của Ấn Độ. Trên thực tế, chính phủ của Pitt cũng như chính phủ của những người tiền nhiệm đều xâm phạm các quyền của Công ty Đông Ấn. Các vấn đề của Ấn Độ vẫn mang màu sắc chính trị – Bộ Liên minh của Pitt bị chia rẽ do cách chỉ đạo của cựu Toàn quyền Warren Hastings, và Đạo luật Giải thích năm 1788 của Pitt đã bị chỉ trích gay gắt ở Viện Bình dân, nhưng bản chất thỏa hiệp của dự luật năm 1784 và cách sửa đổi không theo thể thức sau đó đã làm lắng dịu vấn đề Ấn Độ vẫn được coi là vấn đề chính trị trọng tâm. Cá nhân Pitt rất ít quan tâm đến Ấn Độ. Chỉ trong khoảng những năm 1787-1789 và 1791, ông mới tham dự hơn một nửa các cuộc họp của Ủy ban Kiểm soát. Ông tạm bằng lòng nhường quyền điều hành Ủy ban cho Dundas, và quyền lực của Dundas được khẳng định khi ông này trở thành Chủ tịch thứ nhất của Ủy ban Kiểm soát năm 1793.

Khi Dự luật Ấn Độ của Pitt được thông qua, ông nhận thấy tình hình ở Ireland “là quan trọng và tệ nhất mà giờ đây chúng ta phải tham gia”. Trong suốt thời gian ngừng họp nghị viện, Pitt đã có thời gian để tìm kiếm một giải pháp mang tính hệ thống. Cần phải thiết lập các nguyên tắc cơ bản trong

chính sách đối với Ireland để làm cơ sở cho một hệ thống cố định. Pitt đã bày tỏ với Quan đại diện nhà vua ở đây “mong muốn vĩ đại” của ông là “tất cả những vấn đề đáng lưu tâm phải được xem xét riêng với tư cách là mắt xích của một hệ thống tổng thể, phải được Nội các quyết định rất lâu trước khi Nghị viện của một trong hai nước nhóm họp”. Các đề xuất thương mại ở Ireland của Pitt năm 1785 đã cố gắng đưa ra câu trả lời làm thế nào phục hồi lợi ích của Anh và Ireland để sau này có một khu bán tự trị trong thời gian Chiến tranh Hoa Kỳ. Tuy nhiên, kế hoạch chính của Pitt đã thất bại khi ông làm nó trở nên quá phức tạp. Grenville than vãn: “Chẳng sáng sủa hơn chút nào. Pitt đã cố gắng xóa bỏ mọi nghi ngờ, dự đoán bằng cách lập thành điều khoản tất cả những điểm còn lúng túng trên thực tế để sau đó có thể sẽ dẫn đến một sự sắp xếp lớn, ông nỗ lực dàn xếp mọi vấn đề dù bản chất xung khắc, đó là hợp nhất các điều luật thương mại và phân chia quyền lực tối cao”. Tất cả mọi người đều tìm thấy một điều gì đó để phản đối trong những điều khoản được soạn thảo chi tiết – những điều khoản nhằm cố gắng đáp lại sự phản đối của tất cả mọi người.

Giải pháp đầu tiên về Ấn Độ chỉ thành công một phần, còn giải pháp đối với Ireland lại thất bại, nhưng cuối cùng Pitt vẫn chiếm được uy tín điều hành nhờ giải quyết thành công vấn đề lớn thứ ba, đó là khôi phục niềm tin của dân chúng đối với nguồn tài chính quốc gia. Bộ Tài chính là nơi mà Pitt có kinh nghiệm, nhưng ông vẫn phải trải nghiệm đủ để chuẩn bị xử trí mọi vấn đề ngay lập tức, và ông đã lao vào những vấn đề đó với nghị lực dồi dào của tuổi trẻ. Pretymen cho rằng sự quyết đoán và khả năng tiềm tàng là một phần nổi bật trong tính cách của Pitt. “Khi ở giai đoạn sung sức, ông không bao giờ nản lòng trước bất kỳ mối nguy hiểm nào, dù cho đó là sự đe dọa hoặc trước những xáo trộn nào dù là đau buồn, ông đều hành động nhất quán với sự nhiệt tình và quyết đoán được suy xét tỉ mỉ để đẩy lùi hoặc giảm bớt tai ương. Pitt đã vượt qua mọi khó khăn với danh dự đáng tự hào và uy tín ngày càng nâng cao”.

Tình hình tài chính phù hợp lý tưởng với khả năng của Pitt. Ông thu thập được rất nhiều ý kiến và thông tin từ các buổi thảo luận cải tổ đã diễn ra ít nhất là trong một thập kỷ. North, người mà Pitt rất xem thường, nay đã là một nhà lãnh đạo tích cực của Bộ Tài chính. Ông ta từng bước phát triển khả năng của các nhân sự trong Bộ, bắt đầu các kế hoạch củng cố thuế xuất nhập khẩu, thuế đánh vào các mặt hàng trong nội địa và lệ phí chứng từ, rồi năm 1780 thiết lập Ủy ban Nghị viện do luật pháp quy định nhằm kiểm tra các khoản chi công cộng. Tính đến năm 1787, ủy ban này đã công bố 15 báo cáo. Báo cáo thứ 11 được công bố hai tuần trước khi Pitt nhậm chức, thông báo sự cần thiết phải giảm khoản nợ quốc gia, được mô tả như một văn bản mà chính sách kinh tế và tài chính của Pitt phải căn cứ vào đó. Pitt đã hỗ trợ Shelburne trong đợt phát động chung nhằm tăng sự kiểm soát và quản lý tiền cũng như khả năng của chính phủ. Thậm chí Liên minh Fox-North vốn hay bị chỉ trích cũng thành lập một Ủy ban Nghị viện để thẩm tra tình hình buôn lậu.

Tất cả những điều này Pitt đều biết rõ. Ông cũng tham khảo ý kiến của một số nhà chức trách ngoài chính phủ như Tiến sĩ Price, Adam Smith và các chuyên gia trong chính phủ. Ví dụ, đối với dự án Quỹ chìm, Pitt đã có báo cáo thứ 11 của Ủy ban Kế toán Công cộng của North thay thế và ba cuốn sách của Tiến sĩ Price, người vẫn trao đổi và cung cấp cho Pitt bốn kế hoạch thay thế, cùng một loạt các đề nghị được gửi tới Bộ Tài chính và kế hoạch ngăn đối với Pháp năm 1785. Những đề nghị của Price đã được hoàn thiện qua các buổi thảo luận với bạn bè và các cố vấn như Pretymen (sau này là thư ký của ông), Grenville và tất nhiên, trong số những người bạn trước đây có cả Mahon, còn sau này có Jenkinson – người đã gửi bản sao tháng 1/1786 đề nghị Pitt cân nhắc và tòa án phải có một lệnh nhằm duy trì tính bảo mật tối đa, George Rose ở Bộ Tài chính, Richard Frewin ở ngành Hải quan, hay

nhà toán học của trường Đại học Cambridge là George Atwood cũng được mời đến để “sửa đổi kế hoạch... cho hệ thống và trật tự”.

Những vấn đề tài chính Anh đã buộc Pitt phải hành động nhanh và quyết liệt. Năm 1783, ông nhậm chức khi thu nhập quốc gia là 12,7 triệu bảng và lượng chi tiêu trong nước là 23,5 triệu bảng. Khoản nợ quốc gia dài hạn đã tăng mạnh từ 124,3 triệu bảng trước khi bắt đầu Chiến tranh Hoa Kỳ lên tới 213 triệu bảng, khoản vay ngắn hạn cũng hơn 19 triệu bảng. Ưu tiên trước mắt của Pitt là thanh toán những khoản tiền thiếu hụt hiện tại để tránh mắc nợ thêm, thanh toán hoàn toàn những món nợ ngắn hạn và xây dựng số thặng dư giữa thu nhập và chi tiêu để giảm bớt số nợ dài hạn.

Những nỗ lực tăng nguồn thu nhập giới hạn trong sự ưu đãi của nhà nước là đánh thuế gián tiếp đối với các hạng mục hàng hóa tiêu thụ chứ không đánh thuế trực tiếp vào thu nhập. Pitt tin tưởng rằng những giới hạn có thể chấp nhận được về việc đánh thuế gián tiếp sẽ có thể đạt tới được. Ông tiếp tục thực hiện các phương pháp truyền thống là đánh thuế nhẹ đối với lợi ích của người tiêu dùng trong những năm 1784-1786, triển khai thành công việc đánh thuế bằng phương pháp thử và sai, nhưng vì thực hiện điều đó, ông đã mất đi sự ủng hộ của dân chúng. Ông đã quyết định hủy bỏ một số loại thuế do vấp phải sự phản đối của dân chúng (như thuế đánh vào mặt hàng dây ruy băng của các quý bà, thuế đánh vào người trồng cây hublông, thuế đánh ở cổng mỏ của các mỏ than năm 1784 và thuế đánh vào mặt hàng bông sợi năm 1785). Pitt đã thu thêm được 900.000 bảng cần thiết để sung công quỹ, vừa khắc phục được những khoản thiếu hụt năm 1784, vừa trang trải được hầu hết các khoản nợ ngắn hạn còn tồn đọng. Một quyết định mạo hiểm hơn mà ông thực hiện là theo sát các cuộc điều tra trước đây về các mặt hàng thường bị buôn lậu, giảm thuế hải quan các mặt hàng này với hy vọng bảo đảm việc tăng lâu dài khoản lợi tức từ buôn bán hợp pháp. Hình thức này đã được thử nghiệm thành công với mặt hàng chè nhờ Đạo luật Tiền thuế năm 1784, mở rộng đối với rượu rum năm 1785, đối với rượu thường và rượu mạnh trong Hiệp ước Thương mại với Pháp năm 1786.

Kể từ khi triển khai thu lợi nhuận từ việc đánh thuế hiện có, Pitt cũng tìm kiếm giải pháp tăng ngân sách quốc gia bằng việc tăng hiệu lực thu thuế. Thuế hải quan được củng cố bằng Đạo luật Hovering năm 1784, mở rộng quyền tìm kiếm các tàu ngoài khơi của ngành Hải quan bằng Đạo luật Khai hàng hóa trên tàu năm 1786 và đơn giản hóa các thủ tục của ngành hải quan năm 1787. Một quyết định gây nhiều tranh cãi chính trị nữa là việc Pitt chuyển một số loại thuế sang danh mục thuế đánh vào các mặt hàng sản xuất trong nước, bắt đầu từ rượu thường và rượu mạnh năm 1786. Việc chuyển từ danh mục đánh thuế các mặt hàng sản xuất trong nước và lệ phí chứng từ năm 1785 đã tập trung việc thu thuế định mức ở danh mục thuế đánh vào các mặt hàng rẻ tiền. Cùng năm đó, trong thời gian ngắn ở Bộ Tài chính, Pitt đã tổ chức lại việc thu thuế địa phương, tiến hành xem xét chặt chẽ lại lịch, chuyên môn và đào tạo nhân viên thuế quan, cấm sử dụng người đại diện (cấp phó), mở rộng số lượng các giám sát viên nhằm bãi bỏ chế độ tổng thanh tra, thiết lập một hệ thống xúc tiến và bảo đảm giám sát bằng một ban giám sát mới thuộc Cục thuế của London. Tất cả các biện pháp này đã giúp tăng nguồn ngân sách quốc gia, mà theo Pitt là tăng khoảng 4 triệu bảng kể từ năm 1783 (những tính toán sau này là gần 6 triệu bảng). Theo Pitt, trong số này có trên 1 triệu bảng là do tăng thu thuế các mặt hàng mới, khoảng 1 triệu bảng là nhờ các biện pháp chống buôn lậu và gian lận, 2 triệu bảng là khoản tăng chung trong nền kinh tế đất nước. Pitt đã khiêm tốn nói giảm vai trò của mình trong việc thiết lập lại niềm tin tài chính khi đề cập đến Hiệp ước Thương mại năm 1786 với Pháp. Tuy nhiên, ông đặt niềm tin vào sự phát triển nhanh chóng không ngờ của ngành mậu dịch ở Anh sau Chiến tranh Hoa Kỳ, khi mọi người đều có tinh thần dám nghĩ dám làm và hệ thống tín dụng, tích lũy tư bản của Anh ngày càng lớn mạnh.

không ngừng, được khuyến khích bởi sự ổn định trong nước và tuân thủ theo một hiến pháp đúng đắn.

Bên cạnh nỗ lực tăng nguồn thu nhập, Pitt cũng tìm kiếm các giải pháp cắt giảm chi tiêu mà không gây nguy hại cho chính phủ nhằm đạt được số thặng dư, đáp ứng được ưu tiên cơ bản của ông lúc này là giảm các khoản nợ quốc gia. Số tiền tiết kiệm thu được rất nhanh từ việc giảm bớt lực lượng vũ trang sau Chiến tranh Hoa Kỳ, mặc dù Pitt đã có một quyết định can đảm là không cắt giảm đến mức có thể phải xây dựng lại hạm đội. Năm 1786, Pitt thành lập Cơ quan Phụ trách đồ dùng văn phòng nhằm xóa bỏ con số 40.000 bảng mà theo ông là các cơ quan chính phủ để lãng phí trong lĩnh vực này. Ông cố gắng tăng khoản cho vay năm 1784 với lãi suất càng thấp càng tốt bằng cách đề nghị các nhà đầu tư cạnh tranh không được công bố công khai, một hệ thống mà cả North và Shelburne đều khao khát. Pitt cũng thực hiện tiết kiệm bằng cách giảm bớt những chức vụ được trả lương cao và giảm tiền trợ cấp lương hưu, mặc dù ông cũng sớm nhận ra như vậy sẽ phải chịu trả giá quá đắt cả về kinh tế lẫn chính trị.

Tất cả những việc làm này là sự chuẩn bị cần thiết cho kế hoạch lập Quỹ chìm. Tháng 4/1785, Pitt có thể phát biểu trước Viện Bình dân rằng ông mong đợi có khoản tiền thặng dư là 1 triệu bảng vào năm sau và dự định sẽ dùng số tiền đó vào mục đích giảm khoản nợ quốc gia dài hạn. Nếu từ trước đến giờ ông có thể nghĩ ra một hệ thống chi phối hướng chỉ đạo trong tương lai của mình thì hệ thống đó chính là Quỹ chìm. Việc khôi phục và duy trì hệ thống tín dụng, thông qua sự tin tưởng vào khả năng của Quỹ chìm để kiềm chế và cuối cùng là thanh toán nợ quốc gia đã trở thành cơ sở cho chính sách kinh tế và tài chính của Pitt. Khi đưa ra kế hoạch của mình năm 1786, Pitt tuyên bố rằng tất cả mọi hy vọng của dân chúng “về sự thịnh vượng và an ninh công cộng, nhân tố tạo niềm tin và động lực trong buôn bán và thương mại, tạo tiền đề cho sự phát triển của đất nước” sẽ phụ thuộc rất nhiều vào sự thành công của kế hoạch này. Niềm tin vào một hệ thống tín dụng công cộng an toàn là yếu tố quyết định đối với niềm tin vào tín dụng tư nhân như ông khẳng định khi mở rộng kế hoạch năm 1792: “Về cơ bản là hướng tới việc tăng cường tính ưu việt trong thương mại của đất nước”.

Ý tưởng thành lập Quỹ chìm để giảm các món nợ được Walpole đề xuất năm 1716, nhưng Pitt đã biến đổi nó theo hai cách. Trong khi Walpole và những người kế nhiệm ông ta sử dụng quỹ cho những mục đích khác thì Pitt lại thực hiện những đề xuất của Price mà gần đây người Pháp đã thử nghiệm, đó là giao quỹ cho một ủy ban quản lý với cam kết pháp lý là chú ý đến mục tiêu xây dựng quỹ. Thứ hai, Pitt chấp nhận ý kiến mà Price thúc ép từ năm 1772 là tái đầu tư số tiền lãi vào quỹ để trang trải nợ, tạo khả năng phát triển quỹ vì mục đích chung (Pitt tuyên bố, đầu tư hàng năm của ông là 1 triệu bảng sẽ tích lũy đến 4 triệu bảng mỗi năm trong 28 năm), do đó, quỹ tăng nhanh sẽ đáp ứng được yêu cầu trả hết nợ. Niềm tin của dân chúng đối với tài chính trong nước sẽ được khôi phục nhờ nợ quốc gia được trả đúng theo luật. Triển khai thực hiện trong tháng 5/1786, biện pháp này đã giúp ông nhận được sự ủng hộ rộng rãi của dư luận. Ông tiếp tục thực hiện vào tháng 4/1787 với việc đơn giản hóa hệ thống thanh toán của kho bạc nhà nước. Pitt đã lập một danh sách ưu tiên số tiền phải trả từ quỹ chính phủ cho việc trả lãi công trái quốc gia, với mục đích đầu tiên là thanh toán nợ quốc gia, tiếp đến là thanh toán tiền mà Nghị viện cấp cho Vua Anh, và cuối cùng là thanh toán những khoản chi tiêu hàng năm của Nghị viện. Đạo luật gồm 2.357 điều khoản riêng do Pitt đưa ra được thông qua. Tính chất quan trọng của nhiệm vụ đã khiến các bộ trưởng tài chính trước đây nhụt chí, nhưng ý chí và uy thế ngày càng tăng của Pitt trước Nghị viện đối với các vấn đề tài chính đã bảo đảm một vị trí vững chắc cho ông.

NGƯỜI MANG TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH HAY NGƯỜI BẮT BUỘC PHẢI CẢI TIẾN?

Tuy nhiên, sau đó, đà phát triển của Pitt lại bắt đầu chậm lại. Trong số 15 báo cáo của Ủy ban Kế toán Công cộng, Pitt đã đáp lại 3 báo cáo năm 1785, thay thế các kiểm toán viên bằng Ủy ban Pháp lý phụ trách kiểm tra sổ sách của Kế toán Công cộng, quy định vị trí Thủ quỹ của Hải quân Anh và thiết lập một Ủy ban Hội đồng Cơ mật nhằm giám sát tất cả các văn phòng công cộng. Năm 1786, Quỹ chìm của Pitt đã đáp lại báo cáo thứ 11 của Ủy ban, nhưng sau khi hoàn tất báo cáo thứ 15 của mình năm 1787, Ủy ban đã không thực hiện thêm báo cáo nào nữa và phải giải tán. Ủy ban phụ trách các khoản lệ phí đã kiểm tra 10 trong số 24 văn phòng trước khi nó bị giải tán năm 1789 và các báo cáo đã hoàn tất của ủy ban này bị xếp xó. Sau khi Pitt lên nắm quyền, không có các cuộc tấn công chính diện về vị trí ngôi mát ăn bát vàng. Nhưng thực tế, do thiếu những bước thực thi luật pháp mạnh mẽ sau chính sách cải tổ kinh tế ban đầu và sau những dự luật cải tổ Nghị viện của mình, Pitt đã bị chỉ trích về cam kết cải tổ. Liệu ông có phải là người từ bỏ tư tưởng cải tổ để duy trì sự ủng hộ của Vua Anh và nắm giữ vị trí của mình như Fox nghĩ? Liệu những ý tưởng cải tổ của ông có bị vắn đục do liên kết với “những chính trị gia thương mại” về cách suy nghĩ và hành động như Wilberforce tin tưởng? Phải chăng tư tưởng cải tổ của ông có chiều hướng phản động từ Cách mạng Pháp, như Henry Brougham, John Russell và Macaulay – những người theo Đảng Whig thế kỷ XIX khẳng định?

Những cách suy diễn này đều bắt nguồn từ việc mọi người làm tưởng về thời kỳ đầu của Pitt. Họ tập trung xoáy vào hành động của ông đầu những năm 1780 (Pitt ủng hộ cải tổ Nghị viện), và điều mà họ hiểu sai là Dự luật Thương mại mà Pitt tán đồng. Vấn đề đối với những người theo Đảng Whig thế kỷ XIX và các sử gia là họ thường phán xét Pitt ở góc độ những nhà cải cách thế kỷ XIX. Tuy nhiên, Pitt là sản phẩm của những truyền thống thế kỷ XVIII. Pitt cùng chung tư tưởng của một người yêu nước thực thụ được mô tả trong bài luận *Essay on Patriotism* (Bản về chủ nghĩa yêu nước) năm 1768, với “những cố gắng vừa phải để sửa đổi những gì được coi là lộn xộn và thối nát có thể len lỏi vào luật pháp hoặc hiến pháp”. Đây không phải là viễn cảnh tiến tới những thay đổi triệt để. Pitt vẫn thường tin tưởng rằng hiến pháp của Anh là tốt nhất trên thế giới. Nó đã mang lại cho nước Anh sự thịnh vượng trước thời điểm Chiến tranh Hoa Kỳ, giúp đất nước hồi phục tăng trưởng sau những nỗ lực thoát khỏi cuộc khủng hoảng. Với sự cân bằng hợp lý các thành phần chống đối, nó là khởi nguồn của sức mạnh và sinh lực để thúc đẩy nền kinh tế phát triển, được nuôi dưỡng và quý trọng. Trong bài phát biểu năm 1792, theo Pitt: “Vì chúng tôi hiểu hiến pháp của chúng tôi thực tế đã bảo vệ được hòa bình và sự thịnh vượng của các cá nhân cũng như tập thể, nó vượt khỏi khuôn khổ của bất kỳ một chính phủ đã tồn tại nào, bảo đảm mục tiêu thực tế và hữu dụng của chính trị xã hội”. Mục tiêu của Pitt, như ông đã trình bày trước Nghị viện khi ủng hộ cải tổ Nghị viện năm 1783, “không phải là đổi mới, mà đúng hơn là làm mới và tiếp sinh lực cho tinh thần của hiến pháp, không đi chệch hướng cốt yếu so với thể thức hiện tại”. Năm 1791, Pitt vẫn ”giữ quan điểm cho rằng hiến pháp của Anh có thể được cải thiện và sửa đổi từng bước ở một vài điều khoản”, nhưng mọi sự đổi mới hiến pháp như vậy phải được trù tính nhằm giữ cân bằng quyền lực và có thể tiến xa hơn hoặc chậm phát triển ở những mặt mà sự cân bằng quyền lực đó bị đe dọa nhiều nhất.

Một đêm không ngủ đã khiến ông thấy cần phải thực hiện những nỗ lực sửa đổi lại toàn bộ hệ thống hiến pháp. Đây cũng là nét tính cách của ông. Trong thời gian rảnh rỗi, công việc yêu thích của Pitt là kiến trúc và nghệ thuật xây dựng vườn hoa, công viên – niềm đam mê mà ông được thừa hưởng từ người cha, ông chính là “một nhà cải tiến” có xu hướng bắt buộc. Sau này, Pretyman, giảng viên

trường Cambridge, nhớ lại, ngay từ khi còn rất nhỏ, Pitt đã thích “giải trí bằng việc vẽ thiết kế ngôi nhà tốt nhất có thể”, và sau chuyến tham quan những tòa nhà vĩ đại của Norfolk thế kỷ XVII, “Pitt đã nhớ lại và vẽ thiết kế của một ngôi nhà lớn nhất mà chúng tôi đã đến tham quan với ý tưởng sửa chữa nó”. Về sau, bà Hester Stanhope hồi tưởng, khi “nghe Pitt nói rằng cậu ấy chưa bao giờ nhìn thấy một tòa nhà, một ngôi nhà tranh hay một khu vườn mà cậu thích, nhưng ngay lập tức cậu nghĩ ra phương án cải tiến chúng trong đầu mình”. Những nét tính cách này không hề mất đi khi ông lãnh đạo chính phủ và nó còn được áp dụng trong mọi vấn đề đến trước mắt.

Tuy nhiên, việc đưa những ý tưởng cải tiến đó vào thực tế lại là một vấn đề khác. Khi áp lực bắt buộc phải có những hành động cải tiến để khắc phục hậu quả Chiến tranh Hoa Kỳ giảm xuống và bắt đầu hồi phục đất nước, thì Pitt lại dễ bộc lộ những mặt trái trong nét tính cách của ông, ngăn cản những nhận thức thực tế về kế hoạch phát triển của chính ông. Burges thừa nhận “Pitt mau lẹ và có quyết định này từ thời điểm đầu tiên nhìn nhận vấn đề”, nhưng “ông cũng rất dễ bị chệch hướng”. Sau này, Thư ký Viện Bình dân Hatsell phản nản: “Thật là tai họa trong nét tính cách của Pitt, ông hăng hái và nghiêm túc đưa ra các biện pháp, và chẳng bao lâu lại xóa bỏ nó”. Trong con người Pitt có hai tốc độ đối nghịch nhau, nhanh hoặc chậm, và hai tâm trạng đó là nhiệt tình lạc quan hoặc chần chừ, không dứt khoát.

Pitt phải đối mặt với những cản trở đối với “sự cải tiến”: những thành kiến của thế kỷ XVIII nhuộm đầy cách làm việc theo phong tục tập quán và vẫn không được thay đổi khi tiến hành cải tổ thiết thực trong thế kỷ XIX; sự trì trệ của bộ máy quan liêu theo kiểu quý tộc được xây dựng trên sự bảo trợ và bổng lộc; có ít nhân vật tích cực lãnh đạo đất nước, do vậy, bộ máy chính quyền êm ả có thể bị xâm phạm bởi những thay đổi lộn xộn và phản ứng của người dân đối với những thay đổi đó; Thủ tướng thiếu quyền lực trực tiếp để chỉ đạo những người đứng đầu các bộ – những người được Vua Anh bổ nhiệm và hy vọng đáp ứng được mong đợi của ngài, họ có thể điều hành các bộ theo cách mà họ thấy là phù hợp. Đây là những trở ngại ghê gớm, và đối với Pitt, nó còn khó khăn hơn rất nhiều khi ông muốn khắc phục những điều đó.

Mục tiêu đầu tiên và cao nhất của Pitt là bảo đảm được số thặng dư ngân sách nhằm giảm và sau đó là thanh toán hoàn toàn món nợ quốc gia. Tất cả những mục tiêu cải tổ khác đều gắn với những cam kết đầu tiên này. Những thay đổi về chính quyền cũng phải hướng theo mục tiêu đó và sẽ không được đẩy nhanh nếu nó mâu thuẫn với mục tiêu. Cụ thể, một số địa vị bổng lộc được ban bởi giấy môn bài của Vua Anh và được coi là tài sản không thể được lấy đi tùy tiện. Việc sa thải hai nhân viên kiểm toán năm 1785 do Ủy ban Kế toán Công cộng đề xuất cũng tốn 7.000 bảng để bồi thường cho mỗi người, và phải tốn thêm 10.000 bảng để trả lương cho các nhân viên ở ban thay thế họ. Khi Ủy ban Kế toán Công cộng chuyển sang ngành hải quan và năm 1786 đề xuất hủy bỏ 180 vị trí ngồi mát ăn bát vàng nhằm tiết kiệm 31.430 bảng, Pitt đã chọn phương án ít tốn kém hơn là làm tiêu hao dần. Đến cuối năm 1792, chỉ có một vị trí bị hủy bỏ và 28 vị trí khác bỏ trống do những người giữ chức vụ đó từ chức hoặc chết. Một ủy ban được thành lập năm 1789 để điều tra về khoản chi trả lệ phí cho các nhân viên hải quan năm 1791 cũng được đề nghị giải tán và thay vào đó là trả lương bồi thường, nhưng với chi phí lên tới 127.247 bảng. Với khoản thặng dư tài chính lúc đó, năm 1792, Pitt soạn thảo dự luật chấm dứt trả tiền công cho những nhân viên ở cảng ngoài với kinh phí là 45.000 bảng, nhưng khi Pitt phải chi cho chiến tranh vào năm sau (1793), dự án đó đã bị xếp xó.

Pitt không phải là một nhà lý luận cổ chấp, cũng không phải là một nhà cải cách có hệ thống và

tập trung. Ông sẵn sàng có cách nhìn tiên bộ đối với bất kỳ vấn đề nào trước mắt, và khi niềm tin của ông được nâng cao, ông bắt đầu can thiệp vào nhiều công việc của chính phủ hơn trong những năm 1780, do đó, những mối quan tâm của ông được mở rộng và củng cố. Năm 1784, Charles Middleton, một nhà quản lý hải quan có tư tưởng cải cách, đề nghị Pitt can thiệp với Bộ trưởng Hải quân, Pitt đã phản ứng rằng “từ những gì tôi cảm nhận khi đứng ở địa vị của Howe cũng như từ niềm tin cá nhân đối với những gì ông ấy được quyền làm, tôi không thể can thiệp theo cách mà anh mong muốn”. Tuy nhiên, đến năm 1787, Pitt lại rất quyết đoán khi ngăn cản Howe cách chức Middleton. Năm sau, Buckingham nói Pitt là “quá mải mê với tất cả các công việc của chính phủ” và tất nhiên là can thiệp vào công việc của các chức vụ chính. Giải thích về sự cần thiết phải để một đồng sự gần gũi của ông là Dundas, người đứng đầu Bộ Chiến tranh năm 1794, Pitt tuyên bố với đồng minh mới thay thế của mình là Portland rằng “tôi không thể hài lòng khi để Bộ đó được đặt dưới cách quản lý riêng của anh ta”.

Tuy nhiên, việc Pitt có thiên hướng ngày càng thích can thiệp như vậy đã khiến ông bất đồng quan điểm với lãnh đạo của các bộ: với Bộ trưởng Bru điện khi năm 1784 Pitt buộc Bộ Bru điện chấp nhận hệ thống toa chở thư của John Palmer, một hệ thống có thể tạo khả năng giúp ông tăng ngân sách nhờ tăng lệ phí thư; hay bất đồng với Bộ trưởng Hải quân khi ông ủng hộ đề xuất cải tổ Bộ Hải quân và các xưởng sửa chữa đóng tàu của hải quân. Bất đồng thứ nhất khiến ông phải sa thải Bộ trưởng Bru điện hay gây cản trở nhất, người đã trả đũa Pitt bằng cách kêu gọi Nghị viện điều tra những hành động mập mờ của Bộ Bru điện mà Pitt đã cố lảng tránh năm 1787. Bất đồng thứ hai khiến Howe phải từ chức năm 1788, sau đó là Middleton phải từ chức năm 1791.

Năm 1785, Pitt thành lập Ủy ban Kiểm soát các khoản lệ phí, với thẩm quyền chủ yếu là thực hiện theo Dự luật Văn phòng công cộng năm 1783 của Pitt, vốn đã chết yểu, nhưng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Cơ mật chứ không phải trước Nghị viện. Điều này được coi là một dấu hiệu đáng tin cậy cho thấy Pitt đang cố gắng kiểm soát việc cải tổ chứ không hề có ý định từ bỏ sáng kiến cải tổ Nghị viện kể từ khi những đề nghị cải tổ Nghị viện trước đây của ông bị thất bại. Đây là chiến thuật mà ông sử dụng để hạn chế buôn bán nô lệ sau khi những nỗ lực hợp lệ của ông bị đánh bại ở Nghị viện những năm 1790. Ủy ban này cũng lưu ý đến những đề xuất không gây phát sinh nhiều chi phí, do vậy Pitt sẵn lòng đổi mới ủy ban trong hai năm tiếp theo, với ý định là thu được những báo cáo tổng thể theo đánh giá của Hội đồng Cơ mật. Tuy nhiên, báo cáo của Bộ Bru điện đã thay đổi tất cả, và Pitt đã xếp xó nó cùng với một số báo cáo khác, ông cho phép ủy ban giải tán.

Những dự án khác nhau được Pitt tán đồng, giữa chúng dù không có những bất đồng chính trị nhưng chắc chắn là có xung đột về nhu cầu. Như đã thấy, Pitt thích đắm chìm vào một vấn đề ở một thời điểm và khi Nghị viện đang họp có chiều hướng ủng hộ. Điều này có thể gây nên những ảnh hưởng tai hại. Điều tra của Viện Bình dân đối với các tầng lớp xã hội cấp tiến tháng 4/1794 đã trì hoãn việc chi trả khoản đầu tiên trong số tiền trợ cấp cho nước Phổ. Các cuộc tranh cãi hòa bình ở phiên họp đầu tháng 1/1795 đã khiến Pitt rối bời do cuộc khủng hoảng của Fitzwilliam nổ ra ở Ireland. Windham, người cố gắng theo đuổi một quyết định về chế độ quân chủ ở Pháp, cuối năm 1797 cầu xin “Pitt chú ý trước khi kết thúc phiên họp Nghị viện”, và những cuộc thảo luận gay gắt tiếp theo về các loại thuế, như Dundas khẳng định, đã dẫn đến một sự lơ là đáng buồn của Pitt đối với tất cả các vấn đề khác, trong đó có cả việc lập kế hoạch phòng thủ đất nước. Các bộ trưởng và các quan chức thì tranh giành nhau sự chú ý của Pitt. Con gái của Rose nhớ lại cha cô đã giận dữ như thế nào khi “ông không thể khiến Pitt chú ý đến công việc mà ông trực tiếp quản lý ở Viện Bình dân”. Tuy nhiên, ngay cả khi đã

được Pitt chú ý, thì cơ hội mà ông đã làm với Dundas và Charles Grant ở Wimbledon mùa hè năm 1792 là đóng cửa trong mười ngày để nghiên cứu vấn đề về khoản thu trên đất liền ở Bengal cũng hiếm khi gặp – tất nhiên là chỉ một hoặc hai lần trong năm.

NHỮNG HẠN CHẾ CÁ NHÂN CỦA PITT – CON NGƯỜI VÌ CÔNG VIỆC

Phương pháp quản lý của Pitt cũng rất riêng, nhịp nhàng uyển chuyển khiến công việc diễn ra rất suôn sẻ. Có rất nhiều điều ông thực hiện không theo quy định. Những lá thư thì vẫn chưa được trả lời, tài liệu của ông thì vứt bừa bộn. Anh họ của ông, Grenville, đã làm một cuộc cách mạng về cách thu nhận thông tin ở Bộ Nội vụ và sau đó là ở Bộ Ngoại giao nhờ sử dụng một người viết tóm tắt thông tin, nhưng theo như Douglas được biết, Pitt “sẽ không chịu để ai sắp xếp các chồng tài liệu của mình và lưu ý những điểm quan trọng cho ông”. Đặc phái viên người Nga Vorontsov khi cho phép Grenville chỉ những tài liệu bí mật cho Pitt xem đã đề nghị Grenville không để chúng ở chỗ Pitt vì “ông ấy không thể tìm lại chúng chỉ sau một ngày, giữa những chồng giấy tờ khổng lồ ngổn ngang trên bàn ghế được gửi đến từ mọi nơi”. Pitt thích giải quyết công việc trực tiếp hơn là qua thư từ, nhưng lại không lưu giữ biên bản của các buổi làm việc. Phần lớn rắc rối trong vụ Fitzwilliam là do ông không lưu lại những cam kết của cuộc họp ngày 15/11. Douglas phàn nàn rằng Pitt không có một biên bản nào về các cuộc họp không chính thức mà ông đã triệu tập để vạch ra hướng liên minh với Ireland, ông không bao giờ coi việc làm đó là thủ tục chính thức mà Ủy ban Hội đồng Cơ mật yêu cầu, thậm chí ông chưa bao giờ nhận thức được sự tồn tại của ủy ban này trong Nghị viện. Pitt làm mọi việc vì lòng nhiệt tình. George III quan sát thấy “Pitt có khuynh hướng để những việc khó nhọc, không mấy thú vị đến cuối cùng, nhưng sau đó khi buộc phải giải quyết nó, ông đã giải quyết nhanh chóng đến lạ thường, dạng pha trộn không bình thường giữa sự chậm chễ và vội vã là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến sức khỏe của ông kém”.

Cũng có thể ông là người chưa hoàn thiện khi bước lên nắm quyền quá sớm – như một số người cùng thời tranh luận. Ông hội tụ ý chí, nghị lực và cả trí tuệ minh mẫn của tuổi trẻ, nhưng cũng có ba điểm bất lợi được thừa nhận. Thứ nhất, ông không có kinh nghiệm trong công việc. Điều này khiến ông phải chuẩn bị thực hiện công việc nhờ những mối liên hệ thân mật, nó cũng khiến ông gặp rắc rối. Cuộc dàn xếp đầu tiên với Palmer được chấp nhận bằng lời do Pretymen, đại diện Pitt, thực hiện. Hậu quả là, có một cuộc tranh cãi kéo dài trong Bộ Bưu điện về vị trí cũng như tiền thù lao cho Palmer, và không có một tuyến trách nhiệm rõ ràng nào được thiết lập. Palmer hiểu rằng ông trực tiếp chịu trách nhiệm trước Bộ Tài chính, điều này đã gây ra nhiều vấn đề đối với cá nhân Palmer lẫn Bộ Bưu điện, khiến ông bị sa thải năm 1793. Pitt phải đảm bảo 3.000 bảng tiền trợ cấp mỗi năm để bồi thường cho ông ta. Hơn nữa, theo Burges, do Pitt không để ý đến cả cốt lõi lẫn thể thức của công việc khi lên nắm quyền, nên ông đã rơi vào tay những người “không lấy gì làm đứng đắn”. Ông đã phải nhờ đến những người thông thạo công việc để đưa ý kiến của mình ra thực tế: Dundas, người thường tự hào chưa bao giờ để một lá thư cần phải trả lời nào đến ngày hôm sau, và George Rose, người nhanh chóng ảnh hưởng đến Pitt, và sau này là Grenville, một người có phương pháp hơn, anh họ của ông. Burges cho rằng “Pitt đã bị Grenville và Dundas điều khiển”.

Thứ hai, Grenville cho rằng việc sớm lên nắm quyền đã khiến Pitt có ít cơ hội mở rộng kiến thức bằng việc nghiên cứu những nguyên tắc triết học chung, mà cùng với kinh nghiệm sẽ giúp ông trở thành

một chính khách có tài quản lý nhà nước. Còn theo Addington, rất ít khi ông nhìn thấy Pitt cầm cuốn sách trên tay kể từ khi lên nắm quyền. Pitt đọc sách để giải trí, và những cuốn sách đó “thường được tìm thấy trên bàn giữa một mớ những tài liệu tài chính và chính trị”, hoặc rải đầy trong căn hộ của ông ở Holwood hoặc Walmer, hoặc bắt buộc phải mang theo khi đi du lịch, thường là những cuốn sách thời cổ đại Hy Lạp và tiếng Latinh, đặc biệt là của các tác giả Homer và Horace. Thay vào đó, những gì được trải nghiệm đã có ảnh hưởng lớn nhất đối với ông, khiến ông trở thành một người “siêu thực dụng”. Năm 1794, Pitt đã nói với Sheridan:

Kinh nghiệm là một sự tranh luận tốt đối với lý thuyết của anh. Nó không phải là những nguyên tắc quan điểm trừu tượng, khô khan, khát khe mà nó là kết luận được rút ra trong các chủ đề chính trị... Sự hiểu biết của tôi đạt được trong hoạt động chính trị, chứ không phải qua bất kỳ một nguyên tắc cứng nhắc nào, nhờ việc kiểm nghiệm một vài sự vụ xảy ra, chú ý tìm ra nguyên nhân và so sánh một số sự kiện với nhau. Đây là cách đúng đắn để có thể thông thái hơn trong hoạt động chính trị, chứ không phải chấp nhận triết lý ảo tưởng, cố đi tìm điều hoàn thiện trong những cái không hoàn thiện về bản chất, chỉ liên quan đến lý thuyết chứ không hề mang tính thực tế.

Theo lời Ehrman, Pitt tiến tới quyền lực “hăm hở với tất cả sức trẻ, vì những đề xuất lớn và những chính sách cải tổ đáng khâm phục”. Ông đi tìm những hệ thống chung và những giải pháp tổng thể cho các vấn đề. Nhưng rất ít kế hoạch của ông được thực hiện thành công. Khi các đề xuất thương mại ở Ireland mà Pitt đưa ra gặp rắc rối, ông đã phải dùng đến nhiều thủ đoạn. Grenville cảm thấy “sự ưa thích tìm ra những thủ đoạn phức tạp trong khó khăn – cảm hứng nảy ra và kết hợp với khả năng giải quyết vấn đề không ai sánh kịp, là những nét khiếm khuyết cuối cùng trong tính cách của Pitt”. Ireland, như ông buộc phải thừa nhận năm 1794, “cho đến nay và mãi mãi về sau vẫn là một chính phủ của những thủ đoạn”. Pitt đã đọc cuốn *Wealth of Nations* (Sự thịnh vượng của các quốc gia) của Adam Smith, nhưng năm 1800, trước sự phản đối của Grenville, ông vẫn áp dụng sự can thiệp của chính quyền nhằm cải thiện tình trạng khủng hoảng lương thực. Trong một buổi tiệc tối năm 1796, Pitt tuyên bố rằng sẽ là không sáng suốt khi thiết lập các nguyên tắc và luật lệ chung trong chính phủ hoặc trong chính sách. Chủ nghĩa thực dụng kiểu như vậy thường giúp ông vượt qua được những khó khăn trước mắt, nhưng nó cũng hạn chế khả năng duy trì một hướng chiến lược phù hợp đối với các vấn đề ông phải đối mặt.

Thứ ba, mọi người đều nhất trí rằng Pitt lên nắm quyền trước khi ông có thể hiểu đủ về con người. Windham cảm thấy Pitt vì thế mà mất “cơ hội nhìn nhận con người và cách cư xử, trừ khi là Bộ trưởng, theo cách đáng phải nhìn nhận nhất”. Nghị sĩ Nicholl cho rằng “đầu óc của Pitt chỉ bó gọn trong những chi tiết công việc, lẽ ra ông phải đủ năng lực để bắt quen với việc làm chính trị hoặc làm người, cả hai điều đáng ra ông phải nghiên cứu”. Còn theo Sinclair, Pitt “tiến tới quyền lực quá sớm, trước khi ông có thể có được những kiến thức và kinh nghiệm chính trị, mà không có nó không ai có thể trở thành một bộ trưởng thành công, càng đặc biệt hơn là trong những thời điểm khó khăn”. Chắc chắn Pitt sẽ gặp phải những khó khăn trong mối quan hệ riêng bên ngoài vòng thân mật. Richmond phàn nàn “tính Pitt quá rút rè, đến nỗi khi gặp một chút khó khăn ông thậm chí còn không biết sắp xếp các vấn đề lại theo đúng trật tự”. Điều này càng khiến Pitt khó khăn hơn trong việc đối phó với những người bất đồng với phương pháp quản lý của ông. Windham cho rằng thời gian Pitt trong quân ngũ, giống như cha mình, đã cho ông rất nhiều kiến thức về thực trạng thế giới. Burges lại tranh luận, sự ngây thơ đã khiến Pitt quá hào hứng đón nhận những lời tâng bốc và “sự đánh giá quá cao về bản thân

đã khiến ông mù quáng trước những trò bịp bợm của các vị cô vắn đây mưu mô”.

Những hạn chế trong phương pháp quản lý chỉ với lòng nhiệt tình đã khiến ông phải vất vả hơn để giữ vững được lòng nhiệt tình đó khi hàng loạt khó khăn kéo dài nổi lên. Ông cố gắng dự đoán và giải quyết trước tất cả các vấn đề có thể xảy ra, nhưng sự nhiệt tình đôi khi lại ngăn cản ông đến với thực tế. Wilberforce ca tụng “sự rõ ràng trong nhận thức và thấu hiểu sự việc chính xác đến ngạc nhiên” đã khiến ông có sức nặng hơn so với tất cả những tranh luận đối lập, nhưng ông này cũng bổ sung: “Bạn thường tìm ra những điểm khác biệt so với Pitt và luôn cố trả lời câu hỏi tại sao. Điểm khác là ở chỗ, tinh thần lạc quan đã giúp Pitt có được niềm tin với những thông tin mà người khác khó có thể tin được, khiến ông luôn hy vọng sẽ có những vấn đề có lợi mà người khác không dám mạo hiểm nghĩ tới”. Tất cả những khẳng định trên đều cố gắng nhấn mạnh một thực tế là Pitt không muốn nghe những gì ông không thích. Chính quyền Ireland một lần nữa nhấn mạnh tính nhạy cảm trong các đề xuất thương mại, nhưng Pitt một mực khẳng định ông tin tưởng tất cả mọi việc có thể được giải quyết ổn thỏa nếu Nghị viện Ireland chấp nhận các nguyên tắc và dành cho nhau những đặc quyền mà “tôi không thể cho phép mình nghi ngờ”. Năm 1797, Windham than phiền rằng “sự chế nhạo là một phần rất xấu của hệ thống hiện nay, và khi bất cứ điều gì bị đem ra chế nhạo thì nó bị coi là cần tống khứ”. Còn nữa, Pitt có thể đột ngột đánh mất nhiệt tình với những việc mình làm, trở nên không kiên định và không có phương hướng. Theo Wilberforce, “sự chậm trễ và chần chừ là những nhược điểm lớn nhất của Pitt”. Việc Pitt đưa ra phương pháp thăm dò ý kiến cũng khiến nhiều người có cơ hội ngăn cản và làm ông chệch hướng. Burges đã viết về “sự thiếu suy xét của Pitt khi đẩy nhanh hoặc từ bỏ những vấn đề nghi ngờ”. Theo Camden, Pitt đã “chịu ảnh hưởng quá nhiều từ người khác, đặc biệt là Dundas”, trong khi sau này Spencer nói với Dundas: “Bằng kinh nghiệm, anh có thể biết Pitt đã bị ảnh hưởng lớn như thế nào bởi những cái đầu không đủ mạnh và thông thái để điều khiển người như Pitt”. Tuy nhiên, Pitt không bao giờ cảm thấy quá lo lắng vì sự chậm trễ như Wilberforce nghĩ. Ông sẵn sàng chấp nhận trì hoãn và sử dụng nó như một thứ vũ khí chứ không bao giờ coi đó là dấu hiệu của sự thất bại.

Việc Pitt mong muốn tham gia tất cả các lĩnh vực của chính phủ được ông phát triển trong 5 năm đầu nắm quyền quản lý, cùng với những áp lực do thói quen công việc, đã khiến ông căng thẳng và mắc phải hai thói xấu mà sau này đã cản trở khả năng làm việc lần quyết định của ông. Burges nhận thấy: “Rượu và thích được tặng bốc là hai điểm yếu nhất trong cuộc sống riêng tư của Pitt”. Pitt tin tưởng quá nhiều vào tình cảm của bạn bè, thậm chí cả vào sự kính trọng của những bậc đàn em như Canning. Cũng vào thời gian căng thẳng gia tăng những năm 1790, Pitt bắt đầu uống rượu nhiều hơn và điều này đã phá vỡ thói quen công việc của ông. Lần đầu tiên ông uống say đáng lưu ý nhất ở Viện Bình dân là đầu năm 1793. Theo Canning, bữa tối linh đình tháng 12/1794 là “bữa tối rất thoải mái, rất nhiều rượu, đặc biệt là Pitt, ông uống quá nhiều, và tôi nghĩ chúng tôi đã khiến ông không thể tập trung vào công việc”.

Về chính sách của chính phủ, Pitt chưa có một chương trình cải tổ toàn diện. Ông luôn quan tâm đến việc cải tiến bất kể chỗ nào đập vào mắt mình và gắn nó với công việc một cách tốt nhất có thể. Nếu việc cải tiến gặp phải những từ chối ban đầu thì sau đó cơ hội thực hiện nó giảm đi rõ rệt, mặt dù nó có thể được phục hồi dưới một hình thức khác. Ông luôn giữ vững niềm tin cao cả về một chính phủ trong sạch. Ông không kiếm tiền từ chức vụ của mình và luôn mong chờ những người khác cũng có đức tính đó. Ông ủng hộ yêu cầu của phe đối lập là chỉ trích cựu Toàn quyền Ấn Độ Warren Hastings trong những năm 1786-1787 không chỉ bởi số tiền phạt mà ông ta thu được “quá cao, không công bằng và bạo ngược”, mà còn bởi Hastings đã nhận những món quà “chứng minh rõ ràng nhất những hành động

đáng chỉ trích của ông ta”. Những cư xử không minh bạch về tài chính của Hastings là điểm đáng lên án nhất. Năm 1793, Pitt cách chức một nhân viên của Bộ Tài chính vì đã gạ gẫm tiền của hai người do anh ta kiểm tra, “tôi cảm thấy anh không thể đảm đương cương vị mà anh đang giữ thêm nữa”. Năm 1796, sự can thiệp của Pitt lại mang tính quyết định trong lần trục xuất khỏi Viện Bình dân một người ủng hộ, người đã bị tước quân hàm do biến thủ quỹ của trung đoàn dân quân. Khi ông sắp phải nghỉ hưu, những người ủng hộ ông ở thành phố London đề nghị tặng ông 100.000 bảng để trang trải nợ nần, ông đã từ chối vì sợ “nếu có cơ hội quay lại Bộ lần nữa, ông hình dung rằng tất cả mọi người ở thành phố mà ông gặp để trao đổi công việc đều là những người mà ông phải chịu ơn về tiền bạc”.

Pitt không phải là nhà lý luận cổ chấp, cũng không phải là nhà cải tổ có hệ thống. Ông thiếu những cống hiến tận tâm như Wilberforce. Ông cũng nhận thức rất thực dụng về nhu cầu và khả năng chính trị. Chẳng hạn, ông sẵn lòng bảo vệ những địa vị bổng lộc làm phương tiện cần thiết để trao thưởng lâu dài hoặc phân biệt những cống hiến của mọi người đối với đất nước hoặc sẵn sàng thưởng hậu hĩnh cho các đồng sự. Trừ khi phải chịu nhiều áp lực trong những năm đầu và những năm cuối cùng trong Bộ đầu tiên ông nắm quyền, Pitt thường thiếu sự khản trương của một người có tư tưởng cải tổ. Thay vì chuyên tâm vào một lĩnh vực cụ thể, ông quan tâm đến mọi lĩnh vực của chính phủ, do vậy, nếu gặp những trở ngại ở lĩnh vực này, ông sẵn sàng chuyển sang lĩnh vực khác. Khoảng thời gian ông chú ý đến một sự việc nào đó là rất ngắn, tùy thuộc vào áp lực trong một thời điểm nhất định có phải là cao nhất không, và các vấn đề ông yêu thích có dễ dàng được cách ly, phân tích và đưa ra một giải pháp lâu dài không. Những vấn đề của chính phủ lại ít khi diễn ra suôn sẻ.

BUƯỚC THAY ĐỔI CỦA TIẾN TRÌNH CẢI TỔ

Nhiều người cho rằng có một bước ngoặt quan trọng trong việc quản lý của Pitt giữa năm 1789 và 1792 do cuộc Cách mạng Pháp gây ra, biến Pitt từ người mang tư tưởng cải tổ thành kẻ phản động. Tuy nhiên, sự chỉ trích này cũng giảm đáng kể từ năm 1787, khi nước Anh trở lại là nước lớn trên diễn đàn quốc tế. Thay vì dành cả mùa hè năm 1787 để kiểm tra khu vực cải cách khác, Pitt mãi mê với vấn đề khủng hoảng ở Hà Lan. Mùa hè năm sau, cuộc khủng hoảng ở Baltic nổ ra, Pitt cần phải tập trung vào cuộc tổng tuyển cử tiếp theo, sau đó lại đến Khủng hoảng chế độ nhiếp chính. Năm 1790 là năm chứng kiến cuộc khủng hoảng ở Nootka và chiến dịch chống lại Tây Ban Nha, trong khi đó, giữa năm 1788 và 1792, mối thù với Thurlow cũng làm Pitt rối bời, là cản trở lớn đối với những vấn đề cải tổ. Sau đó, cuộc chiến tranh năm 1793 cũng can thiệp đáng kể vào công việc của Pitt.

Tuy nhiên, không thể nói rằng mong muốn cải tổ của Pitt dừng lại hoàn toàn. Những năm 1788-1792 là khoảng thời gian ông thực hiện những nỗ lực cải tổ Nghị viện nhằm bãi bỏ việc buôn bán nô lệ, từ năm 1798 đến năm 1791, ông nhất trí với chủ trương cải tổ Chính phủ Canada của Grenville. Duy nhất một lần ông công khai tuyên bố không tiếp tục thực hiện cải tổ do tình thế có sự thay đổi lớn - đó là vấn đề cải tổ Nghị viện năm 1790. Ông đã sớm mất hy vọng cải tổ khi những nỗ lực từng bước của ông bị ngăn cản năm 1789, và ông luôn tuyên bố ý định quay trở lại vấn đề này vào thời điểm thuận lợi. Tuy nhiên, Pitt luôn cố gắng mọi nơi, mọi lúc để duy trì và đề xuất cải tổ tài chính cần thiết cho mục đích của ông là loại bỏ vĩnh viễn sự phá sản quốc gia, mà sự phát triển của đất nước trong tương lai phụ thuộc vào đó. Pitt phản ứng rất nhanh trước gói trang bị vũ khí ở Nootka, buộc ông phải phát triển hệ thống Quỹ chìm với chi trả một lần là 400.000 bảng vào Quỹ năm 1792, mỗi năm tăng 200.000 bảng, 1% tổng dự trữ mới được sử dụng làm Quỹ chìm cho đến khi trả hết nợ. Trong những năm 1789-1790, Pitt đã thực hiện rộng rãi các biện pháp thu thuế, chuyển thuế đánh vào thuốc lá từ

thuế xuất khẩu sang thuế đánh vào các mặt hàng tiêu dùng trong nước. Ông tiếp tục thực thi chiến dịch chống buôn lậu trước đây của mình trong những năm 1799-1800 bằng việc thành lập một đội cảnh sát ở sông Thames và thành lập các bến tàu bao quanh London. Năm 1794, Bộ Đất đai công cộng cũng được tổ chức lại theo Sở thuế điều tra về rừng và đất đai công cộng được lập năm 1786. Ngay cả những báo cáo đã bị xếp xó của Ủy ban Phụ trách các khoản lệ phí cuối cùng cũng được Hội đồng Cơ mật xem xét lại năm 1792 và gửi đến các cơ quan để thẩm định, 6 trong 10 đơn vị đã thực hiện trong tám năm tiếp theo, trong đó có Bộ Tài chính, Bộ Bưu điện năm 1793, các văn phòng của Ngoại trưởng năm 1795, Ban Hải quân (trong đó nhiều đề nghị của Middleton đã được chấp nhận) năm 1796, các văn phòng của Bộ Hải quân và Bộ Lương thực năm 1800. Những bước thực hiện này có vẻ chậm hơn những năm đầu Pitt sôi nổi, nhiệt tình nắm quyền, chúng được thực hiện dần dần, từng bước một chứ không như những năm 1780. Nhưng dù sao, Pitt vẫn không có ý định ngừng lại.

Trên thực tế, cuộc chiến tiếp theo đã tiếp thêm sinh lực cho nhịp độ cải tổ của Pitt. Nó giúp ông đưa ra Hiệp ước Thương mại tự do thứ hai, trong khuôn khổ “Hiệp ước Jay” năm 1794, phân định những điểm khác biệt giữa Anh và Mỹ. Được Grenville thông qua, Pitt ủng hộ và Hawkesbury phản đối, hiệp ước này thật sự là một dấu ấn trong hoàn cảnh những năm 1790, giống như Hiệp ước Thương mại với Pháp những năm 1780. Một lần nữa, chiến tranh đem lại sức sống mới cho những nỗ lực khảo sát tài chính của chính phủ. Việc tăng đáng kể khoản thu nhập từ những công việc của chính phủ gia tăng trong thời gian chiến tranh đã đẩy lên làn sóng phản đối của dân chúng trong thời điểm tăng thuế khiến Pitt thấy cần phải làm một điều gì đó để ngăn cản việc kiếm lợi của một số quan chức chính phủ. Năm 1797, Pitt can thiệp vào Bộ Chiến tranh (một bộ không bị Ủy ban Thuế đụng tới) nhằm chấm dứt những khoản lệ phí dồn về phía các quan chức của bộ này. Mặc dù năm 1797 Pitt đã thành lập Ủy ban Tài chính của Viện Bình dân để xoa dịu những yêu cầu của các thành viên Nghị viện về việc đòi cải tổ kinh tế trong các cơ quan chính phủ, song ông vẫn muốn được thấy bước cải tiến nhất định trước khi họ đòi cải tổ, chẳng hạn ông đã giải tán Ủy ban Thuế muối và hợp nhất ủy ban này với Bộ Thuế. Tương tự, Ủy ban Tiền tệ của Hội đồng Cơ mật được thành lập năm 1798 cũng phải có những bước cải tiến cơ bản trong lĩnh vực sản xuất tiền và chất lượng tiền. Pitt vẫn tiếp tục thực hiện tiến trình cải tổ, nhưng Các cuộc chiến tranh của Napoleon¹ từ năm 1793-1815 đã khiến sự đầu cơ tăng nhanh quá mức mà Pitt có thể chế ngự. Trong suốt giai đoạn nắm quyền điều hành Nội các lần thứ hai, Pitt phải đối mặt với phong trào phản kháng của dân chúng đối với hệ thống quản lý mà ông nỗ lực duy trì bằng những cải tiến nhất định.

Chiến tranh đã đẩy nhanh hai vấn đề cải tổ cơ bản nhất lúc bấy giờ: áp dụng đánh thuế cơ bản trực tiếp và liên minh với Ireland. Pitt không ngại phải giải quyết những vấn đề lớn nhất khi cần hoặc khi ông nghĩ là thời cơ đã đến. Cuối những năm 1790, Pitt lại suy nghĩ hoàn toàn khác, ít nhất là đối với những vấn đề trước mắt. Ông tăng khoản thu từ thuế để kiểm soát nợ quốc gia. Ông cần phải chiếm được niềm tin của dân chúng đối với hệ thống Quỹ chìm của mình để bảo vệ tín dụng nhà nước và tín dụng tư nhân. Hy vọng cuộc chiến tranh sẽ sớm kết thúc, Pitt đồng ý cấp chi phí chiến tranh thông qua các khoản tiền cho vay từ năm 1793-1797, thông thường là tăng thu nhập từ các khoản thế mới bằng các biện pháp truyền thống, đánh thuế gián tiếp đối với lợi tức dịch vụ và Quỹ chìm để thanh toán khoản vay nợ mới. Tuy nhiên, năm 1797, Pitt phải đối mặt với một cuộc chiến tranh kéo dài và nợ quốc gia không ngừng tăng cao. Ở thời điểm đó, tiền cho vay nợ chỉ có thể có được bằng việc đưa ra cổ phiếu với tỷ lệ chiết khấu cao. Khoản tiền cho vay năm 1797 gấp đôi tổng lợi tức cổ phiếu dự định tăng. Do đó, với mức lợi tức thực quá cao và các khoản nợ thì tăng vùn vụt, cuối cùng Pitt chuyển hướng bằng cách tăng càng nhiều càng tốt các nguồn thu từ thuế trong mỗi năm nhằm giảm nợ xuống

mức cần thiết. Điều này đã khiến ông phải bất chấp dư luận để tăng việc đánh thuế trực tiếp.

Trong phiên họp Nghị viện năm 1797-1798, Pitt đã lựa chọn số tiền thuế định mức phải trả như là một mốc tài sản cá nhân và tăng mức thuế này hơn so với trước. Pitt đã nói với Canning rằng giá trị của phương sách này là ở chỗ, nó là một phương pháp dung hòa, nằm giữa hệ thống cũ đã được kiểm nghiệm nhiều năm và hệ thống mới mà ông tin rằng không thể kiểm nghiệm mức độ ảnh hưởng lớn của nó nếu hoàn cảnh không yêu cầu. Pitt tiếp tục phương sách này trong năm 1798 với kế hoạch cho phép những người trả thuế đất mua cổ phiếu của nợ quốc gia trong năm năm, lợi tức từ cổ phiếu này sẽ đủ để thay thế lệ phí đất của họ, trong khi đó tiền nợ sẽ được giảm đi. Tuy nhiên, phương pháp tạm thời này chỉ thành công một phần và trong phiên họp Nghị viện năm 1798-1799, Pitt đưa ra đề xuất gây tiếng vang: đánh thuế trực tiếp vào thu nhập, kết thúc bước chuyển sang nguyên tắc mà Pitt đã phát biểu trước Viện Bình dân tháng 11/1797, “một nguyên tắc mới trong các hoạt động tài chính của đất nước, ít nhất là trong hơn một thế kỷ”. Bằng cách này, Pitt hy vọng sẽ giữ được niềm tin của dân chúng đối với tài chính quốc gia. Pitt tính toán rằng nếu tiếp tục thu những loại thuế mới trong thời gian cần thiết sau chiến tranh, nợ quốc gia sẽ được chi trả hết trong 33 năm hòa bình.

Chiến tranh đã khiến Pitt có sự cải cách tài chính quan trọng. Nó cũng giúp ông có những cải tổ hiến pháp khi cuộc nổi loạn ở Ireland năm 1798 cuối cùng đã chứng minh cho ông thấy là cần thiết phải tiến tới một Liên minh chính trị với Ireland. Lâu nay Pitt vẫn tin tưởng rằng Liên minh là giải pháp chắc chắn nhất trong mối quan hệ đối với vương quốc này, nhưng chỉ đến khi đó ông mới thấy suy nghĩ của mình là đúng. Chiến tranh không làm mong muốn cải tổ của Pitt bị tiêu tan. Thay vào đó, nó đã kích thích ông có những ý tưởng mới đối với các vấn đề quản lý trong chiến tranh, dẫn đến những thay đổi trong hệ thống tài chính quốc gia và bộ máy quan liêu của nhà nước (bằng việc bổ nhiệm những chức vụ mới cho Bộ Chiến tranh, Sở Ngoại kiều và Ủy ban Vận tải) cùng những thay đổi trong mối quan hệ giữa Anh với Ireland. Nếu những hạn chế cá nhân của Pitt là ông đã không làm được gì nhiều trong thời gian đầu đảm nhận cương vị (theo quan điểm của những người quá khích đương thời và các nhà bình luận sau này), thì dù sao, cả trong những gì ông đã nỗ lực lẫn những gì ông đạt được, ông vẫn là một Thủ tướng cải cách nhiều nhất của thế kỷ XVIII.

CHƯƠNG 5. Pitt và Viện Bình dân

“TÔI MUỐN DIỄN THUYẾT TRƯỚC VIỆN BÌNH DÂN”

Một yếu tố quan trọng tạo khả năng để Pitt trở thành một Thủ tướng đảm trách chức vị lâu đến vậy chính là ưu thế mà ông đã đạt được ở Viện Bình dân. Ông đã sớm nhận thấy ý nghĩa của Viện Bình dân đối với sự nghiệp chính trị của mình. Thầy giáo của ông nhớ lại, năm 1766 (khi Pitt mới lên bảy tuổi), ông đã nói: “Em rất vui vì em không phải là đứa con lớn nhất trong nhà; em muốn diễn thuyết trước Viện Bình dân giống như cha”. Trong chuyến du lịch nước Pháp năm 1783, Pitt nói với một chủ nhà người Pháp: “Một phần trong hiến pháp của chúng tôi sẽ bị loại bỏ đầu tiên chính là đặc quyền của Vua Anh và thẩm quyền của Viện Quý tộc”. Năm 1791, khi thảo luận về hiến pháp mới cho Quebec, Pitt phát biểu trước Viện Bình dân rằng “tầng lớp quý tộc là sợi dây liên kết tất cả các tầng lớp với nhau và là tầng lớp tạo sự ổn định và sức mạnh cho khối liên kết đó”. Tuy vậy, ông cũng thấy được vai trò thụ động của tầng lớp này là phản ánh “vinh quang của Vua Anh”, “hỗ trợ và thực hiện nền dân chủ”. Vua Anh đưa ra quyền lực và chức vị, nhưng Pitt quả quyết chỉ có “nền dân chủ” mới là yếu tố tiếp thêm sinh lực và năng lượng cho cả quyền lực và chức vị. Pitt vẫn tiếp tục ở Viện Bình dân trong suốt thời trai trẻ. Năm 1802, ông khuyên Castereagh, người theo phe ông đang thăng tiến rất nhanh, ở lại Viện Bình dân, nơi mà ông cho là “một chiến trường cho những danh vọng trong tương lai”.

Không một chính trị gia nào có thể lãnh đạo Viện Bình dân mà không có khả năng diễn thuyết, và đây cũng là tài sản lớn nhất của Pitt khi bước chân vào Nghị viện. Horace Walpole, người đã được nghe Chatham diễn thuyết trong thời điểm vinh quang nhất, nhận định: “Pitt không có tài chỉ huy, cũng không có diện mạo và dáng vẻ oai nghiêm như cha, nhưng lời nói của Pitt thì rõ ràng và chính xác hơn, phương pháp và cách thức suy luận của Pitt cũng hơn hẳn cha”. Nhiều lúc, Pitt có thể đạt đến đỉnh cao về tài hùng biện. Trên đường về nhà sau bài diễn thuyết chống buôn bán nô lệ ngày 2/4/1792, Fox, Windham và Grey – các đối thủ của ông – đều phải thừa nhận “bài diễn thuyết mà họ vừa nghe là một trong những bài thể hiện tài hùng biện kiệt xuất nhất”. Đặc biệt, Pitt hơn hẳn cha mình về khả năng giải thích các vấn đề tài chính trước Viện Bình dân và khả năng tham gia tranh luận hiểm có.

Một trong những nhiệm vụ chính của Thủ tướng và Bộ trưởng Tài chính là đưa ra những vấn đề tài chính của chính phủ để thông qua trước Nghị viện cũng như khả năng giải thích minh bạch các vấn đề tài chính – công cụ chủ yếu để thuyết phục Nghị viện và tạo niềm tin trong dân chúng đối với Bộ. North là người có khả năng đặc biệt giải trình các vấn đề tài chính rất thành thạo, rõ ràng và minh bạch, nhưng Wraxall – người đã được nghe cả Pitt và North giải trình ngân quỹ, khẳng định: “North không thể sánh được với Pitt sau này”. Năm 1784, khả năng giải trình ngân sách của Pitt “phong phú, chính xác và tài giỏi đến nỗi khiến nhiều người phải ngưỡng mộ”. Trong phiên họp tiếp sau đó, quý bà Gower đã không ngớt lời ca ngợi: “Ngài Pitt đã chiếm được trọn niềm tin của mọi người chỉ bằng hai hoặc ba bài diễn thuyết gần đây... thể hiện một vốn kiến thức quá hoàn hảo về thương mại, tài chính và chính phủ đến nỗi người ta có cảm giác đang được nghe một người có vốn kinh nghiệm 50 năm về những vấn đề này”.

Những bài diễn thuyết của Pitt rất có sức nặng. Ông không hề viết ra trước. Thay vào đó, Pitt tận dụng khả năng thẩm thấu và lưu giữ thông tin của mình. Ông chỉ ghi chép một số tiêu đề của các vấn đề diễn thuyết. Năm 1786, trong ngày giới thiệu những đề nghị về Quỹ chìm, Pitt đã xem xét kỹ lưỡng các chi tiết tài chính vào buổi sáng, sau đó hình thành kế hoạch diễn thuyết trong đầu khi đi dạo 15 phút ở công viên trước bữa tối khi chuẩn bị đến Viện Bình dân. Khả năng trình bày bao quát những vấn đề tài chính của ông đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với người nghe, tạo ấn tượng tốt đẹp về một người có vốn kiến thức sâu rộng. Trong khoảng thời gian rất ngắn, ở Viện Bình dân, Pitt đã trở thành một bậc thầy về các vấn đề tài chính mà không ai có thể sánh kịp.

Năm 1796, một nghị sĩ theo phe Fox, John Nicholls, phải thừa nhận Pitt là “người có tài tranh luận kiệt xuất hơn hẳn những thành viên trong Nghị viện hiện nay”. Sự kiệt xuất đó không tự nhiên mà có. Pitt đã vào Viện Bình dân với đức tính siêng năng. Phong cách của ông trái ngược hẳn với North, người tiền nhiệm biếng trễ và dễ dãi, thường ngủ hoặc giả vờ ngủ trong các buổi thảo luận. Pretymann ghi nhận: “Pitt thường rất chú ý tới tiến trình của buổi thảo luận, nghe chăm chú từng người nói, nhớ kỹ lời dẫn dắt của người cha nổi tiếng rằng có thể học được một điều gì đó ngay từ câu nói của một người ngờ nghệch nhất chưa bao giờ phát biểu trước Viện Bình dân”. Ông ghi chép tóm tắt để tranh luận lại, và bộ nhớ phi thường của ông bắt đầu hoạt động. Nicholls thừa nhận:

Pitt sắp xếp vấn đề chuyên nghiệp như là đã được xem xét rất cẩn thận. Ông có nghệ thuật đưa ra câu trả lời trước những điểm tranh luận chính của đối thủ hết sức tài tình, mỗi câu trả lời đều có một vị trí thích hợp, do vậy nó mang lại hiệu quả rất lớn. Pitt dường như hiểu rất rõ và nắm bắt kỹ càng tất cả các vấn đề của mỗi buổi thảo luận, rất ít khi phớt lờ số mệnh; những lời phát biểu tranh luận của ông có sức mạnh không thay đổi. Xét về sự am hiểu, Pitt cũng nhanh như Fox; xét về sự sáng tạo của những tranh luận ngắn thì nó không quá phong phú, nhưng sự hăng hái mà ông duy trì liên tục trong những tranh luận của mình thì không một nỗ lực nào của đối thủ có thể sánh kịp.

Công tước Bedford, một đối thủ của Pitt, giải thích với quý bà Bessborough:

Nếu tôi có thể hình dung về một người có ngôn ngữ hùng biện rõ ràng nhất, chính xác nhất, sinh động nhất với giọng nói nghe êm tai nhất và cách thức sôi nổi nhất, có thể đánh vào những điểm yếu nhất của đối thủ tranh luận thì đó chính là ngài Pitt. Bài diễn thuyết của Pitt là bài có sức cuốn hút nhất. Ngài Pitt là một người có vóc dáng hết sức bình thường, nhưng đến cuối bài diễn thuyết, Pitt đẹp đến lạ thường.

Tất cả mọi người đều công nhận những bài diễn thuyết của Pitt “có sức nặng (có nghĩa là đưa ra tranh luận mạnh mẽ trong suốt bài diễn thuyết, không hề có sai sót gì)” và trôi chảy đến ngạc nhiên: “không có từ nào ông nói áp úng”; “trong cách diễn đạt, Pitt không bao giờ phải quay ngược lại để đính chính, ông nói không bao giờ ngưng nghỉ”; “mỗi câu Pitt thốt ra chuyên nghiệp và chính xác đến nỗi cứ như là nó đã được hình thành trong đầu ông trước khi nói ra, khác hẳn với Fox vẫn thường ngừng giữa câu và tìm cách diễn đạt tiếp theo”. Fox cũng tự thừa nhận “mặc dù ông không bao giờ phải tìm từ để nói, nhưng Pitt cũng không bao giờ nói mà không có những từ hay nhất có thể”. Pitt cho

rằng ông có được cách diễn đạt trôi chảy là nhờ cha huấn luyện từ khi còn rất nhỏ: “Vào buổi sáng, Pitt có thói quen đọc những tác giả mà ông yêu thích, Virgil hoặc Livy, cho thầy Wilson nghe. Tối đến, sau khi dùng trà, với cuốn sách trước mặt, ông kể lại trôi chảy đoạn đó cho cha và những người khác trong gia đình nghe”. Chatham thường chỉ dẫn cho con dừng lại “khi Pitt không chắc chắn dừng đúng từ được sử dụng trong tiếng Anh, cho đến khi từ chuẩn được hình thành trong đầu mới bắt đầu kể tiếp”, và bằng cách này, trong một khoảng thời gian, những từ chuẩn sẽ đến với Pitt hết sức tự nhiên. Khả năng diễn thuyết rõ ràng, nổi bật và gây ấn tượng trước công chúng cùng giọng nói “sâu lắng và âm vang” mà Pitt có được là nhờ những buổi huấn luyện hằng ngày của cha, như việc đọc thuộc lòng những đoạn thơ hay nhất bằng tiếng Anh của Shakespeare và Milton.

Pitt “không hề có đối thủ trong việc chuẩn bị và nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng”, nhưng trong ông cũng có hơi hướng của một tay súng trên đường phố khiến các đối thủ mất bình tĩnh, và đôi khi cả những người ủng hộ ông cũng phải bối rối khi thấy ông công kích đối thủ yếu thế hơn. Theo Horner: “Mọi người đều cho rằng những lời châm chọc lạnh lùng, chua cay đó là tài năng thiên bẩm của ông”, nhưng Windham đã phản đối: “Pitt không chọn con đường cao quý phù hợp với cương vị Thủ tướng của ông, bởi ông đã vượt quá xa tất cả mọi người; những lời châm chọc sắc sảo, gay gắt và chua cay thật không xứng với ông. Một Bộ trưởng đáng ra phải luôn có xu hướng hòa giải; sự công kích, thăm dò và thóa mạ là của những kẻ tấn công”. Tuy nhiên, đó không phải là cách Pitt tiến hành cuộc chơi, ông cũng không bao giờ rút lại những lời nói xúc phạm một khi nó đã được nói ra. Những lời bình luận chua cay đó cũng đã gây ra cuộc đấu súng tay đôi với Grey và Tierney (cuộc đấu súng với Tierney được thực hiện năm 1798 nhưng không thành). Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi tại sao nhiều nghị sĩ lại kính sợ ông đến vậy.

NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT QUẢN LÝ NGHỊ VIỆN

Hầu hết các nghị sĩ đều sợ Pitt hơn là yêu mến ông. Là một người từng lãnh đạo cả chính phủ lẫn Viện Bình dân gần 19 năm và nắm giữ chức vụ này lâu thứ hai trong lịch sử nước Anh, Pitt có một phong cách quản lý rất đặc biệt, “có một không hai” đối với một Thủ tướng rất thành công ở thế kỷ XVIII, trong đó, ông không hề coi trọng những thành viên của Nghị viện không giữ trọng trách trong chính phủ hay các nhà bảo trợ của thành phố như những người tiền nhiệm vẫn làm. Người bạn Camden luôn than phiền về “sự thiếu quan tâm của ông” đối với những người ủng hộ. Wraxall đã mô tả như sau:

Ngay từ khi bước vào con đường chính trị của Hạ nghị viện, Pitt bước lên phát biểu rất nhanh và dứt khoát, đầu ngược thẳng, không ngoảnh ra sau, cũng không nhìn sang bên phải hoặc bên trái, không gật đầu chào hay liếc nhìn những người ngồi bên cạnh, trong số đó có cả những người kiếm được 5.000 bảng mỗi năm sẽ rất hài lòng nếu được nhận một dấu hiệu chú ý dù là thoáng qua của ông.

Hình ảnh này đã được rất nhiều người thừa nhận, như nghị sĩ Nathaniel Dance thường phàn nàn rằng “Pitt hầu như không chào đáp lại ai”. Năm 1785, nghị sĩ Daniel Pulteney kể lại rằng ông nghe thấy các thành viên phàn nàn “họ sẽ không bao giờ ủng hộ bất kỳ một bộ trưởng nào mà hai tuần trước sự kiện mang tính sống còn của người đó không mời họ một bữa tối, ít nhất là vào thời điểm đó. Xét

về góc độ này thì Pitt đáng bị chê trách nhất”. Năm 1788, Pitt gặp rắc rối trong việc bảo vệ lợi ích của Công ty Đông Ấn ở Nghị viện, Bulkeley nghe thấy những lời nói như “chỉ một vài chai vang đỏ và hai hoặc ba bữa tối” thì các vấn đề có thể được giải quyết, nhưng Pitt và những nhà quản lý chính trị của ông, các Bộ trưởng Tài chính Rose và Steele, đã không để ý đến điều đó.

Tuy nhiên, điều khiến mọi người phàn nàn nhiều nhất về Bộ trưởng Pitt lại là việc ông không trả lời thư từ của họ. Điều này có nguy cơ làm tổn hại đến mạng lưới khách hàng mà hệ thống chính trị Anh đang điều khiển. Năm 1791, Công tước Hamilton đã lên án rằng cung cách đối xử như vậy sẽ khiến Pitt “có quan điểm rất kỳ quặc đối với những người ép tôi phải cần đến sự tôn kính của họ, và những người coi tôi như một kênh mà qua đó sự kính trọng sẽ đến”. Trong khi đó, Bulkeley cho rằng hành động không trả lời thư của Pitt là “không hào hiệp và không tử tế”, đồng thời bổ sung: “Pitt cần phải biết liệu sự lơ đãng của cá nhân ông như vậy có thể bảo đảm duy trì được nhiệt huyết và hành động vì lợi ích của ông trước những người có ảnh hưởng lớn ở các tỉnh và thành phố hay không”. Bulkeley cho rằng Pitt còn gặp nguy hiểm hơn vì sự thiếu quan tâm trong suốt cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính những năm 1788-1789. Một nghị sĩ thường xuyên than phiền mình không bao giờ nhận được thư trả lời của Pitt từ khi ông lên nắm quyền, khẳng định “cử tri sẽ không tin tưởng vào sự ân cần của các thành viên Nghị viện khi họ không nhận được thư trả lời thật sự hoặc chỉ mang tính hình thức”. Năm 1796, trong “cơn nóng giận”, Richard Cotton, nghị sĩ của tỉnh Cheshire, đã từ bỏ ghế nghị sĩ của mình sau khi ba đơn xin việc cho một người bạn làm thu thuế viên ở Nantwich không được trả lời. Trong khi đó, Camden cũng chỉ trích Pitt đã để Darnley bức tức từ bỏ Đảng vào năm 1804 do ông không trả lời hai bức thư của Darnley.

Những “lơ là cá nhân” này bắt nguồn từ khối lượng công việc mà Pitt đảm nhiệm, từ thái độ của ông đối với Đảng và từ sự dè dặt của một lãnh đạo trẻ trước những người lớn tuổi hơn. Wilberforce cho rằng Pitt “là người hay xấu hổ nhất mà tôi từng gặp”. Để bắt đầu mối quan hệ với Pitt thật không dễ dàng, đặc biệt là đối với những người luôn kính sợ những thành tựu mà ông đạt được. Cuối năm 1781, Jeremy Bentham gặp Pitt và ghi nhận:

Trong cuộc nói chuyện với Pitt, tôi thấy chẳng có nét nào mang dáng dấp của một nhà hùng biện, cũng không có thái độ ngạo mạn như ai đó vẫn tưởng, mà ngược lại, ông rất đôn hậu và có một chút gì đó non nớt. Tôi từng rất sợ ông, nhưng khi tôi nói chuyện với ông, ông cứ như là sợ tôi vậy.

Wilberforce cho rằng tính xấu hổ, thậm chí lúng túng, vụng về của Pitt đã khiến mọi người hiểu sai ông là người kiêu căng, không cởi mở. Ở khía cạnh này, Pitt không được trang bị nhiều như những người tiền nhiệm thành công trước đó. Những người đương thời đều khẳng định ông nhận chức vị Thủ tướng khi còn quá trẻ, chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về thế giới và sau này ông cũng không có thời gian để lĩnh hội được lượng kiến thức này. Ông thiếu phong cách lịch sự của Walpole, nét cẩn thận chất phác của Pelham, không có tính niềm nở dễ dãi của North. Những câu chuyện của Pitt rất hạn chế bởi ông không có khiếu thẩm mỹ âm nhạc, không có con mắt hội họa, cũng không được đọc nhiều tác phẩm văn học và thơ ca hiện đại. Ông có một thói quen ngày càng trầm trọng đó là ông thường không muốn quan tâm đến những vấn đề gây khó chịu. Tất cả những điều này kết hợp lại càng gây khó khăn cho ông trong việc giải quyết các vấn đề về quyền bổ nhiệm, vốn đòi hỏi nguồn chi phí rất lớn và ông rất cần để xoa dịu những cảm xúc cá nhân. Trì hoãn quyết định, tránh trả lời thư là những lựa chọn

luôn sẵn sàng của ông. Không gì có thể khiến ông dễ nổi cáu bằng “những sắp xếp chính trị” – Camden đánh giá.

Sự thật rõ ràng hơn được James Burges nhận định trong bài “Những khả năng không phù hợp với cương vị là lãnh đạo một đảng của Pitt”. Sau này, Leed cũng đã so sánh Pitt và Fox, viết:

Không còn nghi ngờ gì, Fox là nhà lãnh đạo tốt nhất của một đảng trong ký ức của bất kỳ người nào và lưu danh trong lịch sử của đất nước... Fox đã sống cùng, cũng như sống bằng những người thân thuộc với ông, ông thường xuyên chú ý tới tính kỷ luật, thậm chí quan tâm đến những chi tiết vụn vặt nhất của nhóm mà ông chỉ huy, không một lợi ích nào của nhóm mà ông không quan tâm đến.

Kết quả là, những người thuộc phe đối lập được rèn luyện tốt hơn và tụ tập đông hơn cho những chiến dịch tích cực so với những người ủng hộ Bộ.

Pitt không tin tưởng vào loại hình đảng hiện thời. Ông thường cho mình là “thành viên Đảng Whig độc lập”. Đối với ông, “đảng viên Đảng Whig” luôn gắn chặt với “những nguyên tắc tự do mà cuộc cách mạng năm 1688 lập nên”, chứ không phải là thành viên của một nền chính trị có kỷ luật và theo khuôn khổ nào. Cha ông đã lập nên tự do từ sự liên kết đảng “Old Corps” của những nhân vật quan trọng trong dòng dõi quý tộc, và Pitt cũng thực hiện như vậy. Những đề nghị cải tổ Nghị viện của ông theo hướng là để Viện Bình dân không bị lệ thuộc nhiều vào ảnh hưởng của Vua Anh, nhưng nó cũng khiến Viện Bình dân độc lập hơn với sự chi phối của Đảng nhờ việc tăng các ghế có khu vực bầu cử rộng nhất và giảm bớt ảnh hưởng hoặc số các thành phố “mực nát” đặt dưới sự cai trị của những nhà bảo trợ lớn thuộc tầng lớp quý tộc. Pitt không bao giờ có ý định thành lập đảng của riêng mình. Một phân tích năm 1788 cho thấy, sau bốn năm rưỡi nắm quyền, “số người theo đảng của Pitt là 52, trong số đó có trên 20 người sẽ không được bầu vào Nghị viện trong đợt bầu cử nếu Pitt không là Thủ tướng”. Mãi đến cuộc bầu cử năm 1802 thì điều này mới được kiểm nghiệm. Thời gian này Pitt giành được số người ủng hộ là 57, nhưng con số này còn quá ít để có thể đảm bảo được đa số phiếu ủng hộ của Viện Bình dân nếu không có sự hỗ trợ tiếp theo.

Pitt không muốn mọi người mù quáng tuân theo cá nhân ông. Ông nói với một người trong số họ, George Canning:

Đặc biệt đối với những vấn đề phải suy đoán, thì đương nhiên mỗi người đều có ý tưởng riêng, và rất có thể, hai người bất kỳ sẽ có hai quan điểm hoàn toàn trái ngược nhau. Một ý tưởng tốt chung nhất đối với chính phủ là ý tưởng mà họ mong chờ ở tôi.

Năm 1788, Wilberforce – bạn ông, người thường xuyên phản đối các biện pháp tiến hành cuộc chiến tranh của Pitt những năm 1790 và là người có ảnh hưởng rất lớn đối với thất bại của Pitt trước Melville năm 1805 – ghi nhận:

Rõ ràng một nguyên tắc đã được thiết lập, tất cả mọi người đều được biểu quyết cùng lãnh đạo

của mình, dù họ ủng hộ hay phản đối Bộ, thì Bộ trưởng cũng không phải là người được quyền yêu cầu các thành viên chính phủ cấp dưới biểu quyết, trừ phi đó là các vấn đề chính trị.

Một vấn đề chính trị cơ bản mà Pitt luôn đòi hỏi tất cả các thành viên của chính phủ phải trả lời trung thực: “Vấn đề nào đang được tranh cãi, niềm tin vào Bộ hay sự ổn định của Bộ?” Do đó, sau khi giải quyết thành công cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, nhiều người bỏ rơi ông trong những thời điểm cần thiết đã bị khai trừ. John Aubrey và Robert Laurie đã phải rời chức vụ, trong khi đó đại tá Alexander Stewart, người thỉnh cầu thăng chức, đã bị Dundas nói chua cay: “Nếu sự ủng hộ chính trị là nền tảng để đề bạt quân sự, thì những việc như thế đáng ra phải có những đòi hỏi khác chính đáng hơn đòi hỏi của anh”. Khi John Sinclair phản đối chính phủ trong suốt cuộc Khủng hoảng tài chính năm 1797, Pitt đã vận động ông ta rời khỏi chức Bộ trưởng Nông nghiệp do chính phủ bảo trợ vào năm sau.

Tuy nhiên, đối với hầu hết các vấn đề của Nghị viện, Pitt cho phép biểu quyết tự do. Có lẽ đây là cách thiết thực duy nhất mà ông có thể gắn kết liên minh đa thành phần giữa những người ủng hộ Vua Anh và nhiều thành phần chống đối trong Liên minh Fox North. Tuy vậy, do thiếu đường lối thiết lập đảng rõ ràng và được nhất trí, thực thi trước nên những người ủng hộ thường hành động không theo ý định của ông. Việc Pitt xa cách những thành viên bình thường có nguy cơ trở thành một hố sâu ngăn cách sự hiểu biết lẫn nhau giữa họ, dẫn đến việc họ không hài lòng, thoái chí và cuối cùng là bất hòa. Những lá thư của Pulteney, một thành viên của Nghị viện nhưng không giữ trọng trách trong chính phủ, viết cho người bảo trợ của mình là Rutland đã chỉ ra một số lý do Beaufoy kiến nghị bãi bỏ các Dự luật Thử nghiệm năm 1787, khi Pitt đã để cho mọi người biết trước rằng ông muốn dự luật đó bị đánh bại ở Viện Bình dân. Dân chúng biết trước từ tháng 4/1785, nhưng Pulteney vẫn không biết chắc chắn liệu Pitt sẽ “bị gây khó khăn hay mọi người thích thú với hệ thống cải cách Nghị viện của Yorkshire”. Chỉ sau khi dự luật của Pitt bị đánh bại và họ gặp nhau ở công viên, Pulteney mới nhận thấy “Pitt trông thật suy sụp cứ như là ông phải chịu thất bại của một Bộ trưởng”. Năm tuần sau, Pulteney giải thích với người bảo trợ về vấn đề của mình khi biết hướng nào sẽ được chấp nhận đối với các điều khoản thương mại Ireland, rằng “tôi chẳng thấy được gì ngoài khó khăn rất lớn mà Pitt sẽ gặp phải khi lần đầu ông đưa ra bất kỳ một điều khoản nào, những gì ông vẫn thường làm là chờ đợi thái độ của Eden hoặc của Fox về vấn đề đó”.

Tất nhiên, việc Pitt không có khả năng liên kết với những người bình thường này đã làm nản lòng những người ủng hộ trong thời điểm cần đàm phán liên kết với một số bộ phận của phe đối lập. Trong khi đó, năm 1794, Portland đã tham khảo ý kiến những đồng sự thân cận nhất về việc đàm phán tham gia chính phủ, Pitt giải quyết mọi việc theo hướng của mình. Những gì mà ông thực hiện, đặc biệt là những chức vị và bổng lộc mà ông đề xuất nhằm thuyết phục người theo Đảng Whig của Portland, đã khiến những người ủng hộ Pitt phải choáng váng. Canning kể lại rằng “rất nhiều, rất nhiều, đặc biệt là những người bạn của Pitt đều phàn nàn về sự phân bổ quyền lực quá nhiều cho những người mới đến, hoặc họ đều lắc đầu và mong muốn cuối cùng sẽ có sự giải đáp”.

Sự im lặng liên tục của Pitt đối với những người cùng phe trước đây, cùng với việc những người theo Đảng Whig của Portland đòi hỏi phải kiểm soát Ireland và sau đó bắt đầu thanh lọc đội ngũ bộ trưởng ở Dublin, Ireland đã dẫn đến một cuộc khủng hoảng niềm tin thật sự đầu năm 1795. Tháng 12/1794, Auckland bị quan viết rằng Nội các được hình thành từ nhiều nhân vật bất hòa, phải chịu nhiều khó khăn bên trong và đánh mất niềm tin bên ngoài. “Đó cũng không phải là bộ mang hình thái của Bộ Rockingham, cũng không phải là Bộ của Pitt hay Bộ của những người bạn Vua Anh, nó là tổng

hợp của tất cả”. Cuối cùng, khi nghe tin về việc cách chức Fitzwilliam từ Ireland, John Mitford, Toàn quyền của Pitt, cảm thấy buộc phải nhắc nhở Pitt về việc ông thường xuyên nghe thấy “hầu hết mọi người đều bất mãn với cách thức của các bộ trưởng, đặc biệt là đối với anh. Hiện trạng vẫn đề làm sai lệch ý nghĩ của những người bạn tốt nhất của anh trong chính phủ”. Ba tuần sau, ông cho rằng “sự bất mãn đó là do sự thiếu quan tâm mà ở đó tôi tin tưởng hầu hết bạn bè đều quan tâm tới tình trạng thực của anh, ý định của anh, và sự không kiên tâm có thể thấy rất rõ ở họ. Cách cư xử gần đây của anh đã biến một số bạn bè nhiệt tình thành những người lạnh nhạt, hoặc trở thành kẻ thù gay gắt”. Cần nhớ lại trường hợp của Fitzwilliam, nhớ đến những biện pháp chống quan điểm cực đoan mạnh mẽ mùa thu năm 1795 và sự đồng loạt từ bỏ nguyên tắc quân chủ Pháp của những người theo Đảng Whig của Portland trong chiến tranh, trước khi khôi phục được niềm tin trong số những người ủng hộ trước đây của Pitt.

Về vấn đề này, Nội các thứ hai của Pitt có khác chút ít so với Nội các thứ nhất. Ngày 28/3/1805, Charles Abbot, phát ngôn viên của Viện Bình dân, ghi nhận rằng vẫn chưa hề có một tuyên bố nào từ phía Pitt về vấn đề ông sẽ tiếp tục báo cáo thứ 10 của Ủy ban Điều tra Hải quân chỉ trích Bộ trưởng Hải quân và là người bạn cũ của ông, Melville (Dundas). Những người còn lại trong Nội các đều không biết đến những gì Pitt dự kiến. Ở Viện Bình dân, “trong số những người ủng hộ chính phủ, rất nhiều người tỏ rõ sự bất bình”. Mỗi liên hệ đáng ngạc nhiên với phe của Addington vào tháng 12 năm trước đã khiến nhiều người phản đối, thậm chí cả những người thân cận nhất với Pitt là Camden và Tomline, hay những ông chủ có ảnh hưởng lớn nhất trong thành phố là Stafford, William Lowther và Lonsdale cùng nhiều nghị sĩ khác cũng bỏ đảng để phản đối.

Hậu quả lớn nhất của những vết nứt trong mối quan hệ này đã được Pulteney giải thích như sau:

Do không có sự giao thiệp trực tiếp với phần đông trong Viện Bình dân, Pitt gần như bỏ qua ý kiến của họ về những vấn đề cụ thể, cứ như ông đang là Bộ trưởng của một nước khác... Cuộc sống và sự giao thiệp của ông chỉ bó gọn trong một vòng rất nhỏ và hành động của ông chỉ dựa trên những nguyên tắc trừu tượng. Những điều đó khiến ông khi gặp khó khăn sẽ không thể không cần đến những thông tin bao quát hơn.

Những thất bại đầu tiên của Pitt trên cương vị lãnh đạo là thất bại trong cách quản lý. Ông đã đánh giá quá thấp phản ứng của các nghị sĩ khi phản đối thuế đánh vào than và vải sợi trong ngân sách năm 1781, loại thuế mà cuối cùng ông đã phải hủy bỏ hoặc sửa đổi. Khi cố gắng làm mất đi cơ sở quyền lực khá nổi tiếng của Fox, ông đã bám sát việc kiểm soát phiếu trong cuộc bầu cử năm 1784 ở Westminster, khiến các nghị sĩ mất kiên trì và tinh thần chơi đẹp. Họ đã chống lại ông trong tháng 3/1785 và trở về với Fox. Một tháng sau, một lần nữa Pitt lại bị tấn công, lần này là về vấn đề cải tổ Nghị viện, cơ bản là do những thành kiến của Nghị viện, sự phán xét của một số lượng nhỏ những thỉnh nguyện thư ủng hộ, quan điểm của đất nước đã chống lại việc cải tổ, nhưng ngoài ra còn vì sự xa cách đối với những nghị sĩ bình thường đã ngăn cản ông chia sẻ những cam kết thật sự của mình đối với vấn đề này.

Những vấn đề trên đây dường như đã khiến ông mất tự tin trong vấn đề quan trọng nhất của Nghị viện tại phiên họp năm 1785, đó là việc đưa các đề xuất thương mại ở Ireland ra trước Viện Bình dân. Pulteney chỉ trích: “Cách chỉ đạo của Pitt đã chứng tỏ một điều, ông chỉ có thể là một bộ trưởng với

một Nghị viện độc lập, và tất cả những gì họ đưa ra để chứng tỏ sự độc lập của họ đã làm Pitt giật mình đến hoảng hốt khi một lúc nào đó, ông phải đưa các vấn đề ra trước họ với hy vọng nhận được đa số phiếu ủng hộ quyết định của mình”. Thất bại trong việc đẩy nhanh các đề xuất thương mại ở Ireland mà Pitt đưa ra đã khiến phe đối lập có nhiều thời gian kích động phong trào chống đối đề xuất. Sau đó, chính Pitt phải nhượng bộ và sửa đổi kế hoạch mà cuối cùng vẫn bị Nghị viện Ireland từ chối. Thất bại đáng nói cuối cùng là chương trình củng cố công sự của Bá tước Richmond. Đây thật sự là vấn đề đánh trực tiếp vào Richmond không mấy được lòng dân chúng và làm Chủ tịch Viện Bình dân Pitt mất đi một lá phiếu bầu. Tuy nhiên, nó chứng tỏ rằng vẫn chưa có một kỷ cương chặt chẽ trong hàng ngũ bộ trưởng khi các nghị sĩ thuộc Bộ Hải quân bỏ phiếu chống lại chương trình này. Pitt phải nhận được sự ủng hộ tích cực của tất cả các thành viên trong chính phủ đối với một biện pháp nào đó của chính phủ, như vậy ông mới có thể bảo toàn được đa số phiếu ủng hộ cần thiết.

Chuỗi những thất bại này làm lung lay niềm tin của dân chúng đối với chính phủ của Pitt. Tháng 1/1786, Orde, Bộ trưởng ở Ireland và người bạn cũ của mình là Shelburne (lúc này là Hầu tước Lansdowne) có cùng quan điểm rằng “đó thật sự là phiên họp Nghị viện thử nghiệm đối với Pitt, và Pitt sẽ bị dao động hoặc sự kiên định của ông được khẳng định”. Thiếu những cấp dưới có khả năng và không chú ý nhiều đến soạn thảo các dự luật là những điểm yếu kém của Pitt, tuy nhiên, phong cách quản lý cũng được xem là một yếu tố quyết định. Sau 9 tháng lên nắm quyền trong Bộ, nhà quản lý chính trị lão luyện John Robinson đã cảnh báo Pitt rằng “những khả năng vĩ đại mà đứng một mình, thậm chí đó là những khả năng vĩ đại nhất cũng chỉ khiến mọi người hoặc người Anh bị dòn vào thế bất buộc, nhưng chính sự khôn khéo, điềm tĩnh và cách quản lý mới thật sự kêu gọi sự ủng hộ của họ”. Chín tháng sau, Pulteney cho rằng:

Kế hoạch trước đây của North và của Liên minh sau này là phân chia lợi nhuận của một Bộ ra thành nhiều phần cho những thành viên trung thành nhất của họ cũng là những kế hoạch được đánh giá tốt trong thời hiện đại... Nếu ngài Pitt có thể thuyết phục Viện Bình dân bỏ ra thời gian và vận may để ủng hộ một Bộ trưởng độc lập cùng khoản thu nhập 8.000 bảng mỗi năm, thì ông ngay lập tức có thể được đặt ngang hàng với hai nhà hùng biện nổi tiếng của Hy Lạp là Demosthenes và Cicero.

Pulteney tự động viên mình rằng “bản chất ghê tởm của Liên minh North-Fox dù sao vẫn bảo vệ chúng ta” và bảo vệ cả những người khác, trong đó có cả Fox và coi sự thù địch đối với phe đối lập đã bảo vệ được Pitt trong giai đoạn đầy khó khăn này. Tuy nhiên, sự kiện năm 1786 đã chuyển từ “thử thách” sang chiến thắng nhờ những đề xuất về Quỹ chìm của Pitt. Ông thậm chí còn thông qua được thuế đánh vào rượu mà chính ông cũng rất tự hào chỉ cho Rutland thấy rằng “ông đã đánh bại hoàn toàn ngài Robert Walpole – một người tiền nhiệm uy quyền nhất”. Pitt đã phát triển được một phong cách quản lý nhờ khả năng tranh luận giàu sức thuyết phục của mình.

NHỮNG NÉT MỚI VÀ CŨ TRONG PHONG CÁCH QUẢN LÝ CỦA PITT

Năm 1783, Pitt thừa nhận với Thurlow rằng ông đã chuẩn bị khá chu đáo trong việc sử dụng những phương tiện thông dụng mà “hầu hết các bộ trưởng đều biết”. Cuối năm 1785, ông thuyết phục

William Eden, một chuyên gia tài chính của phe đối lập chính, người đã tìm mọi cách để phá hỏng các đề xuất thương mại ở Ireland của ông, đảm nhiệm một vị trí trong Bộ Ngoại giao để đàm phán Hiệp định Thương mại với Pháp. Trong năm đầu tiên lên nắm quyền, việc thực hiện 20 đợt phong tước quý tộc đã giúp Pitt có được sự ủng hộ trong suốt thời gian thiết lập Bộ. Năm 1786, việc trao cấp bậc quý tộc cho nhà quý tộc người Ireland và cũng là nghị sĩ, ngài Delaval, người mới chuyển sang phe của Pitt sau cuộc bầu cử năm 1784, đã cho thấy không có một sự thanh trừng những người chống đối cũ. Việc làm này cũng khiến nhiều người chống đối bắt đầu thương lượng với Bộ trưởng Pitt.

Không quan tâm nhiều đến quyền bất khả xâm phạm của giới quý tộc cũ, Pitt phong thêm các cấp bậc quý tộc nhiều hơn bất kỳ một người tiền nhiệm nào. Năm 1783, trong số 208 cấp bậc quý tộc, Pitt đã thăng chức cho 34 người, chuyển tước vị cũ cho 18 người, thăng chức cho 9 nhà quý tộc người Scotland, 22 nhà quý tộc người Ireland và 52 hạ nghị sĩ, tổng số đã có 135 lần phong cấp hoặc thăng cấp. Những người được phong cấp bao gồm: 20 ông chủ trong thành phố kiểm soát 41 ghế, 65 nghị sĩ hoặc cựu nghị sĩ trong Bộ đầu tiên của ông, đặc biệt có 24 người là nghị sĩ của các hạt. Sau này, Wilberforce phản nản rằng những gì Pitt thực hiện đã làm cho Viện Bình dân suy yếu. Ông đã lấy đi địa vị cao sang của quá nhiều địa chủ giàu có và được kính trọng nhất của đất nước. Ngược lại, Viện Quý tộc lại được củng cố nhờ việc bổ sung nhiều nhà quý tộc người Scotland và người Ireland, những người khiến Viện Quý tộc đại diện nhiều hơn cho toàn bộ Vương quốc Anh (bao gồm tất cả các hòn đảo). Tuy nhiên, trong khi đội ngũ quý tộc của Pitt giúp ông làm hài lòng Viện Bình dân hiện tại thì cuối cùng họ lại khiến Viện Quý tộc độc lập hơn với sự kiểm soát của chính phủ nhờ số lượng áp đảo những người có địa vị “thuộc phe của Vua Anh” trong Nghị viện.

Hy vọng có được địa vị và cấp bậc quý tộc đã khiến chín người theo North và bốn người ủng hộ hoặc có cảm tình với phe của Portland hoặc Fox chuyển hướng trong khoảng thời gian từ 1784-1788, trước khi xảy ra cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính và thay đổi phe ủng hộ trong Bộ một lần nữa. Chiến thắng trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính năm 1789 và tổng tuyển cử năm 1790 giúp Pitt nuôi nhiều tham vọng đàm phán để liên minh với những người theo Đảng Whig của Portland và Fox đầu năm 1791, với phe trung hòa hơn của Portland vào mùa hè năm 1792 và mùa xuân năm 1794. Nhìn chung, Pitt phải sử dụng chiến thuật lôi kéo mọi người bằng việc bổ nhiệm những chức vụ cao. Một lần nữa, nhiều người theo North trước đây đã mắc vào chiến thuật này, như Loughborough làm Chủ tịch Viện Quý tộc, Gilbert Elliott làm ủy viên hội đồng của Toulon, thành phố mới chiếm được của Pháp, Sylvester Douglas làm Bộ trưởng ở Ireland năm 1793. Cuối cùng, năm 1794, phe của Portland phải đồng ý gia nhập phe Pitt do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng ngày càng sâu sắc của cuộc chiến ngoài nước và chủ nghĩa cấp tiến trong nước. Ngoài ra, còn một nguyên nhân khác là Pitt ban phát cho họ những chức vị và bổng lộc quá lớn – năm ghế trong Nội các, trao cấp tước Ga-tơ cho Portland, chức Quan đại diện nhà vua ở Middlesex, năm chức tước quý tộc và một lần thăng chức trong giới quý tộc, hai vị trí giám sát trong Hoàng gia, một mức trợ cấp cho Edmund Burke và hứa sẽ dành cho phe này chức Toàn quyền cai trị Ireland. Portland kéo vào phe mình 62 nghị sĩ, Fox chỉ còn lại khoảng 55 người ủng hộ. Tháng 12/1804, Pitt lại sử dụng chiến thuật này một lần nữa khi ông đàm phán liên minh với Addington và những người theo phe ông ta (khoảng 40 nghị sĩ). Ông đề nghị hai vị trí trong Nội các, một tước vị quý tộc cho Addington, bổ nhiệm ba ủy viên Hội đồng Cơ mật và hứa hẹn nhiều chức vị cho những người thuộc phe này. Chiến thuật này ít tốn kém nhưng lại không thành công bằng lần thực hiện trước.

Pitt đã có ba cơ hội thúc đẩy Nghị viện tiến hành một cuộc tổng tuyển cử. Ông dồn hết tâm trí vào

việc kêu gọi sự trở về của những người “có khuynh hướng có lợi đôi với chính phủ”. Nhưng cuộc bầu cử năm 1784 lại bị điều khiển theo chiều hướng ngược lại. Thời gian chuẩn bị ít ỏi cộng với sự thiếu kinh nghiệm của Pitt và người quản lý của ông, George Rose, đã khiến họ bị kích động bởi cuộc khủng hoảng chính trị duy nhất này và nôn nóng phá vỡ mối quan hệ chính trị địa phương đã tồn tại nhiều năm, nhưng may thay cuối cùng vẫn theo hướng có lợi cho chính phủ. Khi có đủ thời gian chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử tiếp theo, Pitt bắt đầu hành động vào mùa hè năm 1788. Ông gần như chắc chắn có thể tổ chức cuộc bầu cử năm 1789, bởi chiến thuật của ông là không để Nghị viện kéo dài hết nhiệm kỳ bảy năm và ngăn chặn các đối thủ tổ chức cuộc bầu cử sớm (Pitt rút ra chiến thuật này từ North, cuộc bầu cử đột xuất năm 1780 đã phá tan mọi nỗ lực của North trong tiến trình vận động tranh cử Thủ tướng). Tuy nhiên, ý định này đã bị ngăn cản bởi cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính và những người trung thành đã phải ra đi nhằm ổn định lại trước khi ông tiến hành cuộc bầu cử vào năm 1790 (vẫn sớm một năm so với dự kiến). Việc chuẩn bị cho cuộc bầu cử nhiệm kỳ sau được bắt đầu năm 1790, dưới sự giám sát của Pitt và Charles Long, người quản lý cơ quan hành pháp và là Bộ trưởng Tài chính. Trong mỗi đợt bầu cử, Henry Dundas bao giờ cũng chiếm được đa số phiếu ở Scotland. Uy thế của Dundas đối với Bộ trưởng và các nguồn bảo trợ của ông không ngừng tăng. Dundas kiểm soát Scotland, nơi mà ông đã tăng sự ủng hộ của Bộ trưởng (và là sự ủng hộ cá nhân đối với ông) từ 24 trong số 45 ghế của Scotland sau cuộc bầu cử năm 1784 lên tới 43 ghế năm 1796. Hơn nữa, đây lại là số người ủng hộ có tính kỷ luật hơn so với số người Anh ủng hộ Pitt.

Pitt cố gắng tìm kiếm nguồn bảo trợ chính trị ở Anh với sự giúp đỡ của George Pretyman, thầy giáo cũ và là thư ký của ông cho đến khi được phong chức Tổng Giám mục Lincoln, cùng các Bộ trưởng Tài chính là George Rose (1783-1801) và Charles Long (1791-1801). Sự kiểm soát trực tiếp của Vua Anh đối với các thành phố đã giảm đáng kể. Năm 1792, Pitt bộc bạch với Canning rằng quyền bổ nhiệm của ông với tư cách là Bộ trưởng rất nhỏ, chỉ được sáu ghế. Năm 1796, Douglas cũng biết rằng số ghế chính phủ có thể tiến cử mà không mất một khoản phí tổn nào đã “bị giảm một cách đáng ngạc nhiên” – Pitt và Rose không thể biết được là chỉ còn không quá ba ghế. Mặc dù có ít ghế trực tiếp nằm dưới sự quản lý chính phủ hơn và phải trả ít tiền cho những người khác hơn so với những người tiền nhiệm, Pitt vẫn gặp phải thách thức đối với quyền bổ nhiệm trong thành phố. Những ghế này đã nằm trong sự sắp xếp của Pitt để hoặc giành được sự ủng hộ của họ, hoặc Pitt và các nhà quản lý cuộc bầu cử của ông có thể điều khiển những ứng cử viên tiềm năng muốn chi tiền cho người bảo trợ nhằm giành một ghế trong Nghị viện (mỗi suất phải bỏ ra khoảng 2.000 đến 5.000 bảng). Một trong những nhiệm vụ chính của chính phủ trong bầu cử là phải đóng vai trò trung gian, cố gắng tìm ra những người ủng hộ muốn mua phù hợp với những người bảo trợ muốn bán.

Thành phố East Loos thuộc xứ Cornwall là một ví dụ. Thành phố này thuộc quyền sở hữu của dòng họ Buller. Ngay trước cuộc bầu cử năm 1784, Pitt bổ nhiệm trưởng dòng họ là John Buller vào Ủy ban Tài chính và em trai ông ta làm Đức cha. William Buller làm Trưởng tu viện Exeter vì đó là “mong muốn thiết tha từ những người bạn của Buller”. Buller trở thành người đứng đầu dòng họ có uy quyền nhất thành phố này sau khi anh trai mất năm 1786. Đêm trước cuộc bầu cử năm 1790, Pitt viết cho Rose rằng “tôi đã quyết định đề xuất chức Tổng Giám mục Canterbury cho Buller và hy vọng anh sẽ vui lòng thông báo cho anh ta điều này, đồng thời hãy tính toán những “lợi ích” mà chúng ta sẽ được nhận từ việc này ở chừng mực mà anh cảm thấy hợp lý nhất”. Sau khoản chi trả ban đầu 400 bảng, năm 1791, Buller được nhận thêm 500 bảng từ quỹ mật, “khoản chi phí bổ sung ở thành phố East Loos cho Nghị viện”. Năm 1792, Buller được phong chức Tổng Giám mục Exeter. Hai ghế của thành phố East Loos vẫn được giữ nguyên theo đề nghị của chính phủ.

Để đưa Canning vào Viện Bình dân năm 1793, khoảng thời gian giữa cuộc tổng tuyển cử, Pitt đã chú ý tới một người bảo trợ của thành phố muốn ngả giá ghế của mình cho một người bạn trong chính phủ. Ngài Richard Worsley đã đánh đôi ghế của mình ở Newport, đảo Wight, để được làm đặc phái viên tới Venice. Nghị viện kỳ sau, Pitt và Canning lại quay sang Wendover, người bị kiểm soát bởi người bạn thân là ông chủ nhà băng Robert Smith và dành cho ông ta một tước vị quý tộc Ireland năm 1796 cùng tước vị quý tộc Anh năm sau đó.

Tổng chi phí dịch vụ mật cho cuộc bầu cử năm 1784 là 32.000 bảng và cho cuộc bầu cử năm 1790 lên tới khoảng 40.000 bảng. Mặc dù phe đối lập chuẩn bị tốt hơn trong cuộc bầu cử năm 1790, nhưng chính phủ vẫn thắng thế, trong khi đó việc liên minh với những người theo Đảng Whig của Portland cũng như quan điểm của Fox về chiến tranh và về Cách mạng Pháp đã tạo đà giúp chính phủ giành được chiến thắng áp đảo năm 1796 (xem Bảng 5.1).

Bảng 5.1. Kết quả cuộc tổng tuyển cử dưới nhiệm kỳ của Pitt

Năm	Phe chính phủ	Phe đối lập	Ứng cử độc lập	Ứng cử không chắc chắn
1784	315	213		30
1790	340	183	29	6
1796	424	95	29	10

Tuy nhiên, điểm yếu chính trị của Pitt là ít bệ đỡ trong các cuộc bầu cử (ngoại trừ năm 1784), nơi các hoạt động chính trị của các cử tri tương đối ổn định và hội tụ các nhà bảo trợ địa phương muốn quan hệ tốt với chính phủ để đảm bảo không một Thủ tướng thế kỷ XVIII nào bị thất bại trong cuộc tổng tuyển cử. Điểm bất ổn tiềm tàng lớn nhất của Pitt lại xuất phát từ chính các thành viên khi họ được bầu. Ủng hộ chính phủ của Vua Anh là một khuynh hướng tự nhiên và rất phổ biến ở họ. Trong số những người tiền nhiệm của Pitt tính từ năm 1714, chỉ có Walpolt, North và Shelburne là thất bại do đánh mất niềm tin trong Viện Bình dân (cả ba người này đều nhận thấy mình sai lầm trong chiến tranh). Do vậy, sau những thử thách ban đầu, Nội các của Pitt không có nguy cơ bị sụp đổ trừ trường hợp đặc biệt. Cuối năm 1788, sức khỏe của Vua Anh suy giảm đột ngột khiến các nghị sĩ không biết nên ủng hộ vị vua nào, người đang trị vì hay người kế vị tương lai? Trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính những năm 1788-1789, việc dân chúng không ưa Thái tử Wales đã cứu nguy cho Pitt, nhưng trong những năm 1804-1805, giai đoạn Vua Anh ốm đau và cận kề cái chết, nhiều chính trị gia không ngừng nuôi tham vọng chính trị của mình. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, Pitt quyết chiến để giành được quyền giải quyết các công việc của chính phủ ở Nghị viện chứ không phải là để thoát khỏi khủng hoảng chính trị, dù có quá nhiều thất bại khiến ông có thể mất niềm tin vào khả năng bản thân.

Đối với bất kỳ nhà lãnh đạo Viện Bình dân nào của thế kỷ XVIII, việc có những người làm chủ tọa trong các cuộc thảo luận đứng về phía mình đóng vai trò hết sức quan trọng. Pitt phát hiện chỉ có duy nhất hai đại cử tri quyết định chống lại ông bằng cách mua chuộc các lá phiếu trong Viện Bình dân của những người không được ông lựa chọn. Đầu tiên là Charles Cornwall, một viên chức cấp thấp được North bổ nhiệm. Pitt luôn phải đề phòng Cornwall trong các cuộc tranh luận tại Nghị viện tháng 1/1784 bằng cách không cho ông ta quyền phát biểu ý kiến ngay ngày thảo luận đầu tiên, mà theo quan điểm của Wraxall “sẽ làm hỏng mọi việc”. Thật may mắn cho Pitt, Cornwall chết đúng vào thời điểm bắt đầu các cuộc thảo luận về chế độ nhiếp chính năm 1789, cho phép Pitt đưa người anh họ Grenville lên làm Chủ tịch Viện Bình dân. Sau cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, Grenville chuyển sang Bộ Nội vụ thay cho người bạn lâu năm của Thủ tướng là Henry Addington, con trai một bác sĩ thuộc dòng

họ Chatham. Năm 1796, đôi mặt với bốn phận thừa kế, Addington đã sử dụng lá phiếu quyết định để ủng hộ chính phủ, và chính sự thất bại của Addington đã khiến Pitt rút bỏ ý định tấn công độc ác đối với Tierney tháng 5/1798 mà sau này chính vì điều đó, Thủ tướng Pitt và ông ta phải tranh chấp tay đôi những người ủng hộ ở Wimbledon.

Pitt cũng rất cần một vị Chủ tịch của Ủy ban Biện pháp và Đường lối thuộc Viện Bình dân – một ủy ban quản lý pháp chế tài chính, có cùng quan điểm với mình. Sau cuộc bầu cử năm 1784, Pitt bổ nhiệm Thomas Gilbert vào vị trí này, người trước đây quản lý ruộng đất của một đồng sự trong Nội các của Pitt, Bá tước Gower, và là người đại diện cho ghế mà Gower kiểm soát. Ngoài việc là người đấu tranh cho việc cải cách các luật tế bào, với chiến dịch quản lý chi tiêu trong chính phủ của Thomas, mọi người đã suy tôn ông “vừa là một cận thần, vừa là một người yêu nước”. Điều này rất hợp với quan điểm của Thủ tướng Pitt. Năm 1791, vị trí chủ tịch ủy ban này thuộc về Henry Hobart, một người ủng hộ độc lập đáng tin cậy của Pitt. Addington cho rằng mình không còn đủ khả năng lãnh đạo, nhưng chỉ đến khi cận kề với cái chết năm 1799, ông mới được người em rể tận tâm là Charles Bragge thay thế. Có lẽ với Pitt, các vị trí này quan trọng đến nỗi năm 1789, ông đã hậu thuẫn cho đề nghị thay thuế thu nhập của Chủ tịch Viện Bình dân từ mức lương 3.000 bảng lên mức lương 5.000 bảng (sau này Nghị viện đồng ý tăng lên 6.000 bảng), và năm 1799, mức lương dao động trong khoảng 500-800 bảng trích từ Quỹ Dịch vụ mật trả cho Chủ tịch Ủy ban Biện pháp và Đường lối được thay bằng khoản chi trả thường xuyên là 1.200 bảng cuối mỗi phiên họp.

Tuy nhiên, Pitt cần nhiều hơn thế để công việc của mình được thông qua suôn sẻ trước Nghị viện. Pitt ý thức rằng một người làm chủ nền chính trị xã hội cần phải vượt qua được sự dằn vặt bồn chồn ghê gớm của phe đối lập. Ông lên kế hoạch cho một loạt các cuộc tiếp đón mọi người mà chủ nhân là chị gái của ông, bà Harriot, người đến đó sống với chồng (cũng là bạn của Pitt), ông Edward Eliot, sau khi kết hôn năm 1785. Nhưng Harriot đã mất sau ca vượt cạn khó năm 1786. Sự thiếu hụt này đã được bù đắp nhờ quý bà Jane đầy nhiệt huyết, phu nhân Công tước Gordon, người đã cùng Dundas lên kế hoạch cho những lần xuất hiện thường xuyên của Pitt tại các buổi dạ hội mà bà tổ chức đầu những năm 1790. Hơn nữa, Câu lạc bộ White đã hoạt động như một câu lạc bộ xã hội của các quý ông, dành cho những người ủng hộ Nội các. Cuối những năm 1780, Pitt thường xuyên dùng bữa tối ở đó. Câu lạc bộ White cũng chính là nơi Pitt đến thẳng sau khi vội vã trở về từ trường Cambridge để tập trung sự ủng hộ đối với Dự luật Buôn bán nô lệ của Dolben năm 1788. Những thành viên của Câu lạc bộ đã chứng tỏ được cơ sở sức mạnh của mình trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, khi mà theo một trong những thành viên, ông Grant, thì 89 nghị sĩ sinh hoạt trong Câu lạc bộ kiên định biểu quyết ủng hộ Pitt. Tuy nhiên, những phương cách tương tự như vậy đã không ngăn nổi chiến tranh bùng nổ năm 1793. Sau thời điểm này, Pitt ít có mặt tại các buổi dạ hội của quý bà Gordon và sự xuất hiện của ông ở Câu lạc bộ White cũng hiếm hoi hơn.

Tuy nhiên, nhiều người thừa nhận Nội các của Pitt phải gắng gỏi tồn tại, có rất nhiều biện pháp được thực hiện để lấp đầy hố ngăn cách giữa Pitt và đại đa số các nghị sĩ. Pitt dường như quá xa vời với những đòi hỏi này, các nghị sĩ thường nhờ đến người làm trung gian giữa họ với Thủ tướng. Hai người đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc dàn xếp mối quan hệ của Pitt với những thành viên bình thường khác là Henry Dundas và Addington. Henry Dundas, một người “chân thật, thẳng thắn và vui tính” luôn có “cách xử sự nhã nhặn, khoan dung, khéo léo đi vào lòng người”. Wraxall đánh giá:

Pitt dường như buộc phải cần đến Dundas để thu hút sự ủng hộ trong Nội các. Nhiều người

thường phải nghe những lời nói không lấy gì làm tế nhị lắm. Thật đáng tiếc, việc giữ được những người ủng hộ không phải do Pitt mà là nhờ Thủ quỹ của Hải quân Anh (Dundas).

Những năm 1790, Dundas được hỗ trợ thêm từ vị Chủ tịch Viện Bình dân nổi tiếng Henry Addington. Nathaniel Dance khác hẳn với Pitt, ông hầu như không tôn trọng Addington, người lúc nào “cũng giữ phép lịch sự”. Bao nhiêu mối lo âu và giải bày tâm sự mà mọi người muốn bày tỏ với Pitt thì Addington là người đón nhận, những báo cáo khích lệ của Pitt trong các bài diễn thuyết cũng từ Addington mà ra, và chính Pitt cũng sử dụng Addington để thu phục những ứng cử viên thất vọng về vị trí mà họ được bổ nhiệm.

Trong khi Dundas và Addington tự thể hiện mình xứng đáng nằm trong hàng ngũ những đồng sự cao cấp, Pitt vẫn đặc biệt quan tâm tìm kiếm những người có tài năng và sở thích công việc giống ông. Wilberforce ghi nhận “sự quan tâm ân cần mà Pitt dành cho việc phát triển tài năng của những người trẻ tuổi có hoạt động chính trị hứa hẹn là hợp với sự nghiệp của ông”. Những năm 1788-1789, Pitt đã ủng hộ thành lập một câu lạc bộ mới, Câu lạc bộ Hiến pháp, để ghi nhận những nguyên tắc của năm 1688, với mong muốn nó “là một mạng lưới chính trị tốt để thu hút những người trẻ tuổi vừa mới rời trường phổ thông bước vào đời” nhằm đối phó với sức thu hút của Câu lạc bộ những người theo Đảng Whig của phe đối lập.

Pitt hầu như chỉ thể hiện tài năng ở các văn phòng và ủy ban của Nghị viện, nơi ông có thể được mọi người lắng nghe, được tán dương, cổ vũ và tư vấn. Vị nghị sĩ mới đồng thời là Toàn quyền Scotland Robert Dundas được nghe Pitt định hướng sau bài diễn văn đầu tiên của ông năm 1791 như sau:

Những gì ông nghe được thể hiện vấn đề và cách thức hơn là mục đích. Tóm lại, ông nghĩ rằng tôi sẽ giúp ông thoải mái hơn, và để chứng minh điều đó, theo ý muốn của ông, tôi được mời đến cuộc họp trước đó tại nhà ông hôm qua, cùng với tám hoặc mười người bạn của ông, để bàn về việc cần phải đối phó như thế nào trước những đợt công kích đối với dự luật. Ông cho biết, ông không bao giờ muốn tôi đọc bài diễn văn đã chuẩn bị trước, nhưng mong muốn tôi tiếp tục phát huy những gì mà mình đã phát biểu trước đó, và không đề cập hay nâng cao quan điểm về vấn đề nào đó, nếu không tôi sẽ cảm thấy mình có khuynh hướng về vấn đề này. Bất kỳ điều gì có thể phát biểu ra đều là những gì mà tôi nghĩ rằng mình có thể trả lời được mọi câu hỏi về nó.

Pitt luôn xác định mình phải làm chủ trong mọi tình huống. Điều này đã được Henry Bankes, bạn ông, mô tả là “cách thức ông tiến hành sự việc với tư cách là Bộ trưởng rất quyết đoán, ông bao giờ cũng thừa nhận biện pháp mình thực hiện chứ không núp dưới bóng của người khác”. Trên thực tế, điều này đã hạn chế các đồng sự của ông có cơ hội phát biểu trước dân chúng và thường làm họ thất vọng. Tuy nhiên, cơ hội đặc biệt mà ông dành cho họ là gắn họ với những người ủng hộ độc lập trong Nghị viện về việc đề xuất hoặc ủng hộ các vị trí để đáp lại bài diễn văn khai mạc phiên họp của Vua Anh. Quan điểm của Pitt là lựa chọn vào các vị trí này những người mới, hoàn toàn chưa có chức vị và những người không liên quan đến những người đã có chức vị. Quan điểm này khác hẳn với những người tiền nhiệm, họ thường chọn những người có trọng trách hoặc họ hàng. Trong số 34 người được Pitt lựa chọn cho 17 vị trí trong Nội các đầu tiên của ông, có hai người sau này trở thành Thủ tướng

(Addington và Canning), năm người là Bộ trưởng Nội các (Ryder, sau này là Bá tước Harrowby), Yorke, Castlereagh, Morpeth, Granville Leveson-Gower) và năm người giữ các chức vụ khác (Smyth, Pole Carew, Murray, Wallace và Dickinson Jr.). Những lựa chọn này hoàn toàn trái ngược với 26 người tiến cử và ủng hộ dưới Nội các của North, trong số đó chỉ có một người trở thành Bộ trưởng Nội các và tám người giữ các trọng trách khác trong chính phủ.

Hơn nữa, danh sách bổ nhiệm này không có những người sau này cũng làm Thủ tướng như Grenville và các Bộ trưởng Nội các như Mornington (sau này là Hầu tước Wellesley) và Apsley (sau này là Bá tước Bathurst), những người mà Pitt có quan hệ thân mật và tiến cử trong những năm 1780, và hai người sau này cũng trở thành Thủ tướng là Robert Jenkinson (sau này là Bá tước Liverpool) và Spencer Perceval, các Bộ trưởng Nội các là Nicholas Vansittart và Bragge Bathurst – những người học việc được Pitt cổ vũ trong những năm 1790. Phụ tá lâu nhất được Pitt dạy dỗ là Bá tước Aberdeen, người đã coi Pitt là người giám hộ của ông ta năm 1795 và từ chức Thủ tướng năm 1856. Pitt đã nâng đỡ và đào tạo rất nhiều người trở thành những nhà lập pháp của Anh trong 50 năm sau đó.

Pitt thu hút được sự ủng hộ tài tình này bằng cách cho phép những người ủng hộ tham gia bí mật vào vòng nội bộ của ông. Họ được mời tới ăn tối cùng những người bạn thân cận nhất và những người vì công việc của Pitt. Họ được tiếp xúc với một ngài Pitt khác hẳn với hình ảnh thường xuất hiện trước dân chúng. Canning trẻ tuổi nhận thấy Pitt “rất hợp với tôi, ông ân cần chu đáo mà không hề gây phiền hà, ông xen vào câu chuyện mà không hề muốn chỉ đạo câu chuyện đó, ông rất hay cười và cười thật thoải mái, có nét gì thật con trẻ khi bàn về lịch sử của loài chim cổ đỏ”. Họ được phép tham dự các cuộc gặp gỡ của các vị lãnh đạo chính phủ ở phố Downing để chuẩn bị cho các cuộc thảo luận. Hơn hết thảy, họ được tiếp xúc rất cởi mở với Pitt, đặc biệt là Canning luôn có ý nghĩ riêng tư là “Pitt rất cởi mở, dễ tính, sẵn sàng trả lời câu hỏi mà không hề dè dặt hoặc thật thà thú nhận rằng không thể trả lời ngay các câu hỏi của họ”. Canning có thể tiếp xúc với Pitt bất kể lúc nào để bàn về đối tượng của các cuộc thảo luận mà mình muốn tham gia. Granville Leveson-Gower cũng miêu tả Pitt “nói chuyện với vẻ tự tin nhất về bất kỳ vấn đề nào, tranh luận và thảo luận với chúng tôi về những điểm mà ông còn nghi ngờ, đồng thời ông cũng rất hài hước... cứ như thể ông còn đang ở độ tuổi của chúng tôi vậy”.

Nhờ sự thân thiện này, Pitt đã vượt qua được tính e ngại vốn có của mình. Nhờ vậy, những người ủng hộ được khích lệ và hết lòng với ông. Trong khi đó, đối với những người ở ngoài vòng thân mật, dường như ông “gần gũi đầy ác ý”. Burges có thể viết về “thái độ ngạo mạn lộ rõ và sự khó khăn quá mức trong giao thiệp xã hội của Pitt”. Còn Canning, khi bị mọi người cho là thiếu tôn trọng vì đã thể hiện quá lộ liễu sự thân thiện với Thủ tướng, đã phản đối rằng “trên thực tế, Pitt là người rất vui vẻ, ân cần”. Nhiều người trước đây cũng dễ bị lôi cuốn bởi thứ “bùa mê” này của Pitt. Wyvill, một người cải tổ Nghị viện, có thể dễ dàng nói: “Pitt có cách cư xử trong giao thiệp riêng tư rất dễ dãi và niềm nở; Pitt sở hữu kho tàng phong phú lòng nhân từ và bản tính thiện; thật khó cưỡng nổi tình cảm yêu mến khi tiếp xúc với Pitt thoải mái thân mật như vậy”.

Mornington cũng xác nhận “Pitt là người triu mến, bao dung, nhân ái và dễ tiếp xúc nhất mà ông được gặp”, không còn phân biệt địa vị trong mỗi giao thiệp riêng tư, “hoàn toàn ý thức về uy quyền của chính mình và thường có khuynh hướng ngồi nghe nhiều hơn là nói”. Quý bà Stafford cũng cho rằng “tính khiêm tốn của Pitt hấp dẫn mọi người cũng như chính trí tuệ siêu phàm của ông”. Wilberforce nhớ lại “trong giao thiệp, Pitt rất vui vẻ và thân mật, hóm hỉnh và khôi hài... Pitt sẵn sàng

nghe những gì người khác nói cũng như suy ngẫm về những điều đó”. Ông rất trung thành với những người bạn thuở ban đầu. “Bạn bè hiểu nhau trong hoạn nạn” – Wilberforce nhớ lại. Sự nghiệp của Wilberforce cũng được Pitt thúc đẩy khi Pitt cử ông tham gia lãnh đạo phong trào chống buôn bán nô lệ trong Nghị viện suốt thời kỳ suy thoái đạo đức, sau những cải cách tôn giáo của ông. Đổi lại, Pitt tiếp tục nhận được sự ủng hộ và có ảnh hưởng rất lớn đối với nhiều người.

Những nhà hoạt động xã hội tận tụy nòng cốt rất cần thiết đối với việc quản lý Nghị viện của Pitt. Ông sử dụng họ để phán đoán cảm nhận của Nghị viện và gây ảnh hưởng trong các buổi thảo luận. Chúng ta đều biết trước các buổi thảo luận phải có sự chuẩn bị rất công phu. Pitt có thói quen gửi giấy báo của Bộ Tài chính tới tất cả những người ủng hộ để nhắc nhở về ngày khai mạc Nghị viện, cùng một vài lời giải thích về nguyên nhân tại sao số lượng người tới dự là đặc biệt cần thiết nếu thời gian khai mạc không như kế hoạch. Buổi tối trước ngày khai mạc phiên họp mới, Pitt gặp gỡ những người ủng hộ của mình tại Cockpit ở Whitehall và đọc cho họ nghe hai lần bài diễn văn mà Vua Anh sẽ đọc vào ngày hôm sau cũng như bài diễn văn mà ông đáp lại, giới thiệu trước những người đóng góp ý kiến và ủng hộ những bài diễn văn này. Các phiên họp diễn ra đều có vận động bỏ phiếu sơ bộ về các ý kiến, chẳng hạn trước đề nghị cải tổ Nghị viện của Pitt năm 1785 và đề nghị thăng chức trong Bộ Hải quân của đại tá Bastard năm 1788. Trong các trường hợp đặc biệt, ý định của Pitt được trao đổi trước với những người ủng hộ, hoặc bằng cách viết thư cho những nhân vật có ảnh hưởng (như trước kỳ vận động hành lang cho đề nghị cải tổ Nghị viện năm 1785), hoặc bằng lời nói (như khi ông muốn phủ nhận những nỗ lực bãi bỏ các Dự luật Thử nghiệm năm 1787), hoặc tổ chức buổi gặp mặt đông đảo (như khi bắt đầu cuộc tranh cãi ở Viện Bình dân về chế độ nhiếp chính tháng 12/1788, để trả lời một số đề nghị mà những người bạn tốt trong Viện Bình dân gửi, ông đã tổ chức một cuộc họp đặc biệt gồm những người ủng hộ ông ở Cockpit, nói rõ đối tượng mà Vua Anh có ác cảm và nêu ra những bước có thể đề nghị ở Nghị viện ngày hôm sau). Những lá thư của Bộ Tài chính như lời hiệu triệu mọi người ủng hộ, mặc dù không hề hứa hẹn một sự bù đắp về vật chất nào từ phía Pitt. Pulteney cho rằng đó là điều lợi bất cập hại. Pitt tự tay viết thư đề nghị những nhân vật có ảnh hưởng lớn có mặt. Khi chính phủ gặp phải vấn đề nào đó, nhiều người nài nỉ triệu tập khẩn cấp những người ủng hộ có khả năng. Như trường hợp Dự luật Giải thích về Công ty Đông Ấn năm 1788 và khi nghị sĩ – tướng James Grant giải thích về quy mô quân đội: “Ngài Pitt chưa bao giờ phải chịu những áp lực chống lại ông như thế, nhiều người nghĩ rằng cần phải triệu tập quân ở tiền đồn và quân bổ sung được gửi từ Scotland đến”.

Các cuộc thảo luận chính đều được lên kế hoạch rất kỹ lưỡng từ trước. Các phát ngôn viên của chính phủ và cả những nhân vật ít nổi tiếng hơn tập trung ở phố Downing để thống nhất hướng thảo luận. Trong những năm 1790, thường có từ tám đến mười người tập trung chuẩn bị thảo luận gồm các thành viên Nội các ở Viện Bình dân (Pitt, Dundas, Windham), các nhân viên pháp luật của Vua Anh (như Chánh án Tòa thượng thẩm, Tổng chưởng lý và cố vấn pháp luật của chính phủ); những bộ trưởng cấp dưới nhưng có tiếng nói (Dudley Ryder) và một số người ủng hộ trẻ tuổi có ít nhiều ảnh hưởng như Robert Jenkinson và George Canning trong những năm 1794-1795, cùng sự có mặt thường xuyên của đại diện phe những người theo Đảng Whig của Portland mới gia nhập, ông Serjeant Adair, và người bạn lâu năm của Pitt – cựu Bộ trưởng Tài chính và nghị sĩ nổi tiếng Thomas Steele. Chiến thuật thảo luận đã được vạch ra và chỉ định ai sẽ lập luận đối đáp ai. Sau này, John Scott nhớ lại: “Một buổi sáng, Pitt cho mời tôi đến buổi thảo luận và nói: ‘Ngài cố vấn, ngài phải lập luận đối đáp lại một đề nghị nào đó tối nay’, sau đó đưa cho tôi một bản tóm tắt những điểm cần chú ý và kết luận: ‘Trong các buổi thảo luận, ngài cũng ngang hàng với tôi. Ngài phải đối đáp lại một ai đó’”.

Với từng công việc cụ thể, các chuyên gia riêng sẽ được mời tới buổi họp trừ bị. Tom Grenville, người mới trở về sau khi kết thúc kỳ công tác ở Vienna, được mời làm cố vấn cho các buổi thảo luận về khoản cho Áo vay vào đầu năm 1795. Đối với các vấn đề tài chính, số lượng cố vấn tăng lên rất nhiều. “Ngày 12/12/1790, rất nhiều nhân vật ở Viện Bình dân đã tập trung ở nhà Pitt để thảo luận các đề nghị của Thủ tướng trong việc chi ngân sách cho đợt tổng động viên ở Nootka. Chúng tôi cũng được mời tới một buổi họp khác khi đề nghị đánh thuế của Pitt gặp rắc rối cuối năm 1797. Bên cạnh một nhóm thường xuyên có mặt, còn có các Bộ trưởng Tài chính là Rose và Long; một thành viên khác của Ban Tài chính là Sylvester Douglas và các viên chức cấp thấp hơn như Sargent, chuyên gia về các vấn đề thủ tục; Bragge, Spencer Perceval, những người đã có bài diễn văn trong thời điểm quyết định; những người ủng hộ là thành viên không giữ trọng trách trong Nghị viện như Abbot, Elford và Shaw-Lefevre; một số nhân vật có ảnh hưởng nhưng dễ dao động như Burdon, Carysfort, Hawkins-Browne và Charles Yorke. Pitt thường phác thảo các đề nghị sửa đổi để đối phó với những lời chỉ trích, đồng thời tuyên bố rằng “những sửa đổi đó là không thể thiếu để vượt qua thời điểm khó khăn”.

Pitt thích những người năng động, hoạt bát trong Nghị viện và thường chú ý tới họ hơn là những người trầm tính. John Sargent, Chủ nhiệm Ban Quân nhu (1793-1802) và là cựu Giám đốc Ngân hàng Anh quốc, được Pitt bổ nhiệm vào Ủy ban đặc biệt về Kế toán công cộng năm 1791. Năm 1799, ông được bầu làm chủ tọa phụ trách Dự luật Đánh thuế thu nhập ở giai đoạn cần thông qua trong Viện Bình dân. Tất nhiên, Pitt hy vọng nhiều vào những trợ lý hoạt bát của mình. Ông mô tả Sargent là “một người hiểu biết rộng, có tư cách, một phát ngôn viên đáng tin cậy và là người am hiểu công việc”. Charles Bragge cũng là người được bổ nhiệm vào Ủy ban đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Anh quốc năm 1797 và trở thành Chủ tịch của ủy ban này trước khi được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban Biện pháp và Đường lối năm 1799. Pitt cũng dùng một số nghị sĩ không có trọng trách trong Nghị viện làm người tạo ra dư luận hết sức hữu ích. Isaac Hawkins-Browne, một chủ mỏ than, nhà sản xuất gang và là phát ngôn viên của các nhà tư bản công nghiệp vùng Birmingham, đã làm việc cho bốn ủy ban đặc biệt vào năm 1794, năm 1797 (về các khoản nợ công), năm 1799 và năm 1805 (về Báo cáo thứ 10 của Ủy ban Điều tra Hải quân); ông chủ nhà băng ở Newcastle và là nghị sĩ của hạt. Còn Rowland Burdon và Yorke đã làm việc cho hai ủy ban đặc biệt (năm 1797 và năm 1799). Đây là những người mà Pitt coi là nằm trong ban thăm dò ý kiến đối với quan điểm của Pitt và là những người ủng hộ những nỗ lực của ông trong các cuộc thảo luận.

KIỂM SOÁT HỆ THỐNG ỦY BAN – VẤN ĐỀ THEN CHÓT

Pitt có nhiều lý do để tập trung vào những nghị sĩ năng động, hoạt bát. Ông cần họ để điều hành Viện Bình dân thông qua một hệ thống ủy ban. Một số người có thể không thấy hết được ý nghĩa của việc Pitt chú ý đến những ủy ban này. Sylvester Douglas và Vua Anh đều có cùng quan điểm cho rằng Pitt đã “dành quá nhiều thời gian ở các ban, ủy ban... vào những công việc mà ông có thể giao cho người khác”. Nhưng chính ở các ủy ban này, Pitt đã tìm thấy những người làm việc cho mình và biết rằng mình cần phải đặt họ ở vị trí nào. Những báo cáo mà chúng tôi có về Pitt ở các ủy ban của Viện Bình dân khác xa với hình ảnh của Pitt ở văn phòng chính mà Wraxall đã miêu tả. Năm 1796, Charles Abbot là thành viên mới làm việc tại ủy ban thứ nhất của Pitt, ủy ban được Pitt xem là phương tiện có thể ngăn chặn sự tái bùng phát cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1795, là nơi mà Pitt cùng những người bạn xuất chúng, những người ủng hộ ông thường xuyên lui tới. Quan sát tại một buổi họp, Abbot ghi nhận:

Ngài Pitt đi xung quanh bàn và nói về công việc với tôi. Đây là lần đầu tiên chúng tôi trao đổi và trình diện trước nhau – người đứng đầu Bộ trưởng Nội các chưa bao giờ nói chuyện với tôi kể từ khi tôi bước chân vào Nghị viện.

Sau một số đề nghị cho buổi họp sau, “Ngài Pitt nói với tôi rằng tôi đã làm được nhiều điều cho ủy ban của John Sinclair hơn bất kỳ người nào khác”. Sau đó không lâu, Pitt đã gửi cho Abbot một bản sao Dự luật Tế bản của ông, tiếp đó cử Sylvester Douglas đến quản lý dự luật này và yêu cầu Abbot đảm nhiệm thêm việc quản lý dự luật. Vài tháng sau, khi Pitt cần một chủ tịch cho một ủy ban nhạy cảm hơn để kiểm tra chi tiêu công cộng, ông đã chọn Abbot.

Pitt kiểm soát rất chặt chẽ các thành viên của tất cả các ủy ban quan trọng. Đã tám lần ông phải dùng đến biện pháp bất thường là bỏ phiếu kín để lựa chọn người mà ông mong muốn với danh sách ứng cử được thảo luận trước. Ông đã dùng biện pháp này năm 1786 để thành lập một ủy ban nhằm xác định xem liệu có đủ số thặng dư để thực hiện ý tưởng thành lập Quỹ chìm hay không, và ông đã bổ nhiệm người anh họ Grenville làm chủ tịch ủy ban này. Sau này Grenville thú nhận ông không đủ tầm hiểu biết và kinh nghiệm để hoạt động trong lĩnh vực này, nhưng ông được Pitt và một chuyên gia trong lĩnh vực tài chính mới được Pitt bổ nhiệm là William Eden giúp đỡ, bởi cả Pitt và William Eden đều nằm trong ủy ban này. Ủy ban này đã giúp Pitt biết được rằng số thặng dư chỉ là 800.000 bảng, trong khi đó, theo các tính toán sau này thì phải cần 1,7 triệu bảng mới bù đủ số tiền thiếu hụt. Năm 1791, một ủy ban kiểm phiếu đã kiểm tra những kê khai chi tiêu và thu nhập công cộng. Năm 1794, Ủy ban Cơ mật có cả một số người theo Đảng Whig của Portland tham gia. Đây là những nỗ lực thành công cuối cùng của Pitt trong việc đưa đảng này vào Liên minh. Năm 1797, Ủy ban Cơ mật làm nhiệm vụ kiểm tra những khoản nợ chưa trả được của Ngân hàng Anh quốc, còn Ủy ban đặc biệt về Tài chính kiểm tra các khoản nợ công. Charles Fox không nằm trong hầu hết các ủy ban nhạy cảm, trong khi đó, các ủy ban đó vẫn có một số nhân vật chống đối ít hơn, đương nhiên là gồm những người thân cận của Pitt và các nhân vật ủng hộ Pitt không giữ trọng trách gì trong Nghị viện để ông có thể bảo toàn được những quyết định như ông mong muốn. Năm 1797, Dudley Ryder được bổ nhiệm vào ủy ban của Abbot, phụ trách các khoản nợ công. Ryder xem xét dự thảo báo cáo của các ủy ban cùng Abbot trước khi nó được trình lên Nghị viện và khi ủy ban của Abbot được triệu tập ở phiên họp tiếp theo, Pitt đích thân nghiên cứu các bản báo cáo cùng Ryder.

Trong thời gian này, Pitt luôn sử dụng những người trẻ tuổi mà ông mới tuyển làm trợ lý cho đội ngũ lãnh đạo của ông. Trong những năm 1790, hai người là Dudley Ryder và Robert Jenkinson thường có mặt trong các ủy ban phụ trách tài chính hoặc phụ trách các vấn đề kinh tế. Ryder, trưởng nam của ngài Harrowby, vào Nghị viện năm 1784 khi mới 22 tuổi. Ryder có bài diễn thuyết đầu tiên vào tháng 5/1786 nhưng đã sớm gây được ấn tượng với Pitt. Thủ tướng Pitt đã buộc Carmarthen miễn cưỡng chấp nhận Ryder làm Thứ trưởng Bộ Ngoại giao những năm 1789-1790, rồi sau đó chuyển sang vị trí nghị viên phụ trách tổ chức cao cấp và là một trong những thành viên của Ban Kiểm soát Ấn Độ những năm 1790-1791. Những năm 1790-1801, do đảm đương chức vụ tích cực nhất trong Viện Bình dân là Phó Chủ tịch Ủy ban Thương mại, Ryder đã được thưởng công bằng việc nhận những vị trí nhiều bổng lộc như Toàn quyền (1791-1800), Thủ quỹ của Hải quân Anh (1800-1801). Ryder cũng được Pitt chọn làm phụ tá trong cuộc đối đầu với Tierney năm 1798. Khi được bổ nhiệm làm Chủ tịch các ủy ban quan trọng phụ trách sự khan hiếm lương thực những năm 1795-1796 và 1800-1801, Ryder đã biện hộ cho các chính sách của chính phủ trong suốt các cuộc khủng hoảng này và vận động để các

biện pháp khắc phục khủng hoảng mà chính phủ đưa ra được thông qua trước Viện Bình dân. Jenkinson là con trai cả của ngài Liverpool, vào Nghị viện năm 1790 và được bổ nhiệm làm phát ngôn viên thường trực cấp thấp của chính phủ sau bài phát biểu đầu tiên chiếm được cảm tình của Pitt vào tháng 2/1792. Ông là thành viên của Ban Kiểm soát những năm 1793-1799, của Ban Thương mại năm 1799, được bổ nhiệm chức Thống đốc Sở Đúc tiền Hoàng gia những năm 1799-1801. Đến phiên họp năm 1799-1800, ông dẫn đầu danh sách các quan chức cấp thấp của Pitt được bổ nhiệm vào các ủy ban của Viện Bình dân (danh sách 14 người so với danh sách 9 người của Ryder) và chịu trách nhiệm đưa Dự luật về Công ty Bột mỳ và Bánh mỳ London ra trước Viện Bình dân.

Ủy ban đặc biệt của Viện Quý tộc là một vũ khí đa chức năng có khả năng linh hoạt trong việc quản lý Viện Bình dân. Với cơ cấu thành phần rộng rãi, ủy ban này dường như có những đề xuất công bằng hơn những đề nghị trực tiếp từ chính phủ, và thông qua việc tập hợp các bằng chứng, nó có thể yêu cầu tất cả nghị sĩ phải là những người hiểu biết. Do vậy, Ủy ban đặc biệt có thể được sử dụng để đưa ra những ý kiến mang tính quyết định ủng hộ chính sách của Pitt và là công cụ có thể lực để gây ảnh hưởng với những thành viên Nghị viện không giữ trọng trách trong chính phủ. Ủy ban đặc biệt cũng được sử dụng để làm chệch hướng việc chỉ trích chính phủ, như trường hợp năm 1797, khi Pitt cần phải biện hộ cho việc Ngân hàng Anh quốc ngừng chi trả tiền mặt. Ủy ban này cũng được sử dụng để trì hoãn những đòi hỏi không cần thiết cho một hành động khẩn cấp, như cuộc Khủng hoảng tài chính năm 1797, Pitt phải đối mặt với những yêu cầu cấp bách đòi phải hủy bỏ những vị trí ngồi mát ăn bát vàng và cắt giảm lương của công chức, hoặc năm 1800, khi Ủy ban Lương thực làm nguôi đi làn sóng đòi kiểm soát giá cả. Ủy ban đặc biệt cũng được sử dụng để giúp chính phủ thay đổi chính sách ở những thời điểm nhạy cảm mà không bị chỉ trích, như trường hợp của Ủy ban Lương thực năm 1795, khi Pitt bãi bỏ chính sách can thiệp vào việc buôn bán tự do trong thời điểm đói kém năm đó và cũng trong trường hợp này, Pitt bị một người phản đối có tài chiến lược hơn miêu tả là đã làm việc trong “một liên minh quá tầm thường với Ryder (Chủ tịch Ủy ban Lương thực) và Jenkinson Jr.”.

Các ủy ban đặc biệt cũng có thể được sử dụng tích cực để tăng cường luật pháp. Các ủy ban đặc biệt của những năm 1794-1799 đã nhanh chóng đình chỉ lệnh đình quyền giam giữ, đồng thời cấm các tổ chức xúi giục nổi loạn. Tuy nhiên, ví dụ điển hình nhất về việc Pitt sử dụng hiệu quả hệ thống ủy ban này là trường hợp áp dụng đối với các bến tàu ở London.

Năm 1796, một ủy ban được thành lập nhằm điều tra việc buôn bán của cảng London. Có 36 nghị sĩ (bao gồm cả Pitt) cùng tất cả các nghị sĩ thành phố London và các hạt lân cận được bổ nhiệm vào ủy ban này. Bộ máy quá công kênh và quá nhiều quyền lợi bất di bất dịch được bảo đảm này không có việc gì để làm cho tới đến khi Pitt bất ngờ phát hiện Bộ Tài chính đang bị thất thu một số lượng lớn thuế do nạn chôn chĩa hoặc buôn lậu của các tàu. Do đó, năm 1799, Pitt thành lập một ủy ban đặc biệt gồm 14 nhân vật nòng cốt để nghiên cứu tìm ra giải pháp. Pitt bổ nhiệm một trong những cánh tay đắc lực của ông, Jenkinson (lúc này là ngài Hawkesbury) làm Chủ tịch và chính ông cũng nằm trong ủy ban này. Ủy ban này còn có hai thành viên của Ủy ban Tài chính (Douglas và Smyth), hai cố vấn tài chính của Pitt (Fordyce và Nicholas Vansittart), hai chuyên gia về thủ tục (Abbot và Bragge), hai người bạn thân của Pitt và là những phát ngôn viên có ảnh hưởng trong Viện Bình dân (Steele và Wilberforce), hai người ủng hộ có ảnh hưởng trong Nghị viện nhưng không giữ trọng trách trong chính phủ (Hawkins-Browne và Burdon), Tư lệnh Hải quân và là thương gia vùng Đông Ấn, George Vansittart. Kết quả điều tra được kỹ sư Thomas Telford miêu tả lại vào năm 1800 như sau:

Tôi đã hai lần được tham dự Ủy ban đặc biệt ở cảng London do ngài Hawkesbury làm Chủ tịch. Vấn đề ở cảng London lúc đó đã thảo luận được bốn năm và có thể sẽ phải kéo dài thêm nhiều thời gian nữa nếu ngài Pitt không rút vấn đề này chuyển sang Ủy ban đặc biệt. Năm cuối cùng, họ đề nghị hệ thống các cảng nên được thành lập ở Isle of Dogs¹... Lúc đó, có hai đề xuất khác được cân nhắc, một là thành lập một hệ thống các bến cảng khác ở Wapping, hai là phá bỏ cầu London và thành lập một cảng mới cho các tàu... giữa London và các cầu ở Blackfriars.

Đạo luật Bến cảng Tây Ấn năm 1799 và Đạo luật Bến cảng London năm 1800 đã giúp các bến cảng ở những khu vực này bảo đảm được hàng hóa và thuế hải quan (chúng đã bổ sung vào nguồn thuế hải quan khoảng 800.000 bảng Anh trong 3 năm đầu tiên). Theo ghi chép của Abbot về các cuộc họp của ủy ban này, ta có thể nhận thấy Pitt đã thành lập ủy ban và tham dự các cuộc họp ban đầu để hướng ủy ban này theo ý mình, sau đó ông giao lại cho các chuyên gia của mình bàn thảo để đưa ra những kết luận thỏa đáng. Sau này, thi thoảng ông mới can thiệp vào công việc của ủy ban này.

Theo quan điểm truyền thống, phương pháp điều hành Viện Bình dân của Pitt theo kiểu “cầu xin và để những người khác tập trung sự ủng hộ sao cho sự cầu xin của ông không gây ảnh hưởng gì” đã thể hiện tài năng của Pitt trong những nỗ lực tìm kiếm sự ủng hộ. Pitt bồi dưỡng những người lanh lợi và vì công việc hầu hết là những thành viên Nghị viện không giữ trọng trách quan trọng nhưng có lương tâm trách nhiệm sau đó bổ nhiệm họ vào các ủy ban của Viện Bình dân. Đây chính là công cụ hiệu quả nhất và có ảnh hưởng nhất trong việc điều hành các vấn đề của Viện Bình dân, qua đó ông cũng giữ được sự kiểm soát chặt chẽ. Pitt thường sử dụng báo cáo và đề xuất của các ủy ban này và tổ chức triển khai một nhóm người để thuyết phục các nghị sĩ đồng ý. Đây là cách quản lý do Pitt nghĩ ra chứ không phải là nguyên tắc của đảng, nhưng nó đã được chứng minh là có sức thuyết phục và rất hiệu quả.

TRƯỞNG THÀNH SAU THẤT BẠI VÀ MẠNH MẼ SAU MỖI LẦN THẤT VỌNG

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng Pitt có một khoảng thời gian không mấy dễ dàng ở Nghị viện. Nhiều người đã rời bỏ Pitt. Trong nhiệm kỳ Nghị viện khóa 1784-1790, Tierney là một người như vậy. Không sự quan tâm nào có thể thỏa mãn được Công tước Northumberland khó tính, vì vậy Pitt không hề dẫn đo khi tấn công Công tước này ở khu vực cử tri của ông ta trong kỳ bầu cử năm 1796. Shelburne (Hầu tước Lansdowne) và những người ủng hộ ông cũng cắt đứt quan hệ với Pitt do bất đồng quan điểm về Cách mạng Pháp.

Đáng chú ý hơn, việc Pitt quan niệm thuyết phục Viện Bình dân bằng tranh luận chứ không phải bằng cách siết chặt kỷ luật đã khiến ông phải đối mặt với “một cuộc nổi loạn” của những thành viên không giữ trọng trách trong Nghị viện ở hầu hết các lĩnh vực. Sau những thất bại trong vụ xây công sự của Richmond năm 1786, năm 1788, một lần nữa Pitt lại rơi vào tình thế khó khăn khi ông nỗ lực bảo vệ việc thăng chức cho tướng Hải quân Howe và Dự luật Ấn Độ của Dundas, phản đối sự bôi nhọ vị thẩm phán Elijah Impey ở Ấn Độ. Grenville than phiền: “Đây là một điều thật khủng khiếp đối với chính phủ, khi mà những nghị kỵ lẫn nhau lại thường xuyên xảy ra đến thế”. Một “bên thứ ba” gồm 26 nghị sĩ và khanh tướng được thành lập để phản đối đề xuất tồi và ủng hộ đề xuất tốt do bất cứ bên nào đề nghị. Khủng hoảng chế độ nhiếp chính xảy ra lại một lần nữa chia rẽ những người trung thành với

Pitt. Thêm vào đó, tất cả những thành công trong những năm 1789-1790 cũng không thể giúp ông tránh được thất bại thảm hại năm 1791, niềm tin của các thành viên Viện Bình dân đối với đề xuất vũ khí chống lại Nga của ông đã nhanh chóng tan vỡ khiến ông lập tức phải từ bỏ đề xuất này.

Pitt vẫn đứng vững, nhưng đó không phải là nhờ chiến thắng của Pitt trước Thurlow năm 1794, cũng không phải nhờ việc liên kết với nhiều người thuộc Liên minh đối lập trước đây trong những năm 1793-1794. Cuối năm 1794, phong trào vì hòa bình dấy lên. Wilberforce lãnh đạo phong trào này và thu hút những nghị sĩ khác ở các hạt tham gia. Không lâu sau, sự phản đối trong Nghị viện về mức độ thanh toán cho đám cưới của Thái tử xứ Wales đã buộc Pitt phải thừa nhận trước Vua Anh rằng ông không thể đáp ứng được khoản kinh phí như đề nghị ban đầu và thất bại này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Nghị viện trong tương lai cũng như kỳ bầu cử tới. Mornington đã mô tả phiên họp năm 1794-1795 là “phiên họp khó chịu nhất mà tôi từng gặp”. Tuy nhiên, phiên họp năm 1797 còn tệ hơn thế. Lục địa châu Âu cuối cùng thất bại, nỗi sợ hãi bị xâm lược luôn thường trực, mọi người đổ xô đi rút tiền khiến các ngân hàng phải tạm dừng chi trả tiền mặt, binh sĩ nổi loạn tại các hạm đội, và cả sự chống đối Pitt – một người dường như đang thiếu sinh lực. Canning đã mô tả phiên họp đó là “một mùa đầy mưa giông và bão tố”. Tiếp đến là phiên họp năm 1797-1798 và 1798-1799, Pitt đã phải nỗ lực đấu tranh để phiên họp thông qua những chính sách tài chính mới của mình.

Tuy nhiên, Pitt đã đứng vững. Một lần nữa, chính thời gian, khả năng tranh luận và cách tiến hành các thủ tục đối với các đảng phái khác, cộng với những sơ suất của đối thủ và sự nhạy cảm chính trị đã cứu sống ông. Trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, Pitt đã thể hiện tài đối đáp tuyệt vời khi Fox một mực quả quyết rằng Nghị viện không có quyền phân định quyền của người nhiếp chính mà chỉ có quyền quyết định khi nào quyền đó được chuyển giao cho người nhiếp chính mà thôi. Pitt vỗ đùi và tuyên bố với người ngồi cạnh rằng “tôi sẽ không bao giờ gia nhập Đảng Whig trong suốt phần đời còn lại”, đồng thời khai thác triệt để lời khẳng định của Fox nhằm biện hộ cho việc thành lập một ủy ban xác định quyền của Nghị viện về việc giải quyết vấn đề này, kéo dài thời gian chờ Vua Anh hồi phục và giúp ông trở thành người có quyền cao nhất trong Nghị viện, trên cả những quyền có tính chất cha truyền con nối.

Theo lựa chọn, Pitt là người diễn thuyết thường xuyên nhất ở Viện Bình dân, đây cũng là mong muốn của hầu hết các thành viên Viện Bình dân. Thành công của chính phủ phụ thuộc rất nhiều vào sự thể hiện của ông. Điều này được thể hiện rõ trong thời gian ông bị ốm. Bài phát biểu của “cậu bé nóng tính” trong ngày 17/2/1782 đúng vào thời điểm Wilberforce mô tả “dạ dày Pitt có vấn đề, ông vừa mở cửa chạy ra hành lang vừa nôn trong khi đối thủ Fox phát biểu”. Pitt gặp rắc rối trong phiên họp thông qua đề cương Dự luật Giải thích ngày 5/3/1788, vì theo Bulkeley, ông “thiếu khí thế và mất hết tinh thần do không khí nóng bức trong tòa nhà và hậu quả của việc say mềm vào đêm hôm trước... với Dundas và phu nhân Công tước Gordon”. Ông đã vấp sai lầm ngay từ lời nói đầu tiên và quá rối trí để có thể sửa lỗi khi kết thúc buổi thảo luận. Tuy nhiên, Pitt có khả năng phi thường để bật khỏi những thảm họa đó. Bốn ngày sau sự thể hiện của “cậu bé nóng tính”, ông đã có một bài diễn thuyết ấn tượng trong đời, trong khi đó, số đông người ủng hộ ông đã nhanh chóng có tư tưởng hòa giải trong phiên họp thông qua chi tiết của Dự luật Giải thích.

Pitt rất có kinh nghiệm trong việc xoay chuyển mối nguy trước mắt bằng việc sử dụng các ủy ban đặc biệt, nhưng ông cũng biết khi nào phải nhún mình trước ý kiến của Viện Bình dân. Nhiều lần, ông tìm hướng giải quyết vấn đề bằng nhượng bộ, như rút đề xuất Vũ khí Nga năm 1791 hoặc không áp

dụng thuế tài sản kế thừa năm 1796, bãi bỏ các điều luật không phù hợp như luật thuế cửa hàng bán hành năm 1785 vào năm 1789, thuế mạch nha thừa bán hành năm 1791 vào năm 1792. Sau khi đánh lui những đề nghị hòa giải vào nửa đầu năm 1795, bài phát biểu khai mạc phiên họp kế tiếp vào tháng 10 của Pitt được Canning mô tả:

Thật tuyệt vời, bài phát biểu đã để lại ấn tượng trong Viện Bình dân, vượt ngoài những gì mà tôi có thể tưởng tượng. Lời tuyên bố của Pitt về khả năng quan hệ với chính phủ mới của Pháp dường như cuốn hút tâm trí mọi người, tất cả họ đều đồng loạt nhất trí... Wilberforce và những người ủng hộ ông ta đều quay trở về với chúng tôi. Vậy là kết thúc ba năm cuộc chiến không mấy thành công, giờ Pitt đã mạnh hơn và lấy lại được sức mạnh, còn phe đối lập thì chưa bao giờ lại xa rời mục tiêu của họ đến như vậy.

Để làm dịu làn sóng phản đối, Pitt đã tiến hành một số sửa đổi đối với luật thuế định mức vào tháng 11/1797 và thuế thu nhập vào tháng 12/1798. Nhiều người, trong đó có cả Vua Anh, cho rằng Pitt đã quá nhượng bộ. Nhưng điều này đã giúp ông chiếm được niềm tin của Viện Bình dân và tạo khả năng cho ông đạt được những thành công đáng kể mà trước đây không thể có được, như mở rộng thuế đánh vào một số mặt hàng trong nước năm 1786-1790, thuế thu nhập năm 1798-1799, liên minh với Ireland năm 1799-1800 (vượt quá xa so với những đề nghị không thành của ông năm 1785). Ông cũng tránh được sự vi phạm quyền hạn của Nghị viện rất tài tình (đưa lính đánh thuê của Hessian vào Anh và thành lập được các công ty tình nguyện bằng việc chỉ đạo trực tiếp các quan đại diện nhà vua ở quận mà không cần tham khảo ý kiến Nghị viện vào năm 1794, chỉ đạo Ngân hàng Anh quốc viện trợ những khoản tài chính bí mật cho Áo năm 1796 – khoản mà ông đã phải thuyết phục Nghị viện thông qua khoản bồi thường không kỳ hạn).

Các thành viên Nghị viện ủng hộ Pitt, phần vì họ kính trọng tài năng và sự liêm chính của ông, phần vì họ không thích Fox sẽ thay thế ông. Fox đã phải nỗ lực vượt qua những vết nhơ của mình: liên minh với North và Dự luật Ấn Độ, trong khi đó việc ông tán thành nguyên nhân của cuộc Cách mạng Pháp và kiên trì phản đối cuộc chiến đã đi ngược lại quan điểm của đa số. Khi không thể đánh bại Pitt trong cuộc khủng hoảng năm 1797, Fox và hầu hết đồng sự thân cận đứng đầu phe đối lập của ông ta không có mặt trong Nghị viện mà chỉ thành lập phe cánh tả. Chỉ còn Tierney trong Nghị viện để bày tỏ ý kiến của phe đối lập, và trong tất cả các cuộc đọ sức tay đôi, Pitt đều chứng tỏ được những khả năng của mình. Quý bà Holland hỏi tại sao không chặn đứng Tierney, "Pitt trả lời rằng Tierney là thành viên của Nghị viện, một cận thần rất mực trung thành và có phẩm chất đáng trân trọng". Quý bà này ghi nhận: "Câu trả lời này không thật lòng" và "có ý như một lời khiển trách đối với một câu hỏi ngớ ngẩn. Không điều gì thể hiện sự thiếu hiểu biết về phong tục, thị hiếu của người Anh hơn là khiển trách một thành viên của Nghị viện trước mặt Thủ tướng Anh". Pitt sẵn sàng lắng nghe và tranh luận với các nghị sĩ trong các cuộc thảo luận ở Nghị viện và bảo vệ họ bên ngoài Nghị viện. Bản năng hùng biện trong ông sẽ tiếp tục khiến ông phải hét lên "Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe" cho đến hết cuộc đời, giúp ông trở thành "một chiến sĩ" trong Viện Bình dân, tại thời điểm là Bộ trưởng của Vua Anh. Khả năng chiếm lòng tin của Tòa án và Viện Bình dân đã giúp ông vượt qua những khó khăn cơ bản trong hệ thống pháp quyền của Anh thế kỷ XVIII.

Đức tính kiên cường, tài năng và tinh thần lạc quan vô hạn đã giúp Pitt vượt qua thất bại. Và dường như chính thất bại lại giúp ông củng cố thêm địa vị. Pitt là một Bộ trưởng:

Trở thành sau thất bại và mạnh mẽ sau mỗi lần thất vọng. Sự phản đối của mọi người trong trường hợp này lại củng cố thêm sức mạnh cho ông trong trường hợp khác. Thất bại là bàn đạp để ông tiến tới thành công trong lần sau; nếu ông bị ngã hôm nay, ngày mai ông sẽ đứng dậy với một sức mạnh mới, sinh lực mới.

Năm 1798, Robert Clayton, một đối thủ không giữ trọng trách trong chính phủ, đã đúc rút: “Trên thực tế, Bộ trưởng hiện nay của chúng ta đã gọi cho tôi nghĩ đến hình ảnh của một con mèo; khi chúng ta vật ngựa và ném nó lên, nó sẽ luôn xoay mình và hạ xuống vững vàng trên đôi chân của nó”.

CHƯƠNG 6. “Ấn tượng và tình cảm của dân chúng đối với phe của Pitt”: Pitt và nhân dân

SỨC HẤP DẪN ĐỐI VỚI DÂN CHÚNG

Là Bộ trưởng không hề dính líu tới tham nhũng của triều đình và các đảng phái, Pitt cần sự ủng hộ của dân chúng để duy trì sức mạnh chính trị. Trong bài diễn văn ngày 21/2/1783, ông đã trực tiếp kêu gọi dân chúng ủng hộ và lên nắm quyền trong cuộc khủng hoảng diễn ra đầu năm 1784. Trong tiềm thức, Pitt nhận thấy phe của ông cần phải chiếm được “ấn tượng và tình cảm của đông đảo dân chúng” và ông cho rằng đây cũng là yếu tố cần thiết đối với một chính phủ. Lòng tin và sự ngưỡng mộ của dân chúng dành cho ông trong những năm 1780 đã giúp ông vượt qua giai đoạn khó khăn. Khi đó, chính khả năng vận động, quyết tâm giành sự ủng hộ của dân chúng và những thành công trong hoạt động này đã giúp ông trở thành Bộ trưởng đáng gờm nhất đối với các đối thủ, những người cũng đang tìm kiếm sự ủng hộ như ông.

Pitt vào Nghị viện với vai trò là đại diện của một thành phố nghèo nàn, không mấy tiếng tăm. Do vậy, ông không được tiếp xúc rộng rãi với dân chúng cho đến khi tham gia cuộc đấu tranh đòi cải tổ Nghị viện. Ngay sau đó, ông nổi danh là một nhà cải tổ và được Christopher Wyvill – vị lãnh đạo đầy uy quyền của Hiệp hội Yorkshire – ủng hộ. Mục tiêu của Pitt, như ông từng tuyên bố khi trở thành nhà lãnh đạo đầu tiên đưa ra Dự luật Cải tổ Nghị viện tháng 4/1785, là tạo ra “một Nghị viện mà ở đó nghị sĩ và nhân dân đều có chung lợi ích và có sự đồng cảm cao nhất”. Ông cho rằng thời kỳ vẻ vang nhất của lịch sử một đất nước là thời kỳ mà nhân dân đặt trọn niềm tin vào các nghị sĩ và các nghị sĩ đặt trọn niềm tin vào các bộ trưởng. Sự trong sạch của các nghị sĩ chính là yếu tố đáng tin cậy nhất để dân chúng đặt niềm tin.

Ông thừa nhận vẫn có những người với nhân cách đạo đức và bản lĩnh chính trực đã vượt lên trên tình trạng tham nhũng và suy đồi chung của xã hội, khiến cả Nghị viện và nhân dân đều ngưỡng mộ. Ông luôn khắc ghi hình ảnh người cha và mong muốn có được vai trò như cha. Cả cuộc đời, lúc nào ông cũng cố gắng duy trì phẩm chất ấy và coi đó là cách thức hiệu quả giúp ông nhận được sự ủng hộ từ nhân dân. Thái độ coi thường địa vị và tiền bạc là điểm cốt yếu trong nhân cách của ông. Ông ít quan tâm đến giới quý tộc cũ. Điều này thể hiện rõ ràng qua nhãn quan của ông về giới thượng lưu với việc phong tước mới. Cháu gái ông cho biết ông đã tuyên bố rằng cuộc cách mạng Tom Paine¹ hoàn toàn là vì quyền lợi của giới thượng lưu. Khi Abercorn – một người bạn của ông – với thái độ ngạo mạn huênh hoang nói rằng sự hoàn hảo nhất của con người không nằm trong tầng lớp lao động mà thuộc về giới quý tộc, ông đã mỉa mai cắt ngang: “Liệu đó có phải thuộc về giới quý tộc mới chẳng”? Ông đã để lại cấp tước Ga-tơ mà nhiều người mơ ước cho anh trai mình. Trước đây, cha ông nổi danh là một “người bình dân đáng kính” và ông xác định mình cần phải là một “ông Pitt” vừa giản dị, vừa dân dã. Warawall viết rằng “thái độ khinh thường tiền bạc” khi ông không thèm đếm xỉa đến chức thư ký năm 1784 đã “nhận được sự tán dương của đông đảo dân chúng theo ông suốt cả cuộc đời, thậm chí khi ông đã sang thế giới bên kia”. Năm 1789, một sử gia ca ngợi: “Với lòng yêu nước chân thành, ông chẳng nhận được một chút tiền bạc, quyền lợi và danh vọng, không địa vị và không một chút hứa hẹn

trong Hoàng gia.”

Suốt cuộc đời, Pitt sống trong nợ nần song không phải do ông chi tiêu hoang phí hay không chú tâm đến lao động. Gia sản nghèo nàn của Pitt khiến ông ghê sợ sự cám dỗ của cờ bạc và tránh xa trường đua ngựa – hai thú tiêu khiển xa xỉ của giới thượng lưu mà Fox, đối thủ của ông, rất đam mê. Khi lên làm Thủ tướng, ông không cho dựng cung điện như Walpole từng làm ở Houghton, thay vào đó, ông chỉ xây dựng một biệt thự khiêm tốn ở vùng quê xứ Kent. Bản kê khai chi tiêu của ông cho thấy đua ngựa là thú vui rất tốn kém của ông, còn Ehrman cho rằng số tiền trong bản kê khai có thể bị ghi tăng lên (thế nhưng sau này Mornington nhớ lại là Pitt rất thích cưỡi ngựa, những giai thoại về các cuộc phi nước đại của Pitt trong những năm 1780 cho thấy sở thích tốc độ đã làm hao tổn không ít tiền bạc). Không quan tâm đến khoản thu nhập rất eo hẹp, Pitt luôn gửi tiền về cho mẹ trong khi điều kiện tài chính của ông còn đang chật vật. Vậy mà khi bị đe dọa mất chức trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, ông đã từ chối đề nghị của các thương gia thành phố xin được hỗ trợ một khoản tiền giá trị 100.000 bảng. Có người nói rằng ông đã trở lại nghề luật sư để duy trì cuộc sống. Chỉ đến năm 1792, ông mới làm theo nguyện vọng của Vua Anh và nhận chức Quản lý Cùm cảng Cinque. Thu nhập 3.000 bảng từ vị trí này đã giúp ông bớt khó khăn tài chính (năm sau ông đã gửi chủ ngân hàng Coutts mức lương 4.000 bảng được nhận từ cương vị Thủ tướng Anh). Tuy nhiên, lúc này ông có động cơ lớn hơn là muốn giành được biểu hiện ủng hộ rõ rệt của Hoàng gia để khẳng định chiến thắng trước đối thủ Thurlow. Mặc dù rất lo lắng về phản ứng của dân chúng trước những thuận lợi mà ông đã mang lại cho người thân, Pitt vẫn cố gắng thể hiện bản chất chính trực, không tham tiền bạc và địa vị trong chính phủ. Khi Dundas bị kết tội tham ô tài chính năm 1805, cháu của Pitt nghe thấy người dân xứ Kent nói về ông là “người trung thực nhất trong số các nhà lãnh đạo và là người duy nhất có bàn tay sạch”.

Bên cạnh bản chất liêm chính, tuổi trẻ của Pitt cũng là yếu tố mà công luận chú ý. Năm 1789, ông chưa đến tuổi 30. Các bức tranh và các bản balat thời kỳ đầu thường mỉa mai tuổi tác của ông và gọi ông là “cậu bé Billy”, còn người dân gọi ông là “Billy Pitt”. Vào những năm 1790, nhiều người biết đến thói quen uống rượu của ông và nó đã trở thành đề tài trong các bức tranh và thơ ca châm biếm. Tuy nhiên, may mắn cho ông là những thói xấu và hoạt động chính trị thiếu thận trọng của Fox đã trở thành mục tiêu bị các ấn phẩm công kích nhiều hơn. James Sayers được nhận chức “ngồi mát ăn bát vàng” là phụ trách công việc hoàng gia, vị trí thuộc Bộ Tài chính vì đã loại bỏ Fox trong cuộc khủng hoảng Dự luật Ấn Độ. James Gillray đã tặng Pitt bức biếm họa đặc sắc của mình. Pitt dán nó lên tường tòa biệt thự ở Kent và trao cho ông ta một khoản trợ cấp của chính phủ vào năm 1797. Có lẽ Pitt là người may mắn lên nắm quyền lực trong thời đại hoàng kim của nghệ thuật biếm họa chính trị², do đó ông trở thành vị Thủ tướng được các ấn phẩm đề cập nhiều nhất trong thế kỷ và được dân chúng biết đến nhiều nhất.

UY TÍN CỦA PITT

Các ấn phẩm vẫn nhắc nhiều đến ông. Mặc dù rất mong được dân chúng ủng hộ, song ông không để mình trở thành công cụ của dư luận. Năm 1784, ông đã cố gắng và giành được một vị trí độc lập mà không phải phụ thuộc nhiều vào dân chúng (đó là trường đại học Cambridge, nơi ông đã gắn bó đến tận cuối đời). Ông đưa ra phương thức lãnh đạo độc lập và không mấy phụ thuộc vào dân chúng. Đây chính là yếu tố quan trọng để dân chúng đặt niềm tin vào ông. Ngay từ những ngày đầu tiên làm Bộ trưởng, ông đã xác định quan điểm sẵn sàng đánh mất uy tín với dân chúng trong một thời gian ngắn để giành lại những thuận lợi lâu dài về sau. Grenville cho rằng để có được suy nghĩ như vậy là không dễ

chút nào đối với một thanh niên đang rất phân chân trước sự ngưỡng mộ và lòng tin của dân chúng. Năm 1785, một cuộc biểu tình ở Westminster đã xảy ra nhằm chống lại quyết định của ông về vấn đề thuế và tháng 11 năm đó, ông bị nhóm người biểu tình ném đá. Tuy nhiên, ông xem nhẹ việc này và cho rằng đó là việc khó tránh khỏi đối với những người mới bước vào hoạt động chính trị. Ông coi những cuộc biểu tình kích động này là một chướng ngại vật của hệ thống chính trị Anh và phải kiên trì giải quyết bằng những quyết định cứng rắn. Trước sự phản đối của dân chúng về việc ông quyết định tăng thuế định mức năm 1797, ông đã cương quyết “nguyên tắc hiến pháp chưa bao giờ quy định rằng những người đại diện cho dân nên xoay chuyển theo mọi mong muốn của dân”. Khi bàn về trách nhiệm của nhân dân, ông không đồng tình với quan điểm cho rằng “cơ quan lập pháp nên tham khảo ý kiến của dân chúng để đối lấy sự an toàn của xã hội”.

Quan điểm này được nhiều người ngưỡng mộ, song nó đã khiến ông mất đi sự ủng hộ của người dân. Đầu tiên phải kể đến tín đồ Đạo Tin Lành không theo nhà thờ chính thống³ từng ủng hộ ông vào những năm 1784 với hy vọng ông sẽ noi gương người cha ủng hộ chiến dịch đòi quyền công dân của họ năm 1772. Pitt không có niềm tin mãnh liệt vào tôn giáo. Wilberforce, người theo phái Phúc âm, cho biết: “Pitt đam mê chính trị đến nỗi ông không bao giờ dành thời gian suy nghĩ kỹ lưỡng về vấn đề tôn giáo”. Ông không có tình cảm sâu sắc đối với Giáo hội Anh giáo, coi những đòi hỏi thăng cấp của linh mục là điều phiền toái nhất và quyền mà họ được hưởng thuế thập phân tính bằng hiện vật là cản trở lớn nhất đối với sự phát triển nông nghiệp. Giống như cha mình, quan điểm của ông là cần đảm bảo đầy đủ quyền chính đáng và hợp pháp cho tín đồ Đạo Tin Lành. Tuy nhiên, công bằng hơn cha, bất chấp sự cảnh báo của Anh giáo, Pitt đã vận động để Đạo luật của Mitford được thông qua, đem lại quyền công dân đầy đủ và quyền được sinh hoạt tôn giáo cho tín đồ Công giáo Anh. Ở Ireland, ông còn sẵn sàng tiến hành các biện pháp mạnh hơn để ủng hộ đại đa số giáo dân Công giáo.

Tuy nhiên, năm 1787, khi các tín đồ Tin Lành tiến hành chiến dịch đòi xóa bỏ các Đạo luật Thử nghiệm và Hợp nhất nhằm hạn chế hợp pháp các buổi Thánh lễ của Anh giáo, Pitt tuyên bố phản đối và ba lần, vào các năm 1787, 1789, 1790 Pitt ngăn cản được nỗ lực đòi xóa bỏ dự luật này. Ông thừa nhận đây là hành động mang động cơ cá nhân vì ông tin vào sự hữu ích của Nhà thờ được thừa nhận là quốc giáo Chính thống. Năm 1787, khi ông tham khảo ý kiến của các giám mục, chỉ có hai người ủng hộ, do vậy ông không muốn làm ảnh hưởng đến Giáo hội Anh giáo và những người ủng hộ Giáo hội. Năm 1794, trước đề nghị của Canning về vấn đề xóa bỏ việc kiểm tra tôn giáo đối với các sĩ quan trong lực lượng vũ trang, Pitt khuyên:

Anh giáo chiếm phần đông trên đất nước Anh. Giá trị mà nó mang lại đối với lĩnh vực tôn giáo là đặc biệt lớn (ở đây ông tự cho rằng ông mới nói đến một phần nhỏ tầm quan trọng của nó). Vì vậy, thật là vội vã đối với một chàng trai mới bước chân vào đời sống chính trị có khả năng trở thành hoặc tiếp tục là một nhân vật được dân chúng mến mộ lại làm những điều không cần thiết gây định kiến với số đông khiến họ chống lại.

Pitt phải đối mặt với một trong hai phía. Khi Pitt chịu nhượng bộ trước sự chống đối của các giám mục nhằm bãi bỏ đạo luật và tiếp đó là với các đề xuất của ông về thay thế thuế thập phân⁴ bằng thuế tiền mặt, ông đã đánh mất sự ủng hộ trước đó của tín đồ Đạo Tin Lành. Tuy nhiên, quyết định này đã mang lại nhiều thuận lợi trong những năm 1790. Khi đó giới tăng lữ của Giáo hội Anh giáo đi đầu

trong chiến dịch vận động chống lại tư tưởng cách mạng và đóng vai trò là lực lượng tập hợp những tâm lòng yêu nước ở địa phương vào năm 1798, còn các tín đồ đứng về phía “Giáo hội và Vua Anh” chống lại những người không theo tôn giáo chính thống bất mãn đòi cải tổ Nghị viện và tán dương thành quả của Cách mạng Pháp trong việc gỡ bỏ rào cản của tôn giáo đối với hoạt động chính trị.

Nhiều nhà cải tổ Nghị viện cũng hụt hẫng khi Pitt từ bỏ quyết tâm cải tổ Nghị viện. Còn dân chúng thì hoàn toàn thất vọng. Nếu như năm 1783, ông đã nhận được 35 thỉnh nguyện thư ủng hộ thì vào năm 1785, ông chỉ nhận được 12 đơn. Năm 1787, Wyvil đã thừa nhận rằng sau thất bại năm đó, đất nước thịnh vượng nhờ những thành công lớn mà ông đạt được trong hoạt động cải tổ kinh tế đã khiến “cả nước không mấy ai quan tâm đến vấn đề thay đổi Nghị viện”. Vài năm sau, Pitt đấu tranh đòi từng bước cải tổ thông lệ bầu cử dưới các hình thức như: ủng hộ biện pháp rút ngắn thời gian bầu cử và khảo sát bầu cử vào năm 1785, cho phép dân cư tạm trú ở các hạt và thành phố được tham gia bầu cử vào năm 1786, thông qua dự luật của Mahon (giờ là Bá tước Stanhope) vào năm 1788 sau khi đã ba lần bị Viện Quý tộc bác bỏ, giúp hoạt động điều hành bầu cử của đất nước trở lên tốt hơn. Tuy nhiên, năm 1789, dự luật này lại bị hủy bỏ vì vấp phải sự phản đối kịch liệt của các cử tri, đặc biệt bị 24 thỉnh nguyện thư từ các hạt thân phe đối lập phản đối, khiến toàn bộ nhiệt huyết mà ông đã dốc vào đó tiêu tan. Từ năm 1790 trở đi, ông phản đối những đề xuất mới và kiên trì với ý tưởng cải tổ Nghị viện.

Pitt hy vọng sẽ có một thời điểm mà tất cả đều nhất trí với mức độ cải tổ vừa phải, lúc đó những người đối lập sẽ vượt qua được mọi lo ngại. Tuy nhiên, nó không giống với sự thay đổi trong cuộc Cách mạng Pháp nổ ra năm 1789 mà theo một hướng khác, đó là giành lại quyền bầu cử toàn dân mà trước đây ông từng bác bỏ. Năm 1785, khi đề nghị bổ sung những chủ sở hữu đất theo đạo luật cũ vào danh sách cử tri của hạt, ông đã tính đến việc tăng thêm đại diện cho Viện Bình dân bằng cách tăng thêm số ghế chứ không phải là mở rộng quyền bầu cử. Các nhà cải tổ bức tức vì ý tưởng của mình không thành đã buộc tội Pitt là sớm bỏ cuộc. Ông giải thích rằng ông làm thế nhằm tăng cường và bình ổn hiến pháp cũ. Tuy nhiên, nhiều người theo khuynh hướng cải tổ trong những năm 1790 xem đây là cơ hội để thay thế hiến pháp hiện hành bằng hiến pháp theo kiểu cộng hòa của Pháp hoặc Mỹ. Thông thường, những cuộc cải tổ không có cách mạng muốn thành công phải được sự nhất trí cao của các chính trị gia. Song, những năm 1790 không có những dấu hiệu này bởi sự phản đối của số đông đối với đề nghị của Grey trong năm 1793 và 1797. Pitt khẳng định: nếu đem áp đặt nhu cầu cải tổ của thiểu số đối với đa số sẽ khiến họ mất tinh thần, kích động các phần tử cực đoan và xa hơn nữa, có thể dẫn tới các bước cách mạng khác. Đây là quan điểm của Wyvill, người từng cắt quan hệ với Pitt trong những năm 1790 và cũng là quan điểm của đa số chính khách. Quý bà Holland, cháu dâu của Fox, cho biết: Pitt luôn được lòng dân ngay cả khi ông phản đối đề nghị cải tổ của Grey vào năm 1797 cũng như khi ông đưa ra đề nghị này vào những năm trước đó.

Pitt rất nhạy bén trước các vấn đề quốc gia, tuy nhiên điều này có được là nhờ bản năng hơn là kinh nghiệm giao tiếp. Năm 1800, ông thú nhận rằng mình “thiếu kinh nghiệm trong các vấn đề quốc gia”, do đó trong lĩnh vực này thường “mình ông một kiểu suy nghĩ”. Ông thiếu va chạm trong việc điều hành các cuộc tụ họp và luôn cảm thấy mất tự tin trước các buổi lễ có sự tham gia của đông đảo dân chúng. Hester Stanhorne, cháu gái Pitt, cho biết vào những năm cuối nhiệm kỳ, đôi lúc Pitt yêu cầu cô phải giữ chặt cánh tay mình để tránh vấp phải những biểu hiện không lịch sự trước dân chúng; ông cũng rất căng thẳng trước sự nghênh đón của đám đông. Trên đường đi qua một thị trấn để gặp Vua Anh ở Weymouth, xe ngựa của ông đã bị một đoàn người hò reo lôi kéo đến mức sau đây ông phải thoát

lên: “Ta sợ kinh khủng!” Tuy nhiên, rất may mắn là chức Bộ trưởng Tài chính đã tạo cho ông cơ hội được thường xuyên tiếp xúc với các đại diện kinh tế trong nước. Song sự khởi đầu trong hoạt động này lại không mấy tốt đẹp bởi ông bị các nhà nắm Dự luật Hải quân, các ông chủ đua ngựa và các nhà sản xuất sợi ở Glasgow và Manchester phản nản về thái độ “khinh khỉnh”, “thiếu lịch sự” và “kiêu căng” khi các đại diện của họ phản đối ngân sách năm 1784 của ông. Tiếp theo, ông đã phải nhượng bộ cả ba nhóm này mặc dù không kịp ngăn cản các nhà sản xuất sợi tham gia Liên minh Sản xuất của phe đối lập và bị cảnh báo về nguy cơ cạnh tranh trong Đề xuất Thương mại ở Ireland. Ông cũng bị mất uy tín khi vừa thông báo là sẵn sàng xem xét các quyền lợi cố định thì lại bị một làn sóng thỉnh nguyện thư phản đối khiến ông lại một lần nữa buộc phải nhượng bộ trước sự phẫn nộ của các nhà sản xuất.

Tuy nhiên, ông đã rút ra được nhiều kinh nghiệm từ những thiếu sót của mình. Ông thận trọng chuẩn bị cơ sở lý luận khi tiến hành các cuộc đàm phán thương mại với Pháp năm 1786, khi tham khảo ý kiến của từng nhà doanh nghiệp về vấn đề nhạy cảm này và cố ý không để Liên minh Sản xuất biết vì e rằng đây là sự liên kết không hợp lệ. Ông rất vui mừng vì liên minh đó đổ vỡ do mâu thuẫn nội bộ về hiệp ước thương mại Anh-Pháp. Ngay sau đó, ông tích cực khai thác thời cơ này bằng việc sẵn sàng tiếp đón các phái đoàn từ các tổ chức thương mại tư nhân ở phố Downing. Có lẽ ông đã thật sự trở thành một Thủ tướng có khả năng nhất trong lĩnh vực vận động thương mại của thế kỷ XVIII. Năm 1796, nghị sĩ Charles Abbot cho biết: “Trong những lần tiếp các chuyên gia, ông luôn thể hiện rằng những biện pháp mà mình thực hiện là hợp lý. Ngài Hawkesbury (Bộ trưởng Thương mại) thì thu hút các nhà kinh doanh qua việc thể hiện những kiến thức hiểu biết của mình về hoạt động kinh doanh thay vì lắng nghe họ nói”.

Pitt là người rất thẳng thắn. Năm 1795, trong cuộc họp với Thống đốc Ngân hàng Anh quốc, khi được hỏi về lượng vàng dự trữ quốc gia, ông thấy rất hổ thẹn vì đã đưa ra những đánh giá chưa thật chuẩn xác do chưa tự trang bị kỹ càng những kiến thức về vấn đề này. Các nhà doanh nghiệp rất ấn tượng trước cách ăn mặc giản dị và phong cách bình dân của Pitt. Trưởng phái đoàn kinh doanh rượu nhận xét: “Không có ‘khái niệm mới’ đối với một người như Pitt. Trông ông như đến từ một trường đại học”. Ông có thói quen mím môi khi đang tập trung một vấn đề gì đó. Pitt yêu cầu các nhà doanh nghiệp thường xuyên thông báo cho ông về tình hình công việc và nhu cầu của họ. Một nhà sản xuất sợi đã thật sự ấn tượng trước lượng kiến thức khổng lồ của ông, với trí nhớ đặc biệt phi thường: “Người ta cứ ngỡ ông đã sống ở vùng đất Thánh”. Khi phái đoàn phản đối đề nghị tăng thuế sợi vào năm 1796, ông ứng phó hoàn toàn khác những gì mà đối tác của họ từng làm vào năm 1784: “Ông đã đặt ra câu hỏi và trả lời, đồng thời tuyên bố phản đối rất thuyết phục và cuối cùng kết luận rằng ông không đánh thuế ngành sản xuất dệt may, cũng không đánh thuế nhiên liệu thô mà chỉ đánh thuế đối với mặt hàng sợi”. Pitt đã nhận thấy hạt Lancaster rất ủng hộ chính phủ.

Những thành quả trong kinh doanh đã giúp quan hệ của Pitt với thành phố London trở nên thuận lợi hơn, nhất là lại được trợ giúp thêm từ hoạt động của những người trung gian có thế lực. Pitt không có bạn thân ở trung tâm chính trị của thành phố giống như quan hệ của cha ông với William Beckford. Tuy nhiên, bạn bè ông lại có những mối ràng buộc rất chặt chẽ với thành phố. Dundas là chỗ thân quen với cộng đồng thương mại dệt len Scotland ở London, con gái thứ hai của Dundas có hai đời chồng làm chủ ngân hàng Scotland. Dundas cũng là người mang lại vai trò quan trọng cho nhóm Scotland trong hoạt động điều hành của Ban giám đốc Công ty Đông Ấn những năm 1790. Quan trọng hơn là ông có quan hệ thân thiết với London và Robert Smith – chủ ngân hàng Nottingham. Hai người quen nhau ở Câu lạc bộ Goosetree và trở nên thân thiết khi có chung quan điểm cải tổ Nghị viện vào đầu những

năm 1780. Khi Pitt làm Quản lý Cụm cảng Cinque, ông đã đưa Smith lên làm chủ lâu đài Deal ngay cạnh nơi ở của Pitt tại Walmer. Cháu gái của Pitt cho biết ông từng tâm sự là “rất cần có ai đó ở bên cạnh để giúp ông tiếp đón những người khách đến từ London – một công việc vừa nhàm chán, vừa tốn kém”. Ngay cả khi không còn làm việc ở ngân hàng và được Pitt phong cấp quý tộc ở Ireland năm 1796, sau đó là ở Anh (là nghị sĩ Carington) năm 1797, Smith vẫn duy trì các mối quan hệ ở London theo yêu cầu của Pitt. Uy tín của Pitt ở London ngày càng gia tăng khi ông sẵn sàng hạn chế cơ hội của các chủ ngân hàng và các doanh nhân lâu năm để tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ doanh nghiệp mới bước vào nghề. Ông mời gọi các nhà kinh doanh mới tham gia cạnh tranh. Giữa những năm 1790, khi nhận được sự ưu đãi này, Walter Boyd – cựu Giám đốc Ngân hàng Paris, người Scotland, một nhân vật mới trong làng kinh doanh – đã đứng lên thành lập tập đoàn. Người này có tiềm lực tài chính rất lớn, có thể đáp ứng được nhu cầu cấp bách của Pitt trong chiến tranh. Mặc dù giữ cương vị là người bảo vệ Công ty Đông Ấn, ông vẫn gặp phải những cuộc va chạm với các cơ sở lớn ở London. Quyền lực độc lập và tối cao của Pitt đối với các cơ sở này qua vụ việc bồi nhọ Warren Hastings (1786) và qua Đạo luật Giải thích năm 1788 đã cho thấy “lợi ích của Ấn Độ” trước đây trong Công ty Đông Ấn. Trong khi đó, Ngân hàng Anh quốc lại bất bình trước việc Pitt chiếm dụng tiền lãi cổ phần chưa được công bố trong những năm 1790 và hậu quả của việc chuyển tiền ra nước ngoài để cân bằng giá vàng mà Pitt đã thực hiện giữa năm 1790. Tuy nhiên, nhờ sự ổn định về kinh tế và chính trị vào thời điểm này mà Pitt đã lấy lại được lòng tin của dân chúng. Khi có tin đồn ông sắp từ chức, trong 25 phút, thị trường chứng khoán đã giảm 3,5%. Suốt một năm sau cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính, William đã ghi lại “tâm trạng của mọi người tại Royal Exchange⁵ và Lloyd’s Coffee-rooms⁶, chưa bao giờ chính quyền Anh lại được giới thương mại và tiền tệ đánh giá cao như vậy. Cả thành phố đều lo sợ ngành tài chính mà mất Pitt thì như ngai vàng mất Vua Anh”.

Pitt luôn thể hiện là người bảo vệ lợi ích của London. Năm 1793, ông đã thuyết phục Nghị viện thực hiện một bước chưa từng có trong tiền lệ là đề nghị cấp vốn giúp các thương gia là nạn nhân của cuộc khủng hoảng tiền tệ sau cuộc chiến với Pháp. Ông rất trân trọng sự ủng hộ của London với mình. Mặc dù không hoàn toàn giống như những gì Disraeli viết sau này, rằng Pitt được lòng tất cả các nghị sĩ “từ ngõ hẻm của thành phố Lombard đến các tòa nhà ở Cornhill”, song Pitt rất nâng niu những tình cảm này. Khi giới thiệu chức Bá tước cho James Sanderson vào tháng 11/1794, ông đã thuyết phục Vua Anh rằng “điều này rất có lợi cho London”. James Sanderson (Thị trưởng London từ 1792-1793) và William Curtis (Thị trưởng London từ 1795-1796) đều là những nhân vật quan trọng duy trì sự trung thành của London với Pitt trong năm 1795 đầy khó khăn. Quan hệ giữa Pitt và London là quan hệ rất có ý nghĩa. Nó mang lại thuận lợi cho cả hai bên, đặc biệt trong cơn sốt giá vàng tháng 2/1797, khi đó tại cuộc họp ở Viện Mansion, quyết định hoãn đổi tiền lấy vàng của ông đã được các thương gia hàng đầu tán thành và nhất trí rằng tiền mặt là đơn vị trao đổi hàng hóa hợp pháp, từ đó đã mở ra lối thoát về chính trị cho ông và về tài chính cho các thương gia.

Đối với Pitt, London không chỉ có ý nghĩa về sức mạnh tài chính mà còn về ảnh hưởng của nó đối với cộng đồng thương mại trên cả nước. Bạn bè và những người ủng hộ của Pitt cũng thường sử dụng ảnh hưởng của họ ở địa phương. Do đó, giống như những người tiền nhiệm, Pitt đã dùng hệ thống thông tin đại chúng để truyền tải những nội dung đã công bố đi khắp cả nước. Ông cho rằng cần tuyên truyền rộng rãi những thông tin chính phủ đã công bố. Ông khuyến khích Viện Bình dân tăng cường hoạt động in ấn các dự luật do nghị viện ban hành và báo cáo của các ủy ban – một nhiệm vụ đã được Viện Bình dân đảm trách từ cuối những năm 1770. Báo *Thương mại Ireland* năm 1785 đã trở thành tờ báo đầu tiên có đầy đủ các số báo về các phiên họp của Viện Bình dân được in gần giống với phong cách hiện

đại. Pitt rất lạc quan cho rằng: “Phe đối lập và những kẻ có mưu đồ xấu khó có thể tìm ra những chủ đề chạy theo thị hiếu của công chúng nếu các vấn đề được trình bày đều đúng sự thật và được giải thích xác đáng”. Báo cáo đầu tiên của Ủy ban Cơ mật về các tổ chức cấp tiến năm 1794 bán rất chạy và được Debrett tái bản. Có 14 báo cáo về tệ buôn bán nô lệ được ra mắt năm 1790, cộng thêm bốn báo cáo nữa trong năm 1791; hai báo cáo, một phụ lục, một phụ trương của Ủy ban Cơ mật trong năm 1794; sáu báo cáo, một phụ lục về tình trạng tăng giá gạo trong năm 1795-1796 (đến năm 1800 thêm sáu báo cáo nữa) và 36 báo cáo của Ủy ban Tài chính trong năm 1797-1798. Thông tin được tuyên truyền rộng rãi trong thế kỷ XVIII là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao nhận thức chính trị cho công chúng và tạo cơ hội để họ tham gia đóng góp ý kiến. Mọi người đều cho rằng khi xuất bản một dự luật nghĩa là đã kêu gọi công chúng cùng bàn thảo về dự luật đó. Trong những năm 1790, Viện Bình dân được lệnh in hầu hết các dự luật đã ban hành. Sau khi Dự luật Tề bản của Pitt được công bố vào tháng 12/1796, hàng loạt thỉnh nguyện thư phản đối đã khiến ông phải hủy bỏ dự luật này.

Ông nhận thấy Nghị viện là một công cụ hữu ích để gây ảnh hưởng đối với dư luận. Bức thông điệp của Vua Anh tại phiên khai mạc Nghị viện hay báo cáo về ngân sách của Pitt là những nội dung mang tin vui tới khắp cả nước. Trái lại, mùa thu năm 1793, khi cuộc chiến với Pháp diễn biến theo chiều hướng xấu, Pitt đã nói với Chủ tịch Viện Bình dân rằng ông hy vọng sẽ không phải triệu tập cuộc họp Nghị viện trước Giáng sinh, tuy nhiên “nếu các âm mưu gây rối của lực lượng phản động thành công, chúng ta sẽ phải tổ chức họp bằng mọi giá”. Nghị viện là một diễn đàn để thảo luận, qua đó ông có thể tăng cường ảnh hưởng của mình. Khi diễn ra cuộc khủng hoảng lương thực vào cuối năm 1800, ông cho rằng “chỉ có triệu tập Nghị viện mới có thể ngăn cản được sự phát triển của mâu thuẫn và bất đồng nội bộ và khiến dân chúng phải kính phục. Thậm chí có thể không thực hiện được giải pháp quan trọng nào về lập pháp, song chất vấn và thảo luận Nghị viện bao giờ cũng có hiệu quả hơn nhiều so với việc xoa dịu dư luận và ngăn chặn tư tưởng sai trái”. Khi tiến hành họp Nghị viện, ông quyết định thành lập một ủy ban điều tra nhằm ghi lại toàn bộ những gì chính phủ đã làm được để giải quyết khủng hoảng. Trên thực tế, những người đứng đầu phe đối lập đã tính đến chuyện sẽ đưa ông vào thế bất lợi với việc tạo ra khoảng cách giữa ông với Nghị viện trong năm 1797. Họ cho rằng nếu làm được điều này sẽ khiến ông mất đi nơi mà ở đó ông có thể bảo vệ các biện pháp của mình, đồng thời tước đi cơ hội để ông tạo dư luận và khẳng định mình.

Kỹ năng thảo luận đã đem lại cho Pitt rất nhiều thuận lợi khi các cuộc thảo luận ở Nghị viện được tự do công bố nhờ vào thắng lợi của chiến dịch tự do báo chí mới giành được trong thời gian gần đó. William Windham mô tả phong cách thảo luận của ông rất rõ ràng và đạt đến mức “dường như ông là đối tượng duy nhất giảng giải vấn đề ông đã trình bày cho mọi người qua phương tiện truyền thông”. Như mọi chính phủ khác, Pitt rất quan tâm đến hoạt động báo chí. Việc đầu tư 1.239 bảng vào báo chí để đảm bảo thắng lợi của ông trong tám tháng đầu năm 1784, trong đó 229 bảng cho chủ hãng in Stockdate phụ trách “xuất bản các cuốn sách mỏng bàn về vấn đề thời sự và các ấn phẩm khác nhau”, 200 bảng cho tác giả các bài báo, số còn lại đầu tư cho ba trong tám nhật báo và ba trong chín tuần báo của London. Theo William Woodfall, nghị sĩ Mahon, anh rể của Pitt và là chủ hãng in, dù rất mệt mỏi song không thể từ chối in các bài phát biểu của Pitt. Năm 1788, Woodfall đã xuất bản một bài phát biểu quan trọng của Pitt về cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính trước năm ngày so với Fox, 100.000 bản sao được in và phát tán khắp cả nước. Trong cuộc chạy đua báo chí vào thời điểm diễn ra Khủng hoảng chế độ nhiếp chính và cuộc bầu cử năm 1790, trong số 14 nhật báo London, Nội các đã tài trợ cho bảy tờ, phe đối lập tài trợ cho sáu tờ trong năm 1792. Các khoản đầu tư vào hoạt động báo chí của Nội các bao gồm tiền trả cho người viết báo và sách tuyên truyền. Walpole ước tính trong

mười năm cuối, mỗi năm Nội các đã phải chi trả gần 5.000 bảng. Vì lý do này, Nội các đã thay đổi chiến thuật. Cuối năm 1792, Nội các thành lập hai nhật báo mới là *Sun* và *True Briton* để dễ điều hành và không phải trực tiếp trả tiền cho các báo khác. Cùng với ba tuần báo, hai nhật báo này thường xuyên được gửi qua bưu điện tới các tòa soạn có uy tín của tỉnh bằng kinh phí của Nội các để phổ biến thông tin rộng rãi.

Pitt thường đề người khác điều hành hoạt động báo chí. Sau này, Grenville viết rằng các bài phát biểu về Quỹ chìm năm 1786 và lời đối đáp với đề nghị hòa bình của Bonaparte năm 1800 là hai bài viết duy nhất mà Pitt đã hiệu đính cho báo. Mặc dù vậy, Montague – một phóng viên rất năng động – tiết lộ rằng ông được Grenville và Mornington yêu cầu viết lại bài phát biểu về ngân sách năm 1792 của Pitt, nhưng sau đó bài này đã được chính Pitt hiệu đính (được đăng trên báo và xuất bản thành sách mỏng). Một vài người cho biết, trong số các bài viết được in dưới dạng sách mỏng, Pitt đã sửa bài phát biểu ngày 31/11/1799 theo chiều hướng ủng hộ sự thống nhất giữa Anh và Ireland. Vì vậy, bài phát biểu này xuất hiện dưới hai phiên bản khác nhau, trong đó có một phiên bản được in ít nhất bảy lần. Pitt có vai trò rất quan trọng đối với người viết sách. Cả Burges vào năm 1792 và Auckland năm 1795 đều được Pitt giúp đỡ và góp ý về những cuốn sách của họ.

Thông qua Nghị viện và báo chí, những bài viết về quyết tâm cao độ của Pitt nhằm khôi phục lòng tin của nhân dân đối với các cơ quan tài chính nhà nước, đối với ngành thương mại và uy tín của Anh đối với quốc tế giữa những năm 1784-1787 đã khiến ông nổi danh hơn. Dân chúng nồng nhiệt ủng hộ các biện pháp cắt giảm các vị trí không cần thiết của Pitt. Mâu thuẫn giữa ông với các nhà sản xuất sợi của Glasgow đã tan biến khi ý tưởng thành lập Quỹ chìm để trả nợ quốc gia của ông có triển vọng. Cả thành phố London hết lời ca ngợi tác động của nó đối với việc tăng giá trị cổ phiếu, đem lại sự ổn định cho ngành tín dụng. Cùng với những thành công về ngoại giao trong việc lật đổ sự cai trị của Pháp, phục hồi chế độ ủng hộ Anh ở Hà Lan vào mùa thu năm 1787, Wraxall đã viết rằng “từ trước tới giờ chưa có ai có được uy tín với dân chúng như Pitt”. Năm 1788, Pitt gặp khó khăn do phải đối mặt với cuộc suy thoái kinh tế và các cuộc biểu tình chống lại Đạo luật Giải thích về Đông Ấn. Tuy nhiên, cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính tiếp theo vào tháng 9 năm đó lại là cơ hội để dân chúng thấy rõ ông xuất sắc hơn so với những vị thủ tướng khác. Trong khi giải quyết khủng hoảng, ông đã khéo léo thể hiện mình vừa là người bảo vệ Vua Anh vừa là người bảo vệ Nghị viện, đặc biệt khi Vua Anh đã hồi phục sức khỏe, như quý bà Stafford viết: “Ngài Pitt rất có uy tín đối với dân chúng trong suốt năm năm qua, song chưa bao giờ ông được mến mộ như lúc này”.

Sự mến mộ của dân chúng là điều hết sức quan trọng giúp ông vượt qua hàng loạt các sự kiện bất trắc dẫn đến sự thay đổi rõ rệt về mặt chính trị trong những năm 1790: luồng tư tưởng ủng hộ quan điểm cấp tiến được Cách mạng Pháp thổi bùng; khủng hoảng kinh tế trầm trọng do hậu quả của chiến tranh; lạm phát; mất mùa vào năm 1792, 1794-1795 và 1799-1800. Chỉ cần riêng những sự kiện đơn lẻ này đã có thể gây ra sự bất ổn định trật tự xã hội và luật pháp. Vậy mà chúng lại diễn ra đồng thời, khiến những năm 1790 trở thành một giai đoạn khủng hoảng nối tiếp khủng hoảng có thể đánh gục bất cứ một chính phủ nào. Tuy nhiên, cũng từ đây, những người có quan điểm bất đồng với ông về vấn đề xã hội và kinh tế tìm thấy lối thoát chính trị. Sau mỗi cuộc khủng hoảng họ đều kích động và làm tăng số người yêu cầu cải tổ Nghị viện, chấm dứt chiến tranh và chấm dứt Nội các của Pitt. Cuối năm 1795, sự bất mãn của dân chúng lên tới đỉnh điểm khi một nhóm người cực đoan đã tấn công vào xe chở Vua Anh, trước phiên khai mạc Nghị viện. Mùa xuân năm 1798, một cuộc nổi dậy đã nổ ra ở Ireland.

Vào thời điểm rồi ren này, khi các phân tử chống đối chính trị cũ và các phân tử cấp tiến mới thuộc tầng lớp thượng lưu và trung lưu đang tìm cách lôi kéo sự ủng hộ của dân chúng để chống lại Pitt, họ vẫn thấy Pitt luôn sẵn sàng vận dụng năng lực và kinh nghiệm của mình để vận động dư luận chống lại họ.

KÊU GỌI DÂN CHÚNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Khác với các chính phủ trước, Pitt đã thành công trong việc giành được sự ủng hộ của các khu vực cử tri lớn trong các cuộc bầu cử. Fox từng tuyên bố “Yorkshire và Middlesex, hai khu vực này làm nên cả nước Anh”. Vậy mà trừ một ghế ở Middlesex bị mất trong khoảng thời gian giữa năm 1790-1794, Pitt đã giành thắng lợi và nắm cả bốn ghế ở hạt. Năm 1784, Pitt đã rất sốt sắng ủng hộ nỗ lực của Wilberforce giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử dân biểu ở hạt Yorkshire, với việc cung cấp thông tin cho ông ta về cuộc họp quyết định của hạt vào ngày 25/3, đồng thời tích cực vận động những người có ảnh hưởng đến cuộc bầu cử ở hạt. Ông đã tạo ra được vai trò quan trọng đặc biệt đối với 12 ghế của hạt và khu vực hành chính thuộc London khi góp 14.000 bảng trong số 31.847 bảng mà Vua Anh đã chi cho các cuộc bầu cử năm 1784 và đã giành được chín ghế. Mặc dù bị mất hai ghế vào tháng 9/1788, ông vẫn giành lại được một ghế vào năm 1790 và nắm tám ghế vào năm 1796. Mong muốn của ông là giành được số ghế tối đa ở Wesminster, một hạt có uy thế và lớn nhất cả nước. Năm 1784, nghị sĩ Hood, vị anh hùng hải quân, ứng cử viên của Pitt và cũng là người có quan hệ họ hàng với ông đã dễ dàng đứng đầu trong cuộc bầu cử, còn Fox chật vật tái đắc cử ở vị trí thứ hai trong cuộc ganh đua không lành mạnh (tiêu tốn 9.000 bảng trong khoản chi phí cho bầu cử của Vua Anh). Pitt miễn cưỡng từ bỏ cơ hội giành chiến thắng tuyệt đối, thay vì tiếp tục tham vọng này, ông bắt đầu xét lại cuộc bầu cử tốn thời gian mà vẫn thất bại trong việc loại bỏ Fox ra khỏi vị trí quyền lực. Tuy nhiên, Wesminster vẫn là mục tiêu quan trọng đối với Pitt. Khi ghế của Hood bị mất trong một cuộc bầu cử lộn xộn khác – một phần do dự luật đánh thuế cửa hàng của ông không được ủng hộ, Pitt đã từ bỏ ghế này vào năm sau. Trước cuộc tổng tuyển cử năm 1790, Pitt đã đi đến thỏa thuận với phe đối lập để mỗi bên có một ghế ở Wesminster nhằm chấm dứt cuộc tranh giành tốn kém này.

Pitt tiến bộ hơn các vị Thủ tướng khác ở chỗ ông luôn kêu gọi sự ủng hộ của dân chúng ngay cả thời điểm giữa các cuộc bầu cử. Ông là Thủ tướng đầu tiên lấy ý kiến của dân chúng để gây áp lực đòi cải tổ Nghị viện thông qua hình thức thỉnh nguyện thư, trong đó ông giữ vai trò là người chủ trì. Ông đã hai lần làm điều này. Lần đầu liên quan đến vấn đề cải tổ Nghị viện năm 1788. Lần thứ hai là trong cuộc vận động bãi bỏ luật buôn bán nô lệ, khi đó ông đã phải đứng lên làm thay Wilberforce đang nghỉ ốm và ông đã vận động được hơn 100 thỉnh nguyện thư yêu cầu Nghị viện phải xem xét lại vấn đề này. Trên cương vị của mình, Pitt đã cung cấp thông tin từ các cuốn sổ đăng ký ở phòng thuế cho dân chúng thông qua báo cáo của ủy ban thuộc Hội đồng Tư vấn Thương mại. Phong trào bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ được triển khai thông qua mạng lưới các cơ quan và ủy ban địa phương phối hợp với ủy ban trung ương ở London. Các bài tuyên truyền của phát thanh viên lưu động, các bài báo và thỉnh nguyện thư đã kích động công chúng. Đây là hình thức mới lần đầu tiên được áp dụng cho các tổ chức cải tổ ở thế kỷ XIX. Sự ủng hộ bằng cả lời nói và hành động của Thủ tướng đã giúp phong trào bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ phát triển nhanh chóng và rộng rãi. Mỗi khi diễn ra các cuộc thảo luận Nghị viện về phong trào này trong các năm 1789, 1791 và tháng 4/1792, Pitt đều lên tiếng ủng hộ và đã được 514 thỉnh nguyện thư đại diện cho 400.000 người tán thành. Trong dịp này, ông đã có một bài phát biểu nổi tiếng nhất trong đời mình, sau này được nhà xuất bản ủng hộ việc bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ phát hành thành sách mỏng. Năm 1792, Viện Bình dân nhất trí từng bước bãi bỏ chế độ buôn bán nô lệ, mặc

dù vẫn bị những người ủng hộ hình thức này phản đối trước Viện Quý tộc. Số lượng thỉnh nguyện thư phản đối buôn bán nô lệ tăng nhanh chưa từng có và được trình Nghị viện vào bất cứ thời điểm nào có thể khiến Pitt cảm thấy rất bất ngờ. Khi phong trào cải tổ chính trị cấp tiến lại nổi lên, Pitt đã phải thừa nhận rằng đây là “một tiền lệ xấu”. Tuy nhiên, khi đưa ra “Hai luật” để hạn chế các hình thức biểu tình của dân chúng năm 1795, ông vẫn duy trì quyền gửi thỉnh nguyện thư đến Nghị viện của nhân dân.

Tuy vậy, thỉnh nguyện thư là một cách mà Pitt ít vận dụng nhất để vận động sự ủng hộ của dân chúng. Trong lĩnh vực này, ông thường thành công hơn ở hình thức kêu gọi Vua Anh. Ông học được kinh nghiệm này từ nghị sĩ North. Chỉ với một tuyên bố của Hoàng gia đã có 158 lời kêu gọi ủng hộ chính sách đối với Mỹ mà ông ta đưa ra trong năm 1775. Với Pitt, cách làm này đã đem lại cho ông thành công lớn nhất trong năm 1784. Cuộc đấu tranh chống lại Dự luật Ấn Độ của Fox mà Pitt đã thực hiện là cơ hội quan trọng kích động dân chúng. Lần đầu tiên ông nhận được sự ủng hộ của cả thành phố London khi tấn công vào đặc quyền của Công ty Đông Ấn. Các ông chủ Đông Ấn thành lập ủy ban bảo vệ quyền lợi và vận động các tập đoàn có đặc quyền trong công ty trên khắp cả nước ủng hộ. Vào thời điểm đó, London là nơi đầu tiên đưa ra lời kêu gọi ủng hộ quyết định thay thế các bộ trưởng của Vua Anh và khơi mào cho phong trào này trên cả nước. Những người theo Pitt đã vận động dân chúng ở địa phương ủng hộ ông. Phong trào này lại được tiếp thêm sức mạnh và trở nên mạnh mẽ hơn khi có sự bảo vệ của hiến pháp chống lại liên minh các đảng phái tham nhũng. Năm sau đó, Thị trưởng Cartwright, một nhà cải tổ, phải kết luận rằng liên minh Fox North đã bị đánh gục bởi “tiếng nói của những người dân” ủng hộ Pitt vì họ hy vọng sẽ thấy nhân cách của một con người tài hoa và trung thực. Có tất cả 191 tuyên bố ủng hộ Vua Anh và Pitt kể từ lời kêu gọi đầu tiên của thành phố London vào tháng 1/1784 đến những lời kêu gọi cuối cùng vào ngày 7/4, “từ những đối tượng trung thành nhất của Vua Anh đến những ông chủ đất ở quần đảo Orkney”, tất cả đều được in trên báo chí London để đối chọi với tám tạp chí đứng về phía Liên minh. Vũ khí này đã được Pitt sử dụng thành công vào thời điểm cần thiết nhất và sau này nó cũng được Pitt vận dụng trong những giờ phút hiểm nguy. Suốt cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính năm 1788-1799, các bộ trưởng đã tìm kiếm làn sóng kêu gọi mới nhằm “đòi đại diện của mọi bộ phận đều được tham gia nhiếp chính để tiếp tục duy trì chính phủ”. Kể từ những lời kêu gọi đầu tiên ngày 26/12/1788 đến ngày 19/1/1789, đã có 45 lời kêu gọi ủng hộ Pitt đến từ các thị trấn và hạt cùng nhiều bản khác đang tiếp tục được chuẩn bị, trong khi đó các đối thủ vẫn đang vận động, thậm chí mới bắt đầu vận động. Lại một lần nữa Pitt giành được chiến thắng áp đảo trong cuộc chiến giành giật sự ủng hộ của dân chúng. Ông cảm thấy rất vinh dự khi nhận được 756 lời kêu gọi trung thành với Vua Anh với nội dung bày tỏ thái độ hân hoan trước việc ngài phục hồi sức khỏe vào mùa thu năm 1789. Có lẽ thành công này cùng với sự phục hồi kinh tế nhanh chóng sau Chiến tranh Hoa Kỳ đem lại thịnh vượng cho đất nước đã khiến Pitt rất kiêu hãnh vì Anh đã không bị ảnh hưởng chút nào từ cuộc Cách mạng Pháp trong suốt ba năm kể từ khi nó bắt đầu nổ ra. Tháng 5/1791, Pitt phát biểu trước Viện Bình dân rằng ông không nghĩ Cách mạng Pháp hay bất kể một hiến pháp mới nào lại có thể đem áp dụng ở quốc gia này. Đến tháng 9, ông khẳng định với Burke, một người rất hay tung tin đồn xấu: “Rút kinh nghiệm từ Cách mạng Pháp, chúng ta sẽ đi theo hướng của chúng ta cho đến một ngày nào đó xã hội sẽ phán xét”. Tuy nhiên, khi phải đối mặt với sự lớn mạnh của các tổ chức cấp tiến dẫn tới các cuộc biểu tình hỗn loạn làm dân chúng bị kích động, việc đầu tiên ông làm là phát đi tuyên bố của Hoàng gia vào ngày 21/5/1792 chống lại “diễn biến có xu hướng trở thành bạo loạn” và kêu gọi chống bạo loạn. Một lần nữa ông lại được dân chúng hưởng ứng ngay lập tức. Ngày 13/6, Grenville tuyên bố: “Mọi việc đang diễn ra rất suôn sẻ”. Ngày 1/9, có 71 lời kêu gọi từ các hạt và 315 lời kêu gọi từ các thành phố và thị trấn ủng hộ tuyên bố của Hoàng gia. Xét từ các góc độ khác nhau, cách Pitt giải quyết khó khăn trong những năm 1790 đều dựa trên kinh nghiệm ông tích lũy được

từ những thập kỷ trước. Pitt luôn ý thức rằng chính phủ sẽ không thể đứng vững nếu không được nhân dân ủng hộ. Chỉ có một vài biện pháp cưỡng bức là không cần phải có sự tham gia của dân chúng. Năm 1785, nỗ lực thiết lập lực lượng cảnh sát London của chính phủ không thành. Năm 1786, Pitt có ý định thành lập lực lượng cảnh sát ở Dublin, nhưng cuối cùng ông áp dụng hình thức giảm nhẹ hơn đối với riêng thành phố này khi vận động Nghị viện thông qua Đạo luật Phán xét Middlesex vào năm 1792. Tuy nhiên, xét cho cùng, chính phủ vẫn phải phụ thuộc vào dân chúng nhằm thu thập thông tin để khởi tố và có vai trò như là lãnh đạo địa phương, dân quân hay Ban bồi thẩm. Đầu năm 1784, ông đã nói với Bộ trưởng Ireland rằng “chính phủ sẽ không bao giờ đạt được bất cứ mục đích cao đẹp nào nếu chính phủ đơn thuần chỉ được điều hành bởi các nghị sĩ trong Nghị viện mà không được dân chúng thường xuyên ủng hộ. Chúng ta có thể duy trì được Nghị viện nhưng sẽ mất nhân dân”. Năm 1800, ông nói với các hạ nghị sĩ: “Nếu đại đa số nhân dân không trung thành, mọi biện pháp của Nghị viện sẽ vô ích”. Ông nhận thấy mình cần phải có được sự ủng hộ của dân chúng và ông có đủ lòng tin để làm được điều này.

Có ba sợi dây liên kết với nhau tạo nên chính sách của Pitt trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng những năm 1790. Tất cả các yếu tố này đều xuất hiện từ những năm 1780. Chúng được thể hiện qua lời khuyên của ông đối với Quan đại diện nhà vua ở Ireland, khi xảy ra cuộc nổi loạn của dân chúng tại đây vào năm 1784-1786 hoặc trong cách ông vận động sự ủng hộ của họ. Một là, chính phủ sẽ không thể đứng vững nếu không có quan điểm đúng đắn. Ông khuyên Rutland đầu hàng vì những lý do hợp lý, thậm chí có thể chịu tiếng là yếu kém. Cần phải làm rõ những thiếu sót và quyết tâm sửa sai, đồng thời xác định không mắc phải những sai lầm đó nữa. Hai là, khi xảy ra bạo loạn, phải tăng cường thực thi luật pháp và nghiêm trị những âm mưu vi phạm pháp luật. Ba là, huy động sự ủng hộ của dân chúng đối với vai trò lãnh đạo mà chính phủ giao phó.

XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM ĐÚNG ĐẮN

Năm 1784, Pitt nhận thấy nhiệm vụ quan trọng lúc này không phải là đấu tranh mà là phải xác định một quan điểm đúng đắn. Khác với những năm 1780, quan điểm đúng lúc này không phải là cải tổ Nghị viện. Pitt coi đây là nhu cầu của bộ phận thiểu số và giống như ở Pháp và một số nơi khác, nó được chấp nhận vì phải nhượng bộ chứ không phải là thành tâm. Do sự phản đối âm ỉ của những người có khuynh hướng cải tổ, đề nghị của Grey vào tháng 5/1793 chỉ nhận được 36 thỉnh nguyện thư ủng hộ, trong đó chỉ có 12 thỉnh nguyện thư từ Anh (không nhiều hơn số lượng Pitt có được trong năm 1785), số còn lại là từ Scotland. Pitt đặt ra câu hỏi: “Liệu để hài lòng số ít người này, chúng ta có đáng phải mạo hiểm để cho cả tập thể lớn bị kích động và căm ghét chúng ta hay không?” Tuy nhiên, trong các năm 1792, 1793, 1797, trong khi kiên trì phản đối cải tổ Nghị viện ở Anh thì ông vẫn phải chấp nhận cải tổ Nghị viện ở Ireland khi gây sức ép đối với những tín đồ Tin Lành chấp nhận quyền bầu cử của đa số tín đồ Công giáo La Mã vào năm 1793. Bị các tín đồ Công giáo phản đối, ông đã tâm sự với Dundas rằng ông bị rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan, đe dọa cũng không được mà nhượng bộ cũng không xong. Có quá nhiều lý do để nghĩ rằng những người theo giáo phái này bị kích động và sẽ tiếp tục bị kích động vì họ không được nhượng bộ hợp lý. Pitt cũng kiên trì với chân lý tự do như luật pháp cần phải thay đổi để đảm bảo công bằng cho xã hội. Ông ủng hộ các luật đòi quyền công dân cho tín đồ Công giáo Anh (1791) và Ireland (1792), trong đó luật năm 1792 kích động nhu cầu bầu cử của tín đồ Công giáo. Cũng trong năm 1791-1792, ông ủng hộ điều luật của Fox chuyển tội phỉ báng sang bồi thẩm nhân dân thay vì xét xử ở tòa án như trước, đây cũng là mục tiêu mà cha Pitt từng đấu tranh.

“Quan điểm đúng đắn” theo Pitt lúc này là sự thịnh vượng và phát triển kinh tế và nó đã làm phai mờ nhu cầu cải tổ Nghị viện ở thập kỷ trước. Trong bài phát biểu về ngân sách tháng 2/1792, ông đã liên hệ sự lớn mạnh của đất nước với sự tự do của hiến pháp Anh. Khi sự thịnh vượng của đất nước bị suy tàn do ảnh hưởng của cuộc chiến với Pháp và tình trạng khan hiếm lương thực, Pitt đủ nhanh nhạy để nhận thức được giá trị lâu dài trong thuyết tự do thương mại của Adam Smith. Cần phải có sự can thiệp chính trị để xoa dịu tình hình. Khác với những người cứng nhắc chỉ theo chủ nghĩa duy ý chí về kinh tế trong chính phủ như Grenville và Portland, ông sẵn sàng thử các biện pháp ngắn hạn chọn lọc như: cấp vốn nhà nước cho các thương gia chịu nhiều ảnh hưởng từ cuộc Khủng hoảng tiền tệ năm 1793; chính phủ mua lương thực từ thị trường quốc tế để xoa dịu nạn đói năm 1795; thành lập Công ty Bột mì London dưới sự bảo trợ của nhà nước nhằm ổn định giá cả thị trường vào năm 1800. Pitt áp dụng các biện pháp truyền thống để giải quyết cuộc khủng hoảng lương thực thông qua việc cấm xuất khẩu lương thực, đề nghị tăng thưởng để động viên tăng năng suất hoặc bảo đảm giá cả ở mức tối thiểu nhằm khuyến khích việc nhập khẩu lúa gạo.

Thậm chí, ngay cả ở những lĩnh vực mà ông áp dụng lý thuyết mới về thị trường, ông cũng tìm cách dung hòa giữa yếu tố lợi nhuận và nhân đạo. Nội các của ông đã bảo vệ được nguồn tài chính của phong trào hội ái hữu – một tổ chức tự lực lớn nhất của tầng lớp lao động trong thế kỷ XVIII, XIX (đông hơn gấp nhiều lần so với tổ chức công đoàn) khi George Rose, Bộ trưởng Tài chính của Pitt, vận động để Luật hội ái hữu được thông qua vào năm 1793. Ông phản đối việc đặt ra mức lương tối thiểu đối với người lao động vào năm 1796 và năm 1800, nhưng thay vào đó, ông lại tìm ra giải pháp toàn diện giải quyết khó khăn cho những người dân có thu nhập thấp với việc “tham khảo ý kiến mở rộng của nhiều người” để đưa ra Luật Tề bản mới. Ông ủng hộ chủ trương bổ sung tiền lương từ khoản cứu trợ mà các thẩm phán đã bàn tính. Vấn đề này được đưa ra trong cuộc họp mặt các thẩm phán Berkshire tại Speenhamland năm 1795. Ông muốn duy trì trợ cấp gia đình, “các trường công nghiệp” đào tạo nghề cho những người có hoàn cảnh khó khăn, người nghèo, người cao tuổi hay bị đau yếu được nhận tiền trợ cấp bổ sung của giáo xứ cùng với nhiều lợi ích khác do hội ái hữu mang lại. Tuy nhiên, ý tưởng này không thành do chi phí cho hoạt động này quá cao, đúng vào thời điểm thuế nhà nước và thuế địa phương tăng.

Các hoạt động được gọi là “sửa sai” của Pitt dường như có hiệu quả hơn vào thời điểm trước hoặc sau khi cuộc chiến bắt đầu vào năm 1793. Còn sau đó, các dự án cải tổ kinh tế và xã hội thường thất bại vì vấn đề kinh phí và sự phức tạp của hoạt động này đều vượt quá khả năng mà thực tế cho phép, trong khi Pitt đang cần phải tập trung vào chiến tranh. Cụ thể, ông dành khoản trợ cấp hàng năm với số tiền 5.000 bảng để thành lập Ban Cố vấn Nông nghiệp vào năm 1793, đồng thời tiếp tục xem xét việc thay đổi thuế thập phân trong các năm 1786, 1792, 1795, 1798, 1800-1801 và hiến pháp kèm theo trong các năm 1796, 1800 nhằm thúc đẩy năng suất và hiệu quả cho ngành nông nghiệp. Song, ngay sau khi nạn đói kém được khắc phục với các vụ mùa bội thu năm 1793 và 1796-1798, ông lại dành ưu tiên cho chiến tranh. Giải pháp kinh tế lâu dài cuối cùng lại phụ thuộc vào khả năng điều hành chiến tranh và xóa bỏ quốc nợ của Pitt.

SỰ CÂN BẰNG GIỮA LUẬT PHÁP VÀ TỰ DO

Những giải pháp lập pháp hạn chế để giải quyết các vấn đề của những năm 1790 đã khiến Pitt rất thận trọng khi thực hiện việc chống bạo loạn bằng cường chế pháp luật nghiêm ngặt – đây là yếu tố thứ hai trong chính sách giải quyết khủng hoảng của Pitt. Đã có thời gian dài người ta tranh luận về vấn đề

liệu các biện pháp hà khắc mà Pitt đưa ra trong suốt thời gian diễn ra cuộc chiến với Pháp có mạnh mẽ quá hay không. Phe đối lập Fox và các phần tử có tư tưởng cải tổ cũng như những người quan niệm mục tiêu của phong trào cải tổ cấp tiến là hòa bình, ái quốc, mang lại tương lai dân chủ cho đất nước cho rằng Pitt đã quá tay. Sau này, có người viết rằng trước thế kỷ XX, các biện pháp hà khắc mà chính phủ Anh đưa ra là nằm ngoài ý định của Pitt. Những người chỉ trích Pitt luôn thể hiện phong trào cấp tiến ở Anh không giống với Cách mạng Pháp, song Pitt cho rằng chúng là một. Bởi lẽ tổ chức cấp tiến này luôn bày tỏ sự cảm thông đối với Cách mạng Pháp. Họ gửi lời chúc mừng thành công của quân đội Pháp năm 1792 và lớn tiếng phản đối chiến tranh vì cho rằng đây là sự đàn áp tự do của Pháp. Có lẽ chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi Pitt không tốn thời gian vào việc tìm hiểu sự khác biệt giữa tổ chức cấp tiến ở Anh với phong trào cách mạng Pháp.

Tuy nhiên, Pitt nhận thấy rất rõ sự cần thiết phải dung hòa giữa tự do và pháp luật sao cho Hiến pháp vẫn phải đảm bảo được sự tự do cần thiết. Là người từng có quan niệm rằng Hiến pháp Anh chỉ có thể hiệu quả khi nó dựa trên “sự thống nhất giữa tự do và pháp luật”, rằng cuộc chiến với Pháp thành công hay thất bại phụ thuộc vào luật pháp, tự do và tôn giáo của đất nước, ông không thể dùng luật pháp để đàn áp tự do. Ông cần phải cân đối giữa hai khía cạnh này, coi đây là sự hy sinh tạm thời và cần thiết để bảo vệ tự do cho nước Anh về lâu dài.

Trước đây Pitt tin rằng sự bất bình cuối cùng sẽ được kiềm chế bởi chính giới hạn của nó và bởi sự vững chắc của chính phủ. Sự khủng bố của lực lượng trung thành với chính phủ chống lại các phần tử cấp tiến ở địa phương còn dữ dội hơn sự trấn áp của Bộ Nội vụ và các quan chức tòa án của Hoàng gia ở London. Các bộ trưởng kinh hoàng trước cuộc bạo loạn của “Giáo hội và Vua Anh” chống lại những người không theo nhà thờ chính thống cấp tiến tại Birmingham vào năm 1791, họ vội vã đưa quân đến để ổn định tình hình. Sau đó, các quan chức pháp luật đã tiến hành khởi tố các phần tử gây bạo động (có 18 vụ xét xử và 3 vụ hành hình). Pitt dường như rất bối rối trước phán quyết mạnh mẽ của quan tòa Scotland. Do vậy, sau một hồi chần chừ, ông đi đến quyết định bảo vệ họ trước cuộc công kích ở Viện Bình dân năm 1794 và cho rằng mình làm như vậy là theo đúng quy định của luật pháp chứ không phải vì đồng ý với cách giải quyết của họ. Ông cũng rất phẫn nộ trước hành động tàn sát dã man của nhóm cực đoan đạo Tin Lành ở Ireland đối với các tín đồ Công giáo có thái độ bất mãn. Năm 1798, khi nghị sĩ Clare, một thành viên trong nhóm cực đoan, cố thanh minh cho hành động của nhóm này trước Viện Quý tộc, Pitt quay về phía Wilberforce và “với cái nhìn nẩy lửa, ông hùng hổ bước ra khỏi Nghị viện”. Ông không muốn binh lính được đưa đến Ireland để dẹp loạn trong năm 1798 lại dính líu đến hành động khủng bố tàn bạo của những người trung thành với chính phủ chống lại các phần tử nổi loạn, điều mà ông từng cảnh báo Quan đại diện nhà vua ở quận tránh để xảy ra trường hợp này.

Khi tranh luận về vấn đề đình chỉ lệnh đình quyền giam giữ vào tháng 5/1794, Pitt cho rằng “khởi tố không cần phải vượt quá những gì mà vụ án thật sự cần”. Tuy nhiên, những người trung thành yêu cầu chính phủ phải có các biện pháp quyết liệt chống lại quân bạo loạn, nếu không họ sẽ bị nhụt chí hoặc sẽ tự giải quyết. Họ sợ rằng nếu không làm được điều này chính phủ sẽ mất khả năng kiểm soát tình hình. Trước lo lắng này, mùa thu năm 1792, Pitt nói với Dundas rằng cảm giác sợ hãi xuất hiện khắp mọi nơi, do đó cần phải để cho họ biết rằng chúng ta đang rất quan tâm đến họ. Tuy nhiên, Pitt cũng nhận thấy nếu phản ứng quá mạnh sẽ khuấy động sự cảm thông và ủng hộ đối với các phần tử cấp tiến cực đoan. Một chiến dịch công khai bàn về vấn đề đình chỉ lệnh đình quyền giam giữ, thậm chí là cả việc áp dụng lệnh này với những nghi can phạm tội phản quốc và giới hạn chỉ trong 9 tháng được

bắt đầu vào năm 1794 dựa trên báo cáo của Ủy ban Cơ mật. Trên thực tế, việc đình chỉ này chỉ được thực hiện cho đến ngày 1/7/1795, sau đó bị bãi bỏ cho đến ngày 21/4/1798 và lại được thực hiện từ đó cho đến tháng 3/1800. Đạo luật Chống tụ họp gây bạo loạn và phản quốc, một đạo luật khét tiếng năm 1795, cũng được yêu cầu sửa đổi sau ba năm thực hiện.

Pitt vẫn quan tâm đến việc thu hút sự ủng hộ của dân chúng, nghĩa là ông vẫn làm chủ được các biện pháp của mình chứ không phải vì quá lo lắng mà mất hết tự chủ. Tháng 12/1792, Pitt đã bàn với Grenville và Dundas về hầu hết các biện pháp dự định sẽ áp dụng trong bảy năm, song kế hoạch này bị hoãn lại và được đưa vào thực hiện từng phần mỗi khi có dịp cần. Đến tận tháng 5/1794, lệnh đình quyền giam giữ mới được đình chỉ. Sau đó, quyết định đình chỉ lại bị hủy bỏ và đến tháng 4/1798 thì được thực hiện lại. Các hình phạt đối với tội phỉ báng gây mất ổn định không tăng cho đến tháng 11/1795. Pitt không ưa các tổ chức cấp tiến mới trong những năm 1790 và ông đã tính đến chuyện ngăn cấm hoạt động của tổ chức này vào tháng 11/1792. Ông cho rằng mục tiêu giành được quyền phổ thông bầu cử và tiến hành bầu cử mỗi năm một lần mà các tổ chức đưa ra là “hảo huyền và gây mất ổn định”. Pitt coi các tổ chức này tiềm ẩn mối nguy hiểm lớn vì chúng thường xuyên tuyên truyền với những người thuộc tầng lớp thấp kém, ít có khả năng đánh giá đúng đắn các vấn đề xã hội do trình độ, lối sống và phương tiện thông tin hạn chế. Hơn nữa, hội viên của các tổ chức cấp tiến nằm ngay trong tầng lớp này là điều kiện giúp việc mở rộng tổ chức được thực hiện dễ dàng. Pitt nghi ngờ tên cầm đầu tổ chức theo chủ nghĩa cộng hòa và có tư tưởng Gia-cô-ban. Do vậy, ông đã gửi người do thám đi thu thập tin tức xung quanh các cuộc họp của chúng. Chính phủ đã dẹp được hội nghị quốc gia mà chúng lên kế hoạch tiến hành vào năm 1794, kiểm soát được tụ điểm hội họp trong năm 1795, nhờ đó hạn chế được các phương thức biểu tình của chúng. Thủ lĩnh các tổ chức cấp tiến bị bắt và bị xét xử bất cứ khi nào chúng hoạt động quá phạm vi cho phép. Tuy nhiên, Pitt cũng không ngăn cấm hoạt động của bất cứ tổ chức nào cho đến tháng 4/1799, khi đó, dựa vào kết luận của Ủy ban Tình báo thuộc Viện Bình dân, ông đã đích danh chỉ ra năm tổ chức bất hợp pháp có liên quan đến cuộc nổi loạn ở Ireland năm 1798 và câu kết với Pháp phản bội tổ quốc.

Pitt có khả năng nhạy bén để xác định những gì mình có thể hoặc không thể làm được. Ông chưa bao giờ thực hiện kiểm duyệt công khai đối với hoạt động báo chí. Tháng 11/1792, ông viết cho Dundas:

Tôi rất băn khoăn vì chưa có sự can thiệp nào đối với tự do báo chí. Điều khiến tôi phải suy nghĩ là cần phải đưa ra hình thức phạt nặng đối với những ai phát hành các ấn phẩm về chủ đề chính trị, những chủ in chưa đứng tên tại cơ quan nào, đồng thời yêu cầu những người này hãy tìm vị trí an toàn cho chính mình nếu không một lúc nào đó sẽ bị pháp luật tìm đến.

Tuy nhiên, đến tận năm 1798-1799 điều này mới được thực hiện. Duy trì tự do báo chí kéo theo việc phải giữ nguyên một số điều khoản khác nằm trong điều luật này. Vì vậy, định nghĩa về tội bạo loạn và hình phạt đối với tội danh này không tăng cho đến tận tháng 11/1795. Ngay cả Vua Anh cũng phải thừa nhận có sự độc quyền trong lĩnh vực báo chí, do vậy cần khéo léo khắc phục điểm tồn tại này.

Pitt cũng rất nhanh nhạy điều chỉnh các điều luật bị dân chúng phản đối mà theo ông là có lý. Để hạn chế các cuộc đình công thường xuyên diễn ra trong những năm 1790, ông đã đưa ra một đạo luật

chung chống liên kết (đối với các nghiệp đoàn) vào năm 1799. Biện pháp này có dụng ý về kinh tế hơn là về chính trị. Đã có rất nhiều đạo luật quy định riêng đối với từng doanh nghiệp, song đây là đạo luật chung cho tất cả các doanh nghiệp, có quy mô lớn hơn Đạo luật về Thợ làm giấy năm 1796. Để đối phó với hàng loạt thỉnh nguyện thư của người lao động phản đối Đạo luật Chống liên kết năm 1799, năm 1800, ông đã viết lại nó, trong đó kết hợp các điều khoản về giải quyết khiếu nại với tăng cường chống liên kết giữa các chủ nhà máy và đã được Ủy ban Quản lý Người lao động gửi thư cảm ơn.

Pitt tuyên bố thực hiện “chính sách khoan dung, ôn hòa để phân biệt sự lầm lạc với tội phạm”. Ông tách những người có quan điểm ôn hòa không liên quan đến bạo lực ở Pháp và chấp nhận những hoạt động hạn chế mà Nghị viện cho phép với những phần tử cực đoan không chịu dung hòa – những người sau năm 1795 tổ chức hoạt động bí mật, có mưu đồ riêng, theo tư tưởng cộng hòa, trông chờ vào sự giúp đỡ của Pháp và đứng đằng sau cuộc bạo loạn ở Ireland năm 1798. Theo đánh giá của các phần tử cấp tiến, cách giải quyết tình trạng khủng bố của Pitt là nhằm ngăn chặn chứ không phải trừng phạt. Bởi lẽ dưới sự hà khắc của pháp luật Anh thế kỷ XVIII, mức án chung thân trở nên quá phổ biến. Song dưới sự điều hành của Pitt, chỉ có hai người bị hành hình vì tội phản quốc ở Anh và Scotland, không ai bị khởi tố theo Đạo luật Phản quốc năm 1795. Tháng 10/1794, khi xét xử những tên cầm đầu tổ chức cấp tiến ở London về tội lên kế hoạch tổ chức hội nghị bất hợp pháp, ông đã chấp nhận đề nghị của Parson Horne Tooke – đồng minh cải tổ cũ – đến dự với vai trò là nhân chứng bảo vệ và để cho tổ chức này đưa ra dẫn chứng là bản thân ông cũng đến tham dự cuộc họp về vấn đề cải tổ trong năm 1782. Trước những yêu cầu chặt chẽ của Đạo luật Phản quốc – tội danh công khai chống lại Vua Anh, ba người đầu tiên bị buộc tội được tuyên bố trắng án và sau đó chính phủ xóa án cho các tội phạm khác. Đây là sự khác biệt lớn nhất giữa vụ xử tại tòa án Old Bailey và phiên tòa Cách mạng Pháp diễn ra tại Paris. Sau này, nếu quy định về tội phản quốc trở nên chặt chẽ hơn và các hình phạt đối với tội nổi loạn tăng thì nhiều người vẫn lấy đây làm cơ hội chỉ trích các chính sách của ông, do đó ông đã nhấn mạnh rằng luật bị cho là tước đoạt quyền tự do ngôn luận của ông vẫn duy trì quyền gửi thỉnh nguyện thư đến Nghị viện. Chính điều này đã khiến ông phải đối phó với các cuộc công kích nhằm vào chính sách chiến tranh của ông, trong đó có cả một chiến dịch thỉnh nguyện thư mới đòi hòa bình đầu năm 1797.

KÊU GỌI LÒNG TRUNG THÀNH

Pitt nhận thấy cần phải duy trì và vận động sự ủng hộ của dân chúng, coi đây là một yếu tố quan trọng trong chính sách giải quyết tình trạng lộn xộn trong nước và chống lại phong trào cách mạng ở nước ngoài. Đầu tiên, ông tìm đến sự ủng hộ của những người lãnh đạo các cộng đồng địa phương và sau đó là chính nhân dân trong vùng đó. Chiến lược này được bắt đầu với tuyên bố vào tháng 5/1792. Sau đó, Pitt, Dundas và Grenville liên tiếp khẳng định cần phải vận động sự ủng hộ của dân chúng trong việc bảo vệ hiến pháp và đất nước. Tháng 11/1792, Pitt chắc chắn một điều là “phần lớn dân chúng, đặc biệt là tầng lớp trung lưu và thượng lưu, đều bày tỏ thái độ vui vẻ và nhiệt tình khi được góp sức vào hoạt động bảo vệ đất nước”. Tháng 5/1793, ông cho biết 99% người Anh nồng nhiệt ủng hộ Hiến pháp và “không có nguyện vọng đổi mới Hiến pháp nên họ sẵn sàng bảo vệ nó trước mọi cuộc tấn công”. Theo cách nói của Dundas, cần phải có một phương pháp để cơ quan pháp luật có thể tham gia kiểm tra nhằm phát hiện ra những dấu hiệu đầu tiên của một cuộc bạo loạn, cởi mở và công khai. Như vậy, cần phải biết khai thác khả năng tập hợp quần chúng của Pitt, một trong những thế mạnh mà ông đã được thừa hưởng từ người cha để trở thành người duy nhất trong số các nhà lãnh đạo của thế kỷ XVIII có được sức mạnh này.

Pitt thể hiện rõ nét nhất sự khéo léo trong vận động quần chúng khi ông thành lập Phong trào Liên kết vào tháng 11/1792. Khi hoạt động của các tổ chức cấp tiến mạnh dần khiến những người trung thành với chính phủ bị kích động và hoang mang, Pitt nhanh chóng đưa tin về việc thành lập “Hiệp hội Bảo tồn tự do và thịnh vượng chống phần tử cộng hòa và trung lập” trên mục quảng cáo của báo chí London, đồng thời khuyến khích các nơi thành lập các tổ chức tương tự. Sau khi tờ báo này được xuất bản, ông đã triệu hồi John Reeves, người sáng lập hiệp hội, đến phố Downing và thuyết phục ông ta đưa ra những đề nghị mới – những cơ sở cho phong trào vận động sự trung thành của nhân dân trên cả nước, đồng thời hiệp hội này sẽ được chính phủ bí mật tài trợ. Ý định của Pitt là thiết lập các tổ chức tương tự ở London, Westminster và Southwark, xung quanh đó lại có các tổ chức nhỏ hơn, sau đó nhân rộng hoạt động này ra các hạt và thị trấn lớn ở Anh. Ông yêu cầu Dundas làm tương tự như vậy ở Scotland. Khi vận động anh trai mình ở Buckinghamshire, Grenville nói rằng chính phủ đặc biệt quan tâm đến giai cấp trung lưu: “Một vài người thuộc tầng lớp này không thể đứng ngoài hiệp hội, ngoài ra chúng tôi muốn có cả thương gia và luật sư tham gia như ở London. Nên làm tương tự ở các hạt và quận huyện để thu hút sự tham gia của đông đảo nông dân và chủ đồn điền”.

Vận động lòng trung thành của dân chúng theo cách này là một bước mới quan trọng đòi hỏi phải thận trọng trong quá trình tiến hành. Nếu như kêu gọi dân chúng là hình thức đặc biệt thường được lãnh đạo các giáo hội và chính quyền địa phương thực hiện, thì các hiệp hội mới này lại là các tổ chức tồn tại lâu hơn với mục đích phát hiện và truy tố hành vi kích động, nổi loạn, đồng thời hoạt động của chúng lại nằm ngoài phạm vi giám sát của các nhà lãnh đạo địa phương. Pitt rất thận trọng không để cho phong trào vận động lòng trung thành của dân chúng nằm ngoài khả năng kiểm soát của mình. Ông muốn duy trì, “chứ không muốn làm giảm quyền lực của chính phủ”. Một bài quảng cáo về hiệp hội của Reeves, do Pitt và Grenville soạn thảo, có đưa ra quy định cụ thể và chặt chẽ về đối tượng tham gia phong trào, trong đó không tiết lộ sự bảo trợ của chính phủ. Pitt nói với Dundas: “Chúng ta sẽ không để ai biết hiệp hội này có chính phủ đứng đằng sau”. Các tổ chức này cần phải hoạt động dưới sự điều hành của thẩm phán và chính phủ, chỉ nhận trợ cấp từ hai nơi đó mà thôi. Theo đề nghị ban đầu, hội sẽ tiến hành họp hai lần một tuần như các tổ chức khác. Song trên thực tế, hội đã bầu ra một ủy ban nhỏ để giải quyết mọi công việc thường nhật. Do đó, chỉ sau một thời gian dài hội mới phải tổ chức họp chính thức để nghe ủy ban này báo cáo về tình hình, thông qua các khoản thu chi và thông báo hội phí mới nếu cần. Pitt giải thích: “Với cách này, chúng ta hy vọng sẽ tránh được những bất tiện khi đưa vấn đề ra thảo luận trước dân chúng mà vẫn đảm bảo gây được ấn tượng và ảnh hưởng của số đông đối với phe của mình”.

Khi có tin đồn về âm mưu nổi loạn ở London, ngày 1/12, Pitt cho phát lời tuyên bố mới của Hoàng gia đề huy động khẩn cấp lực lượng dân quân cần thiết. Sau tuyên bố này, có 64 lời kêu gọi ủng hộ được đăng trên tờ *London Gazette* (Công báo London) để cổ vũ dân chúng tham gia. Ngày 18/12, Burges, Thứ trưởng Ngoại giao, tự hào tuyên bố rằng “cả nước tham gia thành lập hiệp hội”. Theo Reeves, 2.000 hiệp hội đã được thành lập. Tuy nhiên, theo các dự đoán về sau, con số này nằm trong khoảng từ 1.000 đến 1.500. Chính phủ đã đạt được mục đích huy động các đối tượng thuộc tầng lớp trung lưu tham gia. Nghiên cứu gần đây cho thấy, sau này chính phủ đã mở rộng đối tượng ra cả tầng lớp thấp hơn trong xã hội. Nhờ sự ủng hộ rộng rãi của dân chúng, chính phủ đã củng cố khả năng điều hành của mình trong cuộc chiến chống lại khủng hoảng trong nước cũng như ảnh hưởng của Cách mạng Pháp ở nước ngoài. Mặc dù năm 1793 nhiều hiệp hội đã đi theo mục đích riêng của mình và mất dần ý nghĩa, song cũng có nhiều hiệp hội vẫn tiếp tục hoạt động và một số hiệp hội khác sau này vẫn được thành lập. Ở Manchester, 8 hiệp hội mới được thành lập vào năm 1794 trước hiểm họa xâm lăng và

hoạt động tăng cường của các tổ chức cấp tiến, tiếp đó là 5 hiệp hội vào năm 1795. Trong các cuộc bạo động chống tuyến quân ở London vào tháng 8/1794, các nhà lãnh đạo địa phương được chỉ đạo là cảnh báo cho chủ tịch các hiệp hội trong quận huyện sẵn sàng giúp đỡ khi có yêu cầu. Hiệp hội Hiến pháp Nottingham vẫn tham gia chiến dịch ủng hộ “Hai luật” vào tháng 1/1796. Hiệp hội dẫn đầu của Manchester Bull vẫn luôn đi đầu trong phong trào vận động tinh thần yêu nước vào năm 1798.

Pitt đã áp dụng hiệu quả kinh nghiệm của những năm 1780 trong chiến dịch vận động thông qua Đạo luật Gây rối và Phản quốc của năm 1795. Khi cả London rối ren vì sự kích động điên cuồng từ các tổ chức cấp tiến và phe đối lập, Pitt đã tập trung đủ quân để trấn áp và dẹp yên mọi cuộc tụ tập gây rối. Tuy nhiên, số lượng quân phải huy động từ lúc đó cho đến khi các dự luật được thông qua là quá lớn. Pitt hiểu rằng cần phải giành thắng lợi trong chiến dịch này bằng thuyết phục chứ không phải bằng cưỡng chế.

Hood – nghị sĩ đại diện cho những người ủng hộ Pitt, Belgrave cùng “nhiều bạn bè khác trong chính phủ” đã đến dự và làm trung gian cho một cuộc họp công khai do Fox và phe đối lập triệu tập vào ngày 16/11. Tại Yorkshire, lực lượng đối lập tiến hành khẩn cấp một cuộc họp cấp tỉnh. Pitt vội vã điều Wilberforce từ London tới dự với vai trò là đại diện của chính phủ. Pitt đã phải cho Wilberforce mượn xe và sau đó gửi thêm thông tin để Wilberforce chuẩn bị bài phát biểu. Hành động này rất quan trọng bởi lẽ Yorkshire là hạt lớn nhất và có tiếng tăm nhất trong nước. Không chỉ phái Wilberforce đến họp, Pitt còn trở về London để trình lên Nghị viện thỉnh nguyện thư với 7.000 chữ ký ủng hộ và gửi lên Vua Anh lời kêu gọi ủng hộ của các hạt và thị trấn như Leeds, Halifax, Bradford, Huddersfield và Barnsley. Các đối thủ gửi thỉnh nguyện thư phản đối lên Nghị viện, trong đó đưa ra những cơ sở lý luận rất thuyết phục và trên tạp chí của Viện Bình dân đã ghi nhận 88 thỉnh nguyện thư chống lại dự luật. Tuy nhiên, việc Thủ tướng Pitt tuyên bố sẵn sàng đàm phán hòa bình với chính phủ chính thức của Pháp về điều kiện danh dự đã xoa dịu làn sóng phản đối. Do vậy, trước lý do thuyết phục mà các đối thủ đưa ra, Pitt vẫn nhận được 70 thỉnh nguyện thư ủng hộ. Trong khi đó, các lời kêu gọi mới là yếu tố quan trọng quyết định đến thắng lợi của Pitt. Tuyên bố của Hoàng gia ngày 31/10 và ngày 4/11 đã kéo theo 530 lời kêu gọi ủng hộ Hoàng gia được đăng trên báo chí London bày tỏ thái độ căm ghét trước cuộc tấn công nhằm vào Vua Anh, đặc biệt trong đó có 169 lời kêu gọi thể hiện sự ủng hộ đối với hai dự luật của Pitt và không có bài nào chống lại chúng. Trước tiếng vang của phe đối lập, Pitt vẫn chiến thắng trong cuộc chiến giành sự ủng hộ của dân chúng. Nhiều năm sau, Francis Place, một người phản đối, đã phải thừa nhận: “Những luật này rất khắt khe nhưng vẫn nhận được sự ủng hộ của dân chúng. Phần đông người lao động và người bán hàng đều tán thành mà không hiểu gì về chúng, chẳng hạn như tội giết vua Pháp và ủng hộ dân chủ bị coi là tội khủng bố.”

Trong cuộc chiến với Pháp, Pitt thấy cần phải khuấy động tinh thần đấu tranh trong dân chúng Anh vì người Anh từ trước tới nay luôn sợ phải tham gia quân đội. Năm 1792-1793, Pitt đã huy động thành công lực lượng dân quân Anh do việc đánh thuế dân quân đối với người Ireland. Các bộ trưởng cho rằng lực lượng Công giáo sẽ sẵn sàng tham gia sau khi họ phải nhượng bộ vào tháng 3/1792. Mặc dù ban đầu diễn ra biểu tình chống lại sự cưỡng bức nhập ngũ – một hình thức không được ưa chuộng ở thế kỷ XVIII, ở Ireland đã hình thành hệ thống dân quân bước đầu tham gia vào cuộc chiến chống bạo loạn vào năm 1798. Lúc đầu Scotland không có dân quân nhưng đã huy động được chín tiểu đoàn dân quân tình nguyện bảo vệ đất nước trước chiến tranh và họa xâm lăng. Đến năm 1794, Scotland huy động được thêm 16 tiểu đoàn nữa. Để đối phó với họa xâm lăng, tháng 3/1794, Pitt lên tiếng kêu gọi sự huy động từ các Quan đại diện nhà vua ở quận đến những người có tiềm năng kinh tế để thành lập

thêm các đại đội bộ binh, kỵ binh tình nguyện và cung cấp tài chính cho họ nhằm tăng cường lực lượng dân quân tình nguyện tham gia chống xâm lăng và trấn áp các vụ lộn xộn trong nước. Đại đội bộ binh chủ yếu làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới đất nước. Lời kêu gọi của Pitt đã huy động được thêm 5.000 dân quân và 6.000 kỵ binh. Trong vòng một năm đã có 48 đơn vị kỵ binh và 119 đơn vị bộ binh tình nguyện được thành lập.

Trước đây, năm 1779, khi đất nước bị đe dọa xâm lăng, Bộ của North đã không dám kêu gọi sự tình nguyện ủng hộ của dân chúng vì e rằng điều này sẽ tăng cường sự ảnh hưởng của những người đứng đầu phe đối lập đối với địa phương và tạo ra các tổ chức đòi cải tổ hiến pháp. Còn Pitt thì không sợ điều này. Ông thăm dò kỹ lưỡng dư luận địa phương, đồng thời giao cho nghị sĩ Radnor nhiệm vụ nghe ngóng phản ứng của Berkshire Grand Jury trước khi công khai ý định này. Đầu cuộc chiến, Pitt muốn quản lý lực lượng dân quân bằng kỷ luật quân đội để có thể điều hành lực lượng này như quân chính quy chứ không phải là quân tình nguyện. Trong năm 1796-1797, các bộ trưởng đề nghị Nghị viện tăng lực lượng dân quân Anh lên gấp ba, tức là 90.000 quân và bổ sung 20.000 kỵ binh dự bị lấy từ những người đã trả thuế ngựa. Sau sự kiện này, Scotland thành lập hệ thống dân quân. Dundas đã chuẩn bị nền tảng cho việc này từ năm 1794, khi ông tiến hành lập Quan đại diện nhà vua ở quận theo kiểu Anh. Số quân này được tuyển mộ theo hình thức bỏ phiếu kín và được miêu tả là ”cuộc tuyển mộ lực lượng quân sự lớn nhất và dễ nhất mà nước Anh từng làm được”. Hoạt động này cuối cùng đã thành công mặc dù cuối năm 1796 diễn ra nhiều cuộc nổi loạn chống lại quá trình bỏ phiếu kín ở Lincolnshire và Đông Anglia, cùng một số địa phương ở Scotland vào năm 1797. Chỉ có bộ trưởng nào tin tưởng vào vị trí của họ trước công luận mới có thể làm được điều này và Pitt đã thành công nhờ khả năng vận động chính trị khéo léo của mình. Chiến tranh vẫn phải tiếp diễn khi thương lượng hòa bình sớm thất bại. Ông đã tham khảo ý kiến các nghị sĩ về đối tượng tham gia lực lượng dân quân tự vệ. Ông bác bỏ đề nghị tuyển những người canh rừng vào vị trí nhà thiện xạ. Năm 1798, ông đã xóa bỏ lực lượng kỵ binh dự bị, tuy nhiên vẫn bổ sung lực lượng dân quân Anh và Scotland. Đến tháng 4/1798, có 131.000 dân quân và kỵ binh tự vệ phục vụ trong quân đội.

Kết quả này có được là nhờ vào khả năng duy trì lòng tin đối với dân chúng của Pitt. Trong thời điểm 1795-1797 và 1784-1785, sự phân cực trong dư luận đã tạo ra những phản ứng công khai đối với hoạt động của Pitt: hoặc là căm ghét rõ rệt, hoặc là ủng hộ mạnh mẽ. Tháng 7/1795, lực lượng nổi loạn chống tuyển quân đã vây quanh ngôi nhà của Pitt tại phố Downing. Tuy nhiên, Pitt coi nhẹ tất cả và an ủi mẹ mình rằng đó chỉ đơn thuần là mấy viên đá ném qua cửa sổ và không đáng để báo chí phải quan tâm. Khi xe ngựa của Vua Anh bị tấn công vào tháng 10/1795, Pitt rít lên giận dữ và chửi rủa. Ông lo lắng hơn khi John Gale Jones – một nhà hùng biện cấp tiến – giả bộ đe dọa trước đám đông những người biểu tình phản đối “Hai luật” vào ngày 12/11 rằng các bộ trưởng sẽ đáp trả những kẻ cầm đầu phong trào phản đối bằng các biện pháp trừng trị. Trong tháng 12, khi sự kích động lên tới đỉnh điểm, Pitt đã bị một nhóm người ném bùn và cố giật dây cương khi ông đang cưỡi ngựa trong Công viên St James. Tháng 6/1796, phố Downing lại bị một đám đông tấn công và Pitt đã phải điều các kỵ binh đến trấn áp.

Để tiếp tục duy trì sự ủng hộ của dân chúng khi cuộc chiến ngày càng trở nên tồi tệ, cuối năm 1795, Pitt bắt đầu lập lời đưa ra thông báo về việc ông sẵn sàng đàm phán với Pháp. Tháng 9/1796, ông giải thích với Chatham, anh trai của mình, rằng để thuyết phục dân chúng toàn tâm nỗ lực ủng hộ tiếp tục cuộc chiến, ông cần phải chứng minh cho cả nước thấy ông đã làm tất cả vì hòa bình. Đàm phán hòa bình với Pháp đã sớm thất bại vào tháng 2/1796, do đó chiến dịch năm 1796 lại bắt đầu.

Cuộc thương lượng không thành tại Paris từ tháng 10 đến tháng 12 đã khiến Pitt dễ dàng bổ sung lực lượng dân quân và mang lại cho Pitt cơ hội trực tiếp kêu gọi dân chúng hỗ trợ 18 triệu bảng cho “Quỹ Yêu nước” vào tháng 12. Số tiền đó được quyên góp trong bốn ngày, trong đó Pitt, Dundas và Grenville, mỗi người góp 10.000 bảng, đi đầu trong phong trào quyên góp.

Tuy nhiên, chính sách hòa giải rồi lại chiến tranh này cuối cùng đã làm dân chúng nhụt chí. Những thất bại ở châu Âu khiến Nghị viện nhận hàng loạt thỉnh nguyện thư đòi hòa bình vào mùa xuân năm 1797. Mặc dù sau đó, những người ủng hộ ông thường phản ứng lại với việc gửi thỉnh nguyện thư ủng hộ cuộc chiến, song ông buộc phải tiến hành một cuộc thương lượng khác với Pháp. Mùa hè năm 1797 đã diễn ra cuộc đàm phán hòa bình tại Lille. Đàm phán này lại thất bại vào tháng 9/1797 khiến lòng tin của dân chúng bị lung lay. Các biện pháp tài chính chặt chẽ mà Pitt đưa ra để tiếp tục duy trì cuộc chiến không được dân chúng tán thành đã dẫn tới hàng loạt cuộc họp phản đối các biện pháp này. Điều này cũng khiến những người trung thành với ông hoang mang. Lần này, một nghị sĩ ủng hộ Pitt thừa nhận: “Bạn bè của Pitt trong chính phủ không nỗ lực ủng hộ và cũng không tham dự các cuộc họp này”.

Pitt và các đồng sự phải nỗ lực rất lớn để khuấy động “tinh thần nhân dân”. Họ đã nắm đúng thời điểm hải quân Hà Lan thất bại tại Camperdown vào tháng 10 và biến thành lễ kỷ niệm mừng chiến thắng trên toàn quốc với một đội lính thủy giương cờ đi khắp thành phố và trình trọng dựng lên tại Thánh đường Paul trong ngày Lễ Tạ ơn ngày 19/12. Chính Pitt là người gợi ý nội dung cho bài thuyết giáo chỉ ra những gì cần phải được làm, trong khi xe ngựa của ông đang bị vây trong tiếng la ó và bị tấn công tại sân nhà thờ St Paul. Ông đã phải trở về nhà trên xe của một người bạn với hộ tống quân sự.

Nhờ tham khảo ý kiến của Pitt, Thứ trưởng Ngoại giao Canning đã đưa ra một kế hoạch mới để “gây sự chú ý của công luận qua các phương tiện báo chí”. Họa sĩ châm biếm Gillray đã tuyển chọn và trả giá 200 bảng một năm cho những người sáng tác tác phẩm chống xâm lược và chống phe đối lập. Để tăng cường lực lượng ủng hộ chính phủ vốn ngày càng giảm sút, chính phủ cho thành lập một tuần báo châm biếm lấy tên là Anti-Jacobin Review (Tạp chí chống Gia-cô-banh), trong đó Pitt bí mật đóng góp sáu bài báo và một số bài thơ châm biếm. Ba bài trong tháng 11, một bài vào tháng 1/1798 và bài thứ năm vào tháng 4/1798 đã làm rõ phương pháp tài chính của Pitt, bài còn lại vào ngày 2/7 đã chỉ rõ sự chuyển biến của cuộc chiến giữa mùa thu năm 1797 và mùa hè năm 1798. Một số thành viên của chính phủ cũng có bài đăng trên tạp chí. Grenville đã sung sướng thốt lên: “Đây là một cách hoàn toàn mới cho chúng ta có nhiều cơ hội để viết và đặc biệt là ở những bài châm biếm ngắn, chúng ta có thể đánh bại kẻ thù”.

Đề Nghị viện thông qua những yêu cầu của mình về việc tăng thuế, Pitt đã chấp nhận đề nghị của Chủ tịch Viện Bình dân Addington kêu gọi những nơi có khả năng đóng góp nhiều nhất phải tình nguyện đóng góp cao hơn. Việc kêu gọi tình nguyện quyên góp trên khắp cả nước đã trở thành phương pháp khuyến khích tinh thần yêu nước của dân chúng. Pitt dốc toàn tâm toàn ý vào nỗ lực này. Ông đã thuyết phục thành công George III làm gương đóng góp 1/3 quỹ cá nhân của mình. Bản thân Pitt đóng 1/5 thu nhập với khoản tiền là 2.000 bảng và đề nghị các đồng sự cũng làm như vậy. Để tránh tin đồn cho rằng các quan chức chính phủ được hưởng nhiều lợi nhuận từ cuộc chiến, ông đã buộc hai người thu ngân được hưởng lợi nhiều nhất phải đóng góp khoản phí vượt trội chênh lệch giữa thời chiến và thời bình. Đúng như những gì Pitt mong đợi và nghị sĩ Auckland khẳng định, khoản đóng góp lớn từ các thành

viên chính phủ có tác động không nhỏ giúp xoa dịu sự bức bối của những người phải đóng chưa đến 1/10 thu nhập cá nhân.

Tình hình lại thay đổi khi Pitt một lần nữa được dân chúng ủng hộ. Tinh thần yêu nước lại được nhen nhóm khi nước Anh phải tiếp tục đối mặt với họa xâm lăng và những người từng ủng hộ Cách mạng Pháp bị sốc khi Pháp đàn áp tự do của Thụy Sĩ, một nước trung lập. Tháng 4/1798, báo cáo của Grenville viết rằng “một sự thay đổi tuyệt vời đã diễn ra”, đó là nhờ tình huống ở Thụy Sĩ và hơn thế nữa là nhờ vào chính Pitt, người đã không ngại né tránh khi nói về hòa bình và thẳng thắn phản đối ý đồ xâm lược của Pháp. Những hành động tàn bạo của Pháp cuối cùng đã giúp Pitt có được động cơ đúng đắn dựa trên tinh thần yêu nước nồng nàn mà từ đó ông có thể xác định rõ lập trường của mình. Tháng 4, trong bài phát biểu ủng hộ thông điệp của Vua Anh kêu gọi sự phản kháng chống lại họa xâm lăng, Pitt tuyên bố nhân dân Anh “đang đấu tranh vì tự do, trật tự, vì danh dự, luật pháp, tôn giáo và thậm chí vì sự tồn tại của đất nước”. Việc quyên góp thể hiện lòng yêu nước cuối cùng đã trở thành một hình thức để người giàu cũng như người nghèo tích cực tham gia cuộc chiến chống kẻ thù. Khi chiến dịch quyên góp kết thúc vào tháng 2/1799, số tiền thu được lên tới 2,2 triệu bảng.

Điều đáng nói là Pitt đã khuấy động tinh thần nhiệt tình tham gia quân đội trong dân chúng. Một nửa dân quân mới của Anh được tổng động viên để chống họa xâm lăng vào tháng 2/1798, nửa còn lại được huy động vào tháng 4. Trong cuộc khủng hoảng năm 1798, các vị chỉ huy dân quân đã đi tiên phong và tình nguyện bỏ qua những ưu tiên về thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự theo luật định để đến Ireland tham gia trấn áp nổi loạn. Cùng năm đó, Pitt và Dundas bắt đầu chú trọng hơn đến nhiệm vụ bảo vệ đất nước khi quy định chế độ dân quân tình nguyện là bắt buộc. Điều này đã được dân chúng nhiệt tình hưởng ứng. Tháng 4/1798, Dundas gửi thư tới các Quan đại diện nhà vua ở quận để nói về tầm quan trọng của việc mở rộng tối đa lực lượng dân quân, đồng thời nhấn mạnh rằng lòng tin của những chiến sĩ dân quân tham gia chiến trận đóng một vai trò tích cực trong hoạt động bảo vệ đất nước. Pitt kêu gọi đợt tình nguyện mới. Đạo luật Bảo vệ Quốc gia tháng 4/1798 quy định lập danh sách nam giới có tuổi đời từ 16 đến 60 chưa vào quân ngũ có nguyện vọng tham gia chiến đấu. Sau lời kêu gọi của Pitt, có 116.000 người tham gia, nhiều hơn gấp đôi so với số dân quân được huy động trong bốn tháng. Từ tháng 5 đến tháng 8/1798 có 264 đại đội tình nguyện, 80 quân kỵ binh, 275 tổ chức vũ trang được Hoàng gia phê chuẩn. Các đơn vị mới phần lớn được hình thành ở thị trấn. Nếu như năm 1794, lời kêu gọi chỉ được gửi tới “những người có tiền và có quyền” thì lần này, nó được chuyển tới mọi hộ gia đình, từ đó khơi dậy lòng yêu nước và tự hào quê hương bản xứ ở những người thuộc tầng lớp và địa vị thấp hơn. Thành phần tham gia chủ yếu trong các đơn vị ở thành thị là thương gia, công nhân và thợ thủ công lành nghề, còn các kỵ binh thì lấy từ tầng lớp nông dân làm thuê, người giao hàng ở nông thôn. Những người không theo tôn giáo chính thống giàu có trước đây luôn chỉ trích chính phủ và phản đối cuộc chiến nay đã tham gia với vai trò là những người lãnh đạo giáo phái của họ ở địa phương để bảo vệ đất nước. Nhóm “Giáo hội và Vua Anh” đã nhường quyền cho Vua Anh, nông thôn và thành thị lập thành một khối thống nhất từ các khối cục bộ địa phương. Nếu như tư tưởng cục bộ địa phương khiến những người ở thành phố luôn mang nét văn hóa và đặc thù riêng của tầng lớp thượng lưu, thì nay chủ nghĩa yêu nước đã khiến đại đa số họ tuyên bố sẵn sàng phục vụ ngoài vùng đất của mình, nhưng trong khuôn khổ quân khu, và khoảng 10% sẵn sàng phục vụ bất cứ nơi đâu trên đất nước Anh.

Nhờ vào hoạt động tăng cường lực lượng dân quân những năm 1796-1797 và đợt kêu gọi tình nguyện năm 1798 của Pitt, số dân quân trên khắp cả nước đã lên tới 25.000 người. Đây là một con số

chưa bao giờ có trong dự tính và cao hơn rất nhiều so với trước. Con số dân quân tình nguyện đã lên tới 146.000 vào năm 1801 và 380.000 vào tháng 4/1803, thời điểm Anh có nguy cơ bị xâm lược cao nhất. Đây là một “phong trào huy động sức dân lớn nhất chỉ có được ở thời đại Hanover⁷”. Pitt là người ủng hộ phong trào tuyển quân nhất. Khác với một số người ủng hộ ông và Nội các không quyết đoán của Addington trong giai đoạn 1801-1804, Pitt sẵn sàng kêu gọi lòng trung thành của nhân dân và không sợ phải thành lập các lực lượng dân quân. Năm 1803-1804, Pitt đã thành lập ba tiểu đoàn tình nguyện của Cụm cảng Cinque và trở thành chỉ huy của cả ba tiểu đoàn này. Ông không bao giờ mất niềm tin vào tinh thần yêu nước của nhân dân Anh.

THẤU HIỂU “CON NGƯỜI ANH”

Trong suốt cuộc đời Pitt luôn tin vào tầm quan trọng của việc được dân chúng ủng hộ. Cha ông là tấm gương cho thấy sự ủng hộ của dân chúng mang lại sức mạnh lớn như thế nào đối với các bộ trưởng và các chính trị gia. Những người không theo đảng phái sẽ giành được sự ủng hộ của dân chúng nhiều hơn là những người bị ràng buộc bởi danh dự của đảng. Chiến tranh đã mang lại cho Pitt cơ hội phát huy tối đa ưu điểm của một Bộ trưởng yêu nước, chí công vô tư và luôn hết mình vì lợi ích đất nước. Là một nhà yêu nước, ông đã khuấy động tinh thần yêu nước trong nhân dân. Những lời kêu gọi thống nhất đất nước của Pitt đã huy động được một nửa phe đối lập tham gia chính phủ vào tháng 7/1794 và tập trung được tinh thần yêu nước của toàn dân tộc vào năm 1798. Ông liên tục thay đổi phương pháp để lôi kéo dân chúng đứng về phía mình, từ việc kêu gọi mọi người tích cực tham gia hiệp hội đến quyên góp thể hiện lòng yêu nước và cuối cùng là tình nguyện tham gia quân đội. Điều quan trọng là Pitt luôn tin tưởng rằng nếu ông là tấm gương đi đầu trong phong trào yêu nước thì ông sẽ được nhân dân ủng hộ. Trong suốt những năm 1784, 1788-1789, 1792, 1795 và 1798, ông được nhân dân hưởng ứng làm theo.

Khác với những người dè dặt hay do dự, Pitt luôn tin tưởng ông có thể kêu gọi và nhận được sự ủng hộ của dân chúng. Năm 1803, Pitt phát biểu trước Nghị viện:

Tôi nghe thấy nhiều người nói về mối nguy hiểm khi huy động lực lượng vũ trang trong dân chúng. Thú thật có lúc tôi cảm thấy lo sợ vì một vài gánh nặng nào đó nhưng chưa bao giờ tôi thấy ngại phải huy động lực lượng vũ trang trong nước. Tôi chưa bao giờ lo lắng về một quân đội yêu nước – một quân đội luôn được bao bọc bởi nhân dân. Chỉ có ai không hiểu được bản tính của người Anh thì mới có nỗi lo như vậy.

Ông luôn quan tâm đến những dao động tâm lý của người dân và luôn chú ý nắm lấy cơ hội để lái chúng theo hướng mình mong muốn (như Phong trào Liên kết năm 1792). Cũng phải thừa nhận rằng hoàn cảnh đã hỗ trợ cho ông. Cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ thảm khốc đã khiến người dân thất vọng trước sự tranh giành của các phe cánh vào những năm 1760 và 1770. Người dân sẵn sàng hưởng ứng tinh thần lãnh đạo của Pitt, một người yêu nước độc lập, đặc biệt khi đất nước lại đứng trước họa xâm lăng vào những năm 1790. Tuy nhiên, bằng chính khả năng của mình, Pitt đã có được cả Nghị viện lẫn dân chúng. Năm 1797, quý bà Holland, cháu dâu của Fox, đã viết rằng Pitt “hiểu người Anh hơn bất cứ ai khác – đây là điểm khác biệt so với những người thông thái khác”.

CHƯƠNG 7. Pitt và các cường quốc châu Âu

QUÁ THIẾU KINH NGHIỆM TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ NGOẠI GIAO

Pitt lên nắm quyền ở một đất nước có nhiều biến chuyển sau một cuộc chiến tranh khiến nước Anh mất quyền cai trị Ireland và buộc phải trả độc lập cho Mỹ. Nhiều năm sau, Grenville vẫn nhớ đến “sự thất vọng đến xót xa của đất nước khi bị mất cả một lãnh thổ bao la. Tôi là người từng chứng kiến nỗi đau đớn và sự tàn khốc của cuộc chiến gây ra tổn thất to lớn cho đất nước”. Nhiều quốc gia châu Âu cho rằng thất bại của Anh là không còn gì để mất. “Tạm biệt sự kính trọng của các quốc gia, tạm biệt sự giàu có thịnh vượng của Anh quốc” – đó là những gì Hoàng đế Áo Joseph II viết cho anh trai là Công tước Leopold của xứ Tuscany, người đồng tình rằng “Anh quốc là một cường quốc lớn được xếp ngang hàng với Pháp giờ đây đã bị thất bại hoàn toàn và mãi mãi. Nước Anh đã đánh mất sức mạnh và quyền lực trên trường quốc tế và rơi xuống vị trí thứ hai, ngang hàng với Thụy Sĩ và Đan Mạch”.

Thất bại này đã khiến Pitt tỏa sáng trong vinh quang, được phản chiếu bởi chiến thắng vĩ đại mà cha ông đã giành được sau cuộc Chiến tranh Bảy năm. Pitt đã vượt qua được những chính trị gia giàu kinh nghiệm nhưng mang tâm trạng và đầu óc bại hoại sau cuộc chiến để lên nắm quyền điều hành đất nước. Tuy nhiên, thật kỳ lạ là cha của Pitt luôn chú ý đến việc truyền đạt cho con những kinh nghiệm hoạt động trong Viện Bình dân, nhưng lại bỏ qua vốn hiểu biết về vấn đề quốc tế. Một nhà lãnh đạo trẻ tuổi như Pitt lại chưa bao giờ ra nước ngoài, trừ chuyến thăm Pháp kéo dài sáu tuần cùng hai người bạn là Eliot và Wilberforce vào mùa thu năm 1783. Thật nực cười khi những dòng chữ hướng dẫn về nơi ở của họ tại Rheims lại đưa họ tới quầy bán hàng thực phẩm. Thậm chí, tại Tòa án Pháp ở Fontainebleau, như Wilberforce viết: “Tất cả mọi người vây quanh Pitt trong hoàn cảnh rất nguy hiểm, vậy mà Pitt thể hiện thái độ rất thoải mái”. Về văn hóa Pháp, Pitt giỏi âm nhạc hơn ngôn ngữ. Theo ghi chép của Wraxall, ông thành thạo ngữ pháp tiếng Pháp nhưng “ở tuổi 25, ông nói chưa được hoàn hảo và viết không thoát nghĩa”. Mặc dù sau này Pitt đã tiến bộ lên nhiều, song vào năm 1797, trình độ ngoại ngữ của ông vẫn chưa đủ để có thể tranh luận với Grenville về cuộc đàm phán với Pháp. Do đó, ông đã phải để chuyên gia George Ellis dịch bức thư của ông về cuộc đàm phán ra tiếng Pháp.

Pitt không tự trang bị cho mình những kiến thức về nước ngoài thông qua việc đọc sách báo. John Sinclair, người từng tham gia chuyến đi mở rộng của triều đình tới Bắc Âu vào tháng 7/1786, cho rằng nhược điểm chính của một chính trị gia như Pitt là không thích đọc bất cứ loại sách nào ngoại trừ các tác phẩm âm nhạc, đồng thời đánh giá thấp văn học hiện đại, “ông không biết gì về ngoại ngữ hay đặc thù của các nước khác và dường như không thiết tha trang bị cho mình các thông tin về vấn đề này”. Wraxall nhớ lại buổi nói chuyện với Pitt về các thuộc địa của Tây Ban Nha ở khu vực bờ biển Thái Bình Dương thuộc địa phận châu Mỹ, trong Khủng hoảng Nootka vào năm 1790, rằng “Pitt thừa nhận ông không những chưa bao giờ đọc mà còn chưa bao giờ nghe những chuyện kể của Commodore Byron về các vụ đắm tàu của ông ta tại bờ biển Patagonia trong tác phẩm *Wager*, trong khi đó cuốn sách này có thể tìm thấy ở mọi thư viện”.

Pitt bắt đầu thực hiện ý định nâng cao khả năng ngoại giao của mình. Ngoại trưởng Carmarthen cho biết: trong khi các đồng sự khác trong Nội các không mấy quan tâm đến vấn đề ngoại giao, Pitt đã đầu tư nhiều thời gian hơn đến vấn đề giao tiếp. Tuy nhiên, phải đến tận tháng 5/1784, sau khi các cuộc khủng hoảng nghị viện chấm dứt, ông và vị Bộ trưởng Ngoại giao này có một buổi gặp mặt và thảo luận về tình hình chính trị châu Âu. Hai người đã nhất trí là cần phải phá vỡ vòng liên minh bảo hộ của Pháp và hình thành một vài hệ thống đối trọng. Tuy nhiên, họ vẫn chưa xác định bằng cách nào có thể làm được điều này mà không cần phải tham gia liên minh, vì nếu tham gia sẽ dẫn tới những cuộc tranh cãi trong lục địa và kéo theo là một cuộc chiến mới mà Anh không có điều kiện tham chiến. Hơn nữa, một đất nước vừa mới bị thua trận với một chính phủ mới chưa ổn định thì khó được nước khác xem là một đối tác hấp dẫn. Do vậy, Pitt đã tìm cách khôi phục sức mạnh của đất nước bằng “chính sách kinh tế, hòa bình và thương mại” theo như cách nói của Grenville. Tài chính của đất nước sẽ trở lại cân bằng, nợ quốc gia giảm, kinh tế sẽ được phục hồi và các đề nghị thương mại với Ireland sẽ được thiết lập để nối lại sự thống nhất giữa Anh và Ireland thông qua các “biện pháp kinh tế”. Tháng 8/1785, Pitt viết: “Hãy để kế hoạch thống nhất Ireland được diễn ra tốt đẹp. Hãy để hòa bình được tiếp diễn trong năm năm và chúng ta sẽ lại tiếp tục tìm kiếm vị trí bá chủ châu Âu”.

Trong các cuộc đàm phán với Ireland, Pitt tuyên bố tài chính và hải quân là “hai lợi ích quan trọng nhất của Ireland”. Đề nghị gây nhiều tranh cãi nhất của Pitt là dùng số dư trong tổng thu nhập lũy kế của Ireland để chi trả cho hải quân, đồng thời áp dụng Đạo luật Hàng hải Anh đối với Ireland. Ưu tiên này của Pitt là nhằm khôi phục tiềm lực hải quân Anh sau cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ. Ông đã bác bỏ quan điểm của Shelburne về duy trì quan hệ tự do thương mại với các thuộc địa cũ và thiên về chiều hướng bảo vệ hoạt động hàng hải của Anh để tăng cường số binh lính đã qua huấn luyện cho hải quân. Pitt tán thành các biện pháp của Jenkinson (từ 1786 là Huân tước Hawkesbury) về Ủy ban Thương mại (từ 1786 là Bộ), vấn đề trong Đạo luật Hàng hải năm 1786, trong đó quy định thành lập cơ quan đăng ký tàu bè của Anh để ngăn cản hoạt động buôn bán bất hợp pháp – một biện pháp để tăng cường tiềm lực hải quân. Giống như người tiền nhiệm của mình, Pitt coi sự kiểm soát chặt chẽ là điều cần thiết cho sự phát triển thương mại và giao thông đường biển, từ đó mới có thể tăng cường được tiềm lực tài chính và hải quân. Hàng hóa của Mỹ bị ngăn chặn từ các nước Tây Ấn – những thuộc địa có sức sản xuất mạnh nhất của Anh và biến Canada thành nơi cung cấp thay thế. Đạo luật Canada năm 1791 của Grenville cho phép thành lập hai tỉnh thuộc Canada dưới hình thức chính phủ đại diện (trong đó duy trì Hội đồng Hiến pháp theo kiểu cha truyền con nối giống như Viện Quý tộc để cân bằng với hội đồng được bầu chọn) với mục đích làm giảm ảnh hưởng đối với phong trào cách mạng. Ở miền Đông, Đạo luật Ấn Độ năm 1784 của Pitt (tăng cường quyền kiểm soát của chính phủ) được ban hành nhằm củng cố vị thế của Anh ở thành trì thương mại chính phía đông. Ý đồ của Pháp đối với khu vực này đã bị chặn lại do sự phục hồi ảnh hưởng của Anh đối với Hà Lan và các cơ sở ở vùng Đông Ấn vào năm 1787. Tại đây, năm 1788, Anh tiến hành các bước phát triển vùng đánh bắt cá voi Thái Bình Dương, thuộc vùng thuộc địa mới được thiết lập ở Vịnh Botany. Hoạt động trao đổi thương mại với đế chế Trung Quốc được tăng cường. Những năm 1793-1794, Anh đã thiết lập đại sứ quán tại Bắc Kinh. Năm 1790, các bộ trưởng đe dọa gây chiến với Tây Ban Nha để bảo vệ một cơ sở thương mại mới tại Eo biển Nootka, thuộc bờ biển tây bắc châu Mỹ.

Cùng với việc mở rộng thương mại và giao thông đường biển ở Anh, Pitt đặc biệt chú ý đến hải quân. Trong suốt giai đoạn phát triển kinh tế, Pitt không cho động chạm đến nguồn ngân sách mà ông đã chuẩn bị đủ cho xây dựng và sửa chữa hạm đội chiến đấu. Năm 1786, chi phí cho hải quân là 3.127.000 bảng, cao hơn tổng mức chi phí cao nhất trong thời bình vào năm 1772 là 389.000 bảng.

Theo đánh giá của lực lượng hải quân, 10 tàu được xây dựng hoặc sửa chữa mỗi năm là đủ để duy trì một hạm đội chiến đấu gần 100 tàu. Pitt thu được khoản viện trợ của Nghị viện trong thời gian 1783-1793 để đóng xong 43 tàu mới, chuẩn bị đóng thêm 10 tàu, sửa chữa 85 tàu, như vậy, trung bình mỗi năm vượt chỉ tiêu hai tàu so với yêu cầu của lực lượng hải quân. Pitt luôn quan tâm đến kết quả của hoạt động này. Sau này, con trai của vị Tư lệnh Lực lượng Hải quân từ 1790-1794 viết:

Không có gì là khác thường khi Pitt đến thăm Văn phòng Hải quân, thảo luận với vị Tư lệnh về vấn đề hải quân và xem kết quả thu được từ nỗ lực đóng và sửa chữa tàu. Ông cũng đề nghị vị Tư lệnh thông báo tình hình của hạm đội trong từng giai đoạn, nắm được trách nhiệm của người sĩ quan này đối với ông mà không cần thông qua Bộ.

Đề đối phó với cuộc khủng hoảng ngoại giao trong các năm 1787, 1790, 1791 và tháng 3/1792, Anh lấy việc triển khai lực lượng hải quân làm hoạt động trọng tâm và khả năng triển khai một hạm đội hải quân hùng hậu nhanh hơn đối phương, đó là thuận lợi chính ban đầu.

Tuy nhiên, trong những năm đầu tiên, sự bất lực của chính phủ mới trước các vấn đề quốc tế được thể hiện rất rõ ràng. Năm 1785, tình huống trở nên đặc biệt tồi tệ khi Hà Lan và Pháp thành lập liên minh mới. Trong khi đó, nỗ lực kéo Áo và Nga đứng về phía liên minh với Anh đã thất bại vì George III (với vai trò là cử tri của Hanover) quyết định cùng Phổ tham gia liên minh của các hoàng thân Đức để phản đối âm mưu của Áo thay đổi tỉnh Belgian thành Bavaria. Khi các bộ trưởng trong Nội các thú nhận mình đã lơ đi hoặc bất lực, không thể can thiệp vào cách quản lý Hanover của Vua George, Nữ hoàng Nga Catherine II đã kết luận: “Bộ trưởng Anh không phải là người thật sự điều hành các vấn đề ngoại giao của nước này, người điều khiển chính là ông vua đầy ác ý dưới sự chỉ đạo của đoàn mục sư Hanover”. Tháng 2/1786, đặc phái viên vùng Sardinia viết rằng Pitt chỉ là phương tiện phát ngôn của Nội các khi chính Pitt đôi lúc tự cảm thấy nói về vấn đề ngoại giao là một điều bất buộc. Thậm chí, Pitt còn thú nhận với ông ta rằng mình quá thiếu kinh nghiệm trong việc giải quyết các vấn đề ngoại giao.

Tuy nhiên, hai năm sau, tình huống buộc ông phải đóng vai trò quyết định trong việc đưa ra chính sách ngoại giao. Carmarthen thiếu khả năng và không chuyên tâm nhưng không muốn thay đổi vị trí. Pitt yêu cầu ông ta làm theo chỉ đạo của Nội các nhưng Thurlow lại chần chừ trong việc hoạch định các hiệp ước. Camden chỉ phụ trách vấn đề lưu hành giấy tờ. Còn Richmond – cựu Ngoại trưởng, người mà Pitt đặc biệt yêu cầu phải có mặt trong các cuộc họp Nội các về các vấn đề ngoại giao – lại dao động giữa các thái cực và giữ khoảng cách khi cho rằng những ý kiến cố vấn của mình sẽ không được chấp nhận. Cuối cùng, tự nhận thấy mình không có được trợ giúp chính từ Carmarthen, Pitt dần nắm quyền điều hành các lĩnh vực mà vị Ngoại trưởng không mấy quan tâm và tự vạch ra các chính sách. Đầu tiên, phải kể đến các cuộc đàm phán thương mại với các nước lớn. Pitt tham gia với vai trò là Bộ trưởng Tài chính. Sau thất bại ở Ireland năm 1785, Pitt đầu tư thương mại ra nước ngoài, với sự trợ giúp của Jenkinson và đặc biệt là của Grenville, người đã đưa Jenkinson lên làm Thứ trưởng Bộ Thương mại.

Chính Pitt chứ không phải Carmarthen, người hay ngò vức, đã đối phó với áp lực từ phía Pháp để nối lại cuộc đàm phán thương mại vốn trì trệ khi bổ nhiệm chuyên gia thương mại William Eden làm người thương thuyết vào tháng 12/1785. Sau này, dưới sự dàn xếp của Pitt và Grenville, những

chỉ dẫn về cuộc đàm phán được đứng tên Carmarthen gửi đến Eden. Eden cho biết, những chỉ dẫn này chủ yếu là do Grenville vạch ra. Ngày 26/9/1786, Hiệp ước Thương mại với Pháp được ký kết, trong đó dự tính về mặt thời gian cũng được đưa ra đàm phán với Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Nga. Pitt tham gia tất cả các cuộc đàm phán này. Trong trường hợp đàm phán với Tây Ban Nha, Pitt đã soạn thảo và sửa chữa báo cáo; còn khi làm việc với Jenkinson, ông đã vạch ra các đề nghị đối với hiệp ước. Mặc dù các nhà bình luận thế kỷ XIX ca ngợi Pitt là tiền thân của thuyết tự do thương mại đang rất thịnh hành, nhưng khác với người tiền nhiệm là Shelburne, ông đặc biệt thận trọng cam kết là “tự do thương mại hơn” chứ không phải là “tự do thương mại” và luôn kèm theo điều kiện là không gây cản trở đến giao thông đường biển của Anh. Nếu như Shelburne luôn mong muốn được nhanh chóng đàm phán thương mại với Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, một quốc gia mới thành lập, thì Pitt thường tránh các hiệp ước kiểu như vậy, trừ phi người Mỹ cảm thấy cần thiết phải nhân nhượng trong cuộc chiến với Cách mạng Pháp năm 1794. Hiệp ước với Pháp năm 1786 tạo điều kiện cho hai bên trao đổi lẫn nhau, đồng thời giảm thuế xuất nhập khẩu và thuế tàu đến mức thuận lợi nhất cho cả đôi bên. Tuy nhiên, Anh vẫn tìm cách bảo hộ ngành công nghiệp lụa London với việc duy trì lệnh cấm nhập khẩu lụa Pháp. Việc Pitt thận trọng để duy trì cân bằng giữa thương mại và hàng hải cùng với mối lo lắng của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh về nền kinh tế Anh đang trong giai đoạn phục hồi đã khiến Pitt không mấy thành công hơn các đối thủ châu Âu trong các cuộc đàm phán thương mại. John Ehrman cho biết: Giữa những năm 1783-1792, Nga và Pháp đạt được sáu hiệp ước có thể hoàn toàn là thương mại hoặc một phần liên quan đến thương mại, Tây Ban Nha đạt bốn hiệp ước, trong khi đó Anh đàm phán tám hiệp ước nhưng chỉ đạt được một hiệp ước với Pháp và nối lại một hiệp ước với Nga vào năm 1793. Với sự trợ giúp của Pitt, Grenville đã thảo luận với Mỹ về điều kiện thương mại tự do trong Hiệp ước Jay năm 1794, bất chấp sự phản đối của Hawkesbury.

Hiệp ước thương mại Anh-Pháp năm 1786 có thể đã thành công chỉ vì Pháp (một đất nước khát khe về tài chính) và William Eden (một người khát khe về chính trị) đều cần đến sự thành công này. Tuy nhiên, Pitt có được uy tín đối với các thương gia và các nhà sản xuất là nhờ vào việc mọi người đều nhìn thấy rõ sự mở rộng thương mại giữa Anh và Pháp. Qua đó, Pitt đã giành được lòng tin của dân chúng về khả năng hoạt động của mình trên trường quốc tế. Ông và Eden tiếp tục trao đổi qua thư từ khi Eden ở Pháp để giám sát việc thi hành hiệp ước. Tháng 12/1786, với sự gợi ý của Carmarthen – người gặp trở ngại trong việc gây sự chú ý với Vua Anh và Nội các, James Harris – đặc phái viên Anh tại Các tỉnh Thống nhất¹, đã viết thư cá nhân trao đổi với Pitt về ý đồ thành lập đảng đứng sau Thái tử của Orange, người đứng đầu nhà nước Hà Lan và có tư tưởng thân Anh để đối đầu với Đảng yêu nước ủng hộ Pháp. Nhờ bức thư của Harris mà Pitt đã gọi Carmarthen đến bàn bạc cụ thể về phương án tiến hành. Vị Ngoại trưởng vui mừng khi thấy Pitt chỉ quan tâm đến cách thức tiến hành chứ không băn khoăn về ý đồ. Sau khi Harris đến London vào tháng 5 để thảo luận với Nội các về vấn đề này, nguồn vốn hỗ trợ cho hoạt động bí mật của Harris đã lên tới 12.000 bảng vào tháng 1/1787 và sau đó các tỉnh của Orange được vay 70.000 bảng. Pitt đã gặp riêng Harris và chất vấn ông ta rất cẩn thận. Ông cũng tỏ ra băn khoăn rằng liệu có đáng phải gây ra chiến tranh và làm ảnh hưởng đến sự thịnh vượng của quốc gia với những âm mưu leo thang như vậy hay đợi một vài năm, đến khi đất nước đủ mạnh mới đối chọi với Pháp. Tuy nhiên, Pitt quyết định mạo hiểm một lần và điều này là yếu tố quan trọng giúp Pitt nhận được sự đồng tình miễn cưỡng của Vua Anh.

Sự thiếu kinh nghiệm của Pitt bộc lộ ở việc ông không mấy quan tâm khi Richmond đã thận trọng cảnh báo cần phải thuê binh lính hạm đội của Đức trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Pitt không thể ngờ cuộc khủng hoảng có thể xảy ra nhanh như vậy. Sự việc bắt đầu khi Công chúa của hạt Orange

dùng thủ đoạn lừa những người trong Đảng yêu nước ủng hộ Pháp bắt giữ mình vào tháng 6/1787 và khản khoản yêu cầu anh trai là Frederick William II của Phổ cùng nước Anh trả thù cho mình. Nước Phổ kêu gọi rửa nhục và tập trung quân ở gần biên giới Hà Lan. Còn những người thuộc Đảng yêu nước kêu gọi sự ủng hộ từ phía Pháp. Cuộc khủng hoảng bất ngờ xảy ra vào giữa mùa hè, Pitt đang ở London, trong khi các đồng sự đều phân tán ở quê hương của họ. Tổng Giám mục Canterbury cho biết, chỉ có Grenville và Richmond ở bên cạnh tư vấn cho Pitt và rất lo lắng trước khả năng giải quyết tình hình của ông, đồng thời mong mỗi hai người dày dạn kinh nghiệm chiến tranh là Stafford và Thurlow trở về London. Pitt có tư duy đáng kính nể, nhận thức đúng đắn và quyết định thức thơi nhưng lại thiếu kinh nghiệm và sự am hiểu chính xác về bản chất của các nước.

Trên thực tế, tư duy của Pitt rất khoa học. Sau khi thu thập được các thông tin tài chính từ Eden ở Paris và phỏng vấn Calonne, Bộ trưởng Tài chính Pháp đã bị cách chức hiện đang tị nạn tại nước ngoài, Pitt nhanh chóng nhận thấy do vấn đề tài chính và chính trị, Pháp không thể sẵn sàng sử dụng các biện pháp khắc nghiệt và cũng không thể chuẩn bị được. Ông đã phái Grenville tới Hà Lan để kiểm tra lại kết luận của Harris cho rằng người Orange hiện đang thay thế vị trí của những người yêu nước ủng hộ Pháp và dùng báo cáo của Grenville để thuyết phục Vua Anh thừa nhận tình huống này. Các cơ quan chính phủ Anh thông báo việc Pháp tuyên bố đang tập trung quân ở Givet thuộc biên giới phía bắc hai nước là lừa bịp. Liệu Pitt có chuẩn bị hành động để đối phó với trò lừa bịp đó hay không? Nếu có, ông có thể sẽ phá vỡ Liên minh Pháp-Hà Lan và giành lấy sự ủng hộ của Hà Lan, bởi lẽ lực lượng hải quân của nước này có ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa các vùng biển quốc gia và các căn cứ của Hà Lan ở nước ngoài mà hiện Pháp đang sử dụng sẽ là mối đe dọa lớn đối với chủ quyền của Anh ở Đông Ấn. Cái khó của Pitt là ở chỗ, nước Anh không có một đội quân hùng mạnh với các binh chủng lớn tương xứng với một cường quốc lục địa. Phổ đã tập trung quân, song còn đang do dự liệu có nên tác chiến hay không bởi lẽ chưa nắm được phản ứng của các đối thủ phương Đông là Nga và Áo. Đúng lúc đó, đầu tháng 9, Berlin nhận được thông tin là Thổ Nhĩ Kỳ đã tuyên chiến với Nga. Điều này khiến Nga và Áo thay đổi kế hoạch và xua tan nỗi lo của Berlin, binh lính Phổ tiến về Các tỉnh Thống nhất. Ở châu Âu, người ta tin rằng Robert Ainslie, đặc phái viên Anh tại Constantinople đã kích động Thổ Nhĩ Kỳ ngênh chiến, mặc dù sau đó Thurlow luôn khẳng định: “Người Thổ Nhĩ Kỳ rất giữ uy tín với chúng tôi, chúng tôi thật sự cố gắng ngăn cản cuộc chiến”.

Ngày 7/8/1787, Pitt quyết định sẽ ủng hộ Phổ nếu họ gây chiến. Đến cuối tháng 8, ông đã tiến hành các bước viện trợ cho người Orange và thuê lính Hessian của Đức. Ngày 3/9, Phổ nhận được trợ cấp và hỗ trợ của Hải quân Anh. Sau khi nhận được lời cảnh báo từ phía Pháp vào đêm 19/9 rằng Pháp tuyên bố sẽ ủng hộ những người yêu nước nếu Phổ tấn công, Pitt triệu hồi các Bộ trưởng Nội các và Bộ trưởng Tài chính George Rose tới London. Cuộc họp diễn ra vào ngày 19 đã đi đến quyết định triển khai hạm đội hải quân và tăng cường lực lượng lục quân. Sau đó, Pitt mời Calonne ăn tối và “được nghe toàn bộ tình hình chính trị ở Pháp, không có dấu hiệu tồi tệ nào đối với chúng ta”. Ông đã phái Grenville đến Paris tìm cách thuyết phục Pháp rút quân trong danh dự. Tuy nhiên, trên thực tế, trong khi kháng cự lực lượng của Phổ, đội quân yêu nước đã nhanh chóng thất bại hoàn toàn, Paris ở vào thế “sự đã rồi”.

Trong cuộc khủng hoảng ở Hà Lan kéo dài từ tháng 8 đến tháng 9/1787, Pitt là người điều hành chính sách ngoại giao của Anh. Các quốc gia khác đều công nhận điều này. Tháng 1/1788, Ngoại trưởng Pháp coi Carmarthen “chỉ là người đại diện cho Pitt”. Pitt đã soạn thảo ra nhiều báo cáo gửi tới Hague, Paris và Berlin, phái Grenville tới Paris và Berlin, đồng thời phỏng vấn riêng đặc phái

viên của Pháp ở London (cuộc phỏng vấn không thành công bởi lẽ giọng điệu thân mật của ông đã thể hiện nhiệt tình muốn bảo vệ lợi ích của Hiệp ước Thương mại khiến người Pháp hiểu lầm quyết tâm thật sự của ông trong việc ủng hộ Orange và Phổ). Chính Pitt, chứ không phải Carmarthen, là người dàn xếp với Vua Anh, thông báo cho các Bộ trưởng Nội các vắng mặt và hành động dứt khoát với vai trò thật sự của nhà lãnh đạo chính phủ, khác hẳn với những gì mà Harris nhìn nhận về Pitt trong cuộc họp Nội các tháng 5. Ông đã thu được kết quả ngoại giao thay đổi hoàn toàn. Giờ đây, ảnh hưởng của Anh đối với Hà Lan là trội hơn Pháp. Sau cuộc chiến tàn khốc với Mỹ, như Camden từng nói, nước Anh đã nhanh chóng đi lên và có những bút phá phi thường “thoát khỏi tình huống nguy hiểm nhất mà chúng tôi từng chứng kiến”. Pitt được ca tụng ở khắp mọi nơi, mặc dù ông đã thẳng thắn thừa nhận “có được kết quả đó là nhờ may mắn do hoàn cảnh đem lại chứ không phải vì bất kỳ nguyên nhân nào khác”.

Tuy nhiên, châu Âu vẫn hồ nghi về việc Pitt có thể thể hiện xuất sắc trong thời gian lâu dài. Cuộc tranh cãi giữa Pitt và Chủ tịch Viện Quý tộc Thurlow không thoát khỏi tai mắt của các đặc phái viên nước ngoài ở London và của Pháp, đặc biệt họ đã suy luận đây là cuộc tranh giành quyền kiểm soát chính sách ngoại giao Anh giữa một bên là Pitt, một bên là Vua Anh được trợ giúp bởi âm mưu của các bộ trưởng mà đứng đầu là Thurlow và Hawkesbury. Vua Anh vẫn cho rằng sớm muộn gì Anh sẽ phải can thiệp vào tình hình ở châu Âu, vì vậy ngài phản bác việc Pitt luôn nhấn mạnh nhu cầu khôi phục hòa bình ở Baltic bằng việc cứu Thụy Điển thoát khỏi cuộc tấn công của Đan Mạch vào mùa thu năm 1788. Một cuộc tranh cãi nghiêm trọng đã vô tình được ngăn chặn khi đặc phái viên của Anh tại Đan Mạch và Phổ tham gia đàm phán về một thỏa thuận ngừng bắn, mặc dù như vậy là không đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, điều này đã khiến người ta phải đặt ra câu hỏi: Liệu đặc phái viên Anh hay chính phủ đang điều hành chính sách ngoại giao của Anh? Tình trạng ốm yếu của Vua Anh và cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính sau này đã tạo ra những hoài nghi khác về việc Pitt tiếp tục chiếm giữ vị trí ngoại giao và đưa chính sách ngoại giao rơi vào tình trạng hoàn toàn bế tắc cho đến khi sức khỏe của Vua Anh hồi phục.

MÙA ĐỒ CỦA PITT

Chỉ sau khi sức khỏe của Vua Anh được hồi phục vào năm 1789 thì việc Pitt lên nắm quyền mới thật sự được khẳng định và Vua Anh tạm thời trao quyền nhiều hơn cho các bộ trưởng của Pitt, như vậy Pitt mới có thể tiến hành các bước quan trọng để giải quyết những vấn đề liên quan đến chính sách ngoại giao cơ bản của Anh. Pitt cần bảo vệ thắng lợi của mình tại Các tỉnh Thống nhất chống lại sự trả đũa của Pháp trong tương lai. Ông cũng mong muốn duy trì chính sách phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, liên minh với Các tỉnh Thống nhất có thể gây cản trở cho liên minh với Pháp. Vì lý do này, Pitt đã miễn cưỡng chấp nhận liên minh với từng nước theo như đề nghị của Phổ năm 1788 và Áo năm 1793. Dù vậy, ông vẫn lo sợ nước Anh có thể bị lôi kéo vào khối đồng minh phức tạp, gây ra những rắc rối lớn nên Pitt muốn một liên minh chung với các cường quốc để tạo nên khối an ninh tập thể có hiệu quả. Vẫn lo sợ Phổ có thể sẽ liên minh với Pháp, Pitt đã lập liên minh phòng thủ với Đức từ tháng 7 đến tháng 8/1788. Cả Anh và Đức đều liên minh với Hà Lan, tạo ra Đồng minh ba nước. Tuy nhiên, điều này đã trở thành ác mộng tệ nhất đối với Pitt khi Phổ nhân cơ hội này tìm cách mở rộng lãnh thổ như Nga và Áo đã giành được trong cuộc chiến với Thổ Nhĩ Kỳ. Hai năm sau, Pitt và Carmarthen (từ 1789 là Công tước xứ Leeds) chặt vật ngăn cản âm mưu mở rộng lãnh thổ của Phổ khi nước này mong muốn giành được Danzig và Thorn từ Ba Lan. Không hỏi ý kiến của London, năm 1789, Phổ kích động Ba Lan phá vỡ quyền thống trị của Nga và đàm phán với phong trào ly khai trong lãnh thổ tự trị của Áo ở

Bỉ (một nước đã tuyên bố độc lập vào tháng 1/1790) và ở Hungary. Đầu năm 1790, Phổ tuyên bố đã lập liên minh phòng thủ với Ba Lan thành công và đang đàm phán lập một liên minh khác với Thổ Nhĩ Kỳ để chuẩn bị cho cuộc chiến với Áo.

Bằng kinh nghiệm của mình, Pitt nhận thấy nếu tham gia liên minh với các nước châu Âu thì Anh sẽ trở thành một bộ phận của một hệ thống chung lớn mạnh, bảo đảm hòa bình và an ninh ở châu Âu. Đó là một cách nhìn chiến lược mà theo cách nói của Pitt là “kiềm chế sức cám dỗ của tham vọng chiến tranh”. Đây cũng chính là ý đồ mà một số người tiền nhiệm của Pitt từng tính đến nhưng không mấy thành công như Stanhorne (1716-1721), Newcastle (1748-1755). Pitt đã đưa ra ý đồ này lần đầu tiên vào tháng 1/1790 và đề nghị thêm một số sắp xếp cho các cường quốc châu Âu vào các năm 1793, 1798 và 1805. Thế nhưng, cuối cùng nó chỉ được thực thi khi Castlereagh, môn đệ của ông, thực hiện điều cốt yếu của ý đồ này trong giai đoạn 1815-1821.

Cơ hội đầu tiên đến với Pitt trong năm 1790-1791, bởi lẽ lúc này tiếng nói của Anh mới tạm thời có trọng lượng đối với các vấn đề châu Âu, do Pháp thất bại trong cuộc cách mạng năm 1789, Nga và Áo lại không có khả năng chấm dứt cuộc chiến ở phía đông để đối phó sức phản kháng mạnh mẽ không ngờ của Thổ Nhĩ Kỳ. Pitt tìm cách tập trung các cường quốc như Ba Lan, Đan Mạch, Thụy Điển và có thể cả Tây Ban Nha bao quanh Đồng minh ba nước để thiết lập lại vị trí các lãnh thổ như trước năm 1787. Đây là yếu tố cơ bản đảm bảo hòa bình lâu dài, tránh tranh giành mở rộng lãnh thổ. Khối đồng minh này có thể giúp Thụy Điển giữ được các tỉnh của Phần Lan, tránh khỏi mối đe dọa từ phía Nga khi Stockholm vội vã đứng về phía Thổ Nhĩ Kỳ vào năm 1788, đồng thời tách Áo khỏi liên minh với Nga bằng cách kích động Áo nhờ khối đồng minh này dàn xếp việc chấm dứt cuộc chiến khốc liệt và tốn kém với Thổ Nhĩ Kỳ và trao trả quyền cai trị nước Bỉ cho Áo, trong đó tự do hiến pháp của Bỉ vẫn được đảm bảo bởi khối đồng minh để đề phòng các cuộc nổi loạn có thể xảy ra trong tương lai. Cuối cùng, khối đồng minh này đã ép Nữ hoàng Catherine II đàm phán hòa bình với Thổ Nhĩ Kỳ nhằm ngăn cản sự chiếm đoạt lãnh thổ trực tiếp của Nga, tuy nhiên vẫn để Nga cai trị cùng Khan của bán đảo Crimea mà nước này đã chiếm được vào năm 1783. Cô lập được Nga bằng cách lôi kéo Áo vào quỹ đạo của Đồng minh ba nước, họ hy vọng sau đó cũng có thể kích động được Catherine hợp tác với khối đồng minh này để tránh tình trạng bị cô lập và cuối cùng tất cả các cường quốc này sẽ cùng tham gia để bảo đảm chủ quyền lãnh thổ của nhau (trong đó có cả các thuộc địa châu Âu của Thổ Nhĩ Kỳ). Điều này sẽ tạo ra một hiệp ước không thù địch nhằm dập tắt tham vọng của hai cường quốc hiếu chiến nhất là Nga và Phổ. Đồng thời, nó cũng giúp Ba Lan trở thành đối tác thương mại hấp dẫn có tiềm năng về đường biển của Anh – nước đang gặp trở ngại lớn về lợi ích của Nga, nhằm nối lại Hiệp ước Thương mại đã hết hiệu lực vào năm 1788. Nếu Pháp cuối cùng không chấp nhận hệ thống này thì nó sẽ bị cô lập hoàn toàn hoặc trở nên bất lực. Tình huống trong cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ có thể sẽ bị đảo lộn hoàn toàn.

Để thực hiện mưu đồ, trước mắt Pitt cần phải gây áp lực làm suy yếu các nước Pháp, Nga và Áo. Đây là một suy tính đầy tham vọng khiến chúng ta nhớ lại những giải pháp tự điều chỉnh rất toàn diện mà Pitt thường xuyên áp dụng trong đối nội vào thời kỳ đầu khi ông mới lên nắm quyền (cải tổ Nghị viện, các đề xuất thương mại ở Ireland, Quỹ chìm). May mắn cộng với nghị lực là những yếu tố cần thiết cho thành công. Tuy nhiên, trong cuộc khủng hoảng Hà Lan, ông được hỗ trợ bởi “hàng loạt tình huống diễn ra rất kỳ lạ theo chiều hướng có lợi cho ông”. “Mối liên kết giữa các sự kiện bất ngờ” theo chiều hướng có lợi cho Pitt mà chỉ cần thiếu may mắn một chút có thể dẫn tới thất bại, như việc ông mất quyền kiểm soát tình huống vào năm 1790-1791.

Diễn biến bất ngờ đã phá hỏng sự chuẩn bị và khiến mọi ý định của Pitt bị chệch hướng, khi có thông tin đến vào tháng 1/1790 cho biết Tây Ban Nha đã bắt giữ một tàu Anh tại Eo biển Nootka thuộc bờ biển phía tây bắc châu Mỹ. Tây Ban Nha tuyên bố bá chủ khu vực Thái Bình Dương. Pitt nhanh chóng can thiệp để ngăn cản xung đột bằng việc xoa dịu phản ứng hiếu chiến của Leeds, từ đó có cơ hội nhận được nhiều thông tin hơn về đặc điểm tình hình ở khu vực này. Lần đó, Wraxall đã rất tiếc nuối khi Pitt thờ ơ trước cuốn sách của Byron nói về vùng biển Nam Mỹ. Tuy nhiên, Wraxall bổ sung rằng khi nhận được bản sao cuốn sách này, khả năng và sự nhanh nhạy của Pitt đã giúp ông cùng một lúc tiếp thu, sắp xếp và hấp thụ thành kiến thức mình cần một cách tuyệt vời. Đầu tháng 4, một chủ hãng buôn, người đã thiết lập căn cứ Nootka, đã đến Anh và mang theo thông tin cho biết có ba tàu đang bị bắt giữ, các thủy thủ bị ngược đãi và khẳng định ông đã ký thỏa thuận với người Ấn Độ bản địa rằng vùng đất này thuộc chủ quyền của Anh. Điều này khiến Pitt phải đẩy mạnh sức ép.

Ngày 30/4/1790, Nội các quyết định yêu cầu phải trả đũa ngay lập tức và triển khai hạm đội hải quân. Ngày 6/5, Pitt yêu cầu Viện Bình dân cung cấp thông tin và khẳng định: Tây Ban Nha muốn ngăn cản Anh mở rộng hàng hải và đánh bắt cá ở khu vực Thái Bình Dương. Fitzherbert – một chuyên gia già dặn kinh nghiệm nhất – được phái tới Madrid để yêu cầu nước này bồi thường cho các tàu bị bắt giữ, đồng thời tìm kiếm một giải pháp lâu dài đòi hỏi Tây Ban Nha phải từ bỏ tuyên bố độc quyền hàng hải ở khu vực Thái Bình Dương và tất cả các lãnh thổ không bị chiếm đóng nhằm tránh lặp lại sự việc này. Kế hoạch tấn công vùng biển Caribbean thuộc Tây Ban Nha cũng được chuẩn bị. Trước sự nhất trí của Đồng minh ba nước, các đại diện đã được gửi tới Pháp để trấn an các quan chức lãnh đạo của Hội đồng Pháp, sau đó Pitt đã soạn thảo hoặc chọn lựa những yêu cầu quan trọng nhất trong các bản dự thảo của Leeds, gửi tới hậu thư tới Tây Ban Nha vào ngày 2/10. Ngày 28/10, Tây Ban Nha nhất trí với thỏa thuận trả lại quyền sở hữu Nootka cho Anh và đền bù thiệt hại cho ba tàu bị bắt giữ. Madrid đã tránh đề cập đến biên giới cố định được xác lập giữa Tây Ban Nha và Mỹ, chấp nhận quyền lợi của Anh tại những khu vực vượt ra ngoài giới hạn thỏa thuận của Tây Ban Nha tại bờ biển phía tây bắc và thừa nhận quyền được đánh bắt cá của Anh ở Thái Bình Dương.

Ngày 4/11, tin thắng lợi đã đến London. Một tháng sau, Pitt được Vua Anh phong cấp tước Ga tơ. Tuy nhiên, Khủng hoảng Nootka đã khiến các bộ trưởng rất bối rối trước những sự kiện xảy ra ở châu Âu trong chín tháng qua. Việc Anh từ chối giúp đỡ Phổ đánh chiếm Áo đã khiến hai thế lực thuộc Đức giải quyết được mâu thuẫn của họ vào tháng 7/1790. Trước điều kiện thuận lợi cho mưu đồ của Pitt, ngày 14/8, Leeds đã gửi thư cho Berlin đề nghị Phổ hoãn việc gửi tới hậu thư quân sự cho Nga trong khi cuộc đối đầu với Tây Ban Nha vẫn đang tiếp diễn, vì lúc này Anh không thể đảm bảo gửi một đội quân hùng mạnh hỗ trợ cho Baltic. Nhờ vậy, Nga thoát khỏi áp lực bị bao vây. Cùng ngày, Thụy Điển đơn phương hòa giải với Nga. Cuộc chiến giữa Nga và Phổ đình hoãn giúp Áo lấy lại được bình tĩnh, hòa giải với Hungari và tháng 11, nước này đưa quân đi chiếm lại Bỉ (một quốc gia chưa được khôi phục đồng minh bảo đảm tự do). Khi vị trí của Vienna được nâng cao, nước Áo trở nên khó có thể thuyết phục để cùng các nước gây áp lực lên cựu liên minh Nga. Ngoài ra, do Khủng hoảng Nootka nên việc hợp tác với Tây Ban Nha không thể thực hiện được. Trong khi đó, trong cuộc chiến với Thổ Nhĩ Kỳ, quân đội Nga cuối cùng đã đánh bại nước này và chiếm được pháo đài Izmail vào tháng 12/1790.

Vì vậy, Pitt đã trở lại với mưu đồ của mình sau Khủng hoảng Nootka, khi hoàn cảnh đã có nhiều biến đổi. Các cuộc đàm phán được tiến hành gấp vào ngày 8/1/1791 nhằm tìm kiếm sự ủng hộ đối với tới hậu thư của Đồng minh ba nước gửi cho Nga vốn đã gặp phải thất bại. Các điều kiện mà Thụy Điển đưa ra quá cao nên không thể thực hiện được, Đan Mạch muốn ở thế trung lập, Hà Lan lại rất thờ ơ.

Dù vậy, Pitt vẫn tiến hành. Phân chân trước thành công ở Nootka và với bản tính lạc quan, Pitt khao khát muốn nắm cơ hội có được cách giải quyết toàn diện. Dựa vào các đặc phái viên của mình ở St Petersburg, Stockholm và đặc biệt được Joseph Ewart ở Berlin cung cấp thông tin rằng Nga sẽ chịu nhượng bộ, Pitt tin rằng đây là cách duy nhất để Anh duy trì ảnh hưởng của mình đối với Phổ và các quốc gia nhỏ hơn ở Baltic. Giữa tháng 3, Frederick William II đưa ra tối hậu thư gấp. Được quân đội Phổ và hải quân Anh nhất trí, cùng sự có mặt của Ewart – vốn đang ở trong nước nhân chuyển nghỉ phép, Nội các đồng ý gửi một hạm đội tới Baltic và một đội tàu tới Biển Đen. Pitt đích thân viết tối hậu thư gửi tới Berlin để tìm kiếm sự ủng hộ của nước này, sau đó gửi tới Nga yêu cầu trao trả pháo đài Ochakov cho Thổ Nhĩ Kỳ – vốn đã bị Nga chiếm sau Chiến tranh Nga-Thổ Nhĩ Kỳ năm 1787. Pitt cho rằng Ochakov là nơi kiểm soát các cửa sông lớn từ Ba Lan (nước mà Anh mong muốn được phát triển thương mại) ra Biển Đen. Trả lại Ochakov cho Thổ Nhĩ Kỳ là một bước hiệu quả đánh dấu việc lấy lại biên giới cũ. Pitt tin rằng điều này rất quan trọng đối với việc khôi phục ổn định quốc tế bằng cách ngăn chặn tham vọng của các nước muốn mở rộng lãnh thổ cho tương xứng với những gì Nga đã thu được.

Khi viết tối hậu thư vào ngày 27/3/1791, Pitt luôn tin rằng Nga sẽ chịu thua một cường quốc mạnh hơn mình. Tuy nhiên, ông cũng nhanh chóng nhận ra là không thể tập trung lực lượng đủ để có thể khiến một đế chế ngoan cố như Nga phải sợ hãi, bởi lẽ Nga đã chứng minh là mình mạnh hơn những đối thủ trước đây của Anh là Pháp và Tây Ban Nha. Yêu cầu của Phổ đã ngăn cản ý định ban đầu của Pitt, hoãn tối hậu thư cho đến thời gian ngừng họp Nghị viện. Ngày 29/3, khi yêu cầu Viện Bình dân tán thành việc triển khai hạm đội, Pitt đã không thuyết phục được các nghị sĩ công nhận tính cần thiết của biện pháp này.

Trong phiên họp Nghị viện, việc Pitt không chuẩn bị chu đáo đã tạo cơ hội cho phe đối lập tấn công. Rồi trí trước Khủng hoảng Nootka và cuộc tranh cãi với Thurlow, Pitt đã không có đủ những nhận định mới về tình huống. Ngày 9/3, Thứ trưởng của Leeds phản nản rằng đã từ lâu ngài Pitt chỉ luôn hết lời ca ngợi Bộ trưởng Ngoại giao. Ông đã không có thông tin chính xác về Ochakov mà theo như tiết lộ, nó không quan trọng và cũng không phải là hàng rào có ý nghĩa chiến lược như ông từng tin tưởng. Vấn đề còn lại là khả năng của lực lượng hải quân hoạt động ở Baltic hoặc ở Biển Đen. Ông vẫn đi đàm phán với các cường quốc mà ông cho là ủng hộ tối hậu thư của Đồng minh ba nước và phải giữ bí mật về sự ủng hộ của họ. Ông chưa thiết lập được Hiệp ước Thương mại với Ba Lan và hầu như không thể công khai nói rằng mục đích lớn hơn của ông là hạn chế sự hiếu chiến của nước Phổ đồng minh và lôi kéo Nga vào hệ thống an ninh tập thể xung quanh Đồng minh ba nước. Thurlow đã khẳng định rằng lý lẽ bảo vệ chính sách của Pitt thiếu sức thuyết phục hơn thường lệ. Số phiếu ủng hộ ông ở Viện Bình dân mặc dù vẫn cao nhưng đã tụt xuống từ 103 phiếu vào ngày 29/3 xuống 80 phiếu vào ngày 12/4 (trong khi đó, đặc phái viên của Pháp dự tính là 150 phiếu), bởi lẽ những người ủng hộ trung thành với ông ngày càng thờ ơ trong việc ủng hộ một cuộc đối đầu mà dường như không mang lại lợi ích gì cho Anh. Sau cuộc đàm phán ngày 12/4, Pitt phản nản rằng “có thể thuyết phục họ để bắt đầu một cuộc chiến từ những ham muốn (Nootka), nhưng không thể làm cho họ thấu hiểu được trường hợp mà lợi ích giá trị nhất của nước Anh đang bị đe dọa”.

Ngay cả một số thành viên Nội các cũng tỏ vẻ hoài nghi, gay gắt nhất là Richmond, thậm chí cả Grenville – người thân cận nhất của Pitt, và đáng sợ hơn cả là Pitt không nhận được một phiếu tín nhiệm nào từ Nghị viện. Do vậy, ngày 31/3, Pitt quyết định gửi thư hỏa tốc yêu cầu Phổ chấm dứt việc viết tối hậu thư cho Nga. Ngày 16/4, thay vì gây sức ép với Nga, Nội các nhất trí xem xét đề nghị của

Hà Lan về việc tìm giải pháp thỏa hiệp. Tuy nhiên, Catherine bác bỏ và giảng hòa theo điều kiện của Nga. Đó là một cú đánh cay đắng và đột ngột với Pitt. Ông nói với Ewart trong nước mắt rằng đây là điều sỉ nhục nhất mà ông từng trải qua. Tuy nhiên, ý tưởng đầy hy vọng của Pitt lại được xây dựng trên nền tảng không vững chắc, thậm chí nếu ông buộc được Nga thỏa hiệp theo điều kiện ông đưa ra cũng như thuyết phục được Vienna và St Petersburg tham gia khối đồng minh chung, thì liệu một hệ thống được hình thành dựa trên sự yếu kém tạm thời của Nga, Áo và Pháp có giúp được nước nào trong số đó phục hồi hay không? Sau thất bại của Pitt, tình huống cho thấy, để kiềm chế được tính hám lợi của Nga và Phổ trong một thời gian dài thật là khó. Nếu con đường mở rộng tới Thổ Nhĩ Kỳ của họ không bị khép lại, những điểm yếu của Pháp và Ba Lan sẽ lại bị khai thác và đây sẽ là hậu quả tai hại cho cơ hội hợp tác với các cường quốc châu Âu.

NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CUỘC CHIẾN VỚI PHÁP

Điều sỉ nhục từ tình hình Ochakov đã bắt ngờ khiến Pitt dừng cuộc du ngoạn hung hăng vào vũ đài quốc tế. Leeds từ chức, Grenville lên thay. Hai người anh em họ của Pitt đã quay trở lại chính sách của những người theo chủ nghĩa biệt lập yêu hòa bình trước năm 1787 là duy trì sự thịnh vượng của đất nước và an ninh quốc gia để đảm bảo ổn định về hiến pháp trong thời điểm trong nước nổi lên phong trào cấp tiến do các sự kiện ở Pháp kích động. Cách mạng Pháp có thể đã để lại những mối quan tâm riêng trong nội bộ quốc gia. Pitt coi nhẹ những lời cảnh báo mang tính tiên tri của Burke và phát biểu trước Viện Bình dân rằng “ông không nghĩ Viện Bình dân phải thảo luận xem hiến pháp nào là tốt nhất đối với Pháp, Mỹ hay với bất kỳ một nước nào khác”. Tháng 8/1791, Grenville công khai tuyên bố “nước Anh phải giữ thế trung lập thận trọng nhất đối với các vấn đề của Pháp”. Tháng 9, các anh họ của Pitt đã từ chối đề nghị của Áo và Phổ về việc can thiệp trả tự do cho Hoàng gia Pháp. Khi thấy những điều này chẳng mang lại kết quả gì, vào tháng 1/1792, Pitt tuyên bố rằng “trước tình hình ở châu Âu, chưa bao giờ trong lịch sử đất nước chúng ta lại có lý do để mong đợi 15 năm hòa bình hơn là lúc này”. Khi Pháp tuyên chiến với Áo vào tháng 4, Pitt cũng không hề lo lắng. Ông cho rằng cuộc chiến sẽ nhanh chóng khiến họ kiệt sức. Hoặc sau khi Phổ tham gia hỗ trợ Áo vào tháng 7, Pháp sẽ bị đánh bại và do đó còn rất lâu mới có thể phục hồi để trở thành đối thủ nguy hiểm của Anh. Thậm chí, sau khi Pháp lật đổ chế độ vua Anh, tuyên bố nền cộng hòa và tiếp tục đẩy lùi sự kháng cự của Phổ vào cuối mùa hè, Grenville vẫn có thể khẳng định: nước Anh tuyệt đối không tham gia. Chỉ đến tháng 11, Pháp bắt ngờ đuổi người Áo ra khỏi Bỉ, ban hành Sắc lệnh Scheldt bất chấp quyền lợi như trong hiệp ước của Hà Lan và hứa sẽ cứu giúp tất cả những người bị đàn áp có khát vọng tự do, thì chính phủ Anh mới thức tỉnh và lên tiếng bảo vệ Hà Lan. Bỗng nhiên phải đương đầu với tình huống giống như cuộc khủng hoảng năm 1787, Pitt khẳng định “không gì ngoài cách hành động của chúng ta mới có thể giúp chúng ta tránh được tai họa”.

“Thật xấu hổ khi phải bộc lộ quá nhiều sự gián đoạn như vậy” – Pitt phàn nàn khi nghĩ tới việc phải hủy bỏ chính sách hòa bình của mình. Ông sẵn sàng hối lộ tướng Pháp Dumouriez, người vừa chiến thắng, để thực hiện việc đàm phán hòa bình và trực tiếp nói chuyện với quan chức ngoại giao cấp cao Pháp, ngài Maret – lúc này đang có mặt tại London, để khẳng định rằng Pháp đã nhận thấy Anh rất lo lắng và quyết tâm giúp đỡ Hà Lan phản đối Sắc lệnh Scheldt và yêu cầu phải đảm bảo an ninh trước Sắc lệnh về Hội Nghề nghiệp và Tương trợ. Tuy nhiên, chính phủ Pháp lại nhận được lời chúc mừng từ các tổ chức cấp tiến của Anh và tin rằng Anh sắp sửa tiến tới một cuộc cách mạng, vì vậy đã từ chối nhượng bộ. Pháp thành lập chính phủ cách mạng trên các lãnh thổ đã chiếm được, đồng thời yêu cầu Anh phải chính thức công nhận nền cộng hòa mới của Pháp và đe dọa kêu gọi trực tiếp

nhân dân Anh phản đối Nội các nếu họ tiến hành cuộc chiến.

Pitt nhanh chóng kích động phong trào thành lập Hiệp hội Những người trung thành và kêu gọi lực lượng dân quân tập trung đầy đủ, giúp ông tiến hành thành công cuộc bỏ phiếu Nghị viện về việc tăng cường lực quân và hải quân, từ đó có thể tiếp tục gây sức ép với Pháp. Ngày 27/12, nhận được câu trả lời vòng vo và đe dọa của Pháp, các anh họ của Pitt đã chấp nhận đề nghị của Nga tập hợp các cường quốc trung lập đứng đằng sau Nga và Anh làm trung gian hòa giải có vũ trang nhằm chấm dứt cuộc chiến lục địa. Nếu Pháp bãi bỏ những sắc lệnh mang tính đe dọa, rút quân về sâu bên trong biên giới của Pháp và hứa không can thiệp vào tình hình của nước khác, Pitt và Grenville sẽ tìm kiếm cam kết quốc tế bảo đảm công nhận nền cộng hòa của Pháp và không can thiệp vào sự kiện nội bộ của quốc gia này. Tuy nhiên, cảnh giác trước kỳ vọng đang rất được khích lệ của Pháp, hai ông đã rút lại điều kiện không can thiệp vào tình hình nội bộ của Pháp cho đến khi nhìn thấy dấu hiệu Pháp đã làm theo yêu cầu của mình. Sau đó, Wilberforce đổ lỗi cho Nội các vì đã không ngăn ngừa được cuộc chiến. Tuy nhiên, chính phủ Pháp nhận thấy việc Pháp rút quân về để đổi lại những điều kiện trên là không tương xứng. Dân chúng Pháp luôn muốn duy trì biên giới bảo vệ có từ lâu đời ở Rhine, còn chính phủ cách mạng lại không thể để mất mặt bằng việc nhượng bộ, đặc biệt khi họ tin rằng những người có thiện chí ở nước ngoài sẽ ủng hộ cuộc cách mạng chống lại chính phủ của mình.

Không có mấy dấu hiệu thể hiện sự nhượng bộ của Pháp, giữa tháng 1/1793, Pitt đi tới kết luận chiến tranh là không thể tránh khỏi và vì lực lượng hải quân Anh đã được chuẩn bị triển khai trước lực lượng hải quân Pháp nên cuộc chiến diễn ra càng sớm càng tốt. Các thuộc địa của Pháp rất dễ tấn công. Mặt khác, Anh có quỹ chiến tranh 2 triệu bảng cộng với khoản bổ sung lợi tức hàng năm là 600.000 bảng. Ngoài ra, các nước trung lập sẵn sàng tham gia cuộc chiến. Do vậy, Pháp sẽ ở thế bị cô lập. Tình thế hoàn toàn bị đảo lộn (so với cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ trước đây). Vấn đề chính mà Pitt lo lắng là phải đảm bảo sự ủng hộ của dân chúng, tránh tình trạng như Ochakov. Từ cuối tháng 12, Grenville đã soạn thảo các báo cáo mà số lượng phát cho dân chúng trong nước bằng số lượng gửi cho chính phủ Pháp. Trong khi đó, chính phủ Pháp cũng làm tương tự. Các báo cáo được xuất bản vào ngày 17/1. Các bài phát biểu chống lại Anh trong Hội nghị Pháp² được công khai và cuối cùng, người Pháp bị đẩy vào thế buộc phải tuyên bố chiến tranh khi Chauvelin – đại diện của nước Cộng hòa Pháp – do những thông tin liên quan đến vụ hành hình Vua Louis XVI, đã bị trục xuất vì lý do vai trò của ông ở Anh vẫn là với tư cách đại sứ của vị vua quá cố chứ không phải đại diện của một nền Cộng hòa chưa được công nhận và do đó hành động không kịp thời. Hội nghị Quốc gia Pháp sẵn sàng tuyên chiến vào ngày 1/2/1793 và ngay lập tức xâm lược Hà Lan.

Cuộc chiến tiếp diễn trong 23 năm với hai lần gián đoạn, bắt đầu chỉ từ một cuộc khủng hoảng ban đầu kéo dài hai tháng rưỡi. Sau đó, Pitt bị những người ủng hộ tư tưởng Cách mạng Pháp lên án mạnh mẽ vì đã không thể ngăn cản cuộc chiến. Tuy nhiên, dù có những khó khăn thật sự về liên lạc, vẫn không hề có dấu hiệu về việc các bên không nhận được quan điểm rõ ràng của nhau. Quan điểm của họ đối lập nhau. Hành động nhượng bộ không được chấp nhận vì nó thể hiện sự yếu kém có thể sẽ kích động tham vọng của quốc gia khác và khuyến khích các phần tử đối lập bên trong mỗi chế độ (mỗi sỉ nhục của Pháp năm 1787 từng gây ra những tình trạng như vậy). Lúc này, nước Anh đã nhận thấy rõ mối nguy

hiểm mà Cách mạng Pháp gây ra cho quốc tế. Cuộc cách mạng này đang được nuôi dưỡng bởi thành công và có nguy cơ bùng nổ ở châu Âu. Tuy nhiên, nếu tiếp tục bị kiềm chế thì nó sẽ nổ ra trong

nước. Quan điểm của Pháp về tham vọng bành trướng đế quốc của Anh và khả năng dễ bị công kích từ trong nước Anh cũng giống như vậy. Mâu thuẫn về ý thức hệ, nỗi lo lắng và tham vọng của mỗi quốc gia đã dẫn tới cuộc đối đầu. Đây chính là cuộc chiến đã tránh được vào năm 1787 và hoãn lại cho đến bây giờ. Pitt và Grenville luôn nhận thấy rằng một lúc nào đó mình sẽ phải chiến đấu để duy trì chiến thắng năm 1787. Pitt đã hình thành được một hệ thống liên minh để bảo vệ nó, nhưng sau đó lại đánh mất. Một hình thức khác mà Pitt đã sử dụng để giữ được thành công này là việc giành được Bỉ từ tay Pháp và trao quyền cai trị nước này cho Áo. Điều này đã được Pitt miêu tả vào năm 1789 là một “thành quả không thể ngờ tới song lại có nguy cơ hoặc tất yếu sẽ diễn ra một cuộc chiến liên quan đến đất nước này”. Năm 1791, Grenville đã nhìn thấy nguy cơ khá rõ đe dọa đến chính sách hòa bình biệt lập mới của họ khi Pháp can thiệp hỗ trợ cho cuộc nổi dậy ở Bỉ sau khi đã làm như vậy ở Hà Lan và ông khẳng định “chúng ta phải can thiệp”. Chính sách của Nội các đã được đưa ra một thời gian dài trước khi mối đe dọa trở thành sự thật vào tháng 11/1792.

Lời tuyên chiến của Pháp mở đường cho Pitt đặt ra yêu cầu đòi hạn chế nhiều hơn quyền lực và hệ tư tưởng của Pháp. Quy định “bồi thường cho quá khứ và an ninh cho tương lai” được Nghị viện ủng hộ rộng rãi và bao gồm những chi tiết rất cụ thể. Dundas làm rõ, mục đích quan trọng nhất của cuộc chiến là sự an toàn của Các tỉnh Thống nhất. Hệ quả tất yếu là phải duy trì quyền cai trị Bỉ cho Áo để làm hàng rào an ninh duy nhất chống lại ảnh hưởng của Pháp đối với Hà Lan. Thứ hai, việc nắm các thuộc địa của Pháp ở Đông và Tây Ấn là “vô cùng quan trọng cả trong việc hạ thấp quyền lực của Pháp lẫn việc tăng cường an ninh cũng như thịnh vượng cho đất nước chúng ta”. Cuối cùng, sự chấm dứt tình trạng vô chủ và khôi phục trật tự hợp lý ở Pháp “cũng là điểm quan trọng” nhưng không thể được đặt lên trên hai yếu tố trước. Các bộ trưởng đã có tầm nhìn xa hơn về mối nguy hiểm trước mắt do cuộc Cách mạng Pháp gây ra và tìm cách chấm dứt một loạt cuộc chiến kéo dài hàng thế kỷ giữa Anh và Pháp. Nếu có thể ghìm chân Pháp ở châu Âu an toàn, tấn công vào kho vũ khí hải quân để phá hủy hạm đội của Pháp, gây ra những thiệt hại về hàng hải và thương mại thuộc địa, khiến Pháp không thể phục hồi thì nước này sẽ mất khả năng gây ảnh hưởng tới Anh, cho dù có dưới quyền điều hành của bất cứ kiểu chính phủ nào. Dundas dự đoán “đất nước này có thể trầm lắng trong một thời gian dài”.

Để đảm bảo ổn định lâu dài, Pitt tìm kiếm một chính phủ bền vững và ổn định ở Pháp có thể chấp nhận điều kiện về hiệp ước hòa bình như mong muốn. Những nguyên tắc dưới chế độ của Gia-cô-banh, người nắm quyền ở Pháp vào năm 1793, dường như chỉ phá hoại sự ổn định trong nước và quốc tế. Chừng nào còn tin vào khả năng có thể tiếp tục cuộc chiến của Anh (đặc biệt vào tháng 5/1793, giai đoạn 1793-1795 và năm 1799), Pitt không bao giờ có ý định thỏa hiệp với chính phủ cách mạng Gia-cô-banh. Sau những do dự ban đầu, trong khi các bộ trưởng đang đánh giá tình trạng bất mãn của dân chúng Pháp, những cuộc nổi dậy trong Hoàng gia Toulon và ở Vendée đã đưa họ tới ý định thiết lập lại chế độ quân chủ và đưa ra hàng loạt tuyên bố với dân chúng Pháp vào mùa thu năm 1793, trong đó coi chế độ này là một kiểu chính phủ duy nhất mà họ ủng hộ.

Khác với Burke và các môn đệ của mình, Pitt không muốn phục hồi hoàn toàn chế độ quân chủ của Pháp theo chính thể chuyên chế như trước cách mạng. Pitt coi tham vọng không bị kiềm chế của Bourbon là nguyên nhân của các cuộc chiến lần trước và muốn “chính phủ quân chủ với những giới hạn hợp lý” như năm 1788, tuy nhiên phải lập ra hiến pháp mới để tránh những nhược điểm của lần trước. Thậm chí định kiến về tư tưởng đã được hạn chế bởi bản tính thực dụng của Pitt. Ông không từ bỏ việc đàm phán với bất kỳ kiểu chính phủ nào nếu nó là chính phủ chính thức và bền vững. Trong khi cấp súng, tiền và hỗ trợ quân sự phần nào cho những người bảo hoàng Pháp và cấp tài chính cho đoàn

người bảo hoàng di cư, đồng thời trợ cấp cho các hoàng thân tách khỏi Cộng hòa, Pitt và Grenville không công nhận Comte de Provence là nhiếp chính hay là Louis XVIII. Sau khi được Pitt kể tóm tắt lại các sự kiện vào tháng 1/1795, Canning đã ghi lại:

Hình thức chính phủ không quan trọng. Năng lực và quyết tâm của chính phủ mới là yếu tố có khả năng duy trì an ninh cho các quốc gia khác. Chúng tôi coi đây là điều không thể thiếu được. Cho dù là quân chủ, cộng hòa hay Ủy ban Cách mạng, kiểu này hay kiểu khác, quy định này hay quy định khác, chúng tôi không quan tâm. Cái chúng tôi cần biết đó là họ có thể làm được hay không để duy trì hòa bình. Xét trên bất cứ khía cạnh nào, hòa bình bao giờ cũng luôn được mong đợi.

PITT VỚI TƯ CÁCH LÀ BỘ TRƯỞNG CHIẾN TRANH

Sau chín năm lãnh đạo thành công chính phủ trong hòa bình, cuối cùng Pitt cũng tham gia vào chiến tranh. Ông trở thành vị thủ tướng điều hành đất nước trong chiến tranh lâu nhất lịch sử nước Anh. Suốt thời kỳ này, người ta được chứng kiến kỹ năng chính trị, uy lực cá nhân, đồng thời thấy cả sự bất lực của Pitt trong việc dùng chiến tranh chống lại Cách mạng Pháp (1793-1802) và sau đó là thất bại trong việc ngăn cản Napoleon tiến tới thành công năm 1803.

Khi nổ ra cuộc chiến, Pitt đang ở trên đỉnh cao quyền lực. Ông đã ném mình vào cuộc chiến với sự đặc chí khác hoàn toàn với sự trầm lắng ban đầu khi bắt tay vào những vấn đề ngoại giao. Năm 1794, ông còn thú nhận: “Tôi thật sự ghét bất kỳ ý kiến nào của cá nhân tôi về chủ đề quân sự”. Cùng năm đó, ông cũng nhất trí với quan điểm của Dundas cho rằng “tất cả các cuộc chiến hiện đại thực chất là cuộc chạy đua của những túi tiền... Bộ trưởng Tài chính phải là Bộ trưởng Chiến tranh”. Tất nhiên, Dundas có vị trí là Bộ trưởng Nội vụ và đảm trách nhiệm vụ điều hành chiến lược chiến tranh, Pitt còn có cơ hội tham gia phát triển chính sách đầy đủ và ông sẽ dựa vào người đáng tin cậy để đảm bảo việc thi hành chính sách đó. Vì vậy, trong khi đàm phán về việc liên kết với những người theo Đảng Whig của Portland năm 1794, ông vẫn cương quyết giữ quyền giám sát quân sự trong cuộc chiến khi mà Dundas đang đảm trách và tạo ra vị trí mới là Bộ trưởng Chiến tranh vì mục đích này. Điều hành chiến tranh không thể trao cho Portland vì quan hệ của Pitt với ông ta không thể được như với Dundas và Pitt không hài lòng khi để bộ này dưới quyền điều hành của ông ta.

Pitt quyết định rằng ông phải tham gia. Ông kiểm soát chặt chẽ chiến tranh, chính sách ngoại giao và các kế hoạch thông qua mối quan hệ thân thiết với Dundas và Grenville, thậm chí chính ông còn làm đại diện điều hành các bộ của những người này khi họ vắng mặt. Tháng 10/1793, khi vị Ngoại trưởng đi nghỉ tại Walmer, Pitt đã phỏng vấn đặc phái viên Phổ và nói với người anh họ: “Anh cứ giao công việc cho tôi mà không cần phải dẫn đo. Lúc này tôi vẫn chưa có gì để làm cả”. Một năm sau, Bộ trưởng Chiến tranh lại nghỉ tại Walmer, Pitt đã thay mặt Dundas gửi thư tới Bá tước York.

Pitt là Bộ trưởng Tài chính đầu tiên đảm trách các nhiệm vụ kèm theo của chiến tranh. Đây có thể là một bước có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển của vị trí Thủ tướng. Hệ thống điều hành chiến tranh của Anh là sự nỗ lực tổng hợp của các bộ riêng lẻ, trong đó nhiều bộ có đại diện độc lập trong Nội các. Pitt coi quan hệ của ông với Dundas là rất quan trọng để đảm bảo hệ thống được vận hành hiệu quả.

Ông tâm sự với Grenville. “Anh biết sự khó khăn đối với các bộ khác rồi đây, mặc dù có những thuận lợi do Dundas mang lại. Mọi hoạt động của ông ấy đều là của tôi”. Sự hung hăng của Richmond đã được kiềm chế khi ông này bị đe dọa sa thải nếu gây cản trở đến việc chuẩn bị cho cuộc viễn chinh Tây Ấn vào tháng 9/1793. Spencer thuộc Bộ Hải quân bị lôi kéo vào việc bầu chọn Tư lệnh Hải quân phụ trách cuộc viễn chinh Tây Ấn vào năm 1795, người có thể làm việc cùng với Tư lệnh Lục quân do Dundas lựa chọn và tháng 4/1798 bị dụ dỗ đưa hạm đội trở lại Địa Trung Hải để hỗ trợ chính sách ngoại giao của Anh. Bị thất bại vào mùa đông tháng 5/1794, Pitt thậm chí đã phải “hy sinh” chính anh trai của mình trong cuộc thanh trừng Bộ trưởng Hải quân, Bộ trưởng Quân nhu để khôi phục lòng tin và sự điều hành chiến tranh.

Sự chỉ đạo phối hợp này diễn ra trực tiếp ở cấp bộ chứ không thông qua Nội các, bởi lẽ Nội các từng thể hiện là công cụ nghèo nàn trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng vào thập kỷ đầu khi Pitt lên nắm quyền. Nhóm cai trị này coi đây là trở ngại đối với những quyết định và điều động cần thiết trong chiến tranh. Nhu cầu điều hành trong cuộc chiến và trong vấn đề chính trị đã khiến Pitt phải tăng số thành viên Nội các từ 8 lên 13. “Nội các chúng ta là một tập thể khá lớn. Giống như một số nội dung khác, vấn đề này không phải lúc nào cũng nhận được sự nhất trí của mọi thành viên” – Dundas đã nói như vậy vào năm 1798 khi Pitt cho ông biết tin là Westmorland yêu cầu thảo luận về kế hoạch bảo vệ đất nước của ông. Năm 1797, được Vua Anh nhất trí, Dundas đã tổ chức thảo luận về cuộc viễn chinh dự định tới Nam Mỹ với sự tham gia của Pitt, Spencer, Bộ trưởng Hải quân Nepean và Công tước York tại Văn phòng Chiến tranh. Một năm sau, Nội các đã được tiết lộ nội dung cuộc mặc cả bí mật nhằm đạt được thỏa hiệp của một số cá nhân liên quan tới chính phủ Pháp. Tuy nhiên, chi tiết cụ thể chỉ có Bộ trưởng Nội vụ và Chatham, còn tên của những người này chỉ có Pitt và Dundas biết. Năm 1799, Pitt đề nghị Grenville không đưa trường hợp này ra trước Nội các mà chỉ đưa ra thông báo để mọi người cùng đọc trong phòng Nội các và chỉ tổ chức hội họp nếu có người phản đối. Nội các được triệu tập để đưa ra phán xét khi có ba người không nhất trí. Tuy nhiên, cơ quan này vẫn không thể hòa nhập được vào hệ thống điều hành chiến tranh của Pitt. Pitt cảm thấy ông có thể kiểm soát tốt hơn mà không cần có sự tham gia của toàn Nội các.

Tất cả những điểm mạnh và điểm yếu trong thói quen làm việc của Pitt đều được thể hiện rõ trong cách ông điều hành chiến tranh. Tính năng động, bạo dạn và luôn có tư tưởng cải cách khiến ông liên tục tìm mọi cách tấn công kẻ thù. Ông không thể chịu được tiếng là “chỉ phòng thủ hèn hạ”. Ông luôn tạo ra bầu không khí hăng hái khi trực tiếp hoặc kéo theo các đồng sự tham gia cuộc chiến và dồn hết tâm sức cho hệ thống quân sự công kênh và trì trệ của Anh. Ông rất thích sự náo động của các hoạt động quân sự, muốn trao đổi thư từ trực tiếp với ngài James Murray, Tổng tham mưu ở Flanders về cuộc chinh chiến chống lại Dunkirk vào năm 1793, thích đi cùng Dundas đến Southampton quan sát cuộc viễn chinh Tây Ấn của Abercromby trước khi bắt đầu cuộc viễn chinh vào tháng 9/1795. Tháng 8/1799, ông cùng Dundas đến Kent để giám sát binh lính và nói chuyện với Abercromby, chỉ huy lực lượng bộ binh viễn chinh đầu tiên tới Hà Lan, nhờ đó ông đã gạt bỏ được nghi ngờ về những nhận định của Grenville đối với cuộc khởi nghĩa của Hà Lan. Ông đã viết cho vị Ngoại trưởng: “Mọi khó khăn quân sự hoàn toàn không có. Chúng ta phải ngay lập tức tiến hành các bước để bắt đầu triển khai quân”.

Việc Pitt muốn gây áp lực với Pháp là vấn đề tính toán và đi đến quyết định. Chiến tranh hiện đại là “cuộc cạnh tranh của những túi tiền”. Điều này đã được khẳng định bởi kinh nghiệm của chính Pitt trong những năm 1780. Do vậy, đánh nhanh và chắc sẽ khiến Pháp bị kiệt quệ và không thể kháng cự.

Tháng 4/1793, ông đã phác thảo kế hoạch triển khai đa dạng các lực lượng nhỏ lẻ của Anh cho Bắc tước Richmond: ở Flanders đối phó với bờ biển phía tây của Pháp, ở Địa Trung Hải chiến đấu với lực lượng của Pháp ở Tây Ấn. Cuối cùng, Pitt bị Vua Anh và một số bộ trưởng chỉ trích vì đã không biết cách tập trung lực lượng, mặc dù họ cũng không nhất trí nên tập trung tại đâu. Các sử gia còn gay gắt hơn thế. Trên thực tế, lực lượng sẵn sàng chiến đấu của Anh quá nhỏ để có thể tự tác chiến ở bất cứ nơi nào ngoại trừ các thuộc địa đã nắm được hoặc tiến hành đột kích ở vùng duyên hải, đồng thời nó cũng quá mỏng để tự quyết định, thậm chí cả khi được bổ sung thêm lực lượng chủ chốt của Đức. Pitt muốn chia lực lượng này thành các đạo quân để có thể kích động các đồng minh có tiềm năng lớn hơn cùng chiến đấu trên các mặt trận như Phổ tại Flanders, Nga và quân bảo hoàng tại miền Nam nước Pháp. Ông đã nói với Murray ở Flanders rằng ông rất ấn tượng trước ý kiến của Murray cho rằng cần tập trung lực lượng đáng kể để hành động tại một vị trí vì đồng minh hiện có không thể đồng thời dàn quân ở khắp nơi và “nếu chúng ta có thể uy hiếp kẻ thù ở nhiều trận tuyến trong khi kẻ thù vẫn tiếp tục xao nhãng các vấn đề trong nước thì kẻ thù khó có thể chống cự lâu”.

Tuy nhiên, mối nguy hiểm của chiến lược này chính là việc nắm bắt thời cơ và sự phân tán lực lượng đến nỗi chẳng có nơi nào đủ mạnh. Đây chính là cái bẫy mà Pitt mắc phải vào cuối năm 1793 khi ông dồn mọi tâm huyết cố gắng theo đuổi tất cả các mục tiêu ngay cả khi số binh lính được huấn luyện hiện có không đáp ứng được những mong đợi ban đầu của ông. Richmond, người đã trải qua hai cuộc chiến tranh, cảnh báo rằng Pitt đã đi quá xa trong các kế hoạch của mình. Một quân đội mới được huy động cần phải có sự chuẩn bị và huấn luyện lâu hơn, và đối với quân đội Anh, nếu bị tổn thất thì khó có thể thay thế. Mặc dù vậy, thật khó có thể lay chuyển được Pitt từ bỏ mục đích. Ông nhận định: “Dĩ nhiên, mọi người không nhất trí với tôi rằng binh lính có thể không được chuẩn bị thích hợp để phục vụ ngay khi họ được đưa vào các quân đoàn cũ, nhưng hoặc coi đây là một vấn đề mà nó cần phải thế và không đáng thảo luận hoặc đi thẳng vào vấn đề đó”. Grenville nhận xét: “Những gì mà Pitt mong muốn cháy bỏng thì ông đều tin tưởng”, còn Wilberforce cho rằng Pitt kém minh mẫn hơn lúc bình thường, khi ông luôn tỏ ra xuất chúng trong việc dự đoán các sự kiện tương lai và đôi khi cả trong những phán xét về các đối tượng. Theo Wilberforce, sự kém cỏi của Pitt trong những vấn đề như vậy “có thể xuất phát từ bản tính lạc quan của ông. Khi đánh giá những điều bất ngờ xảy ra trong tương lai, ông có thể quá lạc quan về khả năng có thể xảy ra của những điều đó, song kết quả lại mâu thuẫn với kết luận cuối cùng của ông”.

Sự nhiệt tình của Pitt có thể rất quan trọng, nhưng nó cũng có thể rất nguy hiểm trong thời điểm mà mọi nỗ lực được dồn hết cho cuộc chiến của Anh. Không giống như cha mình trước đó hoặc Churchill sau này, ông lại thiếu kinh nghiệm quân sự. Grenville phàn nàn về sự có mặt của ông tại các buổi hội nghị quân chính năm 1801 rằng “Pitt có rất ít kiến thức về những vấn đề thảo luận trong hội nghị và hiếm khi đưa ra quan điểm của mình đối với những vấn đề đó. Bản tính lạc quan khiến ông nghĩ rằng một vấn đề có thể được thực hiện theo cách mà nó phải thực hiện, nhưng ngược lại có vô số điều trái ngược có thể xảy ra”.

Có thể nhắc tới hai vấn đề đặc biệt. Một là, sự can thiệp cá nhân thường xuyên của ông đã mâu thuẫn với nhu cầu về những thủ tục có phương pháp trong các công việc tổng hợp. Với mong muốn có dụng ý tốt là làm cho công việc trở nên dễ dàng, ông có mối quan hệ thư từ trực tiếp với ngài James Murray, Tổng tham mưu quân đội Anh ở Flanders năm 1793. Điều này khiến Murray phải viết những bức thư gửi ngay đến George Rose từ kho lương thực ở Flanders, “những bức thư này có thể chứa những điều cần phải để tâm”. Nhưng nó đã làm đảo lộn cách liên lạc đã được thiết lập, dẫn đến việc

hiệu lâm. Trong một bức thư riêng gửi Murray vào tháng 7/1793, Pitt đã hứa sẽ xem xét mức độ cần thiết của việc hợp tác hải quân nhằm bao vây Dunkirk, nhưng giữa những yêu cầu khác vào cùng thời điểm này, Pitt đã không thực hiện được lời hứa. Trong khi đó, Dundas, người luôn cho rằng việc hợp tác hải quân là cần thiết thì chờ đợi một quyết định chính thức từ phía Murray. Murray có thể vẫn cho rằng Pitt sẵn sàng quan tâm đến vấn đề này. Kết quả là Dundas bị rơi vào thế phải giành giật để nhận được sự hỗ trợ quá muộn của hải quân trong chiến dịch này. Tất nhiên, Pitt đã rút ra được một bài học từ việc này. Sau khi chiến dịch năm 1793 thất bại, Pitt đã gặp gỡ các vị tư lệnh trước khi họ lên tàu, nhưng ngừng không liên lạc với họ khi họ đang trên chiến trường.

Vấn đề thứ hai là ông không sẵn sàng tiếp nhận lời khuyên của người khác. Xét thấy việc phục hồi chức Tổng tư lệnh cho nghị sĩ Amherst – người đã có tuổi và dày dạn kinh nghiệm – không đạt được hiệu quả, Pitt đã cho ông ta nghỉ hưu vào đầu năm 1795. Richmond được tham gia cố vấn cho Pitt vào đầu năm 1793 và 1794, song đã bị Pitt gạt ra lề khi ông không nhất trí với chiến dịch Flanders và hoàn toàn không được tham gia vào mọi cuộc họp quan trọng bàn về vấn đề quân sự. Richmond không bao giờ được tham khảo ý kiến dù ở mức độ nhỏ nhất, thậm chí cả những vấn đề liên quan đến bộ của ông trong khi chuẩn bị cho trận viễn chinh Tây Ấn vào năm 1793. Từ mùa xuân năm 1794, ông đã rút khỏi Nội các. Bá tước Cornwallis từ Ấn Độ trở về đã thay thế vị trí của Richmond làm cố vấn quân sự quan trọng cho Pitt. Tháng 2/1795, Pitt giao văn phòng của Richmond và một chân trong Nội các cho ông ta. Các ý kiến của Cornwallis được Pitt đánh giá cao vào tháng 5/1794. Song sự bi quan ủ rũ của Bá tước Cornwallis không phù hợp với tính hoạt bát của Pitt. Năm 1798, ông này luôn ta thán rằng mình không bao giờ được tham khảo ý kiến dù ở mức độ nhỏ nhất trong vấn đề an ninh quốc gia và cảm thấy nản chí, miễn cưỡng khi đưa ra bất cứ ý kiến gì, trừ phi được yêu cầu.

Đôi lúc, Pitt tham khảo ý kiến của những người bạn thuộc lực lượng vũ trang, ví dụ như nghị sĩ Mulgrave. Tuy nhiên, thường thì Pitt và Dundas tự chọn phương án hoặc lọc từ những kế hoạch đã được gợi ý và giải quyết trực tiếp với các chỉ huy mà họ bổ nhiệm. Những người này được mời đến để đề ra kế hoạch và trình bày yêu cầu. Quan hệ giữa họ không phải lúc nào cũng tốt đẹp. Con trai của Abercromby cho biết khi cha ông thẳng thắn trình bày về những khó khăn thật sự của cuộc viễn chinh tới Hà Lan năm 1799, ngài Pitt – vốn không quen với tình hình thực tế trong hoạt động quân sự và chỉ muốn nói về cơ hội thành công – đã không thể kiên trì và đưa ra nhận xét ám chỉ rằng “có những người chỉ thích phản đối đề nghị mà người khác đưa ra”. Thậm chí, Dundas còn sợ rằng vì quá nôn nóng, Pitt sẽ bỏ qua tình hình quân sự thực tế. Lo sợ giống như lần Pitt ném quân vào cuộc bao vây trên bộ tại bán đảo Quiberon của Pháp, gây ảnh hưởng đến cuộc viễn chinh tới Tây Ấn trong khi ông vắng mặt năm 1795, Dundas kêu gọi Pitt hãy lắng nghe ý kiến của các chuyên gia quân sự khi Pitt lại có kế hoạch tấn công vào miền Tây nước Pháp trong khi ông vắng mặt vào tháng 12/1799: “Tôi hoàn toàn tin tưởng vào những điều tôi đã đảm bảo với anh. Anh không được phép để trạng thái nôn nóng và lạc quan của mình đi quá xa những vấn đề được kiểm tra cũng như kết luận chính xác mà tôi đã gửi cho anh”, rằng “Theo tôi, đây là phương án phụ thuộc vào tính khí của anh” và nó đã được đề phòng trong khi kiểm tra và thực hiện kế hoạch quân sự. Pitt đã làm theo Charles Grey và Đại tá Twiss.

Mặc dù mắc phải những sai lầm trên, Pitt vẫn luôn tìm thấy nguồn an ủi sâu sắc trong những năm 1790 nhờ tinh thần vô cùng lạc quan. Điều này giúp ông vượt qua những trở ngại tệ nhất và tiếp tục cuộc đua. Gilbert Elliott nhận thấy Dundas “rất mất tinh thần”, còn vị Chủ tịch Viện Quý tộc Loughborough “khá thất vọng” khi cuộc chinh chiến chống lại Dunkirk đã bị đánh lui thảm hại vào tháng 9/1793. Còn “Pitt dường như vẫn xử lý tình huống tốt hơn những người khác, coi đây chỉ là một

sự rủi ro, là biên cô luôn gặp phải trong mọi cuộc chiến”. Pitt đã nói với George Rose: “Nó sẽ hiệu quả hơn nếu chúng ta vẫn cố gắng”. Những ngày tiếp theo, khi có tin Toulon đầu hàng, Wilberforce nhận thấy trong mắt Pitt luôn hiện lên “hình ảnh tấm bản đồ lớn” và Pitt có ý định tiến hành một cuộc tấn công từ miền Nam nước Pháp. Mặc dù kế hoạch này bị thất bại khi Pháp tập trung lực lượng ở Toulon nhanh hơn Pitt và đồng minh, chiếm lại nó vào tháng 12 và dù năm 1794, Pháp đánh bại cuộc tấn công của Áo-Anh ở Flanders, đồng thời nắm quyền ở Bỉ và Ba Lan, Pitt vẫn rất tự tin. Wilberforce nhớ lại:

Ông không thể tin chính phủ Pháp lại có thể tìm được nguồn kinh phí và nhân lực lớn như vậy để trang trải chi phí cho chiến tranh. Tôi nhớ rất rõ hành động của Pitt, vẫn thoải mái và có phần tự tin hơn, vẫn với giọng điệu ôn tồn hơn như khi ở Viện Bình dân, Pitt khẳng định Pháp đang đắm chìm trong sự phá sản và ông tính toán xem trong khoảng thời gian đó Pháp tiêu tốn hết bao nhiêu.

Đặc biệt, trong điều kiện khó khăn của cuộc chiến với Pháp, Pitt vẫn luôn tin rằng kiên nhẫn là một phẩm chất chính trị quý giá nhất và tất cả mọi việc sẽ qua đi. Đây là quan điểm xuyên suốt sự nghiệp vĩ đại của ông. Tháng 4/1798, Auckland viết cho Mornington rằng “có lẽ (trừ cuộc nổi loạn của lực lượng hải quân năm 1797), Pitt chưa bao giờ rơi vào tuyệt vọng hoặc sa sút tinh thần. Ngay lúc này ông vẫn hy vọng mãnh liệt rằng mọi thứ rồi sẽ kết thúc tốt đẹp”.

Ông không thể để mình bị mất hy vọng. “Chúng ta phải cố gắng vượt qua tất cả những khó khăn này”, ông đã nói với Grenville như vậy trong khi thảo luận về những trở ngại đối với một đồng minh châu Âu mới. Ông gợi ý là trong Lễ Tạ ơn của Nhà thờ St Paul, sau chiến thắng của lực lượng hải quân trước quân Hà Lan tại Camperdown năm 1797, Pretyman nên đưa vào bài thuyết giáo “chứng tỏ rằng Chúa – người trị vì của cả thế giới theo ý Chúa – không bao giờ bảo vệ đất nước và con người nếu không có sự cố gắng của chính đất nước và con người đó”. Ông đã truyền đạt những thông điệp tương tự trong bài phát biểu trước công chúng khi ông được chúc rượu tại Nghị viện Mansion, với tư cách là người đã cứu vớt châu Âu sau chiến thắng của lực lượng hải quân tại Trafalgar năm 1805: “Tôi rất cảm ơn các bạn vì danh tiếng mà các bạn đã dành cho tôi. Song, một cá nhân không thể cứu được cả châu Âu. Nước Anh đã tự cứu mình bằng chính ý chí và nỗ lực của mình. Tôi tin rằng tương tự, châu Âu cũng đã tự cứu lấy mình”. Đây là những câu nói nổi tiếng mà theo Bá tước Wellington, “là một trong những bài phát biểu cô đúc và tuyệt vời nhất mà tôi từng được nghe. Không gì có thể hoàn hảo hơn”. Đó là cảm hứng được khơi nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn trong ông. Pitt có thể từng nản lòng và đau đớn vì sự thiếu quả quyết và các cuộc nổi loạn của lực lượng hải quân phản đối tiền lương và điều kiện sinh hoạt vào năm 1797, đó là lần đầu tiên niềm tin vững chắc của ông về tinh thần yêu nước của nhân dân bị lung lay. Tuy nhiên, ông có khả năng lấy lại tinh thần lạc quan cho mình. Khi không ở trong hầm, ông lại lên gác truyền cho người khác niềm tin và xem thường an toàn cá nhân để từ đó lấy lại tinh thần cho cả tập thể. Dĩ nhiên, người anh họ Grenville của ông cũng quyết tâm bảo vệ danh dự của nước Anh bằng việc bác bỏ mọi ý kiến của thỏa hiệp hòa bình nhưng chưa bao giờ dám khuấy động Viện Bình dân ký vào biểu ngữ “Cả nước Anh hãy chiến đấu” như Pitt từng khuấy động thành cao trào trong bài phát biểu ngày 10/11/1797.

Bên cạnh tinh thần lạc quan và niềm tin bền bỉ, còn có nhiều yếu tố khách quan cho phép Pitt tiếp tục cuộc chiến mặc dù bị thất bại ở châu Âu. Những nỗ lực củng cố lực lượng hải quân sau Chiến tranh Hoa Kỳ của ông nay đã đạt kết quả. Vào thời điểm bắt đầu cuộc chiến, các tàu chiến của Anh

được nâng cấp sửa chữa tốt hơn nhiều so với trước. Trái lại, hạm đội của Pháp bị xuống cấp nghiêm trọng do cuộc cách mạng đã làm cho kỷ luật tại hải quân và trên biển trở nên lộn xộn cũng như sự thiệt hại nặng nề của quân đoàn hải quân thời kỳ cũ. Tiềm lực hải quân Pháp sẽ không thể phục hồi sau khi bị mất 22 tàu trong hai năm đầu cuộc chiến khi thua trận ở Toulon và trong các trận chiến khác, cùng với đó là các vụ đắm tàu. Do đó, khi hải quân Hà Lan và Tây Ban Nha phản công vào năm 1795 và năm 1796, mặc dù bị gây sức ép nhưng chưa bao giờ hải quân Anh phải hoạt động ở mức độ cao như trong Chiến tranh Hoa Kỳ. Trong năm 1797-1798, mặc dù xảy ra các cuộc nổi loạn trong hải quân, lực lượng này vẫn giúp Pitt duy trì quyền lực và kéo dài cuộc chiến với những chiến thắng lần lượt trước địch thủ Tây Ban Nha tại mũi St Vincent vào tháng 2/1797, Hà Lan tại Camperdown vào tháng 10/1797 và Pháp tại Nile vào tháng 8/1798.

Việc nắm quyền kiểm soát ở các vùng biển cho phép chiến lược chinh phục thuộc địa của Dundas đạt được những thành quả quan trọng, bù đắp lại những mất mát trước đây. Ngược lại với các cuộc chiến trước, thương mại trên biển của Anh phát lên trong những năm 1790. Khi lực lượng nổi loạn do Pháp kích động phá hủy những thành quả của cuộc viễn chinh Tây Ấn thời kỳ đầu tại quần đảo Anh, Dundas nhanh chóng phản ứng bằng cách triển khai lực lượng viễn chinh của Anh ở nước ngoài với 32.000 quân vào tháng 6/1795 và đã cứu nguy cho quần đảo này, đồng thời duy trì việc mở rộng thương mại. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc hỗ trợ tài chính cho cuộc chiến kéo dài của Anh. Tuy hoạt động này đã làm tiêu hao lực lượng chiến đấu cuối cùng còn lại của Anh (trong đó một nửa bị chết do mắc phải các bệnh nhiệt đới), nhưng lại tạo điều kiện để cuộc chiến được tiếp tục cho đến khi các cường quốc châu Âu một lần nữa tham chiến.

Cuối cùng, điều hành tài chính và chính trị tài tình là vấn đề sống còn trong việc duy trì cuộc chiến với Pháp. Pitt đã chiến thắng khi điều hành cuộc chiến theo cách riêng của mình. Thành công trong việc thay đổi phương án sang đàm phán từ cuối năm 1795 đến năm 1797 đã khiến mọi sự thất bại đều được coi là chủ định của Pitt muốn chuyển sang thỏa hiệp với Pháp. Khả năng khiến mọi người tin rằng nguồn tài chính không thiếu đã giúp ông vay được khoản tiền nhiều đến mức trước đây ông không dám mơ và cuối cùng ông đã thuyết phục được dân chúng chấp nhận mức thuế mới vốn rất quan trọng.

THEO ĐUÔI ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KHỐI ĐỒNG MINH HÙNG MẠNH

Dù nước Anh có nỗ lực đến đâu thì vẫn thiếu một quân đội hùng mạnh để thắng được Pháp – một quốc gia không cần sự hỗ trợ quân sự của bên ngoài. Theo cách nói của Dundas, Pitt đã tìm cách giành lấy sức mạnh của cả thế giới để hỗ trợ Anh chống lại Pháp. Đây là cách truyền thống của Anh, nổi tiếng từ khối đồng minh hùng mạnh giữa William III và Marlborough để đánh thắng Louis XIV. Bên cạnh đó, Pitt và Grenville hy vọng thắt chặt quan hệ giữa các nước trong khối đồng minh để bảo vệ thuộc địa của nhau sau chiến tranh, tương tự như ý định thành lập khối an ninh tập thể trước đây của Pitt. Thái độ hung hăng của Pháp đã bị Pitt kiềm chế. Mùa hè năm 1793, nền Cộng hòa Cách mạng Pháp phải đối mặt với Áo, Phổ, Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha và các thái tử của đế chế Đức và Italy. Trong khi đó, tình hình tài chính của Pháp lại rất lộn xộn, các phần tử cộng hòa ly khai có chủ trương lập chế độ liên bang cùng những người bảo hoàng đang có âm mưu nổi dậy chống lại chính quyền trung ương độc đoán vốn điều hành bằng bạo quyền. Do vậy, không có gì ngạc nhiên khi các nhà lãnh đạo cuộc chiến của nước Anh rất tự tin. Pitt tuyên bố chiến tranh kéo dài không quá một năm, còn Dundas thì thậm chí hơn khi nói đây là một cuộc chiến ngắn hạn, sẽ kết thúc trong một hoặc hai chiến

dịch.

Tuy nhiên, trong khi Pitt và Grenville đang nỗ lực thiết lập liên minh khăng khít giữa các cường quốc để chống lại Pháp, họ tự nhận thấy mình đã đánh mất sự kiểm soát tình hình khi rút khỏi mặt trận chính trị lục địa vào năm 1791. Áo và Phổ nhất trí đóng tiền bồi thường trong cuộc chiến với Pháp vì Phổ cùng Nga đã tham gia cuộc phân chia mới đối với lãnh thổ Ba Lan, Áo muốn chiếm đóng Baravia thay Bỉ. Grenville lên tiếng phản đối mạnh mẽ hành vi “chiếm giữ một quốc gia trung lập và vô tội” ở phía đông, đồng thời thuyết phục Áo giữ chân ở Bỉ để tạo ra một hàng rào vững chắc giúp Anh kiềm chế Pháp. Thay vào đó, họ hứa sẽ hỗ trợ quân sự giúp Áo giành được các pháo đài của Pháp ở gần biên giới Flanders. Như vậy, ngay từ đầu, Pitt và Grenville đã sắp đặt mọi vấn đề rất chặt chẽ cả về ngoại giao và chiến lược. Họ đã vạch ra hướng đi tích cực cho cuộc chiến bằng cách khuyến khích các cường quốc khác tìm kiếm sự phân chia lãnh thổ từ Pháp chứ không phải là quốc gia trung lập và không có mấy lợi ích như Ba Lan. Tuy nhiên, từ đây họ đã gặp phải những yêu cầu thu nhỏ ranh giới Pháp, trở lại thời kỳ trước khi Louis XIV tiến hành cuộc mở rộng lãnh thổ trong thế kỷ trước.

Trên thực tế, những nỗ lực của Anh là tự chuốc lấy thất bại, bởi lẽ khi kích động những đòi hỏi này, thay vì tạo ra khối đồng minh, họ đã khuấy động lòng ghen tị và sự bất đồng làm ảnh hưởng đến nỗ lực chung của cuộc chiến, đặc biệt khi Anh thể hiện là nước giành được phần nhiều lãnh thổ hơn trong cuộc chinh phục khu vực Tây Ấn so với khi họ tiến hành ở Pháp. Hơn nữa, mưu đồ này mâu thuẫn với ý định của Pitt là tạo ra cuộc phản cách mạng trong nước Pháp, bởi lẽ không có người Pháp yêu nước nào lại sẵn lòng tiếp tay cho sự phá hủy đất nước. Những người bảo hoàng chỉ tìm kiếm sự hỗ trợ của Anh khi họ đứng bên bờ thất bại và sau đó vẫn cố gắng thoát ra khỏi sự khống chế của Anh. Còn đại đa số dân chúng Pháp, vì sợ sự chia rẽ đất nước như kiểu Ba Lan, họ sẽ đoàn kết đứng sau Cộng hòa Pháp. Kết quả là tiềm lực của Cách mạng Pháp sẽ phát triển nhanh hơn khối đồng minh, và trước khi Pitt cùng các đồng sự có thể tìm ra phương sách tập trung sự nỗ lực của các đồng minh nhằm thực hiện chương trình phân chia lãnh thổ Pháp thì chiến thắng của Pháp đã khiến khối đồng minh phải đổ vỡ.

Tuy nhiên, những nỗ lực của Pitt đã khiến ông trở thành nhân vật trung tâm của khoa nghiên cứu Cách mạng Pháp. Người ta coi ông là người đi biểu những đồng tiền ghinê (đồng tiền vàng của Anh) – “vàng của Pitt” – nhằm kích động các cường quốc châu Âu và những kẻ phản bội trong nước phá hoại nước Pháp và cuộc cách mạng của nước này. Nhưng trên thực tế, có rất ít cơ sở chứng minh cho quan niệm này ngoài sự tuyên truyền bóp méo đáng sợ về cuộc Cách mạng Pháp. Tiền bạc và lực lượng vũ trang được cấp cho quân bảo hoàng Pháp. Các anh họ của Pitt miễn cưỡng nhìn người em trở thành “con bò sữa của châu Âu”, theo như cách nói của Grenville. Các bộ trưởng, theo con đường truyền thống, vẫn thuê quân lính của các hoàng thân Đức để tăng cường lực lượng quân sự mỏng manh của mình. Họ cũng đưa ra đề nghị này đối với cả Nga, song thỏa thuận cuối cùng đã không đạt được bởi lẽ Catherine Đại đế đưa ra giá quá cao cho một lượng quân ít ỏi. Bên cạnh việc sử dụng tiền bạc, họ không cho kích động các cường quốc tăng cường lực lượng vũ trang. Từ năm 1793, Anh trả 150.000 bảng mỗi năm cho Piedmont-Sardinia, sau đó cấp 1,2 triệu bảng cho Phổ vào năm 1794, cho Áo vay 4,6 triệu bảng từ thị trường tiền tệ của Anh vào năm 1795. Trước đối thủ Pháp với tiềm lực quân sự mạnh, cho đến năm 1793, có số quân lên tới 700.000, Pitt cần sự hỗ trợ chung về quân sự của tất cả các đội quân hùng mạnh ở châu Âu (chỉ bằng cách này, cuối cùng Anh mới đánh thắng được Napoleon giai đoạn 1813-1815). Trong cuộc chiến này, Pitt đã đề nghị và chi trả nhiều hơn so với bất cứ người tiền nhiệm nào trong các cuộc chiến trước, nhưng lại ít hơn nhiều so với những người kế nhiệm.

Tuy nhiên, khoản tiền mà Pitt đầu tư không thể khiến các cường quốc không phân tâm do diễn ra sự phân chia lãnh thổ Ba Lan cùng thời điểm đó. Ba Lan là một vấn đề lớn khiến Pitt phải bận tâm. Cũng giống như dân chúng, ông rất phẫn nộ trước sự việc này và công khai nhận xét rằng lần phân chia thứ hai vào năm 1793 “thật đáng ghê tởm”, lần phân chia thứ ba vào năm 1796 là “không công bằng”. Ông đắn đo vì sự phân chia này được diễn ra đối với lãnh thổ Ba Lan, rằng “chúng ta có nên hủy bỏ sự hỗ trợ quân sự của các quốc gia có tham gia vào việc tranh giành lãnh thổ Ba Lan để chống lại Pháp hay không, mặc dù thiếu sự trợ giúp này chúng ta sẽ trở thành con mồi cho sự san bằng toàn bộ châu Âu, đặc biệt là Anh”. Lúc này, Pitt giải quyết vấn đề bằng cách cố gắng tách các sự kiện ở phía đông với các sự kiện ở phía tây và không quan tâm nhiều đến các sự kiện ngay sau đó. Pitt và Grenville từ chối bảo đảm cho Phổ phần lãnh thổ mà nước này nhận được sau lần phân chia thứ hai năm 1793, đồng thời không chấp nhận giúp đỡ Nga bình ổn đợt phân chia thứ ba vì nó làm xao nhãng sự tập trung của các quốc gia đối với cuộc chiến chống Pháp năm 1795. Tuy nhiên, các quốc gia lớn ở phía đông cũng không chấp nhận sự phân chia này. Quân đội Phổ được Pitt nhất trí viện trợ vào năm 1794 rất bị động tại Rhine khi diễn ra cuộc nổi loạn tại Ba Lan. Áo hủy bỏ việc hỗ trợ quân Anh tấn công Flanders khi cuộc chiến bị cản phá vào tháng 5 và tháng 6 để chuyển lực lượng vào Ba Lan. Nga không đưa quân về phía tây mà tập trung chuẩn bị cho cuộc nổi dậy ở Ba Lan để được chia phần. Chiến dịch ở phía tây bị ngưng lại khi cuộc khởi nghĩa ở Ba Lan bị đàn áp và cùng thời điểm đó, mùa đông năm 1794-1795, Hà Lan bị chiếm đóng.

Bản thân Pitt luôn sẵn sàng hy sinh nhiều hơn Grenville để giành được một đồng minh chống Pháp. Năm 1793, Pitt đã chuẩn bị đề nghị trao phần Đông Ấn của Anh cho Hà Lan khi họ yêu cầu được lấy lãnh thổ Bỉ của Áo làm phần bồi thường chiến tranh. Trước yêu cầu Phổ xin trợ cấp, ông đã đưa ra cách trả lời mềm mỏng hơn so với sự từ chối thẳng thừng của Grenville. Tuy nhiên, trong quá trình điều hành cuộc chiến, sự can thiệp cá nhân của Pitt đã gây rối tiến trình ngoại giao đang rất trôi chảy. Sau khi gây sức ép thành công đối với cuộc đàm phán về trợ cấp cho Phổ đầu năm 1794, Pitt quay trở lại tập trung vào việc xét xử vụ phản quốc và không thuyết phục được Bộ Tài chính thanh toán các khoản tiền trợ cấp đầu tiên cho Phổ.

Tin chắc Pháp đang ở bên bờ của sự đổ vỡ tài chính, Pitt liên tục gây sức ép đối với nước cộng hòa này. Năm 1795, ông đã hai lần không nghe lời vị cố vấn thân cận nhất để chớp thời cơ giành lấy chiến thắng từ miệng hổ thất bại. Ngay từ đầu năm, Pitt đã quyết định đưa ra đề nghị bồi thường khác cho Phổ để lấy lại Hà Lan. Pitt không chấp nhận lời giải thích của Grenville rằng trước sự tranh giành lãnh thổ Ba Lan, cần phải lựa chọn giữa một bên là Phổ, một bên là Áo và Nga, trong đó bên thứ hai mạnh hơn và thiện chiến hơn. Pitt chỉ tin khi có tin là Phổ đã thỏa hiệp. Sau đó, vào mùa hè, ông đưa lính Anh đi hỗ trợ đội quân bảo hoàng đầu tiên đổ bộ thành công vào đất Pháp tại Quiberin với hy vọng lực lượng này sẽ kích động cuộc nổi dậy của quân bảo hoàng và lờ đi kết quả của cuộc viễn chinh Tây Ấn của Dundas. Lại một lần nữa, ông chỉ ngừng lại khi nghe tin cuộc đổ bộ của quân bảo hoàng vào đất Pháp đã thất bại. Dường như lúc nào Pitt cũng hy vọng cuộc khởi nghĩa của quân bảo hoàng Pháp hiệu quả hơn hai đồng sự của mình.

Cuộc chiến châu Âu vẫn tiếp tục dựa trên cơ sở Đồng minh ba nước Anh, Nga, Áo (đây là mục tiêu ban đầu của Carmarthen vào năm 1784). Tuy nhiên, Nga lại quan tâm hơn đến lợi ích phía đông và thờ ơ trước cam kết quân sự, để lại gánh nặng phải ngăn chặn Pháp cho các đồng minh. Cao trào cuộc chiến lại nghiêng về phía Cộng hòa Pháp khi nước này đã ép được Hà Lan cùng tham chiến vào năm 1795 và sau đó là Tây Ban Nha vào năm 1796. Pitt đã nghiêm túc cân nhắc đến khả năng thỏa

hiệp trước khi các đồng minh bỏ lại Anh một mình trong cuộc chiến, hy vọng đòi các thuộc địa của mình bằng sự rút chân của Pháp khỏi Bỉ. Cuối cùng, đề nghị thỏa hiệp được đưa ra vào mùa thu năm 1796, khi Harris, lúc này là nghị sĩ Malmesbury, được phái đến Paris tìm kiếm thỏa hiệp cho Anh và Áo, giúp khôi phục hàng rào ở Bỉ. Tuy nhiên, ý định này lại không thành công.

Khi Áo buộc phải thỏa hiệp vào năm 1797, Pitt hủy bỏ quyết định thỏa hiệp, thậm chí ngay cả khi vấn đề Bỉ được giải quyết thỏa đáng, và kéo Grenville vào các cuộc đàm phán hòa bình tại Lille, trong đó Pitt muốn duy trì sự chinh phục lục địa tối thiểu của Anh làm đối trọng nhỏ đối với thành công của Pháp ở châu Âu. Ông nói với Malmesbury, một nhà thương thuyết, người mà ông vẫn duy trì liên lạc trực tiếp, rằng “với vai trò là Bộ trưởng Anh và là một người Cơ đốc giáo, tôi có trách nhiệm phải ngăn cản một cuộc chiến đẫm máu và tốn kém”. Còn lại một đồng minh duy nhất là Bồ Đào Nha, với khoản vay nợ trong ngân sách, cuộc chiến rơi vào thế bị lung lay, cộng thêm các cuộc nổi loạn của lực lượng hải quân, không có dấu hiệu nào thể hiện cuộc chiến sẽ có kết cục thành công. Pitt đã quyết định là nếu giành lại được hòa bình, trong thời gian đó ông sẽ khôi phục tiềm lực đất nước ngang tầm với Pháp như ông từng làm sau cuộc Chiến tranh Hoa Kỳ, rằng đây là cách tốt hơn để giảm bớt sự hao tổn sinh mạng trong cuộc chạy đua kéo dài không mang lại kết quả gì. Khi đã đưa ra quyết định, Pitt làm tất cả vì hòa bình, bất chấp phản ứng theo bản năng của cả Grenville và Dundas. Grenville cảm thấy Pitt hy sinh giá trị đích thực của quốc gia một cách nhục nhã, còn Dundas sợ rằng Pitt sẵn sàng trả lại tất cả các thuộc địa của Pháp, chỉ giữ lại Ceylon và mũi Hảo Vọng của Hà Lan và Trinidad của Tây Ban Nha. Grenville muốn từ chức. Dundas cũng có ý định từ chức để nhận chức tước quý tộc. Pitt nói với Malmesbury rằng ông thậm chí có thể hy sinh cả Ceylon hoặc mũi Hảo Vọng nếu cần thiết, đồng thời nghiêm túc xem xét đề nghị của những người trung gian tuyên bố có quan hệ với thành viên chính phủ Pháp về việc hối lộ 2 triệu bảng để đạt được thỏa hiệp tương tự. Năm 1801, khi Pitt bất ngờ đứng đằng sau các điều khoản hòa bình do Addington đàm phán, Dundas ca thán rằng ông “quá nóng vội khi bằng mọi cách đạt được mục đích này”.

Cuộc đàm phán đã thất bại khi lực lượng kiên định lập trường lên nắm quyền tại Paris sau khi tiến hành một cuộc đảo chính mới vào tháng 9/1797. Pitt tập trung toàn bộ tiềm lực tài chính quốc gia tiếp tục cuộc chiến. Sự gián đoạn cuộc chiến châu Âu ít nhất cũng tạo cho Pitt cơ hội tìm kiếm một hiệp ước quốc tế chung với các điều khoản hòa bình trong tương lai, trước khi bùng nổ bất kỳ một cuộc chiến nào, mặc dù Pitt không củng cố được khối đồng minh như ý nguyện trong năm 1793-1794. Trên cơ sở một phần các ý kiến gợi ý của Bá tước Brunswick, Grenville đã đưa ra ý tưởng rằng khối đồng minh bốn nước Anh, Nga, Áo, Phổ là sự bảo đảm cao nhất cho hòa bình và ổn định, bao quanh khối này là các quốc gia nhỏ hơn. Không mong gì lặp lại tình hình trước năm 1793, thời điểm thất bại trong việc ngăn cản mục đích của Pháp, Grenville đề nghị thiết lập một hệ thống các quốc gia đồng minh mạnh hơn bao quanh Pháp, được hỗ trợ bởi bốn cường quốc. Bốn cường quốc này phải được đảm bảo nhận được phần tranh giành lãnh thổ bằng nhau để tránh sự ghen tị và cuộc chiến đòi phần chia lại. Bốn cường quốc này cũng phải bảo đảm quyền và lãnh thổ của nhau trước mọi cuộc tấn công từ các nước khác. Đối với các quốc gia khác, nước nào muốn được đảm bảo quyền trên có nhu cầu tham gia, nếu được sự nhất trí của bốn nước này sẽ được gia nhập khối đồng minh. Kinh nghiệm từ năm 1793 đã khiến các anh họ của Pitt vững tin hơn vào kết luận mà theo cách nói của Grenville là “châu Âu không bao giờ thật sự được thanh bình trở lại, trừ phi phục hồi được chế độ quân chủ lập hiến ở Pháp”. Điều này không nằm trong kế hoạch được bàn tới.

Ý định của Grenville – sự hồi sinh mưu đồ của Pitt năm 1789 – là cơ sở để sau này Pitt đưa ra

đề nghị thiết lập hệ thống an ninh vững chắc ở châu Âu. Kế hoạch mà Pitt đề nghị với Nga sau đó bảy năm, tức là vào năm 1805, đã cải tiến định nghĩa về hàng rào đồng minh bảo vệ tuyến đôi: ở Italy, Piedmont được Áo bảo vệ; ở phần Bỉ do Phổ chiếm đóng được Hà Lan bảo vệ, trong đó sự mở rộng của quốc gia lớn hơn sẽ là sự thu hẹp của quốc gia nhỏ; còn Pháp sẽ được giới hạn theo ranh giới cũ. Vì lý do này, sau đó Pitt đã chuẩn bị giảm sự tranh giành lãnh thổ tranh chấp được của Anh đến mức tối thiểu – có nghĩa là Malta hoặc Monorca và mũi Hảo Vọng. Trong khi đó, sự phục hồi Bourbon ở Pháp như từng mong đợi lại không phải là quan trọng. Khối đồng minh bốn nước sẽ bảo đảm cho hòa bình ổn định bằng một hiệp ước mà tất cả các cường quốc quan trọng trong châu Âu đều nên tham gia, qua đó giúp ổn định và công nhận quyền vốn có của mình; các quốc gia nên tái thiết hệ thống pháp luật chung, toàn diện ở châu Âu đến chừng nào có thể để ngăn cản ý đồ phá hoại sự hòa bình chung, và trên tất cả là âm mưu bành trướng và tham vọng đã gây ra những thảm họa ở châu Âu từ khi diễn ra Cách mạng Pháp.

Đây là cách giải quyết toàn diện mà cuối cùng Pitt đã tìm ra lời giải cho câu hỏi vào năm 1784 là làm thế nào để đưa nước Anh vào hệ thống đồng minh mà không dính líu đến cuộc chiến trong tương lai. Tuy nhiên, khi đã có câu trả lời, để thực hiện được nó là vấn đề khó khăn. Năm 1798-1799, mỗi bất hòa trong các nước dự định thành lập khối đồng minh đã ngăn cản kế hoạch này. Lần này, Pitt sẵn sàng cấp viện trợ ngay từ đầu và đã chi 2,5 triệu bảng cho mục tiêu này. Phổ, an toàn đằng sau danh nghĩa là nước trung lập có ảnh hưởng lớn hơn đối với miền Bắc nước Đức, đã từ chối tham gia. Nga có xu hướng hợp tác hơn. Khi cuộc chiến lục địa lại nổ ra vào tháng 3/1799, anh em Pitt buộc phải dựa vào ảnh hưởng của Nga để lập nên một liên minh khác, tuy nhiên liên minh này chỉ được coi là tạm thời bởi sự bất ổn định của Hoàng đế Nga, Paul. Liên minh thứ hai này không hài hòa như liên minh thứ nhất và đã nhanh chóng dẫn đến kết cục thảm hại. Mũi tấn công chính vào Pháp theo kế hoạch là từ đội quân của Nga ở Thụy Sĩ, dưới sự trợ giúp của Anh nhưng quan trọng nhất là phải có hỗ trợ của Áo. Tuy nhiên, Áo lại băn khoăn khi Grenville không tiết lộ ý định bí mật của hoạt động viễn chinh và đã chuyển sang chấp nhận đề nghị hỗ trợ cuộc nổi dậy ở Hà Lan. Vienna sợ Anh có ý đồ chiếm giữ và xử lý Bỉ (nơi Áo vẫn tuyên bố nắm quyền). Quân đội Áo cuối cùng đã được di chuyển từ biên giới Thụy Sĩ đến trung tâm Rhine để đề phòng. Pitt ép người anh họ của mình hòa giải với Áo nhưng đã quá muộn. Quân Nga ở Thụy Sĩ không được yểm trợ đã bị đánh bại vào tháng 9. Trong khi đó, vào tháng 8, khi khối đồng minh Anh-Nga đổ bộ vào Hà Lan, cuộc nổi dậy tại đây đã không thực hiện được. Mặc dù hải quân Hà Lan đã đầu hàng tại căn cứ Texel, song đồng minh đã không thể tiến xa hơn bán đảo Helder và đã phải rút quân sau đó hai tháng.

Mặc dù vậy, với sự hỗ trợ của Nga, Áo đã xóa sạch binh lính Pháp trên đất Italy. Cuộc đảo chính vào tháng 11 của Napoleon được xem là dấu hiệu của sự bất ổn định lớn hơn ở Pháp, có thể tạo cơ hội tiến tới khôi phục chế độ quân chủ ở Pháp. Cuối năm 1799, Pitt thừa nhận “mọi lý do đều đáng thuyết phục và nếu đồng minh của chúng ta có thể giữ đoàn kết bằng mọi cách, chỉ một chiến dịch chúng ta có thể có được tất cả những gì mình mong muốn”. Ông cũng không biết chừng nào các cường quốc châu Âu lại tiếp tục đồng minh để chiến đấu và chừng nào ông có thể tập trung nguồn lực và khả năng để điều hành cuộc chiến.

Pitt chuẩn bị một bước đi tiến bộ hơn để hỗ trợ cho cuộc chiến. Ngay từ những ngày đầu lên nắm quyền, Pitt đã nhận thấy sự yếu kém của Anh trên trường quốc tế là do hậu quả của vị thế bán tự trị mà Ireland đã giành được trong cuộc chiến với Mỹ. Năm 1784, Rutland, bạn của Pitt, là Quan đại diện nhà vua, đã cảnh báo rằng nếu không thống nhất Ireland thì sau 20 năm, nước này sẽ không còn thuộc

về Anh nữa. Pitt đã tìm cách hợp nhất về mặt kinh tế bằng việc đưa ra đề nghị thương mại với Ireland. Ý định này không thành công và phe đối lập do Nghị viện Ireland cầm đầu trong cuộc Khủng hoảng chế độ nhiếp chính đã thể hiện sự rạn nứt giữa hai vương quốc. Năm 1792, ông lên tiếng thể hiện mong muốn lâu dài là thống nhất hai nước. Ông đã thử các biện pháp để tín đồ Công giáo giảm bớt thất vọng. Trong buổi trao đổi với vị tân Ngoại trưởng Ireland năm 1794, ông thừa nhận Ireland đã và sẽ tiếp tục duy trì là chính phủ nằm trong toan tính của Anh và ông hy vọng được Ireland chấp nhận. Ông nói với Camden, trước khi ông này được phái đến thay thế Richmond vào năm 1795, rằng Ireland chiếm một phần nhỏ trong ý nghĩ của ông. Tuy nhiên, ông vẫn phải tập trung suy nghĩ về những bất trắc nổi lên ngày càng nhiều ở Ireland, chẳng hạn các phần tử chống đối của nhóm thống trị đạo Tin Lành kêu gọi sự giúp đỡ từ Pháp có ảnh hưởng như thế nào đến cuộc chiến.

Âm mưu xâm lược Ireland của Pháp vào cuối năm 1796, sau đó là cuộc chiến tranh của Anh đã buộc Pitt đi đến giải pháp cuối cùng là thống nhất. Điều này ông đã nhìn thấy trong khi giải quyết sự bất ổn bên trong Ireland, trong đó có kêu gọi sự can thiệp của nước ngoài. Sự thống nhất sẽ xóa bỏ vai trò chỉ đạo yếu kém của nhóm thống trị thiểu số đạo Tin Lành, làm cho họ bớt lo sợ trước việc xếp đại đa số lực lượng Công giáo của Ireland vào đa số lực lượng Tin Lành của hai vương quốc. Tất nhiên điều này tạo ra một chính phủ thống nhất có khả năng duy trì chính sách nhất quán. Các bộ trưởng mong muốn điều này sẽ tạo ra ấn tượng đối với châu Âu. Bá tước Portland, Bộ trưởng Anh chịu trách nhiệm về quan hệ với Ireland, viết: “Chúng tôi sẽ là một đế chế thật sự và sẽ tạo ra được những ấn tượng hơn thế nữa trong tiềm lực của mình để đem lại sự ổn định và an toàn cho các quốc gia khác ở châu Âu, duy trì sự cân bằng mà không có bàn tay nào khác có thể làm được ngoài chúng tôi”. Thống nhất là một giải pháp ngoại giao được thông qua để giải quyết hàng loạt những vướng mắc trong năm 1799-1800, giúp Anh giành chiến thắng và cứu vãn được hòa bình trong tương lai.

CHƯƠNG 8. Pitt mất dần quyền lực

NHỮNG NGHI NGỜ VỀ KHẢ NĂNG CỦA MỘT CON NGƯỜI LÀM TẤT CẢ NHỮNG GÌ MÌNH MUỐN

Từ đầu năm 1798 đến giữa năm 1800, Pitt đứng trên đỉnh cao của quyền lực và uy tín. Ông dường như được toại nguyện khi North mất chức vào năm 1782 “và phô bày trước con mắt thế giới những gì ông đọc với niềm say mê, nhưng thật ra là rất thất vọng khi thấy một ông vua yêu nước nắm quyền điều hành một dân tộc đoàn kết hòa hợp”. Ông đã thuyết phục Vua Anh đi tiên phong trong hoạt động đóng tiền quyền góp yêu nước để cổ vũ toàn dân tự giác làm theo. Trước họa xâm lăng, người dân tập trung tham gia trung đoàn dân quân tự nguyện. Các đội dân quân còn xung phong đến Ireland để trấn áp cuộc nổi dậy nổ ra vào năm 1798. Năm 1799, hàng nghìn dân quân luôn sẵn sàng tham gia lực lượng chính quy để chuẩn bị cho cuộc xâm chiếm Hà Lan. Cuộc nổi dậy ở Ireland mặc dù được cảnh báo trong nước nhưng không lan rộng như nhiều người từng lo lắng nên nhanh chóng được trấn áp. Số ít các nghị sĩ đối lập còn lại hầu hết là vắng mặt trong các phiên họp Nghị viện nên Pitt dễ dàng thành công trong việc thông qua các biện pháp nhảy cảm liên quan đến thuế thu nhập vào năm 1799 và thống nhất Ireland vào năm 1800. Tất cả những gì Pitt cần để nâng cao uy tín của mình hơn những người tiền nhiệm đó là chiến thắng trong cuộc chiến lại tái diễn vào tháng 3/1799. Tuy nhiên, một lần nữa chiến thắng lại tuột khỏi tay Pitt. Thay vào đó, vị trí đầy quyền lực của Pitt dần bị mất mà không gì có thể bù đắp nổi.

Không giành được chiến thắng quyết định để bảo vệ mình, Pitt phải đối mặt với âm mưu của các cá nhân câu kết với tập thể nhằm lật đổ ông vào tháng 2/1801. Sau nhiều năm nắm quyền lực trong tay, cả Pitt và các đồng sự đều mất hết lạc quan khi đối mặt với những áp lực liên tục từ công việc. Đặc biệt, Pitt còn bị căng thẳng bởi sự cô đơn trong chính quyền lực của ông. Trong năm 1796, Pitt có cảm tình với cô gái Eleanor Eden, 20 tuổi, là con gái của nghị sĩ Auckland. Nhưng đầu năm 1797, ông phản đối những ý kiến đề cập đến vấn đề cưới xin, điều đó chứng tỏ có những trở ngại lớn không thể vượt qua trong đời sống cá nhân của ông. Tất nhiên, tình hình tài chính tồi tệ của Pitt đã ngăn cản ông tiến tới ổn định gia đình. Mặt khác, ông đã bị cuốn sâu vào công việc. Sau này ông đã nói với cô cháu gái Hester Stanhope rằng không ai đi lấy một người đàn ông không có thời gian dành cho vợ mình.

Mặc dù đã thề là sẽ sống độc thân, song ông nhận thấy những người bạn độc thân của mình, đặc biệt là hai người đã cùng đi nghỉ với ông ở Pháp, ngày càng rời xa ông. Những nhận thức về tôn giáo của Wilberforce khiến ông ta phản đối việc cuộc chiến tiếp diễn vào năm 1795 và chuyên tâm theo đuổi phong trào chống chế độ buôn bán nô lệ. Tình bạn sau này giữa Pitt và Wilberforce được phục hồi song không bao giờ lấy lại được sự thân thiện như đầu những năm 1780.

Pitt càng thấy sốc hơn trước cái chết của Edward Eliot vào năm 1797. Eliot là người bạn lâu năm nhất của Pitt ở Cambridge và là người khiêm tốn, trung thành mà Pitt yêu mến. Trước khi Eliot cưới người chị gái yêu quý của Pitt là Harriot, Pitt ban cho ông ta chức nhân viên thu nợ ở Bộ Tài chính (một chức vụ “ngồi mát ăn bát vàng“, với mức lương 1.400 bảng mỗi năm). Ông cho rằng “đây là một sự lạm dụng quyền hành, dù không công bằng nhưng cũng hợp lý“. Họ đã chuyển đến sống với

Pitt. Sau khi Harriot mất năm 1786, Eliot tiếp tục sống với Thủ tướng tại phố Downing “như anh em ruột”. Hai người cũng ở cùng nhau tại các dinh thự ở ngoại ô, như biệt thự của Eliot ở Battersea Rise ở Clapham, hay ở Holwood và Walmer. Trong khi Wilberforce đang thăm Pitt tại Walmer vào tháng 10/1792 thì Eliot đến và ông nhận thấy “Pitt thể hiện rõ tình cảm trên nét mặt khi Eliot đi đến gần. Tôi đã lên đi ngủ lúc 11 giờ và ra về vào sáng thứ bảy khi thấy sự có mặt của mình không còn quan trọng. Eliot vẫn sống cùng với Pitt ở phố Downing ngay cả khi hai chàng trai Jenkinson và Canning đến ăn tối cùng họ vào tháng 4/1794, không có bằng chứng nào chứng tỏ tình cảm của họ hoàn toàn là tình ái, tuy nhiên sự gần gũi này lại rất quan trọng đối với Pitt và ông đã tuyệt vọng khi Eliot đột nhiên qua đời vào tháng 9/1797. Rose, người cùng sống với Pitt, đã nói với Wilberforce rằng ông chưa bao giờ nhìn thấy và không bao giờ mong thấy những điều như vậy. Wilberforce đã nói: “Đối với Pitt, Eliot ra đi thật sự là một mất mát”. Sau sự việc đó, ngài Thủ tướng càng trở nên cô đơn.

Quan hệ của Pitt với Grenville cũng chưa bao giờ gần gũi sau khi Grenville lập gia đình năm 1792 và phải dành nhiều thời gian cho vợ tại ngôi nhà mới ở Dropmore. Những nguyên tắc nhàm chán trong việc điều hành một bộ lớn đã khiến Grenville nghĩ đến việc nghỉ hưu. Năm 1794, ông đã nói ý rằng mình muốn nghỉ hưu khi cuộc chiến kết thúc. Dundas cũng cảm thấy mệt mỏi. Năm 1797, ông nói đến chuyện nghỉ hưu và muốn một tước vị quý tộc. Tháng 11/1797 và tiếp tục vào tháng 4/1800, ông xin được từ chức, viện lý do bị mắc chứng mất ngủ và tình trạng sức khỏe không tốt, song Pitt tuyên bố không cho phép. Tệ hơn, năm 1800, Pitt chứng kiến hai đồng sự thân cận nhất, trước những bế tắc của cuộc chiến dai dẳng, đã đả kích lẫn nhau vì mâu thuẫn nghiêm trọng trong nhóm lãnh đạo về chiến lược chiến tranh. Grenville cho rằng sẽ an toàn khi hợp tác với khối đồng minh châu Âu. Còn theo Dundas, an toàn chỉ có được khi đảm bảo lợi ích của Anh ở nước ngoài.

Pitt cố gắng kiềm chế các cuộc cãi cọ này. Tuy nhiên, thất bại của kế hoạch tấn công lớn mang tính chiến lược và sự rút chân của Nga khỏi cuộc chiến đã khiến Pitt, trong năm 1800, rất dao động về mục đích của chiến lược. Ông không thể tự quyết định và cũng không thể phối hợp hỗ trợ chính sách của các đồng sự thân cận đưa ra. Các kế hoạch đưa ra, bàn bạc rồi lại bác bỏ và sáng kiến được các nhà lập kế hoạch chiến tranh ở London thông qua. Trong các bức thư liên tục chuyển tới Grenville vào ngày 1 và 2/6, Pitt chuyển từ kế hoạch này sang kế hoạch khác và lại rút lại khi nhận được thông tin tình báo mới. Kết quả là, mâu thuẫn ngày càng gia tăng. Đến tháng 10, Dundas cho biết trong Nội các có năm ý kiến về chính sách hòa bình và bốn ý kiến về chiến lược. Hơn nữa, không ai điều hành chiến tranh lại dám chắc có thể dựa vào Thủ tướng. Trong tháng 7, cuộc chiến với các cường quốc trung lập ở Baltic bị đe dọa, đặc biệt là một tàu khu trục của Hà Lan đã kháng cự khi đoàn tháp tùng tàu chiến này bị kiểm tra. Grenville đã ổn định lại Nội các. Tuy nhiên, Thứ trưởng của ông là Hammond đã viết thư cho người bạn Canning để cầu khẩn ông ta thuyết phục Pitt không lay chuyển trong việc này. Khi việc ngưng chiến tạm thời với hải quân Pháp đang được đưa ra xem xét, Bộ trưởng Hải quân Nepean nhờ bạn mình là Huskisson kêu gọi thượng cấp của ông ta là Dundas không đi an dưỡng tại Scotland theo kế hoạch bởi vì ở đó, Dundas sẽ không thể tác động đến Thủ tướng vốn đang rất dao động.

Lúc này, Pitt thể hiện rõ là có triệu chứng của căn bệnh căng thẳng. Một số người biết rõ về ông thì cho rằng sức khỏe của ông bị ảnh hưởng trông thấy là vào mùa thu năm 1793, sau thảm họa Dunkirk. Canning nhận thấy Pitt ngày càng căng thẳng vào năm 1795, khi các bữa tiệc thân mật ở phố Downing ngày càng thưa dần. Cũng trong năm 1795, các họa sĩ biếm họa bắt đầu đi sâu khai thác các cuộc nhậu nhẹt thường xuyên của Pitt với Dundas tại Wimbledon. Cũng vào năm này, lần đầu tiên ông đã gọi bác sĩ Walter Farquhar đến khám vì thấy tình hình sức khỏe suy giảm. Farquhar cho rằng thể

lực của ông giảm sút như vậy là do làm việc quá sức và yêu cầu ông phải nghỉ ngơi, tránh những công việc vất vả để phục hồi sức khỏe. Còn Pitt nói rằng điều này không thể được. Tháng 2/1797, Tổng Giám mục Canterbury nói rằng “giọng ông khàn khàn, mặt bị phù và trông không được khỏe”. Tháng 9/1797, cái chết của Eliot cộng với sự đổ vỡ của cuộc đàm phán hòa bình và nhu cầu cần phải có một hệ thống tài chính mới đã khiến Pitt mắc chứng suy nhược có liên quan đến căng thẳng. Ông thổ lộ với Canning: “Lúc này, giữa chúng ta với nhau tôi cảm thấy khỏe hơn và không có gì đáng phàn nàn về tình trạng sức khỏe trầm trọng. Tôi thấy không được khỏe vào những lúc cảm thấy không thoải mái vì nghĩ rằng mình không đủ khả năng làm tất cả những gì mình muốn”.

Có thể tâm trạng căng thẳng khiến ông phát ra những lời lẽ cay đắng như vậy và ông từ chối rút lại những câu nói đó. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến cuộc đọ súng tay đôi với George Tierney vào tháng 5/1798. Chỉ trong một tuần ông đã bị “ôm nghiêm trọng”, mặc dù sau đó nhanh chóng hồi phục. Ông nói với Pretzman: “Tôi biết hậu quả của việc cố gắng quá sức trong một thời gian dài và tôi cũng biết rằng mình không đủ khả năng làm tất cả những gì mình muốn trong cùng một thời điểm, đó có thể là yếu tố trước tiên làm chậm chễ tiến trình của tôi”. Tháng 10, Pitt bị ôm lại và hồi phục sau ba tuần nghỉ tại nhà của Addington ở Woodley, sau đó Grenville đã viết thư cho bạn của họ, Mornington, rằng “Pitt đã phục hồi sau trận ốm nặng, tuy nhiên thể trạng của ông ấy bị ảnh hưởng rõ ràng là do lao lực; tôi cảm thấy hy vọng Pitt lại có được sức khỏe cường tráng và năng động như trước đây là điều hão huyền”.

Mặc dù đứng trên đỉnh cao quyền lực, cứ vào mỗi dịp thu kế từ năm 1797, trừ năm 1799 có triển vọng hơn, “những lo lắng có căn nguyên từ những công việc chung” cộng với công việc của Nghị viện ngày càng chông chênh sau mỗi kỳ họp mới đã khiến sức khỏe của Pitt thường xuyên bị suy sụp. Mùa thu năm 1800 là thời điểm sức khỏe của ông xuống cấp nhất và ông lại phải điều trị tại nhà của Addington. Đây là hậu quả của một số thói quen xấu của Pitt, như uống rượu, hay việc ông thường để những công việc không ưa thích “nước đến chân mới nhảy” để rồi lại ngủ dậy muộn. Ông thường “ngồi rất khuya và không bao giờ đứng dậy trước 11 giờ, sau đó cưỡi ngựa trong công viên”. Dundas nói: “Ông lười nhác không kém gì Charles Fox. Ông ngủ 8-12 tiếng mỗi ngày. Ông không bao giờ bắt đầu công việc trước 12 giờ hoặc 1 giờ. Trong công việc, ông không đi vào chi tiết, người khác làm những phần đó và ông chỉ lấy kết quả”.

Năm 1800, tại Westminster, người ta thấy gương mặt Pitt rất rệu rã và búng beo do thiếu sinh khí, đồng thời Pitt bắt đầu mắc phải nhiều sai lầm. George Rose đã vội vã đưa ra dự luật sửa chữa những thiếu sót về thuế thu nhập của Pitt, nó đã được thừa nhận là sai vào tháng 4 do bản phác thảo sai sót, cá nhân Pitt đã đứng ra chịu trách nhiệm song nó chỉ được thông qua vào tháng 5 khi không còn tác dụng. Tháng 6, Pitt khuyến khích Hawkesbury đưa ra dự luật tăng cường cạnh tranh trong kinh doanh bột bằng việc ban đặc quyền cho Công ty Bột mỳ London, song việc vắng mặt trong buổi họp mặt giữa các viên chức cao cấp của ông với phe đối lập đã dẫn tới dự luật không thành. Tháng 11/1800, Nội các quên không ra thời hạn mới đối với Điều luật Tụ tập gây kích động trước khi nó hết hiệu lực.

Sự vui vẻ lạc quan của Pitt phụ thuộc vào tình hình cuộc chiến. Tháng 9/1799, Grenville vui mừng viết: “Sức khỏe và tinh thần của Pitt đã phục hồi nhờ sự thành công trong mỗi quý”. Mặc dù khi Nga để lại cuộc chiến phía sau, Pitt vẫn hy vọng chiến thắng nhờ vào quân đội Áo và chỉ vỡ mộng khi vào tháng 6/1800 trước sự mở rộng lãnh thổ của Napoleon, tuy nhiên vẫn giành thắng lợi quyết định ở Marengo. Ông có tiền bạc trong tay để mở thêm một chiến dịch Lục địa nữa song đã bị thất bại.

George Rose cho biết ngài Thủ tướng đã chịu đựng tin này “với sự can đảm”. Tuy nhiên, một tháng sau đó, sức khỏe của ông lại không được tốt. Bác sĩ Farquhar nhất trí với quan điểm của Rose là bệnh của Pitt là bệnh tư tưởng chứ không phải vì bất cứ lý do gì khác.

Tuy nhiên, Pitt vẫn là một chính trị gia đáng kính nể. Lại một lần nữa, vào mùa thu năm 1800, ông bình phục và thể hiện mình không mất đi khả năng trên chính trường và không hề giảm bớt sự nhạy bén về chiến thuật đối với Nghị viện và dân chúng, những người đã ca ngợi ông là vị Thủ tướng và là nhà lãnh đạo đất nước không ai có thể so sánh được. Ông đã quyết định là người đi đầu trong chiến lược chiến tranh, với đàm phán hòa bình có thể đạt được trong tương lai gần, ông quyết định nâng cao vị trí thương lượng của Anh bằng kế hoạch của Dundas đưa Pháp ra khỏi Ai Cập trước sự phản đối kịch liệt của Grenville và Windham cũng như sự tức giận của Vua Anh. Lần này sự mưu trí và linh hoạt đã được ông sử dụng thay cho “sự cương quyết và chắc chắn” của năm 1797. Nghị sĩ Liverpool nhớ lại:

Nghị sĩ Grenville phàn nàn rằng Pitt đã cho phép ông được quyền bảo đảm cho Vienna và các chính phủ khác mà Anh hợp tác quân sự nhưng cuối cùng đã bị Nội các bác bỏ. Khi thấy tôi ủng hộ kế hoạch Ai Cập, trái với thường lệ, Pitt đã gọi tôi để tham khảo ý kiến, ông nói: “Tôi muốn nghe ý kiến của ngài!” Mặc dù số người bỏ phiếu cho các ý kiến bằng nhau nhưng lúc tổng kết, Pitt đã đếm cả người bỏ phiếu trắng (không đưa ra ý kiến nào) và vấn đề đã được quyết định.

Cuộc khủng hoảng trong nước lại bùng phát bởi vụ mất mùa nghiêm trọng và bạo loạn về lương thực lại tiếp tục diễn ra ở mức độ mà ông chưa từng gặp phải trước đây. Ngày 8/10, ông tâm sự với Addington rằng vấn đề về hòa bình và chiến tranh chỉ đáng lo ngại bằng một nửa so với nạn đói. “Trước tai họa và sự nguy hiểm ngày càng tăng mà tôi đã trực tiếp chứng kiến, tôi thấy chưa có phương sách đầy đủ nào để giải quyết vấn đề này”. Ông nói “dự đoán này gây ra ức chế”. “Tôi đã ngồi thừ ra lo lắng về sự việc này trong suốt vài tuần qua”. Tuy nhiên, hai ngày sau, Pitt đã sẵn sàng chịu đựng sức ép từ công chúng và triệu tập các thành viên Nghị viện. Sau ba tuần phục hồi sức khỏe tại nhà của Addington ở Berkshire, ông đã sẵn sàng bác bỏ đề nghị thị trường tự do của Portland và Grenville bằng việc đề cho Ủy ban Viện Bình dân điều khiển thông qua các biện pháp can thiệp vừa phải. Đây là giải pháp tạm thời để ngăn chặn nạn đói. Tuy nhiên nó vẫn không làm cho giá cả hạ thấp. Do vậy, vài tháng sau đó, ngành công nghiệp lại rơi vào trường hợp tương tự, yêu cầu đòi chấm dứt chiến tranh lan rộng và cuối cùng lại xuất hiện sự phản đối có tổ chức bên ngoài Nghị viện. Bạo loạn đã tạm thời lắng xuống, lòng tin đã được khôi phục đối với giới khá giả ở các địa phương. Họ đã dẫn đầu tuân theo những lời kêu gọi duy trì pháp luật và mệnh lệnh mà không cần gì từ chương trình cứu trợ nhằm xoa dịu sự bất mãn.

Khi Pitt dường như đã ngự trị cả Nội các và Nghị viện, ảnh hưởng của ông đối với Hoàng gia giảm sút. Đáng ra Pitt cần phải chú ý đến những dấu hiệu dự báo. Sự thành công của ông trước Fox đã khiến Vua Anh bớt lo lắng hơn về Fox và ít phụ thuộc vào Nội các của ông ta. Vua Anh không hạn chế con trai mình là Bá tước Clarence chỉ trích Viện Quý tộc về các biện pháp của Pitt: Dự luật ngăn chặn buôn bán nô lệ ở bờ biển Sierra Leone năm 1799 hay Dự luật ly dị năm 1800. Pitt đã thấy rõ sự ảnh hưởng của việc Triều đình căm ghét trong dự luật thứ nhất, còn nghị sĩ Bathurst phát hiện thấy âm mưu gây phiền toái tạo ra “một kiểu ảnh hưởng của Vua Anh” trong Viện Quý tộc đối với dự luật thứ hai. Mùa hè năm 1800, Vua Anh trở nên ngày càng khó chịu trước sự điều hành chiến tranh của Nội các do Pitt nắm quyền. Ngài đặc biệt không ưa những đề nghị tạm ngưng chiến hải quân để cùng Áo đàm phán

hòa bình, và khi chưa có sự tham khảo ý kiến từ trước, Vua Anh được mời đến Nội các để bàn về cuộc tấn công Ferrol vào cuối tháng 7, lúc đầu ngài đã phản đối. Malmesbury sau này mới nhận ra rằng khi Vua Anh triệu tập ông ta và Windham tới Weymouth vào tháng 8, ngài đang cân nhắc bổ nhiệm Windham làm Thủ tướng và Malmesbury làm Bộ trưởng Ngoại giao vì đã từ lâu ngài không hài lòng với Pitt, đặc biệt là với “kiểu quyền thế” của Grenville. Tuy nhiên, thay vào đó, George III chấp nhận phản đối cuộc viễn chinh tới Ai Cập.

VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA NỘI CÁC

Đây gần như không phải là thời điểm Pitt đưa ra đề nghị về hiến pháp tiến bộ nhất đối với Vua Anh, như xóa bỏ Đạo luật Thử nghiệm về tôn giáo để thay thế bằng một Đạo luật Thử nghiệm về chính trị nhằm chống lại chủ nghĩa Gia-cô-banh, nhưng đó là những nỗ lực mong muốn đạt được sự ổn định toàn diện về vấn đề Ireland. Đáng lẽ ông đã tìm ra cách giải phóng cho tín đồ Công giáo ở Ireland dưới nhiều mức độ qua một quá trình lâu hơn, song do sự cần thiết của chiến tranh và hòa bình có thể có được sau đó đã khiến Pitt đẩy nhanh tiến trình này, như ông đã giải thích với Vua Anh là:

Đề dung hòa và tạo ra vị thế cao hơn cho Công giáo và cho một phần lớn đối tượng ở Ireland, thể hiện thiện chí của Nghị viện thống nhất, đồng thời đây là cơ hội để chứng minh mục đích lớn của Đồng minh là bình ổn Ireland và hợp nhất nó với nước Anh.

Tuy nhiên, Đồng minh coi việc hủy bỏ Đạo luật Thử nghiệm là biện pháp dành cho Vương quốc Anh chứ không phải cho Ireland. Khi Nội các thảo luận về vấn đề này vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10/1800, tất cả đều dự đoán được những trở ngại từ phía Vua Anh, Giáo hội và có lẽ là cả pháp luật. Ba yếu tố kết hợp chặt chẽ và Pitt đã nhận ra “Công giáo là một lực lượng lớn ở Anh” và “giá trị mà họ mang lại đối với vấn đề hợp nhất thật to lớn”. Ông cho rằng “đó mới là chi đề cập đến khía cạnh nhỏ”. Bộ trưởng phụ trách vấn đề Ireland cho biết “Pitt dường như nghĩ rằng vấn đề Công giáo là cấp bách hơn cả việc Giáo hội La Mã lật đổ giáo phái Tin Lành”.

Trước đây Pitt phản đối việc xóa bỏ Đạo luật Thử nghiệm là vì động cơ cá nhân, đồng thời muốn giành sự ủng hộ của tín đồ Tin Lành. Tuy nhiên, việc làm đó cũng không giúp ông giành được đa số phiếu ủng hộ ở Nghị viện Ireland, Quan đại diện nhà vua đã đề cập tới việc thông qua đạo luật của Nội các nếu điều này là cần thiết để giành được sự ủng hộ của Công giáo. Mặc dù cuối cùng Cornwallis và vị Bộ trưởng Castlereagh đã tìm ra cách giải quyết mà không phải đưa ra lời hứa hẹn chính thức nào, song họ cảm thấy đủ tự tin để yêu cầu Pitt chấp nhận thông qua đạo luật này khi đồng minh được thống nhất. Pitt mong đưa ra vấn đề này trong buổi họp đầu tiên của Nghị viện diễn ra tại Westminster vào đầu năm 1801. Vì trong điều kiện chiến tranh nên đây không phải là thời điểm để thảo luận về vấn đề Ireland.

Để vượt qua làn sóng phản đối mạnh mẽ, Pitt và các đồng sự thân cận nhất đã tập trung thực hiện những biện pháp mà họ hy vọng sẽ giải đáp được tất cả các mối quan tâm. Việc xóa bỏ Đạo luật Thử nghiệm, giảm thuế thập phân là nhằm tích lũy tiền cấp lương cho tín đồ Công giáo Ireland và giới tăng lữ không theo nhà thờ chính thống để có thể kết thúc quá trình hòa giải của những người không theo Giáo hội Anh. Giảm thuế thập phân cũng mang lại lợi ích do những tăng lữ không theo nhà thờ chính

thông sẽ phụ thuộc hơn vào nhà nước và chịu sự kiểm soát nhiều hơn của nhà nước, bởi vậy có thể hy vọng xoa dịu những người theo Giáo hội Anh. Giáo hội Anh sẽ được tăng cường bảo vệ bởi một điều khoản trong lời tuyên thệ mới, trong đó bắt buộc giới viên chức phải ủng hộ giới quyền uy trong Giáo hội và Nhà nước, và bởi các biện pháp mới củng cố quyền lực của Tổng Giám mục Giáo hội đối với giới tăng lữ của họ và tăng tiền trợ cấp cho tăng lữ nghèo không có khả năng cư trú trong giáo xứ. Hiểm họa trước đây vẫn thường được nhấn mạnh là từ Công giáo La Mã nay đã chuyển sang chủ nghĩa Gia-cô-banh. Do vậy, một tuyên thệ mới phù hợp cho giới công chức, người thuyết giảng Công giáo và Tin Lành cùng tất cả giáo viên đòi hỏi phải có sự bác bỏ chi tiết trong học thuyết quyền tối cao độc lập của con người.

Vua Anh đã thể hiện sự phản đối sâu sắc đối với việc hủy bỏ Đạo luật Thử nghiệm và bác bỏ đề nghị của Fitzwilliam vào năm 1795 mà ngài cho là “Nội các của các bộ trưởng không thể quyết định được” và đây là điều rất nguy hiểm khi đưa ra điều luật mà không có sự nhất trí từ trước của những người đứng đầu ở mọi cơ quan nhà nước. Năm 1798, Vua Anh cảnh báo không được tăng thêm sự ưu đãi đối với Công giáo và đến năm 1799, ngài tuyên bố sẽ là kẻ thù của đồng minh nếu thấy nó đi kèm theo bất cứ sự thay đổi nào về vấn đề Công giáo. Khi các bộ trưởng có mặt ở London để thảo luận về trở ngại này vào tháng 9/1800, trong lúc Vua Anh không có mặt ở Weymouth, Pitt được “đảm trách việc thuyết phục Vua Anh về vấn đề này khi ngài trở về, đồng thời trong thời gian đó thăm dò ý kiến của người dân trên cả nước và sử dụng mọi biện pháp để giải quyết vấn đề sao cho hợp lý nhất”. Ông đã không làm được điều này. Bệnh tật, sự bất đồng ý kiến về cuộc viễn chinh tới Ai Cập, nạn đói và nạn tranh giành lương thực cộng với sự phản kháng của các nước trung lập Baltic bị kích động bởi Nga trước giới hạn Anh đưa ra về thương mại hàng hải đối với các nước này, tất cả đã làm hỏng ý đồ của Pitt. Cho đến tận tháng 1/1801, khi biết sắp có cuộc họp của Nghị viện liên hiệp, Pitt trở lại tập trung vào vấn đề Công giáo.

Một vài đồng sự của Pitt đổ lỗi cho ông không chuẩn bị đối phó với Vua Anh. Camden cho rằng ông đã nhận ra sự cần thiết phải đảm bảo sự ủng hộ của đại đa số thành viên trong Nội các để khiến Vua Anh đổi ý. Mặc dù vậy, Camden vẫn phê bình Pitt thờ ơ trong quan hệ với Vua Anh, ví dụ như ông thường ở lại London trong sáu tuần mà không đến thăm cung điện hoàng gia Levee. Mặc dù đã có những lời cảnh báo như vậy, vị Thủ tướng vẫn tỏ ra là ảnh hưởng của ông đương nhiên lớn hơn ảnh hưởng của Vua Anh. Thậm chí, ngay trong vấn đề Công giáo Ireland vào năm 1793 và việc Vua Anh phản đối xóa bỏ Đạo luật Thử nghiệm vào năm 1795 cho thấy ông có thể vẫn thay đổi nếu những người đứng đầu các cơ quan nhà nước đều tán thành. Pitt vẫn chưa nhận thấy sự băn khoăn của Vua Anh khi ngài thấy những gì mình làm là trái với lời tuyên thệ trong lễ đăng quang. Xét ở góc độ khác, Pitt đã quen với việc cuối cùng bao giờ Vua Anh cũng chịu thua từ sức ép của các bộ trưởng, từ việc ngài hy sinh các bang nhỏ của Đức vào năm 1796, chấp nhận các cuộc đàm phán với Pháp vào các năm 1796, 1797 và 1800. Năm 1800, Vua Anh đã phản đối gay gắt các vấn đề liên quan đến cuộc viễn chinh tới Ferrol và Ai Cập.

Thắng lợi to lớn mà Pitt giành được cho thấy ông đã được Nội các ủng hộ. Tuy nhiên, trong vấn đề Công giáo, Nội các lại bị chia rẽ. Chủ tịch Viện Quý tộc Loughborough, Liverpool và Westmorland và sau cùng là Portland và Chatham, tất cả đều phản đối. Tháng 1/1801, Pitt đã cố gắng điều khiển khéo léo để đưa đến sự thống nhất chung bằng các chiến thuật mà Windham đã đưa ra trong năm 1799: nhanh chóng tiến hành cuộc bàn thảo không chính thức trong Nội các để tránh bỏ phiếu và tạo ra hoàn cảnh để tổ chức các cuộc thảo luận ngoài lề khiến các phần tử đối lập không có cơ hội đưa ra quan

điểm riêng của mình. Pitt tuyên bố tổ chức một cuộc họp vào ngày 11/11 và tiến hành một cuộc họp khác vào ngày 25/11 (các thành viên được triệu tập trong thời hạn một ngày) dẫn tới một tuyên bố trống rỗng với các ý kiến riêng rẽ và vắng bóng phần tử đối lập hoặc những người đang dao động như Liverpool (bị ốm), Chatham (không được Pitt triệu tập vì bị cho rằng trong cuộc đàm luận trước, ông không đưa ra ý kiến nghiêng về hướng nào) và đặc biệt là cả Chủ tịch Viện Quý tộc, người mà các thành viên có mặt trong cuộc họp đều cảm thấy nên được nghe quan điểm của ông. Camden cho biết Pitt đã hứa sẽ gặp mặt Chủ tịch Viện Quý tộc và triệu tập một cuộc họp khác để đưa ra các ý kiến mà không có bình xét, tranh luận về sự ủng hộ hay chống đối. Cuối cùng, Pitt tuyên bố ông sẽ gặp Chủ tịch Viện Quý tộc và triệu tập cuộc họp khác nếu Chủ tịch muốn. Còn nếu Chủ tịch không muốn, có nghĩa là ông đã nhận được sự tán thành của Nội các về vấn đề này.

Trên thực tế, Pitt xem cuộc thăm dò ý kiến không chính thức của Nội các vào ngày 25/11 là cơ hội để Nội các tiến hành các bước cần thiết tiếp theo nhằm giành được sự ủng hộ của những người đứng đầu các cơ quan nhà nước. Trong bữa ăn tối sau đó, ông ủy quyền cho Bộ trưởng phụ trách vấn đề Ireland là Castlereagh thông báo cho Thủ tướng Ireland Clare biết cuộc thảo luận và quyết định của chính phủ. Có lẽ Pitt đang cố gắng tạo ra động lực để những người đứng đầu các cơ quan nhà nước làm theo quyết định của chính phủ và số còn lại trong Nội các sẽ đổi ý sau khi biên bản chính thức được nhất trí gửi lên Vua Anh mà theo tiền lệ Vua Anh có thể sẽ miễn cưỡng chấp nhận. Ngày 31/1, ông nói với Vua Anh rằng ông đã làm theo các ý kiến chung của đa số thành viên Nội các.

Sau đó, kế hoạch bị ngăn cản khi quyết định này được tiết lộ cho Vua Anh, trước khi Pitt sẵn sàng thực hiện. Hai thành viên Nội các phản đối kế hoạch này là Loughborough và Westmorland bị tình nghi là người tiết lộ kế hoạch và làm tư tưởng của Vua Anh bị nhiễm theo họ. Nếu đúng như vậy, hai người này có thể đã xem đây là cách duy nhất để đánh bại âm mưu của Pitt đối với Nội các. Ngày 28/1, tại cung điện Levee, người không may là Dundas, ông đã phải hứng chịu cơn thịnh nộ của Hoàng gia (lần này Pitt lại vắng mặt), khi Vua Anh bùng bùng tuyên bố: “Ta nói với ngươi rằng ta coi tất cả những kẻ đưa vấn đề này ra đều là kẻ thù của ta”. Ngài nói thêm: “Ta hy vọng những người bạn của ta sẽ không bỏ mặc ta”.

Cùng ngày hôm đó, Pitt đã triệu tập cuộc họp Nội các khẩn cấp. Sau những chiến thuật mà Pitt đã dùng khi ban đầu Vua Anh phản đối cuộc viễn chinh tới Ferrol trước đó 6 tháng, ông quyết định bình tĩnh đề cập về trường hợp này với Vua Anh và nói với các đồng sự rằng ông sẽ phải ra đi nếu kế hoạch này không thành. Ông và Grenville đảm trách việc phác thảo các ý quan trọng trong kế hoạch và sẽ đưa ra trước Nội các vào ngày hôm sau, sau đó Pitt sẽ trình lên Vua Anh. Một lần nữa Vua Anh đã chặn trước khi ngài kêu gọi Chủ tịch Viện Bình dân Addington dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục Pitt dừng vận động kế hoạch đó. Sáng hôm sau, Addington gặp Pitt với vai trò là trung gian cho Vua Anh. Tình huống đã thay đổi ở mức Nội các chưa bao giờ gặp phải (thực tế Pitt đã hành động mà không cần tham khảo ý kiến của các bộ trưởng). Một lượng thông tin tối thiểu được tiết lộ cho các bộ trưởng - những người đến gặp ông, thêm một chút thông tin nữa được hé mở cho Grenville và có thể là cả Dundas, nhưng nhìn chung, ông đã tự mình quyết định số phận của Nội các.

Khi thấy báo cáo đầu tiên của Addington trình lên Vua Anh có thể hy vọng đạt được kết quả như ý, Windham đã tìm đến gặp Pitt vào ngày 30/1 và thấy tất cả đã thay đổi so với cuộc họp Nội các lần trước, đồng thời ông cảm nhận là Pitt sẽ phải nhượng bộ. Có lẽ Pitt có ý tránh sự vận động của hai bên đối với vấn đề mà ông đã đề cập trong lá thư gửi Vua Anh vào ngày 31/1. Nhưng trước khi bức thư

được viết ra, ông đã nhận được thêm thông tin khẳng định mức độ phản đối của Vua Anh, giúp ông củng cố lập trường vững chắc hơn. Có thể đó là tin tức về việc những người xung quanh Vua Anh thường xuyên vận động để Tổng Giám mục Ireland không tiếp tục ủng hộ việc thay thế nghị sĩ Armagh, người phản đối kịch liệt chiến dịch giải phóng cho Công giáo, bằng người có tư tưởng ủng hộ Công giáo.

Trong bức thư gửi Vua Anh ngày 31/1 (điều này Pitt chỉ nói với các đồng sự sau khi bức thư đã được gửi đi), vị Thủ tướng đã giảng giải rất dài về vấn đề giải phóng cho lực lượng Công giáo và đề nghị tránh đưa vấn đề này ra Nghị viện nếu Vua Anh chưa cân nhắc các đề nghị của Pitt, đồng thời ông yêu cầu được từ chức nếu Vua Anh vẫn không tán thành. Trước sự bất ổn tiếp tục diễn ra trong nước và kết quả của cuộc viễn chinh Baltic và Ai Cập chưa rõ ràng, Pitt sẽ không rời cương vị nếu Vua Anh cảm thấy những nỗ lực của ông vẫn có giá trị. Ông mong muốn tiếp tục giữ cương vị cho đến khi những khó khăn chủ yếu của cuộc khủng hoảng trước mắt qua đi hoặc giảm bớt rõ rệt. Ông cũng có thể giữ cương vị lâu hơn nữa nếu cần thiết để ngăn cản sự vận động hoặc bàn luận về vấn đề Công giáo, mặc dù ông có quyền đưa ra nguyên tắc riêng của mình vào thời điểm thích hợp (như từng làm vào năm 1785 đối với vấn đề cải tổ Nghị viện) và có thể yêu cầu Vua Anh không gây ảnh hưởng đến vấn đề này trong thời gian gián đoạn.

Vua Anh tham khảo ý kiến của Addington để đưa ra câu trả lời và nhấn mạnh Addington sẽ lên lãnh đạo chính phủ nếu thỏa thuận với Pitt không đạt được. Vua Anh đưa ra câu trả lời vào ngày 1/2, với nội dung tuyên bố ngài hoàn toàn phản đối việc giải phóng cho Công giáo và đó là quyết định bất di bất dịch. Ngài yêu cầu Pitt không từ chức và nhất trí sẽ tránh đề cập vấn đề Công giáo. Đối với Pitt, tuyên bố cuối cùng này là điều không thể chấp nhận. Ngày 3/2, ông viết thư xin từ chức gửi tới Vua Anh, đồng thời bày tỏ sự ủng hộ việc Addington lên nắm chính quyền.

Nhiều người rất sững sốt trước việc Pitt đột ngột rút khỏi vị trí của mình sau khoảng thời gian dài đến vậy, nhất là khi ông vẫn đang ở trên đỉnh cao của quyền lực. Ngày 5/1, ông đã thừa nhận với anh trai: “Tôi không thể hình dung được hậu quả của vấn đề này sẽ đến mức nào trong tuần này”. Nhiều lý giải được đưa ra, rằng Pitt muốn từ chức giống các bộ trưởng khác như Dundas, hoặc Pitt muốn thoát khỏi những đồng sự khó tính như Grenville, Spencer hay Windham. Nghị sĩ Malmesbury là người đưa ra lý giải hợp lý hơn cả khi cho rằng Pitt kiếm cớ để từ chức, bởi lẽ ông không thể đưa cuộc chiến đến thắng lợi mà cũng không thể tiến tới thỏa hiệp. Tuy nhiên, ngày 10/1, trong bức thư gửi Canning, Pitt đã thể hiện mong muốn sẽ đạt được thỏa hiệp khi cuộc viễn chinh tới Baltic và Ai Cập thành công. Ngày 31/1, Pitt gửi thư cho Vua Anh xin tiếp tục đảm trách chức vụ của mình cho đến khi cuộc khủng hoảng chấm dứt.

Cả Grenville và Dundas đều nhấn mạnh rằng vấn đề Công giáo mới là lý do chính. Trong khi với họ, đó chủ yếu là vấn đề về nhận thức, danh dự và nguyên tắc, thì Pitt cũng có quan điểm riêng về sự dính líu giữa chính trị và quyền lực trong cuộc khủng hoảng. Pitt không chỉ nhấn mạnh vào sự đối lập về quan điểm với Vua Anh mà còn cả sự tích cực mà ông từng làm đối với vấn đề này... và cả mức độ quá đáng mà Vua Anh đã dùng danh tiếng để áp đặt, thậm chí là thường xuyên không thông qua ông. Sau khi gặp Pitt, Canning đã nói với Malmesbury rằng “nếu không đưa ra quan điểm rõ ràng đối với trường hợp cụ thể này thì Pitt sẽ chỉ duy trì quyền lực trên danh nghĩa, trong khi đó quyền lực thật sự được trao vào tay người có ảnh hưởng từ xa đối với suy nghĩ và quan điểm của Vua Anh”, rằng “Pitt đã nói là sẽ ra đi – đó không phải chỉ đơn giản là cách ông phản đối vấn đề Công giáo mà nó là phong

cách của ông từ trước tới nay. Nếu ông tán thành thì ông sẽ làm một bộ trưởng khác hoàn toàn với những gì trước đây ông từng làm trong Nội các”.

Có lẽ chiến thắng sẽ khiến Pitt không thể dừng lại, nhưng cuộc chiến không thành đã khiến ý định này của Pitt bị thất bại. Cuộc khủng hoảng tiếp diễn ngăn cản nỗ lực thúc đẩy đề xuất của ông tới thành công vì ông sợ gây ra bất ổn cho đất nước vào thời điểm nhạy cảm. Castlereagh giải thích với Quan đại diện nhà vua rằng nếu đưa vấn đề này ra vào lúc này sẽ chỉ khiến dân chúng phản đối và chống lại nó, họ sẽ không có cơ hội thành công trong Viện Quý tộc, thậm chí ngay cả khi lưỡng viện thông qua thì Vua Anh sẽ vẫn bác bỏ. Cố tình ép điều này sẽ làm mất đi điều kiện thuận lợi trong việc tạo ra một Vương quốc Anh thống nhất. Đưa vấn đề này ra trước Nghị viện sẽ khuấy động tin đồn Công giáo Ireland. Pitt đã yêu cầu kiềm chế để có thể giành thắng lợi về lâu dài. Tuy nhiên, Pitt cảm thấy mình không thể nhượng bộ các phương pháp đi ngược với quan điểm của mình. Đây là điểm khác biệt so với cuộc đối thoại tương tự trước đây với Vua Anh về vấn đề cải tổ Nghị viện, khi đó không có ai đứng về phía Vua Anh chống lại ông. Hơn nữa, một khi Vua Anh tìm ra người có quan hệ tốt đẹp với ngài thay thế vị trí của Addington thì Pitt không thể mua chuộc được Vua Anh và việc ông dọa từ chức sẽ đến tai Fox. Do ông không thể đánh bại được đối thủ của mình trong triều đình hoặc không dám chiến đấu trong Nghị viện, từ chức dường như là lựa chọn duy nhất.

PITT RỜI KHỎI CƯƠNG VỊ

Trong lá thư cuối cùng kết thúc mối quan hệ thư từ với Pitt, Vua Anh bắt đầu bằng những câu như: “Pitt yêu quý của ta” (đây là lần duy nhất ngài biểu lộ như vậy), “Ta rất tiếc khi ngài kết thúc sự nghiệp chính trị của mình”. Coutts, chủ ngân hàng của Pitt, rất lo lắng trước tình trạng tài chính của ông, đã đề nghị ông nhanh chóng quay trở lại nghề luật sư, nghề có thể mang lại cho ông 3.000 bảng một năm và đảm nhiệm cương vị lãnh đạo Viện Quý tộc trong thời gian vài năm. Pitt sẽ tự đặt tương lai mình ở đâu? Trong khi một số người cho rằng về hưu sau 17 năm đứng đầu chính phủ là rất hợp lý, nhưng chưa ai nằm trong hoàn cảnh này khi ở tuổi 41 và chưa có dấu hiệu thể hiện rằng Pitt coi sự nghiệp chính trị của mình đã chấm hết. Việc sử dụng quyền lực đã ăn vào máu của ông và trong hành động, ông vẫn thể hiện mong muốn trở lại làm Thủ tướng dù sớm hay muộn. Ông vẫn cố gắng bảo đảm là người yêu nước có phẩm chất chính trị khi đề nghị Addington chấp nhận sự lựa chọn của Vua Anh và hứa sẽ ủng hộ ông ta. Ông thuyết phục nhiều người trong Bộ của mình chấp nhận sự điều hành của Addington.

Pitt đã nói với người anh trai rằng đã từ lâu ông coi Chủ tịch Viện Bình dân là người mà Vua Anh sử dụng khi có nhu cầu. Trên thực tế, chính Pitt đã xem xét việc để Addington tạm thời thay thế ông vào năm 1797. Nhưng chưa hẳn ông đã coi người bạn có quan hệ họ hàng và được ông thúc đẩy sự nghiệp chính trị lại là người thay thế ông vào lúc này. Ông đã nghĩ đến điều này vào ngày 24/12 khi nói với Pretzman về ý định cam kết không trở lại vị trí nếu không được phép chính thức đưa ra vấn đề Công giáo. Tuy nhiên, ông đã nhanh chóng thay đổi suy nghĩ khi căn bệnh loạn trí của Vua Anh đột ngột tái phát, việc chuyển giao quyền lực tạm thời phải dừng lại.

Vua Anh đổ lỗi rằng Pitt là nguyên nhân dẫn đến sự tái phát này. Đầu tháng 3, Pitt đảm bảo với Hoàng gia (và đã cho phép George Rose khẳng định trong bài viết một vài tháng sau đó) rằng “trong suốt thời gian Vua Anh trị vì, Pitt sẽ không bao giờ đề cập đến vấn đề Công giáo cho dù có nắm chính phủ hay không”. Câu này có hàm ý rõ ràng là ông sẽ ở lại vị trí hoặc sẽ trở lại sau này. Trước khi trả

lại con dâu của chính phủ lần cuối, ông đã bị thất vọng trước những lời thúc giục của Dundas, Camden và một số người khác yêu cầu thông báo cho Addington biết rằng nếu Addington và Vua Anh muốn khôi phục chính phủ cũ, Pitt sẽ sẵn sàng đàm phán. Tuy nhiên, khi Addington thể hiện rõ quyết tâm tiếp tục chính phủ cũ, Pitt nhanh chóng từ bỏ ý định của mình.

Khi Addington bắt đầu yêu thích vị trí mới của mình thì cũng là lúc Pitt thấy mình đã tự giam hãm trong một cuộc chơi phải chờ đợi lâu đến thế nào. Hứa ủng hộ Addington mà lại có ý định trục xuất ông ta là một hành động phản bội. Ông cần sự chấp thuận của cả Vua Anh và Addington để trở lại, ông cũng cảm thấy lý do chính đáng để chờ đợi lúc này là được cả nước kêu gọi ông lên nắm quyền. Tuy nhiên, Pitt phản đối ý định của Canning về việc khuấy động lên lời kêu gọi như vậy. Ông muốn tránh bị mang tiếng “lập mưu giành quyền lực” và nói với phụ tá của mình: “Tôi không ngại thừa nhận rằng mình là người tham vọng, nhưng tôi tham vọng nhân cách chứ không phải chức vụ.” Có lẽ đây cũng là điều phi thực tế khi ông tách rời việc theo đuổi nhân cách ra khỏi sự theo đuổi quyền lực bởi lẽ đối với một chính trị gia không theo đảng phái nào như ông, nhân cách là con đường chắc chắn duy nhất để dẫn tới quyền lực, thậm chí nó còn cần thiết hơn đối với một chính khách đang mong muốn được dân kêu gọi trở lại làm Thủ tướng.

Cái giá phải trả cho sự chờ đợi này là rất đắt bởi lẽ việc ông thờ ơ trước tình hình tài chính cá nhân trong suốt một thời gian dài bây giờ mới gây hậu quả. Bị mất lợi nhuận, uy tín và chức vụ cao cấp, ông nhận thấy các chủ nợ không sẵn lòng chờ ông thêm giờ phút nào nữa. Sau khi từ chức, ông chỉ nhận được khoản tiền 3.000 bảng một năm từ chức vụ Quản lý Cùm cảng Cinque. Nhưng năm 1800, khi George Rose xem xét tài khoản của Pitt, ông thấy nợ nần và hóa đơn chưa trả của Pitt lên tới 46.000 bảng. Vì muốn duy trì sự độc lập về chính trị, Pitt đã từ chối nhận khoản tiền 30.000 bảng mà Vua Anh đề nghị để trả nợ cho ông và cũng không nhận chức thư ký do Addington đề nghị. Tất cả những gì ông chấp nhận là một khoản tiền quyền góp cho vay trị giá 11.700 bảng từ phía bạn bè thân thiết và những người ủng hộ. Ông đã bán quà tặng của các hoàng thân nước ngoài và của các công ty trong thành phố được 4.000 bảng. Ông còn bán cả tài sản thuộc quyền thừa kế nằm trong khoản trợ cấp của mẹ mình (bà mất năm 1803) và chức vị Bá tước mà Nghị viện ban cho Chatham (anh trai Pitt không có con) nhưng vẫn không đủ để trang trải. Cuối cùng, năm 1802, ông lại phải bán đấu giá ngôi nhà Holwook yêu quý với giá 15.000 bảng. Khi ở London, ông sống khổ hạnh trong một căn nhà thuê. Ông không đủ tiền để có thể mời bạn bè đi ăn tối ở London và chỉ tiếp một vài người bạn thân ở Lâu đài Walmer.

Tuy nhiên, cuộc sống của Pitt không hề cô đơn bởi lẽ ông là người luôn được đón tiếp nồng hậu trong vòng tay bạn bè. Năm 1803, ông đã khiến mọi người trong gia đình có những giây phút vui vẻ khi ông đứng ra bảo vệ các cháu trai của Stanhope những lúc chúng trốn người cha nghiêm khắc và cô chị cả mạnh mẽ là Hester. Hester trở thành bạn, người trong nhà và là người chăm sóc ông trong những năm cuối đời. Do thích thay đổi, Pitt đã thuê một khu đất ở gần Walmer vào năm 1802. Tuy nhiên, cuộc sống sau khi rời chức vụ Thủ tướng của Pitt là một cuộc sống nghèo khó, thanh tịnh và do ông tự sắp đặt.

Pitt cũng có những bù đắp ban đầu khi nghỉ hưu. Canning miêu tả Pitt “thật sự dồi dào tinh thần trong giai đoạn nghỉ ngơi mới, ông như một đứa trẻ vừa trở về nhà sau kỳ nghỉ”. Ông làm cố vấn cho Bộ mới trong thời gian ngắn, đặc biệt khi bắt đầu cuộc đàm phán hòa bình với Pháp, ông tích cực vận động mọi người ủng hộ cuộc đàm phán sơ bộ được ký kết tại London vào tháng 10/1801. Nhiều người

e rằng tất cả những vùng đất ở nước ngoài mà Anh từng chinh phục được sẽ bị trả lại, trừ Trinidad và Ceylon. Cá nhân Pitt thừa nhận ông rất thích mũi Hảo Vọng, tuy nhiên ông chấp nhận đây là kết quả tốt nhất có thể có được trong hoàn cảnh này, khi hòa bình là cần thiết để khôi phục sự thịnh vượng của đất nước và nguồn tài chính của chính phủ.

Nhưng mĩa mai thay, hòa bình mà nhờ Pitt mới có được lại khiến Addington không phụ thuộc vào ông nữa. Kể từ khi bắt đầu ký kết Hiệp ước Sơ bộ cho đến khi ký Hiệp ước Thân thiện cuối cùng vào tháng 3/1802, hai người chỉ ăn tối với nhau hai lần. Ngày càng ít được tham khảo ý kiến hơn, Pitt trở nên giận dữ và vỡ mộng trước chính sách của người từng được ông bảo hộ. Khi Napoleon không thể hiện dấu hiệu gì cho thấy ông ta đã tạm dừng tham vọng của mình, Pitt đã lên án gay gắt những gì ông coi là sự xử lý yếu kém của Nội các trong việc kết thúc điều kiện hòa bình bằng Hiệp ước Thân thiện. Ông cảm thấy Addington không đủ khả năng bảo vệ danh tiếng của Nội các cũ trước cuộc tấn công của phe đối lập. Cuộc điều tra các vấn đề của Bộ Hải quân do Bá tước St Vincent – Bộ trưởng Hải quân, người có tư tưởng không phụ thuộc Addington – đề xướng lại đưa ra kết luận với ý phê bình cách điều hành của Bộ dưới thời Pitt. Pitt cảm thấy bị xúc phạm khi Addington không thông báo cho ông về việc người bạn cũ của ông là Dundas được đề nghị và chấp nhận một tước vị quý tộc, Huân tước Melville. Ông khó chịu về khoản vay rất lớn mà Addington dùng vào ngân sách thời bình đầu tiên của ông ta. Trận ốm nặng vào mùa thu năm 1802 – một biến cố lớn đáng buồn đầu tiên giáng xuống khiến ông suy sụp – đã giam chân ông ở Walmer. Sau khi hồi phục tại Bath, thành phố phía tây nam nước Anh, Pitt không thể đến dự các buổi họp Nghị viện (vì điều này mà ông bị Times – tờ báo do chính phủ tài trợ – chỉ trích). Tuy nhiên, lúc này ông quyết tâm không bị Nội các kéo vào các cuộc hội đàm bí mật.

Khi quan hệ giữa Anh và Pháp ngày càng trở nên tệ hơn và dẫn tới nguy cơ xảy ra một cuộc chiến mới, Addington và những người ủng hộ ông ta cảm thấy cần phải củng cố Nội các để đối phó với cuộc khủng hoảng mới vào đầu năm 1803. Cuối cùng họ đã cần đến Pitt. Mỗi bên đều xử sự gay gắt. Addington đề nghị cho Pitt một vị trí, thực tế chỉ là chức Bộ trưởng Tài chính bù nhìn; lúc đầu Pitt phản đối, sau đó ông cương quyết chỉ trở lại nếu được làm Bộ trưởng Tài chính kiêm Thủ tướng. Khi Addington và Nội các của ông ta miễn cưỡng chấp nhận yêu cầu này, Pitt lại táo bạo đòi hỏi những đồng sự cũ của ông như Grenville, Spencer và Windham – những người kịch liệt phê phán cách điều hành của Addington và các bộ trưởng của ông ta – và cả Melville trở lại Nội các, Addington chuyển sang làm Bộ trưởng Ngoại giao kiêm một chức vụ mới là Chủ tịch Viện Bình dân, còn một số người khác – trong đó có cả Hobart, bạn của Thủ tướng thì nghỉ hưu. Tất cả những người này phải làm việc theo yêu cầu của Nội các và theo ước nguyện của Vua Anh. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các đồng sự của Addington đều rất chán nản trước sự đầu hàng nhục nhã đó, cuộc đàm phán đổ vỡ.

Ý tưởng trở lại nắm quyền lực của Pitt là tái lập Nội các cũ đã tồn tại trong một thời gian dài thông qua hiệp ước chung. Bằng cách này, ông có thể khôi phục vị trí đầy quyền lực của mình vào cuối những năm 1790, trong khi đó, nếu ông thực hiện được lời hứa về vấn đề giải phóng Công giáo thì sẽ ngăn ngừa được kết cục của năm 1801. Đó là một cái nhìn lạc quan, ông không hề đề ý đến sự chia rẽ trong Nội các vào những năm cuối nắm quyền (có lẽ ông có ý định cải tổ các cơ quan chính phủ để tránh sự chia rẽ này). Chiến lược thụ động quay trở lại chính phủ của ông là theo đuổi “nhân cách” của một chính khách yêu nước và có đạo đức đứng trên vấn đề chính trị, trông chờ công chúng kêu gọi trở lại nắm quyền, chính điều đó đã khiến ông bị mất quyền lực. Theo yêu cầu của ông, nhiều người trong chính phủ cũ đã ở lại cùng với Addington và đàm phán hòa bình. Năm vị bộ trưởng là Dundas, Camden, Grenville, Spencer và Windham đã theo ông rời Nội các. Tuy nhiên, trong khi Dundas và

Camden trung thành chấp nhận sự giúp đỡ của Pitt trong cuộc đàm phán sơ bộ, ba người còn lại kịch liệt tấn công họ để rồi những người ủng hộ ông trước đây đã chia thành ba phe rõ rệt. Sự rạn nứt ngày càng lớn sau khi Addington thất bại trong việc đàm phán với Pitt vào đầu năm 1803 đã quay trở về phía phe đối lập cũ kêu gọi sự giúp đỡ và lôi kéo đối thủ của Pitt là Tierney vào chính phủ với chức Thủ quỹ cho Hải quân Anh.

Do vậy, Nội các của Addington chứng minh là có khả năng phục hồi nhanh hơn Pitt tưởng. Thậm chí sau khi chiến tranh với Pháp tiếp tục nổ ra vào ngày 18/5/1803, Pitt phải mất thêm một năm nữa mới khiến Addington nhất trí từ bỏ ý định tham gia nắm chính phủ. Trong năm đó, Pitt lung lay hy vọng giành chiến thắng trong việc khôi phục Nội các cũ, khi mà các thành viên của Nội các đã tan rã vì việc tiến hành cuộc chiến. Pitt nỗ lực tìm cách chống đỡ cuộc ẩu đả chính trị bằng cách ủng hộ cuộc chiến với tinh thần yêu nước. Tới dự phiên họp Nghị viện lần đầu trong giai đoạn khủng hoảng kéo dài hơn một năm, ông đã có một bài phát biểu nổi tiếng nhất vào ngày 23/5, như một khán giả đã nói: “Một kết cục rất bất ngờ về sự cần thiết và tầm quan trọng của những nỗ lực trong tương lai của chúng ta”. Tuy nhiên, những hạn chế của Pitt đã bộc lộ rõ khi ông thất bại nặng nề trong việc cố tránh sự chỉ trích của phe đối lập, thậm chí cả một số người ủng hộ ông cũng bỏ phiếu chống lại ông.

Tuy nhiên, Pitt vẫn không nản lòng nhờ nỗ lực tích cực trong việc thúc đẩy chiến tranh. Ông hào hứng muốn sử dụng cuộc chiến làm phép thử. Khi đất nước đối mặt với họa xâm lăng vào tháng 7, ông đã buộc các bộ trưởng đồng ý để tập hợp lực lượng tình nguyện vũ trang mà ông đã gương mẫu đi đầu khi thành lập ba tiểu đoàn tình nguyện của Cụm cảng Cinque và chấp nhận là chỉ huy quân tình nguyện của Sở Quản lý Hàng vụ. Cuối năm đó, 380.000 người đã đăng ký vào danh sách lực lượng tình nguyện viên bảo vệ đất nước. Chưa kể đến giá trị về mặt quân sự, lời kêu gọi cả nước tham gia lực lượng vũ trang đã khiến tinh thần yêu nước dâng cao và Pitt lại đặt mình vào vai trò của một người lãnh đạo phong trào yêu nước thống nhất toàn dân tộc. Điều này đã giúp ông phục hồi sinh lực. Cháu gái ông miêu tả: “Pitt hoàn toàn vượt qua cái mệt mỏi của một trung sĩ huấn luyện. Hết đoàn diễu hành này đến đoàn diễu hành khác, mỗi đoàn cách nhau 25-30km. Tôi thường để ý đến ông và tôi có thể đảm bảo rằng ông rất khỏe.” Một lần nữa tinh thần lạc quan của ông lại làm cháy lên tham vọng về tương lai. Wilberforce miêu tả ông “là thành lũy để đem lại quyền lợi cho châu Âu sau khi đã đảm bảo an toàn của chính mình”.

Giờ đây Pitt mong muốn trở lại nắm chính phủ trong tương lai gần. Ông đã quan tâm tới những điều kiện tốt nhất để có thể đảm bảo quyền lực của mình. Ông rất đề tâm đến triển vọng mà Grenville đã đặc biệt đưa ra cho ông, đó là một chính phủ yêu nước thống nhất trên toàn quốc – tương xứng với số quân tình nguyện đã tập trung được, trong đó tập trung tất cả nhân tài từ mọi phe cánh trong Nghị viện, tạo ra ấn tượng mạnh mẽ với châu Âu về khả năng điều hành của Anh trong chiến tranh. Chỉ có Addington bất tài và phe cánh của ông ta – những người điều hành chiến tranh chậm chạp, không dứt khoát làm cho Pitt bức bối là sẽ bị loại bỏ. Tuy nhiên, Pitt rất thận trọng tránh tạo khoảng cách đối với Vua Anh, người mà ông rất cần sự ủng hộ, người vẫn có mối liên hệ với Addington, trong khi đó thái độ thù địch của ngài đối với Fox vẫn không giảm. Do vậy, ông từ chối tham gia Liên minh Đối lập chính thức giữa Grenville và Fox để lật đổ Addington.

Việc tiếp tục theo đuổi cách giải quyết lý tưởng đã khiến ông rơi vào tình trạng bất lợi nhất. Ông không thể ngăn cản được sự tấn công của liên minh Grenville và Fox nhằm vào Addington. Nhưng khi Bộ của ông suy yếu mà vẫn chưa tan vỡ, ông quyết định không đợi một cuộc kêu gọi tự phát của cả

nước đề nghị ông trở lại chính phủ. Lo lắng vì sợ điều này sẽ gây cản trở đối với nỗ lực cho cuộc chiến cuối cùng cũng khiến ông tham gia vào cuộc tấn công để nhanh chóng kết thúc bế tắc. Khi lực lượng ủng hộ tan rã, Addington suy yếu và phải từ chức vào ngày 29/4/1804, Vua Anh không có người thay thế nên buộc phải yêu cầu Pitt thành lập chính phủ.

CHIẾN THẮNG KHÔNG HOÀN HẢO CỦA NĂM 1804

Có sự khác biệt rõ rệt giữa sự trở lại nắm quyền vào năm 1804 so với lần đầu tiên ông nhậm chức Thủ tướng 20 năm trước. Thứ nhất là quan hệ của ông với Vua Anh, thứ hai là tình hình sức khỏe của ông.

Vua Anh không muốn bỏ rơi Thủ tướng, người đã trung thành hưởng ứng lời kêu gọi giúp đỡ của ngài năm 1801. Mặc dù cuối cùng Pitt đã chấp nhận sự thay đổi để được trọng dụng, ông vẫn buộc phải hy sinh nhu cầu cá nhân cần thiết để mang lại sức mạnh cho Bộ mới. Giải pháp cuối cùng là Pitt sẽ chấp nhận Grenville và những người lãnh đạo khác của Liên minh Đối lập, tuy nhiên không thể chấp nhận Fox vào Nội các. Pitt cố gắng xoa dịu tình hình bằng cách viết thư giải thích với Vua Anh về lý do mà cuối cùng ông đã phải tấn công vào Bộ, trấn an Vua Anh về vấn đề Công giáo và việc quyết tâm buộc Vua Anh không chấp nhận đối thủ Fox đáng gờm vào Nội các. Tuy nhiên, kể từ khi ông từ chức, giữa hai người đã có nhiều khoảng cách. Ông không làm theo ước nguyện của George III là tiếp tục xem xét những vấn đề ở ông có thể bị hiểu nhầm. Chính nhờ định kiến của gia đình Chatham đối với ảnh hưởng bí mật của Vua Anh đã giúp ông tránh được những lời buộc tội tương tự có thể đặt ra nhằm chống lại ông. Tuy nhiên, Pitt lại thận trọng đến mức độ tối đa nên kể từ khi từ chức cho đến khi quay trở lại, ông vẫn chưa gặp Vua Anh lần nào. Hậu quả là “tình cảm thật sự” mà George III đã dành cho Pitt khi ông lên nắm quyền lần đầu tiên bộc lộ rất ít trong giai đoạn này. Vua Anh không sẵn lòng hy sinh vì nhu cầu của vị Thủ tướng mới. Điều này được thể hiện rõ nhất không chỉ ở việc ngài từ chối chấp nhận Fox mà còn ở việc bổ nhiệm những gia đình hoàng tộc mới. Ngài đã thực hiện mà không quan tâm tới nhu cầu cần bảo trợ của Pitt. Ngoài ra, Vua Anh còn sa thải những người ủng hộ Pitt như Bá tước Amherst (vì đã bỏ phiếu chống Addington) và bổ nhiệm Huân tước St Helens, người mà Pitt cho là có ảnh hưởng không tốt.

Thậm chí, ngay cả khi Pitt có thể giành lại trọn vẹn sự tin tưởng của Vua Anh, thì trên thực tế, George III đã già hơn 20 tuổi so với năm 1784 và lại mắc bệnh thần kinh vào tháng 3 khiến sự ủng hộ của Hoàng gia là nhân tố ít ảnh hưởng. Tháng 4/1804, Melville đã thừa nhận một chính phủ không thể vững mạnh và bền lâu nếu chỉ dựa vào tình hình sức khỏe và đời sống của Vua Anh. Bá tước Richmond cũng chỉ ra rằng với ông vua 66 tuổi, suy yếu cả về thể chất lẫn tinh thần, trong khi đó Thái tử xứ Wales lại ở tuổi 42, nhiều người sẽ phải “tạm thời lấy lòng mặt trời đang mọc”. Pitt đã thử vượt qua trở ngại với việc đề nghị những người ủng hộ Thái tử đưa ông lên ngôi, song nỗ lực này đã thất bại bởi Vua Anh và con trai đã hòa giải với nhau.

Hậu quả là, sự tự do hành động của Pitt trong Nghị viện bị giới hạn. Trong khi tương lai của Pitt có thể chỉ được đảm bảo bằng việc tập trung sự ủng hộ mạnh mẽ giúp Pitt không phụ thuộc vào vị vua đang xế chiều thì sự phụ thuộc trước mắt vào Vua Anh khiến ông không thể làm được gì. Pitt hy vọng Fox sẽ nhất trí với đề nghị mà Hoàng gia đã tán thành là để Fox tham gia Nội các với nhiệm vụ tại đại sứ quán St Petersburg, Anh nhằm tranh thủ sự ủng hộ của Nga đối với cuộc chiến. Bạn bè của Fox từ chối tham gia chính phủ nếu Fox không tham gia, sau đó Grenville và nhóm bạn của ông ta tự cảm thấy

cần phải giữ danh dự cho Liên minh Đối lập và quyết định đứng ngoài Nội các.

Kết quả là Pitt không thể có được một cơ quan điều hành hùng mạnh để tập trung được cả nước và đế chế châu Âu. George Rose, người bạn trung thành của Pitt, đã chỉ ra ba khó khăn cụ thể là: thiếu các Bộ trưởng Nội các năng ký, thiếu Chủ tịch Viện Bình dân có năng lực và thiếu những người ủng hộ với quyết tâm cao trong Nghị viện của Addington. Tình huống này không khác so với những gì mà Pitt gặp phải khi lần đầu lên nắm quyền vào cuối năm 1783. Những lời nói của vị tân Ngoại trưởng, Hầu tước Harrowby (thuộc cấp trong Viện Bình dân cũ rất trung thành với Pitt, Dudley Ryder) đã gọi lại những lời nói của Carmarthen và Sydney năm 1783. Harrowby thổ lộ với Malmesbury rằng ông ở trong hoàn cảnh không hề mong muốn. Tuy nhiên tình bạn giữa ông và Pitt khiến ông không hề do dự khi chấp nhận chức vụ đó. Không phải do sức khỏe, cũng không phải do thói quen, mà bởi vì đã ba năm nay ông không hề quan tâm đến hoạt động xã hội.

Nội các mới chỉ có năm thành viên thuộc Nội các trước đây của Pitt, trong đó chỉ có hai thành viên năng ký là Melville (Bộ trưởng Hải quân) và Portland (Chủ tịch Viện Cơ mật) hiện đã sử dụng hết lực lượng của mình. Đến tháng 10, tân Bộ trưởng Chiến tranh Camden nói với Melville rằng “không có chút biến chuyển nào” do áp lực và lo lắng từ phía công việc, ngay sau đó ông ta đã chứng tỏ trách nhiệm chính trị, còn Portland lại ở trong tình trạng sức khỏe không tốt. Camden đã thú nhận “chưa có được bước quyết định và chín chắn trong phương sách chung”. Không có được các thành phần quan trọng từ phía phe đối lập, Pitt buộc phải đưa những người bạn cũ là Mulgrave và Montrose, đồng thời bổ sung Hawkesbury và Westmorland vào danh sách những người được giữ lại từ bộ của Addington (Eldon, Portland, Chatham và Castlereagh).

Trong Nội các chỉ có Castlereagh – Chủ tịch Viện Bình dân, người từng làm việc cùng Pitt ở Viện Bình dân – là có quan điểm trung lập. Canning, người ủng hộ Thủ tướng có năng lực nhất, lại là người tỏ ra thất vọng về sự liên minh với Grenville. Ông miễn cưỡng chấp nhận chức Thủ quỹ Hải quân Anh để giúp người thầy thông thái của mình. Tuy nhiên, ông thấy khó có thể không gây ảnh hưởng đến những thành viên cũ thuộc bộ của Addington và vào tháng 6, Pitt gần như phải đích thân xoa dịu và giữ lại Bộ trưởng Nội vụ Hawkesbury. Bạn của Canning là Granville Leveson-Gower và Hầu tước Morpeth từ chối tham gia Nội các. Như vậy là trong nhiệm kỳ thứ hai làm Thủ tướng, Pitt đã không thành công trong việc thu hút những tài năng trẻ về phe mình. Điều này cho thấy thái độ của mọi người đối với khả năng thành công lâu dài không chắc chắn của Pitt và việc gần đây ông vắng mặt khá lâu trong Viện Bình dân có tác động như thế nào đối với cơ hội thu hút tài năng. Phiên họp Nghị viện kéo dài cho đến cuối tháng 7/1804 là quãng thời gian đầy lo lắng. Luật Bổ sung lực lượng của Pitt nhằm tăng cường thể tấn công đã không được cả Liên minh Đối lập Fox Grenville lẫn những người theo Addington ủng hộ. Cuối cùng, trong chính phủ, số người ủng hộ Pitt chỉ còn 28 (ít hơn cả của Addington khi ông này từ chức), trong khi đó cần phải tập trung 42 người để luật này được thông qua trước Viện Bình dân.

Năm 1784, Pitt đã vượt qua được những khó khăn này nhờ vào nỗ lực tích cực của bản thân và sự ủng hộ mạnh mẽ của Vua Anh. Vào thời điểm này, ông đã cố gắng làm điều tương tự nhưng lại trong hoàn cảnh bệnh tật và thiếu sự ủng hộ tích cực của Vua Anh. Việc Pitt bổ nhiệm hai người thiếu kinh nghiệm và có quan điểm đối lập là Harrowby và Camden làm Ngoại trưởng điều hành chiến tranh đã thể hiện ý định của ông là tự mình điều hành chiến tranh.

Ông ở vị trí cô lập hơn nhiều so với trước đây, không còn nhận được sự trợ giúp vui vẻ của

những người bạn cũ. Grenville đang ở phe đối lập. Pepper Arden, vốn là anh hề trong triều đình, giờ là Huân tước Alvanley, đã mất vào tháng 3/1804. Quan hệ giữa Pitt với Dundas cũng nguội đi từ sau vụ Dundas được Addington phong Bá tước, mối quan hệ này trở nên tồi tệ tới mức Wilberforce phải công nhận là “họ hiếm khi nói chuyện với nhau”. Wilberforce miêu tả bữa ăn tối giữa Pitt và những người bạn cũ của ông trong tháng 7 là “một buổi tối tẻ nhạt và Pitt không hề vui vẻ”. Họa sĩ Lawrence đã phác họa một bữa ăn tối của Pitt và những thành viên trong Nội các vào tháng 11/1804 rằng “Pitt xuất hiện ở tầm cao trước con mắt của những người tham dự buổi tiệc. Điều này không ngăn cản những cuộc đàm thoại về xã hội, song ấn tượng của tất cả mọi người là sự thần phục đối với ông. Đôi lúc đó dường như là quan hệ của những cậu bé với ông chủ của mình”. Thủ tướng dựa vào những vị ngoại trưởng năng lực như Hawkesbury và Castlereagh, cũng như trước đây ông đã dựa vào Grenville và Dundas, tuy nhiên, mối quan hệ giữa ông và họ đã khác trước. Trong một bức phác họa mô tả buổi gặp giữa họ, William Napier đã mô tả Grenville và Dundas “khúm núm như chó cụp tai”, còn Pitt ngả đầu ra phía sau, đôi mắt nhắm nghiền dường như nhìn thấu cả bầu trời và không hề để ý đến những người đang khúm núm quanh ông. Ông lắng nghe rồi cắt ngang những cuộc hội thoại ngắn ngủi và bất ngờ kết thúc đối thoại theo quan điểm cá nhân mà không cần nhìn xuống”.

Pitt chấp nhận vị trí của một người nổi tiếng nhưng cô lập. Eldon, người đứng đầu Viện Quý tộc, nhớ lại phản ứng phẫn nộ của Pitt trước việc Grenville từ chối tham gia chính phủ cùng ông nếu không có Fox, rằng “ông sẽ dạy cho con người kiêu ngạo ấy biết, với sự tin tưởng của Vua Anh, ông có thể làm được mà không cần ông ta, mặc dù khi nghĩ đến sức khỏe của mình, ông biết để làm được điều này có thể phải trả giá bằng cả mạng sống”. Một người cháu đã miêu tả tình trạng căng thẳng của Pitt:

Ở thành phố, trong suốt kỳ họp Nghị viện, cuộc sống của Pitt là thế này đây! Thức dậy đã nhận một bản báo cáo nhanh của Hầu tước Melville, sau đó chuyển cho Windsor, tiếp đến nếu có nửa giờ rỗi rãi thì cố gắng làm nhanh một số việc với ngài Adams, ngài Long rồi đến ngài Rose; sau đó, với một chai nước mứt nhỏ trong túi, ông ra khỏi nhà cho đến tận 3-4 giờ sáng, trở về nhà để ăn bữa trong 2-3 giờ nữa rồi nói về những gì mình sẽ làm trong ngày hôm sau. Và rượu, rồi lại rượu. Vừa mới sáng hôm sau lại có tiếng gõ cửa và sau đó là 20 hoặc 30 người vào, hết người này đến người khác và ngựa dắt trước cửa từ 2 giờ đến tận lúc mặt trời lặn để đợi ông. Từng đó cũng đủ để giết chết một người.

Để vui đi nỗi buồn, Pitt quay sang kết bạn và vui đùa với những thành viên trẻ tuổi hơn trong đoàn tùy tùng, như Hester Stanhope và bạn của họ là William Napier. Ông lại tìm đến rượu. Napier miêu tả: “Pitt trở về nhà ăn tối với dáng vẻ mệt mỏi và đầy hơi rượu, ông đã uống một chai hoặc ít ra cũng gần một chai, uống ừng ực hết cốc này đến cốc khác. Tuy nhiên, khi đã hồi phục sức khỏe sau trận ốm vì rượu, ông dừng uống rượu”. Hester Stanhope cũng miêu tả ông “uống quá nhiều rượu vào bữa tối”.

Trong một khoảng thời gian của năm 1804, các hoạt động dường như không có gì mới. Luật Bổ sung Lực lượng đã được buộc phải thông qua. Pitt thực hiện biện pháp mới để giải quyết khoản nợ dân sự bằng cách tăng thu nhập và chuyển thêm tiền vào Quỹ Ngân khố. Biên bản cuộc họp ngày 19/8/1805 của Bộ Tài chính đã hoàn tất việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và cơ chế giám sát của Bộ Tài chính, thiết lập cơ chế giám sát liên tục từ trên cho tới “Thư ký luật và Thứ trưởng”. Khi việc hòa giải giữa Vua Anh và Thái tử Wales không thành, Pitt đã khôn khéo giảng hòa với Addington vào tháng 12. Mặc

dù đã đề nghị tăng gấp đôi số ghế trong Nội các do phải đảm bảo cho cả Addington và bạn của ông ta là Hobart (hiện là Bá tước vùng Buckinghamshire), song ông không cho họ vị trí điều hành nào. Addington được thuyết phục nhận tước vị Huân tước Sidmouth để xóa bỏ tầm ảnh hưởng trong Viện Bình dân. Những người theo Addington được nhận cấp thấp hơn. Nhiều người chỉ nhận được lời hứa suông vì đã hết vị trí. Được bổ sung thêm 40 nghị sĩ của Addington, sự ủng hộ của chính phủ đối với Pitt tăng lên khi Nghị viện được tái cơ cấu vào tháng 1/1805. Đại đa số thành viên chính phủ chống lại phe đối lập với 207 phiếu vào ngày 11/2, 146 phiếu vào ngày 21 và 140 phiếu vào ngày 6/3.

Pitt lại đến với cuộc chiến bằng tinh thần đấu tranh bền bỉ. Sau đề nghị đưa ra với Nga vào ngày 26/6/1804, ngày 24/7, Pitt đề nghị thương lượng hòa bình với Áo, Phổ và Thụy Điển. Đến tháng 9, ông quyết định tiến hành một cuộc tấn công phủ đầu Tây Ban Nha với lệnh bắt giữ tàu chở vàng từ Mexico vào Tây Ban Nha để ngăn cản việc vũ trang lại cho lực lượng hải quân Tây Ban Nha và trợ cấp cho Pháp. Sau hành động đánh chặn vào tháng 10, ngày 12/12, Tây Ban Nha tuyên bố chiến tranh. Giờ đây, nước Anh sẽ có những đồng minh mới cũng như xuất hiện thêm những kẻ thù mới, bởi trên cơ sở những nỗ lực trước đó của bộ Addington, Pitt đã thuyết phục được St Petersburg ủng hộ, nhưng Napoleon đã trắng trợn coi thường luật pháp quốc tế khi bắt giữ và hành xử Bourbon Duc d'Enghein. Tháng 11/1804, đặc phái viên Nga đến London để tìm hiểu khả năng liên minh.

Cuộc đàm phán được Harrowby thực hiện nhưng đổ vỡ, sau đó đến Mulgrave thực hiện, tuy nhiên lại có đủ bằng chứng cho thấy sự ảnh hưởng của Pitt trong cuộc đàm phán này. Những gì mà Pitt bổ sung vào chính sách của Anh hiện giờ là sự sẵn sàng hỗ trợ tài chính ở mức độ lớn cho nỗ lực lớn. Ông sẽ cấp 5 triệu bảng cho chiến dịch Lục địa mới. Tính đến thời điểm hiện tại, trợ cấp cho chiến tranh chỉ vượt quá 1 triệu bảng mỗi năm, vào năm 1794 (2,5 triệu bảng), năm 1799 (1,5 triệu bảng) và năm 1800 (2,5 triệu bảng). Tuy nhiên, lợi nhuận mang lại từ nguồn thuế thu nhập mới (được Addington cải cách) và sự phát triển liên tục của thương mại Anh đã cho phép Pitt vượt qua những khó khăn trước đó và định nghĩa về chiến tranh nhân dân là phải có một lực lượng lớn cần thiết để đánh bại Pháp, dẫn đến việc Pitt hủy bỏ chính sách cung cấp tài chính có chọn lọc và có điều kiện hơn. Nếu Nga có thể bằng những cách này giành được sự ủng hộ của Áo và Phổ, Pitt dự tính tập trung 500.000 quân chống lại Pháp. Sự sẵn sàng nghĩ đến việc lớn thể hiện trong cách nhìn của ông về hiệp ước an ninh lâu dài và ổn định trật tự cho tương lai của châu Âu. Quốc thư nổi tiếng mà ông gửi cho Nga ngày 19/1/1805 có sử dụng những điểm dựa trên ý kiến của Grenville năm 1798 và những gợi ý mới của Hầu tước Mulgrave, tuy nhiên những cơ sở này vẫn mang dấu ấn của ý tưởng về an ninh tập thể của ông vào cuối những năm 1780 và bản phác thảo cuối cùng là của chính ông.

QUÁ MUỘN ĐỀ THỰC HIỆN BẤT CỨ ĐIỀU GÌ: BỊ KỊCH CỦA NĂM 1805

Nếu như năm 1804 mang đến hy vọng cho Pitt thì năm 1805 lại là năm thất bại bởi những mối quan hệ của Pitt trở nên rệu rã. Đây là năm bắt đầu bằng một cuộc tranh cãi gay gắt với Vua Anh bởi ngài không chấp nhận việc Pitt bổ nhiệm người thầy cũ của mình là Pretyman làm Tổng Giám mục xứ Canterbury. George III cho rằng Pretyman còn non kém cả về mặt xã hội lẫn giáo hội, do đó không tham khảo ý kiến của Pitt, Vua Anh đã vội vã bổ nhiệm Pretyman làm Giám mục xứ Norwich. Pitt coi đây là sự xem thường cá nhân, phơi bày cho cả thế giới thấy lòng tin hạn chế của Hoàng gia đối với Nội các. Lần đầu tiên, tác phong nghi lễ đến lạnh lùng của Pitt trong phòng họp hoàng gia đã khiến ông

trở nên xa lạ và những người ở bên ngoài nghe thấy giọng ông vang lên rất giận dữ. Pitt nói với giọng tự cao khi Vua Anh cương quyết giữ quyết định của mình.

Giữa lúc đó, sự liên kết bất ngờ với Addington và cái giá phải trả của nó đã khiến lòng tin của những người ủng hộ ông bị lung lay trước chiến thuật và quyết định của ông. Pitt đã mất Hầu tước Stafford, con trai của đồng sự cũ trong Nội các, vợ là nữ Bá tước vùng Sutherland có ảnh hưởng lớn đối với sự trở lại của ít nhất sáu nghị sĩ. Mặc dù Canning và Hawkesbury đã năn nỉ, song Pitt không thể xoa dịu được Stafford. Pitt đã không thông báo cho ông ta biết về việc mình giảng hòa với Addington và lời đi yêu cầu xin được nhận cấp tước Ga-tơ. Việc không giải thích về vấn đề này thậm chí làm mất đi sự ủng hộ của các đồng môn ở Cambridge như George Villiers và William Lowther (hiện là Huân tước) – người tiếp quản chín đơn vị bầu cử ở Lowther. Hơn nữa, những lợi ích do liên minh với Addington đã sớm bị đe dọa khi Ủy ban Điều tra Hải quân đã phát ra báo cáo thứ mười vào tháng 3/1805 buộc tội Melville, khi ông này giữ chức Thủ quỹ Hải quân Anh trong nhiệm kỳ trước của Pitt, cho phép Alexander Trotter – người phát lương – đầu cơ nguồn công quỹ. Melville đã sử dụng ngân sách hải quân vào mục đích khác mà ông từ chối tiết lộ vì lý do bí mật quốc gia. Pitt cảnh giác trước mối đe dọa này. Wilberforce – người ở bên Pitt khi bản sao báo cáo được chuyển đến, viết: “Ông cho rằng điều này sẽ làm rung chuyển cả chính phủ” và không bao giờ quên cảnh Pitt tóm lấy bản báo cáo, khao khát xem xét nó đến mức nào. Pitt đứng cạnh Melville, người đang bị tiếng là “bỏ tiền công quỹ vào túi cá nhân”. Danh dự của Melville và của cả bộ mà Pitt nắm quyền nhiệm kỳ đầu đang gặp nguy hiểm. Tuy nhiên, xét ở khía cạnh khác, danh dự của bộ Addington, người thành lập Ủy ban Điều tra Hải quân cũng bị ảnh hưởng. Do đó, liên minh chính phủ mới cũng bị chia rẽ.

Vụ việc Melville cũng khiến phe đối lập bị rạn nứt khi Grenville rất bối rối trước những lời chỉ trích của Whitbread và của phe Fox vào ngày 8/4. Pitt cũng rất khổ sở. Harrowby thông báo sức khỏe của Pitt rất yếu trong tuần xảy ra tranh luận. Còn Camden cho biết ông bị mắc bệnh nặng. Wilberforce làm đúng lương tâm, phát biểu chống lại Pitt, trực tiếp tác động đến 40 phiếu. Do đó, kết quả là 216 phiếu mỗi người. Một lần nữa Pitt lại thất bại trong sự nghiệp của mình, phải dựa vào phiếu quyết định của Chủ tịch Viện Bình dân. Hy vọng duy nhất của Pitt là giảm thiểu mức độ ảnh hưởng nên đã cố kéo dài thời gian để sự giận dữ nguôi đi. Melville phải từ chức ở Bộ Hải quân vào ngày 9/4 và ở Hội đồng Tư vấn một tháng sau đó. Tuy nhiên, Pitt đã chống lại những yêu cầu đòi kết án đối với Melville bằng việc gửi bản chứng thực lên Ủy ban Thăm tra của Viện Bình dân. Thông qua bỏ phiếu kín, cuối cùng bản án đã được phán xét dựa vào lời kết tội ở Viện Quý tộc (đã tuyên bố Melville trắng án vào năm 1807). Trong khi đó, trước buổi thẩm tra của Ủy ban Thăm tra Viện Bình dân, Melville bị khởi tố trách nhiệm hình sự. Pitt cũng chống lại cuộc tấn công vào hoạt động điều hành quỹ hải quân của ông được đưa ra trong báo cáo thứ 11 của Ủy ban Điều tra Hải quân. Cũng bằng hình thức bỏ phiếu kín ở Ủy ban Thăm tra Viện Bình dân, những lời giải thích của ông đã được chấp nhận.

Liên minh với Addington cuối cùng bị tan vỡ khi Pitt bổ nhiệm cố vấn hải quân chính của Melville, ngài Charles Middleton đã trên 80 tuổi, thay thế Melville ở Bộ Hải quân, với cấp bậc quý tộc là Huân tước Barham. Sidmouth và những người bạn của ông cho rằng họ từng được hứa ở vị trí đó và dọa sẽ từ chức. Ngay lúc đó, Pitt phải giữ ông ta ở lại bằng cách đảm bảo rằng việc bổ nhiệm Middleton chỉ là tạm thời. Tuy nhiên, những cuộc tấn công liên tiếp vào Melville của những người ủng hộ Sidmouth đã buộc Pitt phải loại trừ họ ra khỏi chính phủ, cuối cùng Sidmouth và những người theo ông ta đã phải chấm dứt quan hệ với Nội các vào ngày 4/7. Một lần nữa, Pitt lại thể hiện sự khéo léo trong việc giảm tối đa mức độ ảnh hưởng với việc giữ chân họ cho đến tận khi còn tám ngày nữa là kết

thức kỳ họp Nghị viện. Khi đó, việc vi phạm có thể gây ra mức độ ảnh hưởng trước mắt ít nhất – khiến Fox thất vọng hơn.

Kỳ họp Nghị viện kết thúc, Pitt có sáu tháng củng cố Nội các trước khi diễn ra đợt triệu tập cuộc họp mới vào tháng 1. Camden, người thay thế Sidmouth làm Chủ tịch Viện Cơ mật tin tưởng: “Không có sự ủng hộ trong Nội các cũng như trong Viện Bình dân, ông sẽ không thể thành công”. Pitt bắt đầu dò ý Grenville. Giữa tháng 9, ông đã đến Weymouth để cố gắng thuyết phục Vua Anh cho phép ông đàm phán về việc liên minh với phe đối lập. Tuy nhiên, lần này ông đã gặp phải sự phản đối cương quyết của Vua Anh, một người vừa ồm yếu lại vừa bảo thủ, ngài không chỉ phản đối Fox mà còn cả với Grenville nên cuộc đàm phán đã thất bại. Với tình trạng sức khỏe sa sút, Pitt cần sự hỗ trợ của những người ở hàng ghế lãnh đạo trong Viện Bình dân, nhưng hiện giờ ông buộc phải đưa hai người ủng hộ ông là Canning và Yorke vào Nội các.

Trước sức ép ngày càng gia tăng đối với chính trị gia kiệt xuất như Pitt, cơ hội duy nhất để ông có thể nhanh chóng thoát khỏi bế tắc này chính là cuộc chiến thành công. Hy vọng lớn trong tháng 1 về sự tham gia của Nga đã không đạt được vì Nga không muốn Anh tăng cường tiềm lực hải quân hơn nữa. Pitt tích cực chống lại những nỗ lực của Nga nhằm đưa quân Anh ra khỏi Malta, vùng đất mà Anh đã chiếm được năm 1800 nhưng không khôi phục được hòa bình. Với chiến dịch mùa hè đang đến gần, khi ông đang định từ bỏ căn cứ chiến lược đó thì tham vọng của Pháp đã cứu nguy cho ông. Trong tháng 3, khi Napoleon thành lập Vương quốc Italy, tự phong là Quốc vương và mở rộng Genoa vào tháng 6, thì Nga và Áo đều thấy rằng chống lại Pháp là điều cần thiết. Nga đã bác bỏ yêu cầu đối với Malta và hiệp ước giữa Nga và Anh cuối cùng đã được thông qua vào ngày 28/7; ngày 8/8, Áo đồng ý tham gia hiệp ước. Đến tháng 9, cuộc chiến lại bắt đầu ở châu Âu.

Tương lai chính trị của Pitt cũng như của châu Âu lúc này phụ thuộc vào chiến dịch Lục địa mà Pitt đã dốc hết nỗ lực song ông không thể quyết định. Mọi đàm phán với Áo đều do Nga thực hiện, đặc phái viên của Anh tại Áo không được tham gia đàm phán hay thông báo trước. Anh đóng góp vào cuộc chiến với số tiền mặt là 2,5 triệu bảng cho Áo (nước này cần 6 triệu bảng), cho Nga và Phổ mỗi nước 1 triệu bảng nếu hai nước này đồng ý tham gia cuộc chiến và 500.000 bảng để thuê binh sĩ của các quốc gia nhỏ hơn. Anh cũng đã giành được chiến thắng hải quân trước hạm đội liên minh Pháp-Tây Ban Nha ở Trafalgar vào ngày 21/10. Tuy nhiên, Anh vẫn thiếu lực lượng tác chiến hiệu quả trên bộ. Thành công của Pitt trong việc huy động được một lực lượng dân quân hùng mạnh để bảo vệ đất nước lại cản trở việc tuyển chọn một đội quân chính quy để có thể tham gia tấn công. Pitt đã giải quyết vấn đề này bằng cách đưa ra Đạo luật Bổ sung Lực lượng vào năm 1805, song đạo luật này lại không thành công bằng Đạo luật Quân dự bị năm 1803 của Addington mà Pitt từng kịch liệt phản đối. Mỗi người đều tìm cách lập ra đội dự bị để từ đó có thể tuyển chọn đội quân chính quy. Addington sử dụng phương pháp bỏ phiếu kín và huy động được 45.492 người (37.136 người đủ tiêu chuẩn tòng quân), trong số này có 19.533 quân tình nguyện. Mặc dù Pitt đề ra định mức đối với từng địa phương và áp dụng các hình phạt đối với địa phương nào không đủ quân, song chỉ đạt được chưa đến một nửa chỉ tiêu là 13.000 quân. Tháng 1/1805, Pitt thất vọng quay trở lại tuyển quân chính quy trong số dân quân tình nguyện.

Quân chính quy vẫn thiếu. Tháng 5/1806, Bộ trưởng Chiến tranh của Pitt là Castlereagh tuyên bố tổng lực lượng trong nước là 47.500 quân và đơn vị đồn trú thuộc địa là 10.000 quân, cả hai lực lượng này vẫn chưa đủ. Lực lượng tấn công nhỏ lẻ chỉ có thể được triển khai chậm chạp từ Anh và sau

đó tiên vào điểm yếu nhất của kẻ thù, tuy nhiên ở điểm yếu này còn quá xa để có thể gây ảnh hưởng đến điểm trọng yếu. Tháng 4/1805, 4.000 quân được đưa đến Địa Trung Hải, nâng tổng số quân ở đây lên thành 5.000 quân và cùng với 11.000 quân Nga đổ bộ vào Naples vào tháng 11. Tháng 6, 6.500 quân tiến đến chiếm giữ mũi Hảo Vọng và vào tháng 10, 11.000 quân Anh-Đức đã được đưa đến Bắc Đức, sau đó thêm 12.000 quân vào tháng 12. Tuy nhiên, mùa thu năm 1805 lại là ước mơ và hy vọng cuối cùng của Pitt.

Trước báo cáo rất lạc quan là Phổ cũng đang kích động, vào tháng 10, Pitt cử Harrowby đến Berlin với đề nghị hỗ trợ 2,5 triệu bảng phục vụ cho 200.000 quân. Kế hoạch được đặt ra là phải tăng cường số quân lên 65.000 quân Anh và lính đánh thuê ở miền Bắc Đức trong năm 1806 để phối hợp với quân Nga, Thụy Điển và lực lượng Phổ. Con trai của Malmesbury nhớ lại lần đi dạo với Pitt ở công viên vào tháng 11: “Bản tính Pitt rất lạc quan, kế hoạch của ông rất lớn và đầy đủ, trong suy nghĩ của người đàn ông uy lực này tràn đầy hy vọng và khả năng thiết lập được một liên minh châu Âu có thể đánh thắng Pháp”.

Thế giới mộng tưởng của Pitt sụp đổ vào chủ nhật ngày 3/11 khi báo chí Hà Lan đưa tin chi tiết về việc quân đoàn tiên phong của Áo đầu hàng có điều kiện ở Ulm. Hôm đó, các văn phòng thông tin đại chúng không có ai, Pitt và Mulgrave sốt sáng đi tìm Malmesbury dịch bài báo cho họ. Malmesbury khẳng định: “Tôi thấy quá rõ tác động của bài báo đối với Pitt, mặc dù ông đã cố gắng che giấu.” Đêm ngày mùng 7, tin về cái chết của Nelson đến từ Trafalgar khiến ông vui đến mức không thể ngủ được. Ông đã bật dậy mặc dù mới 3 giờ sáng. Cho dù có chiến thắng ở Trafalgar, tình hình hiện tại vẫn tuột khỏi tay Pitt. Ý định cổ vũ Phổ tham gia cuộc chiến đã buộc ông phải hứa hỗ trợ tài chính với số tiền vượt quá dự định ban đầu, tổng lên đến 7-8 triệu bảng. Tuy nhiên, điều này cũng không làm cho Berlin thay đổi. Nga tìm cách nghiêng về Phổ, song vẫn nhượng Hanover cho Berlin – điều mà Pitt ngay lập tức tuyên bố là hoàn toàn không thể và tìm cách che giấu Vua Anh. Cuối cùng, ngày 3/1/1806, có tin Pháp đã đánh bại hoàn toàn lực lượng của Áo-Nga ở Austerlitz vào ngày 4/12.

Không khí thăm kịch bao quanh năm cuối cùng Pitt làm Thủ tướng nhiệm kỳ thứ hai. Vị Thủ tướng ốm yếu đang phải đấu tranh chống lại một lực lượng vô cùng mạnh với một sự ủng hộ không lớn, khiến ông không thể kiểm soát nổi hai nhân vật quan trọng từng ủng hộ ông trong nhiệm kỳ đầu là Dundas và Grenville, mỗi người theo cách riêng của mình đều làm suy yếu tai hại vị trí của Pitt trong năm 1805. Những nhân vật quan trọng có triển vọng làm Thủ tướng trong tương lai như Perceval, Hawkesbury (Liverpool) và Canning cùng những bộ trưởng quan trọng như Castlereagh vẫn đang làm việc như những người tập sự trong Nội các của Pitt. Sự đổ vỡ nhanh chóng của Nội các ngay sau cái chết của Pitt chứng tỏ Nội các này phụ thuộc quá nhiều vào ông. Ông vẫn thể hiện là người am hiểu về chiến thuật, song sức khỏe không tốt đã khiến ông không thể giữ vững được nguồn sinh lực và tinh thần cương quyết để có thể đảm bảo hiệu quả vị trí của mình như ông từng làm cách đây 21 năm. Ông luôn trì hoãn công việc khi ông chưa đi đến quyết định. Tháng 6/1805, Wilberforce phàn nàn rằng Pitt hay chần chừ mọi việc đến mức nó trở thành bản tính của ông. Mặc dù đã hứa từ rất lâu nhưng mãi đến tháng 9/1805, Castlereagh mới được phong chức Bộ trưởng Ngoại giao, và chỉ lúc đó chế độ buôn bán nô lệ ở các thuộc địa của Anh mới được chấm dứt.

Tháng 2/1805, một người bạn của Pitt là Pretymann, người đã an ủi George Rose khi cả hai người cùng thất vọng, ghi nhận:

Tôi thấy Pitt ngủ dậy rất muộn. Điều này ngăn cản ông gặp và nói chuyện với những người mà đáng ra ông cần phải quan tâm. Mọi thứ ông làm đều quá trễ. Bất cứ những gì có thể để lại được ông đều để lại. Ông trì hoãn quá nhiều việc, không chỉ những việc không ấn định thời gian hoàn thành mà còn cả những việc có tính cấp bách. Thật khó chịu trước kiểu làm việc này. Có lẽ ông không thể cảm thấy hết được khả năng làm việc của mình cách đây 20 năm. Thậm chí ở một mức độ nào đó, ông còn cảm thấy mệt mỏi trước cuộc trao đổi về công việc và về lời giải thích cách thức tiến hành công việc đó. Tôi cho là như vậy và tin rằng ông luôn cảm thấy cô đơn và cần phải nghỉ ngơi.

Theo Walter Farquhar, bác sĩ của ông, thì từ năm 1803 đến mùa thu năm 1805, mọi vấn đề nghiêm trọng trong tâm trí Pitt đều tạo ra những tổn hại tương đương đối với sức khỏe của ông. Farquhar yêu cầu ông nghỉ ngơi nhưng ông từ chối và khẳng định rằng nước Anh cần sự cống hiến của ông và ông thà chết ở vị trí của mình còn hơn phải rời bỏ nó. Tuy nhiên, tình trạng sức khỏe tồi tệ của Pitt cũng khiến chính phủ chịu tổn hại. Tháng 9/1805, Rose cảnh báo Vua Anh rằng “nếu Pitt vẫn mắc chứng sưng khớp hoặc bất cứ căn bệnh nào khác, chỉ trong hai hoặc ba tuần nữa, Nội các của chúng ta sẽ không còn tồn tại”. Vào tháng 10 và tháng 11, Pitt bị đau dạ dày và đau đầu, kém ăn cộng thêm chứng đau bàn chân và các khớp. Tháng 12, ông đi tắm suối khoáng ở Bath để hồi phục sức khỏe, chuẩn bị cho phiên họp Nghị viện vào tháng 1. Vừa mới có dấu hiệu hồi phục thì tin tức đến từ Austerlitz lại khiến căn bệnh của ông tái phát và trở nên trầm trọng hơn. Vì thế, ông quyết định trở về London.

Ông đã không thể củng cố được Nội các sau sự phản bội của Sidmouth và phải nhanh chóng giải trình trước Nghị viện khoản chi phí hàng triệu bảng mà không mang lại hiệu quả, trình bày nguyên nhân cuộc chiến thất bại và lý do phải rút quân ở nước ngoài trở về. Khi chia tay Melville ở Bath, ông cay đắng nói: “Giá mà Vua Anh từ chối lời khuyên của tôi ở Weymouth sớm hơn thì ngài đã không phải sống trong hối hận.” Gầy yếu và kiệt sức, ông rời xa ngôi nhà thuê từ năm 1803, chạy trốn khỏi thành phố Putney Heath. Ngày 15/11, George Rose thấy Pitt nằm trên ghế sofa, gầy mòn đến mức không thể nhận ra... Sắc diện của ông đã hoàn toàn thay đổi, giọng ông rất yếu, gần như mất hết sinh lực. Tay chân ông không cử động được. Pitt đã hoàn toàn kiệt quệ và ngày 23/1, ông qua đời. Câu nói cuối cùng mà ông trăng trối đúng là lời của một nhà chính trị yêu nước, lý tưởng ông đã phấn đấu suốt đời: “Ôi đất nước thân yêu của ta! Ta phải rời xa thật sao?”

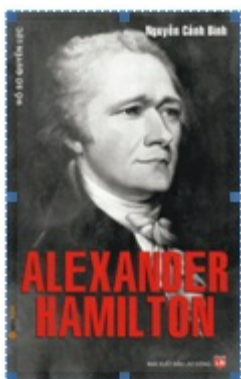
Bác sĩ của ông nói với Malmesbury: “Pitt ra đi ở tuổi 46 mà cơ thể dường như là của một cụ già 90.” Cái chết của ông liệu có phải do công việc của chính phủ quá căng thẳng hay do bệnh viêm khớp như Farquhar đã vội vàng kết luận, hay bị ung thư đường ruột, viêm dạ dày theo như đánh giá của y học hiện đại? Tất cả đều chưa rõ ràng. Trớ trêu thay, ngày ông mất cũng là ngày ông bước chân vào Viện Bình dân đúng tròn 25 năm. Trong 25 năm đó, ông đã lãnh đạo chính phủ 18 năm 11 tháng.

BẢNG NIÊN ĐẠI

1759	ngày 28/5	Pitt ra đời
1773- 1779		Học tại Cambridge
1776		Tuyên ngôn Độc lập của Hoa Kỳ
1778		William Pitt cha mất Pháp tham gia cuộc chiến tranh chống lại Vương quốc Liên hiệp Anh
1779		Tây Ban Nha tham gia cuộc chiến tranh chống lại Vương quốc Liên hiệp Anh
1780		Hà Lan tham gia cuộc chiến tranh chống lại Vương quốc Liên hiệp Anh Pitt trở thành luật sư tập sự Tổng tuyển cử, bị thất bại với vị trí ở Đại học Cambridge
1781	ngày 23/1 ngày 26/2	Giành ghế nghị sĩ của Appleby Có bài diễn thuyết đầu tiên
1782	tháng 3 tháng 5 ngày 6/7	Bộ của North sụp đổ Đưa ra đề nghị cải tổ Nghị viện Trở thành Bộ trưởng Tài chính trong Nội các của Shelburne
1783	tháng 2 ngày 19/12	Hiệp ước hòa bình của Shelburne bị thất bại và Pitt lên thay Khước từ sức ảnh hưởng của Vua Anh để thiết lập chính phủ Viếng thăm Pháp Kích động Vua Anh làm thất bại Dự luật Ấn Độ của Fox và được bổ nhiệm làm Thủ tướng Anh kiêm Bộ trưởng Tài chính
1784	tháng 1-3	Bước vào Viện Bình dân Tổng tuyển cử Nghị sĩ của Đại học Cambridge Thông qua Dự luật Ấn Độ của Pitt và bắt đầu những sửa đổi về thuế
1785		Thất bại trong việc kiểm soát phiếu ở Westminster, các đề xuất cải tổ Nghị viện, các đề xuất thương mại ở Ireland Yêu cầu cải tổ kinh tế trong chính phủ
1786		Dự luật công sự của Richmond bị thất bại Khởi đầu hai năm thành công vang dội trên cương vị Thủ tướng Lập kế hoạch Quỹ chìm để loại trừ các khoản nợ quốc gia Hiệp định Thương mại với Pháp
1787		Thống nhất thuế nhập khẩu Thay thế ảnh hưởng của Pháp đối với Hà Lan Lần đầu tiên phản đối bãi bỏ Đạo luật Thử nghiệm
1788	tháng 11/1788 -2/1789	“Đồng minh ba nước” với Phổ và Hà Lan Khủng hoảng chế độ nhiếp chính
1789		Cách mạng Pháp bùng nổ
1790		Khủng hoảng Nootka với Tây Ban Nha

1791	tháng 2-3	Các cuộc thương lượng với phe đối lập Thất bại trong cuộc khủng hoảng Ochakov với Nga Các cuộc bạo loạn của phe “Giáo hội và Vua Anh” ở Birmingham Cuốn sách <i>Rights of Man</i> (Các quyền con người) của Tom Paine khơi dậy hệ thống cải cách xã hội cấp tiến
1792	tháng 11	Mở rộng Quỹ chìm Tuyên bố chống lại các tác phẩm xúi giục nổi loạn Cách chức Chủ tịch Viện Quý tộc Thurlow Thất bại trong cuộc thương lượng với Đảng Whig của Portland Nhận chức Quản lý Cùm cảng Cinque do Vua Anh đề nghị Bạo loạn trong nước, Pháp tuyên chiến với Áo và Hà Lan Kích động phong trào liên kết
1793	ngày 1/2 tháng 9 tháng 12	Bùng nổ cuộc chiến tranh với Pháp, phản đối đề nghị cải tổ Nghị viện của Grey Thương lượng với Liên minh thứ nhất của các thế lực châu Âu Thất bại ở Dunkirk Thất bại ở Toulon
1794	tháng 5 ngày 11/7	Hoang mang trước hiểm họa xâm lăng và hoạt động tăng cường của các tổ chức cấp tiến Lần đầu tiên kêu gọi đội quân tình nguyện trên cả nước Đình chỉ lệnh đình quyền giam giữ Lực lượng Hải quân chiến thắng với “Ngày 1/6 Huy hoàng” nhưng lại thất bại ở Hà Lan Liên minh với Đảng Whig của Portland Cuộc viễn chinh Đông Ấn
1795	tháng 12/1794 - 1/1795 tháng 11 tháng 11 và 12	Thất bại ở Hà Lan Cải tổ nhân sự Mâu thuẫn với Fitzwilliam Quan đại diện nhà vua ở Ireland Phổ và Tây Ban Nha hòa giải với Pháp Đức tham chiến cùng Pháp chống lại Anh Tham dự vào sự quản lý của Vua Anh “Hai luật” chống lại mưu đồ phản nghịch và các cuộc biểu tình nổi loạn Thông báo thiện ý đàm phán với chính phủ Pháp
1796	tháng 2, tháng 9-12	Đàm phán hòa bình với Pháp sớm thất bại
1797	tháng 2 tháng 4-5 tháng 6 tháng 7- 9 tháng 9 tháng 10	Tây Ban Nha tham gia cuộc chiến chống lại Anh Một năm kinh khủng đối với Pitt: Từ bỏ việc tìm hiểu cô gái Eleanor Eden Tiếp tục không trả được nợ của ngân hàng và việc ngân hàng ngừng chi trả tiền mặt Thất bại và rút quân khỏi cuộc chiến Các cuộc nổi loạn trong hạm đội Áo Các quyết định của Nội các trong đàm phán hòa bình Thất bại trong thương lượng với Pháp Cái chết của Eliot Chiến thắng hải quân tại Camperdown Các đề xuất ấn định thuế không được lòng dân chúng
1798	ngày 27/5 tháng 5-6 tháng 8	Tiếp tục có nguy cơ bị xâm lăng Phát động tình nguyện viên và phong trào quyên góp yêu nước Cuộc đấu súng tay đôi với Tierney Chống lại cuộc nổi loạn ở Ireland Chiến thắng hải quân ở Nile Đàm phán với Liên minh mới chống lại Pháp Ban hành thuế thu nhập

1784	tháng 1-3	Bước vào Viện Bình dân Tổng tuyên cử Nghị sĩ của Đại học Cambridge Thông qua Dự luật Ấn Độ của Pitt và bắt đầu những sửa đổi về thuế
1799		Tiếp tục cuộc chiến tranh lục địa châu Âu Chính thức cấm các hội có tính chất lật đổ Đẩy lùi cuộc viễn chinh tới Hà Lan Nga thất bại ở Switzerland
1800		Liên minh của Anh và Ireland được ban hành (bắt đầu từ ngày 1/1/1801) Khan hiếm lương thực và tụ tập phá rối Cuộc chiến tranh lục địa châu Âu sụp đổ Thúc đẩy cuộc viễn chinh Ai Cập thông qua Nội các
1801	ngày 14/3	Xác định cuộc chiến với các cường quốc trung lập ở Baltic Chấp nhận sự chống đối của hoàng gia đối với vấn đề giải phóng Công giáo Ủng hộ người nổi nghiệp là Addington trong đàm phán hòa bình với Pháp
1802	tháng 3	Hòa ước Amiens với Pháp Tổng tuyên cử Pitt ốm nhiều lần trong suốt mùa thu, gây trở ngại đối với việc cầm quyền
1803	tháng 5 tháng 7	Cố gắng thuyết phục Pitt trở lại Bộ Tiếp tục cuộc chiến với Pháp Quay trở lại Viện Bình dân Lãnh đạo đội quân tình nguyện chống lại họa xâm lăng
1804	ngày 10/5 tháng 12	Tham gia công kích cách chỉ đạo cuộc chiến của Addington Một lần nữa trở thành Thủ tướng khi Addington từ chức Các cải cách Bộ Tài chính Liên minh với phe Addington
1805	tháng 5 tháng 7	Đàm phán để thiết lập Liên minh châu Âu thứ ba Thất bại trước Melville Phe Addington rút khỏi chính phủ Tiếp tục cuộc chiến châu Âu Chiến thắng hải quân ở Trafalgar nhưng liên minh lại thất bại ở Ulm và Austerlitz
1806	ngày 23/1	Pitt mất



Tác giả: Nguyễn Cảnh Bình
Số trang: 263
Giá bìa: 35.000đ
Xuất bản: 2008

ALEXANDER HAMILTON

Trong số những người góp phần đặt nền móng cho nhà nước cộng hoà Mỹ, không ai có cuộc đời gian truân, gây nhiều tranh cãi và chịu kết cục cay đắng như Alexander Hamilton. Ông là người trẻ nhất trong số những người đã có công dựng nên Nhà nước Mỹ, một chính khách có đóng góp to lớn xây dựng Hiến pháp Mỹ, thúc đẩy sản xuất và đặt nền móng cho nền kinh tế Mỹ...



Tác giả: Geoffrey Ellis

Số trang: 360

Giá bìa: 64,000đ

Xuất bản: 2008

NAPOLEON

Bằng việc tập trung vào bản chất, cơ chế vận hành và cách sử dụng quyền lực của Napoleon với những dữ kiện vô giá, Geoffrey Ellis đi sâu tìm hiểu cách Napoleon vươn tới danh vọng từ một Trung úy trong cuộc Cách mạng Tư sản Pháp; những tham vọng và thành tựu của ông trên cương vị quan chấp chính cao nhất và khi trở thành hoàng đế trong giai đoạn 1799-1815...



Tác giả: Hugh Brogan

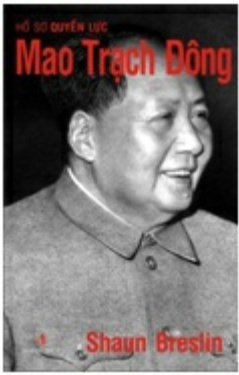
Số trang: 368

Giá bìa: 74,000đ

Xuất bản: 2008

KENNEDY

Hugh Brogan đã đề cập và đánh giá khách quan những mục tiêu và thành tựu của Kennedy xoay quanh các vấn đề hấp dẫn như cuộc ứng cử thành công, chính sách ngoại giao, các chương trình nghị sự, cuộc cách mạng đòi quyền bình đẳng... Qua đó, độc giả có thể hiểu được những ý tưởng của Kennedy đã sống sót như thế nào qua các “bài kiểm tra thực tế” cũng như khả năng lãnh đạo thiên tài của ông...



Tác giả: Shaun Breslin

Số trang: 336

Giá bìa: 64,000đ

MAO TRẠCH ĐÔNG

Bao quát 50 năm cuộc đời và sự nghiệp của Mao Trạch Đông, cuốn sách này giúp ta hiểu rõ Mao Trạch Đông đã thành lập Nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa như thế nào vào năm 1949 - một năm đầy rối loạn của đất nước Trung Quốc, và những điều ông làm được trên cương vị Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung quốc trong gần ba thập niên sau đó...

Diêu Minh: Ngôi sao bóng rổ người Trung Quốc. Du Mẫn Hồng: Giảng viên tiếng Anh kiêm chuyên gia trong lĩnh vực quản lí. Năm 2012 được bình chọn là 1 trong 50 chuyên gia kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất Trung Quốc. 1. Nhà đầu tư thiên thần là những người giàu có, có khả năng cấp vốn cho một doanh nghiệp mới thành lập, đổi lại, họ có quyền sở hữu một phần công ty. Han Geng: nam ca sĩ, vũ công, diễn viên, thành viên của nhóm nhạc Hàn Quốc Super Junior. Nghĩa là con chim yến bay nhanh. Ý nói một người bình thường không có biểu hiện gì đặc biệt, nhưng khi làm thì có thành tích khiến mọi người kinh ngạc. Tên một phố đi bộ chuyên bán quần áo, phụ trang ở Trung Quốc. Diễn viên khá nổi tiếng người Đài Loan. Thẻ sử dụng cho những người định cư ở nước ngoài. Cách gọi trong chơi phỏm của Trung Quốc, nghĩa là có 3 cây cùng quân bài (ví dụ cùng là quân K). Trích trong bài thơ Vịnh liễu của nhà thơ Hạ Tri Chương, thời Đường, Trung Quốc. Ý nói: “Ngọc biếc điểm nên một cây cao” hoặc “Cây cao tựa ngọc điểm trang”. Ý nói dòng sông trong xanh như thể nhuộm lên mình một tấm áo tràn đầy sắc xuân. Giải vô địch bóng đá Ý. National Basketball Association, giải bóng rổ nhà nghề dành cho nam tại Bắc Mỹ. Formula One, môn thể thao đua ô tô do Liên đoàn Ô tô Quốc tế tổ chức. Trong tiếng Trung, từ “con ngỗng” và “Hàng Nga” đọc hơi giống nhau. Trong tiếng Trung, từ “con rết” và “không công” đọc giống nhau. Loại rượu trắng nổi tiếng ở Tứ Xuyên làm bằng năm loại lương thực. Hình ảnh ẩn dụ chỉ việc muốn trốn tránh thực tế. Hai nhân vật trong Tam quốc diễn nghĩa. Để lừa được Tào Tháo, Hoàng Cái và Chu Du đã phải dụng tâm làm khổ nhục kế. Biết Sái Trung, Sái Hòa (hai nhân vật hư cấu, là em của Sái Mạo) sang Đông Ngô trá hàng, Chu Du và Hoàng Cái cố ý giả vờ cãi nhau, rồi Chu Du đánh đòn Hoàng Cái trước mặt hai tên họ Sái, để hai gián điệp của Tào Tháo đưa tin tức sai. Hoàng Cái giả cách oán hận Chu Du, cử Hám Trạch sang đưa thư trá hàng. Do tin của Sái Trung, Sái Hòa đưa về, cộng với tài ăn nói của Hám Trạch, Tào Tháo tin việc Hoàng Cái sang hàng là thật. Có nghĩa là: Trong lòng có thơ ca thì tinh thần rạng rỡ. Nay ta chôn hoa, người cười ta cuồng si. Từ xuất phát trong cách nói của dân gian, chỉ người đàn ông độc thân. Có nghĩa là: đệ nhất nghìn cân. “Thiên kim” hay còn gọi là “nghìn vàng”. Trong tiếng Trung, “nghìn vàng” và “nghìn cân” đọc giống nhau. Tác giả muốn chơi chữ, ý nói là rất béo. Nghĩa là người đàn ông độc thân giàu có. Ca sĩ, ngôi sao điện ảnh Hồng Kông, nổi tiếng từ thập niên 1980. Những con số rất lớn từ hàng trăm triệu trở lên, ví dụ khoảng cách giữa các hành tinh trong vũ trụ. Đạo diễn, diễn viên hài Hồng Kông, được đánh giá là diễn viên hài xuất sắc nhất của điện ảnh châu Á với biệt danh Vua hài. Món ăn nổi tiếng của Trung Quốc, làm từ thịt lợn, hơi giống món thịt kho tàu nhưng làm cầu kỳ hơn và có vị ngon hơn. Diễn viên nổi tiếng của Trung Quốc. Thương hiệu cà phê nổi tiếng của Trung Quốc. Tiếng Quảng Đông có nghĩa là kết hôn, tìm được một nửa còn lại. Ngày kỷ niệm phong trào Ngũ Tứ của Trung Quốc, mừng Bốn tháng Năm. Câu thành ngữ, ý nói ngựa khôn không gặm cỏ cũ, không ngoái đầu lại bãi cỏ đã chạy qua. Nói rộng ra là người khôn ngoan không mãi luyến tiếc cái đã mất. Trong tiếng Trung, từ “醋” vừa có nghĩa là “giấm” vừa có nghĩa là “ghen tuông”. Ở đây tác giả muốn chơi chữ. Một câu thành ngữ, ý nói gặp được chuyện tốt lành. Ở đây tác giả muốn chơi chữ, Lâm và Bảo là hai nhân vật trong Hồng lâu mộng. Có nghĩa là giữ chặt. Gần bằng 1/3 mét. Phiên Phi nghĩa là bay nhanh, Phiên Phiên Phi là bay lượn tung tăng. Có nghĩa là: qua năm cửa ải, chém sáu tướng, chỉ một việc vô cùng khó khăn. Nguyên khúc: một hình thức văn nghệ đời Nguyên gồm tạp kịch và tản khúc. * Quê Khiêm (quê kếp): Quê khôn trên chỉ đất, Quê khôn dưới chỉ núi 1\ 225 ghế trong số 450 ghế Duma quốc gia chia cho các đảng phái tham gia tranh cử theo tỉ lệ số phiếu bầu ở các khu vực bỏ phiếu trên toàn liên bang, 225 ghế còn lại tính theo nguyên tắc đa số tương đối ở các khu vực bầu cử đề cử cá nhân. 2\ Căn cứ theo Luật trưng cầu dân ý Duma quốc gia Nga thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2004, quy định hàng loạt những hạn chế về vấn đề đề nghị trưng cầu dân ý, trong đó quy định rõ: các vấn đề như “sửa đổi nhiệm kỳ tổng thống và Duma quốc gia Nga, và tổ chức bầu cử sớm hoặc trì hoãn bầu cử tổng thống và Duma quốc gia Nga” đều không được tiến hành trưng cầu dân ý. Tham khảo “Luật trưng cầu dân ý Liên bang Nga”. 1.

Theo quy định của điều 99 “Hiến pháp Nga”, 30 ngày sau khi bầu ra Duma quốc gia sẽ tổ chức hội nghị lần thứ nhất, nhưng tổng thống Liên bang Nga có thể triệu tập hội nghị Duma quốc gia trước thời hạn thông qua Lệnh tổng thống. 1\ . Báo nước Nga mới: <http://www.rusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - neizheng/2007/211/41986301.html> 2\ . Báo nước Nga mới: <http://www.nusnews.cn/eguoxinwen/eluosi - nenzheng/2007/211/41986908.html> 1\ . Cuối năm 1999 đến đầu năm 2000, từ khi Putin lên cầm quyền, thương mại song phương giữa Nga và Liên minh Châu Âu tăng trưởng tương đối nhanh, tổng kim ngạch thương mại song phương tăng từ khoảng 52,7 tỷ Euro năm 1999 lên khoảng 213,3 tỷ Euro năm 2006, tổng kim ngạch thương mại tăng gấp 4 lần, tăng bình quân năm 23,4%. European Union. Eurostat. 2\ . Là khu vực tiêu thụ năng lượng lớn thứ hai thế giới, 30% dầu mỏ của liên minh châu Âu nhập khẩu từ Nga, mà khí đốt của Nga lại chiếm đến 50% lượng khí đốt nhập khẩu của liên minh châu Âu. Christian Cleutinx, The EU – Russian Energy Dialogue, October 2005 3\ . _Trụ cột thứ nhất_: bảo hiểm dưỡng lão xã hội, chỉ dành cho những người đặc biệt khó khăn không có khả năng đóng phí bảo hiểm dưỡng lão; _trụ cột thứ hai_: bảo hiểm dưỡng lão bắt buộc, nó là bộ phận quan trọng nhất trong hệ thống bảo hiểm dưỡng lão, lập tài khoản cá nhân cho tất cả những người làm việc, cung cấp bảo đảm dưỡng lão, tiền của nó do doanh nghiệp và công nhân viên chức nộp và lợi nhuận quỹ; _trụ cột thứ ba_: bổ sung bảo hiểm dưỡng lão, còn gọi là kế hoạch quỹ năm ngành nghề hay kế hoạch quỹ năm doanh nghiệp, nó là kế hoạch nghỉ hưu của tư nhân quản lý, do chủ lao động tự nguyện thành lập, tất cả những người lao động đều có thể tự nguyện tham gia. 4\ . Số liệu của Bộ y tế và xã hội Nga 5\ . Là một trong “Bốn dự án lớn được ưu tiên của quốc gia” được nhắc tới ở trên. 6\ . Năm 1999, tại Bologna, Italia, 29 quốc gia Châu Âu đã đưa ra kế hoạch cải cách giáo dục đại học Châu Âu, mục tiêu là đến năm 2010, xây dựng được chế độ công nhận giáo dục đại học thống nhất toàn Châu Âu, công nhận bằng tốt nghiệp và bằng điểm của sinh viên tốt nghiệp đại học giữa các nước thành viên. 7\ . Trước đó quy định là 50% 1\ . Lấy lĩnh vực dầu khí làm ví dụ, mặc dù Mỹ là nước nhập khẩu dầu lớn nhất trên thế giới và Nga chiếm vị trí thứ hai trong các nước xuất khẩu dầu nhưng lượng dầu nhập khẩu của Mỹ từ Nga chỉ chiếm 2% - 3% tổng lượng dầu nhập khẩu của Mỹ. 2\ . Hứa Chí Tân: “Chiến lược đối ngoại của Nga xuất hiện những biến đổi mới” trích trong “Văn kiện Nga - Đông Âu - Trung Á năm 2007”, ấn bản thường niên năm 2008 của NXB Khoa học Xã hội Văn hiến. 3\ . Trong 3 năm từ 2004 -2006, chính quyền Bush đã tài trợ cho những hoạt động dân chủ tại Nga với số tiền cụ thể là: 6 triệu đô la; 6,295 triệu đô la và 7,859 triệu đô la. 4\ . Không gian chung bao gồm: kinh tế; tự do, an toàn và tư pháp; an ninh khu vực; khoa học, giáo dục văn hoá. 5\ . Cách gọi “Tân châu Âu” do cựu bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld đề xướng, ông coi các nước ủng hộ cuộc chiến tại Iraq của Mỹ thuộc khối “Tân châu Âu”, các quốc gia phản đối cuộc chiến này thuộc khối ‘Cựu châu Âu’. 6\ . Ngày 20/5/2005, quan chức của Bộ ngoại giao, Bộ quốc phòng và giới học giả Nga đã tổ chức hội nghị bàn tròn “Hoàn thiện các vấn đề của tổ chức hợp tác Thượng Hải ở viện nghiên cứu Viễn Đông và viện khoa học Nga, các đại biểu tham dự hội nghị đã thống nhất về mục đích và hậu quả “Cách mạng sắc tộc do Mỹ ủng hộ”. 7\ . Hội nghị phi chính thức tại Vladivostok là hội nghị ngoại trưởng ba bên không chính thức lần thứ 4 được tổ chức. Điểm khác biệt so với 3 kỳ hội nghị trước đó là không tận dụng thời gian của các hội nghị quốc tế như trước kia mà hội nghị lần này do 3 nước nhất trí cùng chuyển bị, điều này thể hiện quan hệ hợp tác chiến lược giữa 3 quốc gia đã bắt đầu bước vào một giai đoạn mới. Hai câu thơ trong tác phẩm Bạch tuyết ca tổng Vũ phán quan quy kinh của tác giả Sầm Tham đời Đường. Hai câu trên lấy từ bản dịch của Hải Đà trên thivien.net. Hương tuyết, chỉ cây hoa mai. Trong Tam quốc diễn nghĩa có ghi: Thời Tam Quốc, đại tướng Hoàng Cái của Đông Ngô nhận lệnh đến doanh trại của Tào Tháo giả hàng, để Tào Tháo tin, Chu Du cố ý mượn cơ đánh Hoàng Cái một trận, Hoàng Cái giả vờ giận dữ rồi đầu hàng địch. Tên một bộ tiểu thuyết của Johann Wolfgang von Goethe, tên tiếng Anh là The Sorrows of Young Werther, tên gốc là

Die Leiden des jungen Werther. Một câu nói lưu truyền trong dân gian Trung Quốc, ý nói một vài phương diện tính cách xuất hiện ở trẻ con ba, bốn tuổi sẽ mãi theo nó suốt cả cuộc đời, nên nhìn một đứa trẻ ba tuổi cũng có thể đoán được con người nó khi đã trưởng thành. Một câu trong bài từ nổi tiếng của Giá Hiên cư sĩ (Tân Khí Tật) thời Nam Tống. Ý nghĩa của bài từ đó là: Thời thiếu niên, bởi vì không hiểu được dư vị của sâu khổ, viết ra được bài từ mới hay, thường xuyên đăng cao vọng viễn, không sâu khổ mà miễn cưỡng nói có sâu khổ. Nhưng giờ ta đã đến tuổi trung niên, mang nỗi khổ hoạn nạn khốn khó, cuộc sống trải qua gian nan. Những sâu khổ này, có cái không thể nói, có cái không tiện nói, mà nói cũng nói không hết, thôi thì chẳng nói nữa vậy, chỉ đành thờ dài, nói trời lạnh rồi, mùa thu đẹp thay. Một ca sĩ nổi tiếng của Trung Quốc. Câu nói trong Không Tử ngữ lục, có nghĩa là thứ không hợp lễ thì không nhìn, điều không hợp lễ thì không nghe. Ý nói bệnh đến bất ngờ, đột ngột nhưng lúc bình phục thì từ từ mới khỏi. Trúc ngoại đào hoa tam lưỡng chi. Đây là câu thơ đầu trong bài Huệ Sùng xuân giang văn cảnh của tác giả Tô Thức thời Bắc Tống. Thành ngữ, ý chỉ sự việc đã trải qua, rắc rối phức tạp nhưng cuối cùng đã có được kết quả. Câu này xuất xứ từ Quyết biệt thư của Trác Văn Quân gửi cho Tư Mã Tương Như. Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: “Oh my God!”, nghĩa là: “Lạy Chúa tôi!” Trường trung học số một của Thanh Châu, tỉnh Sơn Đông. 傅: Chữ này có hai âm đọc là “phó” và “phụ”. SOHO: tức Small office home office, làm việc ở nhà, phần lớn là chỉ những người làm việc tự do. Kế vườn không nhà trống. Cờ đỏ trong nhà là chỉ vợ, cờ màu bên ngoài là chỉ tình nhân. Câu này ám chỉ quan hệ với vợ và tình nhân được xử lý hài hòa. Trường trung học xếp thứ 6. 2. Andrew William Mellon: bộ trưởng Bộ Tài chính Mỹ giai đoạn 1921 – 1932. 3. Franklin Delano Roosevelt: tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ, đắc cử bốn lần giai đoạn 1933-1945. 4. George M. Humphrey: Bộ trưởng Bộ tài chính Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953 - 1957 5. Dwight David “Ike” Eisenhower: tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1953–1961. 6. Trái phiếu đô thị: trái phiếu do các chính quyền địa phương phát hành nhằm huy động vốn cho các công trình phúc lợi, thu nhập từ trái phiếu loại này được miễn thuế. 1. Uncle Sam (US): Tên lóng của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. 2. Nguyên văn: “E Pluribus Unum” – Khẩu hiệu của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, được in trên đồng đôla từ 1776-1956. 1. Adelphia Communications Corporation: được xếp hạng là công ty cấp lớn thứ 5 của Mỹ trước khi bị phá sản năm 2002 do tham nhũng nội bộ. 2. Nội chiến Mỹ: nổ ra ngày 12/4/1861 và kết thúc ngày 9/4/1865 giữa Liên bang miền Bắc và Liên minh miền Nam, địa điểm: phía Nam nước Mỹ. Nguyên nhân: do quân miền Nam phá đồn Sumter. Kết quả: quân miền Bắc chiến thắng, kết thúc chính sách nô lệ và xây dựng lại nước Mỹ. 3. Rhett Buttler: Tên nhân vật nam chính nổi tiếng trong cuốn tiểu thuyết kinh điển Cuốn theo chiều gió, Rhett Buttler là kẻ giàu lên nhanh chóng nhờ vào những mảnh khoe gian thương, đầu cơ tích trữ. 4. Sigmund Freud (tên đầy đủ là Sigmund Schlomo Freud; 1856-1939) nguyên là một bác sĩ về thần kinh và tâm lý người Áo. Ông được công nhận là người đặt nền móng và phát triển lĩnh vực nghiên cứu về phân tâm học. Chính ông là người phát hiện ra công dụng tuyệt vời của cocain trong chữa bệnh. 5. Caramel là đường nấu chảy (không nên nhầm với loại kẹo màu nâu có cùng tên) được sử dụng rộng rãi làm chất tạo màu trong các loại thuốc. Ngoài ra, nó còn có tác dụng giầu những yếu tố có thể bị lẫn vào hợp chất trong khi pha chế. 20. Ngày 22/11/1963, trong một chuyến công du tới Dallas, Tổng thống Kennedy bị ám sát. 6. Dope: là một tên khác chỉ cần sa. 7. Ralph Nader: Là luật sư và nhà hoạt động chính trị người Mỹ. Ông là người ủng hộ rất nhiệt thành các vấn đề về bảo vệ người tiêu dùng và nữ quyền. 8. John Davison Rockefeller Cha (1839 – 1937) là một nhà công nghiệp người Mỹ, người đóng vai trò quan trọng trong ngành công nghiệp dầu mỏ thời sơ khai, người sáng lập tập đoàn Standard Oil. 9. Sử dụng một mục báo trên tờ Good Housekeeping làm diễn đàn, Wiley tiếp tục tấn công công ty. Tháng 5/1922, trong mục “Trò chuyện cùng Dr. Wiley,” ông khẳng định là uống ba đến bốn lon Coca-Cola một ngày liên tục trong vài năm sẽ có tác động “rất xấu” tới sức khỏe. “Đối với một đứa trẻ đang lớn”, ông nói thêm, “nó sẽ có thể hủy hoại sức khỏe cả đời.” 10. Lời phát biểu công

khai duy nhất của Candler trong bài phỏng vấn trên tờ Kansas City Times hơn một năm sau đó đã góp phần tạo nên sự mập mờ của vụ giao dịch này. “Tôi có năm người con tuyệt vời, nhưng chúng chỉ là những đứa trẻ. Khi tôi giao cho chúng công việc kinh doanh, nó là của chúng. Chúng đã bán một phần rất lớn cổ phần với mức giá quá hời. Nếu là tôi, tôi sẽ không làm như vậy nhưng các con tôi đã làm và đứng trên quan điểm của người bán, đây là một vụ mua bán có lợi.” Thực ra, Candler hẳn không phản đối việc bán công ty bởi vì đây là dự định từ lâu của ông. Giá cả cũng không phải vấn đề vì ông đã đặt ra mức giá này trong các cuộc thương lượng trước đây. Nguyên nhân dẫn đến sự thất vọng của Candler chỉ có thể là danh tính người mua. 11. Một lần, Robert sai tài xế của mình, Lawrence Calhoun, đến sân ga đón và chờ đồ đạc của cha ông về. Sau khi về nhà, Ernest bỏ hành lý ra và lục tìm trong túi và nói: “Rõ ràng là ta đã để 25 xu đâu đó mà!” Lúc đó, Calhoun vội vàng đáp lại: “Thưa ngài Woodruff, nếu quả thực ngài có 25 xu thì tôi dám chắc rằng ngài vẫn đang giữ đấy!” Vào thời đó, không một người hầu da đen nào dám cả gan nói xấc xược như vậy với một người có địa vị cao như Ernest Woodruff. Lời kể lại của Robert sau này chính là những điều Calhoun thực sự muốn nói. Và câu chuyện này bị lộ ra là do Robert kể lại – thường là để nhấn mạnh cha mình là một người keo kiệt. 12. Một năm sau vụ kiện rùm beng từng lên trang nhất các tờ báo ở Atlanta suốt một tuần này, một thẩm phán tìm ra bằng chứng có lợi cho Asa Candler. Người ta phát hiện ra rằng bà de Bouchel chưa chính thức ly hôn với người chồng trước, và như vậy bà này không được phép kết hôn với bất kỳ người nào khác. 13. Tháng 1/1929, tình cảnh của Woodruff trở nên dễ chịu hơn khi hội đồng quản trị đồng ý chia 1 triệu số cổ phiếu loại A cho các cổ đông, mỗi cổ phiếu trị giá 50 đô-la. Các cổ đông có thể bán hoặc giữ lại tùy thích. Điều này đã ngăn được việc đánh thuế vào nguồn lợi nhuận thu được. Nó đem lại nguồn lợi tức hàng năm là 3 đô-la hay 6 %. 14. Dấu hiệu thành công là Pepsi cũng bị làm giả. J. C. Mayfield, đối tác cũ của Dược sỹ Pemberton và là người đã gây nguy hại cho Coca-Cola với sản phẩm Koke, cũng tạo ra sản phẩm có tên Pepsi-Nola. 15. Đó là nguồn gốc của câu nói “Không Coke! Pepsi” mà sau này trở thành chủ đề trong một vở kịch châm biếm được trình diễn liên tục trên chương trình truyền hình Saturday Night Live trong đó John Belushi đóng vai nhân viên thu ngân của một quán ăn rẻ tiền luôn mồm dùng cụm từ đó quát tháo khách hàng với giọng lè nhè. 16. Nhiều năm sau khi Woodruff bắt đầu dùng tài sản của mình làm từ thiện và trở thành nhà từ thiện vĩ đại nhất Atlanta, người môi giới chứng khoán của ông vô cùng kinh ngạc trước tình trạng của cổ phiếu: “Những mảnh giấy cũ bụi bặm, bản thảo và quần queo.” Chúng không bị xáo trộn gần nửa thế kỷ nay. 17. Do hoa màu đang nằm trong tay kẻ thù nên công ty phải tạm thời sử dụng nguyên liệu thay thế dầu cây cassia. Theo những tài liệu mật của Ralph Hayes, dầu cây cassia đóng vai trò quan trọng trong thành phần Merchandise 7X tuyệt mật. Sau khi chiến tranh kết thúc, nguồn cung cấp cho loại dầu này ổn định trở lại và nó được sử dụng tiếp cho sản phẩm Merchandise No.12. 18. Biệt danh này được đặt theo tên của Simon Legree, tay buôn nô lệ độc ác trong tác phẩm Túp lều bác Tom của Harriet Beecher Stowe. 19. Quyết định gỡ bỏ quy định chỉ có người da trắng mới được phép tham gia Đảng Dân Chủ. 1. Đây có thể là một bằng chứng cho thấy sự ngây thơ của Ladas: ông đã quên không hủy các lá thư, bản ghi nhớ và các bức điện tín mật trong đó cho thấy một cách chi tiết các thủ đoạn mang tính nhạy cảm cao mà công ty đã sử dụng trong vụ việc tại Pháp. Các tài liệu của Ladas về sau đã được phát hiện trong các hồ sơ lưu trữ tại Phòng Xuất Khẩu của Coca-Cola vào cuối những năm 1980 và sau đó đã được nộp lại cho nhà chức trách. Trong thần thoại Hy Lạp, Paris là con trai vua Priam của thành Troy. Paris lén lút quan hệ với hoàng hậu của thành Sparta là Helen và chính điều này là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc Chiến tranh thành Troy. (Tất cả các chú thích trong sách đều là của người dịch.) Zeus (được phiên âm trong một số sách tiếng Việt là thần Dớt) là thần trị vì các vị thần, đồng thời là thần cai quản bầu trời và thần sấm sét trong thần thoại Hy Lạp. Hera là vợ của thần tối cao Zeus, đồng thời là nữ thần bảo trợ phụ nữ và hôn nhân. Athena là nữ thần của nghề thủ công mỹ nghệ, trí tuệ đồng thời cũng là vị thần chiến tranh

chính nghĩa. Athena là thần bảo hộ của thủ đô Athens, Hy Lạp. Aphrodite là nữ thần tình yêu, sắc đẹp và sự sinh nở (cũng có thể là nữ thần của dục vọng) và cũng là thần hộ mệnh của thủy thủ. American Idol là một cuộc thi âm nhạc và chương trình truyền hình thực tế của nước Mỹ. Cuộc thi bắt đầu được tổ chức từ ngày 11 tháng 6 năm 2002 và là một trong những chương trình truyền hình thu hút đông khán giả nhất nước Mỹ. American Idol được mua bản quyền từ chương trình Pop Idol của Anh do nhà sản xuất Simon Fuller sáng lập. Simon Phillip Cowell (sinh ngày 7/10/1959) là một doanh nhân và nhà sản xuất chương trình truyền hình nổi tiếng người Anh. Ông nổi tiếng trên truyền hình với vai trò là giám khảo của nhiều cuộc thi âm nhạc lớn như Pop Idol, American Idol, The X Factor hay Britain's Got Talent. Ông cũng nổi tiếng với những lời nhận xét khá khắt nghiệt đối với thí sinh trong các cuộc thi âm nhạc. Biểu đồ ngày sinh (birth chart hay còn gọi là natal chart) là biểu đồ diễn tả vị trí của các hành tinh và các cung dựa trên ngày tháng năm sinh của bạn. Các bạn có thể dựa vào biểu đồ ngày sinh để xem tính cách một người ra sao, tương lai người đó thế nào hay cả việc xem hai người có hợp nhau không, có kết quả gì khi đến với nhau không. Carl Gustav Jung (1875 - 1961) là bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Thụy Sĩ. Ông nổi tiếng nhờ việc thành lập nên một trường phái tâm lý học mới có tên là “Tâm lý học Phân tích” (analytical psychology) nhằm phân biệt với trường phái “Phân tâm học” (psychoanalysis) của Sigmund Freud. Ngày nay có rất nhiều nhà tâm lý trị liệu chữa trị bệnh nhân theo phương pháp của ông. 'Buffy – Khắc tinh Ma cà rồng' (Buffy the Vampire Slayer) là sê-ri phim truyền hình của Mỹ lên sóng từ 10/3/1997 đến 20/5/2003. Câu chuyện kể về người được lựa chọn trong các thế hệ Khắc tinh Ma cà rồng – Buffy. Cô gái trẻ với định mệnh trở thành kẻ tiêu diệt Ma cà rồng. Cùng những người bạn ở Sunnydale, Buffy đương đầu với thế lực đen tối. Jason là một anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, nổi tiếng là nhà lãnh đạo của các anh hùng trên con thuyền Argo với sứ mệnh giành lấy Bộ lông cừu vàng. Bằng kì tích đoạt lại Bộ lông cừu vàng – một nhiệm vụ vô cùng khó khăn, chàng chứng minh rằng mình có đủ khả năng để ngồi trên ngai vàng, chứ không cần dựa vào quyền thừa kế. Trong thần thoại Hy Lạp, Minos là vua xứ Crete, con của thần Zeus và Europa, công chúa xứ Tyre. Sau khi mất, Minos trở thành người phán xét ở địa ngục. Nền văn minh Minos thời tiền Hy Lạp của đảo Crete được đặt theo tên ông. Poseidon là vị thần của biển cả, ngựa và “người rung chuyển Trái đất”, của những trận động đất. Minotaur hay nhân ngư là con quái vật nửa người nửa bò trong thần thoại Hy Lạp. Audrey Hepburn (1929 – 1993) là diễn viên điện ảnh huyền thoại trong hai thập niên 1950, 1960. Qua các cuộc bầu chọn, bà thường được xem là một trong những phụ nữ đẹp nhất thế kỷ XX. Audrey Hepburn cũng là biểu tượng của thời trang và còn được biết tới với vai trò nhà hoạt động nhân đạo, Đại sứ thiện chí của UNICEF. Cher tên thật là Cherilyn Sarkisian, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1946 tại California, Mỹ, là một diễn viên, ca sĩ, nhạc sĩ và nhà hoạt động giải trí. Theo thần thoại Hy Lạp, Castor và Pollux là hai anh em sinh đôi cùng mẹ (Leda) nhưng khác cha. Castor là con của Tyndareus, vua thành Sparta còn Pollux là con của thần Zeus. Đó là hai chàng trai trung hậu, rất dũng cảm và cùng nhau nổi danh khi lập được nhiều chiến công hiển hách trong hành trình đi tìm Bộ lông cừu vàng của nhóm thủy thủ tàu Argo và trong biết bao cuộc phiêu lưu khác. Lúc nào hai anh em cũng luôn luôn tìm cách giúp đỡ lẫn nhau. Địa ngục trong thần thoại Hy Lạp, được đặt theo tên của vị thần cai quản nó – thần Hades. Khalil Gibran (1883-1931), còn được biết đến với tên Kahlil Gibran, là nhà thơ, nhà văn, nghệ sĩ người Liban. Trong thần thoại Hy Lạp, Achilles là nhân vật trung tâm và là chiến binh vĩ đại nhất của sử thi Iliad. Những tích truyện về sau mô tả Achilles có một cơ thể không thể bị thương ngoại trừ gót chân của anh ta. Anh ta đã chết vì một vết thương nhỏ ở nơi gót chân. Thetis là nữ thần biển cả vô cùng xinh đẹp. Đáng lẽ thần Zeus đã cưới Thetis làm vợ, nhưng có lời tiên tri rằng nếu Zeus lấy Thetis thì đứa con sinh ra từ cuộc hôn nhân này sẽ giành quyền cai trị thế gian, nên Zeus ban Thetis cho anh hùng Peleus (cháu mình). Peleus là cháu thần Zeus và là cha đẻ của dũng tướng Achilles. Nguyên gốc Tiếng Anh – oxymoron – phép nghịch hợp là một thuật ngữ trong

ngôn ngữ học, ý chỉ hai từ đi cùng nhau mà trái nghĩa nhau (ví dụ: “pretty” và “ugly”). Tên tiếng Anh là Venus, cũng có nghĩa là thần Vệ Nữ (nữ thần Sắc đẹp và Ái tình) trong thần thoại La Mã, mẹ của Aeneas và Cupid, tương ứng với nữ thần Aphrodite trong thần thoại Hy Lạp. Tâm lý học nghịch đảo (reverse psychology): Khi bạn muốn đối phương làm việc gì đó bằng cách yêu cầu họ làm điều ngược lại. Trong thần thoại Hy Lạp, Medusa là một con quỷ trong ba chị em quỷ có tên chung là Gorgon gồm Stheno, Euryale và Medusa. Trước kia Medusa đã từng là một người phụ nữ xinh đẹp, có mái tóc bồng bênh, cực kì quyến rũ. Vì thế, Medusa tự mãn cho rằng mình còn đẹp hơn nữ thần Athena. Sắc đẹp của Medusa đã thu hút Poseidon. Khi Poseidon theo đuổi, Medusa chạy đến đền thờ Athena và nghĩ rằng nữ thần sẽ bảo vệ cô, nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Poseidon đã hãm hiếp Medusa trong đền thờ của nữ thần (các phiên bản khác cho là Medusa tự nguyện). Và để chắc chắn chuyện tương tự không tái diễn, Athena biến Medusa thành nữ quỷ với cái nhìn có thể biến tất cả các sinh vật sống thành đá, đồng thời biến mái tóc tuyệt đẹp của Medusa thành rắn. Perseus là người anh hùng đầu tiên trong thần thoại Hy Lạp đã đánh bại những con quái vật cổ xưa được tạo ra bởi các vị thần trên đỉnh Olympus. Perseus đã giết Medusa Gorgon (Quái vật tóc rắn) và giải cứu Andromeda (công chúa Hy Lạp thời đó) khỏi con quái vật biển được thần Poseidon phái đến để trừng phạt nữ hoàng Cassiopeia vì bà dám tự nhận mình là người phụ nữ xinh đẹp nhất thế gian, còn đẹp hơn cả những nàng công chúa của biển. Trong thần thoại La Mã, vị anh hùng này được gọi là Hercules (tương ứng trong thần thoại Hy Lạp là Heracles), tên chàng được đặt cho chòm sao Hercules. Những chiến công của Hercules vang dội khắp bốn phương, tượng trưng cho sức mạnh chinh phục thiên nhiên của con người thời xưa. Chiron là một nhân mã xuất sắc nhất trong loài của mình, ông đã đào tạo nhiều anh hùng trong thần thoại Hy Lạp, ông không những hiểu biết nhiều lĩnh vực mà còn có kỹ năng chiến đấu tuyệt vời, đặc biệt là khả năng sử dụng cung tên. Vì lẽ đó người ta thường thấy chòm sao Nhân Mã đang giương cung lên ngắm bắn nên còn gọi là chòm sao Xạ Thủ. Prometheus là vị thần khổng lồ, nổi tiếng với trí thông minh, là người đã ăn cắp ngọn lửa từ thần Zeus và trao nó cho nhân loại. Zeus đã trừng phạt ông bằng cách buộc ông vào một tảng đá để một con đại bàng ăn gan của ông hàng ngày, nhưng lá gan cứ ban ngày bị ăn thì ban đêm lại tái sinh (điều này khá đúng với thực tế: Gan là nội tạng duy nhất trong cơ thể người có khả năng tái sinh). Kronos (còn gọi là Cronos) là con út của thần Uranus (bầu trời) và nữ thần Gaia (đất mẹ) và là một trong 12 Titan (thần khổng lồ). Rhea – con gái của thần Uranus và nữ thần Gaia – là nữ thần của sự sinh sản, màu mỡ. Ngoài Gaia, Rhea cũng thường được coi như “mẹ của các vị thần” trên đỉnh Olympus. Cùng với Cronus, người chồng và đồng thời cũng là người em ruột, Rhea đã sinh ra: Hestia, Demeter, Hera, Hades, Poseidon và Zeus. Russell Ira Crowe (sinh ngày 07 tháng 4 năm 1964) là diễn viên, nhà sản xuất phim và nhạc sĩ người New Zealand. Ông nhận được sự chú ý của quốc tế đối với vai diễn Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius trong phim sử thi cổ trang năm 2000 'Võ sĩ giác đấu' của đạo diễn Ridley Scott. 'Võ sĩ giác đấu' (Gladiator) là một bộ phim sử thi cổ trang của Mỹ phát hành năm 2000 của đạo diễn Ridley Scott, với sự tham gia của Russell Crowe vào vai nhân vật hư cấu và trung thành: Đại tướng La Mã Maximus Decimus Meridius, người bị phản bội khi Commodus, người con trai đầy tham vọng của hoàng đế, giết cha mình để chiếm lấy ngai vàng và biến Maximus thành nô lệ. Để thoát khỏi thân phận nô lệ, Maximus tăng cấp bậc đấu trong đấu trường và giết Commodus, trả thù cho cái chết của gia đình và hoàng đế của mình. Lucy Law Les (sinh ngày 29 tháng 3 năm 1968) là diễn viên người New Zealand được biết đến nhiều nhất qua vai diễn Xena trong bộ phim hài kịch tình huống nổi tiếng 'Xena: Nữ chúa chiến binh'. 'Xena: Nữ chúa chiến binh' (Xena: Warrior princess) là bộ phim truyền hình thuộc thể loại siêu nhiên, kỳ ảo kết hợp phiêu lưu mạo hiểm do Mỹ và New Zealand hợp tác sản xuất. Nguyên văn: ADHD – Attention-deficit hyperactivity disorder – Rối loạn tăng động giảm chú ý. Nguyên văn: make-up sex, ám chỉ việc thực hiện “chuyện yêu” bằng cách khác lạ với đối tác. Điều này rất hữu ích khi bạn muốn tạo ra một ấn tượng lâu dài cho

vợ/chồng mình, để người ấy cảm thấy không thể thiếu bạn khi muốn có những màn yêu mặn nồng và ý nghĩa. Sao Diêm vương (Pluto) là chòm sao chủ quản của Thiên Yết. Rosie O'Donnell (21/3/1962) là nữ diễn viên hài kịch người Mỹ. Donald John Trump (14/6/1946) là nhà kinh doanh bất động sản, tác giả người Mỹ. Ngoài tư cách doanh nhân, Donald Trump cũng là một nhân vật truyền thông có tiếng, ông hiện đang là người dẫn chương trình kiêm nhà sản xuất của show truyền hình thực tế 'The Apprentice' trên đài Star World. Tên một hãng chăn ga gối đệm cao cấp. 'Người đẹp và Quái thú' (Beauty and the Beast) là một câu chuyện cổ tích trong nhiều nền văn hóa châu Âu được dựng thành nhiều bộ phim và vở kịch, trong số đó có bộ phim hoạt hình của hãng phim Walt Disney Picture vào năm 1991. Tên một hãng nội thất nổi tiếng ở Mỹ. Thành phố Venice (Ý) được biết đến là thành phố trên sông nổi tiếng thế giới với những con kênh và những chiếc thuyền truyền thống gondola. Với cấu trúc không cân xứng, một bên cong ra nhiều hơn bên kia, chiếc gondola có chiều dài trung bình khoảng 11 mét và chiều ngang khoảng 1,5 mét, được cấu tạo gồm 280 mảnh gỗ rời khếp kín vào nhau, thường là bằng gỗ pak, trừ bộ phận tựa mái chèo bằng gỗ walnit rất cứng rắn, và chiếc mái chèo nhẹ nhàng bằng gỗ beech cho dễ sử dụng. Bệnh Alzheimer là một dạng sa sút trí tuệ phổ biến nhất hiện nay. Người mắc bệnh này sẽ mất khả năng về trí lực và giao tiếp xã hội ở mức độ gây khó khăn cho cuộc sống hàng ngày. 'Hài kịch tình huống' hay sitcom (viết tắt của từ tiếng Anh: situation comedy) là một thể loại hài kịch, lúc đầu được sản xuất cho radio nhưng hiện nay được trình chiếu chủ yếu trên ti vi. Sitcom có nhiều tập với những tình huống hài hước được lồng ghép vào nội dung câu chuyện phim và được thực hiện hầu hết trong trường quay, thu thanh đồng bộ, sử dụng cùng lúc ba đến bốn máy quay phim ghi hình và bắt buộc phải dựng hình ngay tại trường quay để bảo đảm thời gian thực hiện một tập phim (khoảng 50 phút) chỉ trong thời gian từ ba đến bốn ngày. Phần mảnh dẻ, mềm mại kéo ra từ thân một số động vật dùng để sờ mó, nắm giữ hoặc di chuyển. Ví dụ như sên, bạch tuộc. Hermes là một trong các vị thần trên đỉnh Olympus của thần thoại Hy Lạp, thần đã tạo ra đàn lia (lyre). Hermes là con của Zeus và Maia. Hermes là thần bảo hộ cho kẻ trộm, người du lịch, các sứ thần, mục đồng và chăn nuôi, người thuyết trình, thương nghiệp, khoa học kỹ thuật, văn chương và thơ ca, các đơn vị đo lường, điện kinh, thể thao, sự khôn ngoan, lanh trí và các phát minh, sáng chế, ngôn ngữ. Ngoài ra, Hermes còn là vị thần đưa, truyền tin của đỉnh Olympus và là người dẫn đường cho các linh hồn đến cửa địa ngục. Hermes còn được biết như vị thần hộ mạng của cung Song Tử. Còn gọi là cá răng dao hay cá cộp, là một loại cá ăn thịt nguy hiểm. Mẹ Teresa còn được gọi là Mẹ Teresa Calcutta (1910-1997) là nữ tu Công giáo Rôma người Albania và là nhà sáng lập Dòng Thừa sai Bác Ái ở Calcutta, Ấn Độ năm 1950. Trong hơn 40 năm, bà chăm sóc người nghèo, bệnh tật, trẻ mồ côi trong khi hoàn tất nhiệm vụ lãnh đạo dòng tu phát triển khắp Ấn Độ, và đến các quốc gia khác. Bà được trao Giải Nobel Hòa bình năm 1979. Bài hát nổi tiếng của nữ ca sỹ Olivia Newton-John viết về chuyện ân ái. Olivia Newton-John (26/9/1948 –) sinh ra tại Cambridge (Anh) nhưng lại lớn lên ở Melbourne (Úc). Cô được coi là một trong những giọng ca country-pop và soft rock thành công nhất của thập niên 70 thuộc loại. William Tell là tên một anh hùng dân gian của Thụy Sĩ. Vua Arthur là một thủ lĩnh huyền thoại tại Anh, theo lịch sử thời Trung Cổ thì Ngài là người bảo vệ nước Anh chống lại sự xâm lăng của người Saxon vào đầu thế kỷ thứ VI. Chi tiết câu chuyện về vua Arthur phần lớn được tổng hợp từ văn học dân gian và việc ông có thực sự tồn tại trong lịch sử hay không vẫn là một vấn đề gây tranh cãi giữa các sử gia hiện đại. Victoria (Victorian style) là một trường phái kiến trúc thịnh hành ở Anh và các nước thuộc địa trong thời kỳ trị vì của nữ hoàng Victoria (1837 – 1901) và còn kéo dài đến sau này, ngay cả khi Chủ nghĩa Hiện đại đã lên ngôi. Có thể coi đây là kết quả của sự hôn phối giữa hình thái Gothic cổ điển ở châu Âu với nền Cách mạng Công nghiệp đang trong thời kỳ cực thịnh, trường phái này bắt đầu chịu nhiều ảnh hưởng của máy móc và xây dựng công nghiệp với hình khối đồ sộ, nhưng đường nét trang trí lại khá tinh vi và nhiều màu sắc rực rỡ. Andy Warhol (6/8/1928 – 22/2/1987) là

một họa sĩ người Mỹ gốc Rusyn nổi tiếng về nghệ thuật đại chúng (Pop Art). Claude Monet (14/11/1840 – 5/12/1926) là họa sĩ nổi tiếng người Pháp, một trong những người sáng lập ra trường phái ấn tượng. Leonardo di ser Piero da Vinci (1452 – 1519) là một họa sĩ, nhà điêu khắc, kiến trúc sư, nhạc sĩ, bác sĩ, kỹ sư, nhà giải phẫu, nhà sáng tạo và triết học tự nhiên người Ý. Người Etruria (Etruscan) đã tạo dựng một nền văn minh có ảnh hưởng lớn ở miền Bắc nước Ý thời cổ đại. Nghệ thuật Etruscan là nghệ thuật hữu hình, gắn bó mật thiết với tôn giáo, chẳng hạn như cuộc sống sau khi chết. Tiêu biểu cho nghệ thuật này là những điêu khắc gốm, tranh trên bình gốm, tranh tường, tượng đồng đúc và chạm khắc đồng. 'Điên cuồng' (Mad) là tên một tạp chí hài hước của Mỹ được sáng lập bởi biên tập viên Harvey Kurtzman và chủ báo William Gaines vào năm 1952. 'Tôi yêu Lucy' (I love Lucy) là tên một chương trình sitcom truyền hình của Mỹ được trình chiếu những năm 1950 với sự tham gia diễn xuất của Lucille Ball, Desi Arnaz, Vivian Vance và William Frawley. 'Ánh trăng' là bộ phim hài lãng mạn của Mỹ, được ra mắt vào năm 1987 của đạo diễn Norman Jewison. Nicolas Cage (1964 –) là một nam diễn viên, nhà sản xuất và đạo diễn người Mỹ. Adolf Hitler (1889-1945) là “Lãnh tụ và Thủ tướng đế quốc” (kiêm nguyên thủ quốc gia nắm quyền Đế quốc Đức, kể từ năm 1934. Ông thiết lập chế độ độc quyền quốc gia xã hội của Đế tam Đế quốc. Ông đã gây ra Đế nhị thế chiến, thúc đẩy một cách có hệ thống quá trình tước đoạt quyền lợi và sát hại khoảng sáu triệu người Do Thái châu Âu cùng một số nhóm chủng tộc, tôn giáo, chính trị khác, được gọi là cuộc Đại đồ sát dân Do Thái (Holocaust). 1. Đơn vị đo lường tương đương 4,54 lít ở Anh, 3,78 lít ở Mỹ. 1. Một lãnh tụ tôn giáo người Do Thái trong Kinh Thánh. 2. 1 dặm = 1,6 km 1. William Howard Taft: Tổng thống Mỹ thứ 27. 1. Thomas Woodrow Wilson: Tổng thống Mỹ thứ 28. 1. Thomas Edward Lawrence (1888 - 1935): Sĩ quan quân đội Anh, nổi tiếng từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đóng vai trò nổi bật trong cuộc nổi dậy của Ả-rập năm 1916-1918. Ông là tác giả của cuốn tự truyện Seven Pillars of Wisdom (Bảy trụ cột của sự khôn ngoan). 1. Tham khảo câu chuyện về kỳ bầu cử Harding trong cuốn Trong chớp mắt (Blink) của Gladwell, do Alpha Books xuất bản. 2. 1 feet = 0.3 m 1. Herbert Clark Hoover (10/8/1874 – 20/10/1964), tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933). (1) Chữ Geshe có thể tạm dịch là Hòa thượng, một chức vị rất được tôn kính; còn Rinpoche có nghĩa là Sư trưởng, người đứng đầu một tu viện. (2) Một thành phố ở Sikkim, bang Tây Bengal, Ấn Độ, thuộc khu vực địa lý tự nhiên phía Đông dãy Himalaya. Thành phố này nằm trong vùng biên giới giữa Ấn Độ với các nước Nepal, miền Nam Tây Tạng, Bhutan và Bangladesh. (3) Tức prayer wheels, dạng hình con suốt hay con quay, có thể được làm từ kim loại, gỗ,... (4) Căn cứ theo ngày tháng năm sinh và các mốc công trình nghiên cứu, chúng tôi cho rằng học giả này chính là bá tước Alexander Staël von Holstein (1877–1937) người Estonia. (5) Ngôn ngữ thiêng của Phật giáo Nguyên Thủy (6) Chính là thành phố có tu viện Yigang Cholin này. (7) Lưu ý là hành trình này của tác giả diễn ra vào giai đoạn đầu thế kỷ 20 nên xin tránh lầm lẫn giai đoạn lịch sử này của Tây Tạng với những giai đoạn khác. (8) Nguyên văn tiếng Anh: “Alone I wander a thousand miles... And I ask my way from the white clouds”. Do đây là câu nói của vị Phật Di Lặc tương lai theo quan niệm Tiểu Thừa nên độc giả cần tránh sự đồng nhất với vị Phật Di Lặc quen thuộc trong văn hóa Phật giáo Việt Nam. (9) Mahapandit Rahul Sankrityayan (1893–1963) là học giả Ấn Độ. Được xem là cha đẻ của chủ nghĩa văn học xê dịch Ấn Độ. Ông đã đến rất nhiều vùng lãnh thổ trong khu vực Nam Á và quanh rặng Himalaya. (10) Karakoram hay Karakorum, là rặng núi lớn trải qua Pakistan, Ấn Độ (Ladak) và Tân Cương. Trong bản tiếng Anh và bản cũ của dịch giả Nguyên Phong đều dùng Karakorum. Song, trong quá trình tìm kiếm và xác nhận tư liệu, First News phát hiện thêm địa danh Karakorum – cổ đô Mông Cổ vào thế kỷ 13. Vì thế, để tránh nhầm lẫn, chúng tôi dùng Karakoram. (11) Các chorten này có nguồn gốc từ các stupa của Ấn Độ, tức tháp chứa hài cốt các vị tăng sư. Các tháp này có thể có dạng một tháp lớn hay nhiều tháp nhỏ. Ở đây có lẽ tác giả đang nói tới các tháp nhỏ. (12) Danh hiệu chỉ những vị tu khổ hạnh đã đạt được phép thần thông.

(13) Bảo tàng nổi tiếng ở Ấn Độ, nơi lưu trữ nhiều tác phẩm nghệ thuật độc đáo. (14) Một trong hai khu vực tranh chấp biên giới chính, ở giữa Ấn Độ và Trung Quốc ngày nay. Có lẽ khu vực này trước đây cũng từng thuộc tiểu quốc Guge xưa. (15) Sven Anders Hedin (1865–1952) là nhà thám hiểm người Thụy Điển. Ông đồng thời tự mình họa trong những tác phẩm kể lại những hành trình của mình. Ông đã có nhiều khám phá quan trọng về mặt địa chất và địa lý khu vực Trung Á. (16) Alexandra David-Néel (1868–1969) là một học giả và nhà thám hiểm người Pháp– Bỉ. Bà nổi tiếng với những hành trình khám phá thế giới của mình, trong đó có chuyến đi đến Tây Tạng năm 1924, khi vùng đất này vẫn là vùng cấm với nhiều người nước ngoài. Cuốn “Huyền thuật và các đạo sĩ Tây Tạng” của bà cũng là một trong những cuốn sách được tác giả Nguyễn Phong dịch sang tiếng Việt. (17) Đây là một ngọn núi thuộc rặng Transhimalaya – dài 1.600 km và chạy song song theo suốt chiều dài rặng Himalaya chính. Nó ở gần nơi bắt đầu của nhiều con sông lớn ở châu Á. (18) Ngày nay là vùng Sikkim của Ấn Độ, nằm ở mặt nam của Tây Tạng. Hành trình của tác giả cho đến lúc này đúng là theo dọc hệ thống rặng Tuyết Sơn. (19) Tức hư không không có biên giới, là một cấp độ trong khái niệm định của tu hành bậc cao, lấy yếu tố không trong sáu đại định là địa, thủy, hỏa, phong, không và thức làm đối tượng nghiên cứu và tu tập. (20) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn “Ngọc sáng trong hoa sen” (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyễn Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011. (21) Học giả nổi tiếng người Anh, một trong những người châu Âu tiên phong tìm hiểu và truyền bá triết lý phương Đông vào phương Tây. Cuốn “Ngọc sáng trong hoa sen” (The Wheel of Life) của ông, do dịch giả Nguyễn Phong phóng tác đã được First News cho ra mắt năm 2011. (22) Ngày nay là công viên hươu nai quốc gia Ấn Độ. Tương truyền khi xưa, đức Phật đã truyền dạy Phật pháp cho vị Lạt Ma đầu tiên tại đây. (23) Bộ kinh được cho là nền tảng của Bà La Môn giáo, có ảnh hưởng đến nhiều tôn giáo trên thế giới, trong đó có Phật giáo. (24) Hiện tượng xác các Lạt Ma Tây Tạng tự bảo quản và không bị hư hại hiện vẫn là một trong những bí ẩn đối với giới khoa học. (25) Nyanatiloka Mahathera (1878–1957), ông là một trong những người châu Âu tiên phong đi theo tu đạo Phật giáo. (26) Shanti Devi (1926–1987). Câu chuyện kỳ lạ của bà còn thu hút cả sự chú ý của Mahatma Gandhi và chính ông cũng đã giúp điều tra lại sự việc. (27) Lãnh thổ của Vương quốc Thổ Phồn xưa giờ bị xé lẻ, phân tán trong lãnh thổ các nước Ấn Độ, Afghanistan, Pakistan, Bangladesh, Bhutan, Nepal. Trung Quốc, Myanmar,... Từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 9, vương quốc này gần như thống lĩnh toàn bộ con đường tơ lụa. Từng là nơi ở của các Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng, hiện tại là một viện bảo tàng lớn và là một trong những di sản văn hóa thế giới. (28) Còn được gọi là Ninh Mã, Mũ Đỏ hay Cự Dịch. (29) Ông trở thành đế vương cuối cùng của vương triều Thổ Phồn. (30) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (31) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (32) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (33) Cả 3 ông đều là những nhân vật nổi tiếng Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Nandalal Bose là họa sĩ; Rabindranath Tagore là nhà thơ, là người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel Văn học; còn Mahatma Gandhi là nhà cách mạng Ấn Độ, một trong những nhân vật kiệt xuất của thế giới thế kỷ 20. Vào thời kỳ này, tình hình chính trị Ấn Độ đang đứng trước bước ngoặt lịch sử và 3 nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ.

nhân vật này có những ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh giành độc lập ở Ấn Độ. (34) Reting Rinpoche là một tước vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng, là người có nhiệm vụ tìm kiếm những Hóa Thân của các Đạt Lai Lạt Ma. (35) Đây cũng là một chức vị trong hội đồng trưởng lão Tây Tạng. (36) Đây là một trong những hồ nước ngọt ở cao nguyên Tây Tạng, rộng 410 km² và nơi sâu nhất là 90m. Ở phía tây của hồ này là hồ nước ngọt Rakshastal và hai hồ được nối với nhau bởi kênh Ganga Chhu tự nhiên. (37) Đồng nhất với hình tượng la sát trong văn hóa Trung Quốc và Đông Nam Á. (38) Đây là một trong ba vị thần lớn nhất trong tín ngưỡng và tôn giáo Ấn Độ cùng các thần Brahma và Vishnu. (39) Trong bản tiếng Anh là May they be happy (40) Ghi chú của tác giả: Những bức ảnh hiện được lưu trữ tại thư viện Dharamsala và Đông Kinh. Giáo sư Ono, một học giả nổi tiếng của Nhật đã khởi xướng những nghiên cứu những lời chú giải kinh điển bằng tranh ảnh này. (41) Tuy gọi là “hỏa xà” nhưng thực tế chỉ là danh xưng nhằm ví von đường chuyển động của luồng khí trong cơ thể tựa như hình thể con rắn, chứ không phải là dùng một con rắn thật để luyện. Ngoài ra, phương pháp dùng “hỏa xà” kundalini khác với phương pháp Tummo (lửa Tam Muội) đã đề cập ở những phần trước, dù rằng mục đích cuối cùng của cả hai là như nhau. (42) Tức Dhyani Buddha, gồm Đại Phật Như Lai (Vairocana) ở chính giữa, A Di Đà Như Lai (Amitabha) ở phía tây, A Súc Bệ Như Lai (Aksobhya) ở phía đông, Bảo Sanh Như Lai (Ratnasambhava) ở phía nam và Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi) ở phía bắc. (43) Jawaharla Nehru (1889–1964): nhà lãnh đạo phong trào giành độc lập cho Ấn Độ từ các nước đế quốc. Ông trở thành thủ tướng đầu tiên của nước Cộng hòa Ấn Độ độc lập ngày nay. Tiếng Nga: Михаи́л Серге́евич Горбачёв, tiếng Anh thường viết là Gorbachev (BT). Cựu Tổng thống Nam Phi, nhiệm kỳ 1989-1994, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1993 (BT). Các nhà kinh tế học cổ điển tin vào quyền lực của sức mạnh thị trường và bản chất tự điều chỉnh của nền kinh tế. Khi tốc độ tăng trưởng giảm, tiền lương và lãi suất ngân hàng hiển nhiên cũng giảm sút đến mức kích thích phải có đầu tư mới. Có đầu tư mới sẽ xuất hiện thêm công ăn việc làm, thu nhập tăng và kinh tế lại phát triển cho đến khi giá cả tăng khiến nền kinh tế lại lâm vào tình trạng suy thoái. Quan niệm về “người có quyền hành động tự do” là cả một câu chuyện dài. Một nhân vật phê bình sáng suốt là Jean Michelet, nhà sử học xuất chúng người Pháp về lịch sử Cách mạng Pháp. Người ủng hộ khác là Thomas Jefferson, người cổ vũ cho Cách mạng Pháp, do vậy là kẻ thù của chế độ quân chủ. Theo ông, áp đặt chủ nghĩa cộng hòa lên người Anh là hợp lý. Điều này có thể xảy ra sau khi quân đội Pháp xâm chiếm nước Anh, có điều gì ông đã tiếp thu. Francis Galton, anh em họ của Charles Darwin, người đã đưa ra khái niệm hồi quy về giá trị trung bình khi đang nghiên cứu các thế hệ của dòng đậu ngọt Hà Lan (BT). Thời kỳ này Thủ tướng được gọi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, có thể sử dụng cả hai cách gọi này (BT). Archie Brown: Giáo sư Chính trị học thuộc trường Đại học Tổng hợp Oxford, viện sĩ đầu tiên của phương Tây nhận ra Gorbachev là một người cộng sản có đầu óc cải tổ. Trong các bài bình luận đầu tiên của mình về Gorbachev, ông coi đó là vị tổng bí thư tương lai ưa chuộng cải tổ. Trong cuốn The Gorbachev Factor (Nhân tố Gorbachev), (Oxford, Oxford University Press, 1996), một công trình nghiên cứu uyên bác nhất về Gorbachev và thời đại của ông, tác giả đã đặc biệt dành thiện cảm cho Gorbachev. Theo tài liệu Nga, Gorbachev là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị từ năm 1979, ủy viên Bộ Chính trị từ năm 1980 (BT). Là Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học Nông nghiệp toàn Liên bang trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền (BT). Aleksandr Yakovlev đưa ra sự đánh giá không tâng bốc về kỷ nguyên Andropov. Rốt cuộc đó chỉ là “phủi bụi khi mức độ vượt quá tiêu chuẩn vệ sinh tối thiểu”. A. N. Yakovlev, Predislovie, Obval, Posleslovie (Moskva, Novosti, 1992), tr. 102. Người phụ tá của Andropov dính líu nhiều nhất là Arkady Volsky và ông ta đã đưa ra nhiều lời giải thích khác nhau về tình tiết. Angus Roxburgh, The Second Russian Revolution (London, BBC Books, 1991), tr. 17; Brown, The Gorbachev Factor, tr. 67-69 Tác giả đã tổ chức một hội nghị về Gorbachev và các nhà lãnh đạo Liên Xô tại trường Đại học London, có mời các đại biểu nước ngoài và Văn

phòng Khôi Thịnh vượng chung tham dự. Họ từ chối và sau đó giải thích rằng nếu báo chí viết là các viện sĩ và các nhà ngoại giao tỏ ra thiên vị với Gorbachev thì điều này có thể bị những kẻ trong Điện Kremlin lợi dụng để gièm pha chống lại ông ta. Một người hợp với phương Tây hẳn là không hợp với Điện Kremlin. Một dấu hiệu nghiêm trọng của vấn đề có thể được phát hiện từ thực tế là năm 1979 và 1980, sau khi các thanh tra thanh sát 20 nghìn loại máy móc và các dụng cụ chế tạo máy móc tại Liên bang Xô viết, khoảng 1/3 số máy móc đó đã không còn được sản xuất và về cơ bản được hiện đại hóa. Gorbachev tuyên bố trong một bài diễn văn trước phiên họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng về khoa học và văn hóa ngày 6/1/1988. Bài này được đăng trên tờ Literaturnaya gazeta ngày 11/1/1988. Gorbachev tự vệ trước sự chỉ trích cuộc cải cách mà ông chủ trương không được phiên họp Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 thông qua suôn sẻ. Mối quan hệ giữa Gorbachev và Shevardnadze rất hòa hợp và sự gần gũi giữa hai cá nhân này dường như ngày càng phát triển. Lần đầu họ gặp nhau tại Hội nghị Đoàn Thanh niên Kosomol vào cuối năm 1950 và nhanh chóng trở nên thân thiết. Từ Georgia đến Stavropol chỉ một quãng đường ngắn và hai người này liên tục gặp gỡ trao đổi, thảo luận chính trị. Nhà nghỉ của Bộ Chính trị của Gorbachev ở vùng Pitsunda, một địa điểm khá đẹp và thơ mộng trên bờ Biển Đen thuộc Georgia, hai người luôn gặp gỡ trao đổi tại đây. Shevardnadze sau này trở thành Chủ tịch Đảng ủy của Georgia. Cả hai đều phản đối việc đưa quân vào Afghanistan. Khi giữ cương vị Bí thư phụ trách nông nghiệp trong Ban Chấp hành Trung ương, ông đã bảo vệ các cuộc thí nghiệm của Shevardnadze trong các khu vực nông nghiệp thuộc Georgia. Cả Gorbachev và Shevardnadze đều sử dụng tài liệu từ hàng loạt các bài báo theo chỉ dẫn của Andropov, đồng thời tin rằng muốn xây dựng và duy trì chủ nghĩa cộng sản thì cần phải cải cách. Họ đã bị dao động trước nạn tham nhũng và suốt mùa đông 1984-1985, ở Pitsunda, Gorbachev đã nhất trí với cách đánh giá của Shevardnadze rằng mọi việc đều đang ở tình trạng hỗn độn. Carolyn McGiffert Ekedahl và Melvin A. Goodman, *The Wars of Eduard Shevardnadze* (Các cuộc chiến tranh của Eduard Shevardnadze), (London, Hurst, 1997), tr.29-33. Năm 1985, Gorbachev coi nhiệm vụ chính là cải thiện tình hình trì trệ trong xã hội và điều chỉnh các “khuyết tật” của chủ nghĩa xã hội. Sự thiếu nhận thức của Gorbachev về tác động của chiến lược tăng tốc đi kèm với quyết định của các nhà chức trách trung niên, với nhiều lý do không thể hiểu nổi, để tăng tốc trong khu vực luyện kim năm 1985. Một phóng viên đã tức giận viết: “Tôi thật sự lo lắng như một người mẹ, một người phụ nữ khi những đứa con gái của mình chấp nhận rủi ro để đi tìm người bạn đời. Con gái tôi thích đi sàn nhảy, nhưng khi trở về gương mặt lại ngấn nước mắt. Thử tưởng tượng, những chàng trai đến đây gào thét, hò hét cùng tiếng nhạc và rồi đánh nhau.” Ngày 9/3/1997, *Financial Times* (Thời báo Tài chính) đã trích dẫn một bản tin trên thông tấn xã Itar-Tass năm 1988. Việc này cho thấy chủ trương công khai được truyền tải bằng các hình ảnh âm nhạc năm 1988 và các ban nhạc này đã trở thành hiện tượng nổi tiếng. Một ngày sau, một trong những nhạc công Nga giải thích thành công của thể loại nhạc này như sau: “Với âm nhạc của chúng tôi, người hâm mộ có thể gào thét, nhảy múa, văng tục và làm nhiều hành động khác với ngày thường để thoát khỏi những áp lực mà họ phải chịu đựng. Chỉ khi nào làm được như vậy họ mới chịu về nhà và ngủ ngon.” Khu vực chế tạo máy là một lĩnh vực có thể mạnh truyền thống nhưng khu vực chế tạo thiết bị điện và điện tử lại đang trong tình trạng tụt hậu, vẫn còn là một điểm yếu nghiêm trọng. Tatyana Zaslavskaya, *Kommunist* (Chủ nghĩa cộng sản), tập 13, 1985. Cuốn sách này được Ban Bí thư Trung ương xuất bản, trong đó tác giả nói về sự lãnh đạo của Đảng và đã đưa ra hai cách diễn đạt, nhân tố con người và sự công bằng xã hội, nhận được sự ủng hộ rộng rãi của Gorbachev. Đầu tư vào khu vực chế tạo máy đã tăng lên 80%. Mikhail Gorbachev, *Perestroika: New Thinking for Our Country and the World* (Perestroika: Một tư duy mới đối với đất nước và thế giới), (London, Collins, 1987), tr.19. Vào tháng 11/1988, ông thậm chí đã biết thu nhập quốc gia đang có chiều hướng suy giảm trong giai đoạn đầu những năm 1980. Trong cuốn *Memoirs* (Hồi ký), Gorbachev viết sự tăng trưởng kinh tế đã chấm dứt hoàn toàn cho đến

đầu những năm 1980 (London, Doubleday, 1996), tr.216. Chương trình dự thảo, đăng trên tờ Pravda, ngày 7/3/1986, nhấn mạnh giai đoạn hiện tại của sự phát triển chủ nghĩa cộng sản như một phần không thể tách rời trong quá trình phát triển chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, giai đoạn này đã không được đề cập trong văn bản cuối cùng nói tới thời đại của những cải cách. Thuật ngữ chủ nghĩa xã hội căn bản là do Lenin khởi xướng nhưng các tác giả đã không thể hiểu nổi ý nghĩa thật sự của thuật ngữ này. Lenin đã sử dụng nó để miêu tả sự kết nối giữa bộ máy kinh tế thời chiến của Đức trong giai đoạn đó với chính quyền cách mạng Xô viết. V. I. Lenin, *Polnoe Sobranie Sochinenii* (Moskva, Gosizpolit, 1963), tập 36, tr.300; Mau, *Political History* (Lịch sử chính trị), tr.119 Một chương trình Đảng được điều chỉnh, áp dụng năm 1961, do Đại hội Đảng lần thứ 27 thông qua và như người ta mong đợi, đây sẽ là một chương trình cải cách hiệu quả trong tương lai. Một trong những khó khăn đã vượt qua là việc cấp cho mỗi hộ gia đình một căn hộ cho đến năm 2000. Tuy nhiên, không ai tính tới việc cam kết vội vàng này khiến đất nước phải chịu phí tổn bao nhiêu. Trong một lúc nóng vội dẫn đến hậu quả Nhà nước không đủ sức chi trả cho gánh nặng đó. Điều này thông thường chẳng có vấn đề gì nhưng lời hứa bị lãng quên mới là chỗ nảy sinh vấn đề. Boldin, *Ten Years That Shook the World* (Mười năm làm chấn động thế giới), tr.69-70. Gorbachev đã đến trong chiếc xe sang trọng của Bộ Chính trị. Khi còn là bí thư thứ nhất của Moskva, Yeltsin chỉ đi bằng phương tiện công cộng và điều này đã giúp ông thêm nổi tiếng về sau. Boldin, sách cùng tên, tác giả nói rằng sau này ông đã thông báo với Raisa về chương trình chuyến viếng thăm của họ. Raisa đã không chú ý và nói cứ để mọi việc tự nhiên, bà đã tỏ ra rất tốt khi các quan khách tới nhà. Gorbachev, Hồi ký, tr.201, viết Ligachev (sau này trở thành cánh tay phải của ông) và Zimyanin (nhà tư tưởng hàng đầu) đã lần đầu đề nghị bài diễn văn được phát trực tiếp trên vô tuyến và ông đã nghe theo lời khuyên của họ. Một đoạn bí mật trong Nghị quyết Đảng — Chính quyền về việc điều chỉnh số lượng rượu mạnh hàng năm giảm xuống. Nó là nét đặc trưng của thời kỳ mà những nghị quyết kiểu như vậy được coi là tối mật. Boldin, sách cùng tên, tr.110, đưa ra các bình luận sắc sảo của Yakovlev. Boldin cũng cho rằng Gorbachev thay đổi cả vạt hàng ngày và cả áo sơ mi nữa. Một ví dụ khác trong tính cách cá nhân của ông là việc tẩy cái bớt trên trán trong các bức ảnh chụp chính thức. Chikhi Gorbachev trở nên nổi tiếng thì ông mới để lại mà thôi. Diễn viên hài kịch Anh Bob Monkhouse từng nói: “Gorbachev liệu có phải là một tên đế quốc?” “Tất nhiên rồi!” “Tại sao?” “Ông ta có cả một bản đồ trên trán”. Mức độ của nhiệm vụ này có thể cảm nhận được từ sự thật Ligachev thông báo với Ban Chấp hành Trung ương tháng 4/1985 ngắn gọn trước khi triển khai chiến dịch, rằng năm 1984, 199 nghìn đảng viên và 370 nghìn đoàn viên đã bị chính quyền khiển trách vì sử dụng rượu mạnh. Stephen White, *Russia Goes Dry: Alcohol, State and Society* (Nước Nga sẽ cạn kiệt: Rượu mạnh, Nhà nước và Xã hội), (NXB Đại học Cambridge, 1996), tr.67. Người quan tâm nhất đến chiến dịch chống rượu mạnh là Ligachev, một người kiêng rượu, và Mikhail Solomentsev, một người nghiện rượu có tư tưởng cải cách. Một trong những sản phẩm phụ của chiến dịch này là Gorbachevka, một chất men khiến người ta nói không ngừng đến perestroika! Thất bại của cuộc cải cách trong việc cải thiện mức sống của nhân dân đã dẫn tới sự các cuộc xung đột trong giới lãnh đạo, vào tháng 10/1987 tại Ban Chấp hành Trung ương, Boris Yeltsin đã lên tiếng chỉ trích gay gắt Gorbachev về tiến trình cải cách và một số vấn đề khác. Hai bên đã không còn chung tư tưởng và phương thức thực hiện, Yeltsin đã bị thôi giữ chức bí thư thứ nhất trong ủy ban đảng Moskva ngay tháng sau đó. *Voprosy ekonomiki*, số 7, 1987, đã cung cấp nhiều chi tiết về tiền lệ này. Alec Nove, trong cuốn *An Economic History of the USSR 1917-1991* (Lịch sử kinh tế của Liên bang Nga 1917-1991), (London, NXB Penguin, 1992), tr.397. Các nguồn thu nhập có được từ buôn bán tiếp tục bị cấm. Luật đối với hoạt động cá thể, tháng 11/1986, đã hợp pháp hóa các hoạt động của doanh nghiệp tư nhân, chính thức vào năm 1989, người có liên quan chỉ ở con số 300 nghìn. Bước đột phá đối với hoạt động hợp tác xã xuất hiện tháng 5/1988, với việc thông qua luật hợp tác xã. Các HTX có thể thuê lao động ngoài biên chế

không hạn chế số lượng thông qua việc ký hợp đồng. Do vậy, họ đã phát triển nhanh chóng thành các công ty tư nhân. Luật về thuê mướn bất động sản, 1989, và luật đất đai, 1990, mở rộng các hoạt động kinh tế của khu vực phi Nhà nước. Một ước tính về chi phí nhập khẩu thực phẩm, các thực phẩm khác và các hàng hóa tiêu dùng từ các nước phương Tây trong suốt những năm 1970 là 180 tỷ USD. E. Shevardnadze, *Moi vybor, Vzhashchitu demokratiii svobody* (Moskva, Novosti, 1992), tr.107. Brown, *The Gorbachev Factor*, tr.123, coi phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương tháng 1/1987 như bước khởi đầu quan trọng cho cải cách chính trị. Gorbachev, *Hồi ký*, tr.230. Ông hiểu cần phải dũng cảm đương đầu với những khó khăn nhưng Bộ Chính trị lại quyết định tách việc cải cách giá cả và việc này sẽ hoãn lại cho tới khi có quyết định cuối cùng. Nó tương tự như việc châm một mớ bụi nhùi đang cháy leo lét âm ỉ. Gorbachev, *Hồi ký*, tr.244, người chỉ ra khát vọng lớn lao của ông và ham muốn quyền lực không có gì là sai trái. Tr.245, Gorbachev cho rằng kết luận cuối cùng mà người nào đó rút ra là sự thật Yeltsin không phải là một nhà cải cách. Nếu Gorbachev tin điều này vào thời điểm đó, nó đã là một đánh giá sai lầm nghiêm trọng. Matlock, *Autopsy on an Empire* (Xem xét về một đế chế), tr.115. Thuật ngữ “tôn sùng cá nhân” là thuật ngữ dựng cho cách lãnh đạo của Stalin. Sách cùng tên, tr.115. Ngày tiếp theo, George Shultz, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao đã gặp Gorbachev nhưng ông dường như không chú ý. Shultz phàn nàn với Matlock rằng Gorbachev đã gọi lại cho ông hình ảnh một đấu sĩ không bao giờ biết bị đánh bại là gì, một con người tự tin và biết đánh giá. Lúc đó ông hành động như một người đang giương buồm đẩy con thuyền ra khơi. Tại Đại hội Đảng lần thứ 27 (6/3/1986), người ta tự hào tuyên bố: vấn đề dân tộc, vấn đề còn sót lại từ quá khứ, đã được Liên bang Xô viết giải quyết trọn vẹn và thành công Cuộc chiến tranh tại Afghanistan đã khiến Liên bang Xô viết phải gánh chịu chi phí 3-4 tỷ rúp hàng năm (tương đương với 4-6 tỷ đô la). N. I. Ryzhkov, *Perestroika, Istoriya predatelstv* (Moskva, Novosti, 1992), tr.232. Casey biết CIA đang để rò rỉ thông tin mật nhưng không biết Aldrich Ames, một nhân viên CIA đầy kinh nghiệm đã tiếp cận với KGB. Ames cung cấp cho Moskva rất nhiều thông tin quý giá trong suốt thời kỳ Gorbachev cầm quyền, cho phép KGB làm nhiều các nguồn tin của CIA về Liên bang Xô viết và cũng đã phản công ngược lại với các cơ quan tình báo Mỹ. Kryuchkov có nhiều bằng chứng cho Gorbachev thấy mạng lưới tình báo của người Mỹ. Người ta nghi ngờ Shevardnadze là người để lộ thông tin này. Shultz đã thấy ở Shevardnadze sự nồng nhiệt, trung thành và thân thiện. Shultz đã tổ chức một chuyến du thuyền tới Potomac, tàu lên khúc nhạc của vùng Georgia với tiêu đề “Georgia trong tâm trí tôi” và sắp xếp cho dàn hợp xướng Nga hát những bài đơn ca truyền thống của vùng Georgia cho đoàn của Shevardnadze thưởng thức. Ở Moskva, khi các cuộc hừng lượng căng thẳng và khó khăn đang diễn ra, Shultz cùng ba người Nga ở đại sứ quán Mỹ biểu diễn khúc nhạc “Georgia trong tâm trí tôi”. Việc này làm dịu bầu không khí căng thẳng. Ekedahl và Goodman, *Wars of Eduard Shevardnadze*, tr.106-107. Tháng 7/1987, Gorbachev phát biểu trước một đám đông: Chính sách công khai là một quá trình học tập lẫn nhau. Chúng ta không có truyền thống văn hóa thảo luận và luận chiến, ở đây con người tôn trọng ý kiến quan điểm của đối phương. Chúng ta là con người bằng xương bằng thịt, có tình cảm, có lý trí. Tôi không giả đo biết sự thật; chúng ta phải cùng nhau tìm hiểu sự thật. Doder và Branson, *Gorbachev*, tr.77. Ý nói đến chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc tại Stalingrad, nay đổi là Volgograd, năm 1942-1943. Ước tính mức lương hàng năm của các nhà chức trách là 40 tỷ rúp (tương đương 60 triệu đô la), chiếm khoảng 10% ngân sách nhà nước, trước lúc lên tới đỉnh điểm được xem xét đánh giá. Alexander A. Danilov, *The History of Russia: The Twentieth Century* (Lịch sử nước Nga: Thế kỷ XX), (New York, NXB Heron, 1996), tr.327. Tuy nhiên, ông cắt giảm bộ máy Ban Chấp hành Trung ương còn 3 nghìn người. Mục đích là giảm số này xuống một nửa. Raisa bị chỉ trích tại các cuộc họp. Sau cuộc họp thượng đỉnh Reykjavik, một phát ngôn của Đảng được hỏi: “Có phải bà đã tự trả tiền vé không?” Các câu chuyện cười thời gian này nhằm vào Raisa và Mikhail

Sergeevich. Các cuộc công kích vào Raisa đều nhằm vào Mikhail Sergeevich, người không thể công kích công khai trước năm 1989. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.264-265. Năm 1992, Starkov cảnh báo với đại sứ: “Nếu ông công nhận chính sách công khai của Gorbachev, ông sẽ xúc phạm tất cả chúng tôi — những người đấu tranh để có nó. Ban Chấp hành Trung ương Đảng luôn đứng sau chúng tôi chỉ đến 8/1991. Gorbachev không để chúng tôi thực hiện chủ trương công khai nhưng chúng tôi đã thực hiện nó.” Một trong những sản phẩm của nỗ lực này là các giáo sư trường Đại học Pedagogical thuộc Đại học Quốc gia Moskva có viết lại lịch sử nước Nga từ khi bắt đầu cho đến giai đoạn hiện đại. Một trong những thành quả của việc này là nó được Danilov dịch sang tiếng Anh, với tiêu đề *The History of Russia* (Lịch sử nước Nga). Đây là một cuốn sách hay chứa đựng nhiều tư liệu quý giá. Nó phản ánh một thực tế là các học giả đáng kính này đã viết chân thực về lịch sử thời Marxist trước năm 1988 và cũng chính họ viết về giai đoạn lịch sử phi Marxist sau năm 1988. Alec Nove, *An Economic History of the USSR 1917-1991* (Lịch sử kinh tế của Liên bang Xô viết 1917-1991), (London, NXB Penguin, 1992), tr.404. Tháng 3/1989, Boris Gostev, Bộ trưởng Tài chính, tuyên bố chính phủ cần vay 63,8 tỷ rúp. Sự thâm hụt 100 triệu rúp năm 1989 tương đương với 11,7% tổng sản phẩm quốc nội (*Izvestiya*, ngày 30/3/1989). Gorbachev, Hồi ký, thừa nhận Moskva đã mất quyền kiểm soát ở hai nước cộng hòa này. Hiến pháp Estonia được sửa đổi và công nhận quyền tự hữu. Đất đai, không khí, khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên và các phương tiện sản xuất cơ bản đều được công nhận là tài sản của Estonia. Đây là quyền của người Xô viết trong Hiến pháp Liên bang Xô viết (1977). Gamsakhurdia bị lật đổ năm 1992 và Eduard Shevardnadze lên nắm quyền với sự giúp đỡ của người Nga. Boris Yeltsin, *The Struggle for Russia* (Cuộc đấu tranh vì nước Nga), New York, NXB Random, 1994), tr.39. Khi Yeltsin cho rằng căn phòng có thể bị nghe trộm, những người khác đã phá lên cười. Gorbachev, Hồi ký, tr.642. Chỉ có ba Bí thư Ban Chấp hành Trung ương là Galina Semenova, Andrei Girenko và Egor Stroeve ủng hộ Gorbachev. Đa số trong Ban Bí thư và các cơ quan Đảng ở địa phương đều muốn phế bỏ vị Tổng Bí thư. Vadim Bakatin, *Izbavlenie ot KGB* (Moskva, Novosti, 1992), tác giả phát hiện có 250 nghìn nhân viên KGB và người làm việc cho tổ chức Tháng 7/1990, ở Jurmala, Nga đồng ý dự thảo các hiệp ước với mỗi nước cộng hòa thuộc vùng Baltic, công nhận chủ quyền. Hiệp ước với Latvia và Estonia được ký vào tháng 1/1991. Hiệp ước với Lithuania bị hoãn vì các sự kiện tháng 2 và được ký ở Moskva ngày 29/7/1991, được Hội đồng Tối cao Lithuania phê chuẩn ngày 19/8/1991. Matlock, *Autopsy on an Empire*, tr.802. Sự trì hoãn của Gorbachev về các hoạt động của Đảng vào ngày 24/8 không được thực hiện bằng một lệnh cấm hợp pháp. Ông đã phản đối việc cấm đoán Đảng nhưng không vui vì việc cấm đoán các cơ quan Đảng. Matlock, sách cùng tên, tr.622. Vị đại sứ cũ cho biết người Mỹ đã vạch ra kế hoạch đặt các thiết bị nghe trộm ở đâu. Hãn (khan) là nhà cầm quyền của đế chế Mông Cổ, thống trị nước Nga giai đoạn 1240-1480. Sa hoàng Boris, tức Boris Godunov, người được tôn làm Sa hoàng năm 1598, không thuộc dòng dõi quý tộc và thất bại trong việc giải quyết nạn đói và bệnh truyền nhiễm năm 1601-1603. Sau đó, nước Nga rơi vào nội chiến và phải chịu sự can thiệp của nước ngoài, đây được coi là thời kỳ hỗn loạn. Việc này chấm dứt với sự nắm quyền của triều đình Romanov vào năm 1613. Do vậy, trong tư tưởng người Nga, Sa hoàng Boris được gắn với chế độ quân chủ và sự hỗn loạn. Một tuần sau, năm mới được tổ chức và phát trên truyền hình với buổi lễ kéo dài khoảng ba tiếng tại một nhà thờ lớn ở Leningrad. Tức tên riêng của Brazauskas (BT). *Pravda*, ngày 26/12/1989. Ông chấp nhận logic của một Đảng Liên bang trong một quốc gia liên bang vào năm 1991, nhưng sau đó đã quá muộn. Trong bài diễn văn của mình, Gorbachev đã lấy cớ viện các mối quan hệ của Lithuania với đại sứ quán Mỹ ở Moskva, kết tội họ có âm mưu “quốc tế hóa” vấn đề. Đây là một sự chỉ trích kỳ quặc. Đại sứ Mỹ đã gặp gỡ thường xuyên các nhóm đến từ ba nước cộng hòa Baltic. Matlock. *Autopsy on an Empire*. Trong một cuộc phỏng vấn với cựu đại sứ Mỹ ngày 14/3/1992, Ryzhkov phát biểu ông đã không giữ lòng trung thành với

Gorbachev nữa, một điều mà sau này ông cảm thấy hối tiếc, đồng thời bày tỏ ông có thể thắng cử nếu ông có lập trường kiên định. Matlock, sách đã dẫn. Gorbachev, Hồi ký, tr.346. Một lý do chính để ước tính sự ủng hộ chính trị dành cho Yeltsin là cuộc cạnh tranh cá nhân gay gắt giữa hai chính trị gia. Lần đầu tiên trong nhiều thập kỷ, không một đoàn đại biểu nước ngoài nào được mời. Không có gì ở Đại hội về phong trào cộng sản thế giới và các bộ máy Đảng mới đã bỏ qua tuyên bố rằng Liên bang Xô viết là một phần của phong trào này. Gorbachev, Hồi ký, tr.369. Đây là một ví dụ khác về khả năng đánh giá tình hình của Gorbachev. Đầu năm 1990, Abalkin — chủ tịch ủy ban nhà nước về cải cách kinh tế và Maslyukov — chủ tịch Đoàn Thanh niên Cộng sản, đã soạn thảo một bản ghi nhớ về việc giải quyết khủng hoảng kinh tế. Ngày 17/2/1990, họ trình lên Ryzhkov hai hướng giải quyết: chuyển đổi hệ thống hành chính mệnh lệnh hay tăng cường chuyển đổi sang một nền kinh tế thị trường có kế hoạch. L. Abalkin, Neispolzovanny shans (Moskva, NXB Politizdat, 1991), tr.123. Manfred Wilke, “Hard facts” (Sự thật khó chịu), German Comments (Bình luận của người Đức), số 42, 4/1996, tr.24-25. Tình hình nghiêm trọng là Bộ Chính trị đã không thông báo cho các thành viên của Ủy ban Trung ương SED về bản báo cáo này. Các cuộc thương lượng với Tây Đức bắt đầu yêu cầu những người Tây Đức tài trợ 3 tỷ Đô-mác hàng năm. Tác giả đã tham gia một cuộc hội thảo ở Reichstag về “40 năm nước Đức chia rẽ” khi Bức tường sụp đổ, bất tín hiệu cho việc bắt đầu chấm dứt sự chia rẽ nước Đức. Thời gian này, Gorbachev là một trong những vị anh hùng. Những người tham gia nhận thấy ngày đáng ghi nhớ này là một trong những kết quả về đường lối chính trị mới của ông. Senn, Gorbachev’s Failure (Sự thất bại của Gorbachev), tr.130. Gorbachev đã ký một nghị định và nghị định này được gửi tới Vilnius dưới dạng một bức điện tín. Tư lệnh không quân Xô viết là Tướng Dzhokhar Dudaev, sau này là Tổng thống Chechnya. Ông này không cho phép có thêm quân Xô viết đổ bộ vào Estonia, do vậy không có bạo động ở Tallinn. Gorbachev, Hồi ký, tr.579. Gorbachev nói thêm rằng lúc đó ông vẫn rất tin Yazov. Chernyaev gọi các bài diễn văn của Pugo và Yazov tại phiên họp của Xô viết tối cao là “đần độn, hỗn láo và đầy giả dối”. Tschernajew, Die letzten Jahre einer Weltmacht, tr.344. Một số người Nga thân Xô viết quá thất vọng trước sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc ở Lithuania bắt đầu rời khỏi Lithuania. Năm 1990, dòng người khoảng 6.221 người rời đi nhưng năm 1991, con số này giảm xuống 5.504. Năm 1992, con số này là khoảng 13.672 người. Lính mũ nồi đen thuộc Bộ Nội vụ. OMON đại diện cho đơn vị bán quân sự, có nhiệm vụ đặc biệt. Matlock, Autopsy on an Empire, tr.795. Sau này, ông thông báo với đại sứ Mỹ rằng lúc đó ông không có lòng tin tôn giáo. Song, ông dần dần tin vào Chúa và giá trị của những lời cầu nguyện sau khi ông có cuộc sống an nhàn sau cuộc đảo chính tháng 8/1991. Tschernajew, Die letzten Jahre einer Weltmacht, tr. 373. Kohl nói với Gorbachev rằng nếu ông tham gia cuộc gặp London với tư cách quan sát viên, ông sẽ trở thành thành viên chính thức trong cuộc gặp năm 1992 tại Munich. Matlock, Autopsy on an Empire, tr.538. Niềm tin của bà Thatcher vào Mikhail Gorbachev bị lung lay sau khi hai bên rời khỏi văn phòng. Năm 1992, Vladimir Bukovsky chỉ cho Thatcher bản sao một tài liệu có chữ ký của Gorbachev, cam kết chi 1 triệu đôla cho Hiệp hội Công nhân mỏ do Arthur Scargill lãnh đạo, trong khi thợ mỏ đang tiếp tục đình công chống lại chính phủ của bà. Gorbachev đã thú nhận với bà không hề có bất cứ một quỹ nào của Xô viết tài trợ cho công nhân mỏ Anh chống lại bà. Không chắc chắn quỹ này có số tiền đó hay không. Một số tác giả bản thảo liệu Gorbachev có đóng góp một phần trong nỗ lực khôi phục luật và trật tự bằng cách tách riêng văn phòng tổng thống với nội các của mình. Nội các của ông, được trao một số đặc quyền, sẽ đưa ra một vài cách thức mạnh mẽ để cứu lấy nhà nước Xô viết. Michael Urban, Vyacheslav Igrunov và Sergei Mitrokhin, The Rebirth of Politics in Russia (Sự tái sinh các nền chính trị ở nước Nga), (Cambridge, NXB ĐH Cambridge, 1997), tr.247; Yu. Burtin, Demokraticeskaya Rossiya (Nước Nga dân chủ hóa), 3/11/1991. 1. Elizabeth I (1533-1603): là Nữ hoàng Anh và Nữ hoàng Ireland từ 1558 cho đến khi băng hà. Bà trở nên bất tử với tên Faerie Queen trong thiên sử thi

cùng tên của Edmund Spenser. 2. Hồng Y Richelieu (1585-1642): không là vua, mà là thủ tướng trong thời kỳ làm vua của người con trai bất tài của vua Henri IV là vua Louis 13. Từ năm 1624-1642, Hồng y Richelieu đã cai trị nước Pháp theo ý mình và muốn củng cố vương quyền trung ương và bành trướng các ảnh hưởng của nước Pháp qua khắp châu Âu. 3. David Lloyd George (1863-1945): là Thủ tướng Anh nhiệm kỳ 1916-1922. 4. Henri VIII (1491-1547): là một trong số những ông vua lớn nhất trong Lịch sử nước Anh. 5. Abraham Lincoln (1809-1865), (còn được biết đến với tên Abe Lincoln, tên hiệu Honest Abe, Rail Splitter, Người giải phóng vĩ đại): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 16, người đã dẫn dắt nước Mỹ qua cuộc khủng hoảng lớn nhất, cuộc Nội chiến Hoa Kỳ và chấm dứt chế độ nô lệ tại quốc gia này. 6. Lord George Gordon Noel Byron (1788-1824): là nhà thơ lãng mạn Anh, một trong những nhà thơ lớn của thế giới thế kỷ XIX. 7. Josephine de Beauharnais (1763-1814): là hoàng hậu nước Pháp, vợ đầu tiên của Napoleon. 8. Marie Walewska: người tình xứ Ba Lan, rất được Napoleon yêu chuộng. 9. Joe McCarthy: là thượng nghị sỹ Mỹ, đã từng phát động chiến dịch “săn lùng phù thủy” nhằm chống đảng cộng sản hồi những năm 1950. 10. Joseph P. Kennedy (1888-1969): rời bỏ làng New Ross ở hạt Wexford, Ireland đến Mỹ lập nghiệp. Ông trở thành một tay làm thùng phuy chứa dầu hỏa chuyên nghiệp và lập một cơ sở thương mại vững chắc. Ông kết hôn và có ba người con gái, một con trai – một Patrick mới. Patrick cha nằm xuống. Patrick con lớn lên kết hôn với May Hiker và hạ sinh một trai cũng đặt tên Patrick. Đứa con trở thành Joseph Patrick Kennedy và tạo nên một đại gia đình Hoa Kỳ danh tiếng sau này... 11. Harry S. Truman (1884-1972): là Tổng thống thứ 33 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1945-1953. 12. Herbert Clark Hoover (1874-1964): tổng thống thứ 31 của Hoa Kỳ (1929-1933), là một kỹ sư mỏ nổi tiếng thế giới và là một nhà cầm quyền theo chủ nghĩa nhân đạo. 13. Dwight David “Ike” Eisenhower (1890-1969): là Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ (1953-1961). Trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai, ông là Tổng tư lệnh quân Đồng minh ở châu Âu với quân hàm Thống tướng, và năm 1949 ông trở thành Tổng tư lệnh đầu tiên của NATO. 14. Là hệ thống lý luận kinh tế vĩ mô lấy tác phẩm Lý thuyết tổng quát về việc làm, lãi suất và tiền tệ của nhà kinh tế học người Anh John Maynard Keynes (1883-1948) làm trung tâm và lấy nguyên lý cầu hữu hiệu làm nền tảng. 15. Kho dự trữ vàng quốc gia của Mỹ. 16. Adlai Stevenson: đảng viên Đảng Cộng hòa, từng thất bại trong cuộc chạy đua giành ghế tổng thống năm 1952 và 1956. 17. Nelson Aldrich Rockefeller (1908-1979): là cháu nội của nhà tỷ phú đầu tiên, John D. Rockefeller. Ông làm thống đốc tiểu bang New York gần bốn nhiệm kỳ (10 năm) rồi ra tranh cử ứng viên tổng thống sơ tuyển trong Đảng Cộng Hòa. Năm 1974 ông là Phó Tổng thống dưới thời Tổng Thống Gerald Ford. 18. James Earl “Jimmy” Carter, Jr (sinh năm 1924) là chính khách và là Tổng thống thứ 39 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1977-1981, đồng thời là quán quân Giải Nobel Hòa bình năm 2002. 19. Chủ nghĩa này quan niệm các công dân sinh ra ở địa phương trội hơn những người nhập cư. 20. Carey Estes Kefauver (1903-1963): là đảng viên Đảng Dân chủ, được chọn làm ứng viên Phó Tổng thống trong cuộc bầu cử năm 1956. 21. Hành trình danh dự. 22. Martin Van Buren (1782-1862): là Tổng thống thứ 8 Hoa Kỳ (1837-1841), đảng viên Đảng Dân chủ. 23. James Buchanan (1791-1868): là Tổng thống thứ 15 của Hoa Kỳ (1857-1861). 24. Ulysses Simpson Grant, tên khai sinh Hiram Ulysses Grant (1822-1885): là tướng của quân đội Liên bang miền Bắc trong Nội chiến Hoa Kỳ và là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 18 (1869-1877). 25. James Knox Polk (1795-1849): là Tổng thống thứ 11 của Hoa Kỳ, nhiệm kỳ 1845-1849. 26. Stephen Grover Cleveland (1837-1908): là Tổng thống Hoa Kỳ thứ 22 và 24, và là tổng thống duy nhất phục vụ hai nhiệm kỳ không liên tục nhau 1885- 1889 và 1893-1897. 27. Vào cuối thế kỷ XVIII, Đảng Whig đại diện cho quyền lợi của những người theo đuổi tư tưởng cải cách về bầu cử, nghị viện và công tác từ thiện ở Anh. Từ giữa thế kỷ XIX, Đảng Tự do (Liberal Party) nổi lên với tư cách là đảng kế tục Đảng Whig. 28. Arthur Neville Chamberlain (1869-1940), nhà hoạt động chính trị, nhà ngoại giao Anh. Từ 1918, là Hạ nghị sỹ; từ 1924-1929, nhiều lần tham gia chính phủ, giữ chức Bộ trưởng. Những năm

1937-1940 là Thủ tướng và thủ lĩnh Đảng Bảo thủ. 29. John Kenneth Galbraith: giáo sư kinh tế của trường Harvard, trước đây từng là Đại sứ tại Ấn Độ, được nhận huy chương của Tổng thống Hoa Kỳ. 30. Felix Frankfurter: nguyên Thẩm phán Tòa án Tối cao Hoa Kỳ. 31. John Quincy Adams (1767-1845): là tổng thống Hoa Kỳ thứ 6 (1826-1829), là con trai đầu và là con thứ hai của vị tổng thống Hoa Kỳ thứ 2, John Adams (nhiệm kỳ 1797-1801) và Abigail Adams. tiêu chuẩn mà với tư cách một chính khách, Jack luôn cố gắng noi theo để hình thành phương pháp quản lý (Sự gắn bó về mặt tình cảm với đất nước Ailen xưa kia chưa bao giờ làm giảm thái độ này). Jack nhanh chóng hoàn thành bước quá độ sang tuổi trưởng thành dưới áp lực của những ngày Hitler đẩy cả châu Âu và thế giới vào cuộc chiến tranh. 32. Tức là Đại Tây Dương, Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương. 33. Douglas MacArthur (1880-1964): là Tham mưu trưởng Quân đội Hoa Kỳ trong suốt thập niên 1930 và sau đó đóng vai trò quan trọng trên mặt trận Thái Bình Dương trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Trái lại điều này càng tăng thêm sự tự tin vốn có của ông. 34. Bobby Kennedy, còn được gọi tên tắt là RFK: là một trong hai người em trai của tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy, với chức vụ tổng trưởng ngành luật pháp Hoa Kỳ từ 1961-1964. Ông là một trong những người cố vấn mà tổng thống Kennedy tin cậy nhất, và làm việc kề cận với tổng thống trong thời kỳ khủng hoảng vũ khí hỏa tiễn của Cuba. 35. Henry Cabot Lodge, Jr. (1902-1985): là một Thượng nghị sỹ Mỹ của bang Massachusetts, một Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng hòa, và là một ứng cử viên Phó Tổng thống Hoa Kỳ. năm 1956 không hề khôn ngoan. Nhưng Jack Kennedy phớt lờ tất cả những sự dẫn dắt đó. Ông không chắc mình còn sống được bao lâu nên đối với ông, liều lĩnh là điều duy nhất có ý nghĩa. 36. Lý thuyết gia chính trị xuất sắc, tác giả cuốn Quân Vương đã được Alpha Books xuất bản. 37. Đạo luật về các quan hệ quản lý lao động của Mỹ được Quốc hội thông qua năm 1947, bất chấp sự phủ quyết của Tổng thống Truman. 38. Hội nghị Potsdam: từ ngày 17 tháng 7 đến ngày 2 tháng 8 năm 1945, tại cung điện Cecilienhof - Potsdam, của các nhà lãnh đạo của phe Đồng minh là Harry S. Truman, Winston Churchill, Clement Attlee và Stalin để quyết định tương lai của nước Đức và châu Âu thời hậu chiến. 39. Robert Alphonso Taft II (sinh năm 1942): là thống đốc của tiểu bang Ohio thuộc Đảng Cộng hòa từ năm 1999 đến tháng 1/2007. 40. Henry Clay (1777-1852): là nhà hùng biện Mỹ thế kỷ XIX, người đại diện cho cả Nhà Trắng lẫn Thượng nghị viện. 41. Edmund Gibson Ross (1826-1907): là một chính khách biểu trưng cho bang Kansas sau Nội chiến Mỹ và sau trở thành thống đốc của New Mexico. 42. Liên Xô đã bắn hạ máy bay do thám U2 bay vào lãnh thổ của mình và tận dụng triệt để cơ hội vô giá này cho việc tuyên truyền. 43. Lúc đó, Martin Luther đang biểu tình ngồi ở một nhà hàng phân biệt chủng tộc. 44. George Catlett Marshall, Jr. (1880-1959): là một nhà lãnh đạo quân đội Hoa Kỳ, Bộ trưởng Quốc phòng. Marshall là tổng tham mưu trưởng của quân đội và là một cố vấn quân sự cấp cao cho Tổng thống Franklin D. Roosevelt. 45. Dean Acheson (1893-1971): Cựu ngoại trưởng Mỹ. 46. Henry Alfred Kissinger (tên khai sinh: Heinz Alfred Kissinger sinh năm 1923) là một nhà ngoại giao người Mỹ-Đức gốc Do Thái, giành giải Nobel Hòa bình năm 1973. 47. Otto Eduard Leopold von Bismarck là thủ tướng nước Đức và Vương quốc Phổ thế kỷ XIX, được nhiều người gọi là “Thủ tướng thép” do đường lối quân chủ bảo thủ cũng như chính sách chính trị thực dụng. 48. Tháng 9 năm 1938, Hiệp ước Munich được ký kết giữa Anh, Đức, Pháp và Ý. Qua đó Anh Pháp đã chấp nhận để Đức đưa quân vào đồng minh của mình là Tiệp Khắc nhằm tránh chiến tranh với Đức. 49. Mùa xuân năm 1961, Liên Xô phóng tàu Sputnik và nhà du hành vũ trụ Gagarin trở thành người đầu tiên du hành trong không gian. 50. Walter Ulbricht là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước của Đông Đức. 51. Năm 1960, nước Pháp trở thành quốc gia thứ tư có kho vũ khí nguyên tử. Tổng Thống de Gaulle đã tuyên bố nước Pháp là một lực lượng nguyên tử độc lập thứ ba, sau Hoa Kỳ và Liên Xô. Ông cũng muốn phát triển nguyên tử thành một lực lượng đánh trả (force de frappe). 52. Từ của Harry Truman. 53. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vào tháng 7 năm 1944, tại hội nghị ở Bretton Wood, 44 nước tham dự (có cả Liên Xô cũ)

đã thông nhất thông qua hệ thống tiền tệ Bretton Wood dùng đồng đô-la Mỹ làm tiêu chuẩn tiền tệ của thế giới. 54. Một trong những người chủ trương nổi tiếng nhất của Thuyết hội tụ – thuyết xã hội học tư sản, cho rằng chế độ tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa đang phát triển theo những con đường ngày càng xích lại gần nhau và cuối cùng sẽ hòa nhập vào nhau, hình thành nên một xã hội mới, trong đó kết hợp những tính chất tích cực của chế độ tư bản và của chế độ xã hội chủ nghĩa. 55. Ủy ban chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, xã hội và phúc lợi khác của Quốc hội 56. Kế hoạch xâm lược Cuba do Cục Hành động (hay còn gọi là Cục Mật vụ) của CIA vạch ra. Cục trưởng Cục Hành động của CIA lúc đó chính là Richard Bissell. Thất bại của vụ Vịnh Con Lợn mà Bissell là tác giả chính đã hủy hoại thanh danh của ông ta. 57. Mongoose là tên được mã hóa của kế hoạch bí mật nhằm lật đổ Castro. 58. Tổng thống, nhân vật tai tiếng, nhà độc tài quá khích của nước Cộng hòa Dominique từ năm 1930-1939 và từ 1942-1961. Bị một toán vũ trang lạ mặt ở khu ngoại ô Lachaise ám sát vào chiều tối ngày 30 tháng 5 năm 1961. 59. Richard Helms được đề cử làm Phó Giám đốc CIA vào tháng 4 năm 1965 và lên nắm quyền lãnh đạo CIA từ tháng 6 năm 1966 đến đầu năm 1973. Helms được coi là vị tổng giám đốc tài ba nhất. 60. Học thuyết là cơ sở của chủ nghĩa toàn Mỹ, tuyên bố ảnh hưởng của Hoa Kỳ tới các nước thuộc khu vực Trung Nam Mỹ. 61. Từ lỏng mà người Cuba dùng để chỉ người Mỹ. 62. Coretta Scott King: vợ của mục sư da đen Martin Luther King, người từ nhiều năm qua đã tiếp nối sự nghiệp đấu tranh của chồng cho quyền tự do và bình đẳng của con người. 63. Mahatma Gandhi (1869-1948), còn gọi là ông thánh Cam Địa: người chủ trương chống đối không bạo động. 64. Đảng 3 K, đảng cực đoan phân biệt chủng tộc. 65. Thước Anh, bằng 0,914 mét. 66. Một cách gọi khác của Đại học Mississippi. 67. Thành viên tích cực của Hiệp hội quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu, bị một kẻ lạ mặt bắn chết vào ngày 12 tháng 6 năm 1963 ngay trước cửa nhà riêng tại thành phố Jackson, bang Mississippi. 68. Mục sư, một thần tượng của phong trào chống phân biệt chủng tộc ở Birmingham, người cùng hoạt động rất tích cực với Martin Luther King. 69. Nhà sử học nổi tiếng, tác giả nhiều cuốn sách về cuộc đời của Martin Luther King. 70. Chủ tịch NAACP (Hiệp hội các quốc gia vì sự tiến bộ của người da màu) 71. Trung tá bộ binh làm cố vấn sư đoàn 7BB tại vùng IV chiến thuật (miền Nam Việt Nam) từ năm 1962-1963. 72. Được hiểu là mối nguy về chủ nghĩa cộng sản. 1. Chiến tranh Bảy năm (1756-1763): Cuộc chiến xảy ra giữa hai thế lực gồm có Vương quốc Anh, Vương quốc Phổ và Hannover ở một phía và Pháp, Áo, Nga, Thụy Điển và Saxony ở phía kia. Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sau này cũng bị cuốn vào chiến tranh, trong khi một lực lượng của nước trung lập Hà Lan bị tấn công tại Ấn Độ. Tại Bắc Mỹ, cuộc chiến được gọi là Chiến tranh Pháp và người Da đỏ. 2. Frederick North: Thủ tướng Anh giai đoạn 1770-1782. 3. Đảng Whig: Nay là Đảng Dân chủ Tự do, vẫn duy trì vị thế chính trị quan trọng cho đến thế kỷ XX. Đảng Whig ủng hộ việc khai trừ Công tước xứ York theo đức tin Công giáo khỏi quyền kế thừa ngai vàng của xứ Anh, Ireland và Scotland. Tên gọi được dùng để biểu thị sự khinh miệt: “whiggamor” là “đồ chăn bò” (cattle driver). Đảng này gần gũi với giới nghiệp đoàn, tài chính và chủ đất. 4. Nguyên văn: Glorious Revolution, một cuộc cách mạng không đổ máu nhằm lật đổ Vua James II, do Vua William III (1652-1702) lãnh đạo. 5. Hiệp hội thuộc Hội đồng địa phương, thường tổ chức các cuộc họp thường niên bàn về luật. 6. Chiến tranh Hoa Kỳ: Từ năm 1763, Anh trở thành đế chế thực dân lớn, kiểm soát rất nhiều thuộc địa. Cần chi phí cho cuộc Chiến tranh Pháp – người Da đỏ (1756-1763), chính phủ Anh và Vua George III đã áp đặt thuế cao ở 13 thuộc địa Bắc Mỹ, dẫn tới Cách mạng Hoa Kỳ (1775-1783) – cuộc cách mạng giành độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ. 7. Công ty Đông Ấn là tên gọi chung một số công ty của châu Âu được phép độc quyền buôn bán với châu Á, đặc biệt là với Ấn Độ. 1. Cách mạng Pháp: Diễn ra từ 1789-1799, lực lượng dân chủ và cộng hòa đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và cả Giáo hội Công giáo Roma tại Pháp cũng phải trải qua nhiều thay đổi. Cuộc cách mạng này đã xóa bỏ chế độ phong kiến trong xã hội Pháp và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, nhất là đối với các quốc gia theo chế độ phong kiến

lúc bấy giờ. 2. Trung tâm hành chính của thành phố Canterbury, Tổng Giám mục của toàn Anh, nơi đứng đầu Giáo hội Anh và các nhóm đạo Anglican trên toàn thế giới. 3. Khủng hoảng Nootka là cuộc tranh chấp chính trị giữa Anh và Tây Ban Nha, do những sự kiện diễn ra trong mùa hè năm 1789 tại Eo biển Nootka, đảo Vancouver, tỉnh Canada khi đó thuộc Anh. 4. Ngày 1/6 Huy hoàng, còn được gọi là Trận chiến Ushant thứ Ba, là trận đánh hạm đội lớn nhất và là cuộc xung đột đầu tiên giữa Anh và Pháp trong giai đoạn Cách mạng Pháp. 5. Hội Tam điểm: Chính thức được mục sư Anderson thành lập ở Anh quốc năm 1717, ban đầu chỉ gồm những người thợ, những người trong cùng một ngành nghề, nhưng sau mở rộng và có đủ các thành phần xã hội tham gia: từ tiểu thương, học giả, giới bình dân, trí thức đến quý tộc và các quan chức nắm giữ những địa vị cao trong xã hội. Vì vậy, tư tưởng và đường lối rất phức tạp, nhiều biến tướng. 1. Prime Minister tức là Bộ trưởng thứ nhất và thường được gọi là Thủ tướng. 2. Một chức vụ cao trong chính phủ Anh giai đoạn từ giữa thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX, là người chịu trách nhiệm về nguồn tài chính của Hải quân Hoàng gia Anh. Chức vụ này bị bãi bỏ năm 1836. 1. Các cuộc chiến tranh của Napoleon là một loạt các cuộc chiến xảy ra tại châu Âu, dưới thời hoàng đế Napoleon Bonaparte cai trị nước Pháp. Các cuộc chiến này tiếp nối các cuộc chiến do cuộc Cách mạng Pháp phát sinh, kéo dài suốt thời Đệ nhất Đế chế ở Pháp (một chế độ chính trị do Napoleon lập ra). 1. Isle of Dogs (Đảo Chó): Tên gọi này chính thức được dùng vào năm 1588, nguyên là một hòn đảo ở khu Đông London 1. Toma Paine (29/1/1737-8/6/1809): Sinh ở Anh, nhập cư Mỹ trong thời gian nổ ra Cách mạng Hoa Kỳ, là nhà triết học, nhà cách mạng, người theo trường phái chủ nghĩa tự do cổ điển, một nhân vật nổi bật trong Phong trào Khai sáng. Ông ủng hộ sự độc lập của các thuộc địa Mỹ khỏi Đế quốc Anh và là người có ảnh hưởng lớn đến Cách mạng Pháp. 2. Nghệ thuật biếm họa: Một phát kiến của châu Âu có từ thời cổ đại, là thể loại thích hợp nhất cho việc thể hiện các diễn biến văn hóa và chính trị trong một hình thức cô đọng. 3. Sự phân liệt lần thứ hai của đạo Kitô vào đầu thế kỷ XVI dẫn đến sự ra đời của đạo Tin Lành. Cuộc cải cách này gắn liền với tên tuổi hai đại biểu là Martin Luther (1483-1546) và Jean Calvin (1509-1546). Thế kỷ XVI là thế kỷ mở đầu cho các cuộc cách mạng tư sản châu Âu. Martin Luther chịu ảnh hưởng của tư tưởng tự do tư sản, phản kháng lại những quy định khắc nghiệt của Công giáo. Những tư tưởng cải cách đó đã dẫn tới xung đột gay gắt quyết liệt với Tòa thánh Vatican và sự ra đời của đạo Tin Lành. 4. Thuế thập phân: một loại thuế do Giáo hội Thiên Chúa ở Tây Âu thời trung đại đặt và thu của các tín đồ bằng một phần mười sản phẩm hàng năm của trang trại để ủng hộ giáo sĩ và nhà thờ. 5. Royal Exchange ở London: Được Thomas Gresham thành lập năm 1565, hoạt động như một trung tâm giao dịch của thành phố; đến năm 1576, được Elizabeth I chính thức đặt tên này. 6. Gọi tắt là Lloyd's, một bộ phận của Royal Exchange ở London, là khu vực riêng của những người ký nhận trách nhiệm thanh toán các hợp đồng bảo hiểm (nhất là về tàu thủy) và những người môi giới hợp đồng bảo hiểm. 7. Có nguồn gốc từ Đức, mở đầu bởi George Louis – cử tri của Hanover, người lên ngôi vua Vương quốc Anh với tước vị George I năm 1714. Triều đại này được tiếp tục với George II, George III, George IV và kết thúc vào năm 1901, khi William IV qua đời. 1. Nguyên văn: United Provinces, là tên gọi khác của Cộng hòa Hà Lan (1581-1795), nay là Hà Lan. 2. Còn gọi là Hội nghị Quốc gia Pháp (French National Convention), họp từ ngày 20/9/1792 đến ngày 26/10/1795. Cuốn sách đã được Thái Hà Books xuất bản. **HÌNH 12-5** Cookie thứ nhất được đọc bởi vòng lặp. **HÌNH 6-3** Chạy ví dụ với hàm `isNaN()` trong câu điều kiện ghép. **Hình 10-8** Tạo mới và thêm các phần tử bằng vòng lặp `for` và DOM. 1. Key West: Một thành phố nằm ở cực Nam của Hoa Kỳ, còn có tên Mile O, tức là điểm bắt đầu của dặm Anh, tính theo chiều dọc của nước Mỹ. 1. Nhà Ronald McDonald (Ronald McDonald House): Chương trình từ thiện của thương hiệu thức ăn nhanh McDonald's, xây dựng những ngôi nhà gần các bệnh viện để cho trẻ em bị bệnh hiểm nghèo và thân nhân các em ở trong thời gian điều trị tại bệnh viện. Ngôi nhà Ronald McDonald đầu tiên được mở ở Philadelphia năm 1974 và hiện nay trên

thế giới đã có khoảng 200 ngôi nhà như thế. 1. Stevie Wonder (tên thật Stevland Hardaway Judkins, sinh ngày 13 tháng 5 năm 1950, sau đổi tên thành Stevland Hardaway Morris): Ca sĩ, nhạc sĩ, nhà sản xuất âm nhạc và nghệ sĩ chơi đa nhạc cụ người Mỹ. Ông là nghệ sĩ tiêu biểu cho âm nhạc đại chúng Hoa Kỳ nửa sau thế kỷ XX với 22 giải Grammy (nhiều nhất cho một nghệ sĩ solo). Bị mù từ nhỏ, Wonder ký hợp đồng trở thành ca sĩ chuyên nghiệp từ khi mới 11 tuổi. 1. Lourdes: Một thành phố nhỏ thuộc miền Nam nước Pháp, gần biên giới Pháp - Tây Ban Nha. 1. Puerto Vallarta: Một thành phố nổi tiếng về du lịch của Mexico, trải dài theo vịnh Banderas bên bờ Thái Bình Dương. này sang ngày khác. Quốc gia khởi nghiệp – Câu chuyện về nền kinh tế thần kỳ của Israel (tác giả: Saul Singer và Dan Senor) giới thiệu bức tranh toàn cảnh về những gì dân tộc Do Thái đã làm để nuôi dưỡng và vun đắp cho các doanh nhân khởi nghiệp, thông qua việc thu hút dòng tiền từ các nhà đầu tư mạo hiểm của phương Tây. Bản tiếng Việt đã được Công ty Cổ phần Sách Alpha (AlphaBooks) xuất bản và tái bản nhiều lần. IPL là một dự án giáo dục phi chính phủ, phi lợi nhuận và phi tôn giáo do các doanh nhân, trí thức tâm huyết và Trường Doanh Nhân PACE phối hợp sáng lập, triển khai thực hiện từ năm 2007. Jack Ma (Mã Vân, sinh ngày 10/9/1964) là tỷ phú, doanh nhân thương mại điện tử người Trung Quốc. Ông là nhà sáng lập và là Chủ tịch điều hành Tập đoàn Alibaba. Ông cũng là doanh nhân Trung Quốc đại lục đầu tiên xuất hiện trên trang bìa của Forbes. 1. Diệp U Đàm: phiên âm tiếng Trung là Ye You Tan. 2. Đại phong cầm: loại đàn organ lớn với hệ thống nhiều ống sáo không lồ liên kết với đàn, thường chỉ sử dụng trong nhà thờ. 3. Mượn ý thơ của Lý Bạch. Ý muốn miêu tả lúc này là thời điểm đẹp nhất, hưng vượng nhất của mùa xuân, nhưng thời khắc tươi đẹp này cũng ngắn ngủi như hoa khói, nó chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian rất ngắn. 4. Chữ 色 (sắc): trên chữ này chính là chữ “dao” 刀, nghĩa là con dao. (*) SUV: Kiểu xe thể thao đa chức năng, được thiết kế để có thể vượt qua những địa hình xấu. (1) Trường phái ấn tượng: Một trào lưu nghệ thuật bắt đầu tại Paris vào cuối thế kỷ 19, đánh dấu một bước tiến quan trọng của hội họa. Cái tên 'ấn tượng' do các nhà phê bình gọi theo một bức tranh nổi tiếng của Claude Monet: Impression soleil levant (Ấn tượng mặt trời mọc). (2) Hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System - GPS): Là hệ thống xác định vị trí dựa trên vị trí của các vệ tinh nhân tạo. Trong cùng một thời điểm, ở một vị trí trên mặt đất nếu xác định được khoảng cách đến ba vệ tinh (tối thiểu) thì sẽ tính được tọa độ của vị trí đó. Hệ thống định vị toàn cầu của Mỹ là hệ dẫn đường dựa trên một mạng lưới 24 vệ tinh được Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đặt trên quỹ đạo không gian. (4) DJ: Viết tắt của Disc Jockey, có nghĩa là người chỉnh nhạc trên đài phát thanh, trong vũ trường hay quán bar. Với các thiết bị và kỹ năng phối trộn biến hóa, DJ ráp nhíp một cách tài tình các loại nhạc tạo thành mạch giai điệu đặc biệt sáng tạo. (5) Home run: Thuật ngữ dùng trong môn bóng chày, chỉ cú đánh cho phép người đánh chạy quanh sân ghi một lúc nhiều điểm mà không phải dừng lại. (6) Steve Jobs: Giám đốc điều hành của hãng máy tính Apple, hãng đi đầu trong ngành công nghiệp máy tính ở Mỹ với hàng loạt các sáng chế như hệ điều hành OSX, máy tính và sổ tay điện tử MAC, bàn phím. Hãng đã bán ra hơn 50 triệu máy nghe nhạc cầm tay Ipod trên toàn thế giới. Đây là một sản phẩm cách mạng trong kỷ nguyên âm nhạc kỹ thuật số. (7) Vince Lombardi: Huấn luyện viên bóng bầu dục huyền thoại trong các giải vô địch quốc gia Mỹ thế kỷ 20. Ông đã dẫn dắt đội Green Bay Packers đăng quang ngôi vô địch thế giới. (8) Tiger Woods: sinh năm 1975, là vận động viên đánh golf chuyên nghiệp số 1 thế giới người Mỹ. Với danh hiệu này, Woods trở thành tay golf chuyên nghiệp có mức thu nhập cao nhất thế giới (năm 2005 là 87 triệu đô-la). (3) Robert Frost (1874-1963) là nhà thơ nổi tiếng người Mỹ, được xem là một trong những nhà thơ sáng tác về đề tài thôn quê hay nhất trong thế kỷ 20. Ông đã bốn lần đoạt giải Pulitzer, từng được đề cử giải Nobel văn học năm 1953 và nhận được nhiều giải thưởng vinh dự và cao quý khác trong sự nghiệp thơ ca của mình. 3. Thuật ngữ Moat do Warren Buffett sáng tạo ra, ngụ ý một công ty có lợi thế cạnh tranh và tạo ra “hàng rào” ngăn cản sự cạnh tranh của các công ty khác. 1. Ở Việt Nam lãi suất trái phiếu chính phủ trung bình khoảng

8%/năm. 2 Nơi có sản giao dịch chứng khoán New York. Hình tượng rắn trên chùa Thái. Khổ. Vùng đầm lầy. Tượng. Cúng cơm. Loại bánh mì dẹt tròn. Núi. Hình tròn mang tính biểu tượng cao quý dùng làm đôi tượng thiên trong Phật giáo Đại thừa. Tranh vẽ tượng, đề tài tôn giáo. Hiện thân, hóa thân. Phật thiền. Bơ lọc dùng làm dầu ăn. Cây chùy biểu tượng. Một loại rượu ở Nepal, Tây Tạng. Dạ xoa. Thuốc lá làm từ lá thuốc non và đốt gai dầu. Chùa, tu viện ở Tây Tạng. Hoàng phái, phái mũ vàng. Nghĩa là bạn đạo, là một học vị Phật giáo Tây Tạng dành cho tăng ni. Ấn. Ni sư. Chất gây ảo giác, ma túy. Niết Bàn. Hành vi lễ bái hay tụng niệm. Pháp, phận sự. Binh sĩ Nepal trong quân đội Anh hoặc Ấn. Người Anh (1570-1606) thành viên nhóm tín đồ Công giáo có âm mưu ám sát vua James I của Anh. Khu vực ở đông nam Bangladesh và biên giới Ấn Độ với Miến Điện, là một quận của Bangladesh, cho đến năm 1984 thì bị chia thành ba quận. Trong thập niên 1970 và 1980, cư dân các bộ tộc này đã chống lại những cố gắng của chính phủ nhằm đưa dân Bengal đến đây sinh sống. (N.D) Vải dẹt tay. Tiền trà nước. Vâng, được. Biên nhận. Thiên minh sát Xá, hai tay chấp lại để tỏ ý cung kính. Tiếng Latin, nghĩa là chất liệu Ấn Độ. Y học Ấn Độ cổ đại, trị bệnh bằng thảo mộc, yoga, chế độ ăn. Chư thiên Diện kiến với đạo sư. Áo cà sa khoác bên ngoài. Một trong những đường chính dài nhất và xưa nhất châu Á, nối vùng đông và tây tiểu lục địa Ấn và nối Nam Á với Trung Á. Áo ảnh. Một dạng bánh mì của Ấn Độ. Rau xào. Đậu lăng. Kỳ an cư mùa mưa. Nhà nghỉ. Bánh mì dẹt chiên trong bơ loãng. Enthusiasm, từ tiếng Hy Lạp enthousiasmos. Pháp Tánh Ngũ Kinh, “Chương 1,” 6. [ITP18.] Tên một loại đá biến chất, đá phiến. Ống điều. Cây gai dầu. Như cái chén nhỏ xíu để uống trà. Ghat: bậc thềm dẫn xuống sông Hằng. Giovanni Antonio Canal (17/10/1697 - 19/4/1768), họa sĩ Ý chuyên vẽ phong cảnh Venice. Joseph Mallord William Turner (23/4/1775 - 19/12/1851), họa sĩ người Anh, vẽ tranh phong cảnh thuộc trường phái lãng mạn. Paul Jackson Pollock (28/1/1912 - 11/8/1956), họa sĩ nổi tiếng người Mỹ, là một gương mặt quan trọng trong trào lưu chủ nghĩa biểu hiện trừu tượng. Pieter Bruegel il Vecchio (1525 - 9/9/1569), họa sĩ Hà Lan. Điệu nhảy siêu phàm của thần Shiva. Biểu tượng sừng bái hình dương vật. Trống vỗ bằng tay. Bánh mì dẹt chiên phồng lên. Một dạng kẹo.

1. Ta là chúa tể của thế giới.
2. Hai câu thơ nằm trong bài thơ Hai mươi hai vần dâng tặng quan tả thừa họ Vi của Đỗ Phủ.
3. Trong Tứ tiểu Thiên hậu của dòng văn học lãng mạn hiện đại do độc giả Trung Quốc bình chọn, Phi Ngã Tư Tồn được mệnh danh là Thiên hậu bi tình, bởi lẽ bi kịch đường như đã trở thành dấu ấn riêng của chị.
4. Cô chiêu: trong “cậu ấm, cô chiêu”, con cái trong những gia đình giàu có, được nuông chiều.
5. Hành cung: cung điện cho vua ở tạm khi ra khỏi hoàng thành ở kinh đô.
6. Tianya: một trong những diễn đàn trực tuyến được yêu thích nhất tại Trung Quốc.

1. Shizuka: một nhân vật phụ trong bộ truyện tranh Hana Yori Dango (Boys Over Flowers) của Nhật.
1. Câu chuyện về người nông dân và con rắn độc là một câu chuyện thuộc tuyển tập Những câu chuyện ngụ ngôn của Aesop.
1. Củ dền: có tên khác là củ cải đường, được trồng nhiều ở vùng Bắc Mỹ, Trung Mỹ và Anh Quốc.
2. Two-tone: hai tông màu.
1. Mỗi một loài hoa đều mang những thông điệp riêng, dạ lan có nhiều màu, nhiều thông điệp. Màu tím của dạ lan tượng trưng cho nỗi buồn và nói thay lời xin lỗi: “Hãy tha thứ cho anh.”
1. Căn cứ theo thủ pháp vẽ, tranh Trung Quốc có thể chia thành tranh vẽ chi tiết và tranh tả ý.
2. Cá Napoleon: còn gọi cá hàng chài đầu to, được phát hiện ở các vùng nước Indonesia và Phillipines, rất được ưa chuộng ở Trung Quốc.
1. Olympiad: giải thi đấu mang tính quốc tế, đề thi thường rất khó, được chia làm nhiều lĩnh vực: Toán, Lý, Hóa, Thể dục thể thao, Cờ vua...
2. Ôi, Romeo, Romeo! Sao chàng lại là Romeo chứ?
1. GMAT: viết tắt của Graduate Management Admission Test, là tiêu chuẩn đánh giá được phân phát bằng tiếng Anh, giúp cho các trường thương mại đánh giá khả năng của những người nộp đơn xin học thương mại và quản trị cấp cao.
2. Trần Viên Viên: một danh kỹ ở miền Giang Nam thời Minh mạt - Thanh sơ, là một trong những nhân vật dẫn đến sự sụp đổ của nhà Minh.
3. Một câu thơ trích trong bài Viên Viên khúc của Ngô Vĩ Nghiệp, Nguyễn Thị Bích Hải dịch.
4. Một loại rượu bình dân của Trung Quốc, nấu từ hạt ngũ cốc.
1. Sơn tra: còn có

tên là cây chua chát, cây gan hay táo mèo, được dùng làm thuốc ở cả phương Đông và phương Tây hàng chục thế kỷ qua. Hiện nó được dùng rộng rãi tại nhiều nước châu Âu để trị bệnh tim mạch. Còn ở Việt Nam, Trung Quốc, sơn tra là thuốc chữa các chứng về đường tiêu hóa.

1. ICU: viết tắt của cụm từ Intensive Care Unit, khu chăm sóc đặc biệt, khoa hồi sức tích cực.
2. Theo quan niệm của người Đài Loan, sau khi tai qua nạn khỏi nên ăn mì móng giò để xua đuổi vận đen. Còn theo dân gian Trung Quốc lưu truyền bấy lâu nay, lá bưởi có thể mang lại may mắn, xua đuổi tà ma và những điều xấu.

1. Hồng lâu Nhị Vưu: chỉ Vưu Nhị thư và Vưu Tam thư, hai nhân vật trong Hồng lâu mộng. Cả hai đều là những cô gái sắc nước hương trời.
2. Rukawa Kaede: một trong những nhân vật chính trong bộ truyện tranh Slam Dunk của Nhật.
3. Trương Vô Kỵ: nhân vật nam chính trong bộ tiểu thuyết Y thiên Đồ long ký của nhà văn Kim Dung.
4. Quang Minh đỉnh: sào huyệt của Ma giáo mà Trương Vô Kỵ đã lần mò theo một ông hòa thượng leo lên.
5. Lầu Dật Phu là công trình kiến trúc được đặt theo tên của nhà tài trợ Thiệu Dật Phu. Thiệu Dật Phu được biết đến như một “ông trùm” của làng giải trí Hoa ngữ. Kể từ năm 1985, ông đã quyên tiền xây dựng nhiều công trình kiến trúc phục vụ cho khoa học giáo dục tại Đại lục, các công trình này thường được đặt theo tên của ông.
6. Hoa dạ hợp: hay còn gọi là hoa mộc lan Trung Hoa, có màu trắng hoặc phớt hồng.

1. Diêu Minh: ngôi sao bóng rổ thành công ở Mỹ và được cả Trung Quốc biết đến.
2. Minh Tường: vận động viên điền kinh đầu tiên của Trung Quốc từng giành ba danh hiệu: kỷ lục gia thế giới, vô địch thế giới và vô địch Olympic.
3. Vận động Ngũ tứ (hay còn gọi là Phong trào Ngũ tứ): một phong trào đấu tranh rộng lớn của sinh viên, học sinh, công nhân, thị dân, trí thức Trung Quốc, vì nổ ra đúng vào ngày 4 tháng 5 năm 1919 nên được gọi là phong trào Ngũ tứ.
4. Uống rượu độc chữa khát: ví vớ giải quyết khó khăn trước mắt mà không tính đến hậu quả về sau.

1. Chúc Doãn Minh (1460-1526): tên chữ là Hy Triết, hiệu Chi Sơn, là một thư pháp gia kiệt xuất đứng đầu Thư phái vùng Ngô trung, mọi người nhận định ông là thư pháp gia đệ nhất triều Minh.
2. Phê đấu: một thuật ngữ phổ biến trong thời kỳ “đại cách mạng văn hóa của Trung Quốc”, viết tắt của “phê phán” và “đấu tranh”.
3. Hai câu thơ trích trong Thấm viên xuân - Trường Sa của Mao Trạch Đông.
4. Diệc Thư: tên đầy đủ là Nghệ Diệc Thư, sinh năm 1946 tại Thượng Hải, là em gái của tác gia nổi tiếng Nghệ Khuông, cùng với Kim Dung và anh trai được xem là “tam đại kỳ tích” của giới văn đàn Hương Cảng.

1. Morphine: một loại thuốc giảm đau gây nghiện.
1. Em Lâm: chỉ Lâm Đại Ngọc, một trong ba nhân vật chính trong tiểu thuyết Hồng lâu mộng.
2. Squash: môn thể thao giống tennis, nhưng chơi trong phòng kín, vợt ngắn hơn và bóng cũng nhẹ hơn. Người chơi đánh bóng vào vách tường có gạch mức để làm chuẩn tính điểm, có thể chơi một mình.

1. Câu thơ trích trong bài thơ Thái tang tử của Tân Khí Tật, bản dịch của Nguyễn Chí Viễn.
2. Từ thời La Mã, người ta vẫn cho rằng đà điều ngốc nghếch đến nỗi chúng đối phó với hiểm nguy bằng cách giấu đầu trong cát. Hình ảnh này cũng trở thành ẩn dụ cho những ai trốn tránh thực tế, giống như đứa trẻ bịt tai lại và la toáng lên: “Tôi không nghe thấy gì cả”.

3. “Đồng Tuyết” phát âm gần giống với từ “bạn học”; 同学(tóngxué/bạn) và 童雪(tóng xuě/Đồng Tuyết).

1. Kaixin: một trong những trang mạng xã hội phổ biến ở Trung Quốc.
2. JP: viết tắt của từ 极品(jipin) theo nghĩa tiêu cực tức là: người tệ hại không ai chịu nổi.

1. Alibaba Group là tập đoàn thương mại điện tử lớn nhất Trung Quốc, sở hữu công ty Alibaba.com và đồng thời sở hữu Taobao, Alipay, China Yahoo...
2. Taobao là một trong bốn hệ thống mua bán trực tuyến lớn nhất tại Trung Quốc.
3. Tencent: công ty cung cấp dịch vụ tin nhắn QQ cùng nhiều dịch vụ trực tuyến khác, rất phổ biến tại Trung Quốc.
4. Mã Hóa Đằng: chủ tịch kiêm tổng giám đốc điều hành Tencent.
5. Mã Vân: người sáng lập và là tổng giám đốc tập đoàn Thương mại điện tử khổng lồ Alibaba. Khái Đạt từ năm 2005 bắt đầu cung ứng hộp bọc ngoài iPod cho Apple.

Macintosh (hay Mac): Là một dòng sản phẩm máy tính cá nhân được thiết kế, phát triển và đưa ra thị trường bởi tập đoàn Apple.

C2C (Consumer-to-Consumer): Là hình thức thương mại điện tử giữa những người tiêu dùng với nhau.

Kỉ nguyên hậu PC: The Post-PC era

Cây gậy và củ cà rốt (carrot and stick): Là khái niệm được dùng để chỉ một hành

động đồng thời khuyến khích điều tốt (củ cà rốt) và trừng phạt điều xấu (cây gậy). Đây là một chính sách ngoại giao trong quan hệ quốc tế, thường được các nước lớn mạnh sử dụng nhằm thay đổi hành vi của các nước nhỏ hơn. “Cây gậy” tượng trưng cho sự đe dọa trừng phạt, còn “củ cà rốt” tượng trưng cho quyền lợi hay phần thưởng. Bong bóng Dot-com: ý nói những trang web của các công ty trên mạng lưới toàn cầu với tên miền là .com, là một bong bóng thị trường cổ phiếu khi các cổ phiếu của các công ty công nghệ cao, nhất là các công ty mạng được đầu cơ. Bong bóng này được sinh ra vào ngày 9/8/1995 – khi Netscape Communications bắt đầu niêm yết cổ phiếu của mình và vỡ vào ngày 10/3/2000 – khi chỉ số tổng hợp NASDAQ đạt đỉnh cao nhất. Bong bóng Dot-com đã góp phần cùng các nhân tố khác tạo nên sự thịnh vượng kinh tế của Mỹ cuối thập niên 1990 – thời kì mà nhiều người gọi là “Nền Kinh tế Mới”, còn Alan Greenspan gọi là “sự thịnh vượng bất thường”. Personal Digital Assistant: Thiết bị kĩ thuật số hỗ trợ cá nhân Tên một nhân vật trong truyện cho thiếu nhi có tên là Struwwelpeter. Rapid eye movements (chuyển động mắt nhanh) để chỉ một giấc ngủ sâu, trái ngược với NREM - giấc ngủ không sâu. Quasimodo: Anh gù trong tiểu thuyết Nhà thờ Đức Bà Paris, còn được biết đến với tên “Thằng gù ở nhà thờ Đức Bà”. Hai nữ minh tinh nổi tiếng của thập niên 80, 90 thế kỷ trước. Hai người phụ nữ được biết đến với gương mặt không mấy xinh đẹp. Nê và Nghê là hai từ đồng âm. Nam uống hoócmon và chuyển đổi giới tính thành nữ. “Ăn dấm” còn có nghĩa bóng là “ghen”. “Trường hận ca” của Bạch Cư Dị.

Table of Contents

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

Lời mở đầu

CHƯƠNG 1. Con đường đến với quyền lực

CON TRAI BÁ TƯỚNG CHATHAM VĨ ĐẠI

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH ANH TRONG NỘI CÁC CỦA SHELBURNE

NHỮNG KẺ ĐỒNG MUU VỚI THURLOW VÀ TEMPLE

BỘ TRƯỞNG CỦA VUA ANH

CHƯƠNG 2. Pitt và Vua Anh

LIÊN MINH CỦA CÁC PHE ĐỐI LẬP

ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO

QUYỀN BỔ NHIỆM VÀ ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ

NHỮNG SỰ VỤ TRONG NỘI BỘ HOÀNG GIA

CHƯƠNG 3. Thủ tướng Pitt

MỘT BỘ TRƯỞNG CÓ THỂ LỰC TRONG NỘI CÁC LIÊN MINH

THOÁT KHỎI SỰ KIỂM CHẾ CỦA NỘI CÁC

GIỮ VỮNG ĐƯỢC CHỨC THỦ TƯỚNG: PITT ĐỐI MẶT VỚI THURLOW

LIÊN MINH VÀ CHÍNH SÁCH NGĂN CHẶN CỦA ĐẢNG WHIG DO PORTLAND

LÃNH ĐẠO

ĐỈNH ĐIỂM CỦA CHẾ ĐỘ THỦ TƯỚNG PITT

CHƯƠNG 4. “Tham vọng cuộc đời tôi”: Pitt và công việc chính phủ

NIỀM ĐAM MÊ CHỦ ĐẠO

CHỈ ĐẠO PHỤC HỒI NỀN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC

NGƯỜI MANG TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH HAY NGƯỜI BẮT BUỘC PHẢI CẢI TIẾN?

NHỮNG HẠN CHẾ CÁ NHÂN CỦA PITT – CON NGƯỜI VÌ CÔNG VIỆC

BƯỚC THAY ĐỔI CỦA TIẾN TRÌNH CẢI TỐ

CHƯƠNG 5. Pitt và Viên Bình dân

“TÔI MUỐN DIỄN THUYẾT TRƯỚC VIÊN BÌNH DÂN”

NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT QUẢN LÝ NGHỊ VIỆN

NHỮNG NÉT MỚI VÀ CŨ TRONG PHONG CÁCH QUẢN LÝ CỦA PITT

KIỂM SOÁT HỆ THỐNG ỦY BAN – VẤN ĐỀ THEN CHỐT

TRƯỞNG THÀNH SAU THẤT BẠI VÀ MẠNH MẼ SAU MỖI LẦN THẤT VỌNG

CHƯƠNG 6. “Ấn tượng và tình cảm của dân chúng đối với phe của Pitt”: Pitt và nhân dân

SỨC HẤP DẪN ĐỐI VỚI DÂN CHÚNG

UY TÍN CỦA PITT

KÊU GỌI DÂN CHÚNG THAM GIA HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM ĐÚNG ĐẮN

SỰ CÂN BẰNG GIỮA LUẬT PHÁP VÀ TỰ DO

KÊU GỌI LÒNG TRUNG THÀNH

THẤU HIỂU “CON NGƯỜI ANH”

CHƯƠNG 7. Pitt và các cường quốc châu Âu

QUÁ THIỂU KINH NGHIỆM TRONG VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ NGOẠI GIAO

MƯỜI ĐỒ CỦA PITT
NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ CUỘC CHIẾN VỚI PHÁP
PITT VỚI TƯ CÁCH LÀ BỘ TRƯỞNG CHIẾN TRANH
THEO ĐUỔI ĐỀ ĐẠT ĐƯỢC KHỎI ĐỒNG MINH HÙNG MẠNH

CHƯƠNG 8. Pitt mất dần quyền lực

NHỮNG NGHI NGỜ VỀ KHẢ NĂNG CỦA MỘT CON NGƯỜI LÀM TẤT CẢ NHỮNG
GÌ MÌNH MUỐN

VẤN ĐỀ CÔNG GIÁO VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA NỘI CÁC

PITT RỜI KHỎI CƯỜNG VỊ

CHIẾN THẮNG KHÔNG HOÀN HẢO CỦA NĂM 1804

QUÁ MUỘN ĐỂ THỰC HIỆN BẤT CỨ ĐIỀU GÌ: BỊ KỊCH CỦA NĂM 1805

BẢNG NIÊN ĐẠI